

LƯU ĐỨC HẠNH - LƯU TUYẾT HIỀN
HOÀNG THỊ MAI - LÊ NHƯ BÌNH

Tổ hợp đề ôn tập

NGỮ VĂN

TRUNG HỌC CƠ SỞ

& Thi vào lớp 10



* Tài liệu dành cho học sinh khối 9 tự ôn tập, kiểm tra và luyện thi vào lớp 10 các trường THPT công lập, trường THPT chuyên



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LƯU ĐỨC HẠNH - LƯU TUYẾT HIÊN
Cộng tác: HOÀNG THỊ MAI - LÊ NHƯ BÌNH

TỔ HỢP ĐỀ ÔN TẬP
NGŨ VĂN
TRUNG HỌC CƠ SỞ
&
THI VÀO LỚP 10

* Tài liệu dành cho học sinh khối 9 tự ôn tập, kiểm tra và luyện thi vào lớp 10 các trường công lập, trường THPT chuyên

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Chịu trách nhiệm xuất bản:



Giám đốc PHÙNG QUỐC BẢO
Tổng biên tập PHAM THÀNH HÙNG

Biên tập nội dung
NGUYỄN THUY HẠNG

Sửa bản in
THU TRANG
Trình bày bìa
KỲ SƠN

TỔ HỢP ĐỀ THI NGỮ VĂN THCS VÀ LUYỆN THI VÀO LỚP 10

Mã số: 2L - 62 - ĐH2006

In 2.000 cuốn, khổ 16x24 cm tại Công ty cổ phần in Tân Bình.

Số xuất bản: 301 - 2006/CXB/3-54/ĐHQG HN, ngày 25/04/2006.

Quyết định xuất bản số: 134/KH/XB

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2006

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

*Các em đang có trên tay cuốn: **Tổ hợp đề thi Ngữ văn THCS và luyện thi vào lớp 10**. Sách được biên soạn theo chương trình và SGK mới giúp các em tự học, tự ôn tập, kiểm tra các kiến thức đã học để chuẩn bị cho kì thi tuyển sinh vào lớp 10 sắp đến.*

*Các em sẽ tìm thấy ở đây các kiến thức cần thiết để ôn luyện, nắm vững những trọng tâm của chương trình Ngữ văn THCS. Nội dung sách được cấu tạo thành hệ thống đề ở hai dạng **trắc nghiệm** và **tự luận**. Nếu thực hiện tốt hệ thống đề này chắc chắn các em sẽ đạt được những đơn vị kiến thức và kĩ năng cơ bản của chương trình cấp học bao gồm:*

- Kiến thức cơ bản; downloadsachmienphi.com
- Phương pháp và kĩ năng làm bài;
- Trình bày, diễn đạt và kiểm tra, bài thi.

Hi vọng rằng cuốn sách này sẽ góp phần thiết thực giúp các em học sinh lớp 9 trong việc học tốt môn Ngữ văn và hoàn thành tốt các kì thi vào lớp 10 công lập, vào các lớp chuyên...

Do điều kiện thời gian biên soạn có hạn chế, cuốn sách có thể còn những khiếm khuyết, chúng tôi rất mong nhận được những góp ý xây dựng để trong lần tái bản sau sách sẽ hoàn thiện hơn.

Mọi thư từ góp ý xin liên hệ về: alphabookcenter@yahoo.com

Xin chân thành cảm ơn!

PHẦN I - CÁC ĐỀ TRẮC NGHIỆM

ĐỀ 1

Bài tập 1

Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời đúng:

1. Thanh Tịnh tên thật là:
A. Nguyễn Sen B. Trần Văn Ninh C. Phạm Hồ
2. Thanh Tịnh quê ở:
A. Xóm Gia Lạc, ven sông Hương, ngoại ô thành phố Huế
B. Gia Lâm, Hà Nội
C. Thanh Chương, Nghệ An
3. Thanh Tịnh sáng tác văn học từ:
A. Trước Cách mạng tháng Tám
B. Trong kháng chiến chống Pháp
C. Trong kháng chiến chống Mĩ
4. Các tác phẩm của Thanh Tịnh thường có đặc điểm chung:
A. Sinh động, hóm hỉnh
B. Vui tươi, nhẹ nhàng
C. Mộc mạc, giản dị
D. Trong trẻo, nhẹ nhàng, giàu chất trữ tình
5. Tác phẩm *Tôi đi học* thuộc phương thức biểu đạt:
A. Biểu cảm B. Tự sự
C. Miêu tả D. Tự sự kết hợp với biểu cảm
E. Tự sự kết hợp với nghị luận
6. Ngôi kể chủ yếu được sử dụng trong tác phẩm *Tôi đi học*:
A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai
C. Ngôi thứ ba D. Kết hợp ngôi kể thứ nhất và ngôi thứ ba
7. Ngôi kể mà tác giả sử dụng rất hợp lí vì:
A. Ngôi kể làm tăng tính khách quan cho tác phẩm
B. Ngôi kể làm cho câu chuyện thêm li kì hấp dẫn
C. Ngôi kể phù hợp với nội dung và chủ đề câu chuyện.

Bài tập 2

Cho đoạn trích:

Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường.

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi trên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đi đến trường, lòng tôi lại tưng bừng rộn rã. Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã

quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.

Đọc kĩ đoạn văn, khoanh tròn chữ cái đầu ý trả lời đúng.

- Đoạn văn có nhịp điệu:
 - Nhanh, mạnh, dồn dập
 - Khi nhanh, mạnh, khi chậm rãi, khoan thai.
 - Đều đều, chậm rãi, ngân nga.
- Nhịp điệu của đoạn văn phù hợp với việc:
 - Miêu tả những kỉ niệm đang ồ ạt đổ về trong tâm hồn tác giả.
 - Diễn tả trạng thái miên man của kí ức.
 - Diễn tả trạng thái khi sôi nổi lúc trầm lắng của tác giả.
- Trong các từ sau đây, từ nào không phải là từ láy:
 - Bàng bạc
 - Náo nức
 - Mơ man
 - Nảy nở
 - Rụt rè
 - Tưng bừng
 - Rộn rã
- Trong bảy từ cho trên, những từ nào cùng thuộc phạm vi nghĩa biểu thị trạng thái tâm lí, tình cảm:

Bài tập 3

Cho đoạn văn:

Tôi cảm thấy sau lưng tôi có một bàn tay dịu dàng đẩy tôi tới trước. Nhưng người tôi lúc ấy tự nhiên thấy nặng nề một cách lạ. Không giữ được chéo áo hay cánh tay người thân, vài ba cậu đã từ từ bước lên đứng dưới hiên lớp. Các cậu lưng lẻo nhìn ra sân, nơi mà những người thân đang nhìn các cậu với cặp mắt lưu luyến. Một cậu đứng đầu ôm mặt khóc. Tôi bất giác quay lưng lại rồi dúi đầu vào lòng mẹ tôi nức nở khóc theo. Tôi nghe sau lưng tôi, trong đám học trò mới, vài tiếng thút thít đang ngập ngừng trong cổ. Một bàn tay quen nhẹ vuốt mái tóc tôi.

Khoanh tròn chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất.

- Đoạn văn trên kể nội dung gì?
 - Tâm trạng e sợ, bối rối khi phải bỏ bàn tay mẹ để xếp hàng vào lớp của các cậu học sinh lần đầu đến trường đi học.
 - Tâm trạng hồi hộp của các cậu học sinh khi lần đầu tiên bước chân vào cổng trường.
 - Sự lưu luyến của các cậu bé khi lần đầu tiên phải xa mẹ, xa nhà.
- Sự việc trong đoạn văn diễn ra trong quá khứ, tại sao tác giả có thể kể lại một cách cụ thể, sinh động như vậy?
 - Vì nhà trường có ý nghĩa lớn lao trong cuộc đời mỗi con người
 - Vì tác giả là người rất thích đi học.
 - Vì kỉ niệm đó in sâu trong tâm trí nên khi tác giả nhớ lại, mọi việc như vừa mới diễn ra.

Bài tập 4

Đọc đoạn văn ở bài tập 3 và thực hiện các yêu cầu sau:

1. Liệt kê các danh từ có cùng một phạm vi nghĩa chỉ cơ thể con người trong đoạn văn trên.

2. Tìm ba từ có cùng phạm vi nghĩa trong đoạn văn trên.

3. Trong ba từ đó, từ nào có nghĩa rộng từ nào có nghĩa hẹp?

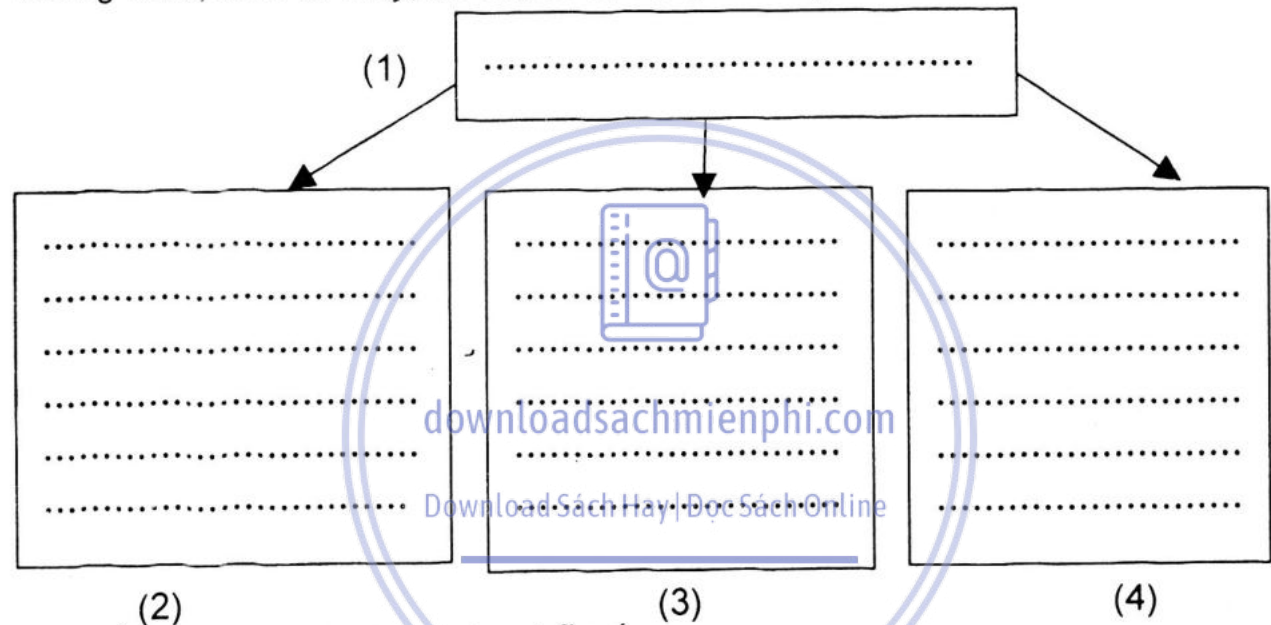
A. Từ có nghĩa rộng:

B. Từ có nghĩa hẹp:

Bài tập 5

1. Điền các từ sau đây vào sơ đồ biểu thị phạm vi nghĩa của chúng:

Xe, xe đạp, ô tô, xích lô, xe đạp mi ni, xe đạp Phượng hoàng, xe đạp Thống nhất, xích lô máy, xe tải, xe khách, xe máy.



2. Điền các từ thích hợp vào chỗ trống.

A. Một từ ngữ được coi là có nghĩa rộng khi phạm vi nghĩa của từ ngữ đó phạm vi nghĩa của một số từ ngữ khác.

B. Một từ ngữ được coi là có nghĩa hẹp khi phạm vi nghĩa của từ ngữ đó trong phạm vi nghĩa của một từ ngữ khác.

Bài tập 6

Tìm chủ đề và phân tích tính thống nhất về chủ đề của văn bản *Tôi đi học* bằng cách khoanh tròn chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

1. Chủ đề của văn bản *Tôi đi học* là:

A. Kỷ niệm sâu sắc về tuổi học trò của tác giả Thanh Tịnh.

B. Vai trò của nhà trường trong cuộc đời mỗi con người.

C. Dòng cảm nghĩ thiết tha, sâu lắng của Thanh Tịnh khi nhớ lại ngày đầu tiên đi học.

2. Tính thống nhất về chủ đề của văn bản *Tôi đi học* thể hiện ở:

A. Mỗi phần, mỗi câu trong văn bản cùng nói đến một đối tượng: Kỷ niệm ngày đầu tiên tác giả đi học và cảm nghĩ của tác giả về ngày đó.

- B. Văn bản có kết cấu chặt chẽ, kỉ niệm được kể theo trình tự thời gian hợp lí.
- C. Cả hai ý trên.
3. Một bạn dự định viết một số ý sau trong bài văn chứng minh luận điểm "Con người cần làm gì để bảo vệ rừng?":
- A. Cần khai thác rừng có kế hoạch
- B. Chống đốt phá rừng.
- C. Rừng là bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp, hùng vĩ, giúp tâm hồn con người thanh thản và đẹp hơn lên.
- D. Trồng cây gây rừng.
- E. Rừng cung cấp hàng trăm loại gỗ quý phục vụ cho đời sống con người.
- Ý nào trong các ý trên có khả năng làm cho bài viết *không đảm bảo* tính thống nhất về chủ đề?
4. Đối với một văn bản viết (nói), yêu cầu nào trong các yêu cầu sau đây là quan trọng nhất?
- A. Diễn đạt trôi chảy, truyền cảm và giàu hình ảnh.
- B. Ý phong phú.
- C. Có chủ đề và đảm bảo tính thống nhất về chủ đề.

ĐỀ 2

Bài tập 1

Khoanh tròn chữ cái đặt trước những thông tin đúng về nhà văn Nguyên Hồng và tác phẩm *Những ngày thơ ấu* trong các câu sau đây:

1. Năm sinh - năm mất của nhà văn:
- A. 1911 - 1988 B. 1918 - 1982 C. 1918 - 1983 D. 1893 - 1954
2. Nguyên Hồng quê ở:
- A. Nam Định B. Hải Phòng C. Nghệ An D. Bắc Giang
3. Những nhận xét nào sau đây đúng với nhà văn Nguyên Hồng?
- A. Nhà văn của phụ nữ và trẻ em.
- B. Nhà văn của những người nông dân bị áp bức
- C. Nhà văn của trí thức nghèo.
- D. Nhà văn của những người cùng khổ.
4. Nhận xét nào sau đây đúng với tình cảm của nhà văn Nguyên Hồng thể hiện qua những trang văn?
- A. Một tình cảm nhân đạo thống thiết.
- B. Tình cảm có sự dẫn dắt của lí trí tỉnh táo.
- C. Tình cảm mơ hồ.
5. Nhận xét nào sau đây đúng với tác phẩm *Những ngày thơ ấu*?
- A. Đó là tác phẩm tự truyện.
- B. Đó là tiểu thuyết hư cấu dựa trên nguyên mẫu là chính cuộc đời tác giả.
- C. Đó là tiểu thuyết hư cấu hoàn toàn.

Bài tập 2

Tìm hiểu đoạn trích *Trong lòng mẹ* và thực hiện các yêu cầu sau bằng cách khoanh tròn chữ cái đặt trước ý lựa chọn.

1. Phải hiểu những câu người cô nói với bé Hồng như thế nào?

"- Hồng! Mà có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mà không?... Vào mà bắt mẹ mà may vá sắm sửa cho và thăm em bé chứ".

- A. Người cô khuyên bé Hồng nên đi thăm mẹ và em bé ở Thanh Hoá.
- B. Người cô thông báo cho bé Hồng biết mẹ em có em bé và có nhiều tiền, có thể may sắm quần áo mới cho em.
- C. Người cô đay nghiến, mỉa mai: Mẹ mà là đồ chẳng ra gì, chưa đoạn tang chồng đã có con với người khác. Bây giờ mẹ mà chẳng quan tâm gì đến anh em chúng mày đâu.

2. Người cô ngân dài hai tiếng "em bé" thật ngọt, thật rõ nhằm mục đích gì?

- A. Nhằm mỉa mai, chì chiết mẹ bé Hồng vì mẹ em đã có con với người khác.
- B. Nhằm đánh vào tâm lí ích kỉ thông thường của trẻ con để từ đó bé Hồng trở nên oán ghét mẹ.
- C. Cả hai ý trên.

3. Cô của bé Hồng là người có tính cách như thế nào?

- A. Giả dối, độc ác.
- B. Ích kỉ, hẹp hòi, cay nghiệt.
- C. Cả hai ý trên.

4. Nguyên nhân chủ yếu nào tạo ra tính cách của người cô?

- A. Do kinh tế của người cô khó khăn, lại phải cưu mang anh em bé Hồng.
- B. Do chính người cô cũng rất khổ.
- C. Do sống trong môi trường đầy những thành kiến nặng nề, lạc hậu.
- D. Do người cô là người có bản tính ác.

5. Để miêu tả tâm trạng bé Hồng, tác giả miêu tả nhiều nhất biểu hiện gì của nhân vật?

- A. Giọng nói.
- B. Vẻ mặt.
- C. Hành động cử chỉ.
- D. Tiếng khóc.

6. Hãy nối những câu văn miêu tả tiếng khóc của bé Hồng với tâm trạng tương ứng:

Những câu miêu tả tiếng khóc	Tâm trạng của bé Hồng
A. Khoé mắt tôi đã cay cay.	a) Vừa tủi hờn, vừa mừng rỡ, vui sướng khôn cùng khi bất ngờ mẹ trở về.
B. Nước mắt tôi ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hoà đầm đìa ở cằm và ở cổ.	b) Xót thương vì biết mẹ đói rách.

C. Cổ họng tôi đã nghẹn ứ khóc không ra tiếng.	c) Đau đớn trước việc mẹ phải sinh nở giấu giếm và cũng giận bà vì bà không dám chống lại các thành kiến.
D. Tôi oà lên khóc, rồi cứ thế nức nở.	d) Vừa tủi thân, vừa thương mẹ bị người cô đay nghiến.

7. Điều làm cho bé Hồng đau đớn nhất là gì?
- A. Thiếu tình thương của mẹ.
B. Bị người cô đối xử tàn nhẫn.
C. Mẹ của em bị sỉ nhục và bị đối rách.
8. Bé Hồng là người như thế nào?
- A. Rất giàu tình cảm, nhưng cũng giàu tinh thần đấu tranh.
B. Rất giàu tình cảm, giàu tinh thần đấu tranh và rất khôn ngoan.
C. Giàu tình cảm, rất nhạy cảm và dễ bị tổn thương.
9. Chủ đề chính của văn bản *Trong lòng mẹ* là gì?
- A. Nỗi cay đắng, tủi cực của tác giả trong thời thơ ấu.
B. Niềm thương cảm sâu sắc đối với mẹ và với tất cả những người phụ nữ đau khổ.
C. Cả hai ý trên.

Bài tập 3

Nối các từ in đậm trong đoạn văn sau với trường từ vựng tương ứng:

"*Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ có ý gieo rắc vào đầu óc tôi những **hoài nghi** để tôi **khinh miệt** và ruồng rẫy mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là goá chồng, nợ nần cùng túng quá phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực. Nhưng đời nào **tình thương yêu** và **lòng kính mến** mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến*"

Các từ in đậm	Trường từ vựng
a) Hoài nghi	A. Trạng thái tình cảm
b) Khinh miệt	B. Trạng thái tâm lí
c) Tình thương yêu	
d) Lòng kính mến	

Bài tập 4

Dùng kí hiệu mũi tên nối các từ cùng trường từ vựng trong hai cột sau:

- | | |
|--------------|------------|
| A. sách | a) chạy |
| B. đi | b) cô giáo |
| C. đẹp | c) tạp chí |
| D. nói | d) xấu |
| E. thầy giáo | e) thỏ thẻ |

Bài tập 5

Tìm các trường từ vựng của mỗi từ sau đây: *lưới, lạnh, cứng.*

dụng cụ đánh bắt thủy sản (vó, te, cần câu, bẫy, ...)

lưới ↗
↘



Bài tập 6

Đọc văn bản *Người thầy đạo cao đức trọng* và thực hiện các yêu cầu sau đây:

- Văn bản *Người thầy đạo cao đức trọng* gồm mấy phần? (Khoanh tròn chữ cái đầu ý em chọn)
 - Hai phần
 - Ba phần
 - Bốn phần
- Hãy nêu ranh giới từng phần văn bản bằng cách điền từ vào chỗ trống.
 - Phần Mở bài: từ đầu đến "....."
 - Phần Thân bài: từ "....." đến "....."
 - Phần Kết bài: từ "....." đến hết.

Bài tập 7

Hãy điền Đ (đúng) hoặc S (sai) vào ô vuông.

- Văn bản nhất thiết phải có bố cục ba phần.
- Văn bản thường có bố cục ba phần.
- Mở bài, kết bài phải viết thật độc đáo, vì vậy phải viết dài.
- Mở bài, kết bài thường ngắn gọn.
- Nội dung phần thân bài phải được trình bày mạch lạc, phù hợp với kiểu bài và với ý đồ của người viết.
- Mở bài, thân bài, kết bài, mỗi phần phải được viết thành một đoạn văn.

Bài tập 8

Giới thiệu tác giả Thanh Tịnh, sách giáo khoa *Ngữ văn 8* viết:

"*Thanh Tịnh* (1911 - 1988) tên khai sinh là *Trần Văn Ninh*, quê ở xóm *Gia Lạc*, ven sông *Hương*, ngoại ô thành phố *Huế*. Từ năm 1933, ông đi làm ở các sở tư rồi vào nghề dạy học và bắt đầu viết văn, làm thơ. Sáng tác của *Thanh Tịnh* nhìn chung đều toát lên vẻ đẹp đằm thắm, tình cảm êm dịu, trong trẻo. Tác phẩm chính: ***Hận chiến trường*** (tập thơ, 1937), ***Quê mẹ*** (tập truyện ngắn, 1941), ***Ngậm ngải tìm trầm*** (tập truyện ngắn, 1943), ***Sức mỗ hôi*** (ca dao, 1954), ***Những giọt nước biển*** (tập truyện ngắn, 1956), ...
Truyện ngắn ***Tôi đi học*** in trong tập ***Quê mẹ***, xuất bản năm 1941".

- Văn bản trên có bố cục như thế nào? (Khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng).
 - Hai phần, tương ứng với hai đoạn văn.

- B. Ba phần, Mở bài và Thân bài được trình bày trong một đoạn văn (đoạn văn thứ nhất).
- C. Ba phần, Thân bài và Kết bài được trình bày trong một đoạn văn (đoạn văn thứ hai).
2. Văn bản trên còn có thể bố cục ba phần, mỗi phần tách ra thành một đoạn văn. Em hãy bố cục lại theo cách này.
- Phần Mở bài: đoạn văn từ đầu đến "....."
- Phần Thân bài: đoạn văn tiếp theo đến "....."
- Phần Kết bài: đoạn văn còn lại

ĐỀ 3

Bài tập 1

1. Điền **Đ** (đúng) hoặc **S** (sai) vào ô vuông.
- A. Ngô Tất Tố vừa là nhà nghiên cứu triết học, văn học, vừa là nhà báo giàu tính chiến đấu, nhà văn hiện thực xuất sắc trước Cách mạng. ☐
- B. *Tắt đèn* là tác phẩm đầu tay của Ngô Tất Tố. ☐
- C. *Tắt đèn* được viết năm 1939 là tác phẩm tiêu biểu nhất của Ngô Tất Tố. ☐
- D. *Tắt đèn* là tác phẩm tiêu biểu nhất của văn học hiện thực phê phán Việt Nam giai đoạn 1930-1945. ☐
- E. *Tắt đèn* phản ánh tình cảnh khốn khổ vì sưu thuế của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám, đặc biệt phản ánh nạn thuế thân, một thứ thuế dã man, quái gở lúc bấy giờ. ☐
2. Hãy chỉ ra nhân vật chính, nhân vật trung tâm, nhân vật phụ trong đoạn trích *Tức nước vỡ bờ*? Điền chữ **C** (nhân vật chính), chữ **T** (nhân vật trung tâm), chữ **P** (nhân vật phụ) vào ô vuông sau mỗi nhân vật sao cho phù hợp.
- A. Anh Dậu ☐
- B. Chị Dậu ☐
- C. Cai lệ và người nhà lí trưởng ☐

Bài tập 2

- Khoanh tròn chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.
1. Nội dung chính của đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* là gì?
- A. Cảnh nông thôn nước ta trong mùa sưu thuế trước cách mạng.
- B. Phản ánh tình trạng khổ cực của nhà chị Dậu.
- C. Kể chuyện bọn nha dịch, cường hào đến nhà chị Dậu thu tiền sưu.
2. Tiền sưu là loại tiền gì?
- A. Khoản thuế ruộng hàng năm người nông dân phải nộp cho chính quyền bảo hộ.
- B. Công lao động nghĩa vụ hàng năm người nông dân.
- C. Thuế thân, thứ thuế đánh vào nam giới từ 18 tuổi đến 60 tuổi của chính quyền thực dân - phong kiến.
3. Xác định chi tiết tiêu biểu nhất trong đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* thể hiện có áp bức thì có đấu tranh.

- A. Chị Dậu dịu dàng chăm sóc chồng.
- B. Bà lão hàng xóm quan tâm đến gia đình chị Dậu.
- C. Cai lệ quát tháo, dọa dẫm đòi tiền sưu.
- D. Chị Dậu tha thiết xin khát tiền sưu.
- E. Cai lệ đánh chị Dậu, sấn đến trói anh Dậu.
- F. Chị Dậu chống trả lại.

Bài tập 3

Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1. Câu nói nào của chị Dậu hợp với tiêu đề tác giả SGK đặt cho đoạn trích.
 - A. Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ.
 - B. Mày trời ngay chồng bà đi, bà cho mày xem.
 - C. Thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được.
2. Trong đoạn trích, chị Dậu nhiều lần thay đổi cách xưng hô, hãy nối các cặp từ xưng hô chị dùng sau đây với nhân vật mà chị đối thoại.

A. Cháu - cụ	a) Anh Dậu
B. Tôi - Thầy em	b) Bà lão láng giềng
C. Tôi - ông	c) Cai lệ
D. Cháu - ông	d) Người nhà lí trưởng
E. Bà - mày	
3. Qua việc chị thay đổi các đại từ xưng hô như vậy, em có nhận xét gì về chị Dậu?
 - A. Chị là người phụ nữ dịu hiền nhưng tiềm ẩn một sức mạnh lớn.
 - B. Chị là người phụ nữ ngỗ ngược, đánh đá.
 - C. Chị là người phụ nữ thuần hậu, nhưng tiềm tàng tinh thần đấu tranh bất khuất.
 - D. Chị là người rất gan dạ, dám chống lại cường quyền, áp bức.
4. Do đâu chị Dậu có sức mạnh đánh ngã hai tên nha dịch?
 - A. Do lòng căm hờn, uất hận bị dồn nén đến mức không chịu đựng được nữa.
 - B. Do thương chồng, muốn bảo vệ chồng.
 - C. Do chị có sức khỏe tốt.
 - D. Cả ba lí do trên.
5. Hãy chỉ ra sự khác nhau căn bản nhất giữa hai nhân vật: tên cai lệ và tên người nhà lí trưởng:
 - A. Cai lệ là tay sai của quan huyện.
 - B. Người nhà lí trưởng là tay sai của lí trưởng.
 - C. Vào nhà chị Dậu, cai lệ hung hăng, hống hách hơn.
 - D. Cai lệ ác hơn.
 - E. Cai lệ yếu hơn.
 - F. Cai lệ mất hết tính người, người nhà lí trưởng vẫn còn một chút tính người.
6. Em hãy chọn các từ ngữ sau điền vào chỗ trống trong đoạn văn: *hiện thực sinh động / lảng mạn bay bổng; tàn ác / tàn tệ; tình cảnh / tình hình; tâm hồn / phẩm chất.*

Đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* được viết bằng ngòi bút (A)
 Qua đoạn trích, Ngô Tất Tố đã vạch trần bộ mặt (B) bất
 nhân của xã hội thực dân phong kiến đương thời; xã hội ấy đã đẩy người
 nông dân vào (C) vô vàn cực khổ, khiến họ phải liều
 mạng chống lại. Đoạn trích còn cho thấy vẻ đẹp (D)
 của người phụ nữ nông dân, vừa giàu yêu thương vừa có sức sống tiềm
 tàng, mạnh mẽ.

Bài tập 4

Đọc văn bản dưới đây và thực hiện các yêu cầu sau:

Thạch Lam - cây bút truyện ngắn lãng mạn trữ tình, tài hoa, xuất sắc trong giai đoạn văn học 1930-1945. Truyện ngắn của ông là truyện tâm tình, không có cốt truyện chặt chẽ, đặc biệt nhưng ông đã chú trọng khai thác nội tâm nhân vật với những tình cảm, cảm xúc, cảm giác mơ hồ, mơ màng. Mỗi truyện là một bài thơ trữ tình đầy xót thương, ẩn hiện kín đáo, lặng lẽ sau những hình ảnh, giữa những dòng chữ, một tâm hồn Thạch Lam đôn hậu, tinh tế, hết sức nhạy cảm với những biến thái của lòng người và tạo vật mà ông vô cùng trân trọng, yêu mến. Hai yếu tố "hiện thực" và "thi vị, trữ tình" luôn đan cài, xen kẽ nhau, tạo nên nét đặc thù, đặc sắc khó lẫn trong phong cách nghệ thuật của Thạch Lam. (1)

Những khái quát cơ bản về tác giả nêu trên sẽ được chứng minh đầy thuyết phục qua truyện ngắn ***Gió lạnh đầu mùa*** (1937). Đó là một truyện ngắn rút ra từ tập truyện ngắn ***Gió lạnh đầu mùa*** của Thạch Lam. Một bài thơ đượm buồn, ám lên tình thương, lòng trắc ẩn đối với những người nghèo khổ nơi phố huyện nhỏ xác xơ, được khơi nguồn cảm hứng từ những cơn gió đầu đông se lạnh. (2)

(Theo Nguyễn Xuân Lạc, *Kiến thức cơ bản Văn, Tiếng Việt THCS*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội - 2001)

- Trong các đầu đề sau, đầu đề nào hợp lí nhất với nội dung của văn bản. Khoanh tròn chữ cái trước đầu đề mà em lựa chọn.
 - Giới thiệu nhà văn Thạch Lam.
 - Thạch Lam và truyện ngắn *Gió lạnh đầu mùa*.
 - Thạch Lam với tập truyện ngắn *Gió lạnh đầu mùa*.
- Văn bản trên gồm mấy ý?
 - Một ý.
 - Hai ý.
 - Ba ý.
 - Bốn ý.
- Nổi ý với đoạn văn tương ứng:
 - Phong cách nghệ thuật của Thạch Lam. a) Đoạn văn (1).
 - Cuộc đời và sự nghiệp của Thạch Lam. b) Đoạn văn (2).
 - Giới thiệu khái quát *Gió lạnh đầu mùa*.
- Điền từ thích hợp vào chỗ trống để trả lời câu hỏi: Thế nào là *đoạn văn*?
 - Về nội dung: Đoạn văn đến đạt ý
 - Về hình thức: Chữ cái đầu đoạn văn được viết và đầu dòng, kết thúc đoạn bằng
- Hãy điền **Đ** (đúng), hoặc **S** (sai) vào ô vuông cuối nhận xét sau:

Đoạn văn (1) của văn bản cho trên có câu chủ đề. ☐

6. Nếu em điền **Đ** vào ô vuông thì hãy ghi lại câu chủ đề của đoạn văn (1)

7. Khoanh tròn vào chữ cái đầu ý kiến đúng.

A. Câu chủ đề của đoạn văn (2) là: "*Những khái quát cơ bản về tác giả nêu trên sẽ được chứng minh đầy thuyết phục qua truyện ngắn **Gió lạnh đầu mùa** (1937)*".

B. Đoạn văn (2) không có câu chủ đề, câu "*Những khái quát cơ bản về tác giả nêu trên sẽ được chứng minh đầy thuyết phục qua truyện ngắn **Gió lạnh đầu mùa** (1937)*" là câu chuyển đoạn.

C. Câu *Những khái quát cơ bản về tác giả nêu trên sẽ được chứng minh đầy thuyết phục qua truyện ngắn **Gió lạnh đầu mùa*** vừa là câu chuyển đoạn, vừa là câu chủ đề của đoạn (2).

D. Cả ba ý trên đều sai.

8. Khoanh tròn chữ cái đầu ý em cho là đúng.

a) Đoạn văn (1) được trình bày theo cách nào trong những cách sau:

A. Diễn dịch B. Quy nạp C. Song hành D. Liệt kê

b) Đoạn văn (2) được trình bày theo cách nào trong những cách sau:

A. Quy nạp B. Song hành C. Liệt kê

D. Bổ sung E. Không thuộc bốn cách trên

c) Đánh số thứ tự (a, b, c) các câu trong đoạn văn (2) và trả lời các câu hỏi.

A. Đối tượng người viết muốn nói tới trong văn bản là gì? Nằm ở câu nào?

downloaadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

B. Các từ ngữ nhằm duy trì đối tượng là những từ ngữ nào? Nằm ở câu nào?

C. Đoạn văn được trình bày theo cách nào?

ĐỀ 4

Bài tập 1

1. Khoanh tròn chữ cái đặt trước những ý mà em cho là tương đồng trong tiểu sử và sự nghiệp của *Nam Cao*, *Ngô Tất Tố* và *Nguyễn Hồng*.

A. Cùng sinh trưởng ở Hà Nam, nơi sản sinh ra nhiều nhà văn lớn.

B. Cùng một thế hệ.

- C. Đều là nhà văn hiện thực lớn.
D. Các sáng tác đều hướng vào những người nghèo khổ.
2. Nhận xét nào chính xác nhất về tác phẩm *Lão Hạc*:
A. *Lão Hạc* là truyện ngắn đầu tay của Nam Cao.
B. *Lão Hạc* là truyện ngắn xuất sắc nhất viết về người nông dân của Nam Cao.
C. *Lão Hạc* là một trong những truyện ngắn xuất sắc viết về người nông dân của Nam Cao.
3. Những chi tiết nào thể hiện tư tưởng nhân văn của truyện?
A. Sự việc lão Hạc bán con chó vàng và tâm trạng của lão.
B. Những suy nghĩ của ông giáo về lão Hạc.
C. Việc lão Hạc gửi tiền và uỷ thác mảnh vườn cho ông giáo.
D. Cái chết của lão Hạc.
E. Những suy nghĩ của vợ ông giáo về lão Hạc.
G. Những suy nghĩ của Binh Tư về lão Hạc.
4. Con chó vàng có nhiều vai trò trong đời sống của lão Hạc. Theo em, vai trò nào là quan trọng nhất?
A. Là một tài sản có giá trị của lão sau ngôi nhà và mảnh vườn.
B. Là con vật nuôi để giữ nhà.
C. Là một người bạn.
5. Vì sao lão Hạc bán con chó vàng? Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất.
A. Vì lão sợ lão và nó sẽ ăn vào tiền bòn vườn mà lão dành dụm cho con trai.
B. Vì nuôi nó thì tốn kém, mà lão thì không cần nó nữa.
C. Vì lão đang rất túng đói, nên bán chó để lấy tiền ăn.
D. Vì lão biết lão sắp đi xa mãi mãi.
6. Tâm trạng của lão Hạc thế nào khi bán con chó vàng? Khoanh tròn vào ý đúng nhất.
A. Rất thương con chó và buồn vì từ nay lão không còn ai để bầu bạn.
B. Dằn vặt, xấu hổ, tự trách vì nghĩ mình đã nỡ lừa một con chó.
C. Đau đớn vì kỉ vật duy nhất của con trai không còn nữa.
D. Cả ba ý trên.
7. Sau khi gửi gắm ông giáo mảnh vườn cho con và 30 đồng bạc để khi lão chết, ông giáo đem ra nói giúp với hàng xóm lo liệu ma chay, lão Hạc ra về. Trước khi về, lão nói với ông giáo: "*Được ạ! Tôi đã lo liệu đâu vào đấy... Thế nào rồi cũng xong.*"
Em hiểu nghĩa thực của câu nói này như thế nào?
A. Đó là lời an ủi ông giáo để việc lão nhờ được trót lọt.
B. Đó là lời ám chỉ về cái chết mà lão đã ngấm ngấm định liệu cho mình.
C. Cả hai ý trên.
8. Lí do chính mà Nam Cao chọn cho lão Hạc một cái chết dữ dội (ăn bả chó để chết)?
A. Vì ông muốn tạo cho tác phẩm sự rùng rợn để câu khách.

- B. Vì ông muốn tố cáo: Sự sống và cái chết của những người nông dân nghèo như lão Hạc trong xã hội cũ cũng chỉ như loài chó.
- C. Đó là một cách để lão Hạc thể hiện sự quyết liệt bảo vệ nhân cách "Người" của mình.
- D. Cả ba ý trên.

Bài tập 2

Nhận xét về đặc điểm nghệ thuật của truyện *Lão Hạc* bằng cách khoanh tròn chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

1. Nghệ thuật xây dựng nhân vật (lão Hạc) của tác giả có gì đặc sắc?
 - A. Nhân vật được đặt trong nhiều mối tương quan.
 - B. Nhân vật được xây dựng bằng những tình tiết li kì, bí ẩn, gợi cho người đọc sự tò mò.
 - C. Nhân vật được xây dựng bằng những tình tiết bình thường, những chuyện nhỏ nhặt hằng ngày nhưng lại chứa đựng những ý nghĩa cao cả, sâu sắc.
2. Truyện được kể ở ngôi thứ nhất có hiệu quả nghệ thuật gì?
 - A. Làm chủ quan hoá câu chuyện.
 - B. Dễ dàng miêu tả các biến cố, sự kiện và dễ dàng bộc lộ chiều sâu tư tưởng của tác giả.
 - C. Làm cho câu chuyện thêm sinh động.
3. Hãy tìm những dẫn chứng trong truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao chứng minh cho các nhận xét sau đây về lối văn kể chuyện của tác giả.
 - a) Văn Nam Cao đặc biệt giàu có về sắc thái bộc lộ và biểu cảm (thể hiện qua cách sử dụng nhiều thán từ)

.....

.....

.....
 - b) Nam Cao không chỉ kể chuyện mà còn kể tâm trạng:

.....

.....

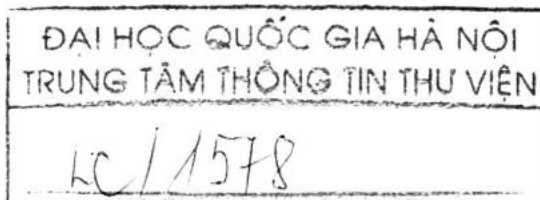
.....

.....
 - c) Tác giả vừa kể, vừa suy ngẫm (thể hiện qua việc nhân vật ông giáo hay độc thoại)

.....

.....

.....
4. Em hãy chỉ ra tư tưởng nhân văn sâu sắc nhất mà Nam Cao gửi gắm trong tác phẩm *Lão Hạc*.
 - A. Tố cáo, phê phán xã hội cũ sẵn sàng nghiền nát con người.
 - B. Khao khát bảo toàn nhân cách của con người, dù cái giá phải trả cho nó là sinh mạng.
 - C. Ca ngợi người nông dân.



Bài tập 3

1. Chọn các từ tượng hình, các từ tượng thanh trong số những từ sau đây để xếp vào bảng; *lóc cóc, rì rào, ha hả, lom khom, lô nhô, nhấp nhô, klap khiêng, thông thọt, khằng khiu, hu hu, khật khưỡng, róc rách, bộp, đoàng.*

A. Từ tượng hình	B. Từ tượng thanh
.....	
.....	
.....	

2. Gạch dưới từ tượng thanh (nếu có) trong hai câu sau đây.

- A. Sỏi đá rơi lồm bồm xuống sông.
B. Hấn nhó lồm bồm được vài câu Kiều.

Bài tập 4

Đọc bài thơ *Qua Đèo Ngang* và trả lời các câu hỏi.

*Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa
Lom khom dưới núi, tiều vài chú
Lác đác bên sông, chợ mấy nhà
Nhớ nước đau lòng, con cuộc cuộc
Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia
Dừng chân đứng lại, trời, non, nước
Một mảnh tình riêng, ta với ta.*

(Bà Huyện Thanh Quan, theo *Ngữ văn 7*, tập một)

1. *Lom khom* và *lác đác* là hai từ tượng hình. Hãy điền số 1 vào ô vuông sau từ gọi ra dáng vẻ, số 2 vào sau từ gọi ra trạng thái của sự vật.

- A. *Lom khom* ☐
B. *Lác đác* ☐

2. Giải nghĩa từ:

- A. *Lom khom*:
B. *Lác đác*:

3. Tác dụng hai từ trên trong việc tả cảnh Đèo Ngang? (Khoanh tròn chữ cái đầu ý kiến em chọn)

- A. Làm cho người đọc hình dung rõ hơn các hoạt động và sinh hoạt của tiều phu trong buổi chiều tà ở Đèo Ngang, vì vậy cảnh vật trở nên ảm áp và sinh động hơn.
B. Gọi ra rõ nét sự nhỏ bé, thưa thớt của con người, vì vậy càng làm cho cảnh Đèo Ngang trở nên hoang sơ, vắng lặng hơn.
C. Tô đậm sự nhỏ nhoi, yếu ớt của con người trước thiên nhiên hùng vĩ.

Bài tập 5

Điền Đ (đúng), hoặc S (sai) vào ô vuông sau các ý kiến dưới đây:

- A. Từ tượng hình, tượng thanh phần lớn là những từ láy. ☐
B. Từ láy bao giờ cũng là các từ tượng hình, tượng thanh. ☐

C. Từ tượng hình, tượng thanh thường có giá trị biểu cảm cao. ☐

Bài tập 6

1. Gạch dưới các từ ngữ có tác dụng liên kết đoạn trong ba đoạn văn sau.

Bấy giờ, ở vùng núi cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần. Nghe tiếng vùng đất Lạc có nhiều hoa thơm cỏ lạ, nàng bèn tìm đến thăm. Âu Cơ và Lạc Long Quân gặp nhau, đem lòng yêu nhau rồi trở thành vợ chồng, cùng chung sống trên cạn ở cung điện Long Trang.(1)

Ít lâu sau, Âu Cơ có mang. Đến kì sinh, chuyện thật lạ, nàng sinh ra một cái bọc trăm trứng; trăm trứng nở ra một trăm người con hồng hào, đẹp đẽ lạ thường. Đàn con không cần bú mớm mà tự lớn lên như thổi, mặt mũi khôi ngô, khỏe mạnh như thần.(2)

Thế rồi một hôm, Lạc Long Quân vốn quen ở nước cảm thấy mình không thể sống mãi trên cạn được, đành từ biệt Âu Cơ và đàn con để trở về thủy cung. Âu Cơ ở lại một mình nuôi con, tháng ngày chờ mong, buồn tủi...(3)

(Con Rồng cháu Tiên, Ngữ văn 6, tập một)

2. Cách mà người kể chuyện dùng từ ngữ để liên kết đoạn trong ba đoạn văn trên là gì? (Khoanh tròn chữ cái đặt đầu câu để trả lời).

- A. Cả ba đoạn tác giả đều dùng từ ngữ có ý nghĩa liệt kê.
- B. Đoạn (1) và đoạn (2) dùng từ ngữ có ý nghĩa liệt kê, đoạn (3) dùng câu nối.
- C. Đoạn (1) dùng từ ngữ có tác dụng thay thế, đoạn (2), (3) dùng từ ngữ có tác dụng liệt kê.
- D. Không dùng cách nào trong các cách trên.

3. Chọn các từ ngữ liên kết đoạn (vậy đó, như vậy, vậy) điền vào chỗ trống sao cho thích hợp nhất.

- A. Thành phố hiếm hoi dân chim chóc. Thị đã có người. Sài Gòn rộng mở và hào phóng là nơi rất thuận lợi cho người tứ xứ đến đây sinh sống. Ngày nay đã leo lên hơn năm triệu.

..... mà tôi yêu Sài Gòn và yêu cả con người ở đây. Một mối tình dai dẳng, bền chặt. Thương mến bao nhiêu cũng không uổng công, hoài của. Tôi ước mong mọi người, nhất là các bạn trẻ đều yêu Sài Gòn như tôi.

(Theo Minh Hương, trong Sài Gòn tôi yêu, Ngữ văn 7, tập một)

- B. Để tả cảnh đánh đu, vừa đẹp, vừa lời lẽ, Xuân Hương dùng hai câu khêu gợi:

"Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới
Hai hàng chân ngọc đuổi song song"

....., thơ Xuân Hương cũng cho ta nhận thấy cái tính cách vừa dễ dãi, tự do, vừa sít sao thích đáng trong việc dùng chữ như khi tả cảnh. Tình cảm của Xuân Hương luôn luôn biến đổi nên lời thơ cũng mềm dẻo nơi theo cái đà tình cảm".

(Hà Như Chi, Hồ Xuân Hương, NXB Văn nghệ, 1996)

- C. Nhà văn lấy tài liệu trong cuộc sống để xây dựng tác phẩm. Tài liệu mà cuộc sống cung cấp cho nhà văn gọi là đề tài. Đề tài gồm người, việc, cảnh trong cuộc sống. Đề tài có thể rộng lớn, có thể nhỏ hẹp. Nhưng quan trọng là chủ đề chứ không phải đề tài, từ một đề tài nhỏ vẫn có thể rút ra một chủ đề lớn.

..... chủ đề là gì? Chủ đề là vấn đề mà nhà văn nhận thức được từ đề tài trong cuộc sống, nêu lên thành vấn đề chủ yếu và tìm cách giải quyết trong tác phẩm theo cách nhìn nhận riêng của mình.

(Theo Văn 9, tập hai, 1995)

Bài tập 7

Hãy điền **Đ** (đúng) hoặc **S** (sai) vào ô vuông cuối các ý kiến sau:

- A. Khi chuyển từ đoạn văn này sang đoạn văn khác cần dùng các phương tiện liên kết đoạn để văn bản được mạch lạc. ☐
- B. Khi chuyển từ đoạn văn này sang đoạn văn khác cần dùng các phương tiện liên kết đoạn để đoạn văn được truyền cảm. ☐
- C. Chuyển đoạn cũng chính là biện pháp để liên kết đoạn văn trong văn bản. ☐
- D. Nói chung không cần các phương tiện liên kết đoạn. ☐



Bài tập 1

Khoanh tròn chữ cái đầu câu để trả lời.

1. Mục đích của việc tóm tắt văn bản tự sự là để:

- A. Ghi lại một cách chính xác những nội dung chính của một văn bản nào đó để người chưa đọc nắm được văn bản ấy.
- B. Ghi lại một cách đầy đủ, chi tiết toàn bộ nội dung của một văn bản nào đó để người chưa đọc nắm được văn bản ấy.
- C. Kể lại một cách sáng tạo câu chuyện trong văn bản nào đó nhằm hấp dẫn người chưa đọc văn bản đó.
- D. Phân tích nội dung, ý nghĩa của văn bản cho người chưa đọc hiểu rõ văn bản đó.

2. Cách tóm tắt văn bản tự sự.

- A. Đọc kĩ văn bản - xác định nội dung chính - sắp xếp nội dung - viết thành văn.
- B. Đọc nhanh văn bản - sắp xếp nội dung chính - viết thành văn.
- C. Đọc nhanh văn bản - vừa suy nghĩ để sắp xếp nội dung chính vừa viết thành văn.

3. Một bạn tóm tắt văn bản *Tức nước vỡ bờ* như sau:

Chị Dậu đang cho chồng ăn cháo thì bọn cai lệ và người nhà lí trưởng xông vào thúc gia đình chị nộp nốt suất sưu còn thiếu của người em chồng đã chết từ năm ngoái. Mặc dù anh Dậu đang đau ốm vì bị đánh trói cả đêm

qua và chị Dậu hết lòng van xin, cai lệ vẫn xông vào đánh chị Dậu, trói anh Dậu. Tức quá, chị Dậu liều mạng chống lại. Chị túm lấy cổ hắn, đẩy hắn ngã chổng quèo ra khỏi cửa. Người nhà lí trưởng xông đến định đánh chị Dậu, hắn cũng bị chị túm tóc lẳng cho ngã nhào ra thêm.

Em hãy lựa chọn một nhận xét đúng về việc tóm tắt văn bản *Tức nước vỡ bờ* của bạn học sinh đó:

- A. Bạn đó tóm tắt như vậy là ngắn gọn đầy đủ nội dung chính của văn bản *Tức nước vỡ bờ*.
 - B. Bạn đó tóm tắt còn thiếu nhiều nội dung: thiếu việc bà lão hàng xóm quan tâm đến gia đình chị Dậu, thiếu việc anh Dậu sợ quá ngất đi...
 - C. Bạn đó tóm tắt quá chi tiết nên dài dòng. Có thể bỏ chi tiết suất sưu của người em chồng.
 - D. Bạn X tóm tắt như vậy là ngắn gọn, rõ ràng, đủ nội dung chính, nhưng nếu thêm lời chị Dậu nói với chồng: "*Thà ngồi tù. Để cho chúng làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được...*" vào cuối đoạn văn thì sẽ làm nổi bật chủ đề của văn bản *Tức nước vỡ bờ* hơn.
4. Các văn bản *Tôi đi học* của Thanh Tịnh và *Trong lòng mẹ* của Nguyên Hồng rất khó tóm tắt. Vì sao?
- A. Vì hai văn bản *Tôi đi học* và *Trong lòng mẹ* rất dài.
 - B. Vì hai văn bản có nội dung phức tạp, có nhiều nhân vật.
 - C. Vì hai văn bản thiếu mạch lạc.
 - D. Vì hai văn bản thiên về kể cảm xúc, tâm trạng, ít kể sự việc, hành động.

downloaadsachmienphi.com

ĐỀ 6

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài tập 1

1. Hãy xác định *bộ phận chủ ngữ, vị ngữ* trong các câu ghép theo mẫu sau:

Các em/ phải gắng học để thầy mẹ/ được vui lòng và để thầy dạy các

C

V

C

V

C

em/ được sung sướng

V

- A. Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi òa lên khóc rồi cứ thế nức nở.
(Nguyên Hồng, *Những ngày thơ ấu*)
- B. Nhưng em không đọc hết được bài kinh, vì những cơn nức nở lại trở lại, dồn dập, xồn xang, choáng ngợp lấy em.
(Mô-pa-xăng, *Bố của Xi-mông*)
- C. Quan lớn ngài ăn, ngài đánh; người hầu kẻ dạ, kẻ vâng.
(Phạm Duy Tốn, *Sống chết mặc bay*)
- D. Ông Phan Bội Châu, tôi biết rõ tâm hồn cao thượng và cuộc đời đầy hi sinh, nhiều nguy nan của ông, và chính tôi, tôi xin là người đầu tiên (...) được bày tỏ tấm lòng rất mực quý trọng ông.
(Nguyễn Ái Quốc, *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*)

2. Điền X vào ô vuông sau các câu ghép:

- A. Vì chưng gió thổi, hoa cười với trăng. (Ca dao)

☐

- B. *Dù ai rào giậu ngăn sân,
Lòng ta vẫn vững là dân Cự Hồ* (Tố Hữu) ☐
- C. Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng. (Nguyễn Bính, *Xuân về*) ☐
- D. Cải chửa ra cây, cà mới nụ. (Nguyễn Khuyến, *Bạn đến chơi nhà*) ☐
- E. Trong chiếc áo vải dù đen dài tôi cảm thấy mình trang trọng và đứng đắn. (Thanh Tịnh, *Tôi đi học*) ☐
- F. Bà ta một hôm đi qua chợ thấy mẹ tôi ngồi cho con bú ở bên rổ bóng đèn. (Nguyễn Hồng, *Những ngày thơ ấu*) ☐
3. Thêm *cụm chủ vị* và *các quan hệ từ* phù hợp vào các câu sau để được các câu ghép
- Gió thổi mạnh quá.
 - Mã Lương vẽ rất đẹp.
 - Công việc vẫn tiến triển tốt đẹp.
 - Thời gian cứ trôi đi.
 - Em cần phải giúp đỡ bố mẹ.
4. Thế nào là *câu ghép*? (Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất).
- Câu ghép là câu do một cụm C - V tạo thành.
 - Câu ghép là câu do hai cụm C - V không bao chứa nhau tạo thành.
 - Câu ghép là câu do nhiều cụm C - V tạo thành.
 - Câu ghép là câu do hai hoặc nhiều cụm C - V không bao chứa nhau tạo thành.
5. Đọc đoạn văn và thực hiện các yêu cầu sau:
- (1) Tôi lắng nghe tiếng hai cây phong ri rào, tim đập rộn ràng vì thắng thót và vui sướng, rồi trong tiếng xạc xào không ngọt ấy, tôi cố hình dung ra những miền xa lạ kia. (2) Thuở ấy chỉ có một điều tôi chưa hề nghĩ đến: ai là người đã trồng hai cây phong trên đồi này? (3) Người vô danh ấy đã ước mơ gì, đã nói những gì khi vùi hai gốc cây xuống đất, người ấy đã ấp ủ những niềm hi vọng gì khi vun xới chúng nơi đây, trên đỉnh đồi cao này.
- (Ai-ma-tốp).
- Câu (1) và (3) trong đoạn văn trên là câu ghép. Hãy dùng dấu gạch chéo (/) tách các vế câu của hai câu ấy.
 - Các vế câu của câu (1) được nối với nhau bằng cách nào? Khoanh tròn chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.
 - Nối bằng một cặp quan hệ từ.
 - Nối bằng một quan hệ từ.
 - Các vế câu của câu (3) được nối với nhau bằng cách nào? Khoanh tròn chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.
 - Nối bằng một cặp phó từ
 - Nối bằng phó từ
 - Không dùng từ nối
 - Trong câu (1) có ba quan hệ từ, quan hệ từ nào được dùng để nối các vế của câu ghép?
 - vì
 - và
 - rồi

e) Tại sao mỗi vế của câu (1) và (3) tác giả lại không tách thành hai câu đơn?

- A. Vì nếu tách thì nội dung cơ bản của chúng sẽ thay đổi.
- B. Vì nếu tách thì sẽ trở thành những câu sai ngữ pháp.
- C. Vì nếu tách thì sẽ không diễn tả được sự liên tục của dòng hồi tưởng và mạch cảm xúc tuôn chảy.

Bài tập 2

1. Xác định *quan hệ ý nghĩa* của các *câu ghép* dưới đây bằng cách điền kí hiệu: 1 (quan hệ nguyên nhân), 2 (quan hệ điều kiện hoặc giả thiết), 3 (quan hệ tương phản), 4 (quan hệ tăng tiến), 5 (quan hệ lựa chọn), 6 (quan hệ bổ sung), 7 (quan hệ đồng thời), 8 (quan hệ giải thích), 9 (quan hệ tiếp nối) vào ô vuông đặt cuối mỗi câu.

- A. Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương. (Nam Cao, *Lão Hạc*) ☐
- B. Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm. (Nam Cao, *Lão Hạc*) ☐
- C. Lan đã chăm học, bạn lại thông minh nữa. ☐
- D. Hút thuốc lá là quyền của anh, nhưng anh không có quyền đầu độc những người ở gần anh. ☐
- E. Văn học khác khoa học ở chỗ đó; và óc thẩm mĩ khác óc phán đoán cũng ở chỗ đó: một đằng là sự ưa thích của lòng, một đằng là sự sáng suốt của óc, một đằng cần nhiều cảm thụ tinh, một đằng cần nhiều luận lí tính. (Theo Nguyễn Hiến Lê) ☐
- F. *Người nạch thước, kẻ tay đao*
Đầu trâu mặt ngựa ào ào như sôi. (Nguyễn Du, *Truyện Kiều*) ☐
- G. Anh ấy càng nói, tôi càng vỡ ra nhiều điều. ☐
- H. Hoặc anh đi, hoặc tôi đi. ☐
- I. Vì nắng nóng kéo dài nên cần đề phòng nạn cháy rừng. ☐

2. Đặt câu ghép với các quan hệ từ cho trước ở đầu dòng.

- A. (và)
- B. (rồi)
- C. (còn)
- D. (hay)
- E. (vì)
- F. (nếu)
- G. (tuy)
- H. (để)
- I. (không dùng quan hệ từ)

ĐỀ 7

Bài tập 1

1. Điền các chữ số 1 (Phan Bội Châu); 2 (Phan Châu Trinh) vào ô vuông đặt sau mỗi thông tin đúng về hai tác giả.

- A. Ông sinh năm 1867, mất năm 1940, tên hiệu chính là Sào Nam. ☐
- B. Quê ông ở thôn Tây Hồ, xã Tam Phước, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam ☐
- C. Ông sinh năm 1872, mất năm 1926, hiệu là Tây Hồ, biệt hiệu Hi Mã ☐
- D. Ông quê ở làng Đan Nhiễm, xã Nam Hoà, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. ☐
- E. Ông là tác giả các tác phẩm: *Hải ngoại huyết thư*, *Sào Nam thi tập Ngục trung thư*... ☐
- F. Ông là tác giả các tác phẩm: *Tây Hồ thi tập*, *Tỉnh quốc hồn ca*, *Xăng tê thi tập*. ☐
- G. Ông chủ trương chống Pháp bằng bạo lực. ☐
- H. Ông chủ trương đấu tranh hợp pháp với Pháp đòi cải cách dân chủ ☐

2. Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh có những điểm chung nào?

(Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng).

- A. Cả hai ông đều là nhà nho yêu nước, lãnh tụ của phong trào Cần Vương ở Trung kì. ☐
- B. Hai ông đều là nhà nho, nhưng lại là những con người tiên tiến của thời đại, tiếp cận được với những tư tưởng dân chủ, dân quyền mới. ☐
- C. Họ đều là lãnh tụ của phong trào cách mạng Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX. ☐

Bài tập 2

Trình bày những hiểu biết về hai bài thơ: *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác* và *Đập đá ở Côn Lôn* bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đặt trước những nhận xét đúng.

1. Hai bài thơ đều là:

- A. Thơ chữ Hán, thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật. ☐
- B. Thơ chữ Nôm, thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật. ☐
- C. Loại thơ tả cảnh ngụ tình. ☐
- D. Loại thơ tỏ chí, tỏ lòng. ☐
- E. Những lời gan ruột, tâm huyết, gắn liền với cuộc đời hiên hách của hai chí sĩ cách mạng Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh. ☐

2. Hãy cho biết nhận xét đúng với mỗi bài thơ bằng cách điền kí hiệu: **1** (*Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác*); **2** (*Đập đá ở Côn Lôn*) vào ô vuông đặt cuối nhận xét.

- A. Bài thơ thể hiện phong thái ung dung, đường hoàng, khí phách kiên cường bất khuất vượt lên trên tù ngục của người chí sĩ cách mạng. ☐
- B. Bài thơ thể hiện tư thế lẫm liệt ngang tàng của người anh hùng cứu nước. ☐
- C. Để khắc hoạ hình ảnh khổng lồ, ngang tầm vũ trụ của người anh hùng cứu nước, tác giả đã gán cho việc lao dịch bình thường một ý nghĩa lớn lao, trọng đại. ☐

- D. Để biểu hiện phong thái đường hoàng, ung dung thanh thản vượt lên lao tù của nhà chí sĩ cách mạng, tác giả đã dùng giọng đùa vui nói về biến cố quan trọng liên quan đến sống chết của mình. ☐
3. Đọc hai câu kết của bài *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác* và thực hiện các yêu cầu sau bằng cách khoanh tròn chữ cái đặt trước nhận xét đúng.
- a) Ý nghĩa của hai câu thơ:
- A. Thể hiện tư thế lớn lao kì vĩ của nhà cách mạng Phan Bội Châu.
 - B. Thể hiện phong thái ung dung tự tại làm chủ tình thế của nhà cách mạng mang cốt cách nhà nho Phan Bội Châu.
 - C. Thể hiện ý chí chiến đấu và niềm tin vào sự nghiệp chính nghĩa của nhà cách mạng, nhà nho Phan Bội Châu.
- b) Khi đọc, hai câu thơ này phải được ngắt nhịp:
- A. Câu (7) nhịp 4/3.
 - B. Câu (8) nhịp 4/3.
 - C. Câu (7) nhịp 2/2/3.
 - D. Câu (8) nhịp 2/2/3.
- c) Tác dụng của việc lặp lại từ *còn*:
- A. Bắt buộc khi đọc phải nhấn giọng từ này, làm cho nhịp thơ thêm dứt khoát, mạnh mẽ, tăng ý khẳng định.
 - B. Bắt buộc khi đọc phải kéo dài từ này, làm cho nhịp thơ êm ái du dương, thể hiện được cảm xúc dâng trào của tác giả.

Bài tập 3

Đọc hai câu kết của bài *Đập đá ở Côn Lôn* và thực hiện theo yêu cầu.

*"Những kẻ vá trời khi lỡ bước,
Gian nan chi kể việc con con."*

1. Nêu ý nghĩa câu thơ bằng cách khoanh tròn chữ cái đặt đầu ý kiến đúng nhất.
- A. Thể hiện phong thái ung dung tự tại của người cách mạng.
 - B. Thể hiện tư thế lẫm liệt của người cách mạng.
 - C. Thể hiện niềm tin và ý chí chiến đấu của người cách mạng.
2. Tác giả đã sử dụng cả biện pháp tu từ nói quá và nói giảm để làm nổi bật ý nghĩa câu thơ. Em hãy xác định từ ngữ được dùng theo lối nói quá hoặc nói giảm bằng cách điền kí hiệu: **Q** (nói quá) hoặc **G** (nói giảm) vào ô vuông cuối mỗi từ ngữ.
- | | | | |
|---------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|
| A. kẻ vá trời | ☐ | B. lỡ bước | ☐ |
| C. gian nan | ☐ | D. việc con con | ☐ |

Bài tập 4

1. Trong hai đoạn văn sau, người viết sử dụng dấu câu không đúng. Em hãy viết lại và đặt dấu câu thích hợp:

a) *Một người nông dân. Tìm được một viên ngọc quý liền muốn đem dâng tiến nhà vua ông ta tìm, đến cung điện. Và nhờ các quan trong triều bảo làm cách nào gặp được nhà vua một trong các quan, hỏi ông ta cần gặp vua để làm gì người nông dân. Bèn kể lại chuyện muốn dâng vua viên ngọc quý*

Vị quan nọ bảo

Được, tôi sẽ đưa anh vào gặp nhà vua. Với điều kiện anh phải chia cho tôi một nửa phần thưởng của nhà vua. Nếu không thì thôi.



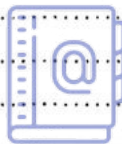
download sachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

a) *Vua Nam* nguyên văn là Nam đế, tức là vua nước Nam. Trong chữ Hán còn có chữ vương cũng có nghĩa là vua. Nhưng đế thì cao hơn vương. ở đây dùng chữ đế là để tỏ thái độ ngang hàng với nước Trung Hoa, vì ở Trung Hoa gọi vua là đế thì ở nước ta cũng vậy. Cần hiểu trong quan niệm đương thời, đế là đại diện cho nước, cho dân.

Tron Bo SGK: <https://bookgiaokhoa.com>

Bài tập 5

Thuyết minh về thể thơ lục bát (lục bát là gì? Vần, luật, ngắt nhịp, tác dụng của lục bát như thế nào?)



downloadsachmienphi.com

ĐỀ 8

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài tập 1

1. Hãy điền vào chỗ trống những thông tin đúng về thi sĩ Tản Đà.
- A. Tản Đà sinh năm , mất năm
- B. Tản Đà quê ở
- C. Tản Đà tên thật là
- D. Tản Đà xuất thân là
- E. Thơ của Tản Đà tràn đầy cảm xúc lại rất đậm đà và có những
2. Trong các nhà thơ: Lưu Trọng Lư, Thế Lữ, Huy Cận, Tản Đà, nhà thơ nào đúng với nhận xét sau đây của Hoài Thanh? Hãy điền tên nhà thơ đó vào ô vuông sau câu nhận xét:
- "Tiên sinh đã dạo những bản đàn mở đầu cho một cuộc hoà nhạc tân kỳ đang sắp sửa."*
-
3. Em hiểu nhận định trên của Hoài Thanh muốn nói tác giả là người như thế nào? Khoanh tròn chữ cái đặt trước câu em chọn.
- A. *"Tiên sinh"* là người mở đầu những cách tân nghệ thuật thơ ca.
- B. Là người mở đầu cho những cách tân âm nhạc.
- C. Là người mở đầu cho những cách tân trong nghệ thuật nói chung.

Bài tập 2

1. Mở đầu bài thơ *Muốn làm thằng Cuội*, Tản Đà viết:

“Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi
Trần thế em nay chán nửa rồi”.

Em hiểu *chán trần thế* trong câu thơ trên có nghĩa là gì?

- A. *Chán trần thế* là chán đời, không muốn sống nữa, chỉ muốn tìm đến cái chết.
 - B. *Chán trần thế* là chán thực tế xã hội, muốn thoát li khỏi thực tế đó.
2. Vì sao Tản Đà có tâm trạng *chán trần thế*? (Khoanh tròn chữ cái đặt trước câu em cho là đúng.)
- A. Vì cảnh đất nước bị nô lệ, nhân dân khổ cực làm than.
 - B. Vì đạo đức suy đồi.
 - C. Vì gia cảnh nghèo túng.
 - D. Vì nhà thơ không làm nên công danh sự nghiệp gì.
 - E. Vì thiếu bạn tri âm tri kỉ.
 - F. Vì tất cả những lí do trên.

3. Nhiều người nhận xét Tản Đà là một hồn thơ “ngông”. Em hiểu cái “ngông” của Tản Đà là gì? (Khoanh tròn chữ cái đặt trước các ý em chọn).

- A. “Ngông” là khinh đời, cho rằng không ai tài giỏi bằng mình.
 - B. “Ngông” là sống trái với lẽ thường, khác với người bình thường.
 - C. “Ngông” là chống lại vòng cương toả khắc nghiệt của xã hội phong kiến đang tìm cách kìm hãm sự phát triển tự nhiên hợp quy luật của con người.
4. Hãy tìm những dẫn chứng về cái “ngông” của Tản Đà trong bài *Muốn làm thằng Cuội*:

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

5. Em hãy chỉ ra những đổi mới, sáng tạo của nhà thơ trong bài *Muốn làm thằng Cuội* so với thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật bằng cách khoanh tròn chữ cái đặt trước ý đúng.

- A. Bài thơ không tuân thủ vần luật nghiêm ngặt của thơ thất ngôn bát cú Đường luật.
- B. Ý tứ thơ không hàm súc như thơ Đường luật.
- C. Ý thơ không mực thước, trang trọng như thơ Đường luật.
- D. Cảm xúc, tâm sự tự nhiên không gò bó.
- E. Lời thơ giản dị, trong sáng, gần với lời nói trong cuộc sống thường ngày, không trau chuốt, cầu kì.

Bài tập 3

Cho hai đoạn văn sau:

a) *Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn (1). Chứ cứ nằm đấy, chốc nữa họ vào thúc sưu, không có, họ lại **đánh trói** thì khổ (2). Người ốm rề rề như thế, nếu lại phải một **trận đòn**, nuôi mấy tháng cho hoàn hồn (3).*

b) *Anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng (4). Uể oải, chống **tay** xuống phản, anh vừa rên, vừa ngẩng đầu lên (5). Run rẩy cất bát cháo, anh mới kê vào đến **miệng**, cái lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào với những **roi song**, **tay thước** và **dây thừng** (6).*

1. Hãy xếp các từ in đậm trong hai đoạn văn vào 3 trường từ vựng:

A. Trường từ vựng thứ nhất gồm các từ:

.....

B. Trường từ vựng thứ hai gồm các từ:

.....

C. Trường từ vựng thứ ba gồm các từ:

.....

2. Đặt tên cho mỗi trường từ vựng:

A.

B.

C.

3. Trong các từ **roi song**, **tay thước**, **dây thừng**, từ nào mang nghĩa rộng, từ nào mang nghĩa hẹp hơn? Khoanh tròn chữ cái đặt trước ý đúng.

A. Từ **roi song** là từ mang nghĩa rộng; **tay thước** và **dây thừng** là các từ mang nghĩa hẹp.

B. Cả ba từ đều có cấp độ nghĩa tương đương nhau, đều có nghĩa rộng.

C. Cả ba từ đều có cấp độ nghĩa tương đương nhau, đều có nghĩa hẹp.

4. Các câu trong hai đoạn văn trên đã được đánh số thứ tự (1), (2),... Hãy xác định câu ghép bằng cách điền thứ tự câu vào chỗ trống:

Câu ghép gồm các câu:

5. Tìm nghĩa trong văn bản của các từ sau:

A. rề rề:

B. run rẩy:

C. sầm sập:

6. Hai đoạn văn trên đã sử dụng những loại từ ngữ và biện pháp tu từ nào sau đây? (Điền dấu X vào ô vuông để trả lời.)

A. Từ địa phương

B. Biệt ngữ xã hội

C. Trợ từ

D. Tình thái từ

E. Thán từ

F. Nói giảm, nói tránh

G. Nói quá

☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐

Bài tập 4

Khoanh tròn chữ cái trước những nhận xét đúng:

A. Nói quá và nói giảm, nói tránh đều là nói dối, sai sự thật.

- B. Nói quá là cách để nhấn mạnh và tăng sức biểu cảm.
- C. Nói giảm, nói tránh đúng lúc đúng chỗ thể hiện thái độ lịch sự, nhã nhặn của người nói.
- D. Không nên nói giảm, nói tránh vì nó gây cho người nghe cảm giác người nói không chân thành.

Bài tập 5

Đọc hai loại văn sau:

a) *Tôi bật cười bảo lão:*

- Sao cụ lo xa quá thế? Cụ còn khoẻ lắm, chưa chết đâu mà sợ! Cụ cứ để tiền ấy mà ăn, lúc chết hãy hay! Tôi gì bây giờ nhin đói mà tiền để lại?

- Không, ông giáo ạ! Ăn mãi hết đi thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu? ...

b) *Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn: "Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào..."*

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

1. Gạch dưới hiện tượng nói giảm, nói tránh (nếu có) trong hai đoạn văn trên.

2. Tại sao ở đoạn văn (a), khi nói đến "sự" chết của lão Hạc, ông giáo lại không dùng cách nói giảm, nói tránh để bớt đi cảm giác đau buồn cho lão và tỏ ra mình là người tế nhị?

A. Vì chính lão Hạc cũng không dùng cách nói giảm, nói tránh khi nói về việc lão sẽ chết.

B. Vì ông giáo muốn tỏ ra khách quan, lạnh lùng trước câu chuyện của lão Hạc.

C. Vì ông giáo tưởng lão Hạc chỉ lo xa thế thôi chứ không biết lão âm thầm chuẩn bị cho cái chết thật sự.

3. Tại sao lão Hạc khi nói về cái chết của mình lại có thể nói trắng phớ ra như vậy? Hãy giải thích.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Xác định cấu tạo của câu sau bằng cách điền kí hiệu Đ (câu đơn); hoặc G (câu ghép); MR (câu mở rộng thành phần) vào ô vuông đặt cuối câu:

"Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn: "Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào". ☐

ĐỀ 9

Bài tập 1

- Khoanh tròn chữ cái đặt trước thông tin đúng về Á Nam Trần Tuấn Khải:
 - Trần Tuấn Khải quê ở xã Mỹ Hà, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.
 - Trần Tuấn Khải quê ở làng Tây Lộc, huyện Hà Đông, tỉnh Quảng Nam.
 - Ông sinh năm 1872 mất năm 1926
 - Ông sinh năm 1895 mất năm 1983.
- Khoanh tròn chữ cái đặt trước các tác phẩm của Trần Tuấn Khải.
 - Chiêu hồn nước.
 - Duyên nợ phù sinh I, II.
 - Bút quan hoài I, II.
 - Vội sơn hà I, II.
 - Việt Nam quốc sử diễn ca.
 - Hải ngoại huyết thư.
- Khoanh tròn chữ cái trước những *nhận xét không đúng* với phong cách thơ Trần Tuấn Khải.
 - Thơ Trần Tuấn Khải thường thể hiện tâm sự yêu nước, nỗi đau của người dân mất nước và khích lệ đấu tranh.
 - Vì mượn đề tài lịch sử nên thơ Trần Tuấn Khải mang nặng nỗi niềm hoài cổ.
 - Thơ Trần Tuấn Khải thường có giọng điệu lâm li, bi tráng.

Bài tập 2

Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời đúng nhất.

- Bài thơ *Hai chữ nước nhà* được viết theo thể thơ nào?
 - Lục bát.
 - Song thất lục bát.
 - Ngũ ngôn.
- Thể thơ song thất lục bát là thể thơ như thế nào?
 - Hai câu bảy chữ, tiếp đến hai câu sáu - tám.
 - Hai câu sáu và tám đứng trước hai câu bảy chữ.
 - Số chữ trong mỗi câu có thể tăng lên thành tám chín chữ.
 - Có vần lưng kết hợp với vần chân.
 - Là thể thơ tương đối tự do, có khả năng dồi dào trong diễn tả tư tưởng tình cảm.
 - Không phải là sự kết hợp giữa thể Đường luật và thể lục bát
- Em có nhận xét gì về giọng điệu đoạn trích *Hai chữ nước nhà*?
 - Giọng rên rỉ, náo nức thống thiết.
 - Giọng bi hùng, thống thiết.
 - Giọng sầu bi, ảo não.
- Chốn ải Bắc mây sâu ảm đạm,
 Cõi gò Nam gió thảm đìu hiu,
 Bốn bề hổ thét chim kêu,
 Đoái nom phong cảnh như khêu bất bình
 Hạt máu nóng thấm quanh hồn nước,
 Chút thân tàn lặn bước dặm khơi,

*Trông con tâm tã châu rơi,
Con ơi, con nhớ lấy lời cha khuyên.*

Trong trích đoạn trên hình ảnh nào trong những hình ảnh sau gây xúc động nhất?

- A. Mây sầu ảm đạm
 - B. Gió thảm đìu hiu
 - C. Hồ thét chim kêu
 - D. Hạt máu nóng thấm quanh hồn nước
(Chút) thân tàn lụn bước dậm khơi
 - E. Tâm tã châu rơi
5. Cảm xúc bao trùm đoạn trích?
- A. Lời trăng trời ân tình mà tràn đầy xót xa, đau đớn của người cha với con trai về tình cảnh nước nhà trước giờ vĩnh biệt.
 - B. Tâm trạng u uất vì bất lực của người cha trước cảnh nước mất nhà tan.
 - C. Lòng căm phẫn quân xâm lược, kẻ đã làm nên cảnh nước mất nhà tan.
6. Em hiểu như thế nào về câu thơ?
- "Hạt máu nóng thấm quanh hồn nước,
Chút thân tàn lụn bước dậm khơi."*
- A. Tuy tấm thân tàn tạ của Nguyễn Phi Khanh phải lưu lạc xứ người nhưng hồn ông vẫn quấn quanh cùng đất nước.
 - B. Ông muốn hi sinh vì tổ quốc, nhưng lực bất tòng tâm.
 - C. Ông than khóc cho thân phận tàn tạ của mình phải lưu lạc xứ người.
7. Trong giờ phút biệt li đau đớn, Nguyễn Phi Khanh đã nói với Nguyễn Trãi những gì?
- A. Ông khẳng định nền độc lập của đất nước đã có từ lâu đời.
 - B. Ông ca ngợi lòng tự hào dân tộc, ca ngợi truyền thống tự tôn dân tộc.
 - C. Ông kể về hiện tình đau thương của đất nước.
 - D. Ông bày tỏ nỗi đau đớn của mình trước cảnh nước mất nhà tan.
 - E. Tất cả các ý trên.
8. Em hiểu Nguyễn Phi Khanh muốn khuyên con trai điều gì?
- A. Khuyên con hãy gác tình riêng, gánh vác việc nước nhà, nuôi chí lớn đánh đuổi giặc ngoại xâm.
 - B. Khuyên con học hành chăm chỉ, đỗ đạt cao ra làm quan, giúp ích cho dân cho nước.
 - C. Khuyên con hãy nuôi chí lớn, báo thù cho cha.

ĐỀ 10

Bài tập 1

1. Điền kí hiệu - tên tác giả: **TT** (Thanh Tịnh), **NH** (Nguyễn Hồng), **NTT** (Ngô Tất Tố), **NC** (Nam Cao) vào ô vuông cuối mỗi thông tin đúng về tác giả.
- A. Ông sinh năm 1918, sống chủ yếu ở thành phố Hải Phòng, trong một xóm lao động nghèo. ☐
 - B. Ông sinh năm 1911, quê ở ngoại ô thành phố Huế. ☐

- C. Ông sinh năm 1915, quê ở làng Đại Hoàng, phủ Lí Nhân, tỉnh Hà Nam. ☐
- D. Ông sinh năm 1893, quê ở làng Lộc Hà, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. ☐

2. Điền các kí hiệu tên tác giả đã cho ở câu 1 vào ô vuông cuối tên tác phẩm tương ứng.

- | | | | |
|-----------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------|
| A. Tắt đèn | ☐ | F. Sống chết mặc bay | ☐ |
| B. Lão Hạc | ☐ | G. Cửa biển | ☐ |
| C. Những ngày thơ ấu | ☐ | H. Thời thơ ấu | ☐ |
| D. Tôi đi học | ☐ | I. Lều chõng | ☐ |
| E. Ngậm ngải tìm trầm | ☐ | J. Sống mòn | ☐ |

3. Điền kí hiệu tên tác giả đã cho ở câu 1 vào cuối mỗi nhận xét tương ứng.

- A. Các sáng tác của ông, nhìn chung, đều toát lên vẻ đẹp đầm thắm, tình cảm êm dịu, trong trẻo. ☐
- B. Ông là nhà văn của những người cùng khổ. ☐
- C. Ông chủ trương “Biết dùng những câu chuyện chẳng có gì để nói những cái sâu sắc”. ☐
- D. Ông là “nhà văn của nông dân”. ☐

Bài tập 2

Đọc kĩ đoạn văn và trả lời câu hỏi bằng cách khoanh tròn chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

... “Chị Dậu xám mặt, vội vàng đặt con xuống đất, chạy đến đỡ lấy tay hắn:

- Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!
- Tha này! Tha này!

Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.

Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại:

- Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!

Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rồi hắn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu.

Chị Dậu nghiêng hai hàm răng:

- Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem! Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chổng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.”

1. Đoạn văn trên được trích trong tác phẩm nào?

- A. Trích trong *Việc làng* của Ngô Tất Tố.
- B. Trích trong *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố.
- C. Trích trong *Chị Dậu* của Ngô Tất Tố.

2. Trong đoạn văn trên, tác giả đã kết hợp những phương thức biểu đạt nào?

- A. Miêu tả, biểu cảm, lập luận.
- B. Tự sự, miêu tả, biểu cảm.
- C. Tự sự, miêu tả, lập luận.

3. Đại từ xưng hô ngôi thứ nhất trong đoạn văn trên là những từ nào?
A. Cháu. B. Tôi. C. Bà. D. Ông. E. Mày.
4. Đại từ xưng hô ngôi thứ nhất trong đoạn văn là của nhân vật nào?
A. Chị Dậu. C. Cai lệ.
B. Anh Dậu. D. Người nhà lí trưởng.
5. Ai là người chủ động xoay chuyển tình thế câu chuyện?
A. Chị Dậu. C. Cai lệ..
B. Anh Dậu. D. Người nhà lí trưởng.
6. Nhận xét nào đúng nhất về nhân vật chị Dậu?
A. Ngổ ngược, đánh đá; nhanh nhẹn, thông minh.
B. Rất thương chồng và tiềm tàng sức mạnh, tinh thần đấu tranh.
C. Anh hùng, dũng cảm; nhanh nhẹn, thông minh.
7. Điền vào mục C từ có nghĩa bao hàm được nghĩa của các từ ở A, B
A. bịch, B. tát, C.
8. Điền các kí hiệu: **1** (từ tượng thanh), **2** (từ tượng hình) vào ô vuông cuối các từ sau:
- | | | | |
|--------------|--------------------------|----------------|--------------------------|
| A. vội vàng, | ☐ | E. ần dúi, | ☐ |
| B. bịch, | ☐ | F. lẻo khoẻo, | ☐ |
| C. sấn, | ☐ | G. lực điền, | ☐ |
| D. bốp, | ☐ | H. chổng quèo. | ☐ |
9. Trong đoạn văn trên có sử dụng tình thái từ hay không?
A. Có. B. Không.
10. Điền dấu **X** vào ô vuông cuối câu ghép.
- A. Chị Dậu xám mặt, vội vàng đặt con xuống đất, chạy đến đỡ lấy tay hấn. ☐
- B. Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho! ☐
- C. Vừa nói hấn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu. ☐
- D. Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ! ☐

Bài tập 3

Cho đề văn sau: *Em hãy giới thiệu một cảnh đẹp nổi tiếng của quê em.*

1. Hãy lập dàn bài theo các yêu cầu sau:

A. Mở bài: Giới thiệu chung về cảnh đẹp (tên, vị trí địa lí, địa điểm nổi tiếng nhất)

.....

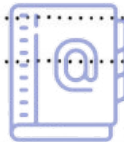
B. Thân bài: + Giới thiệu về đẹp thiên nhiên:

.....

- + Giới thiệu, thuyết minh các di tích văn hoá (nếu có truyền thuyết gắn với các di tích cần kể lại một cách có chọn lọc):

- + Giới thiệu, thuyết minh truyền thống văn hoá, lịch sử:

- + Nêu giá trị của cảnh đẹp:



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

- C. Kết bài: Bày tỏ thái độ, tình cảm đối với cảnh đẹp, khuyến khích khách du lịch đến tham quan cảnh đẹp của quê mình.

2. Viết thành văn phần kết bài:

ĐỀ 11

Bài tập 1

1. Em hãy đọc kĩ đoạn văn sau, sau đó chọn từ ngữ thích hợp (trong các từ: *bênh vực, tan vỡ, lặng lẽ, vắng sao đột hiện, điểm nhiên*) rồi điền vào những chỗ trống trong đoạn văn để có một lời giới thiệu xác đáng về vị trí của Thế Lữ trong phong trào Thơ mới.

*Khi thơ mới vừa ra đời, Thế Lữ đồng thời cũng xuất hiện như
..... sáng chói khắp cả trời thơ Việt Nam. Thế Lữ không bàn về
thơ mới, không thơ mới, không bút chiến, không diễn thuyết.
Thế Lữ chỉ, chỉ bước
những bước vững vàng mà trong khoảnh khắc, cả hàng ngũ thơ xưa phải*

(Theo Hoài Thanh)

2. Em hãy khoanh tròn chữ cái ở trước ý đúng.

Khái niệm "*thơ mới*" dùng để:

- A. Gọi tên thể thơ lục bát, có số câu số chữ trong bài không hạn định.
- B. Gọi tên thể thơ thất ngôn bát cú, có số câu số chữ trong bài không hạn định.
- C. Gọi tên một trào lưu thơ lãng mạn vào đầu những năm 30 của thế kỉ XX, nở rộ vào khoảng những năm từ 1932 đến 1942, về hình thức, sáng tác không câu nệ vào số câu chữ bó buộc như thơ cổ.

3. Bài thơ *Nhớ rừng* được viết theo phương thức biểu đạt nào là chính? (Em hãy khoanh tròn chữ cái ở trước câu trả lời đúng).

- A. Miêu tả.
- B. Biểu cảm.
- C. Tự sự.

4. Em hãy khoanh tròn chữ cái ở trước ý đúng.

Điều khiến con hổ trong *Nhớ rừng* uất hận là:

- A. Bị tách khỏi môi trường sống tự nhiên
- B. Bị giam hãm tù túng
- C. Phải sống giữa sự tầm thường, giả dối.
- D. Cả A, B, C.

5. Em hãy khoanh tròn chữ cái ở trước ý đúng.

Thái độ của kẻ bị giam hãm là:

- A. Chấp nhận, cam chịu hoà mình vào thực tại ấy.
- B. Chứa chứa cả khối căm hờn ngùn ngụt.
- C. Bất hoà sâu sắc với thực tại đương thời.
- D. Gồm B và C.

6. Em hãy khoanh tròn chữ cái ở trước ý đúng.

Giọng điệu chính của kẻ "sa cơ" là:

- A. Giọng giễu nhại, ngạo mạn, kiêu hùng.
- B. Giọng than thở triền miên.
- C. Giọng cầu xin thảm thiết.

7. Theo em, câu thơ nào miêu tả cụ thể và đầy đủ nhất chân dung vị chúa tể rừng xanh? (Em hãy khoanh tròn chữ cái ở trước câu trả lời đúng).

- A. *Ta biết ta chúa tể cả muôn loài*

Giữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi.

B. *Ta bước chân lên, dõng dạc, đường hoàng,
Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng.*

C. *Hỡi oai linh, cảnh nước non hùng vĩ!
Là nơi giống hằm thiêng ta ngự trị.*

8. Em hãy khoanh tròn chữ cái ở trước câu trả lời đúng.

Ý nào trong số các ý sau diễn tả đầy đủ và sâu sắc nhất nỗi nhớ tiếc quá khứ huy hoàng của con hổ:

- A. Nhớ những đêm tối âm thầm
- B. Nhớ tự do, nhớ cái cao cả, hào hùng, cái tự nhiên
- C. Nhớ những ngày mưa gió bão táp
- D. Nhớ những bình minh rạng rỡ.

9. Dáng điệu của con hổ trong bộ tranh tứ bình được khắc họa hết sức phong phú, kì vĩ và thơ mộng. Em hãy nối kết một dòng ở cột **A** với hai câu thơ ở cột **B** để có những phác thảo tinh tế về dáng điệu của vị chúa tể rừng xanh trong mỗi bức tranh.

A

B

- | | |
|--|--|
| (1) Nhà hiền triết thâm trầm. | (1) <i>Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?</i> |
| (2) Bậc đế vương hiền lành trong một triều đại thanh bình. | (2) <i>Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?</i> |
| (3) Chàng thi sĩ lãng mạn, hào hoa. | (3) <i>Đâu những bình minh cây xanh nắng gội
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?</i> |
| (4) Vị chúa tể tàn bạo, dữ dội, làm chủ bóng tối. | (4) <i>Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?</i> |

10. Em hãy khoanh tròn chữ cái ở trước ý đúng.

Nếu thay từ *đợi* bằng từ *mong* trong câu thơ *Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt* thì câu thơ sẽ:

- A. Lạc lõng giữa mạch thơ, không hợp với logic tâm trạng và tầm vóc phi thường của con mãnh thú.
- B. Phù hợp với logic bài thơ, logic tâm trạng và tầm vóc của con mãnh thú.

11. Em hãy khoanh tròn chữ cái ở trước ý đúng

Một loạt câu nghi vấn mở đầu bằng *Nào đâu...?*, *Đâu...?* được lặp đi lặp lại trong bài thơ nhằm mục đích:

- A. Thể hiện sự ham hiểu biết của tác giả.
- B. Khắc họa nỗi nhớ rừng cháy ruột, mòn mỏi, vô vọng của con hổ.

12. Em hãy khoanh tròn chữ cái ở trước ý đúng.

Nét nghệ thuật đặc sắc của bài thơ thể hiện ở những câu nào trong các câu sau đây?

- A. Bài thơ tràn đầy cảm hứng lãng mạn với dòng cảm xúc cuộn cuộn tuôn trào.

- B. Tác giả đã chọn được một biểu tượng đắt là con hổ ở vườn bách thú để thể hiện sâu sắc và xúc động những khát vọng cháy bỏng và tâm sự thầm kín trong bài thơ.
- C. Hình ảnh thơ giàu chất tạo hình, ấn tượng, có khả năng gọi ở người đọc những cảm xúc mãnh liệt.
- D. Ngôn ngữ và nhạc điệu phong phú, giàu sức biểu cảm, giàu tính sáng tạo.
- E. Cả A, B, C, D.
- 13.** Em hãy khoanh tròn chữ cái ở trước ý đúng.
Theo em, niềm tâm sự sâu kín mà tác giả muốn gửi gắm thông qua bài thơ *Nhớ rừng* là:
- A. Niềm khát khao tự do mãnh liệt, khát khao vươn tới cái chân thật, cái cao cả, cái phi thường của một con người có ý thức sâu sắc về cuộc đời.
- B. Lòng yêu nước thầm kín của người dân mất nước.
- C. Mối bất hoà sâu sắc của tác giả với thực tại xã hội đương thời.
- D. Cả A, B, C.

Bài tập 2

Em hãy khoanh tròn chữ cái ở trước câu (ý) trả lời đúng

- 1.** Nhận định nào sau đây đúng với nhà thơ Vũ Đình Liên:
- A. Ông là một nhà thơ cộng sản tiêu biểu của thơ ca cách mạng Việt Nam.
- B. Thơ ông thường mang nặng lòng thương người và niềm hoài cổ.
- C. Quê hương là nguồn cảm hứng lớn cháy dọc đời thơ của ông.
- 2.** Nhân vật ông đồ trong bài thơ *Ông đồ* là:
- A. Một người thuộc tầng lớp trí thức Tây học.
- B. Một người thuộc tầng lớp trí thức Nho học.
- 3.** Ở hai khổ thơ đầu, ông đồ có một vị trí như thế nào trong bức tranh và trong con mắt của người qua lại:
- A. Ông là chỉ một người viết thuê bình thường.
- B. Ông là biểu tượng của sự cũ kĩ, lỗi thời.
- C. Ông là trung tâm của bức tranh; trung tâm chú ý, đối tượng ngưỡng mộ của mọi người.
- 4.** Ở hai khổ thơ tiếp theo, ông đồ có một vị trí như thế nào trong bức tranh và trong con mắt của người qua lại:
- A. Ông là trung tâm của bức tranh.
- B. Ông là biểu tượng của sự vui vẻ, đặc ý.
- C. Ông là đối tượng bị quên lãng.
- 5.** Hình ảnh nào miêu tả đắt nhất nỗi buồn tủi, xót xa của ông đồ:
- A. *Giấy đỏ buồn không thấm
Mực đọng trong nghiên sâu...*
- B. *Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay.*
- C. *Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa?*

6. Dụng ý sâu xa của tác giả trong hai khổ thơ giữa là:
 - A. Tả cảnh ông đồ ế khách.
 - B. Thể hiện sự tàn tạ, suy sụp của nền Nho học.
7. Theo em, câu thơ nào thể hiện sâu sắc nhất sự tiếc nuối, niềm nhớ thương của tác giả đối với cảnh cũ người xưa:
 - A. *Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?*
 - B. *Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa*
 - C. *Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?*
8. Hình ảnh ông đồ trong bài thơ biểu tượng cho:
 - A. Sự tiếc nuối quá khứ một thời.
 - B. Sự thất thế, tàn lụi của nền Nho học.
 - C. Số phận hẩm hiu của những nhà nho buổi giao thời.
 - D. Cả A, B, C.
9. Giọng điệu chính của bài thơ *Ông đồ* là:
 - A. Giọng phấn khởi hân hoan.
 - B. Giọng kể chuyện hào hứng.
 - C. Giọng ngậm ngùi, day dứt, thương cảm.

ĐỀ 12

Bài tập 1

Em hãy khoanh tròn chữ cái ở trước câu (ý) trả lời đúng.

1. Một trong những nguồn cảm hứng lớn nhất đời thơ Tế Hanh là:
 - A. Cảnh sông nước quê hương
 - B. Quê hương
 - C. Những con đường
2. Nội dung chính của bài thơ *Quê hương* là:
 - A. Sự trù phú, tấp nập của một làng chài ven biển.
 - B. Bức tranh sinh hoạt, lao động khoẻ khoắn, đầy sức sống của một làng quê miền biển.
 - C. Tình yêu quê hương trong sáng, da diết của tác giả.
 - D. Cả A, B, C.
3. Hình ảnh so sánh cánh buồm trắng no gió biển khơi với "mảnh hồn làng" có ý nghĩa, tác dụng:
 - A. Làm cho hình ảnh cánh buồm có vẻ đẹp lãng mạn, trở thành một biểu tượng của quê hương.
 - B. Thể hiện được hình ảnh thật của cánh buồm.
4. Hình ảnh người dân chài khoẻ khoắn, đầy sức sống được thể hiện rõ nhất qua những câu thơ nào:
 - A. *Khi trời trong, gió nhẹ sớm mai hồng
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.*
 - B. *Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*

Phẳng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang

C. *Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng*

Cả thân hình nòng thỏ vị xa xăm.

5. Cái hay, sự tinh tế của hai câu thơ: "*Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng. Cả thân hình nòng thỏ vị xa xăm*" là ở chỗ:

A. Câu thơ vừa khắc hoạ được vẻ đẹp ngoại hình, vừa gợi tả được vẻ đẹp tâm hồn đậm thắm, mặn mà nhưng không kém phần lãng mạn của những người dân chài ven biển.

B. Câu thơ đã sử dụng thủ pháp so sánh rất độc đáo làm nổi bật vẻ đẹp của người dân chài.

C. Câu thơ đã sử dụng biện pháp nhân hoá một cách có hiệu quả làm cho hình ảnh người dân chài trở nên gần gũi, thân thiết.

6. Ý nghĩa sâu xa của câu thơ: "*Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá*" là:

A. Nhà thơ nhớ vị mặn của muối và nước biển quê hương ông.

B. Nhớ đau đáu trong tim cảnh quê, hồn quê kết tinh trong mùi vị mặn nồng.

C. Nhớ những con người gắn bó với biển khơi.

7. Đây là những nét nghệ thuật đặc sắc của bài thơ:

A. Hình ảnh thơ phong phú, độc đáo, giàu sức sáng tạo.

B. Nhân vật có tính cách, cá tính rõ nét.

C. Lời thơ như lời của trái tim: giản dị, tự nhiên mà da diết, sâu lắng.

Bài tập 2

1. Em hãy khoanh tròn chữ cái ở đầu ý đúng.

Khi con tu hú là bài thơ được Tố Hữu sáng tác khi:

A. Tác giả bị giam trong nhà tù.

B. Tác giả trên đường đi công tác.

C. Tác giả đang ở trong phòng làm việc vào một ngày hè nóng nực.

2. Em hãy khoanh tròn chữ cái ở đầu ý đúng.

Bài thơ được viết theo thể:

A. Thơ tự do

B. Thơ tứ tuyệt

C. Thơ song thất lục bát.

D. Thơ lục bát

3. Em hãy điền các từ *rực rỡ, hứa hẹn, rộn rã, bắt đầu, đẹp nhất, thức dậy, tràn trề* vào những chỗ trống trong câu văn sau để được một nhận xét khái quát về bức tranh mùa hè trong hồi tưởng của người chiến sĩ trong tù:

"*Tiếng chim tu hú đã làm trong tâm hồn người chiến sĩ trẻ trong tù một bức tranh mùa hè âm thanh, sắc màu, nhựa sống. Tất cả còn đang, tất cả vừa mới, tất cả đều đang ở vào độ, như cuộc đời của người chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi vừa mới bắt gặp lí tưởng đang phơi phới trên con đường cách mạng*".

4. Em hãy khoanh tròn chữ cái ở đầu ý đúng.

Mùa hè đầy sức sống được cảm nhận chủ yếu thông qua những yếu tố sau:

A. Ánh sáng, màu sắc

B. Đường nét

C. Âm thanh.

5. Em hãy khoanh tròn chữ cái ở đầu ý đúng.
Tiếng chim tu hú trong bài thơ là một thứ âm thanh:
A. Rộn ràng, vui tươi.
B. Nhức nhối, thúc giục hành động.
C. Ở 6 câu thơ đầu là thứ âm thanh rộn ràng vui tươi, ở bốn câu thơ cuối là thứ âm thanh nhức nhối, thúc giục hành động.
6. Em hãy khoanh tròn chữ cái ở đầu ý đúng.
Thông qua bài thơ, tác giả muốn:
A. Thể hiện lòng yêu cuộc sống và khát khao tự do cháy bỏng của người tù cộng sản.
B. Thể hiện lòng yêu thiên nhiên đất nước.
C. Thể hiện nỗi buồn rầu, chán nản, tuyệt vọng khi phải sống trong tù.

ĐỀ 13

Bài tập 1

Em hãy đọc bài thơ *Tức cảnh Pác Bó* và khoanh tròn những chữ cái đánh dấu câu trả lời đúng

1. Theo em, *tức cảnh* có nghĩa là:
A. Cảm giác khó chịu, bức bối.
B. Ngắm cảnh mà có cảm xúc, nảy ra tứ thơ, lời thơ.
C. Tâm trạng bị dồn nén chặt như muốn phá bung ra.
2. Bài thơ *Tức cảnh Pác Bó* thuộc thể thơ:
A. Thơ tự do
B. Thơ lục bát
C. Thơ tứ tuyệt
D. Thơ thất ngôn.
3. Giọng điệu chính của bài thơ là:
A. Giọng cười cợt, chế giễu.
B. Giọng vui đùa, lạc quan.
C. Giọng trầm buồn tha thiết.
4. Em hãy điền các cụm từ *việc ăn, việc ở, điều kiện làm việc* vào những chỗ chấm thích hợp trong câu văn sau:
a) Câu thơ thứ nhất nói về
b) Câu thơ thứ hai nói về
c) Câu thơ thứ ba nói về của Bác ở Pác Bó.
5. Theo Bác, "cuộc đời cách mạng thật là sang" vì:
A. Có đầy đủ thức ăn ngon và điều kiện làm việc tốt.
B. Được sống giữa thiên nhiên, được tự do để lo toan việc dân việc nước.
C. Không phải lao động vất vả chân lấm tay bùn mà lại được mọi người tôn sùng.
6. Hình ảnh nổi bật đằng sau câu chữ bài thơ là:
A. Chân dung vị lãnh tụ cách mạng ung dung, tự tại, yêu đời.
B. Bức tranh thiên nhiên Pác Bó hùng vĩ, tươi đẹp.
C. Cuộc sống nghèo khổ của người dân nơi núi rừng biên giới hoang vu.

7. Khác với thơ cổ, thiên nhiên trong thơ Bác thường gọi ở người đọc:
 - A. Nỗi u hoài nặng trĩu.
 - B. Cảm giác rộn ngợp trước vũ trụ bao la, điều hiu.
 - C. Niềm yêu đời, yêu cuộc sống, tinh thần lạc quan cách mạng.
8. Nhận định nào sau đây đúng với bài thơ *Tức cảnh Pác Bó*:
 - A. Bài thơ thể hiện lòng yêu thiên nhiên đến say mê của Bác.
 - B. Bài thơ gọi ra một chân lí đường đời: hết khổ là vui.
 - C. Bài thơ thể hiện niềm vui, tinh thần lạc quan và phong thái ung dung của Bác trong cuộc sống cách mạng đầy gian khổ.

Bài tập 2

Em hãy đọc bài giới thiệu về Vịnh Hạ Long và thực hiện yêu cầu nêu ở dưới.

VỊNH HẠ LONG

Vịnh Hạ Long được uỷ ban UNESCO công nhận và xếp hạng là di sản văn hoá thế giới tại cuộc họp lần thứ 18 vào tháng 12 năm 1994 ở Thái Lan [1]. Vịnh Hạ Long thuộc tỉnh Quảng Ninh [2]. Vịnh có diện tích khoảng 1.500 km² với trên 1.600 hòn đảo có tên gọi [3]. Đây là một quần thể đảo đá to nhỏ, cao, thấp khác nhau, mỗi hòn một vẻ, hình thù kì thú, cho ta cảm giác như đang đi giữa một thế giới động vật trải qua hàng triệu năm hoá đá [4]. Trong hòn đảo còn chứa biết bao hang động kì thú như: hang Đầu Gỗ, hang Bò Nâu (Bò Nong), hang Cửa Giữa (còn gọi là hang Con Gái, hang Trinh Nữ), hang Trống, hang Sừng Sốt... [5].

Hạ Long có nhiều vũng, vịnh, chỗ phình ra, chỗ thắt lại [6]. Đi thuyền trên mặt vịnh sẽ gặp những ngõ ngách khúc khuỷu bởi những hòn đảo đột nhiên hiện ra trước mắt rồi lại đột nhiên khép lại [7]. Hạ Long còn là một kho báu với vô vàn hải sản, động thực vật rừng rất phong phú (có trên 1.000 loài cá trong đó có 730 loài đã định tên, có những loài cá ngon nổi tiếng như: chim, thu, nụ, đế...) [8]. Hạ Long là quê hương của hải sâm, bào ngư, ngọc trai [9]. Hạ Long còn là vùng di chỉ văn hoá khảo cổ của dân tộc - nền văn hoá Hạ Long, ghi dấu tích con người thời đá cũ, đá mới cách đây hàng vạn năm, với những bộ sưu tập các riu đá, đục, lưỡi câu, chày nghiền, bàn mài, đồ trang sức, đồ gốm được chế tác trên bàn xoay, có hoạ tiết trang trí hình sóng nước [10].

(*Bách khoa tri thức phổ thông*, - NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2001)

Yêu cầu: Em hãy khoanh tròn chữ cái ở trước câu (ý) trả lời đúng.

1. Theo em, bố cục của bài giới thiệu trên gồm có mấy phần:
 - A. Một
 - B. Hai
 - C. Ba
2. Bài giới thiệu trên được viết chủ yếu theo trình tự:
 - A. Chính phụ, (chính nói trước, phụ nói sau).
 - B. Cấu tạo.
 - C. Nhận thức từ tổng thể đến bộ phận.
 - D. Từ vị trí, đặc điểm cấu tạo đến giá trị kinh tế, văn hoá.
3. Nếu bắt buộc phải lược bỏ bớt một số câu để bài giới thiệu trên ngắn gọn, cô đúc hơn, em sẽ bỏ bớt những câu nào trong số các câu sau:
 - A. Câu số [5]

- B. Câu số [6]
- C. Câu số [7]
- D. Câu số [9]
- E. Cả A, B, C, D.

Bài tập 3

1. Văn bản thuyết minh có tính chất gì khác so với văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận? (Em hãy khoanh tròn chữ cái ở trước câu trả lời đúng).
 - A. Tri thức mang tính khách quan, xác thực, không bắt buộc phải có yếu tố biểu cảm.
 - B. Tri thức được trình bày trong một hệ thống lập luận chặt chẽ, lời lẽ đanh thép.
 - C. Có sự kết hợp hài hoà giữa kể chuyện, miêu tả và bộc lộ cảm xúc.
2. Để làm tốt một bài văn thuyết minh ta thường phải chú ý vận dụng những phương pháp nào:
 - A. Phân tích, so sánh.
 - B. Thống kê, liệt kê, nêu ví dụ, dùng số liệu.
 - C. Định nghĩa, giải thích, miêu tả
3. Với đề bài: Hãy giới thiệu cây hoa đào (hoặc hoa mai) ngày Tết, một bạn học sinh đã lập dàn ý thứ tự như sau:
 - A. Hoa đào (hoặc hoa mai) là biểu tượng của mùa xuân.
 - B. Đặc điểm của lá đào (hoặc hoa mai) ngày xuân.
 - C. Mùa hoa đào (hoặc hoa mai) nở.
 - D. Đặc điểm của thân cây, cành cây đào (hoặc hoa mai) vào mùa xuân.
 - E. Vai trò, ý nghĩa của cây hoa đào (hoặc hoa mai) ngày Tết.
 - F. Tình cảm đối với cây hoa đào (hoặc hoa mai).
 - G. Màu sắc của hoa đào (hoặc hoa mai).
 - H. Đặc điểm, hình dáng của cánh hoa đào (hoặc hoa mai)

Em hãy tham khảo dàn ý trên và trả lời các câu hỏi sau:

- a) Thứ tự dàn ý như trên đã hợp lí chưa?
- b) Nếu là em, em sẽ sắp xếp theo thứ tự bắt đầu từ ý nào đến ý nào?
.....
- c) Để viết bài giới thiệu này phải sử dụng những phương pháp nào là chính? (Em hãy khoanh tròn chữ cái ở trước câu trả lời đúng).
 - A. Thống kê B. Miêu tả, trình bày C. So sánh.

ĐỀ 14

Bài tập 1

1. Em hãy khoanh tròn chữ cái ở đầu ý trả lời đúng.
Theo em, tác phẩm *Nhật kí trong tù* là:
 - A. Một tập hồi kí.
 - B. Một tập nhật kí.
 - C. Một tập nhật kí bằng thơ.
2. Nhận định nào sau đây thể hiện khái quát và sâu sắc giá trị của tập *Nhật kí trong tù*? (Em hãy khoanh tròn chữ cái ở trước câu trả lời đúng).

- A. Tác phẩm đã trở thành một phương tiện để người đọc "ngâm ngợ cho khuây".
- B. Tác phẩm là một bức chân dung tinh thần tự họa của một người tù vĩ đại: tâm hồn cao đẹp; ý chí, nghị lực phi thường và tài năng nghệ thuật xuất sắc.
- C. Tác phẩm đã phản ánh chân thực bộ mặt nhà tù tàn bạo của chính quyền Tưởng Giới Thạch.
3. Em hãy khoanh tròn chữ cái ở trước câu trả lời đúng.
Trăng là một đề tài phổ biến trong thơ xưa. Người xưa thường thưởng trăng trong hoàn cảnh:
- A. Tâm hồn thư thái, thanh thoi.
- B. Ngồi thưởng trăng giữa trời đất bao la.
- C. Thưởng trăng với những thú vui tao nhã khác: "*Khi chén rượu, khi cuộc cờ. Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên*" (Truyện Kiều).
- D. Cả A, B, C.
4. Trong bài thơ *Ngắm trăng*, Bác đã cảm nhận được vẻ đẹp của trăng trong hoàn cảnh nào? (Em hãy khoanh tròn chữ cái ở trước câu trả lời đúng).
- A. Tự do về mặt tinh thần.
- B. Chân tay bị xiềng xích, giam hãm trong tù ngục.
- C. Thưởng thức trăng suông, không có hoa và rượu.
- D. Cả A, B, C.
5. Trong hai câu (một câu dịch thơ, một câu dịch nghĩa) sau, câu nào thể hiện rõ hơn sự nhạy cảm, tâm trạng xôn xang bồi hồi của Bác trước vẻ đẹp của trăng? (Em hãy khoanh tròn chữ cái ở trước câu trả lời đúng).
- A. *Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ.*
- B. *Trước cảnh đẹp đêm nay biết làm thế nào?*
6. Câu thơ nào trong bài *Ngắm trăng* chứng tỏ trong thơ Bác, trăng cũng có tâm hồn như là một con người?
-
7. Câu thơ nào chứng tỏ xiềng xích và bốn bức tường nhà ngục không giam hãm được tâm hồn Bác? (Em hãy khoanh tròn chữ cái ở trước câu trả lời đúng)
- A. *Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ*
- B. *Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*
8. Trong hai câu thơ sau, từ nào thể hiện rõ sự gắn bó, mối tri âm tri kỷ giữa trăng và người tù vĩ đại? (Em hãy gạch chân những từ đó)
- A. *Nhân hướng song tiền* *khán minh nguyệt*
- B. *Nguyệt tòng song khích* *khán thi gia*
9. Điều làm người đọc xúc động sâu sắc nhất khi đọc bài thơ này là gì? (Em hãy khoanh tròn chữ cái ở trước câu trả lời đúng).
- A. Bức tranh đêm trăng đẹp.
- B. Trong cảnh ngục tù, cực khổ, tăm tối, tâm hồn người tù vĩ đại vẫn rộng mở, giao hoà với thiên nhiên và tràn đầy niềm lạc quan cách mạng.

C. Cuộc sống trong tù thiếu thốn, không có những thứ cần thiết như hoa và rượu.

10. Có ý kiến cho rằng, *Ngắm trăng* là một cuộc vượt ngục tinh thần bằng thơ của Bác. Theo em, ý kiến này đúng hay sai? Vì sao?

.....

.....

.....

.....

.....

Bài tập 2

Em hãy khoanh tròn chữ cái ở đầu những câu trả lời mà em cho là đúng.

- Bài thơ *Đi đường* được viết khi Bác:
 - Đang trên đường đi công tác
 - Trên đường lên chiến khu cách mạng Việt Bắc
 - Trên đường Bác bị áp giải từ nhà lao này đến nhà lao khác.
- Ý nghĩa sâu sắc nhất mà bài thơ muốn thể hiện là:
 - Bài thơ thể hiện một suy nghĩ, triết lí: Vượt qua mọi gian khổ, đi đến tận cùng đỉnh núi con người sẽ chiếm lĩnh các đỉnh cao, sẽ gặt hái được nhiều thành công.
 - Bài thơ phản ánh những con đường đi khó.
 - Bài thơ phản ánh những cuộc bị áp giải đầy gian lao của Bác.
- So với nguyên tác, bản dịch thơ của Nam Trân có câu nào chưa thật sát:
 - Núi cao rồi lại núi cao trập trùng*
 - Núi cao lên đến tận cùng*
 - Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non*
- Câu thơ thứ tư: "*Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non*" thể hiện tư thế của một con người như thế nào?
 - Tư thế của một con người đi du ngoạn.
 - Tư thế của một vị ẩn sĩ ưu tư ngắm cảnh.
 - Tư thế của người chiến sĩ trên đỉnh cao chiến thắng sau biết bao gian khổ, đoạ đầy.
- Giọng điệu chính của bài thơ là:
 - Kể chuyện, tâm sự.
 - Khuyến bảo, răn dạy.
 - Vui đùa, hóm hỉnh.

ĐỀ 15

Bài tập 1

- Em hãy khoanh tròn chữ cái ở đầu ý trả lời đúng:
Hịch là một thể văn:
 - Hành chính
 - Biểu cảm
 - Nghị luận.

2. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn () rồi điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau:

"Trần Quốc Tuấn là một (đại tướng, danh tướng) kiệt xuất đời (Lí, Trần). Ông là người có phẩm chất cao đẹp, (hào hoa phong nhã, văn võ song toàn). Ông đã từng hai lần cầm quân dẹp tan giặc..... (Minh Thanh, Mông Cổ). Nhân dân ta tôn thờ ông là (hoàng đế, Đức Thánh Trần) và lập đền thờ ở nhiều nơi trên đất nước."

3. Em hãy khoanh tròn chữ cái ở đầu ý trả lời đúng:

So với kết cấu chung của một bài hịch, *Hịch tướng sĩ* không có phần:

- A. Phần mở đầu
- B. Phần nêu truyền thống về vang trong sử sách để gây lòng tin tưởng.
- C. Phần nhận định tình hình để gây lòng căm thù giặc, phân tích phải trái để làm rõ đúng sai.
- D. Phần nêu chủ trương cụ thể và kêu gọi đấu tranh.

4. Em hãy khoanh tròn chữ cái ở đầu ý trả lời đúng:

Biểu dương một loạt các tấm gương trung thần nghĩa sĩ xả thân vì nước, Trần Quốc Tuấn nhằm nêu lên một nguyên lí chủ yếu:

- A. Là tướng sĩ thì bao giờ cũng phải chết thay cho vua.
- B. Là tướng sĩ phải hết lòng phụng sự vương chủ và đất nước.

5. Em hãy khoanh tròn chữ cái ở đầu ý trả lời đúng:

Trong bài hịch, tác giả đã gọi lũ giặc xâm lược bằng những danh từ nào trong số các danh từ sau:

- A. cú điều
- B. dê chó
- C. hổ đói
- D. Cả A, B, C.

6. Em hãy khoanh tròn chữ cái ở đầu ý trả lời đúng:

Tội ác và sự ngang ngược của giặc được tác giả lột tả sâu sắc bằng thủ pháp:

- A. Sử dụng một loạt các câu văn, các từ ngữ dịu dàng, êm ái.
- B. Sử dụng một loạt các hình ảnh ẩn dụ, so sánh khiến lũ giặc giống một bầy dã thú tham lam, độc ác, bẩn thỉu.
- C. Sử dụng nhịp điệu câu văn nhịp nhàng, cân đối.

7. Em hãy khoanh tròn chữ cái ở đầu ý trả lời đúng:

Viết về sự ngang ngược và tội ác của giặc Mông Cổ, tác giả chủ yếu nhằm khích lệ ở tướng sĩ:

- A. Lòng căm thù giặc
- B. Niềm tự hào về truyền thống anh hùng của dân tộc.
- C. Nỗi đau khổ, lo sợ lũ giặc bạo tàn.

8. Em hãy khoanh tròn chữ cái ở đầu ý trả lời đúng:

Câu "Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng" ý muốn nói:

- A. Để tiêu diệt giặc, cần phải hi sinh một trăm hay một nghìn binh lính tác giả cũng vui lòng.

- B. Đề tiêu diệt giặc, bản thân dù phải chết đến trăm lần, nghìn lần tác giả cũng vui lòng.
9. Lòng yêu nước, căm thù giặc và ý chí quyết tâm tiêu diệt giặc của Trần Quốc Tuấn đã lên đến mức độ nào? (Em hãy khoanh tròn chữ cái ở đầu ý trả lời đúng)
- A. Cao. B. Khá cao. C. Tột độ, tột cùng.
10. Những thái độ, hành động nào của một số tướng sĩ, theo Trần Quốc Tuấn, là sai trái? (Em hãy khoanh tròn chữ cái ở đầu các ý trả lời đúng).
- A. Làm tướng triều đình mà phải hầu quân giặc.
B. Lấy việc chọi gà làm vui đùa, lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển.
C. Thích rượu ngon, mê tiếng hát hay.
D. Vui thú ruộng vườn, quyến luyến vợ con.
E. Lo làm giàu, ham săn bắn.
11. Em hãy khoanh tròn chữ cái ở đầu ý trả lời đúng:
Khi miêu tả, phân tích sự ham vui chơi, hưởng thụ đáng hổ thẹn của tướng sĩ, thái độ của Trần Quốc Tuấn là:
- A. Phê phán nghiêm khắc, gay gắt nhưng chân thành.
B. Phê bình nhẹ nhàng.
C. Nhắc nhở nhỏ nhẹ.
12. Tác giả đã dùng những thủ pháp nghệ thuật nào để thuyết phục tướng sĩ nhận ra điều sai cần phải thay đổi và điều đúng cần làm? (Em hãy khoanh tròn chữ cái ở đầu ý trả lời đúng).
- A. Thủ pháp nhân hoá giúp tướng sĩ thấy rõ: gà trống, chó săn... cũng là những chiến sĩ diệt giặc giỏi.
B. Thủ pháp tương phản giúp tướng sĩ thấy rõ: đầu hàng thì mất tất cả; chiến đấu thắng giặc thì được tất cả.
C. Thủ pháp điệp ngữ, điệp ý tăng tiến giúp tướng sĩ từng bước thấy rõ đúng - sai; phải - trái.
D. Cả A, B, C.
13. Thủ pháp điệp ngữ, điệp ý tăng tiến được thể hiện chủ yếu qua kiểu cấu trúc câu nào? (Em hãy khoanh tròn chữ cái ở đầu ý trả lời đúng).
- A. ... *nhìn ... mà không biết...*; ... *thấy ... mà không biết...*
... *làm ... mà không biết...*; ... *nghe ... mà không biết...*
B. *Chẳng những... mà còn...*
C. *Hoặc ... hoặc...*
D. Cả A, B, C.
14. Em hãy khoanh tròn chữ cái ở đầu ý trả lời đúng:
Những công việc trước mắt cần thiết mà tướng sĩ phải làm là:
- A. Nêu cao tinh thần cảnh giác, chăm lo huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên, quyết tiêu diệt kẻ thù xâm lược.
B. Lo giữ gìn bóng lộc, thái ấp, tông miếu.
C. Lo hưởng thụ, vui chơi cùng gia quyến.
15. Em hãy khoanh tròn chữ cái ở đầu ý trả lời đúng:
Khi nêu ra những công việc trước mắt mà tướng sĩ phải làm và con đường đúng mà họ phải lựa chọn, giọng điệu chính của tác giả là:

- A. Nghiêm khắc ra lệnh.
- B. Khuyên bảo, răn dạy, bày tỏ thiệt hơn.
- C. thỉnh cầu tha thiết.

16. Em sẽ chọn nhận định nào trong các nhận định sau để đánh giá khái quát về giá trị nghệ thuật của *Hịch tướng sĩ*? (Em hãy khoanh tròn chữ cái ở đầu ý trả lời đúng).

- A. *Hịch tướng sĩ* phản ánh lòng căm thù giặc, tinh thần yêu nước, ý chí quyết tâm đánh thắng giặc ngoại xâm của nhân dân ta.
- B. *Hịch tướng sĩ* là một áng văn nghị luận mẫu mực, bắt hủ với kết cấu chặt chẽ, lập luận sắc sảo, lí lẽ sắc bén và lời văn đồng dục, giàu cảm xúc.
- C. Cả A, B.

Bài tập 2

1. Trong hai hành động sau, hành động nào là hành động nói? (Em hãy khoanh tròn chữ cái ở đầu ý trả lời đúng).

- A. Bình xách nước đổ vào thùng.
- B. Bình nhờ Hà xách nước đổ vào thùng.

2. Em hãy xác định các kiểu hành động nói trong các đoạn văn sau (trừ những câu trong ngoặc []) rồi điền vào chỗ trống.

a) *Nay các người nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn.* (Trần Quốc Tuấn)

b) *Nay ta bảo thật các người: nên nhớ câu "đặt mỗi lửa vào dưới đồng củi" là nguy cơ, nên lấy điều "kiêng canh nóng thổi rau ngọai" làm răn sợ.* (Trần Quốc Tuấn)

c) *Nếu các người biết chuyên tập sách này theo lời dạy bảo của ta thì mới phải đạo thần chủ; ngược bằng khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo của ta, tức là kẻ nghịch thù.* (Trần Quốc Tuấn)

d) *[Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở]. Các khanh nghĩ thế nào?* (Lí Công Uẩn)

e) *Lạy cha, lạy mẹ! Cho con xin trình cha mẹ...* (Chèo Quan Âm Thị Kính)

f) *Này các con! Ngủ đủ rồi! Giờ lên đường đã tới.* (Gô-gôn)

g) *Sao lại không vào? Mợ mày phát tài lắm, có như dạo trước đâu.* (Nguyễn Hồng)

h) *Chú mình muốn cùng tớ đùa vui không?* (Tô Hoài)

3. Từ câu *Chú mình muốn cùng tớ đùa vui không?*, Em hãy viết thành bốn câu mới thể hiện hành động điều khiển với các nội dung sau:

- a) thách:
- b) mời:
- c) giục:
- d) ra lệnh:

4. Em hãy xác định các kiểu hành động nói (về hành động trình bày, hứa hẹn, bộc lộ cảm xúc) trong những đoạn văn sau rồi điền vào chỗ trống.

a) *Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù.*
(Trần Quốc Tuấn)

b) *Chúng tôi lớn lên mỗi người mỗi ngả
Kẻ sớm khuya chài lưới bên sông
Kẻ cuốc cày mưa nắng ngoài đồng
Tôi cầm súng xa nhà đi kháng chiến.*

(Tế Hanh)

c) *Tôi sẽ mang về trao tận tay cho cháu*

(Nguyễn Quang Sáng)

d) *Tôi nghĩ thầm, con bé đang bị dồn vào thế bí, chắc nó phải gọi ba nó thôi.*

(Nguyễn Quang Sáng)

e) *Mụ vợ không thèm nhìn, ra lệnh đuổi đi. Bọn thị vệ xô tới đẩy ông lão ra ngoài, bọn vệ binh cũng chạy tới tuốt gươm dọa chém.*

(Ông lão đánh cá và con cá vàng)

g. *Tiết trời đã sắp sang đông.*

(Ai-ma-tốp)

ĐỀ 16

Bài tập 1

Em hãy đọc kĩ đoạn trích *Nước Đại Việt ta* (SGK Ngữ văn 8, tập 2, trang 66), sau đó khoanh tròn vào những chữ cái ở đầu những câu mà em cho là đúng:

1. Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi biểu hiện tập trung ở những câu nào trong đoạn trích?

- A. Câu 1
- B. Câu 2
- C. Câu 1 và 2
- D. Từ câu 3 đến câu 8

2. Nội dung tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là:

- A. Yên dân
- B. Trừ bạo ngược
- C. Xây nền văn hiến
- D. Bắt sống Toa Đô

3. Ý thức dân tộc và niềm tự hào dân tộc được thể hiện ở phần nào, đoạn nào trong đoạn trích:
- Từ đầu đến "...cũng có"
 - Từ "Vậy nên..." đến "còn ghi..."
 - Hai câu đầu
4. Nguyễn Trãi dựa vào những yếu tố nào sau đây để khẳng định chủ quyền dân tộc:
- Nước Đại Việt có nền văn hiến lâu đời.
 - Nước Đại Việt có bờ cõi riêng.
 - Nước Đại Việt có phong tục riêng.
 - Nước Đại Việt có chính quyền riêng.
 - Nước Đại Việt có nhiều hào kiệt.
 - Nước Đại Việt có lịch sử chiến thắng xâm lược, bảo vệ chủ quyền đất nước.

Bài tập 2

Em hãy khoanh tròn chữ cái ở đầu ý trả lời đúng trong những câu sau:

- Cáo thuộc loại văn:
 - Tự sự;
 - Trữ tình;
 - Nghị luận
- Tác giả của cáo là:
 - Dân thường
 - Vua chúa, thủ lĩnh
- Nội dung của cáo:
 - Trình bày một chủ trương;
 - Một quyết định;
 - Bày tỏ cảm xúc riêng tư;
 - Kể chuyện.
- Đặc điểm của thể cáo (điền vào chỗ trống):
 - Lời lẽ:
 - Lí luận:
 - Kết cấu:
- Thể văn của cáo:
 - Văn xuôi
 - Văn vần
 - Văn biền ngẫu
- Em sẽ chọn những từ ngữ nào trong số những từ gợi ý sau đây: *chủ quyền, nền văn hiến lâu đời, giàu và đẹp, bờ biển dài* điền vào chỗ trống để thể hiện nội dung của đoạn trích *Nước Đại Việt ta*:
 - Đại Việt là nước có
 - Đại Việt là nước có

Bài tập 3

Em hãy gạch dưới những hành động cụ thể thuộc các kiểu hành động nói sau:

- Hành động *trình bày*: thách thức, kể, tả, dự đoán, báo tin, nêu ý kiến, ca ngợi, chê bai, than phiền.
- Hành động *bộc lộ cảm xúc*: chê bai, cầu khiến, đe dọa, kể, tả, than phiền, trách cứ, dự đoán, báo tin, xác nhận.
- Hành động *hứa hẹn*: kể, tả, giao ước, cá cược, báo tin, thách thức, cam đoan, chê bai, than phiền, vui mừng.

4. Hành động điều khiển: thán phục, cầu khiến, chê bai, thách thức, than phiền, đe dọa, dự đoán, báo tin.

Bài tập 4

Những hành động nói có mục đích sau đây thuộc lớp hành động nào?

1. Người nói cho rằng điều mình nói ra là đúng thuộc lớp hành động
2. Bày tỏ tâm trạng về một điều gì thuộc lớp hành động.....
3. Thay đổi tình trạng của sự việc nói đến thuộc lớp hành động
4. Tự buộc mình vào trách nhiệm thuộc lớp hành động

ĐỀ 17

Bài tập 1

1. Trong hai hệ thống lập ý sau, câu nói của Go-rơ-ki: *Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống* thuộc hệ thống nào? (Em hãy khoanh tròn chữ cái ở đầu câu trả lời đúng).

- A. Cần phải yêu quý sách
-
- B. Cần phải yêu quý sách → Sách là nguồn kiến thức → Kiến thức là con đường sống.

2. Em sẽ chọn ý nào trong những ý sau để xây dựng đoạn văn với luận điểm: *Sách là nguồn kiến thức*:

- A. Sách dạy ta những kiến thức khoa học.
- B. Sách dạy ta biết cách ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội.
- C. Những người tài năng và nổi tiếng đều là những người yêu quý sách.
- D. Sách cho ta kiến thức về toán học.
- E. Sách cho ta kiến thức về sử học.

Bài tập 2

Em hãy sắp xếp lại thứ tự những câu dưới đây để có một hệ thống lập luận logic, chặt chẽ:

- A. Giáo dục thành công thì tạo ra nhiều người tốt, nhiều người tốt thì chính quyền vững vàng, xã hội thịnh trị.
- B. Trong giáo dục cần chống lối học hình thức, học để cầu danh lợi, muốn vậy trước hết phải rèn đạo đức: biết lễ đối xử hằng ngày giữa mọi người.
- C. Mặt khác, giáo dục đúng đắn là phải giúp cho con người thu nhận khối lượng kiến thức rộng lớn uyên thâm, nhưng điều quan trọng là biết thu gọn và vận dụng kiến thức để làm việc.

Bài tập 3

Em hãy khoanh tròn vào những chữ cái chỉ sự sắp xếp đúng và gạch những chữ trong ngoặc đơn chú thích không đúng:

1. Sắt dẫn điện
2. Kim loại dẫn điện
3. Đồng dẫn điện
4. Chì dẫn điện

A. $\begin{array}{c|c} 2 & \\ 1 & 3 \\ 4 & \end{array}$ (diễn dịch - quy nạp)

B. $\begin{array}{c|c} & 1 \\ 2 & 3 \\ & 4 \end{array}$ (diễn dịch - quy nạp)

C. $\begin{array}{c|c} & 2 \\ 3 & 1 \\ & 4 \end{array}$ (diễn dịch - quy nạp)

D. $\begin{array}{c|c} 1 & \\ 3 & 2 \\ 4 & \end{array}$ (diễn dịch - quy nạp)

Bài tập 4

Em hãy đọc kĩ đoạn văn sau và khoanh tròn vào chữ cái đánh dấu ý mà em cho là đúng trong các câu dưới đây.

Hồ Chủ tịch là người Việt Nam, Việt Nam hơn người Việt Nam nào hết. Ngót ba mươi năm bôn tẩu bốn phương trời, Người vẫn giữ thuần túy phong độ, ngôn ngữ, tính tình của một người Việt Nam; Người khéo dùng tục ngữ, hay nói ví, thường có lối châm biếm kín đáo và thú vị. Làm thơ, Người thích lối ca dao vì ca dao là Việt Nam cũng như núi Trường Sơn, hồ Hoàn Kiếm, Đồng Tháp Mười vậy. Mấy mươi năm xa cách quê hương, Người không quên mùi vị những thức ăn đặc biệt của Việt Nam như cà muối, dưa chua, tương ớt, và ngày thường bây giờ, Người vẫn ưa thích những thứ ấy. Ngay sau khi về nước, gặp tết Người không quên quà bánh cho trẻ em, tuy chỉ có mấy đồng xu nhưng cũng bọc giấy hồng đơn cẩn thận, tiêm tất...

(Phạm Văn Đồng)

1. Đoạn văn diễn đạt theo hình thức nào?
 - A. Diễn dịch
 - B. Quy nạp
2. Câu nào là luận điểm?
 - A. Câu đầu
 - B. Câu cuối cùng.

Bài tập 5

1. Em hãy điền vào ô trống để nói rõ cách trình bày luận điểm của 2 sơ đồ sau: (chọn các từ: *diễn dịch*, *quy nạp*)

A.

	Luận cứ Luận cứ Luận cứ	}	→	Luận điểm
--	-------------------------------	---	---	-----------

B.

Luận điểm

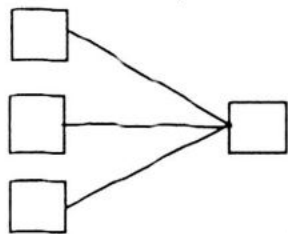
 Luận cứ
 Luận cứ
 Luận cứ

2. Em hãy đọc kĩ hai đoạn văn sau rồi điền chữ thích hợp vào 2 sơ đồ trình bày cách lập ý của 2 đoạn văn:

a) (A) Mùa xuân đã về. (B) Trời lâm râm mưa nhưng ẩm áp hơn mấy hôm trước. (C) Những cánh hoa phớt hồng lấm tấm trên những cành đào trụi lá. (D) Hoa soan bay trắng khắp lối đi.

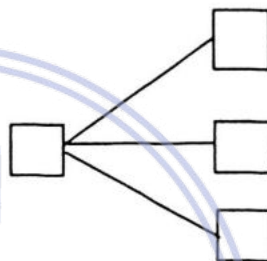
b) (A) Học làm bánh trưng mà không cầm đến lá dong, không vo gạo nếp, chưa từng gói bánh thì học cũng bằng không. (B) Chẳng cầm đến cái búa, không vận một con ốc, không tháo thử một cái lốp xe thì học sửa xe máy cũng chẳng được gì. (C) Chỉ suốt ngày đọc sách lí thuyết, rồi nghe giảng trên lớp, không bao giờ đụng vào bàn phím thì cả đời cũng không đánh nổi một văn bản trên máy vi tính chứ đừng nói là biết tin học. (D) Học phải đi đôi với hành.

Điền số hoặc tên:



Sơ đồ 1

Đoạn



Sơ đồ 2

Đoạn

Download Sách Miễn Phí Online

ĐỀ 18

Bài tập 1

Em hãy điền vào chỗ trống:

1. Nguyễn Ái Quốc:

- Tên được dùng khi hoạt động ở nước ngoài từ năm..... đến năm

- Một tên gọi khác:

2. Bản án chế độ thực dân Pháp:

- Viết bằng tiếng.....

- Xuất bản lần đầu tiên ở nước..... năm

- Nội dung:

+

+

3. Em hãy chọn những từ ngữ trong *Bản án chế độ thực dân Pháp* những từ bộc lộ bộ mặt giả nhân, giả nghĩa, tàn bạo của thực dân Pháp và nỗi đau khổ của người dân thuộc địa để điền vào chỗ trống trong các câu sau:

- Người bản xứ trước 1914, họ chỉ là

Cuộc chiến tranh vui tươi vừa xảy đến, lập tức họ biến thành

Đùng một cái họ được phong cho cái danh hiệu là

- Họ phải trả bằng cái giá khá đắt:

- Người bản xứ bị gọi là, họ bị săn bắt, ép buộc đi lính, làm bia đỡ đạn cho thực dân pháp, những lại được gọi là

- Khi hết chiến tranh thì những lời tuyên bố của các ngài nắm quyền bồng dưng..... Và cả người Nê-gơ-rô lẫn người An-nam-mít mặc nhiên trở lại.....

- Để ghi nhớ cả người Nê-gơ-rô lẫn người An-nam-mít, người ta đã

- Thương binh Pháp, vợ tử sĩ Pháp được cấp môn bài bán lẻ

4. Bản án chế độ thực dân Pháp của Nguyễn Ái Quốc có những tính chất, đặc điểm như sau:

A. Tính chiến đấu mạnh mẽ.

B. Tính chất điều tra, tư liệu.

C. Nghệ thuật trào phúng sắc sảo tài tình.

Em hãy điền những đặc điểm trên vào chỗ các chỗ trống trong đoạn văn sau:

a) Nguyễn Ái Quốc đã vạch trần bộ mặt giả nhân giả nghĩa tàn bạo của thực dân Pháp, cũng như đã dựng lại được số phận bi thảm của người dân thuộc địa, vì vậy, *Bản án chế độ thực dân Pháp* có

b) Lời tố cáo, lên án tội ác của thực dân Pháp đã đẩy người dân thuộc địa đến chỗ chết oan và làm bia đỡ đạn cho Pháp được dựa trên những số liệu cụ thể. Ví dụ: "Tổng cộng có bảy mươi vạn người bản xứ đặt chân lên đất Pháp, và trong số đó tám vạn người đã không bao giờ còn trông thấy mặt trời quê hương đất nước mình nữa". Ta có thể nói *Bản án chế độ thực dân Pháp* có

c) của *Bản án chế độ thực dân Pháp* thể hiện ngay ở cách đặt tên chương: *Thuế máu* - một cái tên vừa hài hước vừa kì lạ đã tố cáo được sự man rợ của chính sách thực dân đối với người dân bản xứ.

ĐỀ 19

Bài tập 1

1. Em hãy viết lại đoạn văn sau bằng cách thêm vào các yếu tố biểu cảm:

a) Người mẹ vất vả. Ngày hè tay mẹ rám nắng. Mùa đông vết rám chưa phai. Nhiều đêm mẹ chỉ đi ngủ sau khi chúng ta học xong. Bữa ăn mẹ nhường các thức ngon cho con.

b) Đất nước là gì? Đó là con đò nhỏ, là chiếc cầu ao, là cánh đồng lúa chín. Một cánh chim chiều, một giọng hò, một tiếng ru con. . cũng là đất nước.

2. Đọc đoạn văn sau (chú ý những chữ in nghiêng đậm) và trả lời câu hỏi.

Điều rất quan trọng cần phải làm nổi bật là sự nhất quán giữa đời hoạt động chính trị **lay trời chuyển đất** với đời sống bình thường **vô vùng gián dị và khiêm tốn** của Hồ Chủ tịch.

Rất lạ lùng và kì diệu là trong 60 năm của một cuộc đời **đầy sóng gió** diễn ra ở rất nhiều nơi trên thế giới, cũng như ở nước ta, **Bác Hồ vẫn giữ nguyên, phẩm chất cao quý** của người chiến sĩ cách mạng, tất cả vì nước, vì dân, vì sự nghiệp lớn **trong sáng, thanh bạch, tuyệt đẹp**.

(Phạm Văn Đồng)

Câu hỏi:

a) Những từ ngữ in đậm trong đoạn văn trên thuộc kiểu diễn đạt gì? (khoanh tròn vào ý mà em chọn):

- | | |
|----------------|-----------------------|
| A. Tự sự | D. Biểu cảm |
| B. Miêu tả | E. Hành chính công vụ |
| C. Thuyết minh | |

b) Nếu lược bỏ những từ ngữ in đậm đoạn văn sẽ bị mất những tác dụng gì? (khoanh tròn vào ý mà em chọn).

- A. Không bộ lộ được cảm xúc của người viết.
 B. Không tác động mạnh mẽ đến tình cảm của người đọc.
 C. Tính thuyết phục của văn bản đối với người đọc sẽ yếu.

ĐỀ 20

Bài tập 1

1. Em hãy tìm nội dung đúng ở cột B nối với tên tác phẩm ở cột A để có những ghi nhớ vắn tắt về nội dung, giá trị của các tác phẩm văn học đã học.

A	B
(1) Hai chữ nước nhà	(1) Tâm trạng bức bối, u uất và khát vọng tự do của người cộng sản trẻ tuổi trong phòng giam ngột ngạt.
(2) Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông	(2) Niềm vui của người cách mạng được sống giữa đất trời tự do dù cuộc sống kháng chiến còn nhiều gian khổ, thiếu thốn.
(3) Quê hương	(3) Niềm lạc quan tin tưởng vào tương lai tươi sáng của người chiến sĩ cộng sản trên con đường đời, con đường cách mạng đầy gian lao, thử thách nguy hiểm.
(4) Khi con tu hú	(4) Sự tiếc nuối quá khứ vàng son, tiếc nuối một nền văn hoá và lòng thương xót số phận hẩm hiu của một lớp nhà nho "mạt vận".
(5) Muốn làm thằng Cuội	(5) Lòng yêu trăng và cuộc vượt ngục tinh thần của một người tù cách mạng vĩ đại.
(6) Ông đồ	(6) Phong thái ung dung, đường hoàng và khí phách kiên cường, bất khuất trong cảnh ngục tù khốc liệt của nhà chí sĩ yêu nước.

- (7) *Ngắm trăng* (7) Tình yêu quê hương da diết, niềm tự hào về cuộc sống lao động bình dị, khoẻ khoắn ở quê hương của một người con xa quê.
- (8) *Tức cảnh Pác Bó* (8) Hình tượng người anh hùng cứu nước ngang tàng, lẫm liệt dù gặp bước gian nan chí khí vẫn kiên cường.
- (9) *Đi đường* (9) Niềm uất hận trước thực tại tù túng, tầm thường, giả dối của "vị chúa sơn lâm" và cũng là của cả một thế hệ các nhà Thơ mới.
- (10). *Đập đá ở Côn Lôn* (10) Tâm sự của một con người bất hoà sâu sắc với thực tại tầm thường, xấu xa, muốn thoát li bằng mộng tưởng lên cung trăng.
- (11) *Nhớ rừng* (11) Đoạn thơ đã mượn câu chuyện lịch sử có sức gợi cảm để bộc lộ cảm xúc của tác giả và khích lệ lòng yêu nước của đồng bào.

2. Trong các tác phẩm sau, tác phẩm nào thuộc thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật? (Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ở đầu câu trả lời đúng).

- A. Hai chữ nước nhà.
- B. Đập đá ở Côn Lôn.
- C. Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông.
- D. Muốn làm thằng Cuội.
- E. Ngắm trăng.

3. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ở đầu câu trả lời đúng. Điểm giống nhau về hình thức nghệ thuật của các tác phẩm thuộc thể thơ cổ là:

- A. Số câu, số chữ trong bài được hạn định.
- B. Có quy tắc gieo vần, quy tắc luật, niêm chặt chẽ.
- C. Lời thơ mang tính chất ước lệ, nhiều điển tích, điển cố.
- D. Cả A, B, C.

4. Trong các tác phẩm sau, những tác phẩm nào thuộc thơ mới? (Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ở đầu câu trả lời đúng).

- A. Đi đường
- B. Nhớ rừng
- C. Nước Đại Việt ta
- D. Quê hương
- E. Ông đồ
- F. Khi con tu hú.

5. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ở đầu câu trả lời đúng. Điểm giống nhau căn bản về hình thức nghệ thuật của các tác phẩm thuộc thơ mới là:

- A. Hình thức khá linh hoạt, tự do, số câu số chữ trong bài không hạn định.
- B. Lời thơ tự nhiên, gần gũi, không công thức, khuôn sáo.
- C. Cảm xúc của nhà thơ được bộc lộ hồn nhiên, chân thật.
- D. Cả A, B, C.

Bài tập 2

Em hãy đọc đoạn đối thoại giữa ông Giuốc-đanh và chủ thợ phụ trong lớp kịch "*Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục*" và trả lời các câu hỏi sau:

THỢ PHỤ - Bẩm ông lớn, xin ông lớn ban cho anh em ít tiền uống rượu [1].

ÔNG GIUỐC-ĐANH - Anh gọi ta là gì? [2]

THỢ PHỤ - Bẩm, ông lớn ạ [3].

ÔNG GIUỐC-ĐANH - Ông lớn ư?[4] Ấy đấy, ăn mặc theo lối quý phái thì thế đấy![5] Còn cứ bo bo giữ kiểu áo quần trường giả thì đời nào được gọi là "ông lớn"[6]. Đây, ta thưởng về tiếng "ông lớn" đây này![7]

THỢ PHỤ - Bẩm cụ lớn, anh em chúng tôi đội ơn cụ lắm lắm.[8]

ÔNG GIUỐC-ĐANH - "Cụ lớn", ồ, ồ, cụ lớn! [9] Chú mày thông thả tí đã [10]. Cái tiếng "cụ lớn" đáng thưởng lắm [11]. "Cụ lớn" không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé [12]. Này, Cụ lớn thưởng cho các chú đây [13].

1. Trong những câu trên

a) Câu nào là câu trần thuật:

b) Câu nào là câu cảm thán:

c) Câu nào là câu cầu khiến:

d) Câu nào là câu nghi vấn:

2. Trong các câu nghi vấn

a) Câu nghi vấn nào dùng để hỏi?

b) Câu nghi vấn nào không dùng để hỏi?

3. Trong các câu trên, câu nào là câu phủ định?

4. Em hãy nghiên cứu kĩ 13 câu trong đoạn đối thoại trên và điền vào bảng sau:

STT cho sẵn	Hành động nói được thực hiện	Cách dùng
1		
2		
3		
4		
5		
6		
7		
8		
9		
10		
11		
12		
13		

5. Hãy điền các cụm từ *dừng lại*, *đạp xe*, *trông theo*, *chạy theo* vào chỗ chấm (...) thích hợp trong câu văn sau để trật tự từ trong câu thể hiện trình tự quan sát của người nói:

Con chó Mực chủ của nó, nhưng chủ của nó nhanh quá; không kịp, nó đành, đứng mãi.

6. Em hãy đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu câu trả lời đúng:

"Ấy thế mà cuộc chiến tranh vui tươi vừa bùng nổ, thì lập tức họ biến thành những đứa **"con yêu"**, những người **"bạn hiền"**, [...] **"chiến sĩ bảo vệ công lí và tự do"**.

(Nguyễn Ái Quốc)

Câu hỏi: Các từ in đậm trong đoạn văn trên được sắp xếp theo trình tự nào?

- A. Trình tự trước sau của hoạt động.
- B. Trình tự thời gian.
- C. Trình tự thứ bậc quan trọng từ thấp đến cao.

7. Với mỗi động từ và cụm động từ cho sẵn ở các dòng sau, em hãy đặt câu có động từ hoặc cụm động từ đứng trước cụm chủ vị:

a) nghênh ngang, *hống hách*:

b) ngấm ngấm một hồi lâu.....

c) gật gù.....

d) rón rén.....

e) lăm lăm chiếc gậy trong tay.....

f) nheo nheo đuôi mắt.....

g) không ngoái đầu lại.....

8. Em hãy đọc câu sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu câu trả lời đúng.

Nắm chặt tay nhau, đôi bạn thân cùng đi về nhà.

Câu hỏi:

a) Có thể đổi được vị trí của cụm từ *nắm chặt tay nhau* xuống sau chủ ngữ không?

- A. Có
- B. Không.

b) Nếu đổi *nắm chặt tay nhau* xuống sau chủ ngữ thì nội dung, ý nghĩa của câu viết mới sẽ thay đổi như thế nào?

- A. Sự thân thiết của đôi bạn sẽ được nhấn mạnh hơn.
- B. Sự thân thiết của đôi bạn không được nhấn mạnh như trước.

ĐỀ 21

Bài tập 1

1. Em hãy đọc các câu sau, xác định và điền vào chỗ trống kiểu câu (*trần thuật, nghi vấn, cầu khiến, phủ định, cảm thán*) tương ứng với mỗi câu.

a) *Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thành linh như vậy.*

(Nam Cao)

b) Sao bảo nhà mày có con chó cái khôn lắm?

(Ngô Tất Tố)

c) Béo ơi là béo!

(Nguyễn Công Hoan)

d) Nhờ các cụ cho bảo ông giáo làm giấy giúp con.

(Ngô Tất Tố)

e) Mặt lão đột nhiên co rúm lại.

(Nam Cao)

2. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ở đầu ý trả lời đúng.

Câu: Mày tưởng người ta không mua được chó đấy chắc? Hay là chó của mày bằng vàng? dùng để:

- A. Diễn đạt điều băn khoăn
- B. Mỉa mai
- C. Phủ định
- D. Bộc lộ cảm xúc

3. Các câu sau diễn đạt những hành động nói. Hãy xác định kiểu hành động nói tương ứng với mỗi câu (trừ câu trong ngoặc vuông []) rồi điền vào chỗ trống.

a) Thiếu một đồng nữa thì xem trong nhà còn cái gì đáng tiền đem mà bán nốt đi vậy!

(Ngô Tất Tố)

b) Đến nỗi năm 40 tuổi mà mặt ông cứ nhăn nhó như thường.

(Nguyễn Công Hoan)

c) Tôi đã bảo không mà. [Bác may thế này được rồi].

(Mô-li-e)

d) [Vây là tất cả đến ba đồng rưỡi, cụ cho một đồng thì thiệt con quá]. Xin cụ trông lại.

(Ngô Tất Tố)

e) Bộ tóc giả và lông đính mũ có được chững chạc không?

(Mô-li-e)

4. Em hãy đọc ba câu sau và thực hiện yêu cầu nêu ở dưới:

- A. [Chị Dậu không trả lời.] Thờ thần, chị đón lấy con bé con và ngồi ghé vào bên mép chõng.
- B. [Chị Dậu không trả lời.] Chị thờ thần đón lấy con bé con và ngồi ghé vào bên mép chõng.
- A. [Chị Dậu không trả lời.] Chị đón lấy con bé con và thờ thần ngồi ghé vào bên mép chõng.

(Ngô Tất Tố)

Yêu cầu:

- a) Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đầu dòng câu nào diễn tả đậm nét nhất trạng thái buồn đau đến tê dại của chị Dậu khi phải bán đi đứa con gái bé bỏng tội nghiệp của mình cho nhà Nghị Quế.
- b) Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ở đầu câu trả lời đúng.
 Từ "thơ thần" đặt trước chủ ngữ có tác dụng:
 A. Nhấn mạnh trạng thái đau đớn tê dại của chị Dậu.
 B. Liên kết các vế trong câu cho chặt chẽ hơn.
5. Trong hai câu sau, câu nào thể hiện nổi bật sự thừa thớt, hoang vắng của cảnh vật ở Đèo Ngang? (Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ở đầu câu trả lời đúng.)
 A. Bên sông lác đác chợ mấy nhà.
 B. Lác đác bên sông chợ mấy nhà.

(Bà Huyện Thanh Quan)

Bài tập 2

1. Với đề bài: "Một số bạn học sinh thường không chú ý đến việc giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, hay vứt rác bừa bãi ra dọc đường, hè phố... Em hãy viết một bài văn chỉ rõ tác hại của hành động đó và thuyết phục các bạn thực hiện nếp sống văn hoá, giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp." một bạn đã sắp xếp các ý trong phần Thân bài như sau:

- A. Các bạn nên thực hiện nếp sống văn hoá, giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp.
 B. Khi gió bão, giấy, rác... cuộn bay tung.
 C. Khắp dọc đường, hè phố, giấy, rác bừa bãi.
 D. Khi mưa lụt, rác thải ngheên cống rãnh.
 E. Các bạn ăn quà, ăn kẹo bánh.... rồi vứt giấy, rác ra bất cứ nơi nào.
 F. Các bạn thân nhiên nhìn người khác hành động như vậy.
 G. Hiện nay, một số bạn học sinh thường không chú ý đến việc giữ gìn vệ sinh nơi công cộng.

Câu hỏi:

a) Theo em, dàn ý trên được sắp xếp như thế nào? (Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ở đầu câu trả lời đúng).

- A. Chặt chẽ, lôgic
 B. Tuỳ tiện, lộn xộn
 C. Có thể chấp nhận được.

b) Nếu phải sửa lại, em sẽ sắp xếp theo thứ tự như thế nào để bài viết có bố cục chặt chẽ, thuyết phục hơn:

- Luận điểm 1:
 Luận điểm 2:
 Luận điểm 3:
 Luận điểm 4:
 Luận điểm 5:
 Luận điểm 6:
 Luận điểm 7:

2. Em hãy cho biết người viết đoạn văn sau mắc phải những lỗi nào:

Từ cổng trường, các bạn vội vã lên xe, len lách, "đánh võng" trên đường đông đúc rồi vù đến những cửa hàng điện tử [1]. Có bạn dán mắt vào màn hình ti vi suốt mấy tiếng đồng hồ, có bạn quên cả giờ giấc quy định, thậm chí có bạn lại không hề chơi [2]. Sách vở nằm ngủ lằn lóc trên mặt bàn, còn các bạn thì say sưa với những trò chơi điện tử bổ ích [3]. Khi bạn với tay đến sách vở thì hai mắt bạn đã đỏ hoe như quả ớt rất cay [4].

- a) Lỗi diễn đạt: câu số.....
- b) Lỗi chính tả: câu số
- c) Lỗi dùng từ: câu số.....

ĐỀ 22

Bài tập 1

1. Câu nào trong các câu sau thể hiện đầy đủ nhất đặc điểm của văn bản nghị luận? (Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ở đầu câu trả lời đúng).

- A. Văn nghị luận là loại văn có lập luận chặt chẽ.
- B. Văn nghị luận là loại văn có lời lẽ hùng hồn.
- C. Văn nghị luận là loại văn có chứng cứ thuyết phục.
- D. Văn nghị luận là loại văn có lập luận chặt chẽ, lời lẽ hùng hồn và chứng cứ thuyết phục.

2. Trong các văn bản sau, văn bản nào là văn bản nghị luận? (Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ở đầu câu trả lời đúng).

- | | |
|--------------------------------|------------------------------|
| A. <i>Thuế máu</i> | E. <i>Chiếc lá cuối cùng</i> |
| B. <i>Bàn luận về phép học</i> | F. <i>Nước Đại Việt ta</i> |
| C. <i>Tôi đi học</i> | G. <i>Hịch tướng sĩ</i> |
| D. <i>Chiếu dời đô</i> | |

3. Trong các văn bản sau, văn bản nào được viết bằng chữ Hán? (Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ở đầu câu trả lời đúng).

- | | |
|--------------------------------|----------------------------|
| A. <i>Thuế máu</i> | D. <i>Chiếu dời đô</i> |
| B. <i>Bàn luận về phép học</i> | G. <i>Nước Đại Việt ta</i> |
| C. <i>Tức nước vỡ bờ</i> | H. <i>Hịch tướng sĩ</i> |

4. Văn nghị luận trung đại có những đặc điểm nào trong số các đặc điểm sau? (Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ở đầu câu trả lời đúng).

- A. Văn phong giản dị, câu văn gần với đời sống và lời nói thông thường.
- B. Văn phong giàu tính ước lệ, nhiều điển cố; câu văn biến ngẫu nhịp nhàng.
- C. Tư tưởng thiên mệnh, đạo thần chủ, tâm lí sùng cổ khá rõ nét.

5. Văn nghị luận hiện đại có đặc điểm nào trong số các đặc điểm sau? (Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ở đầu câu trả lời đúng).

- A. Văn phong giản dị, câu văn gần với đời sống và lời nói thông thường.
- B. Văn phong giàu tính ước lệ, nhiều điển cố; câu văn biến ngẫu nhịp nhàng.
- C. Tư tưởng thiên mệnh, đạo thần chủ, tâm lí sùng cổ khá rõ nét.

6. Em hãy nối kết tên người ở cột **A** với một câu ở cột **B** sao cho phù hợp:

- | A | B |
|--------------------|---|
| (1) Nguyễn Trãi | (1) Ông là người đã sáng lập ra vương triều nhà Lí. |
| (2) Nguyễn Ái Quốc | (2) Ông đã hai lần cầm quân dẹp tan giặc Nguyên - Mông. |
| (3) Trần Quốc Tuấn | (3) Ông là người được vua Quang Trung rất tin dùng. |
| (4) Nguyễn Thiếp | (4) Ông đã vạch trần tội ác của thực dân Pháp bằng một bản án viết bằng tiếng Pháp. |
| (5) Lí Công Uẩn | (5) Cuộc đời ông, anh hùng và bi kịch đều ở mức tột cùng. |

7. Em hãy tìm nội dung đúng ở cột **B** nối với tên văn bản ở cột **A** để có những ghi nhớ vắn tắt về nội dung, giá trị của các văn bản nghị luận đã học.

- | A | B |
|---------------------------------|---|
| (1) <i>Nước Đại Việt ta</i> | (1) Tác giả bộc lộ lòng yêu nước, căm thù giặc sôi sục đồng thời phê phán những thói xấu vô trách nhiệm và động viên, khích lệ tướng sĩ quyết tâm tiêu diệt giặc. |
| (2) <i>Hịch tướng sĩ</i> | (2) Tác giả đã vạch trần tội ác tày trời của thực dân Pháp và phơi bày số phận thảm thương của người dân thuộc địa. |
| (3) <i>Thuế máu</i> | (3) Tác phẩm đã phản ánh khát vọng độc lập thống nhất và ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh. |
| (4) <i>Bản luận về phép học</i> | (4) Tác giả đã khẳng định chủ quyền của một dân tộc độc lập, có lãnh thổ riêng, có nền văn hiến lâu đời. |
| (5) <i>Chiếu dời đô</i> | (5) Tác giả giúp chúng ta xác định rõ hơn mục đích, tác dụng của việc học và những phương pháp học tập có hiệu quả. |

8. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ở đầu câu trả lời đúng.

Điểm giống nhau cơ bản của ba văn bản *Chiếu dời đô*, *Hịch tướng sĩ*, *Nước Đại Việt ta* về nội dung tư tưởng và hình thức thể loại là:

- A. Đều là văn nghị luận.
- B. Tác giả là vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh một phong trào.
- C. Các tác phẩm đều thể hiện tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc, ý chí độc lập, tự cường của dân tộc ta.
- D. Cả A, B, C, D.

9. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ở đầu câu trả lời đúng.

Sông núi nước Nam của Lí Thường Kiệt và *Cáo bình Ngô* của Nguyễn Trãi đều được xem là tuyên ngôn độc lập của dân tộc Việt Nam. Nhưng điểm mới của tuyên ngôn độc lập trong *Cáo bình Ngô* so với *Sông núi nước Nam* là:

- A. Ý thức dân tộc được xác định trên phương diện lãnh thổ và chủ quyền.
- B. Ý thức dân tộc được xác định trên phương diện lịch sử.
- C. Ý thức dân tộc được xác định trên phương diện văn hiến, phong tục tập quán.

ĐỀ 23

Bài tập 1

1. Em hãy nối kết tên tác giả ở cột **A** với nội dung ở cột **B** sao cho phù hợp.

- | A | B |
|-----------------|--|
| (1) Ru-xô | (1) Ông là nhà văn Đan Mạch, sống ở thế kỉ XIX, nổi tiếng với loại truyện kể cho trẻ em. |
| (2) Mô-li-e | (2) Ông là nhà văn Mĩ, sống ở thế kỉ XIX - XX, chuyên viết truyện ngắn. |
| (3) O'Hen-ry | (3) Ông là một nhà văn nổi tiếng người Cu-rơ-gu-xtan, sinh năm 1928. |
| (4) Xéc-van-téc | (4) Ông là nhà văn nổi tiếng người Tây Ban Nha, sống ở thế kỉ XVI - XVII. |
| (5) An-đéc-xen | (5) Ông là nhà văn, nhà triết học, nhà hoạt động xã hội Pháp, sống ở thế kỉ XVIII. |
| (6) Ai-ma-tốp | (6) Ông là nhà soạn kịch nổi tiếng của Pháp, sống ở thế kỉ XVII. |

2. Em hãy tìm nội dung đúng ở cột **B** nối với tên văn bản ở cột **A** để có những ghi nhớ vắn tắt về nội dung, giá trị của các văn bản văn học nước ngoài đã học.

- | A | B |
|---------------------------------------|---|
| (1) <i>Hai cây phong</i> | (1) Tác phẩm gọi ở người đọc lòng thương cảm sâu sắc đối với một em bé bất hạnh. |
| (2) <i>Đi bộ ngao du</i> | (2) Tác giả phê phán tình cách lối lẳng, nực cười của một tay trưởng giả học làm sang. |
| (3) <i>Đánh nhau với cối xay gió</i> | (3) Bằng lập luận chặt chẽ và thực tiễn cuộc sống sinh động, tác giả đã chứng minh muốn ngao du, cần phải đi bộ. |
| (4) <i>Chiếc lá cuối cùng</i> | (4) Thông qua nỗi xúc động trước cây phong, tác giả thể hiện tình yêu quê hương da diết và lòng nhớ ơn người thầy đầu tiên đã vun trồng ước mơ, hi vọng cho những người học trò nhỏ của mình. |
| (5) <i>Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục</i> | (5) Tình yêu thương cao cả giữa những con người nghèo khổ chính là tác phẩm nghệ thuật vĩ đại của cuộc đời. |
| (6) <i>Cô bé bán diêm</i> | (6) Con người vốn có những phẩm chất đáng quý nhưng cũng có phần mê muội, ảo tưởng, nực cười, có những tính xấu đáng thương mà cũng đáng trách. |

3. Điền tên các văn bản nhật dụng đã học ở lớp 8 vào sau mỗi câu chủ đề sau sao cho đúng:

- a) Vấn đề bảo vệ môi trường
- b) Vấn đề phòng chống tệ nạn nghiện thuốc lá
- c) Vấn đề hạn chế gia tăng dân số

Bài tập 2

1. Thứ tự các bước tóm tắt một văn bản tự sự dưới đây đã bị sắp xếp sai:

- a) Xác định nội dung chính cần tóm tắt
- b) Viết bản tóm tắt bằng lời văn của mình.
- c) Đọc kĩ toàn văn bản cần tóm tắt để nắm chắc nội dung của nó.
- d) Sắp xếp các nội dung chính theo một trật tự hợp lí.

Em hãy sắp xếp lại theo thứ tự đúng:

Bước 1:.....
 Bước 2:.....
 Bước 3:.....
 Bước 4:.....

2. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ở đầu ý trả lời đúng:

Việc đưa các yếu tố tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm vào bài văn nghị luận nhằm mục đích:

- A. Làm cho việc trình bày luận cứ trong bài văn được rõ ràng, sinh động, giàu sức thuyết phục hơn.
- B. Làm cho văn bản nghị luận đó trở thành một truyện ngắn lôi cuốn.
- C. Làm cho văn bản nghị luận đó trở thành một bài thơ hay.

3. Muốn làm một bài văn thuyết minh, cần phải thực hiện những thao tác gì? (Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ở đầu câu trả lời đúng).

- A. Nhận thức đối tượng thuyết minh.
- B. Xác định phạm vi kiến thức về đối tượng đó.
- C. Lựa chọn ngôn từ chính xác, dễ hiểu và phương pháp thuyết minh thích hợp.
- D. Cả A, B, C.

4. Em hãy chọn các từ in nghiêng trong ngoặc () để điền vào những chỗ trống trong các ghi nhớ sau:

a) Khi thuyết minh (một thể loại văn học, một cách làm) cần trình bày rõ điều kiện, cách thức, trình tự,... làm ra sản phẩm và yêu cầu chất lượng đối với sản phẩm đó.

b) Khi thuyết minh về (một thứ đồ dùng, một danh lam thắng cảnh) thì tốt nhất phải đến tận nơi để thăm thú, quan sát, tra cứu, hỏi han những người hiểu biết để có những kiến thức đáng tin cậy về nơi ấy.

c) Muốn thuyết minh về (đặc điểm một thể loại văn học, một đồ vật) trước hết phải đọc, quan sát, nhật xét, sau đó khái quát thành những đặc điểm.

5. Em hãy chọn các từ thích hợp in nghiêng trong ngoặc đơn () để điền vào những chỗ trống trong các ghi nhớ sau:

A. (Thông báo, tường trình) là loại văn bản trình bày thiệt hại hay mức độ trách nhiệm của người tường trình trong các sự việc xảy ra gây hậu quả cần phải xem xét.

B. (Thông báo, tường trình) là loại văn bản truyền đạt những thông tin cụ thể từ phía cơ quan, người tổ chức... cho những thành viên, đoàn thể hoặc những ai quan tâm được biết để thực hiện hay tham gia.

6. Em hãy đọc kĩ đoạn văn sau, xác định và gạch chân câu nào em cho là câu luận điểm của đoạn văn đó:

Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay. Nói thế có nghĩa là nói rằng: tiếng Việt là một thứ tiếng hài hoà về mặt âm hưởng, thanh điệu mà cũng rất tế nhị, uyển chuyển trong cách đặt câu. Nói thế cũng có nghĩa là nói rằng: tiếng Việt có đầy đủ khả năng để diễn đạt tình cảm, tư tưởng của người Việt Nam và để thoả mãn cho yêu cầu của đời sống văn hoá nước nhà qua các thời kì lịch sử.

(Sự giàu đẹp của tiếng Việt - SGK Ngữ văn 7, tập II)

ĐỀ 24

Bài tập 1

Đoạn thơ sau tả nơi Bác ở nhưng để trống một số từ ở một số câu. Em hãy chọn những từ ngữ cho sẵn dưới đây tương ứng với từng vị trí (được đánh số) và vận dụng hiểu biết của mình về cách làm thơ để khôi phục lại, sau đó học thuộc lòng đoạn thơ.

- | | | |
|----------------------------|-----------------------|----------------|
| (1) hồ / ao | (2) chanh / bưởi | (3) tre / dừa |
| (4) ngô / bẹ | (5) trúc / tre | (6) gác / sàn |
| (7) giản dị / mộc mạc | (8) mây / đơn | (9) cối / hoa |
| (10) chần gối / chần chiếu | (11) nhỏ / bé | (12) bông / sò |
| (13) chiếc mũ / chiếc gậy | (14) dép lỏp / dép cũ | |

Anh dắt em vào cối Bác xưa
 Đường xoài hoa trắng nắng đu đưa
 Có (1) nước lặng sôi tăm cá
 Có.....(2) cam thơm, mát bóng.....(3)
 Có rào râm bụi đỏ hoa quê
 Như cổng nhà xưa Bác trở về
 Có bốn mùa rau tươi tốt lá
 Như những ngày cháo.....(4) măng.....(5)
 Nhà(6) đơn sơ, một góc vườn
 Gỗ thường(7) chẳng mùi sơn
 Giường.....(8) chiếu.....(9), đơn.....(10)
 Tủ.....(11), vừa treo mấy áo.....(12)
 Máy chữ thôi reo, nhớ ngón đàn
 Thong dong.....(13) gác bên bàn
 Còn đôi.....(14) mơn quai gót
 Bác vẫn thường đi giữa thế gian.
 (Tố Hữu - Theo chân Bác)

Bài tập 2

I. Bằng một câu ngắn gọn, em hãy nêu:

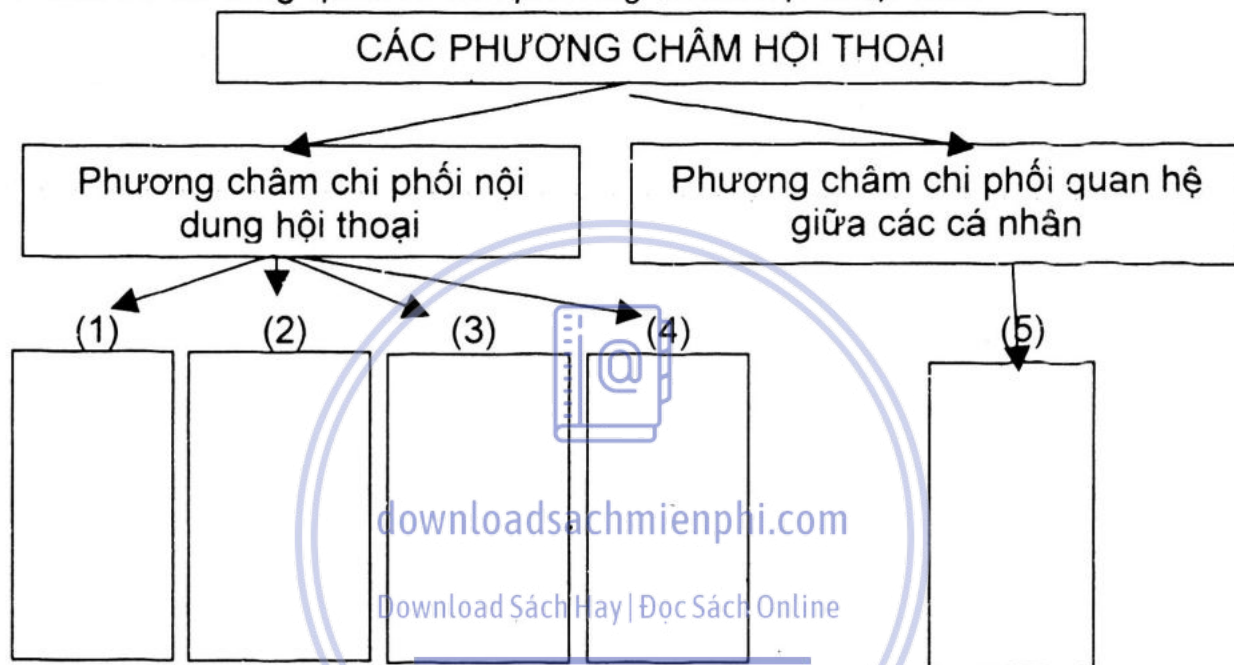
a) Cảm nhận cụ thể của em về vẻ đẹp của Phong cách Hồ Chí Minh.

b) Nhận định khái quát về *Phong cách Hồ Chí Minh*.

ĐỀ 25

Bài tập 1

1. Dựa vào kiến thức đã học ở phần tiếng Việt của **Bài 1** và **Bài 2** để hoàn thành sơ đồ tổng quát về các phương châm hội thoại sau:



2.

Đọc truyện sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới;

CHÁY

Một người sắp đi chơi xa, dặn con rằng:

- Ở nhà có ai hỏi, thì bảo bố đi chơi vắng.

Nhưng lại sợ con mãi chơi quên mất, cẩn thận lấy bút ra viết cho nó vào một cái giấy và bảo rằng:

- Có ai hỏi thì mày cứ đưa cái giấy này ra.

Con cầm giấy bỏ vào túi áo. Cả ngày chẳng thấy ai hỏi. Tối đến sẵn có ngọn đèn, con lấy ra xem, chẳng may vô ý để giấy cháy mất.

Hôm sau có người đến chơi hỏi:

- Thầy cháu có nhà không?

Nó ngần ngừ hỏi lâu, sực nhớ ra sờ vào túi không thấy giấy liền nói rằng:

- Mất rồi.

Khách giật mình:

- Mất bao giờ.

Nó đáp.

- Tối hôm qua.

- Sao mà mất?
- Cháy!!!

(Theo *Tuyển tập Văn học dân gian Việt Nam, tập III* - NXB Giáo dục - 1999)

Câu hỏi

- a) Người khách nói đến đối tượng nào?
- b) Cậu bé nói đến đối tượng nào?
- c) Tình huống giao tiếp trên ứng với câu thành ngữ nào trong tiếng Việt?
.....
- d) Từ truyện trên đây em có thể rút ra bài học gì khi giao tiếp?
.....

3. Đọc đoạn hội thoại sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới;

An đang chơi bên nhà bạn, chợt chạy về nói với mẹ:

- Mẹ ơi, con đói bụng quá!

Bà mẹ đáp:

Nhà mình mất điện suốt cả ngày hôm nay.

Câu hỏi:

- a) Bà mẹ trong đoạn hội thoại trên có vi phạm phương châm quan hệ không?

Bạn An cho là có, bạn Phong khẳng định là *không*.

Em đồng ý với ý kiến của ai?

An ☐

Phong ☐

- b) Vì sao lại đồng ý?

downloadsachmienphi.com

- c) Từ tình huống trên, em có thể rút ra được điều gì khi giao tiếp?

Bài tập 2

1. Đọc truyện sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới.

BÁC HỒ PHÊ BÌNH THƠ HUY CẬN

Nhà thơ Huy Cận có lần gửi tặng Bác Hồ một tập thơ mà ông vừa sáng tác. Nhà thơ xin Bác “phê bình”. Bác đã gửi cho Huy Cận bài thơ sau:

Cảm ơn chú tặng Bác tập thơ,
Bác đã xem trong suốt mấy giờ.
Bảo Bác phê bình ừ khó thật!
Bài hay xen lẫn với bài vừa.

Câu hỏi:

- a) Bác đã phê bình tập thơ của Huy Cận với thái độ như thế nào?
A. Thẳng thắn; B. Tế nhị; C. Tôn trọng; D. Cả ba ý trên.
- b) Bác đã thể hiện thái độ phê bình của mình rõ nét nhất ở câu thơ nào?
Câu thứ nhất; Câu thứ hai; Câu thứ ba; Câu thứ tư.
- c) Bằng một câu ngắn gọn, em hãy ghi lại lời phê bình của Bác.

2. Các thành ngữ, tục ngữ sau liên quan đến phương châm hội thoại nào đã học?

a) Ăn không nên đợi, nói chẳng nên lời:

b) Nói ngọt lọt đến xương:

c) Người khôn nói ít làm nhiều
Không như người dại nói nhiều nhảm tai.

d) Lời chào cao hơn mâm cỗ:

e) Nói phải củ cải cũng nghe:

f) Vàng thì thử lửa thử than
Chuông kêu thử tiếng, người ngoan thử lời.

g) Nói bóng nói gió:

h) Nói có sách mách có chứng:

i) Nói hươu nói vượn:

k) Nói như tép nhảy:

l) Nói trời nói đất:

ĐỀ 26

Bài tập 1

1. Đọc kĩ các ví dụ cho sau và trả lời câu hỏi:

Ví dụ 1 - Lời nhân vật Nhuận Thổ trong truyện ngắn *Cố hương*:

a) - *Bây giờ trời đang rét lắm. Đến mùa hè, anh xuống nhà em chơi. Bar. ngày, chúng mình ra biển nhặt vỏ sò, màu đỏ có, màu xanh có, đủ cả...*

b) - *Bẩm ông!*

- *Thủy Sinh. Con không lạy ông đi kìa!*

Ví dụ 2 - Lời bé Thu nói với ba của mình trong truyện ngắn *Chiếc lược ngà*:

c) - *Vô ăn cơm!*

- *Cơm chín rồi!*

- *Cơm sôi rồi, tắt nước giùm cái!*

- *Cơm sôi rồi, nhão bây giờ!*

- d) - *Ba ... a ... a... ba!*
 - *Ba! không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!*
 - *Ba về! Ba mua cho con một cây lược nghe ba!*

Câu hỏi:

- A. Sự thay đổi về cách xưng hô của Nhuận Thổ ở trường hợp (b) so với trường hợp (a) đã thể hiện điều gì?
-
- B. Sự thay đổi xưng hô của bé Thu ở trường hợp (c) so với trường hợp (d) đã nói lên điều gì?
-

Bài tập 2

1. Đọc kĩ những lời thoại sau và điền **Đ** (đúng), **S** (sai) vào ô trống để khẳng định ý kiến của em.

- *Cậu có nhớ bố cậu không hả cậu Vàng? Bố cậu lâu lắm không có thư về[...] Nó mà về, nó cưới vợ, thì nó giết cậu. Liệu hồn đấy!*

Nó giết mày đấy! Mày có biết không? Ông cho thì bỏ bố!

- *Mừng à? Vầy đuôi à? Vầy đuôi thì cũng giết! Cho cậu chết!*

- *À không! À không! Không giết cậu Vàng đâu nhỉ! ... Cậu Vàng của ông ngoan lắm! Ông không cho giết ... Ông để cậu Vàng ông nuôi ...*

A. Việc lão Hạc thay đổi cách xưng hô từ cậu chuyển sang mày, chứng tỏ tình cảm của lão đối với con Vàng đã thay đổi. ☐

B. Những từ xưng hô cậu, mày thể hiện những cung bậc khác nhau của tình cảm thân thiết của lão Hạc đối với con Vàng. ☐

Bài tập 3

1. Nhiệm vụ nào sau đây của văn bản thuyết minh theo em là quan trọng nhất?

downloadsachmienphi.com
 Download Sách Hay | Đọc Sách Online

A. Kể những câu chuyện thú vị xung quanh đối tượng.

B. Làm rõ hình ảnh đối tượng

C. Cung cấp tri thức một cách khách quan, xác thực, hữu ích về đặc điểm, tính chất, công dụng,... của đối tượng.

D. Trình bày, giới thiệu, giải thích về đối tượng.

2. Những đối tượng nào sau đây là đối tượng để thuyết minh?

A. Sự vật, sự việc.

C. Thể loại văn học

B. Hiện tượng.

D. Tất cả những đối tượng trên.

3. Bài văn thuyết minh cần đạt những yêu cầu nào?

A. Rõ ràng, chính xác.

B. Chặt chẽ.

C. Hấp dẫn.

D. Tất cả những đối tượng trên.

4. Làm thế nào để tăng sự hấp dẫn của bài văn thuyết minh.

A. Kể một câu chuyện có tình tiết.

B. Sử dụng các biện pháp nghệ thuật như: liên tưởng, tưởng tượng, so sánh, nhân hóa.

C. Sử dụng các yếu tố miêu tả.

D. Tất cả những điểm trên.

2. Đặt tiêu đề cho từng phần của bố cục đã chọn

3. Khoanh tròn vào chữ cái ở đầu những nhận đúng về *Chuyện người con gái Nam Xương*.

- A. Truyện thể hiện niềm cảm thương đối với số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến và khẳng định vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam.
- B. Truyện là tác phẩm lên án chiến tranh.
- C. Truyện là một tác phẩm thành công về nghệ thuật dựng truyện, miêu tả nhân vật.
- D. Truyện kết hợp được yếu tố tự sự và trữ tình tạo nên sức hấp dẫn đối với người đọc.
- E. Tất cả các nhận định trên đều đúng.

Bài tập 3

1. Đọc tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* có thể thấy những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam thể hiện qua nhân vật Vũ Nương.

- A. Giữ trọn đạo vợ chồng.
 - B. Không cầu mong vinh hiển, chỉ mong muốn gia đình hạnh phúc.
 - C. Là người có tình cảm nồng ấm, thủy chung đối với chồng, hiếu thảo với mẹ chồng.
 - D. Quyết giữ trọn phẩm tiết.
 - E. Cả A, B, C, D
2. Những phẩm chất ấy được bộc lộ như thế nào?
- A. Qua ngôn từ
 - B. Qua tâm trạng
 - C. Qua hành động, cách ứng xử
 - D. Cả A, B, C
3. Khi bị chồng nghi oan, Vũ Nương có 3 đoạn thoại, mỗi đoạn thoại mang những nội dung khác nhau. Em hãy sắp xếp nội dung thoại sao cho phù hợp.
- A. Đau đớn, thất vọng.
 - B. Phân trần, cầu xin.
 - C. Tuyệt vọng, thề nguyện.

4. Nguyên nhân dẫn đến bi kịch của Vũ Nương là gì?

- A. Do chiến tranh phong kiến.
- B. Do cách cư xử hồ đồ, độc đoán, thói ghen tuông của người chồng.
- C. Do ngẫu nhiên (lời đũa con).
- D. Do cuộc hôn nhân không bình đẳng (giàu - nghèo)
- E. Cả bốn nguyên nhân trên.

Bài tập 4

Khoanh tròn vào chữ cái ở trước câu trả lời đúng cho các câu hỏi sau:

1. Dòng nào sau đây nhận xét chính xác về nghệ thuật của tác phẩm.
 - A. Truyện thiên về mô tả diễn biến hành động của nhân vật.
 - B. Khắc hoạ rõ nét tâm lí và tính cách nhân vật qua những lời thoại và tự bạch.
 - C. Sử dụng kết hợp nhiều phép tu từ khác nhau như so sánh, ẩn dụ.
 - D. Cách chọn lọc và sắp xếp các tình tiết một cách khéo léo làm tăng tính bi kịch.
 - E. Sử dụng thành công nhiều câu văn biền ngẫu và hình ảnh ước lệ.
2. Yếu tố kì ảo được tác giả sử dụng như thế nào?
 - A. Xen với yếu tố thực, gắn với thời điểm và những sự kiện lịch sử.
 - B. Được tác giả sử dụng để đưa người đọc vào thế giới tưởng tượng, không có thực
3. Yếu tố kì ảo ở cuối truyện được tác giả đưa vào chủ yếu nhằm mục đích gì?
 - A. Khẳng định một lần nữa phẩm hạnh của Vũ Nương.
 - B. Thể hiện mong muốn những người chồng vũ phu và độc đoán như Trương Sinh sẽ phải trả giá.
 - C. Thể hiện niềm cảm thông sâu sắc của tác giả đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.
 - D. Tất cả các ý trên.
4. Tình cảm, thái độ của tác giả đối với nhân vật được bộc lộ rõ nét ở những điểm nào?
 - A. Lời kể chuyện của tác giả.
 - B. Chi tiết họ hàng, làng xóm bên vực Vũ Nương.
 - C. Yếu tố kì ảo.
 - D. Chi tiết Vũ Nương được giải oan.
 - E. Tất cả các ý trên.

Bài tập 5

Xác định lời dẫn, ý dẫn, trong các ví dụ cho sau bằng cách viết vào chỗ để trống và ghi rõ: LDTT (lời dẫn trực tiếp); LDGT (lời dẫn gián tiếp); YDTT (ý dẫn trực tiếp); YDGT (ý dẫn gián tiếp) vào sau dấu hai chấm (:)

1. "Lão kể nhỏ nhẹ và dài dòng thật. Nhưng đại thể có thể rút vào hai việc. Việc thứ nhất: lão thì già, con đi vắng [...] Vậy lão muốn nhờ tôi cho lão gửi ba sào vườn của thằng con lão [...] Việc thứ hai: [...] Lão còn được hai năm đồng bạc với năm đồng bạc vừa bán con chó là ba mươi đồng bạc, muốn gửi tôi [...]."
(Nam Cao, Lão Hạc)

2. Trong dịp nói chuyện với các thầy giáo, cô giáo dạy văn ở Hà Nội, tháng 3 năm 1963, nhà thơ Tố Hữu cho rằng, nghề dạy văn thật đáng yêu, dạy văn học thật là một niềm vui sướng lớn."

3. Thuý Kiều là một thiếu nữ tài sắc vẹn toàn, con gái đầu lòng của một gia đình trung lưu lương thiện, sống trong cảnh “êm đềm trướng rủ màn che” bên cạnh cha mẹ và hai em là Thuý Vân, Vương Quan. Trong buổi du xuân trong tết Thanh minh, Thuý Kiều gặp chàng Kim Trọng “phong tư tài mạo tót vời”.

(Ngữ văn 9, tập 1).

4. Lúc bấy giờ trong kí ức tôi bỗng hiện ra một cảnh tượng thần tiên, kì dị: Một vầng trăng tròn vàng thắm treo lơ lửng trên nền trời xanh đậm, dưới là một bãi cát bên bờ biển, trồng toàn dừa hấu, bát ngát một màu xanh rờn.

(Lỗ Tấn, Cố hương)

Bài tập 6

1. Khoanh tròn vào chữ cái đầu dòng ý kiến em cho là đúng.

- A. Một từ bao giờ cũng chỉ có một nghĩa.
- B. Một từ thường có thể có một hoặc nhiều nghĩa.
- C. Từ vựng của một ngôn từ không bao giờ thay đổi.
- D. Từ vựng của một ngôn ngữ thay đổi theo thời gian cùng với sự phát triển của xã hội
- E. Hầu hết các từ khi mới hình thành chỉ có một nghĩa.
- F. Ẩn dụ là phép tu từ gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác dựa trên những nét tương đồng (giống nhau).
- G. Hoán dụ là phép tu từ gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác dựa trên những nét tương cận (gần nhau).

2. Dựa vào nội dung của những câu trích sau để xác định nghĩa của từ **não nùng**.

- a) *Vì chàng tay chuốc chén vàng*
*Vì chàng điểm phấn đeo hương **não nùng***
 (Chinh phụ ngâm khúc, bản dịch)

Não nùng:

b) *Đau đớn bấy Mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo lét trong lều; **Não nùng** thay Vợ yếu chạy tìm chồng, cơn bóng xế dật dờ trước ngõ.*

Não nùng:

Bài tập 7

1. Viết tiếp vào chỗ để trống để có đoạn văn tóm tắt tác phẩm theo cốt truyện:

Vũ Thị Khiết (Vũ Nương) người huyện Nam Xương, dung nhan (1)....., tính tình (2) chồng là Trương Sinh, con nhà (3)..... nhưng không có học vấn và có tính (4) Xảy chuyện binh đao, Trương Sinh (5)..... Vũ Nương ở nhà một lòng (6)..... Việc quân kết thúc, Sinh trở về, nghe lời con trẻ ngây thơ khiến nàng mắc nỗi (7)..... Để tỏ lòng trong sạch, Vũ Nương nhảy xuống sông tự vẫn, được Linh Phi vớt vua biển

Nam Hải cứu sống. Khi rõ nguồn cơn, Trương Sinh hối hận (8)..... Chàng gặp được Vũ Nương nhưng nàng chỉ (9).....

3. Viết một đoạn văn ngắn nêu nội dung *Chuyện người con gái Nam Xương*.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 28

Bài tập 1

1. Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu nêu chủ đề của văn bản *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh*.

- A. *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh* phản ánh cuộc sống xa hoa của vua chúa và sự nhúng nhể của quan lại thời Lê Trịnh, đồng thời bộc lộ thái độ phê phán của tác giả.
- B. *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh* thể hiện thái độ bất bình của tác giả trước sự bóc lột nhân dân một cách tàn tệ của tập đoàn phong kiến Lê Trịnh.
- C. *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh* phản ánh nỗi thống khổ của nhân dân thời Lê Trịnh.
- D. *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh* phản ánh sự rối ren, loạn lạc của xã hội Việt Nam thời Lê Trịnh.

Bài tập 2

1. Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu nội dung đoạn trích *Hồi thứ mười bốn* trong *Hoàng Lê nhất thống chí*.

.....

.....

.....

.....

2. Nếu đặt tên khác cho *Hồi thứ mười bốn* của *Hoàng Lê nhất thống chí* tên nào sau đây, theo em, là hợp lí hơn? (Khoanh tròn vào chữ cái trước tên em chọn.)

- A. Chiến thắng Ngọc Hồi.
- B. Quang Trung đại phá quân Thanh.

C. Quân Thanh đại bại.

D. Cuộc chạy trốn nhục nhã của vua tôi Lê Chiêu Thống.

3. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước lời giải thích cho sự lựa chọn của em ở câu 2?

A. Vì đoạn trích mô tả rất kĩ trận đánh đồn Ngọc Hồi. Hơn nữa, chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa là chiến thắng vang dội, thần kì nhất trong cuộc kháng chiến chống quân Thanh xâm lược.

B. Vì nội dung chủ yếu của đoạn trích là cuộc tiến công thần tốc của vua Quang Trung đại phá hai mươi vạn quân Thanh. Hơn nữa, hình ảnh người anh hùng áo vải Quang Trung - Nguyễn Huệ là hình tượng đẹp, bao trùm toàn bộ đoạn trích.

C. Vì hình ảnh quân tướng nhà Thanh rút chạy tháo thân vô cùng nhục nhã được thể hiện trong đoạn trích là hình ảnh gây ấn tượng nhất. Hơn nữa, nhấn mạnh sự thất bại của quân tướng nhà Thanh cũng tức là ca ngợi chiến công vĩ đại của vua Quang Trung và nghĩa quân Tây Sơn.

D. Vì đoạn trích không chỉ miêu tả cuộc tiến công thần tốc đại phá hai mươi vạn quân Thanh của vua Quang Trung và nghĩa quân Tây Sơn, không chỉ miêu tả cuộc tháo chạy của quân tướng nhà Thanh, mà còn miêu tả sự trốn chạy nhục nhã của vua tôi Lê Chiêu Thống. Đặt tên đoạn trích là *Cuộc chạy trốn nhục nhã của vua tôi Lê Chiêu Thống* vừa thể hiện được hình ảnh thảm hại của bè lũ cướp nước và lũ vua tôi bán nước hại dân, vừa giúp người đọc liên tưởng đến hình ảnh vĩ đại của người anh hùng áo vải Quang Trung - Nguyễn Huệ.

4. Trả lời câu hỏi sau bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng. Hình ảnh đội quân Tây Sơn của vua Quang Trung hiện lên như thế nào?

A. Là đội quân có lòng tự tôn dân tộc sâu sắc.

B. Là đội quân đoàn kết, nhất trí cao, có kỉ luật nghiêm minh.

C. Là đội quân tin tưởng sắt đá vào sự chiến thắng, dũng mãnh vô song, khí thế như vũ bão.

D. Gồm hai ý B và C.

5. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

Quân Thanh sang xâm lấn nước ta, hiện ở Thăng Long các người đã biết chưa? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị. Người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng Nữ Vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ, các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân, đều chỉ một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc. Ở các thời ấy, Bắc, Nam riêng phận, bờ cõi lặng yên, các vua truyền ngôi lâu dài. Từ đời nhà Đinh tới đây, dân ta không đến nỗi khổ như hồi nội thuộc xưa kia. Mọi việc lợi, hại, được, mất ấy đều là chuyện cũ rành rành của các triều đại trước. Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện, không biết

trông gương mây đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng. Các người đều là những kẻ có lương tri, lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn. Chớ có quen theo thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra, sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai, chớ bảo là ta không nói trước!

Yêu cầu: Trả lời các câu hỏi (a) và (b) bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

a) Nội dung chính của đoạn văn trên là gì?

- A. Lời hiệu triệu toàn dân đứng lên đánh giặc giữ nước của vua Quang Trung.
- B. Lời vạch mặt tội ác quân giặc để thổi bùng ngọn lửa căm thù trong lòng tướng sĩ.
- C. Lời tuyên bố chủ quyền, lãnh thổ của dân tộc, nêu cao truyền thống của cha ông.
- D. Lời kêu gọi tướng sĩ đoàn kết một lòng đánh giặc để bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ của dân tộc.

b) Câu thơ nào trong bài thơ *Nam quốc sơn hà* thể hiện cùng nội dung với câu văn sau?

Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị.

c) Hãy chép lại một đoạn trong *Bình Ngô đại cáo* có nội dung giống câu văn dẫn ở câu (b).

6. Hãy điền các từ: tiếp đến, trước hết, đồng thời, từ đó, sau đó, cuối cùng vào đầu các câu sau để thể hiện trình tự lập luận trong *Lời dụ của vua Quang Trung*.

- A. vua Quang Trung khẳng định chủ quyền dân tộc.
- B. ông nêu ra những dẫn chứng xác thực về lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc.
- C. ông phân tích những nguy cơ khi dân tộc bị mất chủ quyền và rơi vào vòng nô lệ của bọn giặc phương Bắc.
- D. ông vừa bày tỏ lòng tin vào binh lính và kêu gọi họ dốc lòng dốc sức vì sự nghiệp chung đánh đuổi kẻ thù.
- E. khẳng định quyết tâm sắt đá đánh đuổi quân xâm lược nhà Thanh.
- F. cũng tuyên bố kỉ luật nghiêm minh của quân đội để răn đe những kẻ bạc nhược có ý ăn ở hai lòng.

7. Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Vì sao tác giả lại xây hình dựng ảnh người anh hùng Quang Trung - Nguyễn Huệ một cách chân thực, lớn lao và đẹp đẽ như vậy?

- A. Vì tác giả tôn trọng sự thật lịch sử.
- B. Vì lòng tự tôn dân tộc.
- C. Vì hai lí do nêu ở A và B.

ĐỀ 29

Bài tập 1

Trả lời các câu hỏi sau đây bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

1. Nhận định nào sau đây đúng và đầy đủ nhất về Nguyễn Du?

- A. Nguyễn Du là một thiên tài văn học.
- B. Nguyễn Du là đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới.
- C. Nguyễn Du là một nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn.
- D. Gồm cả A, B, C.

2. Những yếu tố nào sau đây đã tạo nên thiên tài Nguyễn Du?

- A. Năng khiếu văn học bẩm sinh.
- B. Vốn sống phong phú kết hợp với trái tim giàu yêu thương.
- C. Xuất thân trong một gia đình quý tộc, có truyền thống về văn học.
- D. Cả hai ý A, B.
- E. Cả ba ý A, B, C.

3. *Truyện Kiều* còn có tên gọi khác là:

- A. Đoạn trường tân thanh
- B. Kim Vân Kiều Truyện.

4. Nhận định nào sau đây chính xác về *Truyện Kiều*:

- A. *Truyện Kiều* là một truyện Nôm bình dân
- B. *Truyện Kiều* là một truyện Nôm bác học
- C. *Truyện Kiều* không thuộc thể loại tự sự, mà thuộc thể loại trữ tình.

5. Giá trị nhân đạo cao cả của *Truyện Kiều* thể hiện ở những nội dung cơ bản nào?

- A. Toát lên niềm thương cảm sâu sắc trước những đau khổ của con người, đồng thời lên án, tố cáo những thế lực tàn bạo.
- B. Trân trọng, đề cao vẻ đẹp của con người từ hình thức, phẩm chất đến những ước mơ, khát vọng chân chính.
- C. Phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội đương thời.
- D. Gồm A và B.

Bài tập 2

Trả lời các câu hỏi sau (câu 1 và câu 2) bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

1. Hai đoạn trích *Chị em Thuý Kiều* và *Cảnh ngày xuân* nằm ở phần nào của *Truyện Kiều*?

- A. Phần thứ nhất: Gặp gỡ và đính ước.
- B. Phần thứ hai: Gia biến và lưu lạc.

C. Phần thứ ba: Đoàn tụ.

2. Qua đoạn trích *Chị em Thuý Kiều*, em hiểu như thế nào về bút pháp nghệ thuật ước lệ?

- A. Sử dụng những quy ước trong biểu hiện nghệ thuật như dùng hình tượng thiên nhiên đẹp để nói về vẻ đẹp của con người.
- B. Miêu tả tỉ mỉ, chi tiết, không theo một quy tắc có sẵn nào.
- C. Nghiêng về nghệ thuật gợi, tác động đến người đọc thông qua sự phán đoán, trí tưởng tượng chứ không miêu tả cụ thể, chi tiết.
- D. Gồm A và C.

3. Trong các câu thơ sau đây, ở câu nào Nguyễn Du dùng bút pháp nghệ thuật ước lệ để miêu tả? Hãy điền **C** (có dùng bút pháp ước lệ), hoặc **K** (không dùng bút pháp ước lệ) vào ô trống cuối câu thơ để trả lời.

- A. Thoắt trông nhìn nhợt màu da ☐
Ăn chi cao lớn đầy đà làm sao (tả Tú Bà)
- B. Quá niên trạc ngoại tứ tuần, ☐
Mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao (tả Mã Giám Sinh)
- C. Hài vãn lần bước dặm xanh, ☐
Một vùng như thể cây quỳnh, cành giao (tả Kim Trọng)
- D. Râu hùm, hàm én, mày ngài, ☐
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao. (tả Từ Hải)

4. Hãy phân loại các từ láy được dùng trong đoạn trích *Cảnh ngày xuân* và phân tích giá trị nghệ thuật của từng loại bằng cách điền vào bảng sau:

Các loại từ láy	Giá trị nghệ thuật
Từ láy bộ phận:	
.....	
Từ láy toàn bộ:	
.....	

Bài tập 3

Đọc đoạn trích *Chị em Thuý Kiều* và thực hiện các yêu cầu sau:

1. Đoạn trích có kết cấu 3 phần, em hãy xác định vị trí từng phần bằng cách điền câu thơ thích hợp trong đoạn trích vào chỗ trống sau.

- A. Phần 1 từ *Đầu lòng hai ả tố nga* đến (1).....
- B. Phần 2 từ (2)..... đến (3).....
- C. Phần 3 từ (4)..... đến hết

2. Em hãy khái quát nội dung của từng phần

- A. Phần 1:
.....
- B. Phần 2:
.....
- C. Phần 3:
.....

3. Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.
Thúy Vân và Thúy Kiều có vẻ đẹp chung, đó là vẻ đẹp gì?
A. Vừa đoan trang, hiền thực, vừa sắc sảo, mặn mà.
B. Trẻ trung, trong trắng, khoẻ khoắn đầy sức sống.
C. Duyên dáng, thanh cao, trong trắng.
4. Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu thơ gợi tả vẻ đẹp chung đó.
A. *Mai cốt cách, tuyết tinh thần.*
B. *Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười.*
C. *Một hai nghiêng nước nghiêng thành.*
5. Trong đoạn trích *Chị em Thúy Kiều*, Nguyễn Du vừa miêu tả chân dung, vừa lồng vào đó dự báo số phận của mỗi nhân vật./ Theo em, những từ ngữ nào sau đây đặc tả điều đó? Hãy khoanh tròn vào chữ cái ở trước những từ ngữ đó.
A. thua
B. nhường
C. sắc sảo
D. mặn mà
E. thông minh
F. ghen
G. hờn
H. thiên Bạc mệnh
6. Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.
Một thiên Bạc mệnh lại càng nảo nhân là do ai sáng tác?
A. Do Đạm Tiên sáng tác.
B. Do Thúy Kiều sáng tác.
C. Do một nhạc sĩ đương thời sáng tác.
7. Nội dung chính của đoạn trích *Chị em Thúy Kiều* là gì?
A. Khắc hoạ vẻ đẹp tuyệt mĩ của Thúy Vân, Thúy Kiều, đồng thời dự báo số phận của hai nhân vật.
B. Thể hiện cảm hứng nhân đạo của nhà thơ: trân trọng, ca ngợi vẻ đẹp của con người.
C. Bút pháp nghệ thuật ước lệ, lấy vẻ đẹp của thiên nhiên để gợi tả vẻ đẹp của con người.
D. Cả hai ý A và B.

Bài tập 4

Chép lại bốn câu thơ gợi tả khung cảnh thiên nhiên trong đoạn trích *Cảnh ngày xuân* và nêu cảm nhận của em về cảnh thiên nhiên được miêu tả ở bốn câu thơ đó.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

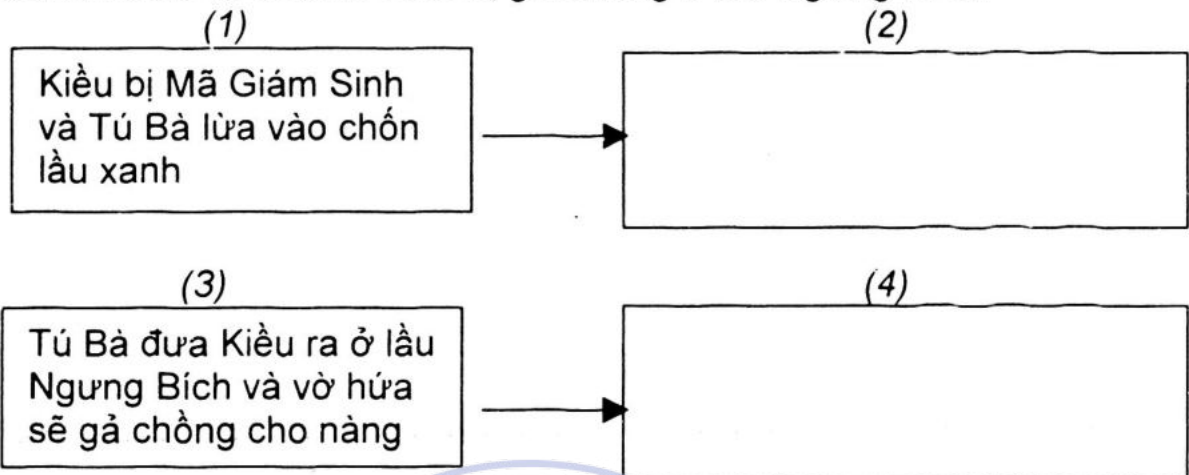
.....

ĐỀ 30

Bài tập 1

Đọc đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* và thực hiện các yêu cầu sau

1. Trình bày hiểu biết của em về vị trí đoạn trích bằng cách điền các sự kiện chính trước và sau lúc Kiều bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.



2. Khoanh tròn vào chữ cái trước nhận xét đúng về đoạn trích
Bút pháp nghệ thuật tiêu biểu của đoạn trích là:
- Bút pháp tả thực
 - Bút pháp ước lệ tượng trưng.
 - Bút pháp tả cảnh ngụ tình.
 - Bút pháp miêu tả nội tâm nhân vật.
3. Kết cấu của đoạn trích gồm 3 phần, hãy xác định ranh giới của từng phần bằng cách điền câu thơ thích hợp vào chỗ trống.
- Phần 1 từ "*Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân*" đến (1)
 - Phần 2 từ (2)..... đến (3)
 - Phần 3 từ (4)..... đến hết.
4. Hãy khái quát nội dung từng phần.
- Phần 1:
 - Phần 2:
 - Phần 3:

Bài tập 2

Đọc 8 câu tiếp theo của đoạn trích (bắt đầu từ "*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng*") và trả lời câu hỏi bằng cách khoanh tròn vào chữ ở đầu câu trả lời đúng.

1. Đọc câu thơ "*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng*", em hiểu Thuý Kiều đang nhớ đến kỉ niệm gì của nàng với Kim Trọng?
- Nàng nhớ đến buổi chiều đầu tiên gặp gỡ Kim Trọng.
 - Nàng nhớ đến đêm trăng uống rượu thề nguyện của hai người.
 - Nàng nhớ đến lần Kim Trọng trả lại cho nàng chiếc thoa cài đầu và bắt chuyện làm quen với nàng.
2. Qua đoạn trích trên có thể thấy nỗi lòng của Kiều khi nhớ đến chàng Kim và mối tình đầu trong trắng của mình thể hiện như thế nào?

- A. Nhớ thương pha lẫn ân hận, day dứt.
 B. Nhớ thương nhưng hoàn toàn thanh thản vì nàng đã làm một việc cao cả: hi sinh tình yêu để bảo vệ cha.
3. Từ nào trong các từ sau đây có thể dùng để diễn đạt chính xác nhất về đẹp tâm hồn của Kiều thể hiện qua 8 câu thơ tiếp theo?
- A. chung thủy B. trong trắng
 C. vị tha D. hồn hậu

Bài tập 3

Đọc 8 câu còn lại của đoạn trích (bắt đầu từ *Buồn trông cửa bể chiều hôm*) và thực hiện các yêu cầu sau:

1. Mỗi cặp lục bát trong 8 câu thơ cuối của đoạn trích gợi tả một nỗi niềm tâm trạng của Kiều, hãy nối từng cặp lục bát sau đây với tâm trạng của nàng.

A	B
1) <i>Buồn trông cửa bể chiều hôm, Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?</i>	1) Nghĩ về thân phận lênh đênh vô định của mình.
2) <i>Buồn trông ngọn nước mới sa, Hoa trôi man mác biết là về đâu.</i>	2) Nỗi buồn man mác, mông lung.
3) <i>Buồn trông nội cỏ rầu rầu, Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.</i>	3) Tâm trạng cô đơn, nỗi buồn tha hương.
4) <i>Buồn trông gió cuốn mặt duềnh, Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.</i>	4) Nỗi hãi hùng, lo sợ vì tương lai mờ mịt.

2. Đặc sắc nghệ thuật của 8 câu cuối là gì? (Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.).

- A. Ấn dụ B. Điệp ngữ
 C. Sử dụng nhiều từ láy D. So sánh

3. Em hãy chọn các từ ngữ trong ngoặc đơn điền vào các chỗ trống của đoạn văn bên dưới để có nhận xét đúng về đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* (ngoại hình / nội tâm, tả người/ tả cảnh ngụ tình; cô đơn/ cô độc; buồn bã/ buồn tủi; thủy chung/ nhân hậu; thương nhớ cha mẹ/ hiếu thảo.)

Kiều ở lầu Ngưng Bích là một trong những đoạn miêu tả (A)..... nhân vật thành công nhất trong *Truyện Kiều*, đặc biệt là bằng bút pháp (B)..... Đoạn thơ cho thấy cảnh ngộ (C)..... và tấm lòng(D) của Thúy Kiều.

Bài tập 4

Đọc đoạn trích *Mã Giám Sinh mua Kiều* và trả lời các câu hỏi sau bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đặt đầu ý trả lời đúng.

1. Trong câu thơ tả Mã Giám Sinh: "*Quá niên trạc ngoại tứ tuần, Mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao*", tác giả sử dụng bút pháp nghệ thuật gì?
- A. Ước lệ B. Tả thực C. Ước lệ và tả thực.
2. Chân dung Mã Giám Sinh trong đoạn trích được khắc họa trên những phương diện nào?
- A. Ngoại hình C. Cử chỉ, thái độ
 B. Cách nói năng D. Tất cả các phương diện trên.
3. Nhận xét nào sau đây đúng nhất về nhân vật Mã Giám sinh?

A. Đối lập giữa Mã Giám Sinh với gia đình Kiều.
B. Đối lập giữa vai trò Mã Giám Sinh đang đóng với lời nói, cử chỉ hành vi của gã.
C. Đối lập Mã Giám Sinh với bọn tôi tớ.

Vào dịp nghỉ hè, em được cùng bố mẹ đi tham quan một số danh lam thắng cảnh của đất nước ta. Hãy viết một bài văn kể lại chuyến du lịch đáng nhớ nhất đối với em.

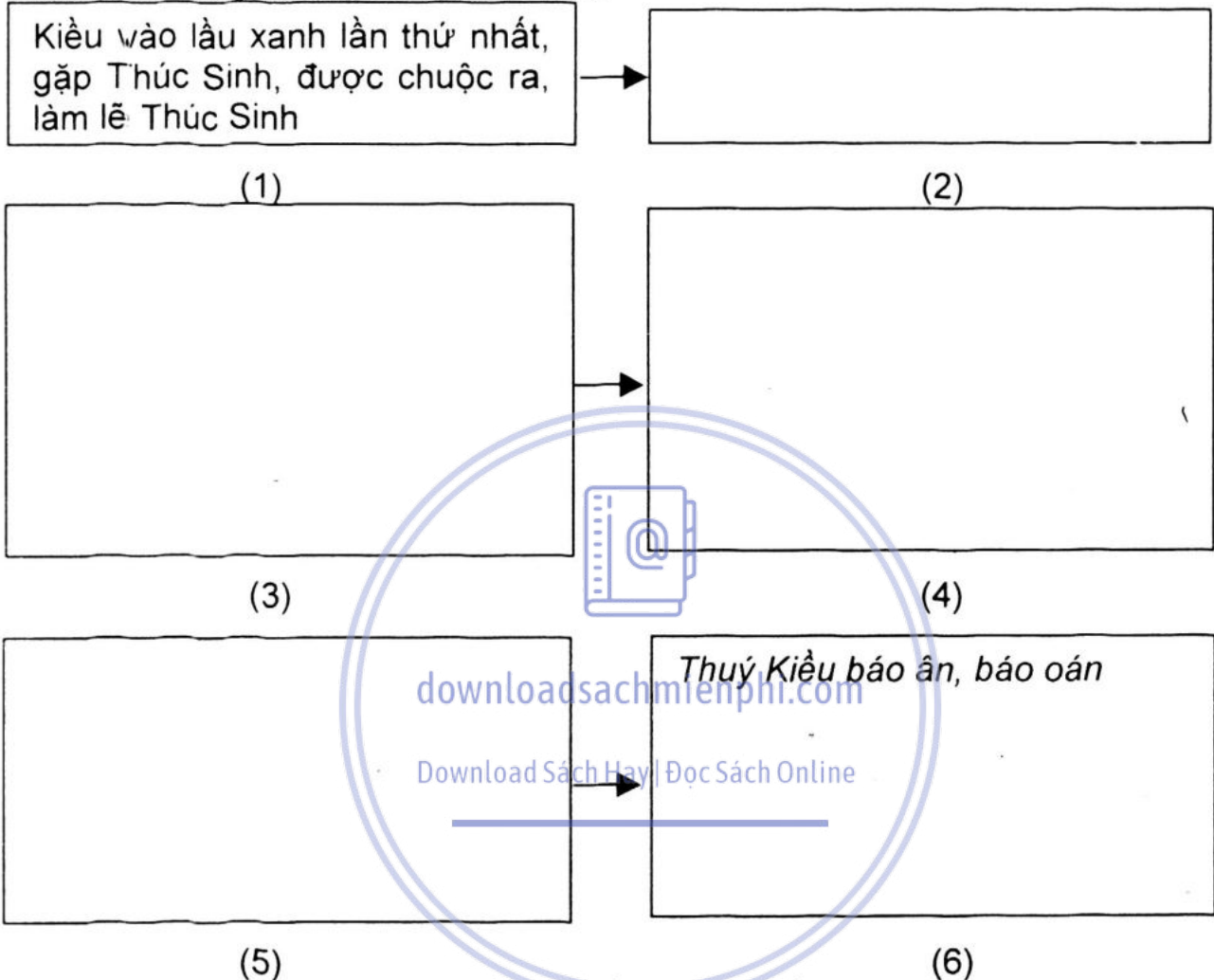


ĐỀ 31

Bài tập 1

Đọc toàn bộ đoạn trích *Thúy Kiều báo ân báo oán* và thực hiện các yêu cầu sau:

1. Điền các sự kiện vào các ô trống của sơ đồ sau đây để biểu diễn vị trí đoạn trích *Thúy Kiều báo ân báo oán*:



2. Xác định bố cục của đoạn trích bằng cách nối nội dung ghi trong cột **A** với phần văn bản ghi ở cột **B**

A	B
1. Phần 1: <i>Thúy Kiều báo ân</i>	1) Từ Cho gươm mời đến Thúc lang đến Tạ lòng để xứng báo ân gọi là
2. Phần 2 <i>Thúy Kiều báo oán</i>	2) Từ Cho gươm mời đến Thúc lang đến Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa
	3) Từ Vợ chàng quý quái tình ma đến Truyền quân lệnh xuống trướng tiền tha ngay.
	4) Từ Thoắt trông nàng đã chào thưa: đến Truyền quân lệnh xuống trướng tiền tha ngay.

Bài tập 2

Đọc đoạn thơ, từ "Cho gươm mời" đến "Thúc lang" đến "Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa" và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

1. Bằng một đoạn văn xuôi ngắn, em hãy kể lại nội dung đoạn thơ đó.

.....

.....

.....

.....

.....

2. Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước nhận xét đúng về từ ngữ Thuý Kiều dùng trong đoạn thơ trên.

- A. Nàng dùng nhiều từ thuần Việt, giản dị, dễ hiểu để nói với Thúc Sinh.
- B. Nàng dùng nhiều từ Hán Việt trang trọng và điển cố để nói với Thúc Sinh.
- C. Khi nói về ơn nghĩa của Thúc Sinh, nàng dùng nhiều từ Hán Việt và điển cố; ngược lại, khi nói về Hoạn Thư thì nàng dùng nhiều thành ngữ và những từ thuần Việt nôm na, dễ hiểu.

3. Trong các câu thơ sau đây, câu nào thể hiện rõ nét nhất tình cảm chân thành của Kiều dành cho Thúc Sinh? (Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu thơ đó.)

- A. Nàng rằng: “Nghĩa nặng nghìn non,
Lâm Tri người cũ chàng còn nhớ không?”
- B. Sầu thương chẳng vẹn chữ tòng,
Tại ai há dám phụ lòng cố nhân?”
- C. Gấm trăm cuốn bạc nghìn cân,
Tạ lòng để xứng báo ân gọi là.

4. Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Khi nói với Thúc Sinh về quan hệ của hai người, về lòng biết ơn của nàng với chàng Thúc, giọng điệu của Kiều thể hiện như thế nào?

- A. Vừa xúc động, vừa trang trọng.
- B. Trang trọng nhưng xa cách.
- C. Thân mật, giản dị, chân tình.

5. Tại sao Thuý Kiều lại nói với Thúc Sinh về Hoạn Thư?

- A. Vì vết thương lòng mà Hoạn Thư gây ra cho nàng quá lớn; khi nhìn thấy Thúc Sinh, nàng lại nhớ đến Hoạn Thư và những việc mà bà ta gây ra đối với nàng.
- B. Vì nàng muốn qua Thúc Sinh, tỏ ý hăm dọa Hoạn Thư.
- C. Vì nàng muốn bộc lộ lòng căm hận của mình với Hoạn Thư.
- D. Vì nàng muốn vạch mặt, tố cáo Hoạn Thư.

Bài tập 3

Đọc đoạn thơ từ “Thoắt trông nàng đã chào thưa:” đến hết và trả lời câu hỏi sau bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở trước câu trả lời đúng.

1. Khi Kiều nói với Thúc Sinh về Hoạn Thư, giọng điệu của nàng thể hiện như thế nào?

- A. Hằn học, tức tối, đay nghiến.

B. Mĩa mai, cay độc, đầy hằn học, tức tối.

C. Mĩa mai, đầy nghiêng, đầy căm giận.

2. Em hãy nối những lời biện minh của Hoạn Thư (cột A), với mục đích thực của bà ta khi nói ra những lời này (cột B)

A Những lời biện minh của Hoạn Thư	B Mục đích thực của bà ta
1) Rằng: "Tôi chút phận đàn bà, Ghen tuông thì cũng người ta thường tình."	1) Kể "công" để xin giảm tội
2) Nghĩ cho khi gác viết kinh Vội khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo.	2) Biện minh để từ tội nhân, thành nạn nhân của chế độ đa thê.
3) Lòng riêng riêng những kính yêu, Chồng chung chưa để ai chiều cho ai.	3) Biện minh để gỡ tội và nhằm xoá đi sự đối lập giữa mình và Thúy Kiều.
4) Trót đã gây việc chồng gai Còn nhờ lượng bể thương bài nào chẳng	d) Nhận tội lỗi, đồng thời van xin lòng khoan dung, độ lượng của Kiều: đánh kẻ chạy đi chứ không ai đánh người chạy lại.

3. Vì sao Thúy Kiều tha bổng cho Hoạn Thư?

A. Vì Hoạn Thư khéo liệu điều kêu ca.

B. Vì Kiều biết nhận ra phải - trái, đúng - sai, hơn nữa, nàng còn rất nhân hậu và độ lượng.

C. Vì Thúy Kiều nể tình Thúc Sinh.

D. Kết hợp cả A, B, C.

E. Kết hợp A và B.

4. Hãy giải thích nghĩa của thành ngữ *Kẻ cắp bà già gặp nhau*

5. Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng sau đây.

a) Thúy Kiều và Hoạn Thư có đặc điểm giống nhau đó là:

A. Cả hai đều xinh đẹp.

B. Họ đều là những người đàn bà thông minh, sắc sảo.

C. Họ đều là những người đàn bà khéo ăn nói.

D. Họ giống nhau cả ba đặc điểm trên.

b) Tuy nhiên, điểm khác nhau cơ bản giữa Thúy Kiều và Hoạn Thư là:

A. Thúy Kiều tốt bụng, thật thà; Hoạn Thư lẻo lá, dối trá.

B. Thúy Kiều nhân hậu, độ lượng, vị tha; Hoạn Thư giả hoạt, mưu mô, vị kỉ (chỉ nghĩ đến mình).

C. Thúy Kiều ngây thơ, cả tin; Hoạn Thư trải đời, lắm mưu nhiều kế.

Bài tập 4

Đọc các chú thích văn bản *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* và thực hiện các yêu cầu sau:

1. Hãy điền **Đ** (đúng), **S** (sai) vào ô trống cuối mỗi nhận xét về Nguyễn Đình Chiểu.

- A. Nguyễn Đình Chiểu sống trọn trong thời kì lịch sử đau thương mà vĩ đại của dân tộc, thời kì thực dân Pháp xâm lược và bình định đất nước ta. ☐
 - B. Nguyễn Đình Chiểu vừa là một thầy giáo, một thầy thuốc, vừa là một nhà thơ. ☐
 - C. Khi thực dân Pháp xâm lược Nam Kỳ, Nguyễn Đình Chiểu đã tích cực tham gia phong trào kháng chiến. ☐
 - D. Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ lớn của dân tộc. Ông sáng tác thơ văn là để tuyên truyền đạo đức và cổ vũ lòng yêu nước, ý chí đánh giặc, cứu nước. ☐
 - E. Câu thơ "*Lời quê chấp nhặt đông dài; - Mua vui cũng được một vài trống canh*" là của Nguyễn Đình Chiểu. ☐
 - F. Câu thơ "*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm; - Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà*" là của Nguyễn Đình Chiểu. ☐
2. Hãy điền **Đ** (đúng) hoặc **S** (sai) vào ô trống cuối mỗi nhận xét về truyện *Lục Vân Tiên*.

- A. Truyện *Lục Vân Tiên* là một truyện thơ nôm bác học. ☐
- B. Cuộc đời và phẩm chất nhân vật Lục Vân Tiên có những điểm giống với cuộc đời và phẩm chất của tác giả Nguyễn Đình Chiểu. ☐
- C. Truyện *Lục Vân Tiên* là tác phẩm tự truyện. ☐
- D. Truyện có kết cấu theo từng chương hồi, xoay quanh diễn biến cuộc đời nhân vật chính. ☐
- E. Truyện được viết nhằm mục đích trực tiếp là truyền dạy đạo lí làm người. ☐
- F. Qua mối tình của Kiều Nguyệt Nga và Lục Vân Tiên, Nguyễn Đình Chiểu muốn ca ngợi tình yêu chung thủy. ☐

Bài tập 5

1. Điền **Đ** (đúng) hoặc **S** (sai) vào ô trống cuối mỗi nhận xét sau:
- A. Trong văn bản tự sự, người viết không chỉ miêu tả ngoại hình nhân vật mà còn miêu tả nội tâm nhân vật. ☐
 - B. Đối tượng của miêu tả nội tâm là những gì có thể quan sát trực tiếp được như hành động, cử chỉ, điệu bộ... ☐
 - C. Đối tượng của miêu tả ngoại hình là những gì có thể quan sát trực tiếp được như hành động, cử chỉ, điệu bộ... ☐
 - D. Miêu tả nội tâm và miêu tả ngoại hình đều cần thiết khi xây dựng nhân vật trong văn bản tự sự nhưng là hai phương diện tách bạch không có liên quan đến nhau. ☐
 - E. Miêu tả ngoại hình có thể làm toát lên nội tâm nhân vật, ngược lại, qua nội tâm nhân vật, người đọc lại có thể hình dung ngoại hình nhân vật. ☐
2. Viết một đoạn văn ngắn ghi lại tâm trạng của em khi em bị người bạn thân hiểu nhầm (sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm).
-
-
-

ĐỀ 32

Bài tập 1

1. Bài thơ *Đồng chí* ra đời vào khoảng thời gian nào:
 - A. Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ.
 - B. Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
 - C. Những năm cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
2. Khoanh tròn vào nhận định khái quát và đầy đủ nhất về giá trị nội dung của bài thơ:
 - A. Bài thơ ca ngợi tình đồng chí, đồng đội gắn bó sâu nặng, đồng thời làm hiện lên vẻ đẹp bình dị mà cao cả của người lính cách mạng trong buổi đầu chống Pháp.
 - B. Bài thơ viết về cuộc sống sinh hoạt, chiến đấu của những người lính bộ đội Cụ Hồ nơi chiến trường Việt Bắc.
 - C. Bài thơ miêu tả quê hương đối với những người lính bộ đội Cụ Hồ, đồng thời miêu tả cuộc sống gian lao, thiếu thốn của những người lính.
3. Đọc kĩ bài thơ *Đồng chí* và điền Đ (đúng) hoặc S (sai) vào ô trống cuối mỗi nhận định sau:
 - A. Tình đồng chí, đồng đội bắt nguồn từ sự gần gũi, tương đồng về hoàn cảnh xuất thân từ những làng quê nghèo khó của những người lính cách mạng. ☐
 - B. Tình đồng chí, đồng đội bắt nguồn từ việc cùng chung mục đích, cùng chung lí tưởng và nhiệm vụ cách mạng: chiến đấu, hi sinh để bảo vệ Tổ quốc. ☐
 - C. Tình đồng chí, đồng đội nảy sinh vì cùng có chung những suy nghĩ băn khoăn của gia đình, quê hương. ☐
 - D. Tình đồng chí, đồng đội nảy nở và gắn bó keo sơn từ trong hoàn cảnh chiến đấu gian khổ, ác liệt, cùng nhau chia ngọt sẻ bùi. ☐
4. Nối ghép đoạn thơ ở cột (A) với nội dung thể hiện ở cột (B) một cách phù hợp nhất.

A	B
1) <i>Quê hương anh nước mặn đồng chua Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá</i>	1) Hoàn cảnh chiến đấu thiếu thốn, gian lao
2) <i>Súng bên súng, đầu sát bên đầu, Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.</i>	2) Hoàn cảnh xuất thân nghèo khó.

3) Áo anh rách vai Quần tôi có vài mảnh vá Miệng cười buốt giá Chân không giày.	3) Sự gắn bó keo sơn của những con người cùng chung lí tưởng, chung nhiệm vụ cao cả.
--	--

5. Trong bài thơ, tác giả đã xây dựng rất nhiều câu thơ với những hình ảnh sống đôi, đối ứng nhau để diễn tả sự gắn gũi, gắn bó, chia sẻ của những người lính. Em hãy tìm và điền những câu thơ đó vào những chỗ trống sau:

- A. Quê hương anh nước mặn, đồng chua /
- B. Súng bên súng /
- C. Áo anh rách vai /
- D. Miệng cười buốt giá /

6. Trong bài thơ, tình đồng chí được biểu hiện cụ thể trên những phương diện nào?

- A. Tình đồng chí thể hiện ở sự thông cảm sâu xa với những tâm tư, nỗi lòng của nhau.
- B. Tình đồng chí thể hiện ở việc cùng nhau chia sẻ gian lao, thiếu thốn trong cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ.
- C. Tình đồng chí thể hiện ở sự yêu thương, đùm bọc nhau, giúp nhau có thêm sức mạnh để vượt qua mọi gian khổ thử thách.
- D. Cả A, B, C.

7. Đoạn thơ nào dưới đây đã vẽ nên một bức tranh đẹp về tình đồng chí, đồng đội, một biểu tượng đẹp về cuộc đời người chiến sĩ?

- A. Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.
- B. Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.
- C. Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

8. Hình ảnh "Đầu súng trăng treo" có ý nghĩa gì?

- A. Đó là một hình ảnh thực, một khung cảnh thực: Những đêm phục kích chờ giặc, vầng trăng đối với người lính như một người bạn.
- B. Đó là một hình ảnh có ý nghĩa biểu tượng: chất chiến đấu và chất trữ tình, thực tại và mơ mộng, thi sĩ và chiến sĩ.
- C. "Đầu súng trăng treo" là biểu tượng cho thơ ca kháng chiến - nền thơ kết hợp giữa chất hiện thực và cảm hứng lãng mạn.
- D. Cả A, B, C.

9. Hình ảnh người lính cách mạng trong bài thơ toát lên vẻ đẹp như thế nào?

- A. Hào hoa, cao thượng.
- B. Sang trọng và cao thượng.
- C. Bình dị, mộc mạc mà cao cả.

Bài tập 2

1. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh đoạn văn sau về tác giả Phạm Tiến Duật:

Phạm Tiến Duật là nhà thơ tiêu biểu của thơ ca cách mạng Việt Nam giai đoạn (1) Hình tượng trung tâm trong thơ ông thường là (2) Thơ ông có giọng điệu (3)

2. Viết Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Phạm Tiến Duật muốn miêu tả điều gì?

- A. Miêu tả cuộc hành quân khẩn trương của các chiến sĩ lái xe từ Bắc vào Nam.
- B. Miêu tả những "chiếc xe không kính" để nói lên cuộc sống chiến đấu gian khổ nhưng hào hùng của dân tộc ta.
- C. Thông qua hình ảnh độc đáo của "chiếc xe không kính", tác giả tập trung làm nổi bật hình ảnh những chiến sĩ lái xe Trường Sơn hiên ngang, dũng cảm, sôi nổi, yêu đời.

3. Để thể hiện nội dung trên, tác giả đã sử dụng giọng điệu thơ như thế nào?

- A. Tự nhiên, ngang tàng.
- B. Sôi nổi, tinh nghịch.
- C. Lời thơ gần với lời nói chân thực, sinh động thường ngày.
- D. Cả A, B, C.

4. Điền Đ (đúng) hoặc S (sai) vào ô trống cuối mỗi nhận định sau về ý nghĩa của hình ảnh "những chiếc xe không kính":

- A. Hình ảnh những chiếc xe không kính mang ý nghĩa tượng trưng hơn là tả thực. ☐
- B. Hình ảnh những chiếc xe không kính đã được "mĩ lệ hoá", "lãng mạn hoá". ☐
- D. Hình ảnh những chiếc xe không kính là một hình ảnh thực, thực đến trần trụi. ☐

5. Nối nổi câu thơ ở cột (A) với một nét phẩm chất cao đẹp của người chiến sĩ lái xe Trường Sơn ở cột (B) một cách phù hợp nhất.

A	B
1) Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước: Chỉ cần trong xe có một trái tim.	1) Tư thế ung dung, hiên ngang, thái độ coi thường khó khăn, nguy hiểm.
2) Ung dung buồng lái ta ngồi Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.	2) Tâm hồn sôi nổi, vui nhộn, lạc quan của tuổi trẻ.
3) Bụi phun tóc trắng như người già Chưa cần rửa phì phèo châm điếu thuốc Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.	3) Tinh đồng chí, đồng đội gắn bó.
4) Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy.	4) Ý chí chiến đấu vì miền Nam, thống nhất đất nước.

Câu hỏi:

- a) Trong đoạn văn trên, những câu nào mang tính chất nghị luận?
- b) Luận điểm chính của đoạn văn trên là luận điểm nào đây?
- A. Từ Mác-xây đến Sài Gòn, Va-ren phải đi mất bốn tuần lễ.
 - B. Lời hứa *chăm sóc* vụ Phan Bội Châu của Va-ren là một lời hứa dối trá, một trò lố.
 - C. Va-ren không thể *chăm sóc* vụ Phan Bội Châu vì thời gian không cho phép.
 - D. Toàn quyền Đông Dương Va-ren là một người không biết giữ lời hứa.
- c) Đoạn nghị luận trên có tác dụng gì?
- A. Kể lại câu chuyện tên Toàn quyền Đông Dương Va-ren sẽ sang Việt Nam.
 - B. Miêu tả hành trình từ Mác-xây đến Sài Gòn của Va-ren.
 - C. Vạch trần bản chất lố lăng, bộ mặt xấu xa, dối trá của Va-ren.

ĐỀ 33**Bài tập 1**

1. Tìm từ ngữ thích hợp điền vào chỗ chấm trong đoạn văn sau để có những ghi nhớ vắn tắt về nhà thơ Huy Cận.

Huy Cận (1919 -(1)), quê ở làng(2), huyện(3), tỉnh(4). Trước Cách mạng tháng Tám, ông nổi tiếng với tập thơ(5). Ông đã được nhận giải thưởng(6) về văn học nghệ thuật (năm 1996).

2. Bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* được sáng tác trong hoàn cảnh nào?
- A. Đất nước được độc lập, hoà bình, thống nhất.
 - B. Miền Bắc được giải phóng và đi vào xây dựng cuộc sống mới.
3. Giá trị sâu sắc, khái quát nhất của bài thơ thể hiện ở câu nào sau đây?
- A. Bài thơ là một khúc ca phơi phới, khoẻ khoắn, ca ngợi con người trong lao động và thiên nhiên đất nước giàu đẹp.
 - B. Bài thơ là bức tranh khung cảnh rộng lớn của thiên nhiên vùng biển rộng lớn, tráng lệ.
 - C. Bài thơ là một bức tranh đẹp về đoàn thuyền đánh cá và cảnh biển lúc về đêm.
4. Bài thơ được bố cục theo trình tự nào?
- A. Trình tự thời gian từ hoàng hôn tới bình minh.
 - B. Trình tự một chuyến ra khơi của đoàn thuyền đánh cá.
 - C. Cả A, B.
5. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là gì?
- A. Cảm hứng lãng mạn tràn đầy niềm vui hào hứng về cuộc sống mới thời kì miền Bắc bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- B. Cảm hứng thiên nhiên, vũ trụ vốn là một nét nổi bật của hồn thơ Huy Cận.
- C. Sự gặp gỡ, kết hợp của cả hai nguồn cảm hứng trên.
6. Câu nào trong các câu thơ sau gợi liên tưởng vũ trụ như một ngôi nhà lớn, màn đêm buông xuống là tấm cửa khổng lồ và những lượn sóng là then cửa:
- A. *Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.*
- B. *Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng.*
- C. *Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa.*
7. Câu thơ "*Câu hát căng buồm cùng gió khơi*" ý muốn nói:
- A. Câu hát như bị tan ra, loãng đi trong sức mạnh và âm thanh của sóng gió biển khơi.
- B. Câu hát là niềm vui, sự phấn chấn của người lao động như cùng với ngọn gió căng buồm cho con thuyền lướt nhanh ra khơi.
- C. Cả A, B.
8. Những hình ảnh "*Thuyền ta lái gió với buồm trăng - Lướt giữa mây cao với biển bằng, - Ra đâu dặm xa dò bụng biển - Dàn đan thế trận lưới vây giăng*" nhằm tập trung thể hiện nội dung nào sau đây?
- A. Sự giàu có, trù phú của một vùng biển đất nước.
- B. Con thuyền đánh cá mang vẻ đẹp kì vĩ, khổng lồ, hoà nhập với kích thước rộng lớn của thiên nhiên vũ trụ.
- C. Công việc lao động của người đánh cá đầy phiêu lưu, mạo hiểm.
9. Nét nghệ thuật đặc sắc nhất của bài thơ là gì?
- A. Nghệ thuật sáng tạo hình ảnh đặc sắc kết hợp với bút pháp lãng mạn và sức tưởng tượng phong phú.
- B. Nghệ thuật xây dựng tình huống độc đáo.
- C. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình tiêu biểu.
10. Giọng điệu, âm hưởng chủ đạo của bài thơ thể hiện ở dòng nào sau đây?
- A. Du dương, đều đặn, nhịp nhàng, êm ái.
- B. Trang trọng, hào hùng.
- C. Sôi nổi, khoẻ khoắn, phơi phới, bay bổng.

Bài tập 2

1. Khoanh tròn vào chữ cái ở trước những nhận định đúng về bài thơ *Bếp lửa*:
- A. Bài thơ là lời của người cháu đang học ở nơi xa nhớ về bà và những kỉ niệm về bà, qua đó nói lên lòng kính yêu và những suy ngẫm về bà.
- B. Bài thơ được sáng tác khi tác giả ở chiến trường, suy ngẫm về bà, nhớ thương bà từ cuộc sống chiến đấu gian khổ.
- C. Hình ảnh "*bếp lửa*" hiện diện như tình bà ấm áp, như chỗ dựa tinh thần, như sự cứu mang đùm bọc đầy chi chút của bà.

- D. Hình ảnh bà luôn gắn liền với hình ảnh *bếp lửa, ngọn lửa*. Bà như người nhóm lửa lại cũng là người giữ cho ngọn lửa luôn ấm nóng và toả sáng trong mỗi gia đình.
2. Mạch cảm xúc của bài thơ đi theo trình tự nào:
 A. Từ hồi tưởng quá khứ đến hiện tại; từ kỉ niệm đến suy ngẫm.
 B. Từ hiện tại hồi tưởng về quá khứ, từ suy ngẫm đến kỉ niệm.
3. Bài thơ có sự kết hợp những yếu tố nào sau đây?
 A. Biểu cảm với miêu tả.
 B. Biểu cảm với tự sự.
 C. Biểu cảm với nghị luận.
 D. Biểu cảm với miêu tả, tự sự và nghị luận.
4. *Bếp lửa* được bà nhóm lên không chỉ bằng nhiên liệu ở bên ngoài mà còn bằng ngọn lửa trong lòng bà. Câu thơ nào trong các câu thơ sau thể hiện rõ điều đó:
 A. *Một bếp lửa chòn vòn sương sớm*
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm.
 B. *Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn*
Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng.
 C. *Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm*
Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi.
5. Điền đúng (Đ) hoặc sai (S) vào ô trống cuối mỗi nhận định sau:
 A. Tác giả dùng cụm từ ngọn lửa và bếp lửa với ý nghĩa hoàn toàn giống nhau, đều nói về hình ảnh người bà, dùng ngọn lửa chỉ là sự thay thế cho bếp lửa để khỏi lặp từ. ☐
 B. Tuy gần nghĩa nhau nhưng nếu cụm từ bếp lửa gọi nhắc về bà và những kỉ niệm thân thiết bên bà thì ngọn lửa lại nhấn mạnh đến tấm lòng, tình yêu và niềm tin trong trái tim bà. ☐
6. Tay bà đã nhóm lên ngọn lửa hay cũng chính là đã nhóm lên:
 A. Tình yêu thương.
 B. Niềm vui.
 C. Sự sống và niềm tin.
 D. Cả A, B, C.
7. Điền các từ *truyền lửa, nhóm lửa, giữ lửa* vào chỗ trống thích hợp trong câu văn sau:
 Bà không chỉ là người (1), người (2)
 mà còn là người (3), ngọn lửa của sự sống, niềm tin cho các thế hệ nối tiếp.
8. Hình tượng *bếp lửa* là:
 A. Một hình ảnh thực.
 B. Một hình ảnh biểu tượng.
 C. Một hình ảnh vừa thực vừa mang ý nghĩa biểu tượng.
9. Triết lí sâu sắc mà bài thơ muốn nhắn gửi đến bạn đọc là triết lí nào?
 A. Những kỉ niệm thân thiết nhất của tuổi thơ luôn có sức toả sáng, nâng đỡ con người suốt hành trình dài rộng của cuộc đời.

- B. Tình yêu thương, lòng biết ơn bà thể hiện sự gắn bó với gia đình và là khởi đầu của tình yêu con người, tình yêu đất nước.
C. Cả A, B.

Bài tập 3

1. Cho dãy từ sau: *Lộp bộp, róc rách, lênh khênh, thánh thót, khệnh khạng, ào ạt, chầm chệ, đồ sộ, lao xao, um tùm, ngoằn ngoèo, rì rầm, nghênh ngang, nhấp nhô, chan chát, gập ghềnh, loắt choắt, vèo vèo, lúp xúp, khùng khục, sùng sững, hỏn hển, ừng ực, chênh vênh.*

Em hãy sắp xếp các từ trên vào hai cột tương ứng trong bảng sau:

Từ tượng thanh	Từ tượng hình
.....	
.....	
.....	
.....	

2. Gạch chân các từ tượng hình có trong đoạn thơ sau:

Chú bé loắt choắt

Cái xắc xinh xinh

Cái chân thoăn thoắt

Cái đầu nghênh nghênh.

(Lượm)

3. Những từ tượng hình trong đoạn thơ dẫn ở câu 2 đã góp phần khắc hoạ một cách cụ thể và sinh động hình ảnh Lượm, một chú bé liên lạc gan dạ, dũng cảm. Em hãy điền các từ *thoăn thoắt, loắt choắt, nghênh nghênh* vào những chỗ trống thích hợp trong câu văn sau:

Hình ảnh trung tâm của bài thơ là Lượm, chú bé liên lạc nhỏ nhắn , nhanh nhẹn, hồn nhiên và tinh nghịch với đôi chân và cái đầu.....

4. Nối tên một phép tu từ ở cột (A) với đoạn thơ tương ứng ở cột (B).

(A)	(B)
1) Ẩn dụ	1) <i>Sấm</i> <i>Ghé xuống sân</i> <i>Khanh khách cười.</i>
2) Hoán dụ	2) <i>Bác đã lên đường, nhẹ bước tiên</i> <i>Mác- Lênin, thế giới Người Hiền.</i>
3) Nhân hoá	3) <i>Làm trai cho đáng nên trai</i> <i>Khom lưng uốn gối gánh hai hạt vừng</i>
4) So sánh	4) <i>Chồn Hàm Dương chàng còn ngoảnh lại</i> <i>Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang</i> <i>Khói Tiêu Tương cách Hàm Dương</i> <i>Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng.</i>
5) Nói quá	5) <i>Biển cho ta cá như lòng mẹ</i> <i>Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.</i>
6) Nói giảm nói tránh	6) <i>Máu đọng chưa khô máu lại đầy</i> <i>Hỡi Miền Nam trăm đắng nghìn cay.</i>

7) Điệp ngữ	7) Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...
-------------	---

5. Đọc đoạn thơ sau của Trần Đăng Khoa và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

Cỏ gà rung tai ngang trời

Nghe Rạch

Bụi tre

Tần ngần

Gỡ tóc

Hàng bưôi

Đu đưa

Bé lũ con

Đầu tròn

Trọc lốc

Chớp

Khô khốc

Sấm

Ghé xuống sân

Khanh khách

Cười

Cây dừa

Sải tay

Bơi

Ngọn mừng toi

Nhảy múa.

Yêu cầu:

a) Em hãy chuyển đoạn thơ trên thành một đoạn văn miêu tả, không sử dụng phép nhân hoá cũng như các biện pháp nghệ thuật khác.

b) Em hãy so sánh đoạn thơ của Trần Đăng Khoa với đoạn văn viết lại rồi khoanh tròn vào chữ cái cuối câu nhận xét đúng.

- Đoạn văn viết lại không làm cho người đọc hình dung được cảnh vật thiên nhiên trước cơn mưa ở làng quê.
- Đoạn thơ của Trần Đăng Khoa giúp người đọc hình dung cụ thể và sinh động hơn cảnh vật thiên nhiên trước cơn mưa ở làng quê.
- Đoạn văn viết lại giúp người đọc hình dung cụ thể và sinh động hơn cảnh vật thiên nhiên trước cơn mưa ở làng quê.

Bài tập 4

1. Đoạn thơ sau trích trong bài *Chiều xuân* của Anh Thơ. Bài thơ được làm theo thể thơ tám chữ. Em hãy điền các từ ngữ sau: *trần biếc cỏ, nước sông trôi, trong vắng lặng, rụng toi bời, mỗ vu vơ, trôi trước gió, cúi ăn trưa, trên bến vắng* vào chỗ trống cuối mỗi dòng thơ sao cho hợp nghĩa, hợp vần:

Mưa đổ bụi êm êm

Đò biếng lười nằm mặc

Quán tranh đứng im lìm

Bên chòm xoan hoa tím

Ngoài đường đê cỏ non

Đàn sáo đen sà xuống

Mấy cánh bướm rập rờn

Những trâu bò thong thả.....

2. Điền các từ cỏ, sương, phấp phới, long lanh vào chỗ trống trong khổ thơ sau cho thích hợp.

Ngày ửng hồng sau màn, gấm mỏng,

Nắng dát vàng trên bãi non xanh

*Dịp cầu xa lồng bóng nước
Đàn cò trắng giăng hàng bay*

(Đoàn Văn Cừ - *Đám cưới mùa xuân*)

3. Điền các từ Tết, hồng, trắng vào chỗ trống trong khổ thơ sau cho thích hợp.

*Dải may..... đồ dăn trên đỉnh núi
Sương lam ôm ấp nóc nhà gianh,
Trên con đường viên trắng mép đồi
Người các ấp tung bùng ra chợ*
(Đoàn Văn Cừ - *Chợ tết*)

ĐỀ 34

Bài tập 1

1. Chọn từ trong ngoặc điền vào chỗ trống để có những ghi nhớ văn tắt về tác giả Nguyễn Khoa Điềm:

Nguyễn Khoa Điềm quê ở (Quảng Bình, Thừa Thiên Huế). Ông là nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống (Pháp, Mĩ) của dân tộc. Thơ Nguyễn Khoa Điềm giàu chất (suy tư, u hoài), cảm xúc (hồn nhiên, dồn nén) thể hiện tâm tư của người (lao động, trí thức) tham gia tích cực vào cuộc chiến đấu của nhân dân.

2. Bài thơ *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* được sáng tác vào thời điểm nào?

- A. Những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc
- B. Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.
- C. Những năm kháng chiến chống Mĩ diễn ra quyết liệt trên cả hai miền Nam Bắc.

3. Trong những nhận định sau, nhận định nào thể hiện khái quát nhất chủ đề của bài thơ?

- A. Bài thơ tập trung khắc họa hình ảnh em bé cu Tai ngoan ngoãn, dễ thương ngủ trong chiếc địu trên lưng mẹ.
- B. Bài thơ tập trung phản ánh cuộc sống nghèo khổ, thiếu thốn của đồng bào dân tộc Tà-ôi, vùng núi miền tây Thừa Thiên.
- C. Bài thơ thể hiện tình yêu thương con và ước vọng con mau khôn lớn, mai sau được làm người tự do trên đất nước tự do của người mẹ dân tộc Tà-ôi.

4. Điền **Đ** (đúng) hoặc **S** (sai) vào ô trống cuối mỗi nhận xét về bố cục của bài thơ.

- A. Bài thơ được chia làm ba đoạn, mỗi đoạn mở đầu bằng lời ru trực tiếp và kết thúc cũng bằng lời ru trực tiếp của người mẹ. ☐
- B. Bài thơ được chia làm ba đoạn, mỗi đoạn bắt đầu bằng hai câu "Em cu Tai ... đừng rời lưng mẹ" và kết thúc bằng lời ru trực tiếp của người mẹ. ☐

C. Bài thơ được chia làm sáu đoạn, mỗi đoạn bắt đầu bằng hai câu "Em cu Tai... đừng rời lưng mẹ" và kết thúc bằng lời ru trực tiếp của người mẹ. ☐

5. Tình thương rộng lớn của người mẹ Tà-ôi thể hiện ở khía cạnh nào sau đây?

- A. Thương các anh bộ đội gian khổ hi sinh.
- B. Thương buôn làng nghèo đói.
- C. Thương đất nước chìm trong khói lửa chiến tranh.
- D. Thương con bé bỏng giấc ngủ không tròn, nhấp nhô trên lưng mẹ.
- E. Cả A, B, C, D.

6. Khát vọng lớn nhất của người mẹ Tà-ôi thể hiện ở niềm ước mơ gì?

- A. Mơ hạt gạo trắng ngần và con khôn lớn vùng chày lún sân.
- B. Mơ con ngủ ngoan.
- C. Mơ hạt bắp lên đều và con trở thành một chàng trai cường tráng, mạnh mẽ trong lao động.
- D. Mơ nước nhà thống nhất, mơ được thấy Bác Hồ và mơ thấy con trở thành một người lính kiên trung, một người tự do trên đất nước tự do.
- E. Cả bốn ý trên.

7. Qua mỗi khúc ru, tình cảm và khát vọng của người mẹ càng phát triển sâu rộng, ngày càng hoà chung vào cuộc sống kháng chiến gian khổ, anh dũng của quê hương đất nước. Em hãy sắp xếp những hình ảnh thể hiện tình thương và khát vọng của người mẹ theo trình tự phát triển đó vào bảng sau để thấy rõ bố cục đặc sắc của bài thơ.

Tình thương của người mẹ	Khát vọng của người mẹ
1.	1.
2.	2.
3.	3.
4.	4.

8. Đoạn thơ nào sau đây diễn tả cụ thể và xúc động nhất công việc lao động vất vả của người mẹ ở chiến khu?

- A. *Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi*
Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ.
- B. *Mẹ già gạo mẹ nuôi bộ đội*
Nhịp chày nghiêng giấc ngủ em nghiêng
Mồ hôi mẹ rơi má em nóng hổi
Vai mẹ gầy nhấp nhô làm gỏi.
- C. *- Ngủ ngoan A-kay ơi, ngủ ngoan A-kay hỡi*
Mẹ thương A-kay, mẹ thương đất nước
Con mơ cho mẹ được thấy Bác Hồ
Mai sau con lớn làm người Tự do...

9. Câu thơ "Lưng đưa nôi và tim hát thành lời" ý muốn nói:

- A. Lưng mẹ chuyển động theo nhịp già gạo thành nhịp đưa nôi và lời hát ru được cất lên từ sâu thẳm trái tim yêu thương của mẹ.

- B. Mẹ ru con bằng cuộc sống vất vả, cực nhọc và tình yêu vô hạn trong lòng.
- C. Cả A, B.
10. Hình ảnh *Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi / Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng* ý muốn nói:
- A. Con là mặt trời của mẹ, là ánh sáng, là mục đích, là khát vọng của đời mẹ.
- B. Con là nguồn hạnh phúc ấm áp vừa gần gũi, vừa thiêng liêng của đời mẹ.
- C. Chính con đã giúp mẹ có thêm niềm tin, ý chí và nghị lực trong cuộc sống lao động, chiến đấu đầy gian lao thử thách.
- D. Cả A, B, C.
11. Nhà thơ không để người mẹ trực tiếp nói "Mẹ mơ...", "Mẹ ước..." mà nói "Con mơ cho mẹ..." vì:
- A. Bằng cách đó, người mẹ muốn gửi trọn niềm mong mỏi vào giấc mơ của con với hi vọng nếu đời mẹ chưa thực hiện được thì mai sau khôn lớn con sẽ là người tiếp tục thực hiện ước mơ đó.
- B. Người mẹ mong con mình ngủ ngon và có những giấc mơ đẹp, những giấc mơ như giấc mơ của mẹ.
12. Tình yêu thương con và tình yêu quê hương, đất nước của người mẹ Tà-ôi được tác giả thể hiện như thế nào?
- A. Giản dị, mộc mạc, chân thành, đầy ấn tượng và xúc động
- B. Phi thường và xúc động
13. Âm điệu chung của bài thơ là:
- A. Sôi nổi, hào hứng, phơi phới, say mê.
- B. Dịu dặt, thiết tha, vãn vường, triu mến.
- C. Bâng khuâng, xót xa, luyến tiếc, ngậm ngùi.

Bài tập 2

1. Điền Đ (đúng) hoặc S (sai) vào ô trống cuối mỗi nhận định về nhà thơ Nguyễn Duy và bài thơ *Ánh trăng*.
- A. Nguyễn Duy quê ở Thanh Hoá, gia nhập quân đội năm 1966, từng tham gia chiến đấu ở nhiều chiến trường ác liệt; là một nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ. ☐
- B. Nguyễn Duy từng chiến đấu trên nhiều chiến trường ác liệt ở chiến khu cách mạng Việt Bắc, từng sống gần bó với nhân dân, với đồng bào các dân tộc, với núi rừng tình nghĩa. ☐
- C. Nguyễn Duy thuộc thế hệ từng trải qua bao gian khổ thử thách, từng chứng kiến sự hi sinh lớn lao của đồng đội, nhân dân; từng sống gần bó với nhân dân, với núi rừng tình nghĩa. ☐
- D. Tập thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Duy được tặng giải B của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1984. ☐
- E. Nguyễn Duy đã được trao giải Nhất cuộc thi thơ của báo Văn nghệ năm 1972 - 1973. ☐
2. Hình tượng *Ánh trăng* trong bài thơ có ý nghĩa như thế nào?
- A. Là một hình ảnh của thiên nhiên núi rừng.

- B. Biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình.
 C. Là lời tự nhắc nhở và nhắc nhở mỗi người về lẽ sống thủy chung với chính mình.
 D. Cả A, B, C.

g. Nối các khổ thơ ở cột A tương ứng với giọng thơ ở cột B

A	B
1) Ba khổ thơ đầu	1) Giọng thơ trầm lắng cùng với cảm xúc thiết tha và suy tư lặng lẽ.
2) Khổ thứ tư	2) Giọng thơ cất cao cùng với tâm trạng ngổ ngàng trước sự xuất hiện của vàng trắng.
3) Hai khổ thơ cuối	3) Giọng kể bình thường, nhịp thơ trôi chảy đều đặn theo lời kể.

h. Tác giả xem *vàng trắng* là tri kỷ, tình nghĩa bởi vì:

- A. *Vàng trắng* gắn với những kỉ niệm thân thuộc, ngọt ngào của tuổi ấu thơ nơi ruộng đồng quê hương yêu dấu.
 B. *Vàng trắng* gắn với những kỉ niệm sâu sắc, nghĩa tình của một thời gian khổ chiến đấu, hi sinh bên đồng đội và nhân dân anh hùng.
 C. *Vàng trắng* mang vẻ đẹp trong sáng, vĩnh hằng của thiên nhiên, vũ trụ từ lâu đã trở thành người bạn tri kỷ của con người.
 D. Cả A, B, C.

i. *Vàng trắng* tình nghĩa bị xem như người dưng qua đường bởi vì:

- A. Cuộc sống thành phố đầy đủ tiện nghi, ánh sáng khiến người ta không chú ý, không cần đến ánh trăng nữa.
 B. Trước những cám dỗ của cuộc sống mới, lòng người dễ nguôi quên tình nghĩa, vô tình bỏ quên quá khứ, cội nguồn.
 C. Cả A, B.

j. Quá khứ đẹp đẽ, vẹn nguyên, trong suốt được thể hiện nổi bật qua hình ảnh nào?

- A. Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
 B. Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình.
 C. Ánh trăng im phăng phắc
Đủ cho ta giật mình.

k. Điền Đ (đúng) hoặc S (sai) vào ô trống cuối mỗi nhận định sau:

- A. *Ánh trăng* là một lần "giật mình" của tác giả trước sự vô tình dễ có ở mình, ở một thế hệ từng trải qua chiến tranh nay được sống trong hoà bình có thể lãng quên nghĩa tình quá khứ. ☐
 B. *Ánh trăng* là một câu chuyện riêng tư, chỉ có ý nghĩa đối với riêng tác giả. ☐
 C. Từ một câu chuyện riêng, bài thơ còn đặt ra một vấn đề có ý nghĩa đối với nhiều người, nhiều thời: đó là thái độ đối với quá khứ, với truyền thống, với cội nguồn, với những người đã khuất và cả với chính mình. ☐

- D. *Ánh trăng* là một bài thơ có đầy đủ những đặc điểm của một văn bản tự sự. ☐
- E. *Ánh trăng* có sự đan xen, kết hợp của yếu tố tự sự trong văn bản biểu cảm. ☐

Bài tập 3

1. Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới.

Ta đã lớn lên rồi trong **khói lửa**
 Chúng nó chẳng còn mong được nữa
 Chặn **bàn chân** một dân tộc anh hùng
 Những **bàn chân** từ than bụi lầy bùn
 Đã bước tới mặt trời cách mạng
 Những **bàn chân** của Hóc Môn, Ba Tơ, Cao Lạng
 Lừng lẫy Điện Biên, chấn động địa cầu
 Những **bàn chân** đã vùng dậy đạp đầu
 Lũ chúa đất xuống bùn đen vạn kiếp!

(Ta đi tới - Tố Hữu)

Câu hỏi:

- a) Từ *khói lửa* trong đoạn thơ trên được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?
 A. Nghĩa gốc B. Nghĩa chuyển
- b) Nghĩa chuyển của từ *bàn chân* được hình thành theo phương thức nào:
 A. Ẩn dụ B. Hoán dụ.

Bài tập 4

1. Đoạn văn sau kể lại sự việc Thuý Kiều báo ân báo oán. Em hãy thêm vào các chỗ trống trong đoạn văn những câu có yếu tố nghị luận (những nhận định, đánh giá về nhân vật) để đoạn văn mang một sắc thái nghĩa mới
- Trải qua bao sóng gió dập vùi, Kiều gặp Từ Hải*

..... (1). Từ Hải đã giúp Kiều thực hiện ước mơ đền ơn, báo oán.

Trước tiên, Kiều đền ơn Thúc Sinh. Thấy bộ dạng run sợ của Thúc Sinh, lòng Kiều xót xa thương cảm. Nàng chào hỏi ân cần. Nàng nhắc lại những ngày tháng hạnh phúc gần gũi đã qua, khẳng định tình xưa nghĩa cũ nặng tựa nghìn non. Sau cùng, nàng sai ban thưởng bạc vàng, gấm vóc cho chàng Thúc Sinh

..... (2). Báo ân xong, Thuý Kiều thực hiện báo oán. Người đầu tiên bị đem ra xét xử là Hoạn Thư. Nhìn thấy Hoạn Thư, nàng chào hỏi ân cần mà thực chất là mỉa mai, đay nghiến, báo hiệu một cuộc trả thù quyết liệt khiến Hoạn Thư hồn lạc phách xiêu

(3)

Vốn thông minh, giao hoạt, Hoạn Thư đã dùng lời lẽ khôn ngoan để tự biện hộ và tự cứu mình. Kết quả, Kiều đã tha bổng Hoạn Thư.....

(4)

ĐỀ 35

Bài tập 1

1. Điền Đ (đúng) hoặc S (sai) vào ô trống cuối mỗi nhận định sau về nhà văn Kim Lân.

- A. Kim Lân tên khai sinh là Nguyễn Văn Tài, quê ở huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. ☐
- B. Kim Lân là nhà văn chuyên viết truyện ngắn. ☐
- C. Truyện ngắn của Kim Lân thể hiện sự am hiểu sâu sắc đời sống của tầng lớp trí thức trong xã hội cũ. ☐
- D. Truyện ngắn của Kim Lân thể hiện sự gắn bó và am hiểu sâu sắc cuộc sống của người nông dân Việt Nam. ☐

2. Chủ đề của truyện ngắn *Làng* thể hiện ở những câu nào sau đây?

- A. Cuộc sống tăm tối của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám.
- B. Tình yêu quê hương đất nước, tấm lòng thủy chung với kháng chiến, với cách mạng của người nông dân Việt Nam.

3. Đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn *Làng* thể hiện ở dòng nào sau đây?

- A. Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên, tả cảnh ngụ tình.
- B. Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật.
- C. Nghệ thuật nghị luận chặt chẽ, logic.

4. Khi nghe tin làng Chợ Dầu của mình theo giặc, làm Việt gian bán nước, diễn biến tâm trạng của ông Hai như thế nào?

- A. Sững sờ đến lặng người.
- B. Ám ảnh, day dứt nặng nề.
- C. Đau xót, tủi hổ.
- D. Cả A, B, C.

5. Câu văn "*Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù*", ý muốn nói:

- A. Ông Hai là một người nông dân yêu nước nhưng không yêu quê hương, làng xóm.
- B. Ở ông Hai, tình yêu nước đã bao trùm lên tình yêu làng xóm.

6. Điền Đ (đúng) hoặc S (sai) vào ô trống cuối mỗi nhận định sau về tâm trạng của ông Hai.

- A. Khi nghe tin làng theo giặc, ông Hai đã xác định dứt khoát từ bỏ làng quê, đầu óc ông vì thế mà trở nên nhẹ nhàng, thanh thản hơn. ☐
- B. Khi nghe tin làng mình theo giặc, ông Hai sững sờ đến lặng người và sau đó ông bị ám ảnh, day dứt đến nặng nề. ☐
- C. Tuy xác định phải từ bỏ làng quê, nhưng sự thực ông Hai vẫn không thể dứt bỏ tình cảm với quê hương, vì thế ông càng cảm thấy đau xót, tủi hổ. ☐
7. Những chi tiết nào chứng tỏ ông Hai đã bị đẩy vào một tình thế bế tắc gần đến tuyệt vọng?
- A. Bà chủ nhà không muốn cho gia đình ông Hai ở lại.
- B. Gia đình ông Hai không biết đi đâu bởi không ai muốn chứa chấp người dân của cái làng Việt gian phản động.
- C. Ông Hai không thể quay về làng vì không thể chấp nhận quay lại làm nô lệ cho Tây.
- D. Cả A, B, C.
8. Tìm từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau:
Trong tâm trạng bị dồn nén và bế tắc, ông Hai chỉ còn biết trút nỗi lòng của mình vào những lời thủ thỉ tâm sự với (1) còn rất ngây thơ. Lời tâm sự đó thực chất là lời (2) với mình, tự (3) nỗi lòng mình của ông Hai.
9. Đoạn ông Hai trò chuyện với đứa con nhỏ đã thể hiện tình cảm gì của ông?
- A. Tình yêu sâu nặng của ông Hai đối với làng Chợ Dầu của mình.
- B. Tấm lòng thủy chung, tình cảm thiêng liêng của ông đối với kháng chiến, với cách mạng mà biểu tượng là Cụ Hồ.
- C. Cả A, B.
10. Nhận định nào sau đây nêu chính xác nhất về nghệ thuật miêu tả tâm lí và ngôn ngữ của nhân vật trong truyện ngắn *Làng*?
- A. Tâm lí nhân vật ông Hai được thể hiện rõ nét qua hành động, ngôn ngữ đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.
- B. Nhà văn đã đặt nhân vật vào những thử thách gay go để nhân vật tự bộc lộ mình.
- C. Tác giả đã đặt nhân vật vào tình huống thử thách bên trong để bộc lộ chiều sâu tâm trạng.
- D. Ngôn ngữ truyện giàu hình ảnh, cô đọng và hàm súc.
- E. Ngôn ngữ nhân vật sinh động, đậm tính khẩu ngữ và lời ăn tiếng nói của người nông dân.

Bài tập 2

1. Đọc các đoạn trích sau, xác định để nhận biết chúng rồi điền vào chỗ trống cuối mỗi đoạn.

- a) - Húc kia! Thầy hỏi con nhé, con là con ai?
 - Là con thầy mấy lị con u.
 - Thế nhà con ở đâu?
 - Nhà ta ở làng Chợ Dầu.
 - Thế con có thích về làng Chợ Dầu không?

Đây là đoạn; Vì:

b) Ông lão vờ đứng lảng ra chỗ khác, rồi đi thẳng. Tiếng cười nói xôn xao của đám người mới tản cư lên ấy vẫn dõi theo. Ông nghe rõ cái giọng chua lạnh lạnh của người đàn bà cho con bú:

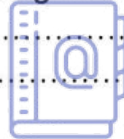
- Cha mẹ tiên sư nhà chúng nó! Đói khổ ăn cắp ăn trộm bắt được người ta còn thương. Cái giống Việt gian bán nước thì cứ cho mỗi đứa một nhát.

Ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi. Ông thoáng nghĩ đến mục chủ nhà.

Đây là đoạn; Vì:

c) Nhưng sao lại nảy ra cái tin như vậy được? Mà thằng chánh Bệu thì đích là người làng không sai rồi. Không có lửa làm sao có khói? Ai người ta hơi đâu bịa tạc ra những chuyện ấy làm gì. Chao ôi, cực nhọc chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chứa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước... Lại còn bao nhiêu người làng, tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa?...

Đây là đoạn; Vì:



ĐỀ 36

downloaadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài tập 1

Đọc kĩ truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa*, sau đó khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời mà em cho là đúng.

1. Nhân vật chính của truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* là ai?

- A. Người lái xe.
- B. Nhà họa sĩ.
- C. Cô kĩ sư nông nghiệp.
- D. Anh thanh niên làm công tác khí tượng.

2. Tác giả miêu tả anh thanh niên làm công tác khí tượng thông qua cách nhìn, cách đánh giá của những nhân vật nào?

- A. Qua lời giới thiệu của người lái xe.
- B. Qua cách đánh giá của nhà họa sĩ.
- C. Qua con mắt của cô kĩ sư.
- D. Trực tiếp mô tả nhân vật anh thanh niên.
- E. Cả A, B, C, D.

3. Những phẩm chất của nhân vật anh thanh niên được thể hiện trong truyện là những phẩm chất nào?

- A. Hiểu rõ những công việc mình đang làm, có niềm say mê của một người làm công tác khoa học thật sự.
- B. Tha thiết yêu quý con người và cuộc sống.

- C. Biết tự sắp xếp để cuộc sống của bản thân dễ chịu, thoải mái, vui tươi và biết vượt qua hoàn cảnh khó khăn.
- D. Khiêm tốn và hồn nhiên.
- E. Cả A, B, C, D.

Bài tập 2

Nội dung chính của truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* là gì? (Khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

- A. Ca ngợi cảnh đẹp của Sa Pa.
- B. Kể về người họa sĩ già sắp về hưu mà vẫn hăng hái sáng tác.
- C. Kể về một cô kĩ sư mới ra trường tình nguyện lên miền núi cao công tác.
- D. Ca ngợi những người lao động bình thường mà tiêu biểu là anh thanh niên làm công tác khí tượng thăm lặng chấp nhận khó khăn gian khổ, luôn luôn tìm thấy ý nghĩa và niềm vui trong lao động và cuộc sống.

Bài tập 3

Đọc kĩ những câu sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới.

- *Buồn thì ai chả sợ? Nó như con gián gặm nhấm người ta? Tốt hơn là tránh nó để làm việc đời.*

- [...] *Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được?*

1. Theo em, những câu văn trên có yếu tố nào sau đây?

- A. Tự sự B. Nghị luận C. Biểu cảm D. Miêu tả

2. Những yếu tố đó đã tạo cho truyện sắc thái gì?

- A. Chất hiện thực C. Chất triết lí
- B. Chất lãng mạn D. Chất trữ tình

Bài tập 4

Em hãy chú ý đọc những lời thoại của Mã Giám Sinh trong đoạn trích *Mã Giám Sinh mua Kiều* và trả lời câu hỏi nêu ở dưới bằng cách khoanh tròn vào chữ cái (a), (b).

a) *Hỏi tên, rằng: "Mã Giám Sinh"*

Hỏi quê, rằng: " Huyện Lâm Thanh cũng gần."

b) *Rằng: " Mua ngọc đến Lam Kiều,
Sính nghi xin dạy bao nhiêu cho tường?"*

Câu hỏi:

Trong hai trường hợp trên, ở trường hợp nào Mã Giám Sinh đã vi phạm phương châm hội thoại và đó là phương châm hội thoại nào?

- A. Phương châm về lượng: a, b
- B. Phương châm về chất: a, b
- C. Phương châm quan hệ: a, b
- D. Phương châm cách thức: a, b
- E. Phương châm lịch sự: a, b

ĐỀ 37

Bài tập 1

Trong truyện ngắn *Chiếc lược ngà*, người kể chuyện theo hình thức ngôi kể thứ mấy? (Khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ ba

Bài tập 2 Em hãy đọc kĩ văn bản *Chiếc lược Ngà* và căn cứ vào nội dung đã cho, chỉ ra vị trí của các đoạn trong văn bản thể hiện các nội dung đó bằng cách điền vào chỗ trống.

Đoạn 1: Cảnh hai cha con ông Sáu gặp nhau và bé Thu không nhận cha:

Từ đến

Đoạn 2: Cảnh ông Sáu trở lại chiến trường và bé Thu nhận cha:

Từ đến

Đoạn 3: Những ngày ông Sáu ở chiến khu:

Từ đến

Bài tập 3

Đọc kĩ hai đoạn văn sau và khoanh tròn vào chữ cái đầu những câu mà em chọn để trả lời các câu hỏi nêu ở dưới.

a) *Chắc anh cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng lại sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó. Anh nhìn với đôi mắt triu mến lẫn buồn rầu. Tôi thấy đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao.*

b) *Ba...a...a...ba!*

(...), nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Tôi thấy làn tóc tơ sau ót nó như dựng lên.

Câu hỏi:

1. Phương thức biểu đạt chính của hai đoạn văn trên là phương thức nào sau đây?

A. Tự sự

B. Nghị luận

C. Biểu cảm

D. Miêu tả

2. Tác giả sử dụng hình thức nào để miêu tả nội tâm của nhân vật?

A. Miêu tả trực tiếp

B. Miêu tả gián tiếp

Bài tập 4

Nối mỗi nội dung ở cột (A) với một nội dung ở cột (B) và một nội dung ở cột (C) để biểu hiện diễn biến tâm lí của nhân vật bé Thu và của người cha (ông Sáu).

A	B	C
1) Khi ông Sáu mới trở về.	1) Ông khát khao, cố tìm mọi cách để được con gọi một tiếng: "Ba" mà không được.	1) Bé Thu nhận được chiếc lược của cha từ tay bác Ba - một người bạn của ông. Một tình cảm giống như tình cha con nảy nở giữa bác Ba và Thu - lúc này đã là một cô giao liên.

2/ Ba ngày ông Sáu ở nhà.	2/ Ông vỗ vập, muốn ôm ngay con vào lòng.	2) Bé Thu kêu thét lên kêu: "Ba". Tình cảm cha con bỗng trào dâng và bộc lộ mãnh liệt.
3/ Lúc ông Sáu ra đi.	3/ Thương nhớ con, ông dành nhiều thời gian và sức lực làm cho con chiếc lược ngà. Nhưng ông Sáu đã hi sinh trong niềm nuối tiếc vì không tận tay trao cho con chiếc lược.	3) Bé Thu tỏ ra bướng bỉnh, dứt khoát không nhận cha.
4) Những ngày ông Sáu ở căn cứ kháng chiến.	4) Ông rất muốn mà không dám ôm con vì sợ con lại bỏ chạy.	4) Nhưng bé Thu ngỡ ngàng, sợ hãi, không nhận ra cha, kêu thét và bỏ chạy.

Bài tập 5

Cho các từ ngữ: *cho em một chiếc lược, "Yêu nhớ tặng Thu con của ba", trào dâng mãnh liệt, chỉ nhắm được mắt, không nhận ra cha, vết theo trên mặt, như với người xa lạ*, em hãy điền vào chỗ trống để có được một văn bản tóm tắt truyện *Chiếc lược ngà* (Nguyễn Quang Sáng).

Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến lúc đưa con chưa đầy một tuổi. Tám năm sau ông mới có dịp về thăm nhà, tâm trạng biết bao hào hứng được gặp đứa con gái thân yêu nhưng bé Thu đã (a)..... vì (b)..... ông Sáu đã làm cho ông không giống với người cha trong ảnh mà em đã quen thuộc. Bé Thu đối xử với cha (c)..... khiến cho ông Sáu rất buồn. Sau khi nghe bà giải thích về nguyên nhân vết theo, bé Thu mới nhận cha. Tình cha con (d)..... Nhưng đó cũng là lúc phải biệt li. Người cha phải lên đường về đơn vị. Giây phút chia tay, bé Thu dặn cha khi nào về mua(e).

Ở căn cứ, ông Sáu cố công tìm được một khúc ngà, rồi tỉ mỉ lấy vỏ đạn làm một chiếc cưa, và hầu như tất cả thời gian ông chỉ làm hai việc: chiến đấu và cưa chiếc lược ngà. Một ngày ông cưa được một vài răng và không bao lâu, cây lược đã được hoàn thành. Ông đã gò lưng, tần mẩn khắc lên đó dòng chữ(g). Ông mong mỗi đến ngày về thăm quê mang chiếc lược cho con. Nhưng không may, ông đã bị hi sinh mà không thực hiện được niềm khát khao cháy bỏng của mình. Ông Sáu(h) khi người bạn là ông Ba hứa sẽ trao tận tay bé Thu chiếc lược.

Bài tập 6

Em điền vào ô trống trong bản thống kê các tác giả và tác phẩm thơ hiện đại được học trong *Ngữ văn 9*, học kì I.

TÊN TÁC GIẢ	TÊN TÁC PHẨM	THỜI GIAN SÁNG TÁC
1).....	<i>Đồng chí</i>	2).....
Phạm Tiến Duật	3).....	4).....
5).....	<i>Đoàn thuyền đánh cá</i>	6).....
7).....	<i>Bếp lửa</i>	8).....
9).....	<i>Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ</i>	10).....
Nguyễn Duy	11).....	12).....

Bài tập 7

Điền vào ô trống trong bảng thống kê tên các tác giả và tác phẩm truyện hiện đại được học trong chương trình *Ngữ văn 9*, học kì I.

TÊN TÁC GIẢ	TÊN TÁC PHẨM	THỜI GIAN SÁNG TÁC
Kim Lân	(1).....	(2).....
(3).....	Lặng lẽ Sa Pa	(4).....
Nguyễn Quang Sáng	(5).....	(6).....

ĐỀ 38

Bài tập 1

1. Điền khái niệm phân tích, tổng hợp vào chỗ trống thích hợp ở đầu mỗi nhận định sau:

- a) là phép lập luận trình bày từng bộ phận, phương diện của một vấn đề nhằm chỉ ra nội dung của sự vật, hiện tượng.
- b) là phép lập luận rút ra cái chung từ những điều đã phân tích.

2. Đọc lại đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn. Bởi vì học vấn không chỉ là việc cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại. Mỗi loại học vấn đến giai đoạn hôm nay đều là thành quả của toàn nhân loại nhờ biết phân công, cố gắng tích lũy ngày đêm mà có. Các thành quả đó sở dĩ không bị vùi lấp đi, đều là do sách vở ghi chép, lưu truyền lại. Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại, cũng có thể nói đó là những cột mốc trên con đường tiến hoá học thuật của nhân loại. [1]

[...] Đọc sách là muốn trả món nợ đối với thành quả nhân loại trong quá khứ, là ôn lại kinh nghiệm, tư tưởng của nhân loại tích lũy mấy nghìn năm trong mấy chục năm ngắn ngủi, là một mình hưởng thụ các kiến thức,

lời dạy mà biết bao người trong quá khứ đã khổ công tìm kiếm mới thu nhận được. Có được sự chuẩn bị như thế thì một con người mới có thể làm được cuộc trường chinh vạn dặm trên con đường học vấn, nhằm phát hiện thế giới mới.[2]

Yêu cầu:

- a) Trong đoạn văn trên, phép lập luận chính của từng phần là:
- A. Phần [1] chủ yếu sử dụng phép lập luận.....
- B. Phần [2] chủ yếu sử dụng phép lập luận.....
- b) Em hãy viết một câu tổng hợp khác cho đoạn văn trên của Chu Quang Tiềm:
-
-
-

3. Đoạn văn sau viết về nghệ thuật miêu tả chân dung Thuý Vân trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du nhưng thứ tự các câu trong đoạn chưa hợp logic. Em hãy đọc kĩ và thực hiện các yêu cầu nêu ở phía dưới:

Khuôn mặt nàng đầy đặn, phúc hậu tựa trăng rằm [1]. Đôi mày nàng cong, đậm, gợi tả một đôi mắt đẹp, trong sáng [2]. Nguyễn Du đã nhấn mạnh tính chất "trang trọng, đoan trang" của vẻ đẹp Thuý Vân [3]. Miệng nàng tươi như hoa; giọng nói trong trẻo như tiếng ngọc [4]. Mái tóc nàng mềm mại, mượt mà hơn mây; làn da trắng mịn màng hơn tuyết [5]. Chỉ với 4 câu thơ, Nguyễn Du đã vẽ nên một chân dung Thuý Vân đẹp, phúc hậu với những dự cảm tốt lành về cuộc đời nàng sau này [6]. Nét nào ở Thuý Vân cũng hoàn hảo hơn những vẻ đẹp vốn có trong thiên nhiên, trời đất [7]. Nhưng điều quan trọng là, vẻ đẹp ấy luôn tạo được sự hoà hợp êm ả với xung quanh, báo trước một cuộc đời bằng phẳng, suôn sẻ [8].

- a) Câu tổng hợp của cả đoạn là câu số
- b) Em hãy sắp xếp lại đoạn văn trên theo trình tự lập luận từ phân tích đến tổng hợp và đúng theo trình tự miêu tả của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*:

Câu [3] -> -> -> ->

..... -> -> ->

.....

4. Đọc kĩ đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

Có thể có người cho rằng, đời người dài đằng dặc, lãng phí một chút thời gian có vấn đề gì, cách nghĩ như vậy là rất sai lầm. Phải biết rằng, cho dù một phút là rất ngắn cũng là rất quý chứ. Trong một phút, học sinh tiểu học có thể viết được 20 chữ mới, đọc được một đoạn truyện ngắn hơn 200 chữ, tính nhẩm được 20 đề thi, nhân viên đánh máy vi tính có thể đánh được 80 kí tự, vận động viên có thể chạy được 250 m, nhân viên phòng chữa cháy có thể tập hợp khẩn cấp, nhảy lên xe cứu hoả, tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân có

thể chạy suốt dưới nước được 600m, tên lửa phóng đi được 450km, máy bay chở khách kiểu phản lực có thể bay được 18km,...

(Theo Diệp Vân)

a) Khoanh tròn vào chữ cái đầu dòng nêu phép lập luận mà tác giả sử dụng chủ yếu trong đoạn văn trên.

- A. Phân tích
- B. Tổng hợp
- C. Kết hợp cả hai phép lập luận trên.

b) Trong các câu sau, câu nào có thể chọn làm câu tổng hợp cho đoạn văn trên?

- A. Một phút cũng đáng quý biết bao bởi trong một phút ấy, con người có thể làm được biết bao việc có ích.
- B. Trong một phút, một nhân viên đánh máy vi tính có thể đánh được 80 kí tự.
- C. Trong một phút, học sinh Tiểu học có thể viết được 20 chữ cái hoặc đọc được một đoạn truyện ngắn hơn 200 chữ.

5. Với đề bài *Hãy biết quý trọng và giữ lấy từng phút, từng giờ trong cuộc sống*, lớp em đã thảo luận và thống nhất triển khai bài viết gồm ba ý lớn. Em hãy dùng phép phân tích để làm nổi bật từng ý lớn sau:

a) Thời gian như thoi đưa, đời người rất hữu hạn.

.....
downloadsachmienphi.com
.....

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

b) Biết quý trọng thời gian, sinh mệnh đời người như được kéo dài ra.

.....
.....
.....

c) Quý trọng thời gian nghĩa là phải hành động, hành động ngay từ bây giờ

.....
.....
.....

6. Em hãy đọc kĩ đoạn văn sau và viết từ một đến hai câu tổng hợp lại các ý đã được phân tích trong đoạn:

Từ xưa đến nay trong cuộc sống có ai mà không từng phạm sai lầm? Trong cuộc sống, chúng ta thường mắc phải các sai lầm muôn hình muôn vẻ. Con người càng sống được lâu dài thì những sai lầm mà họ mắc phải cũng càng nhiều. Người nào làm việc càng nhiều thì những sai lầm mà họ mắc phải cũng càng nhiều. Người nào làm việc càng nhiều thì khả năng

phạm sai lầm càng lớn. Muốn nghĩ cách không phạm sai lầm, chỉ có một biện pháp: không làm cả!

.....

.....

.....

ĐỀ 39

Bài tập 1

1. Tìm từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau để có những ghi nhớ vắn tắt về tác giả Nguyễn Đình Thi:

Nguyễn Đình Thi ([1] -) quê ở [2]..... Ông không chỉ là một nhà thơ nổi tiếng, ông còn là [3]..... Năm 1996, ông được Nhà nước trao tặng [4].....

2. Khoanh tròn vào chữ cái đầu câu thể hiện khái quát nhất nội dung văn bản *Tiếng nói của văn nghệ*:

- A. Văn nghệ phản ánh hiện thực đời sống và thể hiện tư tưởng tình cảm của nhà nghệ sĩ.
- B. Văn nghệ có khả năng thay đổi, cảm hoá kì diệu đối với tâm hồn con người.
- C. Văn nghệ là sự kết tinh của tâm hồn người nghệ sĩ, có khả năng cảm hoá kì diệu đối với tâm hồn con người.

3. Tiếng nói của văn nghệ chủ yếu là tiếng nói của nghệ sĩ nhằm thể hiện điều gì? (Khoanh tròn vào chữ cái đầu dòng mà em chọn).

- A. Thể hiện cuộc sống riêng của chính họ.
- B. Thể hiện cuộc sống, con người.

4. Điền vào chỗ trống sau: Luận điểm *Văn nghệ phản ánh hiện thực và thể hiện tư tưởng tình cảm của nhà nghệ sĩ* chủ yếu được triển khai trong đoạn văn từ đầu đến

5. Điền vào chỗ trống sau: Luận điểm *Văn nghệ có khả năng cảm hoá kì diệu tâm hồn con người* chủ yếu được triển khai trong đoạn văn từ đến

6. Khoanh tròn vào chữ cái đầu nội dung phản ánh của văn nghệ được nêu trong văn bản:

- A. Thiên nhiên; cuộc sống sinh hoạt, lao động, chiến đấu; thế giới nội tâm con người, ... thông qua cách nhìn, cách cảm của nghệ sĩ.
- B. Tư tưởng, tình cảm, những say sưa, vui buồn, yêu ghét, giận hờn, mơ mộng,... của nhà nghệ sĩ.
- C. Cả 2 nội dung trên.

7. Câu văn "*Anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình gộp vào đời sống chung quanh.*" Nói lên điều gì?

- A. Nhà nghệ sĩ thường hay gửi thư cho các độc giả của mình.

- E. Trong quá trình phản ánh cuộc sống, nhà nghệ sĩ đồng thời đã bộc lộ, gửi gắm tư tưởng, tình cảm của mình về cuộc sống.
- C. Cả hai ý trên đều sai.
8. Khoanh tròn vào chữ cái đầu câu nêu đầy đủ về sức mạnh kì diệu của văn nghệ được thể hiện trong văn bản.
- A. Văn nghệ nâng đỡ tâm hồn con người, đặc biệt trong những hoàn cảnh sống khó khăn.
- B. Văn nghệ có khả năng làm thay đổi tư tưởng, nhận thức của con người.
- C. Văn nghệ giúp con người tự hoàn thiện nhân cách và tâm hồn mình.
- D. Cả A, B, C.
9. Các câu văn sau trích trong bài tiểu luận *Tiếng nói của văn nghệ*. Em hãy khoanh tròn những câu nào đã diễn đạt một cách hàm súc sức mạnh kì diệu của văn nghệ.
- A. *Câu ca dao tự bao giờ truyền lại đã gieo vào bóng tối những cuộc đời cực nhọc ấy một ánh sáng, lay động những tình cảm, ý nghĩ khác thường.*
- B. *Nghệ thuật không đứng ngoài trở về cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy.*
- C. *Lời gửi của nghệ thuật không những là một bài học luân lí hay một triết lí về đời người, hay những lời khuyên xử thế, hay một sự thực tâm lí, hoặc xã hội.*
- D. *Một bài thơ hay không bao giờ ta đọc qua một lần mà bỏ xuống được.*
10. Câu "*Nghệ thuật không đứng ngoài trở về cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy.*" Nói lên điều gì? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)
- A. Nghệ thuật không nói những điều mơ hồ, lảng mạn, phi thực tế mà luôn luôn phản ánh đúng hiện thực.
- B. Tiếng nói của văn nghệ đi thẳng vào trái tim người đọc; thức tỉnh, lay động tâm hồn, tình cảm, ý nghĩ của họ; thúc giục họ hành động.
- C. Nghệ thuật có phép biến hoá thần kì, có thể sai khiến được tâm hồn và ý thức của chúng ta.
11. Điền C (Có) vào ô trống cuối mỗi nhận định có trong văn bản *Tiếng nói của văn nghệ* và điền K (Không) vào ô trống cuối mỗi nhận định không có trong văn bản này:
- A. Lời nhắn gửi tâm huyết của nhà nghệ sĩ được thể hiện một cách kín đáo, phong phú và sâu sắc trong tác phẩm. ☐
- B. Tư tưởng trong tác phẩm nghệ thuật đã được trừu tượng hoá, trí thức hoá. ☐
- C. Nghệ thuật khơi gợi và nhen nhóm trong lòng ta tình yêu, niềm tin vào cuộc sống. ☐
- D. Nghệ thuật chỉ là tiếng nói thuần túy của tình cảm mà thôi. ☐

12. Đặc sắc nghệ thuật nào sau đây đã mang lại thành công cho văn bản *Tiếng nói của văn nghệ*? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

- A. Nghệ thuật miêu tả sinh động.
- B. Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn.
- C. Nghệ thuật lập luận chặt chẽ.
- D. Ngôn ngữ giàu hình ảnh và cảm xúc.
- E. Hệ thống luận cứ, lí lẽ xác đáng, dẫn chứng sinh động.

Bài tập 2

1. Chọn từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống trong các nhận định sau:

a) Các thành phần tình thái, cảm thán là những bộ phận [1] (*tham gia, không tham gia*) vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu nên gọi là [2] (*thành phần biệt lập, thành phần chính*).

b) Thành phần tình thái được dùng để thể hiện (*cách nhìn nhận, tâm lí*) của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.

c) Thành phần cảm thán được dùng để bộc lộ (*cách nhìn, tâm lí*) của người nói.

2. Tìm thành phần cảm thán trong các câu trích sau; xác định nét tâm lí, sắc thái tình cảm mà thành phần này biểu lộ trong câu (ngạc nhiên, đau đớn, chán nản, ...) rồi điền vào chỗ trống.

a) *Chao ôi, có biết đâu rằng: hung hăng, hống hách lão chỉ tổ đem thân mà trả nợ cho những cử chỉ ngu dại của mình thôi.*

(Tô Hoài)

b) *Ồ vẫn còn đây, của các em
Chồng thư mới mở, Bác đang xem*

(Tố Hữu)

c) *Ôi, chết thế, không thể nào chết được!*

(Tố Hữu)

d) *Trời ạ, thì ra nó chế thuốc vẽ.*

(Tạ Duy Anh)

e) *Ồi chao, sớm với muộn mà có ăn thua gì.*

(Thạch Lam)

g) *Chà, bây giờ không có điện thoại mới gay to đây.*

(Sê-khốp)

h) *Mười một năm nay cực khổ hết sức, song ráng mà sống, là vì trông mong có ngày thấy được mặt con. Nay về đến đây, chưa gặp được con mà*

phải đi, thì làm sao được, trời đất ơi!

(Hồ Biểu Chánh)

3. Tìm thành phần tình thái trong các câu sau; xác định nét tình thái mà nó thể hiện (độ tin cậy của sự việc được nói đến, thái độ của người nói) rồi điền vào chỗ trống.

- a) *Thà rằng ăn bát cơm rau
Còn hơn cá thịt nói nhau nặng lời.*

(Ca dao)

- b) *Không nói, có lẽ họ nể hơn là sợ.*

(Tô Hoài)

- c) *Tôi thấy khó mà tin được rằng những đứa trẻ này cũng bị đánh đòn như tôi, tôi thấy tức thay cho chúng.*

(Go-rơ-ki)

- d) *Nhưng hình như lão cũng biết vợ tôi không ưng giúp lão.*

(Nam Cao)

- e) *Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hóa kiếp cho nó để nó làm kiếp người, may ra có sung sướng hơn một chút... kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn!...*

(Nam Cao)

- g) *Tựa hồ như cánh đồng thảo nguyên đang lắng nghe tiếng chân tôi bước, lắng nghe những ý nghĩ của tôi.*

(Ai-ma-tôp)

- h) *Khốn rồi, ngày mai có lẽ tôi phải đi Mat-xơ-va và sẽ phải xa cô lâu...*

(Đô-xtôi-ep-xki)

4. Em hãy sắp xếp những từ ngữ sau theo trình tự tăng dần độ chắc chắn rồi điền vào chỗ trống: *có lẽ, khó mà tin được rằng, hình như, may ra, tựa hồ như.*

5. Nếu bỏ cụm từ *tựa hồ như* trong câu "*Tựa hồ như cánh đồng thảo nguyên đang lắng nghe tiếng chân tôi bước, lắng nghe những ý nghĩ của tôi*" của Ai-ma-tôp, câu văn mới sẽ như thế nào? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

- A. Khác nghĩa sự việc với câu văn của Ai-ma-tôp.
B. Không thay đổi cả nghĩa sự việc và sắc thái tình cảm.
C. Nghĩa sự việc không thay đổi nhưng cách nhà văn cảm nhận về thảo nguyên có thay đổi.

6. Thêm thành phần cảm thán vào các câu sau và viết lại các câu đó.

- a) *Tôi không lục lọi sách vở của chị ấy.*

b) *Hôm nay có nhiều bài tập khó.*

c) *Chú bé xinh xắn, nụ cười như một thiên thần nhỏ.*

7. Chọn cụm từ thích hợp trong ngoặc rồi điền vào chỗ trống ở đầu các câu sau:

a), (Đáng lẽ, Thật tình) lúc đầu tôi không biết đó là bố của An.

b), (Tiếc rằng, Hình như) tôi đã không đi Hà Nội cùng anh được.

c), (Có vẻ, Eo ôi) sao mặt mũi cậu trông nhem nhuốc thế kia?

8. Từ câu "*Cô ấy chơi đàn rất hay.*", em hãy thêm thành phần cảm thán thể hiện các sắc thái nghĩa nêu ở dưới và viết lại câu đó.

a) Ngạc nhiên:

b) Thán phục:

Bài tập 3

1. Trong các nhận định sau, nhận định nào đúng với kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

A. Nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống là bàn về các sự việc, hiện tượng có ý nghĩa hoặc đáng suy nghĩ đối với một số người nào đó.

B. Nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống xã hội là bàn về các sự việc, hiện tượng có ý nghĩa hoặc có vấn đề đáng suy nghĩ đối với xã hội, qua đó bày tỏ thái độ đồng tình biểu dương hay lên án, phê phán.

2. Kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống đòi hỏi những yêu cầu nào sau đây? (Khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

A. Phải nêu rõ được sự việc, hiện tượng có vấn đề.

B. Phân tích mặt đúng - sai, lợi - hại của những sự việc, hiện tượng đó.

C. Chỉ ra được nguyên nhân, hướng khắc phục; bày tỏ thái độ, ý kiến của người viết.

D. Bố cục bài phải mạch lạc, luận điểm rõ ràng, luận cứ xác thực, dẫn chứng sinh động.

E. Cả bốn yêu cầu trên.

3. Em hãy xem xét các sự việc, hiện tượng sau và thực hiện yêu cầu nêu ở dưới:

1) Bạn Hà và bạn Ngọc bị vấp ngã.

2) Tệ nạn cờ bạc, cá độ trong thanh thiếu niên ngày càng tăng.

3) Nhiều bạn học sinh bỏ học đi chơi điện tử.

4) Bạn Hằng ít phát biểu trong giờ học.

5) Hiện tượng ăn quà vặt trong lớp.

- 6) Bệnh quay cóp trong thi cử.
- 7) Tệ nạn nghiện hút ma túy của một số thanh niên.
- 8) Bạn Quý mê chơi cầu lông.
- 9) Bạn lớp trưởng bỏ quên cặp trong lớp.
- 10) Cả lớp tập trung ghi chép bài.
- 11) Bạn An đi dép đứt quai đến lớp.
- 12) Tình trạng tai nạn giao thông nghiêm trọng ngày càng tăng hiện nay.
- 13) Hiện tượng gây gỗ, bắt nạt học sinh lớp dưới của một số học sinh lớp trên.
- 14) Tính hay quên của bạn Dương.

Yêu cầu: Em hãy điền các sự việc, hiện tượng trên vào bảng sau:

Những sự việc, hiện tượng có thể làm đề bài nghị luận					Những sự việc, hiện tượng không thể làm đề bài nghị luận				
Sự	việc,	hiện	tượng	số	Sự	việc,	hiện	tượng	số
.....									
.....									
.....									
.....									

4. Với đề bài: *Suy nghĩ của em về tình trạng học sinh quay cóp khi làm bài thi, kiểm tra hiện nay*, một bạn đã lập dàn ý như sau:

- A. Quay cóp trong các kì thi, kiểm tra là hiện tượng đáng lên án trong Nhà trường hiện nay. ☐
- B. Thi, kiểm tra là khâu quan trọng của quá trình dạy - học, nhằm kiểm tra kiến thức của học sinh. ☐
- C. Nhiều bài thi của các bạn được trình bày rất cầu thả nên điểm số thường không cao. ☐
- D. Việc quay cóp làm cho kết quả đạt được không phản ánh đúng thực chất chất lượng học tập của học sinh. ☐
- E. Thói quen quay cóp còn tạo nên ở học sinh tính không trung thực trong học tập. ☐
- G. Thời gian làm bài thi, kiểm tra thường từ 15 phút đến 90 phút. ☐
- H. Quay cóp là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự bất bình đẳng trong giáo dục. ☐
- I. Thói quen quay cóp khi làm bài thi, kiểm tra tạo nên ở học sinh sự thụ động, lười biếng trong tư duy. ☐
- K. Vào những ngày thi học kì, sân trường như có vẻ như vắng lặng hơn mọi ngày. ☐
- L. Quay cóp trong thi cử là một thói xấu cần phải phê phán, đấu tranh cương quyết. ☐
- M. Nguyên nhân chính của tình trạng quay cóp trên là do nhiều học sinh chưa có thói quen chăm chỉ, tự giác trong học tập. ☐

a) Em hãy đọc kĩ đề bài và dàn ý trên rồi điền chữ C (chọn) vào ô trống cuối những ý cần có trong bài, điền chữ K (Không) vào ô trống cuối những ý nào có thể làm cho bài viết lạc đề.

b) Em hãy sắp xếp lại trình tự các ý cần có trong bài để bài văn có bố cục logic, chặt chẽ, mạch lạc.

c) Trên cơ sở đề bài và các ý đã lựa chọn ở trên, em hãy viết phần kết bài (từ hai đến ba câu) cho bài nghị luận này.

ĐỀ 40



Bài tập 1.

Đọc kĩ văn bản *Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới* và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

1. Vấn đề chính mà tác giả đem ra bàn luận trong văn bản là vấn đề nào? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

- A. Những thành tựu về kinh tế, xã hội, văn hoá mà Việt Nam đã đạt được trong thế kỉ XX.
- B. Lớp trẻ Việt Nam cần nhận thức rõ những điểm mạnh và điểm yếu của con người Việt Nam để nhanh chóng khắc phục những điểm yếu và hình thành những đức tính và thói quen tốt khi bước vào thế kỉ mới.
- C. Quá khứ lịch sử đau thương nhưng hào hùng và tương lai rạng rỡ của đất nước Việt Nam.

2. Bài viết của Vũ Khoan được triển khai thành 4 luận cứ trong một bố cục chặt chẽ. Em hãy điền 2 luận cứ còn lại vào chỗ trống theo đúng trình tự bố cục của văn bản.

- A. Chuẩn hành trang vào thế kỉ mới thì quan trọng nhất là sự chuẩn bị bản thân con người.
- B.
- C.
- D. Bước vào thế kỉ mới mỗi người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ, cần phát huy những điểm mạnh và khắc phục những điểm yếu để đáp ứng nhiệm vụ công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước.

3. Tại sao tác giả Vũ Khoan cho rằng trong các hành trang chuẩn bị bước vào thế kỉ mới, sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

- A. Bởi vì con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển của xã hội, lịch sử.
 B. Bởi vì trong thời kì nền kinh tế tri thức phát triển mạnh mẽ thì vai trò của con người càng nổi bật.
 D. Cả 3 lí do trên.
4. Theo tác giả, trong bối cảnh thế giới hiện nay, Việt Nam đồng thời phải giải quyết những nhiệm vụ quan trọng nào? (khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)
 A. Thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu của nền kinh tế nông nghiệp.
 B. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
 C. Nhanh chóng tiếp cận ngay với nền kinh tế tri thức.
 D. Cả 3 nhiệm vụ trên.
5. Chọn những từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống để có khái niệm đúng về *nền kinh tế tri thức*.
Kinh tế tri thức là khái niệm chỉ một trình độ phát triển rất cao của nền kinh tế mà trong đó (tri thức, trí tuệ / máy móc, phương tiện sản xuất) chiếm một tỉ trọng cao trong giá trị của các sản phẩm và trong tổng sản phẩm kinh tế quốc dân.
6. Khoanh tròn vào chữ cái đầu dòng chỉ những điểm mạnh của con người Việt Nam được tác giả đề cập tới trong văn bản.
 A. Thông minh, nhạy bén với cái mới.
 B. Khả năng thực hành cao.
 C. Cần cù, chịu khó và sáng tạo.
 D. Tỉ mỉ, cẩn trọng trong công việc và biết cách tính toán.
 E. Có truyền thống đoàn kết đùm bọc nhau, đặc biệt là trong hoàn cảnh đất nước có giặc ngoại xâm.
 G. Cả 5 phương án đều sai.
7. Những điểm yếu của con người Việt Nam, theo tác giả Vũ Khoan, là những điểm nào sau đây? (Khoanh tròn chữ cái đầu dòng câu trả lời mà em chọn.)
 A. Thiếu kiến thức cơ bản.
 B. Khả năng thực hành và sáng tạo còn hạn chế.
 C. Thiếu tính tỉ mỉ và cẩn trọng trong công việc.
 D. Hay "cải tiến", làm tắt, không coi trọng nghiêm ngặt quy trình công nghệ.
 E. Hay đổ kị nhau, thiếu tính cộng đồng trong làm ăn.
 G. Tất cả những điểm trên.
8. Căn cứ vào văn bản, em hãy nối một ý ở cột (A) với một ý ở cột (B) sao cho thích hợp.

A	B
Điểm yếu của con người Việt Nam	Nguyên nhân của những điểm yếu đó
1) Có những lỗ hổng về kiến thức cơ bản	1) Do lối học chay, học vẹt nặng nề
2) Kỹ năng thực hành, sáng tạo bị hạn chế.	2) Do ảnh hưởng nặng nề của phương thức sản xuất nhỏ và cách

	sống thoải mái, thanh thản nơi thôn dã.
3) Thiếu đức tính tỉ mỉ, không có thói quen tôn trọng những quy định nghiêm ngặt của công việc với cường độ lao động khẩn trương.	3) Do ảnh hưởng của lối sống theo thứ bậc chứ không phải theo năng lực, lối nghĩ "trâu buộc ghét trâu ăn" đối với người hơn mình.
Có tính đố kị nhau trong làm ăn và trong cuộc sống thường ngày.	4) Do thiên hướng chạy theo những môn học "thời thượng".

9. Theo tác giả Vũ Khoan, bước vào thế kỉ mới, chúng ta cần phải loại bỏ những thói quen có hại nào? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

- A. Thái độ kì thị đối với sự kinh doanh.
- B. Tính chây lười, ỷ lại do thói quen ảnh hưởng sự bao cấp
- C. Nếp nghĩ sùng ngoại hoặc bài ngoại quá mức.
- D. Thói quen "khôn vặt", "bóc ngắn cắn dài", không coi trọng chữ "tín".
- E. Cả A, B, C, D.

10. Tác giả chỉ ra và phân tích những điểm yếu của con người Việt Nam nhằm mục đích gì? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn)

- A. Để phê phán những điểm yếu đó của con người Việt Nam.
- B. Để góp phần loại bỏ những thói xấu, phát huy những đức tính tốt đẹp của con người Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu của thời đại mới.

11. Khi phân tích những điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam, tác giả đã thể hiện thái độ gì? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

- A. Thái độ phê phán khách quan, lạnh lùng của người ngoài cuộc.
- B. Thái độ chủ quan, thành kiến, khó chịu của người trong cuộc.
- C. Thái độ khách quan, chân thành, đầy trách nhiệm của người trong cuộc.

12. Theo em, có nhiều người tán thành ý kiến của tác giả về những điểm yếu của con người Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển kinh tế hiện nay không? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

- A. Nhiều người tán thành.
- B. Ít người tán thành.
- C. Không có người tán thành.
- D. Ý kiến khác:

13. Văn bản *Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới* giàu sức thuyết phục là nhờ yếu tố nào?

- A. Vấn đề được đưa ra bàn luận có ý nghĩa thời sự và có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc.
- B. Bố cục bài viết chặt chẽ, lập luận sắc bén, dẫn chứng sinh động
- C. Thái độ của người viết rất thẳng thắn, tình cảm rất chân thành và đầy trách nhiệm.
- D. Cả ba yếu tố trên

Bài tập 2

1. Điền đúng (Đ), sai (S) vào ô trống cuối mỗi nhận định sau:

- A. Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí là bàn về những sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, đáng khen, đáng chê hay vấn đề đáng suy nghĩ. ☐
- B. Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí là bàn về một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống... của con người. ☐
- C. Yêu cầu về nội dung của một bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí là làm sáng tỏ vấn đề đó bằng cách giải thích, chứng minh, so sánh, phân tích... để chỉ ra chỗ đúng (hay chỗ sai) của một tư tưởng nào đó nhằm khẳng định tư tưởng của người viết. ☐

2. Em hãy đọc kĩ và xem xét trong các vấn đề sau những vấn đề nào có thể làm đề bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống; vấn đề nào có thể làm đề bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí, sau đó điền vào bảng.

- (1) Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.
- (2) Thói thích đua đòi, chạy theo mốt ở một số học sinh, sinh viên.
- (3) Thực trạng học sinh ứng xử thiếu lễ độ đối với thầy cô.
- (4) Tính đố kị trong làm ăn của con người Việt Nam.
- (5) Tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị hiện nay.
- (6) Truyền thống yêu nước của nhân dân Việt Nam.
- (7) Sức khỏe - tài sản lớn nhất của con người.
- (8) Đức tính cần cù, chịu khó của con người Việt Nam trong lao động.
- (9) Khiêm tốn - phẩm chất quý giá của con người.
- (10) Tình trạng thiếu trung thực trong thi cử của học sinh hiện nay.
- (11) Uống nước nhớ nguồn - một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam
- (12) Không có gì quý hơn độc lập, tự do.
- (13) Tình trạng vi phạm pháp luật của thanh niên hiện nay
- (14) Tình trạng học chay, học vẹt ở một số học sinh.
- (15) Có chí thì nên.
- (16) Đoàn kết là mẹ thành công.

Các vấn đề có thể làm đề bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống	Các vấn đề có thể làm đề bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

.....	
.....	
.....	

3. Em hãy đọc kĩ đoạn văn trích trong văn bản *Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới* và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới bằng cách khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em lựa chọn.

Cái mạnh của con người Việt Nam là sự cần cù, sáng tạo. Điều đó thật hữu ích trong một nền kinh tế đòi hỏi tinh thần kỉ luật cao và thái độ nghiêm túc đối với công cụ và quy trình lao động với những máy móc, thiết bị rất tinh vi. Tiếc rằng ngay trong mặt mạnh này của chúng ta cũng lại ẩn chứa những khuyết tật không tương tác chút nào với một nền kinh tế công nghiệp hoá chứ chưa nói tới nền kinh tế tri thức. Người Việt Nam ta cần cù thì cần cù thật, nhưng lại thiếu đức tính tỉ mỉ. Khác với người Nhật vốn cũng nổi tiếng cần cù lại thường rất cẩn trọng trong khâu chuẩn bị công việc, làm cái gì cũng tính toán chi li từ đầu, người Việt Nam ta thường dựa vào tính tháo vát của mình, hành động theo phương châm "nước đến chân mới nhảy", "liệu cơm gắp mắm". Do còn chịu ảnh hưởng nặng nề của phương thức sản xuất nhỏ và cách sống ở nơi hoang dã vốn thoải mái và thanh thản nên người Việt Nam ta chưa có thói quen tôn trọng những quy định nghiêm ngặt của công việc, là cường độ khẩn trương. Ngay bản tính "sáng tạo" một phần nào đó cũng có mặt trái ở chỗ ta loay loay "cải tiến", làm tắt, không coi trọng nghiêm ngặt quy trình công nghệ. Trong một xã hội công nghiệp và "hậu công nghiệp", những khuyết tật ấy sẽ là những vật cản ghê gớm."

Câu hỏi:

- a) Đoạn trích trên thuộc kiểu nghị luận về vấn đề gì?
 - A. Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.
 - B. Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.
- b) Trong đoạn trích trên tác giả đã dùng phép lập luận nào để làm sáng tỏ vấn đề cần nghị luận?
 - A. Chứng minh.
 - B. Phân tích, đối chiếu.
 - C. Thuyết minh, miêu tả.

ĐỀ 41

Bài tập 1

1. Đọc kĩ đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

Buy-phông viết: "Chó sói thù ghét mọi sự kết bè kết bạn, thậm chí ngay cả với đồng loại chó sói của nó. Khi ta thấy nhiều con chó sói tụ hội với nhau, thì đấy không phải là một bầy chó sói hiền hoà mà là một bầy chó sói chinh chiến ồn ào âm ỉ, với những tiếng la hú khủng khiếp, và nhằm để tấn công một con vật to lớn, như con hươu, con bò, hoặc để chống trả một con chó gộc nào đấy. Khi cuộc chinh chiến đã xong xuôi, chúng lại mỗi con một nơi và quay về với sự lặng lẽ, cô đơn của chúng. Tóm lại, bộ mặt lấm lét, dáng vẻ hoang dã, tiếng hú rùng rợn, mùi hôi gớm ghiếc, bản tính hư hỏng, cái gì cũng làm ta khó chịu. Nó thật đáng ghét, lúc sống thì có hại, chết rồi thì vô dụng"...

(H.Ten)

a) Các câu trong đoạn văn trên liên kết với nhau bằng những hình thức liên kết nào? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

- A. Liên kết nội dung.
- B. Liên kết hình thức.
- C. Cả hai hình thức trên.

b) Hai câu văn: "*Khi cuộc chinh chiến đã xong xuôi, chúng lại mỗi con một nơi và quay về với sự lặng lẽ, cô đơn của chúng. Tóm lại, bộ mặt lấm lét, dáng vẻ hoang dã, tiếng hú rùng rợn, mùi hôi gớm ghiếc, bản tính hư hỏng, cái gì cũng làm ta khó chịu.*" liên kết với nhau bằng phép liên kết nào sau đây? (Khoanh trong chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

- A. Phép thế
- B. Phép nối
- C. Phép lặp từ ngữ

2. Các câu và các đoạn văn trong những đoạn trích dưới đây liên kết với nhau bằng phép liên kết nào? Gạch chân những từ ngữ thể hiện những phép liên kết đó.

a) *Cũng may mà bằng mấy nét, họa sĩ ghi xong lần đầu gương mặt của người thanh niên. Người con trai ấy đáng yêu thật, nhưng làm cho ông nhọc quá.*

(Nguyễn Thành Long)

b) *Ông Hai hì hục vỡ một vạt đất rậm ngoài bờ suối từ sáng đến giờ, ông tính để trồng vài trăm gốc sắn ăn vào những tháng đói sang năm. Có một mình, ông phải làm cố, hai vai ông mỗi như.*

(Kim Lân)

c) *Hằng ngày, việc ăn uống của Người cũng rất đậm bạc, với những món ăn dân tộc không chút cầu kì, như cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa.*

Và Người sống ở đó, một mình, với một tư trang ít ỏi, một chiếc va li con với vài bộ quần áo, vài vật kỉ niệm của một cuộc đời dài.

(Lê Anh Trà)

ĐỀ 42**Bài tập 1**

- Điền vào chỗ trống để có những thông tin giới thiệu về nhà thơ Chế Lan Viên.
 A. Tên khai sinh, năm sinh, năm mất:
 B. Quê quán:
 C. Sự nghiệp văn học:
 D. Giải thưởng:
 E. Một số tác phẩm tiêu biểu:

- Bài thơ *Con cò* nằm trong tập thơ nào sau đây của nhà thơ Chế Lan Viên? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)
 A. Điều tàn;
 B. Ánh sáng và phù sa
 C. Hoa ngày thường - Chim báo bão.

Bài tập 2. Đọc kĩ bài thơ *Con cò* và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

- Bài thơ là lời của ai? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)
 A. Lời của đứa con nói với mẹ.
 B. Lời của con cò nói với con.
 C. Lời hát ru con và những tâm tình, nỗi lòng của người mẹ đối với con
- Tìm những từ ngữ trong bài thơ thể hiện sự phát triển của hình ảnh người con qua ba đoạn thơ và điền vào chỗ trống?

Đoạn I:

downloaadsachmienphi.com

Đoạn II:

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Đoạn III:

Bài tập 3

- Có thể khái quát nội dung chính của ba đoạn thơ như sau được không? (Điền dấu X vào ô trống.)

Đoạn I: Hình ảnh con cò qua những lời hát ru bắt đầu đến với tuổi thơ.

Đoạn II: Hình ảnh con cò đi vào tiềm thức của tuổi thơ và theo con người đi suốt cuộc đời.

Đoạn III: Suy ngẫm và triết lí về ý nghĩa của lời ru và lòng mẹ đối với cuộc đời mỗi con người.

Được

☐

Không được

☐

- Câu thơ "*Con làm thi sĩ*" thể hiện trong ước mơ của người mẹ về con như thế nào?

(Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

- Mong ước con lớn lên sẽ trở thành một nhà thơ.
- Mong ước con có một trái tim thi sĩ: nhạy cảm, nhân hậu, yêu cuộc đời và con người.
- Gồm cả A và B.

3. Con cò trong lời ru của mẹ có ý nghĩa với đời con như thế nào? (Khoanh tròn chữ cái trước ý mà em chọn và tìm những câu thơ trong bài để làm sáng tỏ ý đó.)

A. Người bạn thân thiết đầu tiên của đời con:

.....

B. Người bạn dìu dắt con trên con đường học tập:

.....

C. Người mang đến cho con một trái tim nhạy cảm và nhân hậu:

.....

Bài tập 4

1. Những từ ngữ *gần, xa, lên rừng, xuống bể* trong ba câu thơ đầu của đoạn III cho thấy cuộc đời con khi trưởng thành sẽ như thế nào?

A. Luôn ở bên mẹ như thửa ấu thơ

B. Con sẽ đi khắp bốn phương trời trong một không gian rộng lớn

2. Em hiểu hai câu thơ "Cò sẽ tìm con, Cò mãi yêu con." sau như thế nào? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

A. Con cò mà tác giả nói đến trong bài thơ là những con cò thật.

B. Đây là những *cánh cò đang bay* trong lời ru *ấm hơi xuân* của mẹ mà con được nghe từ thửa trong nôi.

C. Người mẹ muốn *khắc định* những lời ru *ấm áp* tình mẫu tử ấy sẽ khắc sâu vào tâm khảm con suốt cả cuộc đời.

3. Nhận định nào sau đây phù hợp nhất với nội dung của hai câu thơ "Con dù lớn vẫn là con của mẹ, - Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con..." (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

A. Con người dù có lớn khôn bao nhiêu vẫn mong được mẹ dành cho tình yêu thương sâu nặng nhất.

B. Trên đời có một nơi dịu êm, ngọt ngào, nhân hậu, vị tha nhất, đó là lòng mẹ.

C. Con người lúc trưởng thành rồi sẽ đi muôn nơi, nhưng có một người luôn dõi theo và cầu mong sự tốt lành cho ta, đó là người mẹ.

D. Em có thể viết tiếp những điều em nghĩ suy từ hai câu thơ này:

.....

Bài tập 5.

Điền vào các ô còn trống trong bảng sau:

A. Về nội dung	B. Về hình thức
(1) Liên kết chủ đề	(1) Phép lặp từ ngữ
(2)	(2)
	(3)
	(4)

Bài tập 6

Điền vào chỗ trống để có một dàn bài chung cho bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.

- a. Mở bài:
- b. Thân bài:
- c. Kết bài:

ĐỀ 43**Bài tập 1**

1. Khoanh tròn chữ cái đặt trước ý đúng để trả lời câu hỏi: Hai nhà thơ Thanh Hải và Viễn Phương có đặc điểm chung nào?

- A. Cả hai nhà thơ đều sinh năm 1928.
 B. Cả hai nhà thơ đều quê ở Thừa Thiên - Huế.
 C. Cả hai nhà thơ đều là những cây bút có công trong việc xây dựng nền văn học cách mạng miền Nam từ những ngày đầu.

2. Điền vào chỗ trống tên bài thơ (*Mùa xuân nho nhỏ* / *Viếng lăng Bác*) cho phù hợp với thông tin về mỗi bài.

- A. Bài thơ được viết không bao lâu trước khi nhà thơ qua đời, thể hiện niềm yêu mến tha thiết cuộc sống, đất nước và ước nguyện cống hiến cho cuộc đời của tác giả.
 B. Bài thơ được viết năm 1976, khi tác giả lần đầu tiên ra thăm miền Bắc và được in trong tập *Như mây mùa xuân* (năm 1978).

Bài tập 2

Đọc kĩ bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

1. Điền các từ *hối hả*, *phấn chấn* / *thiết tha*, *trầm lắng* / *say sưa*, *triu mến* vào chỗ trống thích hợp thể hiện sự biến đổi về động điệu của bài thơ.

Khi diễn tả cảm xúc trước mùa xuân của đất trời, nhịp thơ (1).....; khi thể hiện cảm xúc mùa xuân của đất nước, nhịp thơ (2).....; khi bày tỏ suy nghĩ và ước nguyện được góp "mùa xuân nhỏ" của đời mình vào "mùa xuân lớn" của đất nước nhịp thơ (3).....

2. Theo mạch cảm xúc, bài thơ bố cục bốn phần. Hãy xác định ranh giới và nội dung chính của từng phần bằng cách điền vào chỗ trống.

- A. Phần đầu:

Nội dung chính là:

- B. Phần thứ hai:
 Nội dung chính:
- C. Phần thứ ba:
 Nội dung chính:
- D. Phần thứ tư:
 Nội dung chính:

3. Đọc khổ thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

Mọc giữa dòng sông xanh
 Một bông hoa tím biếc
 Ơi con chim chiền chiện
 Hót chi mà vang trời
 Từng giọt long lanh rơi
 Tôi đưa tay tôi hứng

Yêu cầu:

a) Em hãy tìm trong đoạn trích Cảnh ngày xuân (Truyện Kiều) ở SGK Ngữ văn 9, tập một, những câu thơ tả cảnh mùa xuân và chép vào chỗ trống sau:

.....

.....

.....

.....

b) Hai nhà thơ Thanh Hải và Nguyễn Du đã gặp nhau ở điểm nào khi tả cảnh mùa xuân? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

- A. Đều tả không gian cao rộng, sắc màu tươi sáng của mùa xuân.
 B. Đều tả âm thanh rộn rã, xôn xao của mùa xuân.
 C. Đều tả hương vị của thiên nhiên mùa xuân.

c) Tuy nhiên, hai nhà thơ Thanh Hải và Nguyễn Du khác nhau ở điểm nào khi tả mùa xuân? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

- A. Thanh Hải tả thực, còn Nguyễn Du dùng bút pháp ước lệ.
 B. Thanh Hải bộc lộ cảm xúc trực tiếp, còn Nguyễn Du tả cảnh vật một cách khách quan.
 C. Hai nhà thơ khác nhau ở cả hai điểm trên.

d) Khổ thơ trích trong bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* thể hiện niềm yêu cuộc sống thiết tha của tác giả. Theo em, tình cảm ấy thể hiện tập trung nhất ở câu thơ nào? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

- A. *Mọc giữa dòng sông xanh*
Một bông hoa tím biếc.
- B. *Ơi con chim chiền chiện*
Hót chi mà vang trời.
- C. *Từng giọt long lanh rơi*
Tôi đưa tay tôi hứng.

4. Đọc khổ thơ sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới bằng cách khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời đúng.

Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hoà ca
Một nốt trầm xao xuyến.

Câu hỏi:

a) Những hình ảnh "*con chim*", "*cành hoa*", "*nốt trầm xao xuyến*" cùng có chung một ý nghĩa biểu tượng gì?

- A. Là những gì tươi đẹp, có ích cho cuộc đời.
- B. Là những gì bình dị, nhỏ bé, nhưng có ích cho cuộc đời.
- C. Là những cống hiến lớn lao cho cuộc đời.

b) Điều tâm niệm của nhà thơ thể hiện rõ nét qua khổ thơ trên là gì?

- A. Khát vọng được sống và được hưởng một cuộc sống tươi đẹp.
- B. Niềm khao khát được làm những gì thật sự lớn lao có ích cho đất nước.
- C. Khát vọng được hoà nhập vào cuộc sống, cống hiến phần tốt đẹp, dù nhỏ bé của mình cho cuộc đời chung, cho đất nước.

Bài tập 3

Đọc kĩ bài thơ *Viếng lăng Bác* và trả lời các câu hỏi bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đặt trước ý đúng.

1. Cảm xúc bao trùm bài thơ là gì?

- A. Niềm xúc động sâu sắc của tác giả trước những cống hiến vĩ đại của Bác cho nhân dân, cho đất nước.
- B. Niềm xúc động trước không khí trang nghiêm và tình cảm chân thành của dòng người ngày ngày vào lăng viếng Bác
- C. Niềm xúc động thiêng liêng, thành kính, lòng biết ơn và tự hào pha lẫn nỗi xót đau khi tác giả từ miền Nam ra viếng lăng Bác

2. Đọc đoạn thơ sau và khoanh tròn vào chữ cái trước những ý kiến đúng về ý nghĩa tượng trưng của hình ảnh hàng tre xanh đứng trong bão táp mưa sa bên lăng Bác.

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi! hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.

- A. Hàng tre tượng trưng cho đất nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam kiên cường bất khuất trong mọi thử thách gian lao.
 B. Hàng tre tượng trưng cho cốt cách thanh cao của Hồ Chủ tịch.
 C. Hàng tre tượng trưng cho sức mạnh đoàn kết của các dân tộc Việt Nam.
3. Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi nêu ở dưới bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng.

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
 Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.
 Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
 Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...*

Câu hỏi: Khổ thơ thể hiện cảm xúc gì của tác giả?

- A. Sự ngưỡng mộ thành kính, thiêng liêng của tác giả nói riêng và của cả dân tộc Việt Nam nói chung với Bác Hồ vĩ đại.
 B. Nỗi đau lớn lao của tác giả trước sự ra đi vĩnh viễn của Bác Hồ.
4. Đọc hai câu thơ "*Vẫn biết trời xanh là mãi mãi - Mà sao nghe nhói ở trong tim!*" và trả lời câu hỏi nêu ở dưới bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng.

Câu hỏi:

- a) Từ *nhói* trong câu thơ thể hiện nỗi đau như thế nào?
 A. Nỗi đau đớn tột cùng như cắt da, cắt thịt.
 B. Nỗi đau đớn âm ỉ, kéo dài.
 C. Nỗi đau đột ngột, tựa như có vật nhọn đâm xói mạnh vào.
- b) Suy nghĩ và tình cảm của tác giả thể hiện trong câu thơ như thế nào?
 A. Nhà thơ biết rằng Bác không mất đi, Bác trường tồn cùng dân tộc.
 B. Nhà thơ thấy nhói đau trong lòng vì ước ao bao ngày được gặp Bác nhưng lúc đến được bên Người thì Người đã đi xa.
 C. Lí trí của bài thơ thì nhận biết sự trường tồn của Bác, nhưng tình cảm thì không thể không đau xót vì sự mất mát lớn lao khi Bác đã ra đi.
5. Giọng điệu của bài thơ thể hiện như thế nào?
 A. Giọng thơ vừa trầm hùng vừa tha thiết.
 B. Giọng thơ vừa nghiêm, sâu lắng vừa tha thiết, tự hào trang trọng.
 C. Giọng thơ trầm buồn, sâu lắng, bi ai.
6. Biện pháp tu từ nào được tác giả sử dụng nhiều lần trong bài thơ?
 A. Điệp ngữ B. So sánh C. Ẩn dụ.

Bài tập 4.

1. Điền Đ (đúng), S (sai) vào ô vuông cuối mỗi ý kiến sau:
- A. Nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) là phân tích nhận vật, sự kiện, chủ đề của tác phẩm (hoặc đoạn trích). ☐
- B. Nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) là nêu những nhận xét, đánh giá của mình về nhân vật, sự kiện, chủ đề, hay nghệ thuật... của một tác phẩm cụ thể. ☐
- C. Những nhận xét, đánh giá về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) phải xuất phát từ ý nghĩa của cốt truyện; tính cách, số phận của nhân vật và nghệ thuật của tác phẩm được người viết phát hiện và khái quát. ☐

2. Yêu cầu của một bài nghị luận về tác phẩm truyện (hay đoạn trích) là gì? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)
- Phải có hệ thống ý đúng đắn, rõ ràng.
 - Lí lẽ và dẫn chứng trong tác phẩm được nêu càng nhiều càng tốt.
 - Lí lẽ và dẫn chứng phải sinh động, phù hợp.
3. Trong các đề bài sau đây, đề nào không phải là đề bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)
- Cảm nhận của em về nhân vật bé Hồng trong văn bản *Trong lòng mẹ* (trích tác phẩm *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng).
 - Từ hai tác phẩm *Chiếc lá cuối cùng* (Ơ Hen-ri) và *Bố của Xi-mông* (Guy đơ Mô-pat-xăng), hãy viết một bài văn với nhan đề "*Tình người thể hiện trong tác phẩm văn học*".
 - Ý kiến của em về tình bạn trong cuộc sống.
4. Để có thể làm tốt khâu "tìm ý" cho bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) cần phải làm gì? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)
- Đọc kĩ tác phẩm hoặc đoạn trích.
 - Gạch dưới hoặc ghi ra giấy những chi tiết quan trọng.
 - Tìm hiểu ý nghĩa của những hình ảnh, chi tiết tìm được bằng cách đặt câu hỏi để khai thác.
 - Tất cả các bước trên.

ĐỀ 44

Bài tập 1. Đọc bài thơ *Sang thu* của nhà thơ Hữu Thỉnh và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

1. Tìm trong bài thơ những từ ngữ nói lên dấu hiệu thay đổi của tạo vật, đất trời lúc sang thu và điền vào bảng.

A. Tạo vật, đất trời hương ổi	B. Những đổi thay phả vào trong gió

2. Thu sang, đất trời biến chuyển như thế nào? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

- Mọi sự vật, hiện tượng trong vũ trụ đều có sự biến đổi.
- Sự biến đổi ở các sự vật, hiện tượng rất phong phú đa dạng.
- Không có sự biến đổi nào của sự vật, hiện tượng trong vũ trụ.

- D. Đường như đất trời cũng rung động, biết say mê như con người lúc sang thu.

Bài tập 2.

1. Nối hai cột A và B ở bảng sau để trả lời câu hỏi; Nhà thơ cảm nhận mùa thu bằng những giác quan nào và nhận ra những sắc thái gì của tạo vật?

A. Giác quan	B. Kết quả cảm nhận
(1) khứu giác	(1) gió se
(2) xúc giác	(2) sấm sét bất ngờ
(3) thị giác	(3) hương ổi /phả vào trong gió
(4) thính giác	(10) sương, sông, đám mây, nắng, mưa

2. Em thấy cảm nhận của nhà thơ đối với đất trời lúc sang thu như thế nào?

- A. Thờ ơ, lãnh đạm.
B. Cảm nhận mùa thu bằng mọi giác quan.
C. Cảm nhận qua nhiều yếu tố, bằng nhiều giác quan và sự rung động tinh tế.

Bài tập 3

Từ ba ý sau đây, em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4 đến 5 dòng) về sức cảm nhận và tấm lòng của nhà thơ Hữu Thịnh đối với thiên nhiên.

- Cảm nhận những biến chuyển của đất trời lúc sang thu.
- Cảm nhận những biến đổi nhiều sắc màu của tạo vật.
- Cảm nhận thiên nhiên bằng mọi giác quan, bằng cả tấm lòng.

downloaadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài tập 4

Tìm hàm ý của câu in đậm trong đoạn trích sau và điền vào chỗ trống.

Gỗ đầu rơi xuống đất, cai lệ thét bằng giọng khàn khàn của người hút nhiều xai cũ:

- Thằng kia! Ông tưởng mày chết đêm qua rồi, còn sống đấy à! Nộp tiền sưu! Mau!

- Hoảng quá, anh Dậu vội để bát cháo xuống phản và lăn đùng ra đó, không nói được câu gì. Người nhà lí trưởng cười một cách mỉa mai:

- Anh ta lại sắp phải gió như đêm qua đấy!

(Ngô Tất Tố)

Hàm ý của người nhà lí trưởng:

Bài tập 5

Trả lời câu hỏi này bằng cách điền vào chỗ trống: Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ là gì?

1. Trình bày nhận xét, đánh giá của mình về của đoạn thơ ấy.

2. Nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ được thể hiện qua

3. Bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ cần có:

a) Bố cục:

b) Lời văn:

Bài tập 6 Điền các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài vào chỗ trống trong các câu sau:

A. Giới thiệu tác giả, xuất xứ, hoàn cảnh ra đời... của đoạn thơ, bài thơ và nêu những nhận xét, đánh giá chung thuộc phần

B. Trình bày các luận điểm thể hiện suy nghĩ, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ thuộc phần.....

C. Khái quát giá trị, ý nghĩa của đoạn thơ, bài thơ thuộc phần.....

ĐỀ 45

Bài tập 1

Em hãy ôn lại các tác phẩm thơ Việt Nam hiện đại đã được học trong chương trình Ngữ văn lớp 9 và thực hiện các yêu cầu sau.

1. Hãy sắp xếp các tác phẩm lần lượt theo trình tự thời gian sáng tác (hoặc năm xuất bản từ trước đến sau bằng cách điền số thứ tự từ 1 đến 11 vào ô vuông cuối tên tác phẩm.

Sau đây là tên các văn bản thơ Việt Nam hiện đại trong chương trình Ngữ văn 9:

a) Đồng chí

b) Bài thơ về tiểu đội xe không kính

c) Đoàn thuyền đánh cá

d) Bếp lửa

e) Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ

g) Ánh trăng

h) Con cò

i) Mùa xuân nho nhỏ

k) Viếng lăng Bác

l) Sang thu

m) Nói với con

2. Điền tên các bài thơ ở câu 1 theo từng giai đoạn trong bảng sau:

A. Giai đoạn 1945 -1954	
-------------------------	--

B. Giai đoạn 1954 -1964	
C. Giai đoạn 1964 -1975	
D. Giai đoạn sau năm 1975	

3. Chủ đề chính được đề cập đến trong các tác phẩm kể trên là gì? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

- A. Tình cảm đối với quê hương đất nước.
- B. Tình đồng chí, sự gắn bó với cách mạng, lòng kính yêu Bác Hồ.
- C. Những tình cảm gần gũi mà bền chặt của con người.
- D. Cả 3 ý trên.

4. Trong các bài thơ sau đây, bài thơ nào dùng bút pháp tả thực là chủ yếu; bài thơ nào dùng bút pháp lãng mạn với nhiều hình ảnh tượng trưng; bài thơ nào giàu chất triết lí, suy nghĩ sâu sắc? (Điền các kí hiệu TT (tả thực), LM (lãng mạn), TL (triết lí) vào ô vuông cuối mỗi tác phẩm để trả lời.

- A. Đồng chí ☐
- B. Đoàn thuyền đánh cá ☐
- C. Bài thơ về tiểu đội xe không kính ☐
- D. Ánh trăng ☐

Bài tập 2

Em hãy xem xét tình huống sau và lựa chọn cách nói phù hợp để thể hiện hàm ý muốn mua xe đạp.

Hai bố con đi mua một chiếc xe đạp cho con sử dụng. Đứng trước một chiếc xe đạp đẹp, tốt nhưng hơi đắt, muốn bố mua cho mình chiếc xe ấy nhưng lại không dám đề nghị một cách trực tiếp mà dùng cách nói hàm ý thì người con nên nói như thế nào?

- A. Chiếc xe này hơi đắt nhưng rất đẹp mà lại tốt, phải không bố?
- B. Chiếc xe này đẹp và tốt thật, nhưng hơi đắt bố ạ!

ĐỀ 46**Bài tập 1**

1. Điền **Đ** (đúng), **S** (sai) vào ô trống cuối mỗi nhận xét tương ứng về văn bản nhật dụng.

- A. Văn bản nhật dụng là một khái niệm chỉ thể loại văn bản giống như văn bản thơ trữ tình, văn bản truyện ngắn ... ☐
- B. Văn bản nhật dụng là một khái niệm chỉ đề cập tới chức năng, đề tài và tính cập nhật của nội dung văn bản. ☐
- C. Văn bản nhật dụng là khái niệm chỉ kiểu văn bản giống như văn bản tự sự, văn bản nghị luận... ☐
- D. Văn bản nhật dụng có thể sử dụng mọi thể loại, mọi kiểu văn bản ☐
- E. Tính cập nhật về nội dung là tiêu chuẩn hàng đầu của văn bản nhật dụng. ☐
- G. Giá trị văn chương là yêu cầu cao nhất đối với văn bản nhật dụng.

2. Nối tên một văn bản ở cột **A** với đề tài mà văn bản đó đề cập ở cột **B** cho phù hợp:

Tên văn bản - (A)	Đề tài của văn bản - (B)
1) Cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử	1) bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh
2) Động Phong Nha	2) di tích lịch sử của dân tộc
3) Bức thư của thủ lĩnh da đỏ	3) môi trường trái đất
4) Cuộc chia tay của những con búp bê	4) tình mẹ và vai trò của giáo dục, nhà trường
5) Cổng trường mở ra, Mẹ tôi	5) dân số và tương lai loài người
6) Ca Huế trên sông Hương	6) danh lam thắng cảnh
7) Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000	7) quan hệ giữa thiên nhiên và con người
8) Ôn dịch, thuốc lá	8) tình cảm gia đình
9) Tuyên bố thế giới về sự sống còn quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em	9) hội nhập với thế giới và giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.
10) Đấu tranh cho một thế giới hoà bình	10) quyền sống của con người
11) Phong cách Hồ Chí Minh	11) văn hoá nghệ thuật
12) Bài toán dân số	12) thuốc lá và đời sống cộng đồng

3. Điền tên văn bản vào ô trống tương ứng với chủ đề của văn bản đó vào bảng sau:

STT	Tên văn bản	Tác giả	Chủ đề của văn bản
1		Lê Anh Trà	Vẻ đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại, giữa giản dị và thanh cao.

2		Hà Anh Minh	Ca Huế, một nét sinh hoạt văn hoá - âm nhạc thanh lịch, tao nhã của cố đô cần được trân trọng, bảo tồn và phát triển.
3		E-a-mi-xi	Tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng nhất của con người.
4		Thái An	Hạn chế gia tăng dân số là đòi hỏi tất yếu, là con đường tồn tại và phát triển của chính loài người hôm nay.
5		G.G. Mác-két	Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đe dọa sự sống trên trái đất; nhiệm vụ cấp bách của toàn thể nhân loại là đấu tranh ngăn chặn nó, vì một thế giới hoà bình.
6		Tài liệu khoa học	Giảm bớt chất thải ni lông là việc có thể làm ngay để cải thiện môi trường sống, bảo vệ Trái Đất, ngôi nhà chung của chúng ta.
7		Tài liệu...	Con người phải sống hoà hợp với thiên nhiên, chăm lo bảo vệ môi trường và thiên nhiên như bảo vệ mạng sống của chính mình.
8		Nguyễn Khắc Viện	Nạn nghiện thuốc lá gây nhảm sức khoẻ, gây tác hại nhiều mặt đối với cuộc sống gia đình và xã hội; cần phải quyết tâm và triệt để phòng chống nó.
9		Trần Hoàng	Động Phong Nha được xem là kì quan thứ nhất với vẻ đẹp kì ảo, độc đáo đang là niềm tự hào của đất nước chúng ta.
10		Thúy Lan	Cầu Long Biên mãi mãi là nhân chứng của những sự kiện lịch sử hào hùng, bi tráng của Hà Nội và cả nước.
11		Trích Tuyên bố...	Bảo vệ quyền lợi, chăm lo đến sự phát triển của trẻ em là một vấn đề quan trọng, cấp bách, có ý nghĩa toàn cầu.
12		Khánh Hoài	Cuộc chia tay đau đớn, cảm động của hai anh em chứng tỏ: Tình cảm gia đình vô cùng quý giá, mọi người hãy cố gắng bảo vệ và gìn giữ nó.

13		Lý Lan	Tình yêu thương sâu nặng của mẹ giành cho con và ý nghĩa lớn lao của nhà trường đối với cuộc đời mỗi con người.
----	----------------	--------	---

Bài tập 2

1. Điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh sơ đồ về bố cục, hướng phát triển mạch cảm xúc của các bài thơ sau:

a) *Con cò*: [1] -> Tình mẹ dịu dặt, nâng đỡ con từng bước trưởng thành -> [2].....

b) *Mùa xuân nho nhỏ*:

Cảm xúc của tác giả về mùa xuân của thiên nhiên đất trời -> [1].....

[2]..... ->

c) *Sang thu*:

Từ sự băng khuâng ngỡ ngàng khi mùa thu sang, từ [1] ->

[2].....

d) *Viếng lăng Bác*:

Cảm xúc về cảnh bên ngoài lăng ->

[1]..... -> Cảm xúc và suy nghĩ của tác giả khi vào trong lăng -> [2].....

e) *Nói với con*:

Tình yêu thương của cha mẹ, sự đùm bọc che chở của quê hương đối với con -> [1].....

-> [2].....

2. Nối tên một bài thơ ở cột A với những đặc sắc nghệ thuật ở cột B.

Tên bài thơ (A)	Đặc sắc nghệ thuật (B)
1) <i>Con cò</i>	1) Giọng điệu trang trọng và tha thiết, nhiều hình ảnh ẩn dụ đẹp và gợi cảm, ngôn ngữ bình dị cô đúc.
2) <i>Mùa xuân nho nhỏ</i>	2) Giọng thủ thỉ tâm tình, cách nói giản dị, mộc mạc mà giàu hình ảnh, gợi cảm.
3) <i>Viếng lăng Bác</i>	3) Giọng điệu lời ru, hình ảnh đa nghĩa, giàu ý nghĩa biểu tượng.
4) <i>Sang thu</i>	4) Giọng điệu tha thiết, sôi nổi, gần với dân ca; nhạc điệu trong sáng; hình ảnh đẹp, so sánh, ẩn dụ độc đáo.
5) <i>Nói với con</i>	5) Giọng điệu hồn nhiên, hình ảnh thiên nhiên sống động; cách diễn đạt tinh tế; từ ngữ chính xác, gợi cảm.

3. Khai thác hình ảnh con cò trong những câu hát ru, Chế Lan Viên muốn ngợi ca điều gì? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn)
- Tình mẹ.
 - Ý nghĩa lời ru của mẹ đối với cuộc sống của mỗi con người.
 - Cả hai ý trên.
4. Tìm hai câu thơ trong bài thơ *Con cò* của Chế Lan Viên thể hiện sâu sắc nhất sự bao la, bất tận của lòng mẹ và điền vào chỗ trống.
-
-
5. Tìm hai câu thơ trong bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* thể hiện rõ quan niệm sống đúng đắn, đẹp đẽ của tác giả bài thơ và điền vào chỗ trống.
-
-
6. Nhận định nào sau đây đúng với bài thơ *Sang thu* của Hữu Thỉnh? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)
- Bài thơ là một bức tranh mùa thu đẹp, trầm mặc, u hoài.
 - Bài thơ là một bức tranh mùa thu đẹp với vẻ đẹp đài các, tĩnh lặng, u buồn.
 - Bài thơ là một bức tranh sang thu đẹp, sống động, đầy ắp hơi thở của sự sống.
7. Những dòng thơ nào sau đây (trong bài *Sang thu*) thể hiện rõ nét sự cảm nhận tinh tế, độc đáo của tác nhà thơ về những biến chuyển của thiên nhiên, đất trời vào lúc giao mùa? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)
- Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
 - Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu.
 - Vẫn còn bao nhiêu nắng
Đã vơi dần cơn mưa.

ĐỀ 47

Bài tập 1

Trình bày những hiểu biết của em về nhà văn Nguyễn Minh Châu bằng cách điền những thông tin về ông theo các mục sau;

- Năm sinh, năm mất:
 - Quê quán:
 - Đóng góp cho văn học:
 - Giải thưởng:
 - Một số tác phẩm tiêu biểu:
-

Bài tập 2

Tác giả truyện *Bến quê* đã đặt nhân vật chính của truyện vào một hoàn cảnh đặc biệt (bị ốm liệt giường, mọi sinh hoạt đều phải nhờ vào sự

giúp đỡ của người khác) để nhằm mục đích gì? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

- A. Mô tả một loại bệnh nặng mà con người gặp phải: bệnh liệt toàn thân.
- B. Bày tỏ sự thương cảm đối với những người lâm vào cảnh ốm đau, bệnh tật.
- C. Ca ngợi nghị lực phi thường vượt qua hoàn cảnh bệnh tật của con người.
- D. Chiêm nghiệm một triết lí về đời người.

Bài tập 3

1. Tìm những chi tiết trong đoạn trích truyện ngắn *Bến quê* nói về những cảm nhận của Nhĩ về cảnh vật ngay trước nhà mình và điền vào chỗ trống.

.....

.....

.....

2. Tìm những chi tiết trong truyện ngắn *Bến quê* nói về những cảm nhận của Nhĩ về người vợ - một con người vốn rất gần gũi với đời Nhĩ và điền vào chỗ trống.

.....

.....

.....

Bài tập 4.

Em hãy đọc hai đoạn trích trong truyện ngắn *Bến quê* sau đây và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới bằng cách khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.

[...] - Nhĩ có vẻ ngượng ngịu vì cái điều anh sắp nói ra quá ư kì quặc - Con hãy qua đó đặt chân lên bờ bên kia, đi chơi loang quanh, rồi ngồi xuống nghỉ chân ở đâu đó một lát, rồi về...

- Ông cụ giáo Khuyến chợt thấy mặt mũi Nhĩ đỏ rựng một cách khác thường, hai mắt long lanh chứa một nỗi mê say đầy đau khổ, cả mười đầu ngón tay Nhĩ đang bấu chặt vào cái bậu cửa sổ, những ngón tay vừa bấu chặt vừa run lẩy bẩy. Anh đang cố thu nhặt hết mọi chút sức lực cuối cùng còn sót lại để đu mình nhô người ra ngoài, giờ hai cánh tay gầy guộc ra phía ngoài cửa sổ khoát khoát y như đang khấn thiết ra hiệu cho một người nào đó.

Câu hỏi:

1. Tại sao Nhĩ lại có những câu nói "quá ư kì quặc" và những biểu hiện "khác thường" đó?

- A. Bệnh tình tăng nặng khiến cho Nhĩ có những biến đổi bất thường.
- B. Anh khao khát được một lần đặt chân lên cái bến quê rất đẹp gần nhà.
- C. Nhĩ nuối tiếc và ân hận vì trong khi đi tìm cái đẹp ở mọi "chân trời xa lạ" mà vẻ đẹp của bến quê ngay cạnh nhà mãi lúc sắp từ giã cõi đời

mới nhận ra. Nhưng vì không thể thực hiện được điều mình khao khát, Nhĩ đã nhờ con tri làm thay anh việc đó.

2. Những biểu hiện của Nhĩ nói lên điều gì?

- A. Con người đôi khi có những biểu hiện bất thường trong hoàn cảnh ốm đau, bệnh tật.
- B. Con người đôi khi đến cuối đời mới nhận thức được một điều có tính quy luật: có những giá trị giản dị, bền vững sâu xa của cuộc sống thường bị bỏ qua hoặc bị lãng quên, nhất là khi người ta còn trẻ dễ bị những ham muốn xa vời lôi cuốn.

Bài tập 5

Em hãy nhận xét về nghệ thuật dựng truyện của nhà văn Nguyễn Minh Châu qua việc thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

1. Nêu những chi tiết chính của truyện:

.....
.....
.....

2. Những chi tiết trên được tác giả được sắp xếp theo diễn biến nào sau đây?

- A. Diễn biến các sự việc diễn ra trong cuộc đời nhân vật Nhĩ.....

.....

- B. Diễn biến ý nghĩ, tâm trạng của nhân vật Nhĩ

.....

.....

3. Em hãy tìm hiểu dụng ý của tác giả qua nghệ thuật xây dựng truyện và điền vào chỗ trống.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài tập 6

Những kiến thức nào sau đây về Tiếng Việt được học ở học kì II, lớp 9? (khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

- A. Khởi ngữ.
- B. Các thành phần biệt lập.
- C. Liên kết câu và liên kết đoạn văn.
- D. Nghĩa tường minh và hàm ý.
- E. Tất cả các kiến thức trên.

Bài tập 7

Em hãy điền vào chỗ trống ở các dòng sau để ôn lại các khái niệm *khởi ngữ* và *các thành phần biệt lập*. (khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

- là thành phần câu đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu. Trước khởi ngữ thường có thể thêm các quan hệ từ
- Các bộ phận không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu nên được gọi là
- được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.
- được dùng để bộc lộ tâm lí của người nói (vui, buồn, mừng, giận,...).
- được dùng để tạo lập hoặc để duy trì quan hệ giao tiếp gọi.
- được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu.

Bài tập 8

Đọc kĩ đoạn văn trích trong truyện ngắn *Bến quê* của nhà văn Nguyễn Minh Châu và xác định các phép liên kết câu trong đoạn văn đó. (Gạch chân những từ ngữ thể hiện phép liên kết.)

a) Từ phòng bên một **cô bé** rất xinh mặc chiếc váy may ô con trai và vẫn còn cầm thu thu một đoạn dây sau lưng chạy sang. **Cô bé** bên nhà hàng xóm đã quen với công việc này. **Nó** lễ phép hỏi Nhĩ: "Bác cần nằm xuống phải không ạ?". Nhĩ đáp trong hơi thở gấp gáp: "Ừ, ừ... Chào cháu!". **Cô bé** nhảy lên phản, vừa mớ vào người Nhĩ đã vội và nhảy xuống, **nó** chạy ra đầu cầu thang cầm đoạn dây khẽ phát xuống bên dưới và gọi toáng lên: [...]

(Nguyễn Minh Châu - *Bến quê*)

Phép liên kết:

b) Thì ra thằng con trai của anh mới chỉ đi được đến hàng cây bằng lăng, bên kia đường. Thằng bé vẫn cắp cuốn sách bên nách đang sà vào một đám người chơi phá cờ thế trên hè phố. Suốt đời Nhĩ cũng đã từng chơi phá cờ thế trên nhiều hè phố, thật là không dứt ra được. Không khéo rồi thằng con trai anh lại trể mất chuyến đò trong ngày, Nhĩ nghĩ một cách buồn bã, con người ta trên đời thật khó tránh được những cái điều vòng vèo hoặc chùng chình, và lại nó đã thấy có cái gì đáng hấp dẫn phía bên kia sông đâu?

Phép liên kết:

c) Nhĩ chợt nhớ ngày bố mẹ anh mới cưới **Liên** từ một làng bên kia sông về làm vợ anh, **Liên** vẫn còn mặc chiếc áo nâu và chít khăn mỏ quạ. So với ngày ấy bây giờ **Liên** đã trở thành một người đàn bà thị thành. **Tuy vậy**, cũng như cái bãi bồi đang nằm phơi mình bên kia, tâm hồn **Liên** vẫn giữ nguyên nét tần tảo và chịu đựng hi sinh từ bao đời xưa [...]

Phép liên kết:

Bài tập 9

Xác định hàm ý của các câu in đậm sau đây và điền vào chỗ trống.

a) Người nhà một bệnh nhân nặng hỏi bác sĩ:

- Tình trạng sức khỏe của nhà tôi như thế nào, thưa bác sĩ?
- Anh cứ yên tâm. **Còn nước ta còn tát!**

Hàm ý:

b) *Bao giờ chạch đẻ ngon đã*
Sáo đẻ dưới nước thì ta lấy mình.

Hàm ý:

Bài tập 10

1. Để chuẩn bị bài nói theo đề bài *những nét độc đáo của bài thơ "Sang thu"* (Hữu Thỉnh) trong một buổi sinh hoạt câu lạc bộ văn học của lớp, theo em, cần phải chuẩn bị các bước nào sau đây? (khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

- | | |
|-----------------------|---------------------------------|
| A. Tìm hiểu đề, tìm ý | D. Sửa chữa lại dàn ý |
| B. Lập dàn ý | E. Đọc lại và sửa chữa bài viết |
| C. Viết thành bài văn | G. Luyện nói |

2. Những nội dung nào sau đây phù hợp với bước **Tìm hiểu đề** nêu trên?

- A. *Yêu cầu về nội dung:* Nêu được những nét độc đáo về nội dung cũng như về nghệ thuật của bài thơ *Sang thu*.
- B. *Yêu cầu về thể loại:* Nghị luận văn học, cụ thể là nghị luận về một bài thơ.
- C. *Yêu cầu về hình thức thể hiện:* Nói trước tập thể một cách rõ ràng, mạch lạc, truyền cảm, thể hiện được những cảm nhận, suy nghĩ, phân tích của bản thân.
- D. Gồm cả A, B, C.

3. Những ý nào sau đây có thể trình bày ở phần **Mở bài** trong dàn ý? (khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

- A. Chủ đề mùa thu trong thơ xưa và nay.
- B. Nét đặc sắc của bài thơ *Sang thu*.
- C. Đôi nét về nhà thơ Hữu Thỉnh.
- D. Phân tích khổ thứ nhất của bài thơ.

4. Em chọn những ý nào sau đây cho phần **Thân bài**? (khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

- A. Cảm nhận tinh tế của nhà thơ về những biến chuyển của đất trời lúc sang thu (qua hương vị, qua vận động của gió, sương, mây, sấm, nắng...).
- B. Cảm nhận tinh tế của nhà thơ về sự biến chuyển muôn màu muôn vẻ của thiên nhiên tạo vật, lúc sang thu.

- C. Cảm nhận tiết trời lúc sang thu của nhà thơ bằng mọi giác quan (Khứu giác - *hương ổi*; Xúc giác - *gió se*; Thị giác - *nắng, sương, mây, sông*; Thính giác - *sấm*) và bằng cả tâm hồn.
- D. Cuộc đời quân ngũ của nhà thơ Hữu Thỉnh.
5. Theo em, bài thuyết trình trước lớp có cần phần kết bài không? (khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)
- A. Có B. Không
6. Em hãy nêu những ý cần cho phần **Kết bài** của bài nghị luận nêu trên.
-
-
7. Trong khi thuyết trình cần chú ý đến những yếu tố nào sau đây? (khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)
- A. Nội dung trình bày B. Ngữ điệu
C. Cử chỉ, điệu bộ D. Thời gian thuyết trình
E. Đối tượng nghe G. Tất cả các yếu tố trên.

ĐỀ 48

Bài tập 1

Đọc văn bản trích trong truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* (Lê Minh Khuê), nhân vật chính là người như thế nào? và trả lời những câu hỏi nêu ở dưới bằng cách khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.

1. Người kể chuyện trong văn bản xuất hiện ở ngôi thứ mấy?
- A. Ngôi thứ ba B. Ngôi thứ nhất
2. Việc tác giả để người kể chuyện lúc xưng "tôi", lúc xưng "chúng tôi" để nhằm mục đích gì?
- A. Có thể tường thuật lại sự việc dưới con mắt của nhân vật chính để tập trung miêu tả thế giới nội tâm của nhân vật (lúc xưng "tôi") và tường thuật lại sự việc dưới con mắt của của cả tập thể (lúc xưng "chúng tôi")
- B. Tác giả muốn làm cho câu chuyện thêm sinh động.

Bài tập 2

Tìm những chi tiết trong văn bản cho thấy "tổ trinh sát mặt đường" phải thực hiện một nhiệm vụ chiến đấu thật đặc biệt, thật nguy hiểm và điền vào chỗ trống.

- A. Công việc:
-
- B. Thời gian làm việc:
-
- C. Nhân lực:
-

Bài tập 3

Qua đoạn trích có thể thấy ba cô gái trong tổ phá bom có những nét tính cách chung nổi bật. Theo em, đó là những nét tính cách nào? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

- A. Tinh thần trách nhiệm cao trong công việc
- B. Rất dũng cảm không hề run sợ trước cái chết
- C. Dễ xúc cảm, mơ mộng, thích làm đẹp cho cuộc sống
- D. Gồm cả A, B, C.

Bài tập 4

Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn để trả lời các câu hỏi sau:

1. Những chi tiết nào sau đây thể hiện rõ sở thích, thói quen, tính cách của nhân vật Phương Định?

- A. Tôi mê hát. Thường cứ thuộc một điệu nhạc nào đó rồi bịa ra lời mà hát. Lời tôi bịa lộn xộn mà ngớ ngẩn đến tôi cũng ngạc nhiên, đôi khi bỏ ra mà cười một mình.
- B. Tôi thích nhiều bài. Những bài hành khúc bộ đội hay trên những ngã đường mặt trận. Tôi thích dân ca quan họ mềm mại, dịu dàng. Thích *Ca-chiu-sa* của Hồng quân Liên-xô [...] thích dân ca Ý trữ tình giàu có.
- C. Tôi thích ngắm mặt tôi trong gương
- D. Tôi không sẵn sóc vồn vã, [...] thường đứng ra xa khoanh tay lại trước ngực và nhìn đi nơi khác, môi mím chặt. Trong suy nghĩ của tôi, những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ.
- E. Tôi là con gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá.

2. Những đánh giá nào sau đây chính xác về nhân vật với Phương Định?

- A. Một cô gái còn trẻ nhưng tính cách già trước tuổi, sống khắc khổ.
- B. Một cô gái nhạy cảm, mơ mộng, có tâm hồn trẻ trung, hồn nhiên yêu đời và rất nữ tính.

Bài tập 5

1. Nêu những chi tiết miêu tả tâm lí của Phương Định trong những thời điểm sau đây:

A. Khi một mình ngồi trong hang:

B. Khi chạy lên đồi phá bom:

C. Khi đối mặt với quả bom:

2. Qua những chi tiết trên, em có nhận xét gì về đặc điểm nghệ thuật nổi bật của truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi*? (khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn).

ĐỀ 50**Bài tập 1**

1. Điền tên tác giả, năm sáng tác vào ô vuông tiếp sau mỗi tên tác phẩm nêu ở dưới.

A. *Làng*B. *Lặng lẽ Sa Pa*C. *Bến quê*D. *Những ngôi sao xa xôi*E. *Chiếc lược ngà*

2. Hãy điền những thông tin còn thiếu vào bảng sau:

TT	Tên tác phẩm	Nhân vật chính	Ngôi kể
1	<i>Làng</i>		
2	<i>Lặng lẽ Sa Pa</i>		
3	<i>Chiếc lược ngà</i>		
4	<i>Bến quê</i>		
5	<i>Những ngôi sao xa xôi</i>		

3. Trong số các truyện trên, ở những truyện nào tác giả đã tạo những tình huống truyện đặc sắc? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn)

A. Những ngôi sao xa xôi

B. Lặng lẽ Sa Pa

C. Bến quê

D. Làng

E. Chiếc lược ngà

Bài tập 2

1. Điền kí hiệu **VN** (vị ngữ), **CN** (chủ ngữ), **TR** (trạng ngữ), **KH** (khởi ngữ), **TT** (thành phần tình thái), **CT** (thành phần cảm thán), **GD** (thành phần gọi - đáp), **PC** (thành phần phụ chú) vào ô vuông cuối mỗi dòng sau:

A. Thành phần chính của câu, có khả năng kết hợp với các phó từ chỉ quan hệ thời gian và trả lời các câu hỏi: Làm gì? Làm sao? Như thế nào? Là gì?

B. Thành phần chính của câu, nêu tên sự vật, hiện tượng có hoạt động, đặc điểm, trạng thái... được miêu tả ở vị ngữ, thường trả lời các câu hỏi: Ai? Con gì? Cái gì?

C. Thành phần nêu lên hoàn cảnh về thời gian, không gian, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức diễn ra sự việc nói ở trong câu.

D. Thành phần thường đứng trước chủ ngữ, nêu lên cái đề tài của câu có thể thêm quan hệ từ về, đối với vào phía trước.

E. Thành phần được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.

G. Thành phần được dùng để bộc lộ tâm lí của người nói (vui, buồn, mừng, giận...)

- H. Thành phần được dùng để tạo lập hoặc để duy trì quan hệ giao tiếp. ☐
- I. Thành phần được dùng bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu ☐
2. Hãy điền **C** (thành phần chính), **P** (thành phần phụ), **B** (thành phần biệt lập) dưới các thành phần được in đậm của các câu trích từ văn bản *Bố của Xi-mông*:
- **Một chú nhái con màu xanh lục** (1) *nhảy dưới chân em.*
 - *Thôi nào -* **bác nói** (2) *đường buồn nữa, cháu ơi* (3) *và về nhà mẹ cháu với bác đi. Người ta sẽ cho cháu một ông bố* (4)
 - **Ngày hôm sau** (5), **khi em bé đến trường** (6) *một tiếng cười ác ý đón em.*

Bài tập 3

1. Điền các kiểu câu ứng với mục đích giao tiếp vào các cột để hoàn thành bảng phân loại sau.

Các kiểu câu tương ứng với mục đích giao tiếp khác nhau				
A.	C.	D.	E.	F.
B.				

2. Hoàn thành bảng tổng hợp về cách biến đổi câu.

Cách biến đổi câu			
(A)	(B)	(C)	Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động
		(D)	

Bài tập 4

1. Điền Đ (câu đơn), G (câu ghép) vào ô vuông cuối mỗi câu sau:

- A. *Câu ca dao tự bao giờ truyền lại đã gieo vào bóng tối những cuộc đời cực nhọc ấy một ánh sáng, lay động những tình cảm, ý nghĩ khác thường.* ☐
(Nguyễn Đình Thi, *Tiếng nói của văn nghệ*, trang 14)
- B. *Sự sống ấy toả đều cho mọi vẻ, mọi mặt của tâm hồn.* ☐
(Nguyễn Đình Thi, *sách đã dẫn*)
- C. *Liên hãm nước thuốc ở cái siêu đất ra chiếc bát chiết yêu, Nhĩ đoán thế, nghe tiếng nước rót ra lẫn mùi thuốc bắc bay vào nhà.* ☐
(Nguyễn Minh Châu, *Bến quê*)
- D. *Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn.* ☐
(Chu Quang Tiềm, *Bàn về đọc sách*)
- E. *Nếu nhà bác học chỉ thấy con sói ấy là một con vật có hại, thì nhà thơ, với đầu óc phóng khoáng hơn, lại phát hiện ra nhiều khía cạnh khác.* ☐
(H. Ten, *Chó sói và cừu* trong thơ ngụ ngôn của La Phong-ten)

2. Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời đúng về cách mở rộng câu của câu trích sau.

Ngay lúc ấy, cái vật mà Nhĩ nhìn thấy trước tiên khi được ngồi sát ngay sau khuôn cửa sổ là một cánh buồm vừa bắt gió căng phồng lên
(Nguyễn Minh Châu, *Bến quê*, *Ngữ văn 9*, tập 2)

A. Mở rộng bằng cách thêm trạng ngữ cho câu.

B. Dùng cụm từ chủ vị để mở rộng câu.

C. Cả hai cách trên.

3. Câu in đậm trong đoạn văn sau có phải là câu đặc biệt không? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

Từ này đến giờ tôi vẫn hát. **Hát và nghĩ vẫn vợ.**

Có ☐ Không ☐

4. Xác định quan hệ giữa các vế của các câu ghép sau và điền mối quan hệ giữa các vế câu vào chỗ trống.

A. *Nhưng vì bom nổ gần, Nho bị choáng mặt.*

(Lê Minh Khuê, *Những ngôi sao xa xôi*)

Quan hệ

B. *Tôi đâm cẩu với chị Thao, mặc dù, tôi hiểu, những tình cảm gì đang quay cuồng trong đầu chị.*

(Lê Minh Khuê, *Những ngôi sao xa xôi*)

Quan hệ

C. *Nếu chúng ta mong muốn tiến lên từ văn hoá, học thuật của giai đoạn này, thì nhất định phải lấy thành quả nhân loại đã đạt được trong quá khứ làm điểm xuất phát*

(Chu Quang Tiềm)

Quan hệ

D. *Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn.*

(Chu Quang Tiềm, *Bàn về đọc sách*)

Quan hệ

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

ĐỀ 51

Bài tập 1

1. Hãy điền các dữ kiện của từng tác phẩm vào bảng hệ thống sau:

T T	Tên tác phẩm	Tác giả (a)	Năm sáng tác (b)	Nhân vật chính (c)	Đặc sắc về nội dung (d)	Đặc sắc về nghệ thuật (e)
1	<i>Làng</i>					
2	<i>Lặng lẽ Sa Pa</i>					
3	<i>Những ngôi sao xa xôi</i>					

- A. Câu (1) và câu (2) liên kết với nhau về nội dung.
 B. Câu (1) và câu (2) liên kết với nhau về hình thức.
 C. Câu (1) và câu (2) liên kết với nhau về cả về nội dung và hình thức.

Bài tập 3

Đọc truyện cười sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới bằng cách khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.

GIÀN LÍ ĐỒ

Thầy đề kia có tính sợ vợ, mới bị vợ đánh cho một mẻ, lại bị cào cấu sút cả mặt mũi. Hôm sau đến công đường, quan trông thấy liền hỏi:

- Thầy làm gì mà để mặt mũi toạc ra như thế?
- Bẩm quan, chiều hôm qua con ngồi hóng mát trước sân, chẳng may bị cái giàn lí nó đổ. Suýt nữa thì khốn với nó!

Quan biết ý liền cười:

- Thầy lại nói dối tôi rồi. Giàn lí nào mà lại đổ? Chắc lại làm gì vợ nó cào cho đầy hằn thối. Có phải thế cứ nói thật đi rồi tôi sai mấy tên lệ ra nó lôi cổ vào đây.

Nào ngờ quan bà đứng sau màn nghe rõ chuyện, đến đây không nén được, vội hăm hăm bước ra. Quan ông chợt thấy bóng quan bà, hồn vía bay mất cả, líu lười lại bảo thầy đề:

- Thôi, thầy hãy tạm lui... giàn lí nhà tôi cũng sắp đổ rồi.

(Theo Tuyển tập văn học dân gian, tập 3)

Câu hỏi:

1. Câu nào trong những lời đối đáp sau đây chứa hàm ý?
 - A. Bẩm quan, [...] chẳng may bị cái giàn lí nó đổ.
 - B. Thầy lại nói dối tôi rồi. Giàn lí nào mà lại đổ?
 - C. Giàn lí nhà tôi cũng sắp đổ rồi.
2. Hàm ý của câu ấy là gì?

ĐỀ 52

Bài tập 1

1. Em hãy ôn lại các tác phẩm văn học nước ngoài đã được học trong chương trình Ngữ văn Trung học cơ sở và điền các thông tin vào bảng sau.

Stt	Tác phẩm	Tác giả	Nước	Thể loại
1	Buổi học cuối cùng			
2	Lòng yêu nước			
3	Xa ngắm thác núi Lư			
4	Cảm nghĩ trong đêm thanh tịnh			
5	Ngẫu nhiên viết trong buổi mới về quê			
6	Bài ca nhà tranh bị gió thu phá			

7	Ề-min hay Về giáo dục			
8	Trường giả học làm sang			
9	Cô bé bán diêm			
10	Đôn Ki-hô-te			
11	Chiếc lá cuối cùng			
12	Người thầy đầu tiên			
13	Cổ hương			
14	Chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phong - ten			
15	Thời thơ ấu			
16	Mây và sóng			
17	Rô-bin-xơn Cru-xô			
18	Bố của Xi-mông			
19	Tiếng gọi nơi hoang dã			

Bài tập 2

Điền vào chỗ trống kiểu văn bản thích hợp với từng nội dung cho sau:

1. Tái hiện các tính chất, thuộc tính của sự vật, hiện tượng làm cho chúng hiện lên rõ ràng, sinh động; giúp con người cảm nhận và hiểu được chúng (.....)
2. Bày tỏ trực tiếp hoặc gián tiếp tình cảm, cảm xúc của con người đối với con người, thiên nhiên, xã hội, sự vật (.....)
3. Trình bày thuộc tính, cấu tạo, nguyên nhân, kết quả, tác dụng, tác hại của sự vật, hiện tượng giúp người đọc có tri thức, thái độ đúng đắn đối với sự vật, hiện tượng (.....)
4. Trình bày các sự việc (sự kiện) có quan hệ nhân quả dẫn đến kết cục, biểu lộ ý nghĩa (.....)
5. Trình bày tư tưởng, quan điểm đối với tự nhiên, xã hội, con người và tác phẩm văn học bằng các luận điểm, luận cứ và cách lập luận để thuyết phục mọi người tin theo cái đúng, cái tốt, từ bỏ cái sai, cái xấu (.....)
6. Trình bày theo mẫu chung và chịu trách nhiệm pháp lí về các ý kiến, nguyện vọng của cá nhân, tập thể đối với cơ quan quản lí hay ngược lại, bày tỏ yêu cầu quyết định của người có thẩm quyền với người có trách nhiệm thực thi, hoặc thoả thuận giữa công dân với nhau về lợi ích và nghĩa vụ. (.....)

ĐỀ 53

Bài tập 1

1. Em hãy ôn lại những đặc điểm của văn học dân gian và điền vào chỗ trống các từ ngữ sau: dị bản, truyền miệng, tập thể.

- A. Ra đời từ khi con người chưa có chữ viết, hơn nữa được lưu truyền bằng cách truyền miệng nên văn học dân gian có tính
- B. Không phải là tiếng nói riêng của mỗi cá nhân, chỉ chủ yếu chọn lựa những giá trị tiêu biểu chung của cộng đồng nên văn học dân gian có tính
- C. Do được sáng tác tập thể và được lưu truyền bằng cách truyền miệng nên văn học dân gian có hiện tượng

2. Nhận định nào sau đây chính xác về văn học dân gian? (khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

- A. Văn học dân gian là ngọn nguồn nuôi dưỡng tâm hồn, trí tuệ của nhiều thế hệ qua mọi thời đại.
- B. Văn học dân gian tiếp tục phát triển trong suốt thời trung đại và giữ vị trí quan trọng trong đời sống văn học.
- C. Văn học dân gian chỉ phát triển khi văn học viết chưa ra đời.

Bài tập 2

1. Điền vào chỗ trống để làm rõ thời kì xuất hiện của các bộ phận văn học viết tương ứng với sự xuất hiện chữ viết.

- A. Văn học chữ Hán từ đến
- B. Văn học chữ Nôm từ đến
- C. Văn học chữ quốc ngữ từ.....

2. Điền vào ô trống để mô tả sơ lược tiến trình lịch sử văn học Việt Nam trong bảng sau.

Các thời kì phát triển	Đặc điểm nổi bật
Từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX	(1)
Từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945	(2)
Từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến nay	(3)

Bài tập 3

Văn học Việt Nam có những đặc điểm nổi bật nào sau đây? (Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời mà em chọn.)

- A. Thể hiện tinh thần yêu nước, ý thức cộng đồng

- B. Thể hiện tư tưởng nhân đạo sâu sắc.
- C. Thể hiện sức sống bền bỉ, tinh thần lạc quan.
- D. Có nhiều tác phẩm với quy mô không lớn.
- E. Có nhiều tác phẩm đồ sộ.

Bài tập 4

1. Những văn bản nghị luận nào em đã được học trong chương trình Ngữ văn lớp 9? (khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời em chọn và điền tên tác giả vào chỗ trống trong ngoặc đơn.)

- A. *Bàn về đọc sách* (.....)
- B. *Tiếng nói của văn nghệ* (.....)
- C. *Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới* (.....)
- D. *Chuyện người con gái Nam Xương* (.....)
- E. *Chỗ sỏi và cừu trong thơ ngụ ngôn của La Fonten* (.....)

2. Những ý kiến nào sau đây được nêu trong văn bản *Bàn về đọc sách*? (khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời em chọn)

- A. Đọc sách là một con đường quan trọng để tích lũy, nâng cao học vấn.
- B. Sách nhiều, khiến người ta không đọc chuyên sâu.
- C. Phải biết chọn sách mà đọc, đọc ít mà chắc còn hơn đọc nhiều mà rỗng.
- D. Cần kết hợp giữa đọc rộng và đọc sâu, giữa đọc sách thường thức với đọc sách chuyên môn.
- E. Việc đọc sách phải có kế hoạch, có mục đích kiên định chứ không thể tùy hứng, phải vừa đọc vừa nghiền ngẫm.
- G. Đọc càng nhiều sách càng đáng tự hào.

Bài tập 5

Điền vào cột **B** tên tác phẩm có những giá trị nội dung và nghệ thuật nêu ở cột **A** trong bảng sau đây.

A. Giá trị nội dung và nghệ thuật	B. Tác phẩm
- Bài thơ ca ngợi tình mẹ và ý nghĩa của lời ru đối với cuộc sống con người. - Bài thơ thành công trong việc vận dụng sáng tạo ca dao, xây dựng được hình tượng giàu ý nghĩa, thể hiện những suy ngẫm sâu sắc về tình mẫu tử.	(1)
- Bài thơ là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời; thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước, góp một "mùa xuân nho nhỏ" của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc. - Bài thơ theo thể năm tiếng, có nhạc điệu trong sáng, thiết tha, gần gũi với dân ca, nhiều hình ảnh đẹp, giản dị gợi cảm, có những so sánh và ẩn dụ sáng tạo.	(2)

- Bài thơ thể hiện tấm lòng thành kính thiết tha và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ đối với Bác Hồ khi vào lăng viếng Bác. - Bài thơ có giọng điệu trang trọng và tha thiết, nhiều hình ảnh ẩn dụ đẹp và gợi cảm, ngôn ngữ bình dị mà cô đúc.	(3)
- Sự biến chuyển của đất trời lúc được nhà thơ cảm nhận một cách tinh tế, đồng thời được thể hiện qua những hình ảnh thơ giàu sức biểu cảm và sáng tạo.	(4) (8)
- Bằng những từ ngữ, hình ảnh giàu sức gợi cảm nhà thơ đã thể hiện tình cảm gia đình ấm cúng, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương và dân tộc mình, đồng thời gợi nhắc tình cảm gắn bó với truyền thống, với quê hương và ý chí vươn lên trong cuộc sống.	(5)
- Bằng hình thức diễn đạt rất độc đáo, nhà thơ đã sáng tạo ra cuộc đối thoại trong lời kể của một em bé để ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng mà bất diệt.	(6)

Bài tập 6

Xác định thể loại của tác phẩm ghi ở cột B và điền vào cột A của bảng sau.

STT	A. Loại, thể	B. Tác phẩm
1		Sơn Tinh, Thủy Tinh; Con rồng cháu tiên, Bánh chưng bánh giầy, Thánh Gióng; Sự tích Hồ Gươm
2		Thạch Sanh; Sọ Dừa
3		Quan Âm Thị Kính
4		Qua đèo Ngang
5		Hoàng Lê nhất thống chí
6		Truyện Kiều; truyện Lục Vân Tiên
7		Chiếu dời đô
8		Bàn luận về phép học
9		Hịch tướng sĩ
10		Bình Ngô đại cáo

ĐỀ 54

Bài tập 1

Hãy nêu những yêu cầu cần có của thư (điện) chúc mừng và thăm hỏi.

a) Nội dung:

.....
.....

b) Tình cảm:

.....

c) Lời văn:

.....

Bài tập 2

Em hãy chuẩn bị nội dung cho một số bức điện trong những trường hợp sau: Những trường hợp nào sau đây cần gửi thư (điện) chúc mừng:

a) Nghe tin người bạn học ở xa vừa nhận được giải thưởng học sinh giỏi quốc gia môn Ngữ văn.

.....
.....
.....
.....
.....



b) Nghe tin người bạn học ở xa thi đỗ vào đại học.

downloaadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

c) Một người anh họ của em vừa khai trương một cửa hàng ở một thành phố xa.

.....
.....
.....
.....
.....
.....

ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN**ĐỀ 1**

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	B
	2	A
	3	A
	4	D
	5	D
	6	A
	7	C
2	1	C
	2	B
	3	D
	4	Náo nức, mon man, rộn rã, tung bừng, rục rề
3	1	A
	2	C
4	1	lưng, hàn tay, người, cánh tay, cặp mắt, mặt, đầu, cổ, mái tóc
	2	khóc, nức nở, thút thít
	3	A. khóc B. nức nở, thút thít
5	1	Điền: (1) xe; (2) điền các loại xe thô sơ; (3) điền các loại xe ô tô; (4) điền các loại xe máy
	2	A. bao hàm; B. được bao hàm.
6	1	C
	2	C
	3	C, E
	4	C

ĐỀ 2

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	B
	2	A
	3	A, D
	4	A
	5	A
2	1	C
	2	C
	3	B
	4	C
	5	D

	6	Nối: A - d; B - c; C - b; D - a
	7	C
	8	B
	9	C
3		Nối: a, b – B; c, d - A
4		Nối: A - c; B - a; C - d; D - e; E - b
5		<i>Lưới</i> → Trường dụng cụ để đánh bắt thủy sản (vó, te, cần câu, bẫy,...) → Trường hệ thống, tổ chức (mạng, hệ thống, tổ chức, mạng lưới,...) <i>Lạnh</i> → Trường nhiệt độ (nóng, mát, ấm, ...) → Trường tính tình (sôi nổi, trầm, vui vẻ, lạnh,...) → Trường màu sắc (nóng, tối, sáng,...) <i>Cứng</i> → Trường khả năng chịu tác dụng của lực cơ học (rắn, chắc,...) → Trường khả năng, trình độ (giỏi, vững, cao,...) → Trường ứng xử (máy móc, nguyên tắc, cứng nhắc,...)
6	1	B
	2	A: Không màng danh lợi B: Học trò theo ông rất đông đến có khi không cho vào thăm C: Khi ông mất
7		A, C, F điền S; B, D, E điền Đ
8	1	B
	2	A. viết văn, làm thơ B. Những giọt nước biển (tập truyện ngắn, 1956), ...

ĐỀ 3

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	A, C, E điền Đ; B, D điền S
	2	B điền C, T; A và C điền P
2	1	C
	2	C
	3	E, F
3	1	C
	2	A - b; B - a; C - c; D - c; E - c
	3	C
	4	D
	5	F
	6	Điền: A. hiện thực sinh động; B. tàn ác C. tình cảnh; D. tâm hồn

4	1	B
	2	B
	3	A - a; C - b
	4	Lần lượt điền: A. <i>thường; một; tương đối trọn vẹn</i> ; B. <i>hoa; lụi; dấu chấm xuống dòng</i> .
	5	Đ
	6	<i>Thạch Lam - cây bút truyện ngắn lãng mạn trữ tình, tài hoa, xuất sắc trong giai đoạn văn học 1930 - 1945.</i>
	7	C
	8	a) A. b) E. c) A. Truyện ngắn Gió lạnh đầu mùa (câu a) B. Truyện ngắn (câu b); bài thơ đượm buồn (câu c) C. Diễn dịch

ĐỀ 4

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	C, D
	2	C
	3	A, B, C, D
	4	C
	5	A và D
	6	B
	7	B
	8	C
2	1	A, C
	2	B
	3	a) + <i>Chao ôi!</i> + <i>Hỡi ơi Lão Hạc!</i> + <i>Lão Hạc ơi!</i> b) + <i>"Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó".</i> + <i>"Ông giáo nói phải! Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hoá kiếp cho nó để nó làm kiếp người, may ra có sung sướng hơn một chút... kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn".</i> c) + <i>"Đối với những người ở quanh ta... không bao giờ ta thương..."</i> . + <i>"Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn..."</i> . + <i>"Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn..."</i>
	4	B
3	1	A. <i>lom khom, lô nhô, nhấp nhô, khập khiễng, thống thọt, khẳng khiu, khật khuờng.</i> B. <i>rỉ rạo, ha hả, hu hu, róc rách, bộp, đoàng.</i>

	2	A. lồm bồm
4	1	A. điền 1; B. điền 2
	2	A. tư thế còng lưng xuống của người B. thừa và rời nhau, mỗi chỗ, mỗi lần một ít.
	3	B
5		A, C điền Đ; B điền S;
6	1	Gạch dưới: <i>Bảy giờ; Ít lâu sau; Thế rồi một hôm</i>
	2	A.
	3	A điền: <i>Vậy đó</i> B điền: <i>Như vậy</i> C điền: <i>Vậy (Như vậy)</i>
7		A, C điền Đ; B, D điền S

ĐỀ 5

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	A
	2	A
	3	A
	4	D

ĐỀ 6

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	A. <u>Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi òa lên khóc</u> C V C V rồi cứ thế nước nở. B. Nhưng <u>em không đọc hết được bài kinh, vì những cơn</u> C V C nước nở <u>lại trở lại, dồn dập, xồn xang, choán ngập lấy em.</u> V C. Quan lớn <u>ngài ăn, ngài đánh; người hầu kẻ dạ, kẻ vâng.</u> C V C V C V C V D. Ông Phan Bội Châu, <u>tôi biết rõ tâm hồn cao thượng và</u> C V <u>cuộc</u> <u>đời đầy hi sinh, nhiều nguy nan của ông, và chính tôi, tôi xin</u> C <u>là người đầu tiên (...) được bày tỏ tấm lòng rất mực quý</u> <u>trọng ông</u> V
	2	Điền X vào các ô: A, B, C, D

	3	Bỏ dấu chấm ở các câu và thêm: A. nên thuyền không cập bến được B. vì em rất chịu khó và say mê học vẽ C. mặc dù cuộc sống của họ còn nhiều khó khăn D. mà việc học hành của em vẫn chưa tiến bộ được bao nhiêu E. để bố mẹ đỡ vất vả (Các em có thể thêm các cụm chủ vị và các quan hệ từ khác với các câu trên, miễn là đáp ứng đúng yêu cầu của bài tập)
	4	D
	5	a) Tách như sau: (1) Tôi lắng nghe tiếng hai cây phong rì rào, / tim đập rộn ràng vì thắng thót và vui sướng, / rồi trong tiếng xạc xào không ngớt ấy, tôi cố hình dung ra những miền xa lạ kia... (3) Người vô danh ấy đã ước mơ gì, đã nói những gì khi vùi hai gốc cây xuống đất, / người ấy đã ấp ủ những niềm hi vọng gì khi vun xới chúng nơi đây, trên đỉnh đồi cao này. b) B c) C d) C e) C
2	1	A - 2; B - 1; C - 6; D - 3; E - 8; F - 7; G - 4; H - 5; I - 1
	2	A. Tôi đọc và nó viết. (công thức: C - V và C - V) B. Mây đen phủ kín bầu trời rồi mưa bắt đầu rơi. (công thức: C - V rồi C - V) C. Tôi về còn anh ở lại. (công thức: C - V còn C - V) D. Bạn đi lao động hay mình đi lao động. (công thức: C - V hay C - V) E. Lan học giỏi toán vì chịu khó giải nhiều loại bài tập. (công thức: C - V vì C - V) F. Tôi sẽ học giỏi nếu tôi chăm học được như bạn. (công thức: C - V nếu C - V) G. An học giỏi tuy nhà An rất nghèo. (công thức: C - V tuy C - V) H. Em sẽ cố gắng học giỏi để cha mẹ vui lòng. (công thức: C - V để C - V). Lưu ý chung: Các em cần thực hiện đúng công thức: C - V + quan hệ từ phù hợp với nội dung diễn đạt + C - V I. Người đi, kẻ đến (không dùng quan hệ từ)

ĐỀ 7

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	Điền: A - 1; B - 2; C - 2; D - 1; E - 1; F - 2; G - 1; H - 2
	2	B, C
2	1	B, D, E

	2	Điền: A - 1; B - 2; C - 2; D - 1
	3	a) C; b) A, B; c) A
3	1	C
	2	A - Q; B - G; D - G
4	1	Hai đoạn văn được sửa dấu câu như sau (Mỗi dấu câu sửa hoặc điền đúng được 10 điểm): A. Một người nông dân tìm được một viên ngọc quý, liền muốn đem dâng tiến nhà vua. Ông ta tìm đến cung điện và nhờ các quan trong triều bảo làm cách nào gặp được nhà vua. Một trong các quan hỏi ông ta cần gặp vua để làm gì. Người nông dân bèn kể lại chuyện muốn dâng vua viên ngọc quý. Vị quan nọ bảo: - Được, tôi sẽ đưa anh vào gặp nhà vua với điều kiện anh phải chia cho tôi một nửa số phần thưởng của nhà vua, nếu không thì thôi! B. Thuỷ Tinh đến sau, không lấy được vợ, dùng dùng nổi giận, đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương. Thần hô mưa, gọi gió làm thành dông bão rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh. Nước ngập ruộng đồng, nước ngập nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi thành Phong Châu như nổi lênh bênh trên một biển nước.
	2	Dấu câu được điền như sau (Mỗi dấu điền đúng 10 điểm): A. Vua Nam: nguyên văn là "Nam đế", tức là vua nước Nam. Trong chữ Hán còn có chữ "vương" cũng có nghĩa là vua. Nhưng "đế" thì cao hơn "vương". Ở đây dùng chữ "đế" là để tỏ thái độ ngang hàng với nước Trung Hoa, vì ở Trung Hoa gọi vua là "đế", thì ở nước ta cũng vậy. Cần hiểu: trong quan niệm đương thời, "đế" là đại diện cho nước, cho dân. B. Thỉnh thoảng nghe tiếng quan phụ mẫu gọi: "Điếu mầy"; tiếng tên lính thừa: "Dạ"; tiếng thầy đề hỏi: "Bẩm, bẩm"; tiếng quan lớn truyền: "Ừ". Kẻ này: "Bát sách! Ăn"; người kia: "Thất văn... Phỗng", lúc mau, lúc khoan...
5	1	Bài làm đảm bảo các ý sau: a) Giới thiệu chung về thể thơ. b) Trình bày kiến thức về luật thơ: số câu, số chữ, cách gieo vần. c) Tác dụng của thể thơ lục bát đối với việc thể hiện tư tưởng, tình cảm người Việt Nam và vị trí của thể thơ này trong nền thơ Việt Nam.

ĐỀ 8

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	A. 1889, 1939. B. Làng Khê Thượng, huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây. C. Nguyễn Khắc Hiếu; D. nhà nho; E. lãng mạn, tinh thần dân tộc, tìm tòi sáng tạo mới mẻ.
	2	Tản Đà
	3	A
2	1	B
	2	F
	3	C
	4	- Xưng chị em với chị Hằng, chán trần thế: <i>Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!</i> <i>Trần thế em nay chán nửa rồi,</i> - Muốn lên cung trăng làm bạn với chị Hằng với gió mây: + <i>Cung quế đã ai ngồi đó chưa?</i> <i>Cành đã xin chị nhắc lên chơi.</i> + <i>Cùng gió cùng mây thế mới vui.</i> - Từ trên cao nhìn xuống thế gian cười ngạo nghễ: <i>Tựa nhau trông xuống thế gian cười.</i>
	5	C, D, E
3	1	A. đánh trời, trận đòn; B. tay, miệng; C. roi song, tay thước, dây thừng
	2	Đặt tên cho các trường từ vựng: A. đánh (người); B. bộ phận cơ thể con người; C. dụng cụ để đánh.
	3	C
	4	Điền: (2); (6)
	5	A. ở tình trạng đau ốm kéo dài, không trầm trọng nhưng không khỏi. B. run mạnh và liên tiếp do quá yếu sức. C. mô phỏng tiếng bước chân đi nhanh, mạnh của người giận dữ.
	6	Điền x vào E
4		B, C
5	1	Gạch dưới từ: <i>nhắm mắt</i> trong đoạn văn (b)
	2	C
	3	- Vì lão bình thản trước cái chết, lão chủ động sắp xếp để chết. - Vì lão muốn dấu ông giáo ý định thực của mình, để việc lão nhờ được trôi lọt.
	4	điền G

ĐỀ 9

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	A, C
	2	B, C, D
	3	B
2	1	B
	2	A, E, F
	3	B
	4	D
	5	A
	6	A
	7	E
	8	A

ĐỀ 10

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	A điền NH ; B điền TT ; C điền NC ; D điền NNT
	2	A, I điền NTT ; B điền NC ; C, G điền NH ; D, E điền TT
	3	A điền TT ; B điền NH ; C điền NC ; D điền NTT
2	1	B
	2	B
	3	A, B, C
	4	A
	5	A
	6	B
	7	C. <i>đánh</i>
	8	B, D điền 1 ; A, C, E, F, G, H điền 2
	9	A
	10	Điền X vào B, D
3	1	Lập dàn bài theo các yêu cầu đã cho (em tự đánh giá) Mở bài: Thân bài: Kết bài.
	2	Viết được kết bài đảm bảo nội dung theo yêu cầu. Đảm bảo sự liên kết đoạn, đúng chính tả, ngữ pháp.

ĐỀ 11

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	Lần lượt như sau: <i>Vắng sao đột hiện, bênh vực, lẳng lẽ, điềm nhiên, tan vỡ</i> .

	2	C
	3	B
	4	D
	5	D
	6	A
	7	B
	8	B
	9	Nối: A(1) - B(2); A(2) - B(3); A(3) - B(1); A(4) - B(4)
	10	A
	11	B
	12	E
	13	D
2	1	B
	2	B
	3	C
	4	C
	5	A
	6	B
	7	C
	8	D
	9	C

downloaadsachmienphi.com

ĐỀ 12

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	B
	2	D
	3	A
	4	C
	5	A
	6	B
	7	A và C.
2	1	A
	2	D
	3	Lần lượt như sau: thức dậy, rộn rã, rúc rỏ, tràn trề, hứa hẹn, bắt đầu, đẹp nhất;
	4	Cả A, B, C
	5	C
	6	A

ĐỀ 13

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
----------------	----------------	-------------------------

1	1	B
	2	C
	3	B
	4	a) việc ở, b) việc ăn, c) điều kiện làm việc
	5	B
	6	A
	7	C
	8	C
2	1	B
	2	D
	3	E
3	1	A
	2	B và C
	3	a) Dàn ý chưa hợp lí. b) Thứ tự các ý: A - D - B - G - H - C - E - F. c) B.

ĐỀ 14

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	C
	2	B
	3	D
	4	D
	5	B
	6	Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ
	7	A
	8	Gạch chân các từ: - <i>hương</i> , <i>khán</i> - <i>tông</i> , <i>khán</i>
	9	B
	10	Đúng. Em thử suy nghĩ xem nhà tù giam hãm được thân thể Bác nhưng có giam hãm được tinh thần của Bác hay không. Dựa vào ý thơ, hình ảnh thơ... để lí giải "vì sao".
2	1	C
	2	A
	3	A, B
	4	C
	5	A

ĐỀ 15

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	C

	2	lần lượt: danh tướng, Trần, văn võ song toàn, Mông Cổ, đức Thánh Trần		
	3	D		
	4	B		
	5	D		
	6	B		
	7	A		
	8	B		
	9	C		
	10	A, B, C, D, E		
	11	A		
	12	B và C		
	13	D		
	14	A		
	15	B		
	16	B		
2	1	B		
	2	a) trình bày d) hỏi g) điều khiển	b) điều khiển e) trình bày h) hỏi	c) điều khiển f) điều khiển
	3	Mẫu: - thách: <i>Chú mày muốn đùa vui, hử?</i> - mời: <i>Chú mình ra đây đùa vui với tớ đi!</i> - giục: <i>Chú mình nhanh lên ra đây đùa vui với tớ nào!</i> - ra lệnh: <i>Chú mày ra đây đùa vui với tớ, nhanh</i>		
	4	a) bộc lộ cảm xúc d) trình bày	b) trình bày e) trình bày	c) hứa hẹn f) trình bày

ĐỀ 16

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	C
	2	A và B
	3	A và B
	4	Từ A đến E
2	1	C
	2	B
	3	A và B
	4	- Lời lẽ: đanh thép - Lí luận: Sắc bén - Kết cấu: Chặt chẽ, mạch lạc
	5	A, C
	6	a) nền văn hiến lâu đời b) chủ quyền
3	1	Kể, tả, báo tin, dự đoán, nêu ý kiến

	2	Chê bai, than phiền, trách cứ
	3	Giao ước, cá cược, cam đoan
	4	cầu khiến, đe dọa, thách thức
4	1	trình bày
	2	bộc lộ cảm xúc
	3	điều khiển
	4	hứa hẹn

ĐỀ 17

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	B
	2	A, B
2		Thứ tự các câu: B - C - A
3		B. gạch chữ <i>quy nạp</i> ; D. gạch chữ <i>diễn dịch</i>
4	1	A
	2	A
5	1	A. Quy nạp; B. Diễn dịch
	2	Đoạn (b) Đoạn (a)

ĐỀ 18

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	- 1911, 1941 - Hồ Chí Minh
	2	Tiếng Pháp, Pa-ri, nước Pháp, 1925; Nội dung: xem chú thích (*), SGK, <i>Ngữ văn 8</i> , bài 26, tr 90.
	3	- Những tên da đen bắn thiu; những đứa “con yêu”; những người “bạn hiền”; “chiến sĩ bảo vệ công lí và tự do” - phơi thây ở châu Âu, bỏ xác ở Ban-căng, bị tàn sát trên bờ sông Mác-nơ - “vật liệu biết nói”, “lính tình nguyện” - tình tứ, im lặng, “giống người bắn thiu” - giao cho bọn súc sinh kiểm soát, cho họ ăn như cho lợn ăn - thuốc phiện
	4	a) A; b) B; c) C

ĐỀ 19

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	Có thể thêm các từ: a) yêu quý của ta, biết bao nhiêu, làm trăm công ngàn việc, lặng lẽ,... b) Thân thương, yêu dấu, thẳng cánh cò bay, lẻ loi, tha thiết, dịu ngọt,...
	2	a) D b) Cả A, B, C

ĐỀ 20

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	Nói: A(1) - B(11); A(2) - B(6); A(3) - B(7); A(4) - B(1) A(5) - B(10); A(6) - B(4); A(7) - B(5); A(8) - B(2) A(9) - B(3); A(10) - B(9); A(11) - B(8)
	2	B, C và D
	3	D
	4	B, D, và E
	5	D
2	1	a) câu số (3), (6), (11), (12) b) câu số (5), (8), (9) c) câu số (1), (7), (10), (13) d) câu số (2), (4)
	2	a) câu số (2) b) câu số (4)
	3	a) câu số (6) b) câu số (12)
	4	lần lượt theo thứ tự hành động nói của các câu từ số (1) đến số (13) là: điều khiển, hỏi, trình bày, hỏi, bộc lộ cảm xúc, trình bày, trình bày, bộc lộ cảm xúc, bộc lộ cảm xúc, điều khiển, bộc lộ cảm xúc, trình bày, trình bày. Trừ câu số (6) và câu số (7) có cách dùng gián tiếp, các câu còn lại đều có cách dùng trực tiếp
	5	Các từ cần điền lần lượt như sau: <i>chạy theo, đạp xe, dừng lại, trông theo</i>
	6	C

	7	Mẫu: a) <i>Nghênh ngang, hống hách</i>, hấn làm mọi người cảm thấy khó chịu. b) <i>Ngắm nghía một hồi lâu</i>, Hà mới nhẹ nhàng đặt bức tượng lên giá sách. c) <i>Gật gù</i>, ông vỗ vai người bạn già của mình, về đặc ý. d) <i>Rón rén</i>, mẹ đi rất nhẹ, sợ làm em tôi thức giấc. e) <i>Lăm lăm chiếc gậy trong tay</i>, hấn xồng xộc đi thẳng vào nhà chị Dậu. f) <i>Nheo nheo đuôi mắt</i>, cậu ta cố làm ra vẻ chế nhạo tôi. g) <i>Không ngoái đầu lại</i>, chị bước thẳng ra khỏi cửa.
	8	a) A b) B

ĐỀ 21

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	a) phủ định b) nghi vấn c) cảm thán d) cầu khiến e) trần thuật
	2	B và C
	3	a) điều khiển (xúi); b) trình bày (kể); c) trình bày (bác bỏ) d) điều khiển (thỉnh cầu); e) hỏi (nêu điều băn khoăn)
	4	a) A; b) A
	5	B
2	1	a) B b) Nên sắp xếp lại các ý theo thứ tự: G - E - F - C - B - D - A
	2	a) câu số (2) và (4); b) câu số (1) và (3); c) câu số (3)

ĐỀ 22

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	D
	2	A, B, D, F và G
	3	B, D, E, F
	4	B và C
	5	A
	6	Nói: A(1) - B(5); A(2) - B(4); A(3) - B(2); A(4) - B(3); A(5) - B(1)
	7	Nói: A(1) - B(4); A(2) - B(1); A(3) - B(2); A(4) - B(5); A(5) - B(3)
	8	D
	9	B và C

ĐỀ 23

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	Nối: A(1) - B(5); A(2) - B(6); A(3) - B(2); A(4) - B(4); A(5) - B(1); A(6) - B(3)
	2	Nối: A(1) - B(4); A(2) - B(3); A(3) - B(6); A(4) - B(5); A(5) - B(2); A(6) - B(1)
	3	a) Thông tin về ngày trái đất năm 2000 b) Ôn dịch, thuốc lá c) Bài toán dân số
2	1	Bước 1: (c) Bước 2: (a) Bước 3: (d) Bước 4: (b)
	2	A
	3	D
	4	A. một cách làm B. một danh lam thắng cảnh C. một thể loại văn học
	5	A. tường trình B. thông báo
	6	Câu luận điểm là: Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay.

ĐỀ 24

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1		(1) hồ (2) buổi (3) đưa (4) bề (5) tre (6) gác (7) mọc mạc (8) mây (9) cối (10) chân gỏi (11) nhỏ (12) sồn (13) chiếc gậy (14) dép cũ
2		a) Phong cách Hồ Chí Minh giản dị, thanh cao b) Phong cách Hồ Chí Minh rất Việt Nam nhưng cũng rất mới, rất hiện đại

ĐỀ 25

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	Điền vào ô trống như sau: 1) Phương châm về lượng 2) Phương châm về chất; 3) Phương châm quan hệ 4) Phương châm cách thức; 5) Phương châm lịch sự
	2	a) ông bố; b) tờ giấy; c) ông nói gà bà nói vịt d) cần nói đúng đề tài giao tiếp
	3	a) Đồng ý với Phong b) Hàm ý của bà mẹ là “vì mất điện nên chưa có cơm” do đó câu trả lời của bà mẹ không vi phạm phương châm quan hệ. c) Trong giao tiếp, các đối tượng có thể hiểu nhau qua hàm ý.

2	1	a) D b) Câu thứ tư c) Thơ chú có cả bài hay và bài chưa hay.
	2	+ Phương châm cách thức: (a), (b), (g), (k) + Phương châm lịch sự: (d), (f) + Phương châm về lượng: (c), (l) + Phương châm về chất: (e), (h), (i)

ĐỀ 26

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1		A. Tình huống giao tiếp thay đổi: vị thế, địa vị xã hội của các nhân vật đã thay đổi B. Những biến chuyển về tình cảm và tâm lí của bé Thu trước và sau khi nhận cha.
2		a) S; b) Đ
3	1	C
	2	D
	3	D
	4	D
	5	D
4		C - D - A - B - E

ĐỀ 27

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1		A, B, D, E
2	1	C
	2	a) Phần 1: Phẫn hận của Vũ Nương b) Phần 2: Nỗi oan khuất và cái chết bi thảm của Vũ Nương c) Phần 3: Vũ Nương được giải oan
	3	E
3	1	E
	2	D
	3	Sắp xếp như sau: A. B - C
	4	E
4	1	B, D, E
	2	A
	3	A, C
	4	E

5	1	lão thì già, con đi vắng...; lão muốn nhờ tôi cho lão gửi ba sào vườn của thằng con lão; lão còn được ... muốn gửi tôi: LDGT
	2	nghe dạy văn... niềm vui sướng lớn: LDGT
	3	êm đềm trướng rủ màn che và phong tư tài mạo tốt vời: LDTT
	4	Không có lời dẫn, ý dẫn
6	1	B, D, E, F, G
	2	a) Nỗi nung: gây sự say mê, hứng thú (nghĩa cổ) b) Nỗi nung: buồn đau sâu đậm và day dứt
	3	A, C, E điền Đ; B, D, F điền S
7	1	(1) xinh đẹp (2) thủy mị, nét na (3) hào phú (4) đa nghi (5) phải đi lính (6) thờ mẹ, nuôi con (7) oan khiên (8) lập đàn giải oan cho vợ ở bến Hoàng Giang (9) tạ tình nhưng quyết không về nhân gian được nữa.
	2	<i>Chuyện người con gái Nam Xương kể về cuộc đời và cái chết oan khuất của Vũ Nương, một người con gái xinh đẹp, đức hạnh; Qua đó thể hiện niềm cảm thương của tác giả đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ trong chế độ phong kiến xưa, đồng thời khẳng định vẻ đẹp phẩm hạnh của họ.</i>

downloaadsachmienphi.com

ĐỀ 28

Bài tập	câu (ý)	Nội dung trả lời
1		A
2	1	- Đoạn văn cần nêu được 2 ý cơ bản: + đoạn trích tái hiện chân thực hình ảnh người anh hùng Quang Trung - Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh. + Sự thất bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi thảm của vua tôi Lê Chiêu Thống.
	2	B
	3	B
	4	D

	5	a) D b) “<i>Nam quốc sơn hà Nam đế cư Tiệt nhiên định phận tại thiên thư</i>” c) <i>Như nước Đại Việt ta từ trước Vốn xưng nền văn hiến đã lâu Núi sông bờ cõi đã chia Phong tục Bắc Nam cũng khác. Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời xây nền độc lập, Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương</i>
	6	Điền: A. Trước hết; B. Tiếp đó; C. sau đó; D. Từ đó; E. Cuối cùng; G. đồng thời
	7	C

ĐỀ 29

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	D
	2	E
	3	A
	4	B
	5	D
2	1	A
	2	D
	3	Điền: A - K, B - K, C - C, D - C
	4	Từ láy bộ phận: <i>nô nức, dập dùi, ngổn ngang</i> Giá trị nghệ thuật: <i>Gợi tả không khí đông vui, rộn ràng của lúc bắt đầu vào hội và lúc giữa hội</i> Từ láy toàn bộ: <i>tà tà, thanh thanh, nao nao</i> Giá trị nghệ thuật: <i>Vừa gợi tả không khí nhạt dần, lặng dần của lúc tan hội vừa bộc lộ tâm trạng băng khuâng xao xuyến của con người</i>
3	1	(1) Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười (2) Vân xem trang trọng khác vời (3) Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da (4) Kiều càng sắc sảo mặn mà
	2	Phần 1: Giới thiệu chung về đẹp của Thúy Vân và Thúy Kiều. Phần 2: Gợi tả vẻ đẹp của Thúy Vân. Phần 3: Gợi tả vẻ đẹp Thúy Kiều
	3	C
	4	A
	5	A, B, F, G, H
	6	B
	7	D

4	- Chép chính xác 4 câu thơ từ <i>Ngày xuân đến một vài bông hoa</i> - Nêu cảm nhận: Bức tranh thiên nhiên mùa xuân khoáng đạt, tinh khôi, trong sáng, đầy sức sống.
---	--

ĐỀ 30

Bài tập	câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	(2) Bị ép tiếp khách làng chơi, Kiều định tự tử (4) Tú Bà thuê Sở Khanh đến lừa Kiều đưa nàng đi trốn để lấy cơ ép nàng phải tiếp khách làng chơi.
	2	C
	3	(1) <i>Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng</i> (2) <i>Tường người dưới nguyệt chén đồng</i> (3) <i>Có khi gốc tử đã vừa người ôm</i> (4) <i>Buồn trông cửa bể chiều hôm</i>
	4	Phần 1: Hoàn cảnh cô đơn tội nghiệp của Thuý Kiều Phần 2: Nỗi nhớ thương của Thuý Kiều đối với Kim Trọng và cha mẹ Phần 3: Tâm trạng buồn đau và lo âu của Thuý Kiều
2	1	B
	2	A
	3	A
3	1	A(1) - B(3), A(2) - B(1), A(3) - B(2), A(4) - B(4)
	2	B
	3	(1) nội tâm; (2) tả cảnh ngụ tình; (3) cô đơn (4) buồn tủi; (5) thủy chung, (6) hiếu thảo.
4	1	B
	2	D
	3	D
	4	B
5		Yêu cầu: - Kể lại chuyến tham quan du lịch: mở đầu, diễn biến, kết thúc. - Diễn đạt trôi chảy, truyền cảm, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp, dùng từ.

ĐỀ 31

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	(2) Thuý Kiều bị Hoạn Thư, vợ cả của Thúc Sinh ghen tuông hành hạ. (3) Thuý Kiều sợ hãi bỏ trốn khỏi nhà Hoạn Thư, nương nhờ cửa chùa của vãi Giác Duyên. (4) Vãi Giác Duyên vô tình gửi Kiều đến nương nhờ nhà Bạc Bà. Không ngờ Bạc Bà, Bạc Hạnh lại lừa đưa nàng vào lầu xanh lần thứ hai. (5) Ở lầu xanh lần thứ hai, Kiều gặp Từ Hải, được Từ Hải cứu ra và cưới làm vợ.
	2	A(1) - B(2); A(2) - B(4)
2	1	Yêu cầu: Đoạn văn phải nêu được các ý sau: +Thuý Kiều thể hiện tấm lòng biết ơn chân thật của mình và tạ ơn Thúc Sinh + Thuý Kiều báo cho Thúc Sinh biết là sẽ trừng phạt Hoạn Thư.
	2	C
	3	A
	4	A
	5	A
		downloadsachmienphi.com
3	1	C
	2	A(1) - B(3); A(2) - B(1); A(3) - B(2); A(4) - B(4)
	3	E
	4	Người có mưu sâu quỷ quyết lại gặp đối thủ cao tay hơn trị lại.
	5	a) B b) B
4	1	Điền: A - Đ; B - Đ; C - Đ; D - Đ; E - S; F - Đ
	2	Điền: A - Đ; B - Đ; C - S; D - Đ; E - Đ; F - Đ
5	1	Điền: A - Đ; B - S; C - Đ; D - S; E - Đ
	2	Yêu cầu: Đoạn văn phải nêu được những ý sau: - Bạn hiểu lầm em về việc gì. - Nguyên nhân dẫn đến việc bị bạn hiểu lầm. - Tâm trạng: buồn, chán, bức tức... - Nêu cách giải quyết tình huống.

ĐỀ 32

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
	1	B
	2	A

1	3	A, B, D điền Đ; C điền S
	4	A(1) - B(2); A(2) - B(3); A(3) - B(1)
	5	A. Làng tôi nghèo...; B. đầu sát bên đầu C. quần tôi có vài miếng vá; D. chân không giày.
	6	D
	7	B
	8	D
	9	C
2	1	[1] chống Mĩ cứu nước [2] Những người lính và những cô gái thanh niên xung phong [3] sôi nổi, trẻ trung, hồn nhiên, tinh nghịch mà sâu sắc
	2	C
	3	D
	4	A, C điền S; B, D điền Đ
	5	A(1) - B(4); A(2) - B(1); A(3) - B(2); A(4) - B(3)
3	1	B
	2	A
4	1	A điền S; B điền Đ
	2	D
	3	a) Tất cả các câu; b) B; c) C.

downloaadsachmienphi.com **ĐỀ 33**

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	(1) 2005; (2) Ân Phú; (3) Vũ Quang (4) Hà Tĩnh; (5) Lừa thiêng; (6) Hồ Chí Minh
	2	B
	3	A
	4	C
	5	C
	6	C
	7	B
	8	B
	9	A
	10	C
2	1	A, C, D
	2	A
	3	D
	4	B
	5	A điền S; B điền Đ
	6	D
	7	[1] nhóm lừa; [2] giữ lừa; [3] truyền lừa
	8	C

	9	C
3	1	- Từ tượng thanh: lộp bộp, róc rách, thánh thót, ào ạt, lao xao, rì rào, chan chát, vèo vèo, khùng khục, hỏn hển, ừng ực. - Từ tượng hình: các từ còn lại.
	2	Gạch chân các từ: <i>loắt choắt, thoăn thoắt, nghênh nghênh</i>
	3	Điền lần lượt: <i>loắt choắt, thoăn thoắt, nghênh nghênh</i>
	4	A(1) - B(7); A(2) - B(6); A(3) - B(1); A(4) - B(5) A(5) - B(3); A(6) - B(2); A(7) - B(4)
	5	a) Mẫu: <i>Cỏ gà rung rung, bụi tre đan vào nhau kéo kẹt. Những quả bưởi tròn đung đưa trên cây. Sấm sét chói tai. Tàu dừa sải trong gió, ngọn mừng toi đảo lên đảo xuống.</i> b) B
4	1	Điền lần lượt: <i>trên bến vắng - nước sông trôi - trong vắng lặng - rụng rơi bờ - tràn biếc cỏ - mỗ vu vơ - trôi trước gió - cúi ăn trưa.</i>
	2	Điền lần lượt: <i>sương - cỏ - long lanh - pháp phối</i>
	3	Lần lượt là: <i>trắng - hồng - xanh - Tết</i>

ĐỀ 34

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	Lần lượt: <i>Thừa Thiên - Huế; Mĩ; suy tư; dồn nén; trí thức</i>
	2	C
	3	C
	4	A, C điền S; B điền Đ
	5	E
	6	D
	7	(1) <i>Thương con - Mơ con ngủ ngoan</i> (2) <i>Thương bộ đội - Mơ hạt gạo trắng ngần</i> (3) <i>Thương làng đói - Mơ bắp lên đều</i> (4) <i>Thương đất nước - Mơ nước nhà thống nhất...</i>
	8	B
	9	C
	10	D
	11	A
	12	A
	13	B
2	1	A, C, E điền Đ; B, D điền S
	2	D
	3	A(1) - B(3); A(2) - B(2); A(3) - B(1)
	4	D

	5	C
	6	B
	7	A, C, E điền Đ; B, D điền S
3		a) B; b) B
4		Mẫu: [1] Từ Hải là một bến đỗ bình yên hiếm hoi, ngăn ngủi trong cuộc đời chìm nổi của Kiều. [2] Qua vài lời ngăn ngủi, Thuý Kiều đã gửi vào đó lòng biết ơn sâu sắc đối với người đã cứu nàng ra khỏi lầu xanh, đã cho nàng hưởng những tháng ngày hạnh phúc dưới mái ấm một gia đình. [3] Hoạn Thư là kẻ không chỉ đánh đập, hành hạ thể xác Kiều mà thâm hiểm hơn, còn đoạ đầy Kiều cơ cực về tinh thần. [4] Hành động tha bổng Hoạn Thư đã chứng tỏ sự hiểu biết, tấm lòng độ lượng, bao dung rộng lớn của Kiều.

ĐỀ 35

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	A, B, D điền Đ; C điền S
	2	B
	3	B
	4	D
	5	B
	6	A điền S; B, C điền Đ
	7	D
	8	Lần lượt: đưa con nhỏ - tự nhủ - giải bày
	9	C
	10	A, C, E
2		a) Đối thoại, vì đây là lời đối đáp giữa cha và con, được phân biệt bằng dấu gạch ngang đầu mỗi lượt lời. b) Độc thoại thành lời vì người nói hướng tới những người nghe trong tưởng tượng, có dấu gạch ngang đầu lời nói. c) Độc thoại nội tâm vì sự dẫn vật, đau đớn chỉ diễn ra trong suy nghĩ của ông Hai chứ không được ông nói lên thành lời.

ĐỀ 36

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	D
	2	E
	3	E
2		D

3	1	B
	2	C
4		E - (a)

ĐỀ 37

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1		A
2		Đoạn 1: Từ đầu đến "... không muốn bắt nó về" Đoạn 2: Từ "Sáng hôm sau..." đến "...từ từ tụt xuống" Đoạn 3: Từ " Sau đó chúng tôi..." đến hết
3	1	C, D
	2	B
4		A(1) - B(3) - C(4); A(2) - B(1) - C(3) A(3) - B(4) - C(2); A(4) - B(3) - C(1)
5		(a) không nhận ra cha (b) vết sẹo trên mặt (c) như với người xa lạ (d) trào dâng mãnh liệt (e) cho em một chiếc lược (g) "Yêu nhớ tặng Thu con của ba" (h) chỉ nhắm được mắt
6		1) Chính Hữu 2) 1948 3) Bài thơ về tiểu đội xe không kính 4) 1969 5) Huy Cận 6) 1958 7) Bằng Việt 8) 1963 9) Nguyễn Khoa Điềm 10) 1971 11) Ánh trăng 12) 1978
7		1) Làng 2) 1948 3) Nguyễn Thành Long 4) 1970 5) Chiếc lược ngà 6) 1966

ĐỀ 38

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	a) Phân tích; b) Tổng hợp
	2	a) A. Phân tích, B. Tổng hợp; b) Mẫu: <i>Đọc sách là phương tiện giúp con người tích lũy tri thức, nâng cao nhận thức, gặt hái thành công trong cuộc sống và sự nghiệp.</i>
	3	a) [6] b) Sắp xếp thứ tự: câu [3] -> [1] -> [2] -> [4] -> [5] -> [7] -> [8] -> [6].
	4	a) A b) A
	5	Mẫu: a) <i>Đời người thật dài nhưng không phải là vô hạn. Mỗi một phút, một giờ đi qua là quý thời gian của một đời người bị rút ngắn lại.</i> b) <i>Nếu chúng ta biết sắp xếp thời gian một cách hợp lí thì từng giây, từng phút trôi qua đều có giá trị. Tận dụng từng giây từng phút góp phần làm cho cuộc sống có ý nghĩa hơn, ấy là chúng ta đã kéo dài sinh mệnh của chính mình.</i> c) <i>Nếu nói quý trọng thời gian mà không hành động thì chỉ là nói suông. Đặc điểm của thời gian là không thể quay ngược lại, không thể cất để dành. Hôm qua là lịch sử, ngày mai lại chưa đến. Chỉ có hiện tại mới có thể làm được những gì bạn muốn. Do vậy, để thực hiện ước mơ, hoài bão, phải hành động, hành động ngay từ bây giờ.</i>
	6	Mẫu: <i>Thế nhưng, không phạm sai lầm như thế liệu có giá trị gì không? Chỉ bằng, sau khi có sai lầm hãy rút ra bài học, sửa chữa sai lầm để lần sau hành động đúng hơn, tốt hơn, đó mới là thái độ sống tích cực.</i>

ĐỀ 39

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	Điền: [1]: (1924-2003) [2]: Hà Nội [3]: nhà văn, nhạc sĩ [4] giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.
	2	C
	3	B
	4	...cho cả thời đại họ một cách sống của tâm hồn.
	5	Từ Chúng ta nhận rõ cái kì diệu ... đến hết bài.
	6	C
	7	B

	8	D
	9	A, B
	10	B
	11	A, C điền C ; B, D điền K
	12	C, D, E
2	1	Điền: a) [1] không tham gia, [2] thành phần biệt lập b) cách nhìn nhận c) tâm lí
	2	a) Chao ôi: hồi hận, nuối tiếc b) Ô: ngạc nhiên c) Ôi: đau xót d) Trời ạ: ngạc nhiên pha chút bức bối e) ôi chao: chán nản, ngao ngán g) Chà: lo lắng, bối rối h) trời đất ơi: đau đớn, hụt hẫng
	3	a) Thà rằng: thái độ phải chấp nhận một sự lựa chọn nào đó b) có lẽ: độ tin cậy chưa cao c) khó mà tin được rằng: độ tin cậy tương đối cao d) hình như: độ tin cậy thấp e) may ra: độ tin cậy rất thấp g) tựa hồ như: độ tin cậy thấp h) có lẽ: độ tin cậy chưa cao.
	4	Sắp theo thứ tự từ: may ra - hình như, tựa hồ như - có lẽ - khó mà tin được rằng
	5	C
	6	Mẫu: a) Ôi , tôi không... đâu! ; b) Chà chà , hôm nay... quá! ; c) Ôi chao , chú bé... thiên thần nhỏ .
	7	Điền: a) Thật tình; b) Tiếc rằng; d) Eo ôi
	8	a) ngạc nhiên: Trời đất, cô ấy chơi đàn hay quá! b) thán phục: Ôi chao, cô ấy - cô ấy chơi đàn hay làm sao
	1	B
	2	E
3	3	- Các sự việc, hiện tượng có thể làm đề bài nghị luận: [2], [3] [5], [6], [7], [12] và [13].

	4	a) A, B, D, E, H, I, L, M, N điền C; C, G, K điền K b) Sắp xếp các ý như sau: B → A → D → I → E → H → M → L c) Mẫu: Làm bài thi, kiểm tra một cách nghiêm túc là hành động của một học sinh trung thực, cầu tiến bộ. Quay cóp trong thi cử là một thói xấu. Chúng ta hãy quyết tâm loại trừ thói xấu đó để góp phần nâng cao chất lượng học tập và hình thành một cách sống trung thực.
--	---	--

ĐỀ 40

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	B
	2	B. Bối cảnh thế giới hiện nay và những mục tiêu, nhiệm vụ nặng nề của đất nước. C. Những điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam cần được nhận rõ khi bước vào nền kinh tế mới
	3	C
	4	D
	5	Điền tri thức, trí tuệ
	6	khoanh A, C, E
	7	G
	8	Nối: A(1) - B(4); A(2) - B(1) A(3) - B(2); A(4) - B(3)
	9	E
	10	B
	11	C
	12	A
	13	D
2	1	A điền S; B, C điền Đ
	2	- Các vấn đề có thể làm đề bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí: [1], [4], [6], [7], [8], [9], [11], [12], [15], [16] - Các vấn đề còn lại có thể làm đề bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.
	3	a) B; b) B

ĐỀ 41

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	a) C ; b) B

	2	a) Phép thế: <i>người thanh niên - người con trai ấy</i> <i>hoạ sĩ - ông</i> b) Phép lặp từ ngữ: <i>ông - ông</i> Phép thế: Ông Hai - ông c) Phép nối: Và Phép lặp từ ngữ: Người - Người
--	---	--

ĐỀ 42

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	A. Phan Ngọc Hoan (1920 - 1989)
		B. Quê: huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị
		C. Nổi tiếng trong phong trào <i>Thơ mới</i> . Là một trong những tên tuổi hàng đầu của nền thơ Việt Nam thế kỉ XX
		D. Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật năm 1996
		E - <i>Điêu tàn</i> (1937), <i>Ánh sáng và phù sa</i> (1960), <i>Hoa ngày thường - Chim báo bão</i> (1967)
2	2	C
	1	C
	2	Đoạn I: Con cò bé trên tay Đoạn II: Con ngủ / con... đi học / con làm thi sĩ Đoạn III: Con lên rừng xuống bể
3	1	Điền X vào ô "Được"
	2	B
	3	A. Cò trắng đến làm quen / Cò đứng ở quanh nôi / Rồi cò vào trong tổ / cò cũng ngủ / Cánh của cò, hai đứa đắp chung đôi.
		B. Mai khôn lớn, con theo cò đi học / Cánh cò bay theo gót đôi chân
		C. Con làm thi sĩ / Cánh cò trắng lại bay hoài không nghỉ / Trước hiên nhà / Và trong hơi mát câu văn
4	1	B
	2	C
	3	C
5		D. Yêu cầu: Thể hiện được tình cảm sâu sắc, chân thành
		A. (2) Liên kết lôgic
		B - (2) phép đồng nghĩa, trái nghĩa và liên tưởng
5		(3) Phép thế
		(4) Phép nối
		C. Kết bài:.....
5		1.....
		2.....

6		A. <i>Mở bài</i>: Giới thiệu về vấn đề tư tưởng đạo lí cần bàn luận. B. <i>Thân bài</i>: * Giải thích, chứng minh vấn đề đã nêu. * Nhận định, đánh giá vấn đề đó trong bối cảnh của cuộc sống nói chung. C. <i>Kết bài</i>: Kết luận, tổng kết, nêu nhận thức của mình, nêu ý nghĩa của vấn đề, tỏ ý khuyên bảo hoặc tỏ ý hành động.
---	--	--

ĐỀ 43

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	C
	2	Điền: A. <i>Mùa xuân nho nhỏ</i> B. <i>Viếng lăng Bác</i>.
2	1	Điền: (1) - say sưa, triu mến (2) - hồi hải phản chân (3) - thiết tha trầm lắng.
	2	Phần đầu (6 câu đầu): Cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên đất trời. Phần thứ hai (hai khổ thơ tiếp theo): Cảm xúc về mùa xuân đất nước. Phần thứ ba (hai khổ thơ tiếp theo): khát vọng hoà nhập và cống hiến. Phần thứ tư (khổ thơ còn lại): lời ngợi ca quê hương đất nước.
	3	a) <i>Ngày xuân con én đưa thoi</i> <i>Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi</i> <i>Cỏ non xanh tận chân trời</i> <i>Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.</i> b) A c) C d) C
	4	a) B. b) C
	3	1 C
		2 A
		3 A
		4 a) C b) C
		5 B
		6 C
4	1	Điền: A - S; B - Đ; C - Đ.
	2	A, C

	3	C
	4	D

ĐỀ 44

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	A. Tạo vật, đất trời
		B. Những đổi thay
		hương ổi
		phả vào trong gió
		gió
		se
		sương
		chùng chình
		sông
		dềnh dàng
		chim
		vội vã
		đám mây mùa hạ
		vắt nửa mình sang thu
		nắng
		vẫn còn
		cơn mưa
		đã vơi dần
		sấm
		bớt bất ngờ
	2	A, B, D
2	1	A(1) - B(3); A(2) - B(1); A(3) - B(4); A(4) - B(2)
	2	C
3		Yêu cầu viết đủ ý, diễn đạt lưu loát, dùng ngữ pháp, chính tả
4		Hàm ý của người nhà lí trưởng: Anh ta lại sắp giả vờ ốm để trốn sưu đây.
5	1	Nội dung và nghệ thuật
	2	Ngôn ngữ, hình ảnh, giọng điệu
	3	a) mạch lạc, rõ ràng b) gợi cảm, thể hiện được rung động chân thành của người viết.
6		A - Mở bài; B. Thân bài; C. Kết bài

ĐỀ 45

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	Điền: a - 1; b - 5; c - 2; d - 4; e - 6; g - 8; h - 3 i - 9; k - 7; l - 11; m - 10.
	2	Điền: Cột A: Đồng chí; Cột B: Đoàn thuyền đánh cá, Con cò, Bếp lửa; Cột C: Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Khúc hát ru những em bé sống trên lưng mẹ, Cột D: Viếng lăng Bác, Ánh trăng, Mùa xuân nho nhỏ, Sang thu, Nói với con.
	3	Khoanh tròn D
	4	Điền: A - TT; B - LM; C - TT; D - TL.
2		Khoanh tròn A

ĐỀ 46

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	A, C, G điền S ; B, D, E điền Đ
	2	Nối: A(1) - B(2) A(2) - B(6) A(3) - B(7) A(4) - B(8) A(5) - B(4) A(6) - B(11) A(7) - B(3) A(8) - B(12) A(9) - B(10) A(10) - B(1) A(11) - B(9) A(12) - B(5)
	3	Theo số thứ tự trong bảng: (1) Phong cách Hồ Chí Minh (2) Ca Huế trên sông Hương (3) Mẹ tôi (4) Bài toán dân số (5) Đấu tranh cho một thế giới hoà bình (6) Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000 (7) Bức thư của thủ lĩnh da đỏ (8) Ôn dịch, thuốc lá (9) Động Phong Nha (10) Cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử (11) Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em (12) Cuộc chia tay của những con búp bê (13) Cổng trường mở ra
2	1	Điền: a) [1] Tình mẹ che chở, nâng niu con buổi ấu thơ, [2] Tình mẹ ở lại cùng con suốt cả cuộc đời. b) [1] Cảm xúc của tác giả về mùa xuân đất nước, [2] Cảm nghĩ về mùa xuân của mỗi con người và ý nguyện cống hiến của tác giả. c) [1] Từ sự quan sát miêu tả mùa thu, [2] đến những suy ngẫm, triết lí sâu sắc về cuộc sống, đời người. d) [1] Cảm xúc trước hình ảnh dòng người bất tận vào lăng viếng Bác, [2] Tâm trạng lưu luyến, niềm mong ước được ở mãi bên lăng Bác. e) [1] Những đức tính tốt đẹp của "người đồng mình", [2] Lời dặn dò, mong ước của người cha.
	2	Nối: A(1) - B(3) A(2) - B(4) A(3) - B(1) A(4) - B(5) A(5) - B(2)
	3	C
	4	Con dù lớn vẫn là con của mẹ Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con
	5	Một mùa xuân nho nhỏ Lặng lẽ dâng cho đời
	6	C
	7	A

ĐỀ 47

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1		A. 1930-1989

		B. Huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An C. Ông là một trong những cây bút văn xuôi tiêu biểu của nền văn học kháng chiến chống Mĩ. Sau năm 1975, sáng tác của Nguyễn Minh Châu, đặc biệt là các truyện ngắn, đã có những tìm tòi quan trọng về tư tưởng và nghệ thuật, góp phần đổi mới văn học nước nhà. D. Được nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật, năm 2000 E. <i>Cửa sông, Dấu chân người lính, Mảnh trăng cuối rừng,...</i>
2		D
3	1	- Bên kia những hàng cây bằng lăng, tiết trời đầu thu đem đến cho con sông Hồng màu đỏ nhạt, mặt sông như rộng thêm ra. Vòm trời cũng như cao hơn. Những tia nắng sớm đang từ từ di chuyển từ mặt nước lên những khoảng bờ bãi bên kia sông, và cả một vùng phù sa lâu đời của bãi bồi ở bên kia sông Hồng lúc này đang phô ra [...] một thừa màu vàng thau xen với màu xanh non. - Suốt đời Nhĩ đã từng đi tới không sót một xó xỉnh nào trên trái đất, đây là một chân trời gần gũi, mà lại xa lắc vì chưa hề bao giờ đi đến - cái bờ sông Hồng ngay trước cửa sổ nhà mình.
	2	- lần đầu tiên Nhĩ để ý thấy Liên đang mặc tấm áo vá. - <i>Nhĩ chợt nhớ ngày[...] cười Liên [...] Liên vẫn mặc áo nâu và khăn mỏ quạ. ... Bây giờ Liên đã trở thành một người đàn bà thị thành. Tuy vậy, cũng như cánh bãi bồi đang nằm phơi mình bên kia, tâm hồn Liên vẫn giữ nguyên vẹn những nét tần tảo chịu đựng hi sinh từ bao đời xưa và cũng chính nhờ có điều đó mà sau nhiều ngày tháng bôn tẩu, tìm kiếm... Nhĩ đã tìm thấy được nơi nương tựa trong những ngày này.</i>
4	1	B, C
	2	B

5	1	* Nhìn thấy hoa bằng lăng ngoài cửa sổ nhận ra có một bến quê mà mình chưa bao giờ đặt chân tới. * Nhìn thấy vợ mặc áo vá, tay gầy, trào dâng niềm ân hận thương cảm. * Nhĩ nhờ con thực hiện khát vọng: được đặt chân lên bến quê. * Nhĩ nhờ lũ trẻ diu ra cửa sổ để nhìn "cái miền đất hứa". * Thấy cậu con trai sà vào bàn cờ, nghĩ về những sai lầm của con người với nỗi ân hận đau đớn. * Nhĩ nhớ đến ngày cưới Liên, tìm thấy nơi nương tựa là gia đình. * Nhĩ tưởng tượng mình được đặt chân lên "miền đất mơ ước".
	2	B
	3	Nhà văn đã gửi gắm vào nhân vật nhiều điều suy ngẫm, triết lí về cuộc đời và con người. Những chiêm nghiệm, triết lí đó đã được chuyển hoá vào trong đời sống nội tâm của nhân vật, với diễn biến của tâm trạng, dưới sự tác động của hoàn cảnh.
6		E
7	1	Khởi ngữ; về, đối với
	2	Thành phần biệt lập
	3	Thành phần tình thái
	4	Thành phần cảm thán
	5	Thành phần gọi - đáp
	6	Thành phần phụ chú
8		a)- phép thế (cô bé - nó), phép lặp từ ngữ (cô bé) b) - phép thế (thằng con trai - thằng bé; thằng bé - nó), phép liên tưởng (Suốt đời Nhĩ cũng đã từng chơi phá cờ thế trên nhiều hè phố, thật là không dứt ra được.), phép lặp từ ngữ (Chơi phá cờ thế, Nhĩ, thằng con trai) c) Phép lặp từ ngữ (Liên), phép nối (Tuy vậy) - Phép lặp từ ngữ (Liên), phép nối (Tuy vậy)
9	1	a) Bệnh tình của người nhà anh tuy nặng nhưng chúng tôi sẽ cố gắng hết sức. b) Sẽ không bao giờ có chuyện hôn nhân giữa hai chúng ta.
10	1	A, B, D, G
	2	A, B
	3	A, C
	4	A, B, C
	5	A

6	- Tóm tắt những nét độc đáo của bài thơ. - Nêu cảm nghĩ của em về bài thơ. - Cảm ơn cử tọa đã chú ý lắng nghe.
7	G

ĐỀ 48

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	B
	2	A
2		A. Công việc: Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. B. Thời gian làm việc: Đơn vị thường ra đường lúc mặt trời lặn. Và làm việc có khi suốt đêm. Còn chúng tôi thì chạy lên cao điểm cả ban ngày. C. Nhân lực: Chúng tôi có ba người. Ba cô gái.
3		D
4	1	A, B, C, D
	2	B
5	1	A. Không có gì cô đơn và khiếp sợ hơn khi bom gào thét chung quanh mà không nghe một tiếng trả lời nào dưới đất. Dù chỉ là tiếng súng trường thôi, con người cũng thấy mệnh mông bên mình một sự che chở đồng tình. B. Vững lặng đến phát sợ. Cây còn lại xơ xác. Đất nóng. Khói đen vờ vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì từ xa. Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không?[...] Tôi đến gần quả bom. Cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ dõi theo mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. C. Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Đất rắn. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thình thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người, cửa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành.
	2	A, C
6	1	C
	2	A
	3	A
	4	A
	5	A, B, C, D, E, G
7	1	B
	2	A, B, C
	3	A

8		Yêu cầu: Dàn ý nêu đầy đủ các phần; hệ thống luận điểm, luận cứ rõ ràng, mạch lạc, chặt chẽ.
9		Từ A đến E nếu nêu cụ thể như yêu cầu, tính mỗi mục 10 điểm
10	1	Điền: ghi chép một cách trung thực, chính xác, đầy đủ một sự việc đang xảy ra hoặc vừa mới xảy ra
	2	C
	3	A, B, C, D
	4	D

ĐỀ 49

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	Các từ loại: Danh từ, động từ, tính từ, chỉ từ, đại từ, số từ, lượng từ, phó từ, quan hệ từ, trợ từ, thán từ, tình thái từ.
	2	B
2	1	Mô hình cụm danh từ
		Phần trước Phần trung tâm Phần sau
		t1 t2 T1 T2 s1 s2
	2	A điền DT; B điền TT; C điền ĐT

ĐỀ 50

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	A. Kim Lân, 1948 B. Nguyễn Thành Long, 1970 C. Nguyễn Minh Châu, 1985 D. Lê Minh Khuê, 1971 E. Nguyễn Quang Sáng, 1966
		Tên tác phẩm Nhân vật chính Ngôi kể
		Làng ông Hai Ngôi thứ ba
		Lặng lẽ Sa Pa anh thanh niên Ngôi thứ ba
		Chiếc lược ngà bé Thu, ông Sáu Ngôi thứ nhất
	2	Bến quê Nhĩ Ngôi thứ ba
		Những ngôi sao xa xôi Phương Định Ngôi thứ nhất
	3	C, D, E
2	1	A điền VN; B điền CN; C điền TR; D điền KH; E điền TT; G điền CT; H điền GD; I điền PC
	2	Điền: (1) C; (2) B; (3) B; (4) C; (5) P; (6) P
3	1	điền đầy đủ 5 kiểu câu: Nghi vấn, cầu khiến, cảm thán, trần thuật, phủ định

	2	(A) rút gọn câu; (B) mở rộng câu; (C) Thêm trạng ngữ cho câu; (D) dùng dụng cụ chủ - vị để mở rộng câu.
4	1	A,B điền Đ; C,D,E điền G
	2	C
	3	Không
	4	A - nguyên nhân; B - nhượng bộ; C - điều kiện ; D - Tương phản

ĐỀ 51

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	Điền:: 1: (a) - Kim Lân; (b) - 1948; (c)- ông Hai; (d) - thể hiện tình yêu làng quê sâu sắc, thống nhất với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến của người nông dân; (e) - Bút pháp miêu tả tâm lí nhân vật, xây dựng tình huống đặc sắc, sử dụng lời ăn tiếng nói hàng ngày của nhân dân. 2: (a) - Nguyễn Thành Long; (b) - 1970; (c) - anh thanh niên; (d) - ca ngợi những người lao động thầm lặng, có cách sống đẹp, cống hiến sức mình cho đất nước; (e)- Tác phẩm giàu chất trữ tình. 3: (a) - Lê Minh Khuê; (b)- 1971; (c) - Phương Định; (d) - ca ngợi tâm hồn trong sáng giàu mộng mơ, tinh thần dũng cảm đầy lạc quan của các nữ chiến sĩ thanh niên xung phong trên đường Trường Sơn trong kháng chiến chống Mĩ; (e) - Cách kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ sinh động trẻ trung và miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế. 4: (a) - Nguyễn Minh Châu; (b) - 1985; (c) - Nhĩ; (d) - Thức tỉnh ở mọi người sự trân trọng những giá trị và vẻ đẹp bình dị, gần gũi của cuộc sống của quê hương; (e) - xây dựng thành công các tình huống nghịch lí, các hình ảnh giàu tính biểu tượng, miêu tả tâm lí nhân vật sâu sắc tinh tế.
	2	Nối: A(1) - B(3); A(2) - B(2); A(3) - B(1) A(4) - B(4)
	3	Mẫu: Bến quê là tất cả những gì gần gũi, thân thiết nhất, đẹp đẽ nhất, cần thiết nhất với mỗi con người, là nơi ta sinh ra, nuôi ta lớn lên thành người, nhận ta về khi nhắm mắt xuôi tay. Vậy mà thời tuổi trẻ ta đã không nhận ra được vẻ đẹp và giá trị đích thực của nó. Bến quê chính là quê hương, là những gì rất giản dị, gần gũi và bền vững.
2	1	B
	2	C

3	1	C
	2	Nội dung hàm ý: vợ tôi cũng sắp nổi cơn tam bành lên rồi.

ĐỀ 52

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1		Đánh dấu x và điền vào bảng như sau: 1) An-phông-xơ Đô-đê - Pháp - truyện ngắn 2) I Ê-ren-bua Liên Xô (cũ) - tùy bút 3) Lí Bạch - Trung Quốc - thơ 4) Lí Bạch - Trung Quốc - thơ 5) Hạ Tri Chương - Trung Quốc - thơ 6) Đỗ Phủ - Trung Quốc - Thơ 7) Ru-xô - Pháp - Nghị luận xã hội 8) Mô-li-ê - Pháp - kịch 9) An-đéc-xen - Đan Mạch - truyện ngắn 10) Xéc-van-téc - Tây Ban Nha - tuyển thuyết 11) O Hen-ri - Mĩ - truyện ngắn 12) Ai-ma-tốp - Cư-rơ-gu-xtan - truyện ngắn 13) Lỗ Tấn - Trung Quốc - truyện ngắn 14) H.Ten - Pháp - nghị luận văn chương 15) M. Go-rơ-ki - Nga - tiểu thuyết 16) Ta-go - Ấn Độ - thơ 17) Đi-phô - Anh - tiểu thuyết 18) Mô-pa-xăng - Pháp - truyện ngắn 19) Lân-đơn - Mĩ - tiểu thuyết
	2	Điền như sau: 1) Văn bản miêu tả 2) Văn bản biểu cảm 3) Văn bản thuyết minh 4) Văn bản tự sự 5) Văn bản nghị luận 6) Văn bản hành chính - công vụ

ĐỀ 53

Bài tập	Câu (ý)	Nội dung trả lời
1	1	A. Truyền miệng, B. Tập thể, C. dị bản
	2	A, B
2	1	Điền: A. từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XII B. từ thế kỉ XIII đến cuối thế kỉ XIX C. bắt đầu từ thế kỉ XX

	2	(1) Văn học phát triển trong môi trường xã hội phong kiến, có nhiều đặc điểm chung về tư tưởng, về quan niệm thẩm mỹ, về hệ thống thể loại, ngôn ngữ; kết tinh được những thành tựu ở những tác phẩm lớn, những tác phẩm xuất sắc cả ở chữ Hán và chữ Nôm. 2)- Khoảng 20 năm đầu thế kỉ XX, văn học phát triển theo hướng hiện đại hoá, có những biến đổi toàn diện và mau lẹ, nhanh chóng kết tinh được những thành tựu xuất sắc cả ở thơ và văn xuôi. (3) Giai đoạn 1945 - 1975: Văn học phục vụ tích cực sự nghiệp cách mạng; nêu cao tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng, lòng nhân ái, đức hi sinh của dân tộc Việt Nam; đóng góp không nhỏ trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh chống đế quốc xâm lược. - Từ sau 1975, văn học bước vào thời kì đổi mới, tiếp cận đời sống một cách toàn diện, tập trung thể hiện con người ở nhiều mặt, nhiều mối quan hệ. Văn học đã có nhiều đổi mới về phương thức thể hiện và ngôn ngữ.
3		A, B, C, D
4	1	A - Chu Quang Tiềm B - Nguyễn Đình Thi C - Vũ Khoan E - Hi-pô-lit Ten
	2	A, B, C, D, E
5	1	Con cò
	2	Mùa xuân nho nhỏ
	3	Viếng lăng Bác
	4	Sang thu
	5	Nói với con
	6	Mây và sóng
6	1	Truyện thuyết
	2	Cổ tích
	3	Chèo
	4	Thơ đường luật
	5	Truyện, kí trung đại
	6	Truyện thơ nôm
	7	Chiếu
	8	Tấu
	9	Hịch
	10	Cáo

ĐỀ 54

Bài tập	Nội dung trả lời
1	Điền: a) Nêu được lí do, lời chúc mừng hoặc lời thăm hỏi và thể hiện mong muốn người nhận điện sẽ gặp những điều tốt lành. b) Chân thành. c) Ngắn gọn, súc tích.
2	Mẫu: a) Mình rất phấn khởi khi nhận được tin Hùng đạt được giải nhất cuộc thi học sinh giỏi quốc gia môn Ngữ văn năm học 2004 - 2005. Xin chúc mừng và mong bạn tiếp tục đạt những thành tích cao trong học tập. b) Được tin Khoa đã trúng tuyển vào đại học. Lan vô cùng phấn khởi và rất tự hào vì có một người bạn học giỏi như vậy. Chúc Khoa dồi dào sức khỏe và đạt kết quả thật cao trên giảng đường đại học. c) Em rất vui mừng và phấn khởi được tin anh đã khai trương cửa hàng điện máy tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chúng mừng anh đã đạt được nguyện vọng trên con đường lập nghiệp. Tin chắc rằng với sự chuyên cần và những kinh nghiệm trong kinh doanh đã được tích lũy, anh sẽ thành công vững chắc trên thương trường. Chúc anh vạn sự như ý.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

PHẦN II - CÁC ĐỀ TỰ LUẬN

Đề 1: Phát biểu cảm tưởng sau khi học truyện *Tôi đi học* của Thanh Tịnh.

PHÂN TÍCH ĐỀ

- Đây là loại đề biểu cảm: phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học. Tuy nhiên cảm nghĩ, cảm tưởng về tác phẩm phải xuất phát từ việc hiểu nội dung tư tưởng, hiểu các chi tiết trong tác phẩm, phải biết phân tích, bình giá các chi tiết đó. Do vậy để làm được đề văn này, học sinh phải biết kết hợp các thao tác phân tích, chứng minh, bình luận... là các thao tác của một bài nghị luận.

- Đề này đòi hỏi năng lực và tình cảm mang tính cá nhân. Người viết cần phải viết bằng sự chân thực, bằng rung cảm chân thành thì mới có kết quả tốt.

MỘT SỐ Ý CHÍNH

- Phát biểu cảm tưởng về nội dung truyện ngắn: những kỉ niệm trong dòng hồi tưởng của nhân vật "tôi" gợi lại cho ta điều gì? Chúng là của riêng nhân vật "tôi" nhưng gần gũi và thân quen với mỗi chúng ta như thế nào?

- Về chất trữ tình nhẹ nhàng, thấm đượm của truyện; về sự kết hợp hài hoà giữa miêu tả với biểu cảm của ngòi bút văn xuôi Thanh Tịnh.

- Về sức lay động, giá trị lâu bền của truyện *Tôi đi học*.

Đề tham khảo

Hãy kể lại (bằng một bài viết ngắn) một kỉ niệm sâu sắc của mình về ngày tựu trường.

Đề 2: Tình cảm của bé Hồng với mẹ thể hiện trong đoạn trích *Trong lòng mẹ* (Ngữ văn 8, tập 1).

PHÂN TÍCH ĐỀ

- Đây là một dạng trong loại đề nghị luận về nhân vật văn học. Bài viết cần làm rõ (nêu, phân tích, chứng minh) một khía cạnh của nhân vật bé Hồng, đó là tình cảm của em đối với mẹ.

- Bản thân đoạn trích *Trong lòng mẹ* nói riêng và văn chương Nguyên Hồng nói chung rất giàu cảm xúc và chất trữ tình, nhiều khi cảm xúc được bộc lộ một cách say mê, thống thiết, vì vậy tuy chỉ trình bày một khía cạnh nhỏ về tác phẩm cũng phải chỉ ra được yếu tố ấy, mặc dù đề bài không yêu cầu một cách trực tiếp.

MỘT SỐ Ý CHÍNH

Muốn phân tích tình cảm của bé Hồng với mẹ cần dựa vào trình tự bố cục của đoạn trích.

a. Ý nghĩ, cảm xúc của bé Hồng trong đoạn đối thoại với bà cô.

- Khi mới nghe người cô hỏi: có muốn vào Thanh Hoá thăm mẹ không, trong ký ức chú bé lập tức sống dậy hình ảnh người mẹ (dẫn chứng).

- Hành động của bé "cúi đầu không đáp", đó là sự phản ứng thông minh xuất phát từ lòng thương yêu mẹ, muốn bảo vệ mẹ trước những lời châm chọc cay nghiệt của người cô.

- Diễn biến tâm trạng của bé Hồng khi nghe những câu nói tiếp theo của người cô: từ chỗ lòng chú bé thất lại, khoé mắt chú cay cay đến sự đau đớn phần uất không nén nổi “Nước mắt tôi ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hoà đầm đìa ở cằm và ở cổ” đến tâm trạng phần uất lên đến cực điểm khi nghe người cô cứ tươi cười kể tình cảnh khổ sở đáng thương của mẹ mình (dẫn chứng).

Diễn biến tâm trạng ấy chứng tỏ chú bé vô cùng thương mẹ. Chú không chỉ thông cảm với hoàn cảnh của mẹ, xót xa khi mẹ chú đau khổ mà còn biết cảm uất những gì đã đầy đoạ mẹ chú.

b. Cảm giác sung sướng cực điểm khi được ở trong lòng mẹ:

- Phân tích hình ảnh chú bé hồng học đuối theo chiếc xe, chú oà khóc khi được trèo lên xe ngồi với mẹ. Những giọt nước mắt lần này khác hẳn những giọt nước mắt khi trả lời bà cô. Đây là những giọt nước mắt dỗi hờn mà hạnh phúc, tức tưởi mà mãn nguyện. Nó chứng tỏ chú khát khao được gặp mẹ biết chừng nào.

- Phân tích cảm giác sung sướng cực điểm của chú bé khi được ở trong lòng mẹ (trích dẫn đoạn văn). Cảm giác sung sướng cực điểm của đứa con khát tình mẹ như người bộ hành trên sa mạc khát nước nay bỗng nhiên được ở trong lòng mẹ được Nguyên Hồng diễn tả bằng cảm hứng đặc biệt say mê cùng những rung động vô cùng tinh tế. Nó tạo ra một không gian của ánh sáng, màu sắc của hương thơm vừa lạ lùng vừa gần gũi. Nó là hình ảnh về một thế giới đang bùng nổ, đang hồi sinh, một thế giới dịu dàng kỉ niệm và ấm áp tình mẫu tử.

downloadsachmienphi.com

Đề tham khảo

“Văn xuôi Nguyên Hồng giàu chất trữ tình, nhiều khi đạt dào những cảm xúc thiết tha, rất mực chân thành”. Em hiểu điều ấy như thế nào qua đoạn trích *Trong lòng mẹ*.

Đề 3: Phân tích nhân vật chị Dậu trong đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* (trích *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố) trong sách giáo khoa *Ngữ văn 8*, tập 1.

PHÂN TÍCH ĐỀ

- Dạng đề nghị luận văn học.
- Phân tích nhân vật chị Dậu trong đoạn trích *Tức nước vỡ bờ*.

MỘT SỐ Ý CHÍNH

- Chị Dậu là người thương yêu chồng con tha thiết: chăm sóc chồng..., đối phó với tên tay sai để bảo vệ chồng (dẫn chi tiết - phân tích).
- Chị biết nhẫn nhục chịu đựng nhưng cũng sắc sảo, mạnh mẽ, và tiềm tàng tinh thần phản kháng (dẫn chi tiết - phân tích).
- Chị Dậu mang vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam, tiêu biểu cho tầng lớp phụ nữ nông dân giàu sức sống dưới ách áp bức của chế độ thực dân nửa phong kiến.

Đề 4: Đọc *Tắt đèn*, nhà nghiên cứu phê bình văn học Vũ Ngọc Phan nhận xét: *Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo*. Em hiểu ý kiến đó như thế nào?

PHÂN TÍCH ĐỀ

- Đây là dạng đề nghị luận về một đoạn - *chi tiết-tình huống* trong tác phẩm truyện. Học sinh phải trình bày ý kiến của mình về một yếu tố của tác phẩm. Yếu tố này lại đã được *định tính, định giá*.

Lưu ý: nếu không có sự lượng định này, người viết sẽ phải phân tích, chứng minh, bình luận để tự định.

- Chữ "*tuyệt khéo*" mà nhà nghiên cứu phê bình văn học Vũ Ngọc Phan dùng cần hiểu là sự đánh giá, tâm đắc trước câu chuyện được diễn tả và nghệ thuật diễn tả của Ngô Tất Tố.

MỘT SỐ Ý CHÍNH

- Sự dồn nén, "*tức nước*" để dẫn đến "*vỡ bờ*" được Ngô Tất Tố diễn tả rất tự nhiên, hợp lí.

- Nghệ thuật diễn tả diễn biến câu chuyện, hành động cũng thật tài tình, sinh động. Chú ý cách diễn tả theo lối tăng tiến, những lời đối thoại của cai lệ và chị Dậu. Đoạn văn này sinh động như một màn kịch ngắn.

Đề tham khảo

Phân tích nhân vật cai lệ trong đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* (trích *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố) trong sách giáo khoa *Ngữ văn 8*, tập 1.

Đề 5: Phân tích nhân vật lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao (*Ngữ văn 8*, tập 1)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BÀI LÀM

Lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên là một trong những nhân vật sống đời của Nam Cao.

Lão Hạc, một nông dân nghèo khổ, cùng quẩn, nhưng không bị biến chất như Chí Phèo, mà trái lại có một tâm hồn đẹp, một nhân cách cao thượng.

Lão sống một thân một mình trong cô đơn, vất vả. Lão chỉ có đứa con trai duy nhất để nương tựa tuổi già thì anh ta lại phần chí bỏ đi phu đồn điền cao su - "cao su đi để khó về". Lão Hạc đành thui thủi làm thuê, làm mướn kiếm ăn lần hồi, đồng thời cố nhặt nhạnh, dành dụm cho con.

Nhưng một trận ốm đã làm lão trở nên tay trắng. Sức yếu dần, "những công việc nặng không làm được nữa", việc nhẹ thì "đàn bà tranh hết". Lão Hạc không có việc. Rồi lại bão. Hoa màu trên mảnh vườn bị phá sạch sành sanh. Gạo cứ kém dần. "Một lão với một con chó, mỗi ngày ba hào gạo mà gia sự còn đói deo đói dặt...". Cuối cùng lão phải ăn khoai. Khoai cũng hết. Bắt đầu từ đây, lão làm được món gì, ăn món ấy. Hôm thì lão ăn củ chuối, hôm thì lão ăn sung luộc, hôm thì ăn rau má, với thỉnh thoảng một vài củ ráy, hay bữa trai, bữa ốc.

Thực ra tình cảnh lão Hạc đã làm gì bé tắc đến thế. Lão còn mảnh vườn đó, con chó vàng đó, có thể bán đi mà tiêu. Nhưng lão sống vì con chứ đâu vì mình. Điều này mấy ai đã hiểu cho lão. Người ta chỉ thấy lão lắm cảm. Có ông giáo hàng xóm là người có lòng ái ngại, nhưng vừa bày tỏ với vợ đã bị thị gạt phắt ngay: “Cho lão chết! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ! Nhà mình sung sướng gì mà giúp lão? Con mình cũng đói...”. Còn Binh Tư, một gã lưu manh chuyên đánh bả chó thì lại lấy làm khoái chí khi thấy lão đến xin mình một ít bả. Hẳn tưởng đâu lão Hạc “đói quá hoá liều” cũng quay sang trộm cắp như hắn. Hẳn bĩu môi: “Lão làm bộ đấy! Thật ra thì lão chỉ tâm ngảm thế, nhưng cũng ra phết chứ chẳng vừa đâu”. Ngay đến ông giáo tuy hiểu lão Hạc hơn cả mà cũng đâm ra nghi ngờ.

Người ta chỉ hiểu lão khi lão đã chết rồi. Lão tự tử bằng nắm bả chó của Binh Tư. Lão chết đi nhưng sẽ còn sống mãi trong lòng người như một tấm gương đạo đức hiếm có.

Hiếm có người cha nào thương con như lão Hạc. Nghèo khó nhưng lúc nào cũng nghĩ đến bốn phận làm cha, lo làm tròn bốn phận ấy, dẫu có phải chịu khổ, chịu đói và chết bi thảm. Hình ảnh đứa con trai, nỗi lo chu tất cho con luôn ám ảnh, dẫn dắt tâm trí lão. Hồi anh ta còn ở nhà, lão không cho anh ta bán vườn để cưới vợ cũng là xuất phát từ sự tính toán điều hơn lẽ thiệt của bậc làm cha. Thực ra lão dần lòng lắm. Bởi đạo làm cha phải lo cho con một người vợ, một căn nhà - một tổ ấm gia đình. Song tình cảnh lão thì lo chưa chu toàn được. Anh con trai phần chí ra đi, ngày về khó hẹn, lão lại đã già. Đã bao lần, lão ngỏ tâm sự này với ông giáo: tiền hoa lợi trong vườn, tiền bán con chó vàng, mảnh vườn, lão không dám đụng đến, vì đây là tiền của con, là tiền mà người làm cha phải để lại cho con. Nếu không, không phải “đạo”. Đã bao lần lão tính tiền bốn vườn của con, “không cho bán là ta chỉ có ý giữ cho nó, chứ có phải giữ để ta ăn đâu! ... Ta bòn vườn của nó, cũng nên để ra cho nó, đến lúc nó về, nếu nó không đủ tiền cưới vợ thì ta thêm vào cho nó, nếu nó có đủ tiền cưới vợ thì ta cho vợ chồng nó để có chút vốn mà làm ăn”. Lão đã làm y như thế. Thà ăn khoai, ăn củ chuối, củ ráy... chứ lão không ăn vào tiền của con, không chịu bán mảnh vườn của con. Bao nhiêu tiền nhặt nhanh được từ mảnh vườn, lão gửi tất cả nhờ ông giáo giữ hộ. Rồi lão chết để không bao giờ phải đụng đến. Ôi, lão Hạc, con người bề ngoài thì có vẻ tiêu tụy và gàn dở như vậy mà thật giàu tình nặng nghĩa. Mà đâu chỉ đối với đứa con. Tấm lòng nhân hậu của lão còn thể hiện ở cái tình rất nặng với con chó vàng mà lão gọi là “cậu Vàng” như một bà hiếm hoi gọi đứa con cầu tự. Cứ xem cái cách lão nựng con chó: “À không! À không! Cậu Vàng của ông ngoan lắm! Ông không cho giết... ông để cậu Vàng ông nuôi”..., hay cái vẻ mặt vô cùng đau khổ của lão khi kể cho ông giáo nghe lão đã bán con chó. “Mặt lão tự nhiên co dúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít”, đủ thấy lão thương xót con chó và cảm thấy mình có tội như thế nào khi phải bán nó đi.

Chân thật, chất phác, đôn hậu, tràn đầy tình thương và trách nhiệm, lão Hạc cũng thật giàu lòng tự trọng. Đối với ông giáo, người lão tin tưởng và quý trọng đến thế, lão cũng vẫn giữ ý để khỏi bị coi thường. Lão dúi đấy, lão phàn nàn “kiếp người như lão cũng khổ như kiếp chó” đấy, nhưng khi ông giáo mời lão ăn khoai, uống nước chè tươi, lão đã từ chối. Lão dứt khoát “từ chối tất cả”. Khi ông giáo giấu vợ, thỉnh thoảng muốn ngấm ngấm giúp đỡ lão một chút gì, lão từ chối “một cách gần như hách dịch”. Rồi lão cứ cố ý xa ông giáo dần dần.

Cuối cùng thì lão Hạc chết. Chủ động tìm đến cái chết, một cái chết bi thảm, khốc liệt nhưng là cái chết của một con người cao quý. Bởi qua cái chết này, tất cả những phẩm giá cao đẹp của lão ánh lên, chiếu sáng thắm thắm vào lòng người.

Gần đây người ta đã dựng phim về các nhân vật của Nam Cao - phim *Làng Vũ Đại ngày ấy*. Nhà văn Kim Lân được mời đóng vai lão Hạc. Kim Lân đã nghiền ngẫm kĩ về nhân vật của mình. Ông nói: “Lão Hạc không chỉ là một người nghèo, đó là một con người có nhân cách, tự trọng và bất khuất”. Chúng ta cũng hoàn toàn đồng ý với Kim Lân. Ta còn thấy rằng con người ấy với những phẩm chất ấy đã cho ta những suy nghĩ sâu sắc. Cái chết của lão Hạc đã để lại cho chúng ta, cùng với nỗi xót thương vô hạn là nhiều bài học quý. Bài học sâu sắc nhất là trong bất kì thân phận nào, hoàn cảnh nào cũng phải giữ danh hiệu con người cao quý. Giữa người với người, phải có trách nhiệm với nhau hơn, phải hiểu biết để đánh giá đúng và cảm thông với người khác hơn, phải tin tưởng hơn ở con người và cuộc đời. Và phải biết căm ghét xã hội bất công, những thế lực độc ác vùi dập, đẩy đổ những con người như lão Hạc.

Vợ ông giáo từng nói về lão Hạc: “Cho lão chết! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ. Lão làm lão khổ chứ ai làm lão khổ!”. Nhưng thực ra sống làm người, có những điều dù khổ, dù phải tự làm khổ mình, cũng phải giữ. Chết cũng giữ! Đó là những điều thuộc về đạo lí, nhân cách làm người như lão Hạc đã giữ. Cho nên đã hơn 60 năm (truyện *Lão Hạc* ra đời năm 1943), lão Hạc vẫn sống cùng chúng ta, sẽ còn sống cùng chúng ta. Và dấu cho cuộc đời này còn nhiều nỗi đáng buồn nhưng có những con người như lão Hạc thì cuộc đời “chưa hẳn đã đáng buồn”.

Đề 6: Ý nghĩa cái chết dữ dội của lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao.

PHÂN TÍCH ĐỀ

- Đề yêu cầu nghị luận về một chi tiết trong tác phẩm truyện.
- Để lấy một chi tiết trong tác phẩm ra phân tích bình giảng, cần phải hiểu toàn bộ tác phẩm, hiểu bản thân chi tiết ấy, lại phải biết đặt nó trong mối quan hệ với các chi tiết khác. Từ đó chỉ ra vai trò, giá trị của nó trong tác phẩm. Như vậy, muốn phân tích ý nghĩa cái chết của lão Hạc cần hiểu tác phẩm, hiểu nhân vật lão Hạc, đồng thời thấy được mối quan hệ giữa cái chết của lão với tâm hồn, tính cách lão.

MỘT SỐ Ý CHÍNH

1. Nguyên nhân cái chết của lão Hạc.

- Tình cảnh đáng thương và vẻ đẹp đáng kính trọng của nhân vật này:
- Phân tích: Nếu lão là người tham sống, lão còn có thể sống được không?
- Lão Hạc đã âm thầm, chu đáo chuẩn bị cho cái chết như thế nào?
- Tại sao lão lại chọn cái chết đau đớn vật vã (ăn bã chó để chết) đến như vậy?

Trả lời các câu hỏi trên nhằm chứng minh đây là cái chết tự nguyện, xuất phát từ lòng thương con âm thầm mà lớn lao, từ lòng tự trọng đáng kính. Hơn nữa, phải chăng, đây cũng là cách lão Hạc muốn trừng phạt mình vì lão đã trót lừa một con chó.

2. Ý nghĩa cái chết của lão Hạc:

- Cái chết đau đớn này nhằm nói lên tình cảnh đói khổ, bế tắc của người nông dân, có giá trị tố cáo xã hội.
- Lão Hạc chọn cái chết để bảo toàn nhân cách, điều đó thể hiện cái nhìn ưu ái, thái độ xót thương và trân trọng đối với người nông dân của Nam Cao.

Như vậy cái chết của lão Hạc góp phần quan trọng làm nên giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo của tác phẩm.

Đề tham khảo

Về đẹp con người trong truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao.

Đề 7: Có ý kiến cho rằng nguyên nhân cái chết của Vũ Nương là do Trương Sinh căm ghen. Lại có ý kiến khẳng định, đó là do chiến tranh phong kiến... Suy nghĩ của em về nguyên nhân cái chết của Vũ Nương khi đọc *Chuyện người con gái Nam Xương*.

PHÂN TÍCH ĐỀ

- Kiểu bài: Nghị luận văn học.
- Yêu cầu: Em phải nắm vững nội dung, giá trị của tác phẩm, vận dụng những hiểu biết đó để lí giải nguyên nhân cái chết của Vũ Nương một cách thoả đáng. Trong quá trình bộc lộ suy nghĩ, cách lí giải của mình phải kết hợp bình luận, đối chiếu với hai cách lí giải đã nêu ở đầu bài.

DÀN Ý

Mở bài

- Vũ Nương, nhân vật chính trong "*Chuyện người con gái Nam Xương*" là một người phụ nữ nhan sắc, đức hạnh nhưng cuộc đời lại chịu nhiều nỗi oan khiên, ngang trái.

- Xung quanh nguyên nhân cái chết của Vũ Nương có khá nhiều ý kiến không thống nhất. Bài viết muốn nêu lên suy nghĩ của riêng em về nguyên nhân cái chết oan khuất của người phụ nữ này.

Thân bài

1. Tóm lược những sự kiện chính của truyện; phân tích, khái quát những nét chính về nhân vật Vũ Nương:

a) Ngoại hình: dung nhan xinh đẹp.

b) Tính cách, phẩm chất:

- Nết na, thủy mị: nói năng nhỏ nhẹ, giữ gìn khuôn phép, lễ giáo, được mọi người yêu mến.
- Đảm đang tháo vát, hiếu thảo, nhân hậu: một mình nuôi con; thương yêu, phụng dưỡng mẹ chồng, ma chay chu tất, trọn đạo hiếu.
- Thủy chung son sắt: thương chồng thương con, giữ trọn phẩm tiết, một lòng chung thủy chờ chồng.
- Trong sáng, ngay thẳng: bị oan khuất, tự vẫn để giải oan...

c) Một người phụ nữ xinh đẹp, phẩm hạnh như vậy lẽ ra phải được hưởng hạnh phúc nhưng lại có một kết cục thảm thiết. Vậy nguyên nhân nào dẫn đến cái chết của Vũ Nương?

2. Nguyên nhân cái chết của Vũ Nương:

a) Xung quanh cái chết của Vũ Nương có rất nhiều cách lí giải khác nhau. Có hai ý kiến, một khẳng định do Trương Sinh căm ghen, một cho rằng do chiến tranh phong kiến là đều có cơ sở. Tuy nhiên, mỗi ý kiến mới chỉ đứng ở một khía cạnh.

b) Trương Sinh căm ghen là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới cái chết của Vũ Nương: nếu Trương Sinh biết kìm chế nóng giận, sáng suốt suy xét, tin ở vợ chứ không tin vào sự ngạ thơ của con trẻ... kết cục sẽ khác.

c) Chiến tranh phong kiến là nguyên nhân gián tiếp dẫn đến cái chết của Vũ Nương. Có người nói, Vũ Nương chết khi Trương Sinh đã trở về, như vậy không thể nói là Vũ Nương chết do chiến tranh được. Hiểu như vậy là tách rời cái chết của Vũ Nương ra khỏi toàn bộ diễn biến câu chuyện. Chính Trương Sinh phải đi lính xa nhà nên mới xảy ra sự hiểu lầm đáng tiếc.

d) Ngoài ra, do con thơ vô tình hại mẹ, do Vũ Nương yếu đuối, do lễ giáo phong kiến khắt khe... cũng góp phần đẩy Vũ Nương đến cái chết. Song, bao trùm và sâu xa hơn cả, đó là do chế độ xã hội phong kiến đã không bảo đảm được quyền sống, quyền hạnh phúc cho người phụ nữ. Số phận họ mỏng manh; tai họa, oan khiên có thể giáng lên đầu họ bất cứ lúc nào vì những lí do không đâu mà không được bất kì sự bảo vệ nào. Chi tiết "cái bóng" rất ngẫu nhiên, phi lí nhưng chính cái ngẫu nhiên phi lí đó lại đã quyết định số phận một con người. Như vậy, bi kịch của Vũ Nương đã vượt ra khỏi giới hạn bi kịch của một gia đình. Đó là bi kịch số phận của một lớp người trong xã hội. Giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của truyện cũng vì thế mà có tầm khái quát cao hơn.

Kết bài

- Cái chết của Vũ Nương gieo vào lòng người đọc nỗi thương xót những người phụ nữ bất hạnh trong xã hội cũ.

- Trong xã hội ta hôm nay, tuy phụ nữ được pháp luật bảo vệ, Đảng và Nhà nước tạo điều kiện, nhưng vẫn là giới chịu nhiều thiệt thòi, bất hạnh. Đó đây vẫn còn cảnh những người vợ bị chồng, đánh đập tàn nhẫn; những cô gái bị mua bán, dụ dỗ vào con đường làm ăn bất lương; những phụ nữ bị coi thường, rẻ rúng vì tư tưởng trọng nam khinh nữ... Bởi vậy, đấu tranh vì sự bình đẳng nam nữ, sự phát triển của phụ nữ vẫn là cuộc cách mạng lớn

của hôm nay. Yêu thương và giúp đỡ những phụ nữ bất hạnh là lương tâm, trách nhiệm của tất cả chúng ta.

Đề tham khảo

- Em hãy đóng vai Vũ Nương, nhân vật trong tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* kể lại cuộc đời mình.
- Em hãy đóng vai Trương Sinh, nhân vật trong tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* kể lại câu chuyện.

Đề 8: Em hãy phân tích hình ảnh người anh hùng dân tộc Quang Trung - Nguyễn Huệ trong văn bản "Hoàng Lê nhất thống chí, Hồi thứ 14".

PHÂN TÍCH ĐỀ

- Kiểu bài: Nghị luận văn học.
- Yêu cầu: Phân tích, miêu tả hình tượng người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua đoạn trích *Hồi thứ mười bốn*.

DÀN Ý

Mở bài

- Trong lịch sử các triều đại Việt Nam, Quang Trung là một vị vua văn võ toàn tài, có công lao lớn trong sự nghiệp đánh đuổi giặc ngoại xâm.

- Nhân vật lịch sử đó đã đi vào văn chương như một hình ảnh đẹp. Đoạn trích *Hồi thứ mười bốn, Hoàng Lê nhất thống chí* đã làm toát lên vẻ đẹp hào hùng của người anh hùng áo vải trong chiến công lấy lừng đại phá quân Thanh.

Thân bài

1. Quang Trung là một vị vua yêu nước thương dân.

a) Nếu Lê Chiêu Thống là một ông vua hèn hạ, sẵn sàng bán nước để cứu vãn cái ngai vàng sắp sụp đổ của mình thì Quang Trung là một vị vua đầy khí phách. Khi nghe tin quân Thanh kéo sang thôn tính nước ta, vua Quang Trung "giận lắm, liền họp các tướng sĩ, định thân chinh cầm quân đi ngay".

b) Khi nói chuyện với quân lính, ông khẳng định chủ quyền của dân tộc "đất nào sao ấy", chỉ rõ tội ác và âm mưu xâm lược của giặc, nêu cao truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc ta từ thời Bà Trưng, kêu gọi tướng sĩ "đồng tâm hiệp lực để dựng nên công lớn".

Chỉ vài chi tiết nhỏ, tác giả đã gợi mở cho người đọc nhận rõ tác lòng của một vị vua vì nghĩa lớn.

2. Vua Quang Trung là người có trí tuệ sáng suốt, có tầm nhìn xa trông rộng.

a) Ông rất sáng suốt trong việc nhận định thời cuộc. Ông không chỉ tính sẵn "phương lược tiến đánh" mà còn tính sẵn cả kế hoạch ngoại giao sau khi chiến thắng để "dẹp việc binh đao"; sáng suốt trong việc xét đoán và dùng người, khen chê đúng người đúng việc. Lời phủ dụ quân lính của ông như một bài hịch ngắn, ý tứ chặt chẽ, sâu xa, có tác dụng khích lệ lòng yêu nước của nghĩa quân.

b) Quang Trung đặc biệt sáng suốt, nhạy bén trong việc dùng binh: cuộc hành binh thần tốc do nhà vua chỉ huy cho đến nay vẫn làm chúng ta không khỏi kinh ngạc. Chỉ trong ít ngày, ông vừa tuyển quân, vừa tổ chức đội ngũ, duyệt binh, vừa hành quân từ Huế ra Thăng Long. Ông hoạch định trong 7 ngày sẽ vào ăn mừng chiến thắng ở Thăng Long, nhưng chỉ mới 5 ngày, quân Thanh đã đại bại, quân Tây Sơn thắng lợi lấy lừng. Tài dụng binh như thần đã chứng tỏ tầm vóc trí tuệ phi thường của người anh hùng áo vải.

3. Vua Quang Trung là người có ý chí, hành động mạnh mẽ, quyết đoán. Từ đầu đến cuối đoạn trích, ông luôn là một con người hành động, hành động quả quyết với ý chí quyết tâm cao.

a) Từ khi nghe tin giặc kéo đến, chỉ trong vòng một tháng, nhà vua đã làm được biết bao nhiêu việc: "té cáo trời đất", lên ngôi vua, hành quân đánh giặc...

b) Mới khởi binh đánh giặc đã hẹn chắc ngày mừng chiến thắng.

4. Quang Trung là một vị anh hùng lẫm liệt trong chiến trận.

a) Không chỉ ra trận trên danh nghĩa để khích lệ ba quân, hoàng đế Quang Trung thân chinh cầm quân xông pha chốn tên bay đạn lạc. Ông là một vị tổng chỉ huy trực tiếp trên chiến trường: vừa vạch kế hoạch tác chiến, vừa tổ chức quân sĩ, tự mình thống lĩnh một đạo quân, một mũi tiến công, cưỡi voi đi đốc thúc, xông lên phía trước...; đối lập với Lê Chiêu Thống đề hèn. Một vị hoàng đế quyết hi sinh tính mạng để giành lại vận mệnh dân tộc là một hình ảnh cao đẹp về sự quên mình vì nghĩa lớn.

b) Hình ảnh Quang Trung cưỡi voi xông pha giữa trận mạc, áo bào sạm khói súng, thống soái ba quân hiệp đồng tiến đánh từ phía thành Thăng Long khiến quân giặc kinh hồn bạt vía bỏ chạy tháo mạng... là một hình ảnh đầy chất *hùng ca*.

c) Khung cảnh chiến trường với khí thế thừa thắng tiến công rộng khắp của quân Tây Sơn càng tôn lên vẻ đẹp của vị tổng chỉ huy tài giỏi, anh hùng.

Kết bài

- Vua Quang Trung trong đoạn trích là hình ảnh ngời sáng của một vị anh hùng, tiêu biểu cho sức mạnh quật cường của dân tộc Việt Nam.

- Hình tượng vua Quang Trung để lại trong lòng chúng ta niềm tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm của nhân dân ta, cho ta thêm yêu thêm quý và biết ơn những người đã có công lớn với đất nước.

Đề tham khảo

1. Em hãy chỉ ra tình cảm của các tác giả Ngô gia văn phái trong văn bản "*Hoàng Lê nhất thống chí, Hồi thứ 14*" (Ngữ văn 9, tập 1).

2. Dựa vào văn bản "*Hoàng Lê nhất thống chí, Hồi thứ 14*" trong sách *Ngữ văn 9, tập 1*, kết hợp sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm, em hãy đóng vai vua Quang Trung kể lại chuyện đánh bại giặc Thanh xâm lược.

Đề 9: Vẻ đẹp của Thuý Kiều và Thuý Vân qua đoạn trích *Chị em Thuý Kiều*.

PHÂN TÍCH ĐỀ

- Dạng đề: Nghị luận văn học.

– Yêu cầu:

- + Nêu và phân tích vẻ đẹp của Thuý Vân và Thuý Kiều.
- + Nghệ thuật miêu tả của Nguyễn Du.

MỘT SỐ Ý CHÍNH

1. Vẻ đẹp của Thuý Vân: phúc hậu, trang trọng như dự báo trước cuộc đời thuận lợi êm đềm.

– Vẻ đẹp của Thuý Kiều sắc sảo, mặn mà. Là sự kết hợp giữa sắc, tài và tình dự báo số phận lênh đênh, chìm nổi.

2. Bút pháp tả người của Nguyễn Du: sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng, nhưng nhờ tài chọn lọc, sắp xếp các chi tiết, các hình ảnh miêu tả mà mỗi nhân vật có một vẻ đẹp riêng, sinh động, hấp dẫn "mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười".

3. Qua chân dung hai người đẹp trong *Truyện Kiều* hiện ra cái tâm của Nguyễn Du đối với những người phụ nữ đẹp: sự trân trọng, nâng niu.

BÀI VĂN THAM KHẢO

Có thể nói, trong *Truyện Kiều*, dưới ngòi bút miêu tả bậc thầy của thiên tài Nguyễn Du, mỗi nhân vật dù chính diện hay phản diện đều hiện lên với một chân dung hết sức sinh động, gợi cảm. Đó là Kim Trọng "*phong lưu tài mạo tót vời*", là Từ Hải "*râu hùm hàm én, mày ngài*", là Mã Giám Sinh "*mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao*", là Hồ Tôn Hiến "*lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình*"... Đặc biệt, nổi bật trong số đó là bức chân dung chị em Thuý Kiều.

Mở đầu đoạn trích "*Chị em Thuý Kiều*", Nguyễn Du giới thiệu khái quát về hai chị em Thuý Kiều. Lời giới thiệu cũng chính là một lời ca ngợi:

"Mai cốt cách, tuyết tinh thần"

Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười".

Bằng bút pháp ước lệ, tác giả đã gợi tả vẻ đẹp duyên dáng, thanh cao, trong trắng của người thiếu nữ. Đó là vẻ đẹp của "cốt cách", dáng vẻ thanh tú như cành mai; là vẻ đẹp của "tinh thần" trong trắng, thanh khiết như tuyết. Câu thơ: "*Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười*" đã khẳng định sự hoàn mĩ, hơn người của hai nàng và ý thức lí tưởng hoá cao độ vẻ đẹp người con gái của nhà thơ.

Sau lời giới thiệu chung, lẽ ra theo đúng trật tự nghi lễ phong kiến, tác giả phải giới thiệu Thuý Kiều trước. Nhưng ở đây, Nguyễn Du lại bắt đầu bằng việc gợi tả vẻ đẹp Thuý Vân:

Vân xem trang trọng khác vời

Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang

Hoa cười ngọc thốt đoan trang

Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.

Nguyễn Du đã sử dụng những hình ảnh thiên nhiên có vẻ đẹp đặc biệt trong trắng, rực rỡ, vững bền để miêu tả vẻ đẹp của Thuý Vân như: *trăng-khuôn mặt; hoa - nụ cười; ngọc - tiếng nói; mây - làn tóc; tuyết - nước da*... Nhà thơ nhấn mạnh tính chất "trang trọng, đoan trang" của vẻ đẹp. Khuôn mặt nàng đầy đặn, phúc hậu tựa trăng rằm; lông mày cong, đậm; miệng cười tươi như hoa nở; tiếng nói trong trẻo như ngọc rung; mái tóc đen óng,

mượt mà hơn mây, làn da trắng mịn màng hơn tuyết. Nét nào ở Thuý Vân cũng hoàn hảo hơn những vẻ đẹp vốn có trong thiên nhiên, trời đất. Nhưng điều quan trọng là, vẻ đẹp ấy luôn tạo được sự hoà hợp, êm ái với xung quanh, báo trước một cuộc đời bằng phẳng, suôn sẻ. Chỉ với 4 câu thơ, Nguyễn Du đã vẽ nên một chân dung Thuý Vân với những dự cảm về số phận nhân vật.

Thuý Vân đã đẹp, nhưng Thuý Kiều còn đẹp hơn. Để thể hiện vẻ đẹp, tài năng của nàng Kiều, tác giả đã dùng đến 12 câu thơ:

*Kiều càng sắc sảo mặn mà
So bề tài sắc lại là phần hơn
Làn thu thủy, nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh
Một hai nghiêng nước, nghiêng thành...*

Ấn tượng chung về bức chân dung này là vẻ đẹp "sắc sảo mặn mà" - một vẻ đẹp nổi bật, có sức hấp dẫn, cuốn hút mạnh mẽ. Nếu miêu tả Thuý Vân, Nguyễn Du đã dừng ở nhiều chi tiết trên khuôn mặt nàng, thì ngược lại, khi tả Thuý Kiều tác giả chỉ tập trung vào *đôi mắt*. Đôi mắt là phần gợi cảm nhất, phần hồn của khuôn mặt. Đôi mắt thể hiện sự tinh anh của trí tuệ. Đôi mắt Kiều được ví như làn nước mùa thu biếc xanh thăm thẳm. Nét lông mày thanh tú càng tôn thêm vẻ đẹp sâu thẳm của đôi mắt. Nguyễn Du đã thực sự công phu, tinh vi trong việc đặc tả đôi mắt - nơi thể hiện cái sắc sảo của trí tuệ, cái mặn mà của tâm hồn-tình cảm ở nàng Kiều. Bằng sự lựa chọn đó, thi hào muốn làm nổi bật chân dung nhân vật mà ông trân trọng và yêu thương nhất.

Vẻ đẹp Thuý Vân khiến mây "thua", tuyết "nhường", nhưng vẻ đẹp của Kiều thì khiến hoa phải "ghen", liễu phải "hờn". Tuy là ước lệ, nhưng sự so sánh lại cụ thể nên hình ảnh gợi cho người đọc ấn tượng mạnh mẽ về vẻ đẹp của một giai nhân tuyệt thế.

Không chỉ đẹp, Kiều còn rất tài:

*Sắc đành đòi một, tài đành họa hai
Thông minh vốn sẵn tính trời
Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm
Cung thương, lầu bạc ngũ âm
Nghề riêng ăn đứt Hồ cầm một trương
Khúc nhà tay lựa nên chương
Một thiên "bạc mệnh" lại càng náo nhân".*

Theo quan niệm thẩm mỹ phong kiến, người tài là người hội đủ cả bốn khả năng: cầm, kì, thi, họa. Nếu vậy, có thể nói tài năng ở Kiều đã đạt tới mức lí tưởng theo quan niệm ấy. Nàng biết làm thơ, vẽ tranh, biết ca ngâm, thành thạo âm nhạc và đặc biệt ở lĩnh vực nào cũng xuất sắc hơn người. Tài thơ của nàng khiến cho Đạm Tiên phải thốt khen:

*Ví đem vào tập Đoạn trường
Thì treo giải nhất chi nhường cho ai.*

Tài đàn của nàng làm cho chàng Kim, một con người "vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa" cũng phải "ngơ ngẩn". Khúc "Bạc mệnh" do chính

nàng soạn làm cho người nghe buồn thương rơi lệ. Tiếng đàn ấy cũng chính là tiếng lòng của một trái tim nhạy cảm, đa sầu, đa cảm.

Có thể nói, vẻ đẹp của Kiều là sự kết hợp hài hoà giữa sắc, tài và tình. Vẻ đẹp hoàn hảo "mười phần vẹn mười" khiến tạo hoá cũng phải ghen ghét. Trong quan niệm xưa, vẻ đẹp thiên nhiên vốn được xem là chuẩn mực, là thước đo vẻ đẹp con người. Đến Nguyễn Du, chuẩn mực đó dường như quá chật hẹp so với vẻ đẹp của con người. Thế nên ông mới miêu tả sự đố kỵ của tạo vật trước vẻ đẹp nàng Kiều ("hoa ghen", "liễu hờn"). Đó cũng chính là sự sắc sảo của Nguyễn Du. Sự đố kỵ của thiên nhiên dự báo một cuộc đời đầy sóng gió, giông bão đang đón đợi Kiều. Khúc "Bạc mệnh" ai oán được phổ bởi chính tay nàng giữa tuổi thanh xuân tươi đẹp nhất báo hiệu một số phận éo le, đau khổ của kiếp hồng nhan. Bởi vậy miêu tả vẻ đẹp của chị em Thuý Kiều, Nguyễn Du qua đó còn muốn gợi tả tính cách, dự báo số phận, thân phận của mỗi người sau này. Và dụng tâm sâu xa trong sự miêu tả Thuý Kiều của đại thi hào nằm ở chữ *tài - tình* cùng với những hệ lụy mà nó mang đến cho con người - nhất là cho người phụ nữ trong một xã hội đầy bất trắc.

Trình tự miêu tả nhân vật của Nguyễn Du mang đầy dụng ý. Trước hết tác giả miêu tả Thuý Vân - một bức chân dung đẹp tưởng không còn vẻ đẹp nào hoàn hảo hơn. Đến Thuý Kiều, mặc dù cũng gợi tả bằng vài hình ảnh ước lệ và đặc tả đôi mắt, tài năng "vốn sẵn tính trời" của nàng, thế nhưng dường như bức chân dung Thuý Vân đã trở nên khiêm nhường trước bức hoạ nàng Kiều. Đó là nghệ thuật đòn bẩy, "hoạ mây lấy trắng" đầy tài tình của tác giả. Mặt khác, gợi tả tài sắc chị em Thuý Kiều, Nguyễn Du trân trọng, đề cao vẻ đẹp toàn vẹn, lí tưởng của con người - tác phẩm nghệ thuật hoàn hảo nhất của tạo hoá. Nó mang đậm cảm hứng ngưỡng mộ, ngợi ca của thi hào Nguyễn Du. Đó chính là sự thể hiện tinh thần văn cao cả.

Nhân vật là hình thức khái quát đời sống, là nơi bộc lộ quan điểm của nhà văn về con người. Nhân vật Thuý Vân, Thuý Kiều không chỉ chuyển tải được những chức năng ấy, mà cao hơn đã trở thành điển hình nghệ thuật, chuẩn mực của văn học trung đại. Liệu còn bức chân dung nào "đoan trang", trong sáng hơn Thuý Vân, đẹp, tài và tình nhưng đầy dự cảm thân phận hơn Thuý Kiều?

Đề 10: Có ý kiến cho rằng *Cảnh ngày xuân* là một trong những bức tranh thiên nhiên đẹp vào loại bậc nhất trong truyện Kiều. Em có đồng ý với ý kiến này không? Cảm nghĩ của em sau khi đọc đoạn trích.

PHÂN TÍCH ĐỀ

- Kiểu đề: Nghị luận kết hợp với miêu tả, bộc lộ cảm xúc.
- Cần đánh giá chung về đẹp, giá trị của bức tranh ngày xuân.
- Phân tích đoạn trích, qua đó bộc lộ cảm xúc, nhận xét của riêng em về giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn trích.

BÀI LÀM

Trong thơ xưa, thiên nhiên không chỉ là trung tâm của cái đẹp mà còn là nơi gửi gắm tâm sự, tư tưởng, tình cảm của thi nhân. Với *Truyện Kiều* bất

hủ, thi hào Nguyễn Du đã dành đến 222 câu miêu tả thiên nhiên. Ai đã từng yêu *Truyện Kiều* không thể không nhớ, không yêu bộ tứ bình xuân, hạ, thu, đông bằng thơ tuyệt đẹp được đan cài trong tác phẩm:

Mùa xuân:

*Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.*

Mùa hạ:

*Dưới trăng quỳên đã gọi hè
Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông*

Mùa thu:

*Long lanh đáy nước in trời
Thành xây khói biếc non phôi bóng vàng*

Mùa đông:

*Sen tàn cúc lại nở hoa
Sầu dài, ngày ngắn, đông đà sang xuân.*

Bây giờ chúng ta thử đi vào *Cảnh ngày xuân*, nơi diễn ra cuộc du xuân của ba chị em Thúy Kiều.

Đoạn trích mở đầu bằng khung cảnh rất đặc trưng của mùa xuân: Bầu trời rực rỡ ánh sáng; trên cao, từng đàn chim én bay liệng nhịp nhàng. Hình ảnh "con én đưa thời" vừa gợi sự trôi chảy của thời gian (thời gian thấm thoát như chiếc thời dẹt vải - hình con én, ngày xuân thoát đến rồi sẽ thoát qua); vừa gợi không gian (những cánh én rộn ràng bay liệng như thời đưa giữa bầu trời trong sáng).

Nhưng có lẽ cái thần thái tuyệt đẹp của mùa xuân nằm ở 2 câu thơ:

*Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.*

Trước mắt ta mở ra một không gian mênh mông trải rộng tới chân trời. Trên cái nền xanh tươi sáng vô tận của cỏ non, nhà họa sĩ ngôn từ điểm xuyết vài bông lê trắng muốt. Vẻ đẹp của mùa xuân được gọi lên với tất cả sự mới mẻ, tinh khôi, thanh khiết, giàu sức sống. Nguyễn Du quả là bậc thầy về khả năng sử dụng ngôn ngữ. Trong thơ ông, tiếng Việt không chỉ giàu, đẹp, trong sáng mà còn hết sức tinh tế, gợi cảm. Bốn câu thơ đầu đã phác họa một bức tranh thiên nhiên điểm lệ và tươi sáng. Cảnh sắc mùa xuân của thiên nhiên đất trời hoà hợp tuyệt đẹp với lòng người, với cuộc sống con người:

*Thanh minh trong tiết tháng ba
Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh
Gần xa nô nức yến anh
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân
Đập dìu tài tử giai nhân
Ngựa xe như nước, áo quần như nêm*

Khung cảnh lễ hội thật tưng bừng, náo nhiệt. Tiết thanh minh, khí trời mát mẻ, trong trẻo; người người đi viếng thăm, sắm sửa phần mộ để tưởng nhớ người thân đã khuất và du xuân thưởng ngoạn. Từng đoàn người nhộn nhịp, nô nức kéo nhau đi, ríu rít như chim oanh, chim én mùa xuân. Thanh

minh cũng là dịp hội ngộ của tuổi thanh xuân. Những người trẻ tuổi, nam thanh nữ tú, trai tài gái sắc "*ngựa xe như nước, áo quần như nêm*" dập dìu gặp gỡ, hẹn hò... Một không khí đông vui, náo nức. Một mùa vui đang bao trùm cả đất trời, cả nhân gian.

Nhưng tiệc vui nào rồi cũng đến hồi kết thúc. Những người tảo mộ đang hoàn thành nốt phần việc cuối cùng của mình là rải vàng mã, đốt hoá vàng tiền để gửi xuống cho người thân đã khuất theo tục lệ:

*Ngón ngang gõ đồng kéo lên
Thoi vàng vó rắc, tro tiền giấy bay.*

Ngày dần tàn. Mặt trời đã chênh chếch phía tây. Cùng với hoàng hôn của cảnh vật, lòng người dường như cũng đang chìm trong một cảm xúc, một trạng thái bằng khuâng khó tả:

*Chị em thơ thẩn dan tay ra về
Bước dần theo ngọn tiểu khê
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh
Nao nao dòng nước uốn quanh
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.*

Trong văn chương, hình ảnh hoàng hôn, chiều tà thường gợi lên cảm giác buồn thương, tàn tạ, thiê lương. Cuộc du xuân thường cảnh vừa náo nức, tưng bừng là thế giờ đã lặng lẽ chìm vào cô tịch. Tâm trạng con người không khỏi lưu luyến, bằng khuâng, hụt hẫng. Gam màu tươi sáng rực rỡ của bức tranh mùa xuân đến đây được thay bằng màu nhạt nhoà của nắng chiều bằng lăng. Cảnh vật vẫn đẹp, vẫn nên thơ với "dòng nước uốn quanh", "nhịp cầu nho nhỏ" nhưng đã thiếu vắng đi rất nhiều hơi thở của con người. Bước chân thơ thẩn trên dặm đường về của chị em Kiều như có cái gì đó giăng mắc, khó nói. Các từ láy "tà tà", "thanh thanh", "nao nao" không chỉ gợi tả cảnh vật, gợi cảm giác nuối tiếc về ngày vui trôi mau mà còn linh cảm một điều gì đó không mấy tốt lành sắp xảy ra trong tâm hồn đầy nhạy cảm của Thuý Kiều.

Có thể thấy, phong cảnh thiên nhiên trong *Truyện Kiều* nói chung và "*Cảnh ngày xuân*" nói riêng có những điểm khác với "thiên nhiên truyền thống" trong thơ ca Á Đông xưa. Cảnh ở đây không tĩnh tại mà thường được mở ra theo không gian, thời gian, theo bước chân, cái nhìn, cảm xúc của con người. Do vậy, cảnh ấy "thật" hơn, có hồn hơn.

Như vậy, có thể nói, "*Cảnh ngày xuân*" là một trong những bức tranh thiên nhiên đẹp nhất "*Truyện Kiều*". Bức hoạ thiên tài gồm hai mảng màu vừa tương phản vừa hài hoà. Sáng xuân tinh khôi náo nức và chiều tà bằng lăng gợi những liên tưởng xa xôi về số phận cuộc đời nhân vật chính - Thuý Kiều. Cảnh sắc ấy gắn với tháng ngày thanh xuân trong sáng, êm đềm của nàng. Cuộc du xuân là sự kiện mở màn cho cuộc đời thiếu nữ phong lưu và xuân sắc của Thuý Kiều. Cũng chính nơi này, nàng sẽ gặp định mệnh cuộc đời và tình yêu buổi ban đầu đầy mê say, để rồi sau đó không bao giờ còn gặp lại phút thanh thiên đạo gót vô tư thời thiếu nữ.

Đoạn thơ để lại trong ta bao niềm vui xen lẫn nỗi tiếc nuối xót xa. Một nàng Kiều tài hoa, xinh đẹp và đáng yêu như thế, một khởi đầu cuộc đời

đẹp dễ, êm đềm như thế lại kết thúc bằng một chuỗi những đau khổ đoạn trường suốt mười lăm năm lưu lạc. Trong lòng ta chợt vọng lên một câu hỏi lớn: Làm thế nào để mùa xuân ở lại mãi với cuộc đời một con người?

Đề tham khảo

Trong mơ, em đã lạc vào chốn du xuân và gặp gỡ chị em Thuý Kiều ở tiết thanh minh, em hãy kể lại cuộc gặp gỡ thú vị đó.

Đề 11: Những cảm xúc và suy nghĩ của em về Thuý Kiều qua đoạn trích "*Kiều ở lầu Ngưng Bích*".

PHÂN TÍCH ĐỀ

- Kiểu đề: Nghị luận kết hợp với bộc lộ cảm xúc.
- Yêu cầu: Phân tích và phát biểu cảm nghĩ về nhân vật Thuý Kiều qua đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích*.

DÀN Ý

Mở bài

- Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã khắc hoạ được nhiều nhân vật tiêu biểu, đáng nhớ. Nhưng một trong những nhân vật đáng yêu, đáng nhớ nhất là Thuý Kiều.

- Thuý Kiều là nhân vật lí tưởng của Nguyễn Du. Thuý Kiều không chỉ tài sắc vẹn toàn mà còn là một cô gái có tâm hồn cao đẹp, có đời sống nội tâm phong phú.

- Đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* đã chứng tỏ nàng là một cô gái có tình yêu thuỷ chung trong sáng, một người con hiếu thảo tận tình.

Thân bài

1. Ở lầu Ngưng Bích, Thuý Kiều phải sống trong một hoàn cảnh éo le, cô đơn rất tội nghiệp.

a) Sau khi bị Mã Giám Sinh lừa gạt, bị Tú Bà ép tiếp khách làng chơi, Thuý Kiều đau đớn, tủi nhục tìm đến cái chết. Tú Bà sợ mất "cả vốn lẫn lời" vội khuyên can, vờ hứa hẹn sẽ gả nàng cho một người tử tế. Mụ đưa Kiều ra sống ở lầu Ngưng Bích, thực chất là giam lỏng nàng, tìm mưu thâm độc buộc nàng phải tiếp khách.

b) Thuý Kiều bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, bơ vơ giữa không gian mênh mông hoang vắng:

*Bốn bề bát ngát xa trông
Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia.*

Cảnh non xa, trăng gần gợi hình ảnh lầu Ngưng Bích chơ vơ giữa một vùng trời đất. Từ trên lầu nhìn ra chỉ thấy những dãy núi mờ xa, những cồn cát bụi bay mù mịt. Thuý Kiều sống ở đó, sớm làm bạn với trời mây, đêm làm bạn với ngọn đèn, thui thủi một mình một bóng.

2. Trong hoàn cảnh éo le càng thấy rõ tấm lòng thuỷ chung trong sáng của Kiều.

- Những tưởng sau khi bị Mã Giám Sinh lừa gạt, bị làm nhục, bị ép uống làm công việc dơ bẩn, Thuý Kiều chỉ còn đủ sức nghĩ đến nỗi đau khổ của

riêng mình. Nhưng vượt lên trên nỗi riêng, nàng nhớ tới Kim Trọng với một nỗi nhớ thương, day dứt:

*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng
Tin sương luống những rày trông mai chờ
Bên trời góc bể bơ vơ
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.*

Kiều, Kim đã cùng thề nguyện gắn bó rồi chính nàng đã phải phụ lời nguyện, phụ chàng. Kiều xót xa nghĩ, giờ này chắc hẳn Kim Trọng vẫn đang chờ mong tin tức của nàng, đâu biết rằng nàng đã phải bán mình vào nơi hang hùm miệng rắn, một mình bơ vơ nơi góc biển chân trời. Chàng đâu biết, tình yêu son sắt, trắng trong mà nàng thề trao tặng, gắn bó trọn đời với chàng đã bị lũ buôn thịt bán người dập vùi hoen ố. Trước lúc chia tay, Kim Trọng gửi gắm, dặn dò:

*Gìn vàng giữ ngọc cho hay
Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời.*

Nàng đã hứa hẹn. Nhưng nàng đã không có cách gì để giữ vẹn lời thề. Giờ đây, nàng đau đớn nghĩ, vết nhơ bẩn ấy biết đến bao giờ gột rửa cho sạch mà còn mong xứng đáng với chàng? Nàng day dứt, tự hổ thẹn vì đã phụ tình yêu, niềm tin, lòng mong mỏi, sự gửi gắm của chàng. Thấu hiểu tâm sự ấy, tấm lòng ấy của Kiều, trong màn đoàn viên, Nguyễn Du đã mượn lời Kim Trọng để thuyết phục Kiều. Rằng, Kiều đã lấy hiếu làm trinh, hành động của Kiều đã vượt qua sự khắt khe của lễ giáo đương thời để làm nên một quan niệm mới, giá trị mới của chữ "trinh":

*Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường
Có khi biến, có khi thường...
Có quyền, nào phải một đường chấp kinh
Như nàng lấy hiếu làm trinh
Bụi nào cho đục được mình ấy vay.*

Gặp gia biến, Kiều phải bán mình chuộc cha rồi bị đẩy đoạ vào nơi sóng gió phũ phàng. Nhưng tận đáy lòng, nàng luôn tự giày vò mình vì đã không giữ được tình yêu chung thủy. Chi tiết đó đã là bằng chứng hùng hồn nhất cho tấm lòng thủy chung trong trắng của Kiều, dù mai đây, cuộc đời nàng mỗi ngày lại bị nhấn sâu vào vũng lầy nhơ nhớp.

3. Không chỉ thủy chung trong sáng, Kiều còn là một người con hiếu thảo, nhân hậu.

Bị đoạ đầy về cả thể xác lẫn tinh thần, nhưng trong lòng Kiều rưng rưng nỗi thương cha nhớ mẹ. Nàng xót thương vô hạn khi hình dung ra cảnh sáng sáng, chiều chiều cha mẹ nàng tựa cửa trông ngóng tin con trong vô vọng. Nàng xót xa khi cha mẹ tuổi già sức yếu mà nàng không được ở bên chăm sóc, đỡ đần. Nàng băn khoăn tự hỏi, không biết giờ đây cha mẹ ai đang chăm sóc. Ai là người trời nóng bức thì quạt cho cha mẹ ngủ, trời lạnh giá thì vào nằm trước trong giường cho ấm chiếu chăn để cha mẹ nằm? Nàng xa nhà đến nay đã mấy mùa mưa nắng, quê hương chắc đã nhiều thay đổi. Cha mẹ mỗi ngày thêm già yếu, mà nàng thì bơ vơ lưu lạc xứ

người. Nàng đau đớn khi nghĩ mình đã phụ công sinh thành nuôi dưỡng của cha mẹ.

Trong cảnh ngộ hiện tại, Kiều là người đau khổ nhất, đáng thương, đáng được quan tâm nhất. Nhưng nàng đã quên nỗi khổ của bản thân để nhớ thương, lo nghĩ cho Kim Trọng, cho cha mẹ. Kiều không chỉ là một cô gái có tình yêu chung thủy, tâm hồn trong sáng mà còn là một người con hiếu thảo, một con người có tấm lòng nhân hậu, vị tha đáng trọng.

Kết bài

- Tình yêu thủy chung, tâm hồn trong trắng là nét bản chất trong tính cách của Kiều. Nhân hậu, vị tha, hiếu thảo tận tâm cũng là một nét tính cách cơ bản của Kiều. Đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* cho chúng ta một bài học về sự hi sinh cao thượng vì tình yêu, vì những người thân thiết mà ta yêu ta quý.

- Nhân vật Thuý Kiều sống mãi cùng với tên tuổi của Nguyễn Du không chỉ vì tài sắc mà chính vì tâm hồn và phẩm cách đẹp đẽ.

Đề tham khảo

Tâm trạng của Thuý Kiều qua đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du.

Đề 12: Phân tích nghệ thuật tả người của Nguyễn Du trong đoạn trích *Mã Giám Sinh mua Kiều*.

PHÂN TÍCH ĐỀ

- Dạng đề nghị luận văn học.
- Phân tích: Nghệ thuật tả người của Nguyễn Du qua hai bức chân dung Thuý Kiều và Mã Giám Sinh.

MỘT SỐ Ý CHÍNH

- Trong đoạn trích Thuý Kiều hiện lên là con người lương thiện, có sắc, có tài mà bị vui dập thảm thương.
- Bằng bút pháp ước lệ, tác giả làm nổi bật tâm trạng tủi hổ, cảm giác nhục nhã ê chề của Kiều khi nàng bị coi như một món hàng. Nguyễn Du thật tinh tường khi ông nhận ra nỗi đau câm lặng của nàng. Nàng Kiều trong trắng, thanh tân, tươi tắn mà rất đỗi tinh tế đã cảm trong lét thanh minh, giờ đã nhường chỗ cho một nàng Kiều người máy, mặc cho mụ mối và gã con buôn “ép cung cầm nguyệt, thử bài quạt thơ”.
- Với Mã Giám Sinh, Nguyễn Du dùng bút pháp tả thực, ông đã vạch trần bộ mặt của một gã buôn người vô lương, hèn hạ. (Nguyễn Du tả Mã Giám Sinh rất kĩ, tả rất trần trụi từ lời nói, cử chỉ, hành động và đặc biệt là những toan tính của y)

Đề tham khảo

Qua đoạn trích *Mã Giám Sinh mua Kiều*, em hãy đóng vai Mã Giám Sinh kể lại việc mua Kiều, có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm.

Đề 13: Chuyển thành văn xuôi tự sự có sử dụng yếu tố đối thoại và độc thoại nội tâm đoạn trích *Thúy Kiều báo ân báo oán*.

PHÂN TÍCH ĐỀ

- Dạng đề kể chuyện kết hợp các yếu tố miêu tả, đối thoại và độc thoại nội tâm.
- Giữ nguyên các tình tiết chính, có thể bổ sung yếu tố miêu tả, biểu cảm...

BÀI LÀM

Trải qua nhiều cay đắng, biết chẳng thoát khỏi tay lũ buôn thịt bán người, Kiều đành tiếp khách trong nỗi vô vọng. Đúng lúc đó, Từ Hải xuất hiện. Người anh hùng đội trời đạp đất ấy không những cứu Kiều thoát khỏi lầu xanh mà còn giúp nàng đền ơn báo oán.

Giữa thanh thiên bạch nhật, dưới rừng gươm giáo uy nghi, Kiều ngồi trên ghế quan toà, tự mình phân xử. Đầu tiên, nàng cho mời Thúc Sinh. Chàng Thúc nhu nhược đáng thương không rõ mình có công hay tội, sợ hãi run rẩy bước ra. Gặp lại người đã từng cứu vớt, thương yêu mình trong một hoàn cảnh khác hẳn, nhất là trông thấy điệu bộ run sợ của chàng, lòng Kiều dâng lên một nỗi xúc động lẫn cảm thương. Nàng nhẹ nhàng nói:

- Chàng còn nhớ thiếp không? Thiếp may mắn đã từng được chàng cứu giúp ở Lâm Tri. Tuy chỉ được làm vợ chàng trong một năm ngắn ngủi, nhưng đã được chàng thương yêu, che chở. Tình nghĩa đó nặng tựa nghìn non. Chẳng dè, lòng người thâm hiểm, vợ chàng quý quái tinh ma đã dùng mưu đánh ghen tàn nhẫn khiến hai ta cách biệt chia lìa đôi ngả. Đa tạ tình chàng, ân tình đó, thiếp khắc ghi nhớ mãi. Hôm nay gọi là có chút lễ mọn, gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân bần tặng chàng tỏ chút lòng biết ơn, mong chàng vui lòng nhận cho.

Chàng Thúc vừa run sợ, vừa mừng, vừa cảm động ứa nước mắt, nghẹn ngào không nói nên lời. Thúy Kiều nói tiếp:

- Vợ chàng và thiếp phen này gặp nhau, để rồi xem sự thay bậc đổi ngôi thế nào? Chị ta đã dùng quỷ kế để làm tội làm tình thiếp, bây giờ thiếp cũng sẽ cho chị ta nếm trải những đắng cay, đau đớn như thiếp đã từng bị hành hạ.

Thúc Sinh còn chưa hết run, Thúy Kiều đã sai quân dẫn Hoạn Thư ra trước sân đình. Vừa thoáng thấy Hoạn Thư, nàng chào mĩa mai:

- Xin chào tiểu thư. Hôm nay tiểu thư cũng có mặt ở đây sao? Để rồi xem tiểu thư còn giỏi đến mức nào? Đàn bà như tiểu thư xưa nay thật hiếm. Những kẻ cay nghiệt, độc ác cuối cùng đều phải gánh chịu sự trừng phạt nặng nề của số phận.

Hoạn Thư hoảng sợ, hồn xiêu phách lạc, cúi rạp người dưới trướng:

- Lạy phu nhân, xin phu nhân tha tội!

Sau phút hoảng sợ, vốn có bản lĩnh và khôn ngoan giáo hoạt, Hoạn Thư dần dần lấy lại được bình tĩnh và liệu lời kêu van gỡ tội:

- Xin phu nhân rủ lòng thương. Ghen tuông âu cũng là thói thường tình của nữ nhi. Dân gian có câu: "*Ốt nào là ớt chẳng cay / Gái nào là gái chẳng hay ghen chồng*". Tôi cũng chỉ là đàn bà. Xin phu nhân nghĩ lại cho, xưa phu

nhân xin ra gác Quan Âm viết kinh tôi cũng đồng ý. Rồi khi phu nhân bỏ đi, tôi cũng không cho người đuổi theo giữ lại. Trong thâm tâm, tôi hết sức mến đức, trọng tài phu nhân, nhưng chồng chung thì chưa dễ ai nhường cho ai. Một người rộng lượng, thông minh và từng trải như phu nhân, chắc phu nhân cũng thấm thía, thấu hiểu nỗi đau khổ của một người đàn bà bị chồng phụ bạc như tôi. Nhưng dù sao tôi cũng đã trót gây cho phu nhân nhiều đau khổ, chông gai. Tôi tôi đáng bị trừng trị nghiêm khắc. Tôi rất ân hận. Bây giờ chỉ còn trông chờ vào tấm lòng khoan dung, độ lượng rộng lớn như trời biển của phu nhân mà thôi.

Nghe Hoạn Thư nói đến đây, Thuý Kiều ngổ ngàng, ngạc nhiên trước tài ăn nói khôn ngoan rất mực, lập luận chặt chẽ, sắc bén của Hoạn Thư. Thực ra, chị ta nói mọi điều đều có lí. Những điều đó nàng cũng đã trải qua. Nàng nghĩ: "Quả thật, chồng chung chưa dễ ai nhường cho ai? Khi chia tay tiễn Thúc Sinh về với Hoạn Thư, mình đã rất đau khổ đó thôi! Và suy cho cùng, chị ta đã không đuổi theo mình lúc chạy trốn, chứng tỏ chị ta cũng còn một chút lương tâm. Tha cho chị ta ư? Tha thì may mắn cho chị ta quá. Nhưng trị tội thì hoá ra mình là người nhỏ nhen chấp nhặt lỗi đàn bà trong khi mình cũng là một người đàn bà? Thôi, chị ta đã biết tội thì cũng nên rộng lòng tha thứ vậy".

Nghĩ vậy, Thuý Kiều truyền quân tha cho Hoạn Thư. Thế là Hoạn Thư được tha ngay. Lúc đầu có người chê Thuý Kiều nhẹ dạ quá, nhưng càng về sau, người ta càng nể phục bởi tấm lòng nhân hậu, vị tha và cao thượng của nàng.

downloadsachmienphi.com

Đề tham khảo

Cảm nghĩ của em về nhân vật Hoạn Thư trong đoạn trích Thuý Kiều báo ân báo oán.

Đề 14: Phân tích giá trị nghệ thuật của 14 câu thơ lục bát sau đây của Nguyễn Đình Chiểu dưới tiêu đề: *Những câu thơ giàu cảm xúc, khoáng đạt, bình dị, dân dã.*

*Ngư rằng: Lòng lão chẳng mơ,
Dốc lòng nhân nghĩa há chờ trả ơn?
Nước trong rửa ruột sạch trơn,
Một câu danh lợi chi sòn lòng đây?
Rày doi mai vịnh vui vầy,
Ngày kia hứng gió đêm này chơi trăng.
Một mình thông thả làm ăn,
Khoẻ quơ chài kéo; mệt quăng câu dầm,
Nghêu ngao nay chích mai dầm,
Một bầu trời đất vui thăm ai hay.
Kính luân đã sẵn trong tay,
Thung dung dưới thế vui say trong trời.
Thuyền nan một chiếc ở đời,
Tắm mưa trải gió trong vời Hàn Giang*

PHÂN TÍCH ĐỀ

- Dạng đề nghị luận văn học.
- Phân tích 14 câu thơ trên để làm rõ đó là những câu thơ giàu cảm xúc, khoáng đạt, bình dị, dân dã.

BÀI LÀM

Những câu thơ giàu cảm xúc, khoáng đạt, bình dị, dân dã

Ngư rằng: Lòng lão chẳng mơ,
Dốc lòng nhân nghĩa, há chờ trả ơn?
Nước trong rửa ruột sạch trơn,
Một câu danh lợi chi sòn lòng đây?
Rày doi mai vịnh vui vầy,
Ngày kia hừng gió, đêm này chơi trăng.
Một mình thong thả làm ăn,
Khoẻ quơ chài kéo, mệt quăng câu dầm.
Nghêu ngao nay chích mai dầm,
Một bầu trời đất vui thăm ai hay.
Kinh luân đã sẵn trong tay,
Thung dung dưới thế, vui say trong trời.
Thuyền nan một chiếc ở đời,
Tắm mưa trải gió trong vời Hàn Giang.

Đoạn thơ trên trích trong truyện thơ *Lục Vân Tiên*, tác phẩm nổi tiếng của Nguyễn Đình Chiểu.

Lục Vân Tiên bị Trịnh Hâm làm hại, được gia đình ông Ngư dốc lòng cứu chữa. Đây là lời nói của ông Ngư khi thấy Lục Vân Tiên tỏ ra băn khoăn vì không biết lấy gì báo đáp ơn cứu mạng.

Điều dễ nhận thấy trong đoạn thơ này là cách sử dụng từ ngữ rất giản dị và dân dã. Ra đời cách đây hơn một trăm năm, nghĩa là khi chữ Hán vẫn còn chiếm một vị trí quan trọng trong văn chương và đời sống, nhưng đoạn thơ hầu như chỉ sử dụng từ thuần Việt. 14 câu lục bát, 196 chữ mà chỉ có khoảng chục chữ là từ Hán-Việt: *Ngư, nhân nghĩa, danh lợi, kinh luân, thế, Hàn Giang...* Với thực trạng từ Hán-Việt chiếm tỉ lệ khoảng 70% trong kho từ ngữ nước ta thì quả là Nguyễn Đình Chiểu đã góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt từ rất sớm.

Những câu thơ này cũng rất tiêu biểu cho phong cách thơ Nguyễn Đình Chiểu: *mộc mạc, giản dị, tự nhiên như lời ăn tiếng nói hàng ngày của nhân dân lao động*. Thơ như thoát ra từ cửa miệng:

... Lòng lão chẳng mơ...

...Nước trong rửa ruột sạch trơn

Chẳng hề có dấu hiệu gia công, chẳng cần cầu kì: "...Khoẻ quơ chài lưới, mệt quăng câu dầm / Nghêu ngao nay chích, mai dầm", nhưng đây là loại thơ có sức thuyết phục cao bởi sự chân thành của tấm lòng. Chỉ với một hình thức thơ tự nhiên như chính khí trời và sông nước như thế mới có thể hiện được dấu ấn rõ nét về nghề nghiệp, thành phần xuất thân, tâm lí của nhân vật.

Một điểm nữa dễ nhận thấy ở đây là *thể thơ lục bát được sử dụng hết sức thuần thực*. Lục bát dễ làm, nhưng khó hay; rất dễ phân biệt đâu là những vần thơ của thi nhân thực sự và đâu là những câu vần vè của những thi sĩ bất đắc dĩ. Người ta cũng thường dẫn ra chữ này câu kia để khen chê thơ *Lục Vân Tiên*. Tuy nhiên, với 14 câu thơ lục bát đang nói đây, Nguyễn Đình Chiểu xứng đáng được xếp vào hàng ngũ của những nhà thơ phát huy được thể thơ truyền thống của dân tộc. Truyền thống trong cách ngắt nhịp: cả 14 câu đều chọn cách ngắt nhịp chẵn:

*Kinh luân / đã sẵn / trong tay
Thung dung dưới thế / vui say trong trời
Thuyền nan / một chiếc / ở đời
Tắm mưa / trải gió / trong vời / Hàn Giang*

Truyền thống và chuẩn mực trong cách hiệp vần:

*mơ/chờ; ơn/trơn/sòn; đây/vây/nây; trắng/quảng/dầm
hay/tay/ say; trời/đời/vời*

Tuy nhiên điều đáng nói là những câu thơ lục bát này *giản dị về hình thức mà rất giàu cảm xúc, khoáng đạt sâu sắc về nội dung*. Một đoạn thơ ngắn mà nhà thơ đã khắc hoạ khá rõ nét hình tượng ông Ngự với tất cả lí tưởng sống, cách sống, bản lĩnh sống... Lí tưởng sống của ông Ngự rất cao đẹp:

Dốc lòng nhơn nghĩa, há chờ trả ơn?

Đối với ông, nhân nghĩa là trên hết, tất cả tinh thần và sức lực, tất cả suy nghĩ và hành động đều hướng tới cái đích ấy. Chữ *dốc lòng* rất hay, nó cho thấy cuộc đời ông Ngự có một định hướng duy nhất: nhân nghĩa. Chính vì thế, ông có đủ sức mạnh để chiến thắng danh lợi, một thể lực khủng khiếp khiến cho không ít người phải gục ngã.

Nước trong rửa ruột sạch trơn

Một câu danh lợi chi sồn lòng đây?

Có bản lĩnh sắt thép như vậy, nhưng tâm hồn ông Ngự lại rất phong phú, rất gần bó với cuộc đời. Ông vui thú với thiên nhiên:

Rày doi mai vịnh vui vầy

Ngày kia hứng gió, đêm này chơi trăng

Ông yêu lao động, có tinh thần tự lực cánh sinh:

Một mình thông thả làm ăn

Khoẻ quơ chài kéo, một quãng câu dầm

Đó là một tâm hồn lạc quan của con người luôn luôn tự tìm thấy niềm vui trong cuộc sống:

Nghêu ngao nay chích, mai dầm,

Một bầu trời đất vui thăm ai hay

Lối sống ấy được nâng đỡ từ một nền móng vững chắc là ý thức về tài năng và tình yêu tự do mạnh mẽ:

Kinh luân đã sẵn trong tay

Thung dung dưới thế, vui say trong trời

Thuyền nan một chiếc ở đời

Tắm mưa trải gió trong vời Hàn Giang.

Giữa vũ trụ bao la (dưới thế, trên trời, trong vờn Hàn Giang), lồng lộng hiện lên một con người *kinh luân tế thế* (người có tài lãnh đạo đất nước), lướt đi cùng con thuyền bất chấp gió mưa.

Lời thơ chứa đầy khí phách, đạo lí, tình cảm của người dân Nam Bộ. Cho nên, ta hiểu vì sao *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu được nhân dân lao động đón nhận một cách nhiệt thành như vậy.

Đề tham khảo

Phân tích nhân vật ông Ngư trong đoạn trích *Lục Vân Tiên gặp nạn*.

Đề 15: Phân tích tình yêu làng, yêu nước của nhân vật ông Hai trong truyện ngắn “*Làng*” của Kim Lân.

PHÂN TÍCH ĐỀ

- Dạng đề nghị luận về nhân vật văn học.
- Phân tích và làm sáng tỏ hai đặc điểm nổi bật trong nhân vật ông Hai: tình yêu làng và tình yêu nước.

MỘT SỐ Ý CHÍNH

1. Ông Hai rất yêu cái làng Chợ Dầu của mình. Phải đi tản cư, xa làng, ông rất nhớ. Đi đâu ông cũng kể chuyện về làng, cũng khoe làng, hỏi thăm tin tức về làng.

2. Kim Lân đã rất thành công khi chọn được cái làng cổ truyền Việt Nam từ phong cảnh, lối nghĩ, nếp sống đến xây dựng tình huống làng Chợ Dầu theo giấc để bộc lộ tình yêu làng và tình yêu nước ở nhân vật ông Hai. Nghe tin làng Chợ Dầu theo giấc ông đau xót, ông xấu hổ, ông tủi thân, ông dằn vặt trong sự xung đột giữa tình yêu làng và tình yêu nước mà tình cảm nào cũng tha thiết mạnh mẽ. Cuối cùng ông quyết định: “Làng thì yêu thật nhưng, làng theo Tây mất rồi thì phải thù”. Như vậy lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến đã chi phối mọi tình cảm khác trong ông Hai. Đây là những biến chuyển rất cơ bản trong tâm hồn người nông dân Việt Nam khi họ có niềm tin vào Đảng và Bác Hồ.

- Tâm trạng sung sướng của ông Hai khi cái tin làng Chợ Dầu theo giấc được chủ tịch xã lên cải chính. Đi đâu ông cũng khoe: “Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn”. Vì sao nhà bị đốt mà ông lại hớn hờ như vậy? Vì đó là bằng chứng chứng tỏ làng ông không theo giặc, vậy thì ông lại có quyền yêu làng như trước. Qua chi tiết ấy, ta thấy tình yêu làng, yêu nước của ông mộc mạc, hồn nhiên mà rất sâu sắc.

Đề tham khảo

Đoạn ông Hai tâm sự với đứa con út được Kim Lân viết rất xúc động bởi nó đã hội tụ nhiều mặt thành công của nghệ thuật truyện ngắn: dựng cảnh, đối thoại, diễn tả tâm trạng nhân vật. Hãy phân tích để làm sáng tỏ.

Đề 16: Sách *Ngữ văn 9, tập một*, đã nhận xét về nghệ thuật truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long như sau: *Truyện đã xây dựng được tình huống hợp lí, cách kể chuyện tự nhiên, có sự kết hợp tự sự, trữ tình với bình luận*.

Em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

PHÂN TÍCH ĐỀ

- Dạng đề nghị luận về tác phẩm truyện.
- Trên cơ sở một nhận định về nghệ thuật của *Lặng lẽ Sa Pa*, dựa vào các chi tiết trong tác phẩm để chứng minh nhận định đó là đúng.
- Phép lập luận chủ yếu phải sử dụng là phép chứng minh (bằng cách đưa dẫn chứng và phân tích dẫn chứng).

DÀN Ý

Mở bài

1. Giới thiệu tác giả, xuất xứ, hoàn cảnh ra đời và những nội dung chính của tác phẩm.

- *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long là kết quả của chuyến đi lên Lào Cai mùa hè năm 1970 của tác giả, sau được in trong tập *Giữa trong xanh* (1972). Truyện khắc họa thành công hình ảnh người lao động bình thường, mà tiêu biểu là anh thanh niên làm công tác khí tượng ở một mình trên đỉnh núi cao. Qua đó khẳng định vẻ đẹp của con người lao động và ý nghĩa của những công việc thầm lặng.

2. Nêu vấn đề: Những nội dung và ý nghĩa sâu xa ấy đến được với người đọc là nhờ "*Truyện đã xây dựng được tình huống hợp lí, cách kể chuyện tự nhiên, có sự kết hợp tự sự, trữ tình với bình luận*".

Thân bài

1. Truyện xây dựng được tình huống hợp lí.

a. Cốt truyện rất đơn giản. Toàn truyện chỉ có một tình huống và cũng chẳng có gì là gay cấn, cao trào, thắt nút, mở nút. Một chuyến xe khách đi Sa Pa như bao nhiêu chuyến xe hàng ngày, những người khách ngẫu nhiên ngồi với nhau. Chỉ có điều khác là hôm nay trong đó có một ông họa sĩ sắp về hưu, một cô kĩ sư nông nghiệp vừa mới ra trường, đang đi nhận công tác. Người lái xe mời hai người đi thăm một "*người cô độc nhất thế gian*". Diễn biến chính của truyện là cuộc gặp gỡ giữa những người khách ghé thăm và anh thanh niên làm ở trạm khí tượng, một mình giữa núi cao. Qua cuộc gặp gỡ, chứng kiến nơi ở và làm việc, được nghe anh thanh niên tâm sự, trong con mắt của khách hiện lên một con người có tâm hồn, lối sống, quan niệm về cuộc đời, về lao động thật đẹp đẽ, rất đáng yêu, đáng trân trọng.

b. Với cốt truyện đơn giản ấy, tác giả đã *làm nổi bật những công việc thầm lặng* của bao người lao động bình thường đang đóng góp cho cuộc sống. Tạo ra hai tình huống *gặp gỡ*, gặp gỡ trên xe và gặp gỡ trên núi, tác giả có thể giới thiệu một cách thuận lợi, để cho nhân vật dần dần hiện ra những nét tính cách, những phẩm chất tâm hồn của nhân vật chính thông qua con mắt, sự đánh giá của các nhân vật phụ.

2. Truyện có cách kể tự nhiên.

a. Diễn biến của câu chuyện được kể thuận chiều theo thời gian, cái gì có trước, kể trước, cái gì diễn ra sau, kể sau. Các chi tiết đơn giản, bình thường như cuộc sống: xe dừng, theo gợi ý của bác lái xe, mọi người rủ nhau đi thăm một người, rồi cùng đi đến nhà người ấy, nói chuyện, nghe chuyện, nhận quà, rồi lại về xe và đi tiếp.

b. Tuy không dùng ngôi thứ nhất, nhưng phần lớn người kể chuyện nhập vai vào nhân vật ông họa sĩ, và chủ yếu qua cách nhìn, sự suy nghĩ của ông mà quan sát và miêu tả từ phong cảnh thiên nhiên đến anh thanh niên - nhân vật chính của truyện.

3. Về phương thức thể hiện: có sự kết hợp tự sự với trữ tình và bình luận.

a. Tất nhiên phương thức biểu hiện chính của truyện là tự sự: có cốt truyện, có nhân vật, có tình tiết, có người kể chuyện, thể hiện theo nguyên tắc khách quan.

b. Tuy nhiên sức hấp dẫn của *Lặng lẽ Sa Pa* lại ở chất trữ tình:

+ Những đoạn tả cảnh thiên nhiên Sa Pa thật thơ mộng như những bức tranh đẹp. Đây là bức tranh ở đầu tác phẩm: *"Nắng bây giờ bắt đầu len tới đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tit trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn trong lại từng cục, lẩn trên các vòm lá ướt sương".* Và đây là cảnh cuối: *"...nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hùng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ và làm cho cô gái cảm thấy mình càng rực rỡ theo".*

+ Chất trữ tình chủ yếu toát ra từ cuộc sống, tâm hồn, ý nghĩ, cảm xúc của những con người trong truyện. Một cô gái rất hồn nhiên trẻ trung, dám bỏ phố phường phồn hoa để đến một nơi núi rừng sâu thẳm, một ông họa sĩ sắp về hưu nhưng cháy bỏng khát vọng sáng tạo nghệ thuật, tâm hồn vẫn còn rất nhạy cảm, yêu đời. Một anh thanh niên mới nhìn tưởng *"cô độc nhất thế gian"* nhưng thế giới tâm hồn thật phong phú, sôi động, luôn nhận ra mối dây liên hệ, sự gắn bó của mình với mọi con người, mọi miền của Tổ quốc. Anh tìm thấy ý nghĩa của cuộc đời, tìm được niềm vui không bao giờ cạn trong những công việc mình làm hàng ngày.

+ Ta bắt gặp trong truyện những chi tiết giàu chất thi ca: *anh thanh niên đang hái hoa; đứng trong mây mù ngang tầm với cầu vồng bỗng nhiên lại gặp hoa đơn, hoa thược dược, vàng, tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong... ngay dưới kia là mùa hè, đột ngột và mừng rỡ, quên mất e lệ, cô chạy đến bên người con trai đang ngắt hoa. Anh con trai, rất tự nhiên như với người quen thân, trao bó hoa đã cắt cho người con gái, và cũng rất tự nhiên cô đỡ lấy. Vị họa sĩ đã bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước được biết, ôi, một nét thôi cũng đủ khẳng định một tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác, một nét mới đủ là giá trị một chuyến đi dài...*

c. Truyện ngắn có rất nhiều câu triết lí, sâu sắc. Đây là cách sống của ông họa sĩ: *"Buồn thì ai mà chả sợ? Nó như con gián gặm nhấm người ta? Tốt hơn là tránh nó để làm việc đời".* Còn đây là những lí luận về sự không cô đơn, sự "thèm người" của anh thanh niên: *Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao lại gọi là một mình được? Hướng chỉ việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia./ Còn người thì ai chả "thèm" / Mình sinh ra là gì, mình để ở đâu, mình vì ai mà làm việc?* Với những câu triết lí của phương thức nghị luận, truyện ngắn gợi lên ở người đọc nhiều suy tưởng.

Kết bài

Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long đơn giản, nhẹ nhàng, giàu chất thơ, giọng kể tự nhiên, kết hợp khéo léo giữa tự sự, trữ tình và bình luận. Chính các thể hiện này đã cho ta một thiên truyện hấp dẫn, đầy sức thuyết phục về hình ảnh đẹp của những người lao động bình dị, thầm lặng. Một bức tranh đẹp về cuộc sống mới, cho ta ngẫm nghĩ và tin yêu. Rõ ràng khi chữ nghĩa đạt đến mức nghệ thuật, thì nghĩa lí của nó có thể đến với con người một cách rất tự nhiên.

Đề tham khảo

Suy nghĩ của em về truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long (Ngữ văn 9, tập 1).

Đề 17: Phân tích nhân vật bé Thu, từ đó nhận xét về nghệ thuật miêu tả tâm lí và xây dựng tính cách nhân vật trong truyện ngắn *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng.

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. Phân tích nhân vật *Thu* trong truyện ngắn *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng.

Truyện ngắn *Chiếc lược ngà* chủ yếu khắc họa tình cảm cha con với một cốt truyện đơn giản. Bé Thu từ chỗ hiểu nhầm đến khi hiểu ra sự thật thì thái độ, tình cảm hoàn toàn thay đổi. Qua nhân vật bé Thu, tình cảm thiêng liêng này được nhà văn thể hiện đầy tài năng trong mô tả tâm lí và tính cách của một em bé. Vì vậy phân tích nhân vật bé Thu cần chỉ ra được diễn biến tâm lí và tính cách của nhân vật trước và sau khi nhận ra người cha thân yêu.

2. Nhận xét nghệ thuật miêu tả tâm lí và xây dựng tính cách nhân vật bé Thu của tác giả:

+ Nghệ thuật xây dựng cốt truyện, luôn đưa ra những chi tiết bất ngờ mà hợp lí.

+ Nghệ thuật chọn nhân vật kể chuyện là ông Ba – bạn chiến đấu thân thiết của ông Sáu, người hiểu biết tường tận hoàn cảnh của cả hai cha con.

+ Ngôn ngữ kể chuyện giàu chất trữ tình.

3. Kiểu bài: *Nghị luận nhân vật văn học*. Vì vậy cần chú ý: a) Xác định được một hệ thống luận điểm rõ ràng, chính xác. b) Đưa ra những luận cứ tiêu biểu, phù hợp. c) Tổ chức các luận cứ và luận điểm theo một trình tự trả lời đầy đủ, chặt chẽ theo yêu cầu của đề bài. d) Câu văn, giọng văn gọn, chắc nhưng truyền cảm.

DÀN BÀI

Đặt vấn đề

1. Giới thiệu tác giả, truyện ngắn: *Chiếc lược ngà* là truyện ngắn của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Truyện ca ngợi vẻ đẹp tình cha con trong chiến tranh “Lớp cha trước, lớp con sau; Đã thành đồng chí chung câu quân hành” (Tố Hữu) và cũng tỏ lòng thông cảm, xót thương tình cảnh cha con trong chiến tranh.

2. Giới thiệu nhân vật: bé Thu là nhân vật chính thể hiện tình cảm cha con sâu nặng và mãnh liệt. Đây cũng là nhân vật thể hiện được tài năng trong nghệ thuật miêu tả tâm lí và tính cách nhân vật của Nguyễn Quang Sáng.

Giải quyết vấn đề

1. Sự thay đổi tâm lí của bé Thu trước và sau khi nhận ra cha.

a. Nêu những chi tiết thể hiện thái độ và hành động của bé Thu trước khi nhận ra người cha.

+ Khi cha kêu: *Thu! con* - giật mình, tròn mắt nhìn, ngơ ngác, lạ lùng.

+ Khi cha kêu: *Ba đây con* - mặt tái đi, kêu thét lên.

+ Má bảo gọi ba vào ăn cơm - không nghe lời và khi gọi thì gọi trống không.

+ Rất sợ nồi cơm nhão - không chịu nhờ ba, tự múc bát nước cơm.

+ Ba gấp cho miếng trứng cá to - hắt cái trứng cá mà ông gấp.

+ Bị đánh vào mông - bỏ về bà ngoại, mẹ dỗ mấy cũng không về.

b. Nhận xét về thái độ, hành động nêu trên của bé Thu.

Chỉ được mấy ngày phép, anh Sáu vội vấp muốn chăm sóc chiều chuộng con cho bỏ tám năm nhớ mong, nhưng bé Thu tỏ ra *lạnh nhạt, xa cách, nghi ngờ một cách bướng bỉnh*.

c. Nêu những chi tiết thể hiện sự thay đổi trong thái độ và hành động của bé Thu khi nhận ra người cha.

+ Khi hiểu ra nguyên nhân cái theo trên mặt của bà - nó nằm im, lẩn lộn và thỉnh thoảng lại thở dài như người lớn, sáng hôm sau bà ngoại đưa về.

+ Khi mọi người chuẩn bị cho ba đi - Con bé như bị bỏ rơi, lúc đứng góc nhà, lúc tựa cửa / về mặt sầm lại buồn rầu / đôi mắt nó như to hơn, cái nhìn không ngơ ngác lạ lùng / nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa.

+ Anh Sáu nhìn con với đôi mắt trĩu mến, buồn rầu - đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao.

+ Anh Sáu khẽ chào con để đi - bé Thu bỗng kêu thét lên một cách lạ lùng không ngờ: *Ba...a...a...ba!* Tiếng kêu như xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng "ba" mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng "ba" như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó nhảy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó / làn tóc tơ sau ót như dựng đứng lên / Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc: " - Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!" / nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài trên má của ba nó nữa.

+ Anh Sáu hứa sẽ về với con - con bé lại hét lên: hai tay nó xiết chặt lấy cổ / dang cả hai chân cầu chặt lấy ba nó, đôi vai nhỏ bé của nó run run.

+ Nghe mọi người khuyên can, rồi bà ngoại nói chuyện cây lược - Con bé lại ôm chầm ba nó một lần nữa và méo máo: "Ba về! Ba mua cho con cây lược nghe ba! "Nó nói trong tiếng nấc và từ từ tuột xuống".

d. Nhận xét về sự thay đổi tâm lí và tình cảm của bé Thu.

+ Sự thay đổi tâm lí và tình cảm của bé Thu là biểu hiện của một tình cha con hết sức sâu sắc, dồn nén và mãnh mẽ, đồng thời cho thấy bé Thu sớm thể hiện một tính cách cứng cỏi, dứt khoát như một người lớn cũng

như sự hồn nhiên ngây thơ của một đứa trẻ: khi không công nhận cha thì lạnh nhạt, thờ ơ; khi nhận ra cha thì bộc lộ tình cha con một cách dữ dội, mãnh liệt. Ta không có gì để trách bé Thu, sự nhầm lẫn của em chính là nỗi đau mà quân xâm lược đã gây nên cho mỗi con người, gia đình Việt Nam.

+ Tác giả tỏ ra rất hiểu tâm lí và khả năng bộc lộ, biểu hiện diễn tả một cách sinh động tâm hồn tình cảm của trẻ em.

+ Những đoạn tả thái độ hành động của bé Thu đối với cha rất giàu chất trữ tình, có sức truyền cảm mạnh mẽ, có lẽ ít người cảm được nước mắt khi đọc những những dòng này.

2. Nhận xét về nghệ thuật miêu tả tâm lí và xây dựng tính cách nhân vật bé Thu.

a. Nghệ thuật xây dựng cốt truyện:

+ Nhìn chung cốt truyện rất đơn giản: một đứa bé nhầm không nhận ra cha, rồi cuối cùng có người giải thích, nó đã nhận ra.

+ Các chi tiết được sắp xếp nghệ thuật để người đọc đến với hết bất ngờ này với bất ngờ khác mà lại rất hợp lí.

Những giây phút đầu, mọi người tưởng đứa bé sẽ nhận cha, nhưng nó lạnh nhạt, thờ ơ. Lúc gặp tình thế bí (nổi cơn thừa nước), tưởng nó sẽ nhớ cha, nhưng lại càng bướng bỉnh hơn. Đến khi anh Sáu ra đi, tưởng cha con sẽ chia tay trong lạnh nhạt thì tình cha con lại trào dâng dữ dội trong bé Thu.

Chi tiết *chiếc lược ngà* như một điểm nhấn cho giai điệu của bài ca về tình cha con trong chiến tranh cũng là một chi tiết tuyệt hay. Nó cho thấy sự hồn nhiên của trẻ thơ, nó là niềm an ủi anh Sáu những tháng ngày xa con ở đơn vị. Nó nối hai câu truyện: chuyện cha con anh Sáu và chuyện của người kể chuyện - bác Ba. Nhưng trước hết *chiếc lược ngà* là một chi tiết bất ngờ: Khi anh Sáu cố gắng hết sức để có một kỉ vật, chờ ngày về thực hiện lời hứa đối với con thì bom đạn kẻ thù đã không cho anh làm việc ấy. Bất ngờ nhưng là hiện thực tất yếu và đau xót của chiến tranh.

b. Nghệ thuật chọn nhân vật kể chuyện phù hợp.

Ông Ba là người hiểu biết tường tận hoàn cảnh của cả hai cha con ông Sáu. Việc lựa chọn nhân vật người kể chuyện góp phần tạo thành công cho câu chuyện. Người kể chuyện là bạn thân, là đồng chí của ông Sáu. Điểm nhìn vừa là người ngoài, đảm bảo cho sự quan sát khách quan nội chuyện, vừa như là chính người cha kể lại, làm cho những rung động sâu xa của tình cha con được bộc lộ một cách tự nhiên, linh hoạt và chân thành.

c. Ngôn ngữ kể chuyện giàu chất trữ tình.

Ngôn ngữ kể chuyện có cả ba yếu tố: miêu tả, biểu cảm, nghị luận. Cho nên, truyện không chỉ hấp dẫn ở chi tiết, cốt truyện, mà còn khiến con tim người đọc rung động, khơi lên những nghĩ suy, trầm trồ qua những lời bình luận, nhận xét.

Kết luận

- Truyện ngắn *Chiếc lược ngà* khá tiêu biểu cho nghệ thuật viết truyện ngắn của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Xây dựng cốt truyện hấp dẫn, lựa chọn những chi tiết, tình huống bất ngờ và hợp lí. Ngôn ngữ kể chuyện thân

mật, dân dã, gần với khẩu ngữ, rất Nam Bộ. Nghệ thuật dẫn truyện tự nhiên, thoải mái, lôgic.

- Nét đặc sắc trong truyện là nghệ thuật miêu tả tinh tế và sâu sắc tâm lí nhân vật, nhất là tâm lí của trẻ em. Chính những năm tháng lẫn lộn trong chiến trường, hoà nhập với đồng đội và nhân dân, bằng một trái tim nhạy cảm, nhân hậu, con mắt quan sát thêm tinh nhạy đã giúp nhà văn tạo nên thành công của truyện ngắn này.

Đề tham khảo

1. Phát biểu cảm nghĩ về tình cha con sâu nặng qua nhân vật người cha trong truyện ngắn *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng.

2. Em hãy viết lại đoạn truyện kể về cuộc chia tay cuối cùng của cha con ông Sáu theo lời hồi tưởng của ông Sáu hoặc bé Thu.

Đề 18: Suy nghĩ về hình tượng nhân vật Nhĩ trong truyện *Bến quê* của Nguyễn Minh Châu (*Ngữ văn 9, tập 1*).

PHÂN TÍCH ĐỀ, TÌM Ý

1. Đề yêu cầu nêu lên những suy nghĩ về nhân vật Nhĩ trong truyện ngắn *Bến quê* của Nguyễn Minh Châu. Vậy người viết phải nêu lên được những nhận xét, đánh giá của bản thân về nhân vật này. Muốn nhận xét đánh giá chính xác phải hiểu đặc điểm, tính cách, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm.

2. Nhận xét, đánh giá về nhân vật này cần tập trung vào những diễn biến nội tâm của nhân vật dưới sự tác động của những tình huống nghịch lí như thế nào? Nhân vật đã nhận ra được gì sau những năm tháng sống, cống hiến và trong hoàn cảnh mà anh gặp phải lúc cuối đời? Qua nhân vật, nhà văn muốn nói gì với độc giả?

3. Nhân vật Nhĩ trong *Bến quê* của Nguyễn Minh Châu là một loại nhân vật tư tưởng, tức là loại nhân vật mà nhà văn muốn xây dựng để *tập trung thể hiện một tư tưởng, một ý thức tồn tại trong đời sống tinh thần của xã hội*. Thông qua Nhĩ, Nguyễn Minh Châu muốn thức tỉnh mọi người: hãy biết nhận ra những vẻ đẹp bình dị, mà quý giá, bền vững trong những cái gần gũi của quê hương và gia đình. Và hãy cẩn thận, đừng sa vào những cái điều vòng vèo hoặc chùng chình trong cuộc đời để rồi đến chậm hoặc không đến được với những giá trị đích thực của cuộc sống.

4. Tuy nhiên Nhĩ không bị biến thành cái loa phát ngôn cho tác giả. Những chiêm nghiệm và triết lí của nhà văn đã được chuyển hoá vào trong đời sống nội tâm của nhân vật, với diễn biến tâm trạng dưới sự tác động của hoàn cảnh một cách hợp lí.

DÀN BÀI

Mở bài

Giới thiệu truyện ngắn *Bến quê* và nhân vật Nhĩ.

1. Giới thiệu xuất xứ, nội dung khái quát của truyện. Truyện ngắn *Bến quê* in trong tập truyện cùng tên của Nguyễn Minh Châu xuất bản năm 1985. Ở truyện ngắn này cũng như nhiều truyện ngắn cùng thời của ông, ngòi bút nhà văn hướng vào cuộc sống thế sự, nhân sinh thường ngày, với những

chi tiết sinh hoạt đời thường, có khi nhỏ nhặt để phát hiện những chiều sâu của đời sống với bao nhiêu quy luật và nghịch lí, vượt ra khỏi giới hạn chật hẹp của cách nhìn, cách nghĩ trước đây của xã hội và của chính tác giả.

2. Giới thiệu nhân vật chính (tên nhân vật, tóm tắt hoàn cảnh của nhân vật, giới thiệu khái quát tâm trạng của nhân vật).

Thân bài

1. Hoàn cảnh đặc biệt của nhân vật. Nếu phần mở bài đã tóm tắt hoàn cảnh của nhân vật, thì phần thân bài không cần nêu ý này, hoặc có nêu, chỉ nêu thật ngắn gọn.

2. Suy nghĩ và tâm trạng của nhân vật Nhĩ (nêu, phân tích qua các dẫn chứng)

a) Cảm nhận của Nhĩ về bước đi của thời gian, từ đó anh càng hiểu *những ngày mình góp mặt với đời không còn nhiều nữa*.

b) Cảm nhận của Nhĩ về tình yêu thương, sự tàn tảo và đức hi sinh của vợ. Anh nhận ra *vẻ đẹp của tâm hồn vợ và những giá trị gia đình mang đến cho anh*.

c) Những phát hiện của Nhĩ về vẻ đẹp của khoảng không gian ngay trước cửa sổ nhà mình trong buổi sáng đầu thu (mấy cây bằng lăng, bãi bồi bên kia sông Hồng) từ đó anh nhận ra *vẻ đẹp của bến quê* - một nét nhỏ thân thuộc, vô cùng yêu dấu của quê hương nhưng nhiều khi chìm khuất khiến ta không để ý.

d) Niềm khao khát được một lần đặt chân sang bãi bồi bên kia sông Hồng, pha lẫn sự ân hận đau đớn của Nhĩ vì khao khát ấy giờ đây đã thành vô vọng. Con người hãy rút bài học từ đây để không phải rơi vào cảnh ngộ này. Hành động cuối cùng của Nhĩ có ý nghĩa như vậy.

3. Đánh giá về nhân vật Nhĩ và những triết lí cuộc đời có thể nhận ra được từ nhân vật. Với những đặc điểm đã nêu trên, Nhĩ là người như thế nào? Anh có đáng trách? Điểm đáng quý của anh là gì? Qua nhân vật Nhĩ, Nguyễn Minh Châu muốn nói gì với người đọc?

Kết bài

1. Sức hấp dẫn của hình tượng nhân vật

2. Thành công của nhà văn khi xây dựng hình tượng nhân vật Nhĩ.

Đề 19: Em hãy phân tích tính biểu tượng của nhan đề truyện *Bến quê*

BÀI LÀM

Nhĩ, nhân vật chính trong truyện, một người từng đi khắp mọi nơi trên thế giới nhưng đột nhiên bị mắc căn bệnh hiểm nghèo, hầu như bị liệt toàn thân. Tất cả mọi sinh hoạt của anh đều phải nhờ vào sự giúp đỡ của người khác, mà chủ yếu là Liên, vợ anh. Vào một buổi sáng đầu thu, Liên đỡ chồng ngồi dậy bón cho anh từng thìa cháo, Nhĩ nhìn qua cửa sổ phát hiện ra bãi bồi bên kia sông Hồng: *"Bên kia những hàng cây bằng lăng, tiết trời đầu thu đem đến cho con sông Hồng một màu đỏ nhạt, mặt sông như rộng thêm ra. Vòm trời cũng như cao hơn. Những tia nắng sớm đang từ từ di chuyển từ mặt nước lên những khoảng bờ bãi bên kia sông, và cả một vùng phù sa lâu đời của bãi bồi ở bên kia sông Hồng lúc này đang phô ra trước*

khuôn cửa sổ của gian gác nhà Nhĩ một thứ màu vàng thau xen với màu xanh non - những màu sắc thân thuộc quá như da thịt, hơi thở của đất màu mỡ". Từ lúc nhận ra vẻ đẹp ấy, Nhĩ rất muốn được đặt chân sang bãi bồi. Không thể thực hiện được, Nhĩ nhờ Tuấn, con trai anh sang đó thay anh. Tuấn không hiểu ý bố nên sa vào đám chơi cờ thế. Nhĩ muốn đến gần cửa sổ để nhìn cho rõ bãi sông, nhưng tự anh không thể dịch chuyển được nên anh phải nhờ lũ trẻ hàng xóm giúp đỡ. Thấy Tuấn sa vào đám cờ thế có thể bỏ lỡ mất chuyến đò ngang trong ngày khiến anh buồn rầu nghĩ ngợi: "*con người ta trên đường đời thật khó tránh được những cái điều vòng vèo hoặc chùng chình*". Cũng trong những ngày đó anh nhận ra sự vất vả tằn tảo của vợ, nhận ra vẻ đẹp vẹn nguyên của tâm hồn vợ. Cuối cùng anh dồn hết sức rướn người qua cửa sổ khoát khoát tay như ra hiệu giục giã con.

Đó là nội dung chính của truyện **Bến quê**. Sức hấp dẫn của truyện **Bến quê** không nằm ở cốt truyện với những tình tiết li kì, gay cấn, không nằm ở những sự kiện những nhân vật có tầm vóc lớn lao, mà nằm ở chỗ tác giả đã xây dựng được một hệ thống yếu tố, một hệ thống hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng nhằm diễn đạt suy ngẫm, chiêm nghiệm của mình về những giá trị đích thực, giản dị, gần gũi mà bền vững của cuộc đời. Một hình tượng bao trùm toàn bộ tác phẩm, có tác dụng liên kết các yếu tố, hình ảnh khác là hình tượng *bến quê* mà tác giả dùng làm nhan đề không chỉ cho truyện ngắn cùng tên này mà còn là nhan đề cho một tập truyện ngắn ông viết sau năm 1975. Vậy các tầng nấc ý nghĩa của hình tượng *bến quê* là gì, các tầng nấc ý nghĩa ấy được biểu hiện ra sao?

Qua phần nội dung câu chuyện đã tóm tắt ở trên, *bến quê* đối với nhân vật Nhĩ là những gì gần gũi thân thiết nhất với anh. Đó là những bông hoa bằng lăng đậm sắc với những cánh hoa có màu tím sẫm như bóng tối, là cái bờ lở dốc đứng có chuyến đò ngang cập bến mỗi ngày, là bãi bồi bên kia sông Hồng có *màu vàng thau xen lẫn xanh non thân thuộc như da thịt, hơi thở của đất màu mỡ*. Không chỉ có thế, *bến quê* còn là người vợ tảo tần, chăm chút anh từng li từng tí khi anh đau ốm, là bày trẻ với những *bàn tay chua lèm mùi nước dưa* và ông lão lảng giềng sẵn sàng giúp đỡ, hỏi han động viên anh mỗi ngày. Như vậy, Nguyễn Minh Châu không dựng lên một bến sông chung nào đó. Đây là *Bến quê* như đầu đề tác phẩm. Nó là tất cả những phát hiện ám áp tình đời và tình người của nhân vật (cũng là của tác giả), trước những gì thân quen nhất, thương yêu nhất (người vợ), những gì hồn nhiên gần gũi nhất (bầy trẻ, ông lão lảng giềng), là những gì giàu có đẹp để thuận phác và cổ sơ nhất của mảnh đất đã sinh thành ra anh, và sẽ nhận anh về khi nhắm mắt xuôi tay. Nhưng thật đau đớn cho Nhĩ, đến lúc anh nhận ra giá trị bình dị mà bền vững của *bến quê* thì cũng là lúc anh sắp từ giã cõi đời. Những nhận thức đau đớn mà sáng ngời đó của Nhĩ có giá trị cảnh tỉnh chúng ta, nhắc chúng ta hãy biết giữ gìn trân trọng *bến quê* thân thiết của mỗi người. Đó là ý nghĩa mà tác giả muốn gửi gắm tới độc giả được cô đúc qua hình ảnh nhan đề truyện - *Bến quê*.

Đề tham khảo

Phân tích truyện *Bến quê* (Ngữ văn 9, tập 2) để thấy tài năng của Nguyễn Minh Châu trong việc miêu tả tâm lí nhân vật.

Đề 20: Hãy phân tích nhân vật Phương Định trong truyện *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê (Ngữ văn 9, tập 2)

TÌM HIỂU ĐỀ

Đây là dạng đề nghị luận về nhân vật văn học. Mọi yêu cầu của đề về nội dung và hình thức (dạng bài) của bài viết đều rất rõ ràng.

- Về hình thức của bài viết: là bài phân tích nhân vật văn học.
- Về nội dung: nêu biểu hiện, phân tích được những đặc điểm tính cách của Phương Định, nhân vật chính trong truyện *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê.

DÀN BÀI

Mở bài

- Giới thiệu truyện, giới thiệu chung các nhân vật.
- Giới thiệu nhân vật chính.

Thân bài

Nêu và phân tích các đặc điểm tính cách của Phương Định.

1. Nêu hoàn cảnh, công việc của nhân vật.

Phương Định cùng Nho và Thao – những cô gái thanh niên xung phong – sống trên cao điểm giữa mênh mông khói bụi Trường Sơn và bom đạn hủy diệt của kẻ thù. Công việc của chị và đồng đội trong tổ trinh sát mặt đường là "*đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom*", để bảo vệ con đường, cho những đoàn xe băng về phía trước, góp phần vào sự nghiệp giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước. Công việc thật vinh quang nhưng cũng đầy hi sinh gian khổ. Nhưng chính hoàn cảnh gian khó, hiểm nguy này đã làm sáng lên những phẩm chất đáng quý của chị và đồng đội.

2. Trước hết đó là vẻ đẹp của tinh thần dũng cảm, thái độ bình tĩnh, vượt lên mọi hiểm nguy.

a) Chạy trên cao điểm bị bom đạn cày nát, còn ẩn giấu những quả bom chưa nổ – cũng có nghĩa là nó sẽ nổ bất cứ lúc nào, cũng có nghĩa là đối mặt với thần chết. Nhưng chị vẫn thật bình thản, thậm chí còn thấy thú vị, dù trên mình vết thương chưa lành miệng.

b) Tư thế đàng hoàng, thái độ bình tĩnh, thao tác thành thạo khi phá bom.

c) Có những lúc cũng nghĩ đến cái chết nhưng chỉ "*mờ nhạt*", còn ý nghĩ cháy bỏng là "*liệu mình có nổ, bom có nổ không? Không thì làm thế nào để châm mìn lần thứ hai?*". Mục đích hoàn thành nhiệm vụ luôn được Phương Định đặt lên trên hết.

3. Trong chị luôn thường trực một tình cảm đồng chí, đồng đội nồng ấm.

- a) Tấm lòng vị tha, luôn quan tâm đến đồng chí, đồng đội
- + Lo lắng, sốt ruột khi đồng đội lên cao điểm chưa về.

+ Luôn triu mến yêu thương bạn bè (cách Phương Định nhận xét về Nho, phát hiện ra vẻ dễ thương: "*nhẹ, mát như một que kem trắng*" của bạn, việc chị rất hiểu các sở thích và tâm trạng của chị Thao...)

+ Chăm sóc Nho tận tình khi cô bị thương.

b) Ngược lại, chị cũng rất cần sự cổ vũ động viên của đồng đội

Thấy ấm lòng và tự tin hơn khi cảm thấy ánh mắt dõi theo, khích lệ của các anh chiến sĩ pháo binh. Rất yêu mến và cảm phục tất cả những người chiến sĩ mà chị gặp hằng đêm trên trọng điểm của con đường vào mặt trận.

4. Nét nổi bật, cũng là điểm hấp dẫn nhất của nhân vật này với người đọc là tâm hồn trong sáng giàu mơ mộng, là sự hồn nhiên như trẻ thơ.

+ Phương Định là con gái Hà Nội vào chiến trường. Chị vừa qua tuổi học sinh vô tư lự. Giữa bom đạn, chết chóc, chị vẫn hay nhớ lại những kỉ niệm êm đềm bên mẹ trong căn gác nhỏ, nhớ về thành phố tuổi thơ.

+ Chị hay hát, hay cười một mình, hay ngắm mình trong gương. Chị tự đánh giá mình là một "*cô gái khá*", có "*Hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn*". Mắt "*dài, màu nâu, hay nheo lại như chói nắng*", và được các anh chiến sĩ nhận xét là "*có cái nhìn sao mà xa xăm*". Chị có cái điệu dàng của một cô gái Hà Nội, nhưng là cái điệu thật đáng yêu vì nó hồn nhiên và vô cùng chân thực. Nó vừa làm đẹp, làm dịu khỏi lửa chiến tranh, vừa tăng tính khốc liệt của nó.

Kết bài

- Bằng ngòi bút miêu tả tâm lí nhân vật sinh động, tinh tế, Lê Minh Khuê đã làm hiện lên thế giới nội tâm phong phú của Phương Định, cô nữ thanh niên xung phong trên tuyến đường huyết mạch Trường Sơn trong những năm kháng chiến chống Mĩ. Qua Phương Định, chúng ta hiểu hơn thế hệ trẻ Việt Nam trong những năm tháng hào hùng ấy. Đó là những con người:

"Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước

Mà lòng phơi phới dậy tương lai"

(Tố Hữu, *Nước non ngàn dặm*).

Đề tham khảo:

Hãy nêu cảm nghĩ của em về các nhân vật nữ thanh niên xung phong trong truyện *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê. Qua truyện ngắn này và những tác phẩm khác đã học cũng viết về cuộc kháng chiến chống Mĩ, em hình dung và hiểu biết được gì về thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kì này.

Đề 21: Chứng minh: Nghệ thuật kể chuyện đan xen giữa hiện thực và mộng tưởng đã góp phần làm nên sức hấp dẫn của truyện *Cô bé bán diêm* của An-đéc-xen (*Ngữ văn 8*, tập 1).

PHÂN TÍCH ĐỀ

- Dạng đề nghị luận văn học.

- Phân tích, chứng minh cách kể chuyện đan xen giữa hiện thực và mộng tưởng là yếu tố góp phần làm nên sức hấp dẫn của truyện *Cô bé bán diêm*. Như vậy để làm được đề này, người viết phải chỉ ra được hiện thực và

mộng tưởng được kể đan xen như thế nào trong truyện. Cách kể ấy có tác dụng gì trong việc biểu đạt nội dung tư tưởng, thể hiện tình cảm của nhà văn.

MỘT SỐ Ý CHÍNH

1. Nêu hoàn cảnh đáng thương của em bé bán diêm: đêm giao thừa, tuyết rơi, lạnh buốt, một em bé chân đất đầu trần, phong phanh áo mỏng đi bán diêm...
2. Tác giả đã dùng nghệ thuật tương phản để làm nổi bật hoàn cảnh hết sức tội nghiệp của em: tương phản giữa ngoài đường lạnh buốt tối đen - là nơi dành cho em, với những ngôi nhà sáng rực ánh đèn, lấp lánh cây thông nô-en; em bé bụng đói còn trong phố "sức nức mùi ngỗng quay"...
3. Đặc sắc hơn tác giả đã dùng cách kể chuyện đan xen giữa hiện thực và mộng tưởng để truyền vào lòng người đọc niềm thương cảm với em bé bất hạnh và giúp chúng ta hiểu những khao khát, mơ ước của những em bé bơ vơ.
4. Phân tích bốn lần quẹt diêm và bốn ảo ảnh. Lần quẹt diêm thứ nhất: *ảo ảnh về sự ấm áp cho em bé phong phanh áo mỏng trong đêm tuyết dày.* Lần quẹt diêm thứ hai: *ảo ảnh về bữa ăn ngon cho em bé suốt ngày nhịn đói.* Lần quẹt diêm thứ ba: *ảo ảnh về ngày vui năm mới với cây thông nô en lấp lánh sắc màu cho em bé sống trong căn phòng áp mái tứ cửa gió lùa.* Lần quẹt diêm thứ tư: *ảo ảnh về người bà với tình thương yêu dịu dàng cho một em bé mồ côi mẹ, có người cha dữ dòn và nghiện rượu.*
5. Cách kể chuyện như vậy làm cho câu chuyện tràn đầy tính bi kịch, nhưng lại vẫn không ít tính chất thơ mộng của một truyện cổ tích.
6. Những giấc mơ của em giúp ta hiểu rằng dù bị cái đói, cái rét hành hạ, dù bị người đời thờ ơ ghẻ lạnh, em bé vẫn giữ được tâm hồn trong trắng, tình cảm đẹp đẽ, lương thiện. Cuối cùng cái chết của một cô bé như vậy "ở một xó tường", má vẫn hồng và "đôi môi đang mỉm cười" chính là tiếng gào thét không lời trước nhân tâm, xã hội. Đó chính là cái làm lay động lòng người, làm người ta phải day dứt suy tư khi gấp trang sách lại.

Đề tham khảo:

Phát biểu cảm nghĩ của em sau khi đọc truyện *Cô bé bán diêm* của An-đéc-xen (Ngữ văn 8, tập 1)

Đề 22: Giôn-xi trước mộ cụ Bơ-men (nhân vật trong truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng* của O' Henry (Ngữ văn 8, tập 1).

PHÂN TÍCH ĐỀ

- Đề không yêu cầu rõ về thể loại, chỉ đưa ra một tình huống giả tưởng, học sinh phải dựa vào tình huống ấy chọn được thể loại viết phù hợp. Tuy nhiên với dạng đề này, sử dụng thể loại tự sự, kết hợp với miêu tả, biểu cảm, nghị luận là dễ viết hơn cả.

- Để làm tốt được đề bài này cần nắm chắc cốt truyện, hiểu rõ hai nhân vật Giôn-xi và Bơ-men.

MỘT SỐ Ý CHÍNH

- Bối cảnh không gian, thời gian... Giôn-xi đến viếng mộ cụ Bơ-men.
- Những suy nghĩ và tình cảm của Giôn-xi. Có thể viết về một hoặc một vài ý sau: Suy nghĩ, tình cảm của Giôn-xi về cụ Bơ-men, về bức tranh kiệt tác của cụ, về cuộc đời, về nghệ thuật, về sự cao thượng... về tương lai của mình v.v..

Đề tham khảo:

Hãy đóng vai nhân vật Xiu để kể lại quá trình hồi phục trở về với cuộc sống của Giôn-xi trong truyện *Chiếc lá cuối cùng* (Ngữ văn 8, tập 1).

Đề 23: Giới thiệu truyện ngắn *Cổ Hương* của Lỗ Tấn.

PHÂN TÍCH ĐỀ

- Dạng đề: Nghị luận về một tác phẩm truyện, có sử dụng nhiều yếu tố thuyết minh.
- Phân tích, làm sáng rõ những yếu tố đặc sắc về nội dung tư tưởng và nghệ thuật của truyện.

BÀI LÀM

Cổ hương là một trong những truyện ngắn tiêu biểu của nhà văn Trung Quốc kiệt xuất, Lỗ Tấn (1881 - 1936). Tác phẩm xuất bản lần đầu năm 1921, sau được in trong tập *Gào thét* (1923). Thông qua những điều mắt thấy tai nghe trong một chuyến về quê sau hai mươi năm xa cách và những hồi ức về cảnh sắc và con người của cổ hương, nhân vật "tôi" đã bộc lộ những nỗi xót xa buồn bã về đất nước Trung Hoa dưới chế độ phong kiến tàn bạo, lỗi thời. Cũng chính từ đó, trong tâm tưởng của "tôi" trào dâng niềm hi vọng về một tương lai thế hệ trẻ phải sống một cuộc đời mới, một cuộc đời mà chúng tôi chưa từng được sống.

Cổ hương là tự sự nhưng đồng thời cũng rất giàu chất trữ tình của thơ ca và chất triết lí của văn nghị luận. Tràn ngập câu chuyện là nỗi buồn thương, cảm giác ngột ngạt, song cũng chứa chan một niềm tin vào ngày mai tươi sáng. Truyện còn hấp dẫn người đọc ở những nhận xét, đánh giá, bình luận về nhân sinh thế sự hết sức sâu sắc.

Cổ hương được bố cục theo thời gian: "Tôi" trên đường về quê; "Tôi" ở quê; "Tôi" rời xa quê. Trên cái khung thời gian ấy, toàn bộ bức tranh quê hương trong ký ức và hiện tại hiện ra thật sinh động và gợi nhiều suy tư.

Trong kí ức, cảnh sắc cổ hương với "tôi" là một "cảnh tượng thần tiên và kì dị", giàu có và thanh bình: "Một vầng trăng tròn vàng thắm treo lừng lờ trên nền trời xanh đậm, dưới là một bãi cát bên bờ biển, trồng toàn dưa hấu, bát ngát một màu xanh rờn. Con người của cổ hương như chị Hai Dương - nàng Tây Thi - có sắc đẹp đằm đuối đã làm cho cửa hàng đậu phụ của chị bán rất chạy. Con người cổ hương còn là Nhuận Thổ, người đã cùng với Tấn xây dựng một tình bằng hữu vô tư trong sáng, tươi đẹp của tuổi thơ. Hình ảnh Nhuận Thổ hiện lên như một thiên thần: Giữa ruộng dưa, một đứa bé chạc mười một mười hai tuổi, cổ đeo vòng bạc, tay lăm lăm cầm chiếc đinh ba...", "khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật, đầu đội mũ lông chiên bé tí

tạo, cổ đeo vòng bạc sáng loáng". Kiến thức thực tế của Nhuận Thổ hết sức phong phú làm cho một cậu ấm Tấn, quanh năm chỉ nhìn thấy một mảnh trời vuông trên bốn bức tường cao bao bọc lấy cái sân, cảm thấy hết sức hứng thú. Làm bạn với Nhuận Thổ, "tôi" được biết bao nhiêu là chuyện mới lạ, chưa hề biết: bẫy chim; canh nhím, lợn rừng, tra cho ruộng dưa; những vỏ sò đủ màu sắc trên bờ biển; những quả dưa hấu ăn cũng phải trải qua bao nhiêu là nguy hiểm. Rồi những món quà nho nhỏ khi hai đứa xa nhau, những giọt nước mắt buổi chia tay... Tất cả là những kỉ niệm không phai mờ về một cổ hương thơ mộng, giàu nghĩa tình, đậm thắm chân thành, tươi đẹp.

Nhưng cổ hương bây giờ đã đổi khác. Chỉ một khoảng hai mươi năm, cái đẹp dễ, chân thành, hồn nhiên đã biến mất. Bao trùm lên là một khung cảnh thê lương, thôn xóm tiêu điều, hoang vắng, nằm im lìm dưới vòm trời màu vàng úa. Con người cũng vậy. Nàng Tây Thi bây giờ trở thành "một người đàn bà, trên dưới năm mươi tuổi, lưng quyền nhô ra, môi mỏng dính, hai tay chống nạnh, không buộc thắt lưng, chân đứng chạng ra, giống hệt cái com-pa... có hai chân bé tí". Tính nết thì chua ngoa, thô bạo, tham lam, không biết xấu hổ, sẵn sàng vơ vào như kẻ cướp, "vừa quay gót đi vừa tiện tay giật luôn đôi bít tất tay... giắt vào lưng quần, cút thẳng". Người bạn thân như thiên thần thừa xửa mới thật thảm hại. "Khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật trước kia nay đổi thành vàng sạm, lại có thêm những nếp răn sâu hoắm... mi mắt viền đỏ húp mọng lên... đội một cái mũ lông chiên rách tươm, mặc một cái áo bông mỏng dính, người co ro cúm rúm,... Bàn tay vừa thô kệch vừa nặng nề, nứt nẻ như vỏ cây thông". Nhưng sự thảm hại khiến cho nhân vật "tôi phải đồng cảm" không chỉ ở cái hình hài tàn tạ của Nhuận Thổ, sau hai mươi năm đã phải chịu bao nhiêu là thứ: "con đông, mùa mất, thuế nặng, lính tráng, trộm cướp, quan lại, thân hào đầy đoạ", mà ở cái dáng điệu cung kính, chào người bạn cũ thuở thiếu thời, rất rành mạch: "Bẩm ông!". Sự đau đớn đến cùng cực của nhân vật "tôi" là giữa anh và người bạn thuở ấu thơ, hằng mong gặp mặt, không còn hồn nhiên, thân mật, gần gũi. Thay vào đó là "một bức tường khá dày ngăn cách". Tất cả thành tựu văn hoá của cái xã hội phong kiến là chỉ trong hai mươi năm đã xoá xong cái tình chân thật giữa người với người và dựng lên ở đó sự cách bức giàu nghèo, sự phân biệt sang hèn và xô đẩy một con người thông minh nhanh nhẹn vui tươi như Nhuận Thổ thành đàn đôn, mù mẫm chỉ còn phảng phất như một pho tượng đá, khổ vì bị áp bức, vì mê tín, vì quan niệm cũ kĩ về đẳng cấp. Con người trong chế độ phong kiến suy tàn Trung Hoa đều tụt lùi theo con đường như vậy. Hình ảnh cuối cùng về Nhuận Thổ: xin đồ gỗ, một bộ tam sự, một cái cân và các đồng tro, (hình như còn vui trộm bát đĩa vào đây), đã làm cho những ký ức tươi đẹp về cổ hương, trong lòng người ra đi, không còn nữa. "Ngôi nhà cũ xa dần, phong cảnh làng cũ cũng mờ dần, nhưng lòng tôi không chút lưu luyến. Tôi chỉ cảm thấy xung quanh tôi là bốn bức tường vô hình, nhưng rất cao, làm cho tôi vô cùng lẻ loi, ngột ngạt. Hình ảnh đứa trẻ oai hùng, cổ đeo vòng bạc, đứng giữa ruộng dưa hấu, tôi vốn nhớ rõ lắm, nhưng bây giờ bỗng nhiên cũng mờ nhạt đi, khiến tôi lại càng thêm ảo não".

Cố hương của Lỗ Tấn vừa vạch trần ung nhọt xã hội vừa lôi ra hết bệnh tật của những người lao động để mọi người chú ý chạy chữa. Đó cũng là cơ sở để Lỗ Tấn thổ lộ những ước mơ của mình. Hình ảnh Thuỷ Sinh - con Nhuận Thổ và cháu Hoàng với mối thân thiện nảy nở tự nhiên giữa hai đứa trẻ như sự lảy lại mối quan hệ Nhuận Thổ, Lỗ Tấn xưa kia, lảy lại khát vọng về một thế giới bình đẳng của trẻ thơ. Kết thúc tác phẩm là một giấc mơ tuyệt đẹp cho thế hệ tương lai: "*Chúng phải sống trong một đời mới, một cuộc đời mà chúng tôi chưa từng được sống*".

Cố hương như một bài thơ buồn đau nhưng không gục ngã, mất mát mà không thất vọng, nghĩ về một sự đổi thay có vẻ mong manh, nhưng niềm tin thì thật bền vững. Như chân lí của muôn đời: "*đã gọi là hi vọng thì không thể nói đâu là thực đâu là hư. Cũng giống như những con đường trên mặt đất; ki thực trên mặt đất vốn làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi*".

Đề tham khảo:

Hãy tìm bố cục và nhận xét về nghệ thuật bố cục truyện ngắn *Cố hương* của Lỗ Tấn.

Đề 24: Niềm vui và nỗi buồn của bé Xi-mông (nhân vật trong truyện *Bố của Xi-mông* của Guy đơ Mô-pa-xăng- Ngữ văn 9, tập 2).

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. Đây là dạng đề không nêu yêu cầu rõ ràng về mặt thể loại. Nhưng qua nội dung đề bài yêu cầu (nỗi buồn và niềm vui của bé Xi-mông) dùng phương thức nghị luận hoặc biểu cảm đều được. Song có lẽ, kết hợp hai phương thức này là phù hợp nhất.

2. Theo yêu cầu của đề, cần phải làm rõ vì sao bé Xi-mông buồn, vì sao em vui. Những vui buồn ấy được tác giả miêu tả như thế nào? Tình cảm của tác giả? Em có ý kiến như thế nào về niềm vui và nỗi buồn ấy. Ý nghĩa nhân văn rút ra từ niềm vui và nỗi buồn của Xi-mông.

BÀI LÀM

Guy đơ Mô-pa-xăng (1850-1893) là nhà văn hiện thực nổi tiếng của Pháp nửa cuối thế kỉ XIX. Ông là tác giả hơn ba trăm truyện ngắn, các tiểu thuyết *Một cuộc đời*, *Ông bạn đẹp* và một số tiểu thuyết khác. Nhưng đóng góp cho nền văn học Pháp nửa cuối thế kỉ thứ XIX và cho thế giới của Mô-pa-xăng thuộc về lĩnh vực truyện ngắn. *Bố của Xi-mông* là một trong số những truyện ngắn xuất sắc của ông. Cốt truyện thật đơn giản, tất cả chỉ xoay quanh nỗi buồn và niềm vui của bé Xi-mông, nhưng qua đó nhân vật và tấm lòng đôn hậu đã sáng lên (bác thợ rèn Phi-líp, chị Blăng-sốt, người trót một lần làm lỡ nhưng là một người mẹ tốt rất thương con, và là một phụ nữ nền nếp, trung hậu). Đồng thời từ niềm vui, nỗi buồn của cậu bé, những định kiến vô lí, sự tàn nhẫn, thô bạo cũng lộ mặt và bị phê phán.

Văn bản *Bố của Xi-mông* trong sách *Ngữ văn 9* là một đoạn trích. Có thể tóm tắt như sau: Xi-mông là một đứa trẻ không có bố. Mẹ em bị một gã "*Sở Khanh*" lừa dối mà sinh ra em. Lần đầu tiên (lúc này Xi-mông độ bảy tám tuổi) đến trường, em bị đám học trò chế giễu, bắt nạt vì không có bố. Em

đau khổ, buồn bực ra bờ sông định tìm đến cái chết cho xong. Nhưng may mắn, em gặp bác thợ rèn Phi-líp. Bác an ủi và hứa "*Người ta sẽ cho cháu ... một ông bố*", rồi dắt tay đưa Xi-mông về nhà. Gặp mẹ, Xi-mông lại oà khóc: "*Không, mẹ ơi, con đã muốn nhảy xuống sông cho chết đuối, vì chúng nó đánh con... đánh con... tại con không có bố*". Chứng kiến cảnh đó, bác Phi-líp rất xúc động. Bác nhận (đùa) sẽ làm bố của Xi-mông. Nghe bác Phi-líp nói thế, Xi-mông hết cả buồn. Em im lặng một giây để ghi nhớ cái tên bố em - "*Phi-líp*" vào lòng. Ngày hôm sau Xi-mông đến trường, bọn trẻ lại xúm lại trêu đùa đầy ác ý. Nhưng em đã dũng dạc tuyên bố một cách cứng cỏi và ngây thơ "*Bố tao ấy à, bố tao tên là Phi-líp*". Mặc dù các bạn vẫn chưa tin nhưng em tin tưởng sắt đá vào lời nói của mình và sẵn sàng đương đầu với mọi sự chế giễu.

Vì sao một em bé non nớt như Xi-mông buồn đau tuyệt vọng đến mức muốn tìm đến cái chết? Vì em không được sinh ra trong một gia đình bình thường như bao đứa trẻ khác. Em chỉ có mẹ, không có bố. Tuổi thơ của Xi-mông là những ngày cô đơn trong ngôi nhà nhỏ thiếu tình thương và sự chăm sóc, bảo vệ của người bố. Tình thương yêu của mẹ cũng không thể bù lấp những chỗ trống vắng trong tâm hồn non nớt thơ ngây của em. Nhưng bất hạnh của em không phải chỉ có vậy. Em còn phải chịu sự trêu chọc, chế giễu, coi thường của các bạn cùng trang lứa vì "*tội*" em không có bố khi lần đầu tiên em đến trường. Thật tội nghiệp cho Xi-mông, bé bỏng như em làm sao chống lại được sự độc ác, chua cay, định kiến của người đời qua miệng những đứa bạn cùng học. Để thoát khỏi sự nhục nhã vì bị khinh bỉ, tẩy chay, Xi-mông chỉ biết một cách là tìm đến cái chết.

Thật may cho Xi-mông, không phải tất cả mọi người đều nhìn mẹ con em bằng cặp mắt khinh bỉ. Cuộc đời vẫn còn có những người tốt như bác thợ rèn Phi-líp. Tình cờ gặp Xi-mông đang khóc nức nở ở bờ sông nơi cậu bé định nhảy xuống, bác Phi-líp đã hỏi han em. Khi biết vì sao em đau buồn đến vậy bác đã an ủi, dỗ dành. Bác nói với em: "*Người ta sẽ cho cháu một ông bố*". Có lẽ trong lúc không biết dỗ dành Xi-mông bằng cách nào, nên bác đành phải "*gỡ bí*" với một lời hứa như vậy. Nhưng chính sự thông cảm chia sẻ, đặc biệt chính lời hứa của bác đã làm dịu đi nỗi đau khổ của Xi-mông.

Bé Xi-mông đáng thương trong nỗi buồn nhưng em còn đáng thương hơn trong niềm vui. Em đâu biết được những rắc rối phức tạp của cuộc đời nên khi bác Phi-líp đưa em về nhà, trước mặt mẹ, em đã hỏi bác: "*Bác có muốn làm bố cháu không*", "*Nếu bác không muốn cháu sẽ quay trở ra nhảy xuống sông cho chết đuối*". Trước tình cảnh ấy, lại một lần nữa bác phải "*gỡ bí*" bằng một câu như câu nói đùa "*Có chứ, bác muốn chứ*". Vậy mà Xi-mông đã tin, đã như cất được nỗi buồn đau chất chứa trong lòng. Xi-mông có đời hỏi gì nhiều đâu. Để xóa đi nỗi buồn, mang đến cho em niềm vui, sự tin tưởng, chỉ cần hứa cho em một ông bố, chỉ cần nói với em là muốn làm bố em.

Nỗi buồn và niềm vui của Xi-mông đều vì hai lí do có bố hay không có bố; bị khinh bỉ, tẩy chay, hay là được thông cảm, chia sẻ với những thua thiệt, mất mát. Không có bố em đau khổ. Bị bạn bè chế giễu, coi thường em xấu hổ, nhục nhã đến muốn chết. Được bác Phi-líp an ủi, thông cảm, hứa

làm bố, dù chỉ mới là một lời nói đùa, em đã vui vẻ, tự tin vào chính mình. Từ nỗi buồn và niềm vui của em, ta nhận ra một gia đình yên ấm hạnh phúc, có đầy đủ cả cha lẫn mẹ là một niềm hạnh phúc lớn của con trẻ. Thật đau đớn, thiệt thòi cho những đứa trẻ khi mới lọt lòng đã không được người cha thừa nhận, lớn lên lại bị xã hội coi thường, kì thị. Là con người, nhất là trẻ con, ai cũng cần được sống một cuộc sống bình thường, sống trong tình thương yêu. Những mất mát, thua thiệt trong cuộc đời, ai mà chẳng có lúc gặp. Nếu được mọi người chia sẻ, thông cảm, thì nỗi đau được xoa dịu, niềm vui rồi sẽ về. Đến như bé Xi-mông không có bố, người ta cũng có thể cho em một ông bố. Đến cuối truyện *Bố của Xi-mông*, bác Phi-líp đã trở thành bố của em, là chồng của mẹ em. Một ông bố luôn yêu thương, chở che, bên vực em, hứa sẽ kéo tai tất cả những đứa nào bắt nạt em. Một ông bố mà "ai có được cũng phải lấy làm tự hào". Đây là điểm tựa của con trẻ.

Qua niềm vui và nỗi buồn của Xi-mông, Guy đơ Mô-pa-xăng muốn nói với người đọc là hãy biết sống bao dung, nhân hậu với nhau. Biết mang hạnh phúc đến cho người khác cũng là mang hạnh phúc cho mình. Những định kiến hẹp hòi vô lí là nguyên nhân lớn nhất gây đau khổ cho con người, thậm chí có thể đẩy người ta vào chỗ chết. Hãy cẩn thận đối với nó.

Đề tham khảo:

Phân tích nhân vật Phi-líp trong truyện *Bố của Xi-mông*.

Đề 25: Hãy giới thiệu về nhà thơ Chính Hữu và bài thơ *Đồng chí*.

BÀI LÀM

Chính Hữu tên khai sinh là Trần Đình Đắc, sinh ngày 15/12/1926, tại thành phố Vinh, Nghệ An, quê ở Can Lộc, Hà Tĩnh. Trước Cách mạng tháng Tám học trung học ở Hà Nội; năm 1946 ra nhập Trung đoàn thủ đô; 1950 phụ trách Đoàn văn công quân đội; 1953-1954 tham gia các chiến dịch Thượng Lào và Điện Biên Phủ; từ 1954 tiếp tục công tác văn nghệ trong quân đội.

Bài thơ đầu tiên được biết đến của ông là bài *Ngày về* (1947), nói ý chí của người chiến sĩ Hà Nội quyết trở về giành lại quê hương bị rơi vào tay giặc Pháp. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, Chính Hữu hầu như chỉ viết về người chiến sĩ và cuộc chiến đấu chống ngoại xâm. Ông sáng tác ít, nhưng để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng người đọc. Tác phẩm chính là tập thơ *Đầu súng trăng treo* (1966).

Bài thơ *Đồng chí*, sáng tác vào đầu năm 1948, sau khi Chính Hữu đã cùng đồng đội tham gia chiến dịch Thu đông 1947, đánh bại cuộc tấn công quy mô lớn của giặc Pháp lên chiến khu Việt Bắc. Nhà thơ kể: "Tôi bị ốm, sốt rét ác tính, nhưng không có thuốc men gì cả. Đơn vị vẫn hành quân và để lại một đồng chí chăm sóc tôi. Không có đồng chí đó có lẽ tôi đã bỏ mạng. Sự ân cần của đồng chí đó khiến tôi nhớ đến những lần đau ốm được mẹ, được chị chăm sóc. Đó là những gợi ý đầu tiên cho bài thơ *Đồng chí*" (*Tác giả nói về tác phẩm*, NXB Trẻ, 2000). Bài thơ nói về tình đồng chí, đồng đội thấm thiết sâu nặng của những người lính cách mạng, phần lớn xuất thân từ nông dân. Bài thơ cũng làm hiện lên hình ảnh chân thực, giản

dị mà cao đẹp của anh bộ đội trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp còn rất khó khăn thiếu thốn.

Ra đời trong bối cảnh nền văn học mới hình thành được vài năm, *Đồng chí* là một trong những thành công sớm nhất của thơ ca kháng chiến. Đặc biệt thi phẩm đã góp phần mở ra phương thức khai thác chất thơ, vẻ đẹp của người lính trong cái bình dị, đời thường, chân thật.

Đề 26: *Tình đồng chí - tình người cao đẹp*

Với tiêu đề trên, hãy viết một bài văn phân tích đoạn thơ sau:

*Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Căn nhà không mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính
Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi
Áo anh rách vai
Quần tôi có nhiều mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay*

(*Đồng chí* - Chính Hữu)

BÀI LÀM

Tình đồng chí - tình người cao đẹp

Bài thơ *Đồng chí*, Chính Hữu sáng tác vào đầu năm 1948. Được xếp vào hàng những bài thơ tiêu biểu nhất, thành công nhất của thơ ca Việt Nam những ngày đầu chống thực dân Pháp. Bài thơ đã khắc họa thành công hình ảnh chân thực giản dị mà cao đẹp của anh bộ đội cụ Hồ trong những năm hết sức khó khăn gian khổ của cuộc kháng chiến. Và điều đặc biệt là *Đồng chí* đã nói một cách rất giản dị mà sâu sắc về tình đồng chí, đồng đội thấm thiết của những người lính vốn xuất thân từ nông dân. Một chủ đề hết sức mới mẻ của thi ca lúc bấy giờ.

Đoạn thơ sau đây là sự thể hiện cụ thể tình đồng chí - tình người cao đẹp ấy:

*... Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Căn nhà không mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính
Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi
Áo anh rách vai
Quần tôi có nhiều mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay*

....

Có lẽ từ *đồng chí* xuất hiện phổ biến ở nước ta từ khi phong trào chống thực dân Pháp do giai cấp vô sản lãnh đạo.

Nghĩa của từ đồng chí, *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ biên, NXB KHXH - Trung tâm từ điển, H. 1994, tr.331), giải thích: *Người cùng chí hướng chính trị, trong quan hệ với nhau.* Nhưng ở bài *Đồng chí*, dường như mối quan hệ giữa "anh" và "tôi" không khô khan, không mang sắc thái lí trí như cách hiểu trên. Ở đây, tình người sâu nặng chính là hạt nhân của tình đồng chí.

... Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Căn nhà không mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính

Câu thơ là lời tâm sự, tâm tình, "tôi" không nói về quê hương và hoàn cảnh riêng của "tôi" mà nói với "anh" về quê "anh" về gia đình "anh". Là đồng đội, là "đôi tri kỉ", "tôi" biết "anh" ra đi để lại sau lưng mình biết bao sự níu kéo: ruộng nương phải gửi bạn, nhà cửa mặc kệ gió lay, và biết bao người thân chờ mong thương nhớ. "Tôi" biết, xuất thân từ nông dân "anh" coi trọng như thế nào mảnh ruộng của mình, căn nhà của mình, vì đó là những tài sản lớn nhất mà cả đời đổ mồ hôi nước mắt mới có được và cao hơn người nông dân vốn rất trọng tình cảm ruột thịt, thân thương. Thế nhưng về nghĩa lớn của dân tộc, "anh" và "tôi" đã trở thành đồng chí. Tuy là "đôi người xa lạ", "tự phương trời" đến với nhau, nhưng những người đồng đội này rất hiểu nhau, biết về nhau rất tường tận. Như vậy, trước khi trở thành đồng chí thực sự, họ đã có sự đồng cảm sâu sắc; trước khi hợp tác với nhau họ đã rất hiểu về nhau. Hiểu nhau là biểu hiện đầu tiên của tình người.

Và những người lính cách mạng càng hiểu nhau hơn, gắn bó với nhau hơn bởi trong những tháng ngày bên nhau chiến đấu họ cùng nếm trải biết bao gian nan, vất vả. Cái vất vả đối với cuộc đời chiến trận thì không bao giờ hiếm.

Đó là chuyện ốm đau, bệnh tật:

Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi.

Đó là sự thiếu thốn về những trang phục tối thiểu:

Áo anh rách vai
Quần tôi có nhiều mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày.

Người ta nói thơ Chính Hữu cô đọng hàm súc. Đây là những ví dụ thật sinh động. Chỉ cần mấy câu ngắn nhưng hình ảnh anh bộ đội thời chống Pháp hiện lên tất cả. Dường như ai cũng phải trải qua những trận sốt rét khủng khiếp, thuốc thang thì thiếu thốn. Rồi các anh "vệ túm" quần áo vá, chân đất lội suối trèo non. Chỉ có điều sự thiếu thốn giảm đi rất nhiều, và con người có thể vượt qua tất cả bởi vì giữa những người đồng chí có cái ấm áp của tình người. Cái tình được bồi đắp từ cuộc sống đồng cam cộng khổ. "Áo anh", "quần tôi", phép đối được sử dụng không phải cho sự đối lập mà nhấn mạnh về cái hoà đồng muôn người như một trong hàng ngũ những

người lính cách mạng. Chỉ có nơi nào gian khó chia chung như vậy, mới tìm thấy cái thực sự của tình người.

Có lẽ nói được cái cốt lõi, cái điều sâu thẳm nhất của tình đồng chí cách mạng - tình người cao đẹp là câu thơ:

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay

Một nửa câu nói về chất keo sơn gắn bó con người: *thương nhau*, nửa kia là hành động cụ thể: *tay nắm lấy bàn tay*. Không lời nói hoa mỹ không lí lẽ, giải trình, chỉ có tình thương yêu giữa những người đồng đội mới là sự liên kết chặt chẽ nhất cho tình đồng chí cách mạng.

Hình ảnh những bàn tay nắm lấy nhau chặt chẽ kia nói lên tất cả. Đó là sức mạnh vô địch mà kẻ thù phải khiếp sợ, đó là cái tình người thực tế nhất, đẹp đẽ nhất, đáng quý nhất của quân đội ta.

Đề 27: Viết về hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ trong hai bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu và *Bài thơ tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật.

DÀN Ý

Mở bài

1. *Đồng chí* của Chính Hữu và *Bài thơ tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật là hai trong số những bài thơ tiêu biểu của của thơ ca Việt Nam thời kì kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ.

2. Thành công của hai bài thơ này là đã khắc hoạ hết sức sinh động và chân thực hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ trong hai thời kì gian khổ và hào hùng của dân tộc ta.

Thân bài

1. Hình ảnh anh bộ đội trong bài thơ *Đồng chí* (Chính Hữu):

Nét nổi bật ở bài thơ này là tình đồng chí của những con người cùng chung cảnh ngộ và lí tưởng chiến đấu, là tình thương của những người tri âm tri kỉ.

Các anh chỉ có một chút khác biệt (mỗi người một miền quê), còn có rất nhiều điểm chung, nhiều cái hoà đồng:

- Cùng cảnh ngộ: *quê hương anh..., làng tôi...*
- Cùng chiến đấu trên một chiến hào *súng bên súng/ đầu bên đầu.*
- Cùng để lại quê hương những tình cảm yêu thương, gắn bó: *giếng nước, gốc đa...*
- Cùng chung chịu những khó khăn gian khổ nơi chiến trường: *rét, áo rách, quần vá,...*
- Cùng mang ý chí và tâm hồn Việt Nam: *Đầu súng trăng treo.*

2. Hình ảnh anh bộ đội trong *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* (Phạm Tiến Duật).

Vẻ đẹp của anh bộ đội thời chống Mĩ lại được thể hiện ở thái độ, tư thế, tình cảm tâm hồn, khí phách, khí thế mới mang tính thời đại của những con người không phải chờ giặc tới mà là tìm giặc để đánh:

- *Thái độ bất chấp gian khổ khó khăn:* xe bị giặc đánh không kính, không đèn, không mui, xước,... nhưng xe vẫn tiến ra tiền tuyến.

- *Tư thế hiên ngang*: Kẻ thù hùng làm cho người chiến sĩ lái xe không có kính bảo vệ sẽ không quan sát để lái xe được, nhưng người lính lại càng nhìn rõ mọi vật, đặc biệt là nhìn rõ con tim nhiệt tình cánh mạng, sự sôi ý chí chiến đấu của mình *Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng....Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim.*

- *Tình cảm, tâm hồn lạc quan, yêu đời, yêu đồng đội*:

.... *Ung dung buồng lái ta ngồi*

... *phì phèo châm diều thuốc / cười ha ha*

... *Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới / Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi*

... *Lại đi, lại đi trời xanh thêm*

- *Khí thế tiến công quyết chiến quyết thắng*:

....*Những chiếc xe từ trong bom rơi/ đã về đây họp thành tiểu đội*

....*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước*

3. Dẫu là hai thời kì khác nhau, nhưng hai hình ảnh trong hai bài vẫn là hình ảnh cao đẹp của anh bộ đội cụ Hồ:

- Mục đích chiến đấu: Vì độc lập tự do vì nền hoà bình của đất nước.

- Tinh thần chiến đấu: Dũng cảm kiên cường.

- Tình cảm đồng đội: tình đồng chí, tình đồng đội sâu sắc.

Kết bài

- *Đồng chí* và *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* ra đời cách nhau 21 năm. Một khoảng cách của hai thế hệ văn nghệ sĩ. Hai thi phẩm lại có cùng một điểm nhìn nghệ thuật, gần nhau trong bút pháp: xuất phát từ cảm xúc chân thực trước hiện thực cuộc sống. Nhưng đều mang đậm nét riêng phong cách mỗi thi nhân; và đều thuộc hàng giai phẩm.

- Hai bài thơ trong hai giai đoạn văn học - văn học kháng chiến chống Pháp (1945-1954) và chống Mĩ (1954 -1975) nhưng đều hoàn thành một cách xuất sắc sứ mạng thi ca sau Cách mạng tháng Tám, thể hiện nhân vật trung tâm của thời đại một cách cao đẹp - Anh bộ đội cụ Hồ.

- Đó là những người lính cùng chiến đấu cho hoà bình và độc lập tự do cho dân tộc, với tinh thần quyết chiến quyết thắng. Điều đặc biệt, họ đều là những con người giàu lòng yêu nước, yêu quê hương, có tình đồng chí, đồng đội sâu nặng, bền vững.

- Hai tác giả Chính Hữu và Phạm Tiến Duật có được thành công này là nhờ họ là người trong cuộc, vừa cảm hứng chiến đấu vừa cầm bút viết về chính những gì họ đã trải qua. Họ đều là anh bộ đội cụ Hồ.

Đề 28: Nhận xét về *Bài thơ tiểu đội xe không kính* (Phạm Tiến Duật), SGK Ngữ văn, tập I có viết:

"Tác giả đã đưa vào bài thơ chất liệu hiện thực sinh động của cuộc sống ở chiến trường, ngôn ngữ và giọng điệu giàu tính khẩu ngữ, tự nhiên".

Em hãy viết một bài văn chứng minh cho nhận xét trên.

GỢI Ý

Bài làm cần làm rõ hai yếu tố được trong bài thơ:

- 1 - Chất liệu hiện thực sinh động của cuộc sống chiến trường.
 - Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh khốc liệt của chiến tranh (1969).
 - Hình ảnh chiếc xe trong bài thơ trần trụi như những chiếc xe chiến trường (*tiểu đội xe không kính, bom giạt, bom rung, kính vỡ, không kính, không mui, không đèn,...*).
 - Hình ảnh người lính ngang tàng, dũng mãnh, lạc quan như người lính ngoài đời. Chi tiết mô tả cuộc sống ở chiến trường của người lính không hề tô vẽ: *Mặt lấm cười ha ha / Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi / Bếp dựng giữa trời / chung bát đũa / văng mắt chông chênh.*
- 2 - Ngôn ngữ, giọng điệu giàu tính khẩu ngữ, tự nhiên:
 - Từ ngữ dùng như cách nói thường: *ừ thì có bụi, ừ thì ướt áo, phi phèo châm điếu thuốc, chưa cần rửa, chưa cần thay...*
 - Có những câu thơ như bê từ khẩu ngữ vào:

*Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giạt bom rung kính vỡ đi rồi*
 - Giọng thơ tự nhiên thoải mái rất lính:

*Chưa cần rửa, phi phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.*

Đề 29: Từ *Đồng chí* của Chính Hữu đến *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật.

BÀI LÀM

Chính Hữu sinh năm 1926. Năm 1946 nhập ngũ, là lính trung đoàn Thủ đô. Đầu 1948, bài thơ *Đồng chí* ra đời, khi ông là chính trị viên đại đội. Phạm Tiến Duật sinh năm 1941, năm 1964 gia nhập quân đội, hoạt động trên tuyến đường Trường Sơn, *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* sáng tác năm 1969.

Hai ông thuộc hai thế hệ thi nhân nối tiếp nhau trong cuộc trường chinh chống ngoại xâm của dân tộc. Hai thi phẩm mà chúng ta đề cập là hai trong những tác phẩm tiêu biểu của mỗi thời kỳ văn học chống Pháp và chống Mỹ thể hiện hình tượng *Anh bộ đội cụ Hồ*. Cùng với *Cá nước* của Tố Hữu, *Tây Tiến* của Quang Dũng, *Năm anh em trên một chiếc xe tăng* của Hữu Thỉnh, *Bầu trời vuông* của Nguyễn Duy..., người lính trong *Đồng chí* và *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* là những hình ảnh tiêu biểu của thơ Việt Nam 1945 - 1975, sẽ còn sống mãi trong lòng người đọc.

Đọc *Đồng chí*, cảm nhận chung của chúng ta là: người lính cách mạng trong kháng chiến chống Pháp xuất thân từ nông dân. Hình ảnh họ được Chính Hữu dựng lên chân thực, giản dị, cao đẹp. Khác khuynh hướng cảm hứng lãng mạn anh hùng với những hình ảnh thơ mang dáng dấp tráng sĩ trượng phu của thơ ca đầu chống Pháp, cảm hứng của Chính Hữu trong *Đồng chí* hướng về chất thực của đời sống, khai thác cái đẹp và chất thơ trong cái bình dị, bình thường của cuộc chiến đấu và người chiến sĩ. Cái đẹp trong khó khăn, thiếu thốn và nhất là đẹp trong tình đồng chí, đồng đội thấm thiết, sâu nặng.

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

Súng bên súng đầu sát bên đầu
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.
Đồng chí!

Đoạn mở đầu này có bảy dòng, theo ba cặp và cuối cùng dồn lại ở một từ: *Đồng chí*! Một sự lí giải tình đồng chí của người lính. Đó là xuất phát từ sự giống nhau ở cảnh ngộ, xuất thân nghèo khó. Là cùng chung mục đích, lí tưởng, nhiệm vụ, chia sẻ gian lao (*Súng bên súng đầu sát bên đầu; Đêm rét chung chăn ...*). Một chữ *chung* khiến những người vốn xa lạ thành *đôi tri kỉ* và cao hơn thành *Đồng chí*.

Người xưa đánh giá tình bạn cao nhất bằng *tình tri kỉ*. Chính Hữu nhìn thấy ở *Anh bộ đội cụ Hồ* một thứ tình cảm còn sâu sắc hơn, gắn bó hơn - *Tình đồng chí*. Tình cảm này không phải chỉ vì cái chung lớn lao, mà là sự cảm thông sâu xa tâm tư, nỗi lòng của nhau. Là những gian lao, thiếu thốn của cuộc đời chiến đấu ... Tất cả diễn đạt bằng lời không đủ. Bao nhiêu lời thân thương, triu mến nhất cũng trở thành sáo rỗng, không chuyên chở nổi sức nặng cảm động giữa những người lính, người đồng đội. Vì thế đoạn thơ thứ hai, có mười dòng vẫn theo từng cặp tương ứng để cuối cùng dồn lại một hành động thay cho muôn lời "*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay*".

Tình *Đồng chí* giữa những người lính vệ quốc, nói như Hồng Nguyên, người cùng thời:

Lũ chúng tôi
Bọn người từ xứ
Gặp nhau hồi chưa biết chữ
Quen nhau từ buổi một hai
Súng bắn chưa quen
Quân sự mươi bài
Lòng vẫn cười vui kháng chiến ...

Hay nói như Chính Hữu:

Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi
Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày ...

cũng là tình của cha ông thuở mới nổi dậy chống Pháp hồi giữa thế kỉ XIX truyền lại. Tình của những "dân ấp, dân lân", "Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy tay vốn làm quen; Tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ mắt chưa từng ngó" (*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* - Nguyễn Đình Chiểu). Những con người ấy vốn dĩ không đi vào cuộc chiến cam go, thiếu thốn này bằng óc lãng mạn. Nhưng cuộc chiến đấu trên chiến hào bảo vệ Tổ quốc đã khiến họ thành oai hùng, lãng mạn.

Bức tượng đài cuối bài thơ là sự phát triển tất yếu từ *Tình đồng chí*:

Đêm nay rừng hoang sương muối

*Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.*

Đó là cuộc đời thực của những người lính nông dân nghèo khổ nơi “đất mặn đồng chua”, “đất cày lên sỏi đá”, “áo rách vai”, “quần vài mảnh vá”, “chân không giày” được tình cảm cách mạng cao đẹp tạc thành dáng hình mới - *Dáng đứng Việt Nam* ở thế kỉ XX.

Nếu *Đồng chí* là hình ảnh *Anh bộ đội cụ Hồ* nông dân chưa biết chữ, “*Gian nhà không mặc kệ gió lung lay*”, thì người lính trong *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật là một *hoá thân khác*. Hình ảnh người lính của Phạm Tiến Duật có thể xuất thân từ nông dân, công nhân hay tiểu tư sản... nhưng họ không phải là những người chiến sĩ như của Chính Hữu hay Nguyễn Đình Thi, Quang Dũng trước đây. Không “áo rách vai, quần vài mảnh vá, chân không giày”, cũng không “người ra đi đầu không ngoảnh lại; Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy” hay “Rách tả tơi rồi đôi giày vạn dặm - Bụi trường chinh phai bạc áo hào hoa” hoặc “Mắt trừng gửi mộng qua biên giới - Đêm mơ Hà Nội dáng Kiều thơm”.

Họ là những người thanh niên học sinh đã qua hai chục năm dưới mái trường miền Bắc xã hội chủ nghĩa đi chiến đấu, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Một cuộc chiến tiếp nối kháng chiến chống Pháp nhưng dài lâu, ác liệt hơn, phải đương đầu với một đế quốc giàu có bậc nhất thế giới - Đế quốc Mỹ.

Người chiến sĩ trong *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* mang đặc điểm như đã nói trên nên tuy vẫn cùng bốn phương tụ hội nhưng không có chất tráng sĩ hào hoa xưa, cũng không có chất nông dân thuần phác xưa cũ. Hình ảnh chiến sĩ trong bài thơ là hình ảnh hồn nhiên, trong sáng, vô tư của thế hệ thanh niên trí thức mới trong cả đoàn quân “*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước - Mà lòng phơi phới dậy tương lai*” (Tố Hữu).

Họ - người chiến sĩ lái xe. “*Những chiếc xe từ trong bom rơi; Đã về đây họp thành tiểu đội*”. “*Không có kính rồi xe không có đèn; Không có mui xe ...*” vì “*Bom giạt bom rung kính vỡ đi rồi*”. Nên phải chịu bao nhiêu gian khổ: gió tự do, bụi tự do, mưa xối xả tự do hành hạ. Song:

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

Những người chiến sĩ này, không phải là những số ít như trong bài thơ *Đồng chí*. Một hình ảnh đẹp nhưng cho ta cảm giác nhỏ nhoi, đơn lẻ, thương mến bên nhau trong tình đồng chí giữa “*anh với tôi*” trong cảnh “*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay*”. (Quê hương anh... Làng tôi; Anh với tôi đôi người xa lạ, Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh; Áo anh rách vai, Quần tôi có vài mảnh vá...).

Tình đồng đội, đồng chí ở bài thơ của Phạm Tiến Duật có cái tên chung là: *ta - chúng ta*. Tất cả đều là đồng chí, trẻ, khoẻ, dũng cảm, bất chấp nguy hiểm. Hiên ngang một cách ung dung, đến ngang tàng.

Bởi vì thế hệ cha anh họ thành đồng đội, thành đồng chí nhưng đằng sau là hệ lụy của những lí lịch giai cấp vừa thoát khỏi đêm trường nô lệ. Còn hình ảnh người chiến sĩ chống Mỹ đã cắt đứt vô tư với lí lịch đau buồn

kia. Là chủ nhân ông của một đất nước, một dân tộc kiêu hãnh sánh vai với các cường quốc năm châu.

Anh hùng là hành vi; *hào sảng* là giọng điệu của những người chiến sĩ - đồng chí, đồng đội trong *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*.

*Không có kính không ; hải vì xe không có kính
Bom giạt bom rung kính vỡ đi rồi.*

Nhưng:

*Ung dung buồng lái ta ngồi
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng
- Bụi phun tóc trắng như người già
Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.
- Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời
Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa
Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi.
- Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi.*

Họ không cần nhiều tìm hiểu, không cần phải đồng cảnh ngộ, đồng tâm tư, tình cảm riêng như cha anh mới thành đồng chí trên chiến hào. Với họ "từ trong bom rơi" "hợp thành tiểu đội". Và "Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời, Chung bát đĩa nghĩa là gia đình đây". Rồi có thể chia tay: "Lại đi, lại đi trời xanh thêm".

Nếu hình ảnh Người chiến sĩ trong *Đồng chí* là một bức tượng đài:

*Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.*

Thì hình tượng Người chiến sĩ ở *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* là một phù điêu tổ hợp của những khuôn mặt trai trẻ hồn nhiên đến ngang tàng trong đoàn quân trải hội chiến trường.

Đồng chí (Chính Hữu) và *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* (Phạm Tiến Duật) là hai tiêu điểm trong các tiêu điểm của Hình tượng người lính - Anh bộ đội cụ Hồ mà thơ ca dựng nên trong 30 năm chiến đấu gian khổ hi sinh cho đến ngày toàn thắng - 1975. Mỗi một hình ảnh thơ là một điểm sáng thẩm mỹ lấy chất liệu, tiếng nói đời thường làm nguồn cảm hứng và ngôn ngữ nghệ thuật.

Nếu vì nền thơ Việt Nam đương đại như một bầu trời sao thì mỗi khi nhìn bầu trời ấy, ta không thể không thấy hai vì sao lấp lánh *Đồng chí* và *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*.

Đề 30: Hãy viết một đoạn văn giới thiệu nhà thơ Huy Cận và đôi nét về bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá*

BÀI LÀM

Huy Cận (1919 - 2005), tên đầy đủ là Cù Huy Cận, quê ở làng Ân Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Ông thân sinh đỗ tam trường, dạy học và làm ruộng, thích thơ. Huy Cận thuở nhỏ học ở quê, rồi vào Huế học đến hết trung học. Năm 1939, vào học trường Cao đẳng Canh nông Hà Nội. Cuối

1942 tham gia phong trào sinh viên yêu nước, hoạt động trong Mặt trận Việt Minh. Dự Quốc dân đại biểu ở Tân Trào (1945), và được cử vào Ủy ban dân tộc giải phóng toàn quốc. Sau Tổng khởi nghĩa, liên tục tham gia chính quyền Cách mạng, ở các cương vị cao.

Huy Cận làm thơ từ 1934. Tập thơ đầu tay, *Lửa thiêng* (1940), đưa ông lên vị trí hàng đầu, một trong những cây bút tiêu biểu của *Phong trào Thơ mới* (1932-1945). Trong kháng chiến chống Pháp, Huy Cận sáng tác ít. Phải đến sau hoà bình lập lại (1954) và nhất là trong chuyến đi thực tế ở vùng mỏ Quảng Ninh (1958), hồn thơ ông mới như được tái tạo, trở nên sung sức và đổi mới hẳn. Ông liên tiếp cho ra đời những tập thơ: *Trời mỗi ngày lại sáng* (1958), *Đất nở hoa* (1960), *Bài thơ cuộc đời* (1963), *Hai bàn tay em* (1967)... (dựa theo *Từ điển văn học*, nhiều tác giả, NXB KHXH, H.1983).

Đoàn thuyền đánh cá được rút trong tập *Trời mỗi ngày lại sáng*. Tập thơ là kết quả của chuyến đi thực tế dài ngày ở Quảng Ninh. Cảm hứng về thiên nhiên đất nước, về lao động và niềm vui trước cuộc sống mới là những tình cảm chủ đạo tạo nên sức hấp dẫn của những vần thơ này. Toàn bài gồm bảy khổ, mỗi khổ tương đương với một bài tứ tuyệt thất ngôn. Hai khổ đầu mô tả *Đoàn thuyền đánh cá... ra khơi*. Bốn khổ tiếp là cảnh *kéo lưới...xoăn tay chum cá nặng*. Khổ cuối, "*Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời*", trở về sau một đêm đánh cá đầy hào hứng. Thông qua đó, nhà thơ ca ngợi không khí lao động mới, con người lao động mới, tràn đầy lạc quan, làm chủ thiên nhiên, làm chủ biển cả bao la. Bài thơ đã dựng được không khí lao động khẩn trương, hăng say, nhộn nhịp, của miền Bắc những năm đầu bắt tay xây dựng chủ nghĩa xã hội. *Đoàn thuyền đánh cá* khắc hoạ nhiều hình ảnh tráng lệ, thể hiện sự hài hoà giữa thiên nhiên và con người lao động, bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước, cuộc đời.

...Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng
...Ta hát bài ca gọi cá vào
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao

ĐỀ 31: *Trời đêm mà tràn đầy ánh sáng* - Cảm tưởng khi đọc *Đoàn thuyền đánh cá* của Huy Cận.

BÀI LÀM

Những người dân biển thường ra khơi lúc mặt trời sắp lặn và trở về vào sáng hôm sau, khi mặt trời mọc cùng với thành quả lao động của mình. Những con cá tươi nguyên còn mặn nồng vị muối.

Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận lấy bối cảnh không gian ấy, thời gian ấy nhưng bao trùm cảm tưởng người đọc lại là *bài thơ đầy ánh sáng*.

Mở đầu là hình ảnh:

Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then đêm sập cửa.

Tưởng như biển và bóng đêm đã nuốt chửng cái khối sáng đỏ rực, khổng lồ kia bằng những động tác mạnh, dứt khoát: *cài then, sập cửa*. Nhưng không phải như vậy, bởi vì có một *ánh sáng mới* đã loé lên:

*Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,
Câu hát căng buồm cùng gió khơi.*

Bóng đêm bao trùm bằng chữ đã ở câu trên, ánh sáng bừng lên ở chữ lại ở câu dưới và nhất là bởi "Câu hát căng buồm cùng gió khơi", cùng biển đêm. Cuộc sống, niềm hân hoan trong lao động của con người đã mang ánh sáng cho không gian đánh cá đêm trên biển. Từ đây trở đi, tiếng hát người lao động, không khí lao động, tư thế, phong cách lao động, tình cảm lao động, động tác và thành quả lao động chính là nguồn sáng, toả sáng đêm lao động nên thơ, tráng lệ.

Trong niềm hân hoan lao động, vạn vật biển, cảnh quan biển dường như đều phát sáng:

*Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng
Cá thu biển Đông như đoàn thoi
Đêm ngày dật biển muôn luồng sáng
Đến dệt lưới ta đoàn cá ơi!*

Màu sáng - bạc của cá thành đoàn thoi, thành *muôn luồng sáng*. Tiếp theo, cuộc lao động trong tầm vũ trụ, tung hoành phơi phới, lãng mạn mà hào hùng đã giữ cho ánh sáng chan hoà mặt biển. Chữ không phải chỉ vì *đêm trắng đánh cá* thi vị.

*Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng
Ra đậu dặm xa dò bụng biển
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.*

Tay lái con thuyền *gắn với gió, buồm thành buồm trăng*. Thế trận bủa vây nhưng là thế của một *đêm hội*. Người dân biển đi đánh cá mà như "tao nhân mạt khách":

*Gió trăng chứa một thuyền đầy
Của kho vô tận biết ngày nào vơi.*

Đêm trên biển mà như một cuộc vui "Đêm trăng đi thuyền trên Hồ Tây" Phan Kế Bính đã tả. Nhưng đó chính là niềm vui của con người lao động mới, trong một xã hội mới. Không phải là một cuộc thưởng thức thú vị như văn chương xưa thể hiện.

Lao động biển khơi là thứ lao động nặng nhọc, nguy hiểm nhưng một khi đã được tự do, đã được giải phóng, đã là lao động tập thể, những con người lao động sẽ biến nó thành ngày hội. Bài ca cất lên bởi một dàn hợp xướng lao động, là một bản giao hưởng tráng lệ. Khung cảnh thiên nhiên, con người và cá, sinh lực, tinh lực biển cũng hoà ca, cùng toả sáng.

*Cá nhụ cá chim cùng cá đé
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng
Cái đuôi em quẫy trắng vàng choé
Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long.*

*Ta hát bài ca gọi cá vào
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao ...*

Bản hoà tấu con người và vũ trụ khiến biển đêm thành hội hoa đăng cho tới khi trời bừng sáng. Tuy nhiên nếu hội hoa đăng sẽ kết thúc khi đêm vừa tàn thì hội lao động không như thế. Đêm sáng đến ngày sáng.

*Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng
Vẩy bạc, đuôi vàng loé rạng đông
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng".*

Một ngày vui mới lại đến. Bài ca công sức lao động tiếp tục với bài ca thành quả lao động. Đoàn thuyền đánh cá hát khúc khai hoàn.

*Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.*

Cuộc sống huy hoàng chính là ánh sáng rực rỡ nhất của con người, đất nước Việt Nam mới trong lao động dựng xây.

Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận gồm bảy khổ, viết về một đêm đánh cá trên biển của những con người mới xã hội chủ nghĩa nhưng không một khổ nào không có sự phát sáng bởi vạn vật và con người. Hồn cốt bài thơ này ở hai chữ *tươi sáng*.

Đề 32: Hãy chọn và phân tích một số câu thơ có giá trị nghệ thuật độc đáo trong bài *Đoàn thuyền đánh cá* của Huy Cận, để viết một bài văn có tiêu đề:

Những hình ảnh thơ tráng lệ và lãng mạn

BÀI LÀM

Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận là một bức vẽ sống động tuyệt đẹp về con người lao động khoẻ khoắn và thiên nhiên tươi sáng, kì vĩ. Có thể nói gam màu chủ đạo của bài thơ là *màu sáng*. Kết cấu tạo nên bức tranh thơ là những hình ảnh tráng lệ và lãng mạn. Để rồi, đọc thi phẩm, chúng ta có cảm tưởng như đang cùng đoàn thuyền đánh cá ra khơi, hoà mình vào khung cảnh lao động hăng say và lãng mạn giữa biển khơi bao la, kì ảo.

Như bao bài thơ khác, thiên nhiên xuất hiện trong "*Đoàn thuyền đánh cá*" là những hình ảnh của một Huy Cận quen thuộc: *mặt trời, trăng, sao, gió, mây...* Tuy nhiên với cái nhìn của một con người mới xã hội chủ nghĩa, đi giữa miền Bắc vừa giành được hoà bình và ngòi bút miêu tả theo phong cách ấn tượng đầy tài năng của Huy Cận, thiên nhiên đã hiện lên chân thực, sống động mà tráng lệ, rực rỡ, kì vĩ lớn lao mà tinh tế. Bên cạnh hình ảnh người mẹ thiên nhiên, con người hiện lên với vẻ đẹp khoáng đạt, lãng mạn tin yêu cuộc sống và tinh thần hăng hái lao động. Có thể nói đặt mình vào tư cách con người lao động trên biển khơi mênh mông, Huy Cận đã lắng nghe được sự hoà nhịp tuyệt diệu giữa thiên nhiên và con người.

Bài thơ miêu tả hành trình ra khơi và trở về trong thắng lợi của đoàn thuyền đánh cá. Suốt hành trình ấy, thiên nhiên đã trở thành người bạn đồng hành với con người lao động. Đồng hiện với hình ảnh đoàn thuyền là hình ảnh mặt trời tráng lệ kì vĩ: "*Mặt trời xuống biển như hòn lửa*" - "*Mặt trời đội biển nhô màu mới*". Ở câu thơ mở đầu, Huy Cận đã lựa chọn hình ảnh ví von vô cùng biểu cảm, giàu sức gợi và chuẩn xác. Khi mặt trời xuống biển là lúc có hình dáng quả cầu màu đỏ sẫm. Những tia sáng phản chiếu

dưới mặt nước, lung linh như hoa lửa. Vẫn mang nét trắng lẹ, kì vĩ nhưng khác với hình ảnh mặt trời hoàng hôn ở phần đầu bài thơ, hình ảnh mặt trời ở phần cuối bài thơ lại là linh hồn của buổi bình minh và đồng hiện cùng với sự cập bến đầy tốt lành của đoàn thuyền đánh cá.

Hình ảnh toàn bài thơ cho ta cảm giác về vũ trụ bao la, thơ mộng. Đó là mối quan hệ tương hợp giữa con người với thiên nhiên trong lao động. Cụ thể hơn, ở đây, con người hoà mình với biển khơi bao la, với mặt trời trắng lẹ, với đêm trăng huyền ảo, với mây trời, sóng nước và với cá - sinh lực, tinh lực biển.

Những hình ảnh thơ trắng lẹ và lãng mạn trong bài chủ yếu là những hình ảnh miêu tả trực tiếp thiên nhiên nhưng đã gián tiếp làm nổi bật vẻ đẹp khoáng khoải, khoáng đạt, tinh thần lao động hăng say, nhiệt tình của con người. Chúng ta hãy đọc những vần thơ.

... *Câu hát căng buồm cùng gió khơi*
 ... *Thuyền ta lái gió với buồm trăng*
Lướt giữa mây cao với biển bằng
 ... *Ta hát bài ca gọi cá vào*
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao

Hàng loạt các hình ảnh thiên nhiên hiện ra cùng với những hoạt động của con người: *Gió khơi* và *câu hát*, cùng đưa con thuyền lao động tiến vào trùng dương. *Trăng*, sao điểm tô cho bức vẽ con người lao động xông pha vào đại dương bao la thêm phơi phới hơn. Nhịp điệu lao động của con người đã mang nhịp thiên nhiên vũ trụ một cách nhịp nhàng, hài hoà. Trong bài thơ trời mây, biển cả được *trắng lẹ* hoá để mang hồn lao động, còn con người lao động được *cao cả* hoá để mang tâm vũ trụ.

Gấp trang thơ của Huy Cận lại, những hình ảnh thơ trắng lẹ và lãng mạn vẫn còn hiện lên ám ảnh trong trí tưởng tượng của ta ...

Đề 33: Từ bếp lửa đến *Bếp lửa* - Đọc "*Bếp lửa*" của Bằng Việt

BÀI LÀM

Đọc "*Bếp lửa*" của Bằng Việt tôi đã tưởng tượng ra cảnh một chàng lưu học sinh trẻ tuổi trong cái giá lạnh của mùa đông Ki-ép ở đất nước U-crai-na xa xôi đương cảm cội sưởi ấm những nguồn thương qua từng chữ, từng câu thơ mà thấp lên ngọn lửa đượm đà của một thời ấu thơ đẹp để sống bên người bà yêu dấu...

Đến nay đã hơn bốn thập kỉ kể từ khi bài thơ ra đời, ta thực khó rõ đã có bao nhiêu trái tim rung cảm mỗi khi đến với "*Bếp lửa*". Chỉ biết rằng sau mạch cảm xúc dạt dào của hoài niệm kia sẽ là gì nếu không phải một tình yêu lan toả với cái nóng, cái nồng đượm của "*Bếp lửa* quê nhà", với sự ấm áp, ấp iu của "ngọn lửa lòng người".

Có lẽ khi nhắc về quá khứ, nhất là những thời điểm đẹp đẽ, người ta vẫn thường kể nhiều hơn. Với "*Bếp lửa*", nhà thơ Bằng Việt thực đã dắt dẫn người đọc vào sâu trong mạch kể, mạch hồi tưởng của ông. Hồi ức đẹp một đi không trở lại của tuổi thơ được tái hiện không phải bằng một trí nhớ lan man, chắp vá. Trái lại, ở sâu trong tiềm thức của tác giả, hình ảnh "*bếp lửa*" và "người bà" lúc nào cũng toả sáng lạ kì - trở thành một điểm đi về trong

cõi nhớ. Dòng suy tưởng và hoài niệm của người cháu xa quê nhà có lẽ đều được khơi nguồn từ những hình ảnh ấy - giản dị mà thân thương, ấm áp vô cùng.

Việc đồng hiện hình ảnh “bếp lửa” và “người bà” trong bài thơ thực dễ khiến cho người ta có một sự liên tưởng về mối quan hệ lạ kì, thiêng liêng. Từ bếp lửa của củi rơm đến “Bếp Lửa” của lòng người (với hai chữ viết hoa!) có lẽ hơn bao giờ hết con người cảm nhận thật rõ về tình bà cháu, tình quê nồng ấm:

*Một bếp lửa chờn vờn sương sớm
 Một bếp lửa ấp iu nồng đượm
 Cháu thương bà biết mấy nắng mưa
 Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói
 Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi
 Bó đi đánh xe khô rạc ngựa gầy
 Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu
 Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay.*

Cái “nỗi nhớ về bếp lửa” được nói trực tiếp song không vì thế mà giảm đi phần sâu lắng, tinh tế. Hình ảnh “bếp lửa” gợi nhớ bằng nhiều giác quan, bằng trí tưởng tượng. Thị giác (chờn vờn sương sớm), cảm giác (ấp iu nồng đượm) và khứu giác (sống mũi còn cay) rồi xúc giác (hun nhèm mắt cháu). Tác giả hướng mọi giác quan để quay về sống lại kỉ niệm trong trí tưởng tượng. Dường như không còn khoảng cách của thời gian ở đây nữa, mọi hình ảnh gắn với bếp lửa đã tái hiện chân thật, rõ ràng từ một thời kí ức xa xôi! Hình ảnh bếp lửa còn gắn với người bà đầy thân thương. Tuy không trực tiếp nói ra song người đọc hình dung được công việc của người bà: “nhóm bếp”. Tuổi thơ của cháu gắn với bếp lửa, với mùi khói cay nhèm và cũng gắn chặt với người bà ấy. Phải chăng hình ảnh: “Một bếp lửa ấp iu nồng đượm” chính là hoá thân của tình cảm bà dành cho cháu. Vì vậy có lẽ tìm về với bếp lửa quê nhà cũng là tìm về tuổi thơ sống bên bà, trong sự chở che, nâng niu đầy triu mến. Trong cảm nhận, nỗi nhớ đầu tiên của đứa cháu phương xa: “bếp lửa củi rơm” và “tình bà” cũng hiện lên với cái ấm áp, đượm đà, gần bó đã sưởi ấm suốt thời thơ ấu của cháu. Sự tương đồng đẹp dễ ấy dễ thường mấy ai nhận ra. Chỉ có Bằng Việt với khoảng thời gian đầu đời trong sáng được gần bó bên bà mới có thể “cảm” sâu sắc đến thế cái tưởng chừng quá ư bình dị, mộc mạc. Đắm mình trong dòng hồi ức tươi mát của tác giả, chúng ta cũng muốn tìm đến với những tình thương yêu nồng hậu như thế:

Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế

...
*Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe
 Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học
 Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc.*

Cái ấm áp của “Bếp lửa” và “tình bà” trong sự tương đồng, ta đã biết. Đằng sau đó dường như còn có một sự tương đồng nữa. Bếp lửa và người bà đều là những gì gần bó, thân thương nhất với kỉ niệm của cháu. Nếu

“bếp lửa củi rơm” gắn với cảm nhận của cháu về: “mùi khói” với kỉ niệm “khói hun nhèm mắt cháu”, với dư vị: “sống mãi còn cay” thì người bà gắn với tuổi thơ cháu vừa như một người chăm sóc, vừa như một người bạn lớn. Những kí ức như ùa về trong tâm tưởng cháu. Đó là từ năm: “lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói”, lại cả những năm: “đói mòn đói mỏi”, những lúc: “Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế”, những khi: “giặc đốt làng cháy tàn, cháy rụi” ... Tự lúc nào tuổi thơ nhỏ bé của cháu đã được truyền hơi ấm từ bếp lửa, từ bà! Một điều không thể ngẫu nhiên là: mỗi khi nhắc về bếp lửa lại thấy xuất hiện người bà và mỗi khi xuất hiện người bà lại thấy công việc của bà xoay quanh bếp lửa.

Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc.

Không nói mà tình vẫn dạt dào, không hô hào, bông bột mà người ta vẫn không thể làm ngơ trước sự chân thành. Đó có lẽ là những gì Bằng Việt đã làm khi dựng lên hai hình ảnh song song mà hoà hợp với nhau giữa: “bếp lửa” và “người bà”. Trong kỉ niệm, trong xúc cảm của một nỗi nhớ, lí trí đã nhường chỗ cho tình cảm và cái rõ ràng, minh bạch đã nhoè đi để được thêm những cái mơ màng, chập chờn của hồi ức. Hình ảnh bà và bếp lửa qua tâm trạng ấy đã đồng nhất, hoà quyện với nhau. Tuy một mà hai, tuy hai mà một để chỉ còn hiện lên trong tâm tưởng người cháu một cái gì thật ấp iu, nồng đượm.

Hình ảnh bếp lửa trong bài thơ xét cho kĩ thì chính là điểm gợi hứng, là cầu nối để đưa cháu phương xa ngàn dặm gửi tình thương, nỗi nhớ về bà, về quê hương. Nhưng qua dòng hồi tưởng nhẹ nhàng, tươi mát của cháu, “bếp lửa củi rơm” kia cũng không còn là “bếp lửa” bình thường như cái nhìn trước đó. Nó trở thành một hình ảnh cứ trở đi trở lại trong bài thơ, trong tâm trí người cháu và không lẫn nào cái bếp lửa bình dị ấy không gắn với hình ảnh người bà tảo tần, đầy thân thương. Và vì lẽ đó người ta có cảm giác bếp lửa kia chính là tình cảm người bà đôn hậu.

Nếu có một bếp lửa quê nhà vẫn “chờn vờn sương sớm” thì cũng có một ngọn lửa tình bà “ấp iu nồng đượm”. Có lúc hai thứ lửa ấy như tách ra, lại có khi như hợp cùng nhau. Khi tách ra nó gợi về những kỉ niệm: kỉ niệm về bếp lửa củi rơm (“khói hun nhèm mắt cháu”, “sống mãi còn cay”), kỉ niệm về bếp lửa tình bà (“Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế”; “Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học”). Nhưng khi đã hoà hợp vào nhau nó trở thành một thứ tình cảm thiêng liêng, kì lạ biết bao trong cái bình dị. *Sống mãi còn cay* là thực của ngày xưa ngồi cạnh bếp lửa, bên bà và là thực của hôm nay (và chắc là mãi mãi) của tình cháu.

*Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ
Ôi kì lạ và thiêng liêng - Bếp lửa.*

Trong cái hoà hợp tuyệt vời người ta thấy cái nóng, cái đượm của bếp lửa củi rơm cũng như cả cái nồng, cái ấm áp của bếp lửa lòng người. “Bếp lửa” kì lạ, thiêng liêng ấy nhóm “khoai sắn ngọt bùi”, “nồi xôi gạo mới” cũng

dành nhóm câu: “niềm yêu thương”, “tâm tình tuổi thơ” thì mới thực sự điều kì. Tại sao nói đoạn thơ trên là một trong những đoạn hay nhất của bài thơ, câu trả lời có lẽ nằm ở cái tình ấm lửa trong đó mà lúc nào cũng được ấp ủ:

Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng.

Tình cảm của bà rõ ràng đã được tượng trưng hoá với: “ngọn lửa”. Nếu nói “bếp lửa” e chưa thật trúng, còn nói “ngọn lửa” thì người ta cảm thấy cái linh hồn, tình cảm đã nằm ngay ở đó. Ngọn lửa ấy phải chăng là tâm huyết, nhiệt huyết (“chứa niềm tin dai dẳng”), phải chăng là tình yêu (“lòng bà luôn ủ sẵn”). Từ “Bếp lửa” đến “ngọn lửa” có lẽ hành trình từ cái đơn sơ, giản dị đến cái thiêng liêng, cao cả, từ cái thực đến cái linh hồn. Một lần nữa hình ảnh “bếp lửa” hay “ngọn lửa” đã tiếp tục tôn cao thêm tấm lòng chân chất, tình thương giản dị mà sâu sắc, đôn hậu của bà. Có thể chấp nhận được chăng khi ta hình dung “bếp lửa” trong kí ức tuổi thơ của tác giả chính là hiện hữu của một tình yêu nồng nàn, đượm đà bà dành cho Bằng Việt? Cái chính là lòng bà lúc nào cũng ấp ủ một ngọn lửa vô hình song “dai dẳng”, “thiêng liêng” để lúc nào cũng vậy, hễ nhắc tới “bếp lửa” cả tác giả và người đọc đều thấy thấp thoáng bóng bà đang hiện hiện.

Chẳng phải vô tình mà trong suốt bài thơ, hình ảnh “bếp lửa” cứ ám ảnh tâm trí Bằng Việt như vậy. Không dưới mười lần tác giả nhắc tới hình ảnh đó và lần nào cũng kèm theo sự xuất hiện của bà. Tác giả đang làm cái công việc của người đi so sánh, tỉ dụ hai giá trị hai vẻ đẹp: “bếp lửa” và “người bà” chăng? Không hẳn như vậy! Đọc kĩ lại ta thấy Bằng Việt đã làm một mĩ từ pháp có hiệu quả cao nhất: ẩn dụ. Hình ảnh bếp lửa là ẩn dụ của tình cảm nồng hậu nơi người bà, và tình cảm người bà chính là ẩn dụ của ngọn lửa - một thứ tình yêu cao cả nhất. Ta đã biết “người bà” và “bếp lửa” là hai giá trị chẳng thể nào tách rời trong hồi ức của tác giả thì lẽ nào tác giả lại đi làm cái công việc trái ngược kia: phân tách hai hình ảnh để so sánh? “Bếp lửa” tượng trưng cho cái đơn sơ, khiêm nhường - đã bao giờ chúng ta nghĩ về bếp lửa nhà mình như thế này chưa: nó giản dị, đơn sơ (chỉ vài que củi, một ôm rơm, một cái kiềng là thành một “bếp lửa” nhỏ bé thôi!), nó cũng thật khép nép khi thu mình trong góc bếp chật chội? Nhưng bếp lửa cũng là một cái gì đó rất ấm áp, nồng đượm (- những ngày đông lạnh thấu da thịt được ngồi bên bếp lửa sưởi ấm có lẽ là hạnh phúc lớn nhất!). Người bà cũng vậy: thật chân chất, mộc mạc, dân dã, song ẩn chứa tình yêu vô bờ, thiết tha, chan chứa. Qua con mắt nhà thơ, bếp lửa và bà đều là những gì tuy thật bình dị song ẩn giấu điều cao quý, thiêng liêng. Lấy hình ảnh của bếp lửa để nói về tình cảm của bà dành cho mình, thiết tưởng Bằng Việt phải nặng lòng với bà, với quê hương lắm lắm!

Một đứa con xa quê hương, một đứa cháu xa bà luôn thường trực trong tim nỗi nhớ về “bếp lửa” - về tình yêu ấm nồng tưởng như cái lạnh, cái cô đơn ở quê người cũng đôi chút vơi đi vậy... Nhưng nhớ về bếp lửa phải chăng cũng đồng nghĩa với nhớ về quê nhà, nhớ về bà đồng nghĩa với nhớ về tổ ấm gia đình với niềm vui sum họp. Cái ẩn nghĩa cao nhất có lẽ là tình cảm về đất nước, quê hương mà chung quy vẫn kết tụ ở “bếp lửa”:

*Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu
Có lửa trăm nhà. Niềm vui trăm ngả
Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở
Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa? ...*

Trong tình cảm của bà có tình cảm của đất nước, tác giả nhớ đến tình bà cũng là nhớ yêu đất nước, quê hương. Có người từng nói: "Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc". Nói như vậy có nghĩa tình cảm của bà là một ẩn dụ của tình cảm đất nước dành cho những người con xa. Và có nên chăng khi ta coi: "bếp lửa" ấy cũng là một ảnh hình của quê nhà, đất nước? Từ tình cảm với "bếp lửa", với bà, tình đất nước, quê hương đã biểu hiện. Như vậy có nghĩa trong suốt cả bài thơ ta đã đi theo một hành trình cao cả: từ bếp lửa của củi rơm đậm vị mùi quê nhà, tới bếp lửa, ngọn lửa của lòng bà đậm đà, ấm áp và cuối cùng là đến lửa của quê hương, của tình cảm với Tổ Quốc ... Hành trình từ *bếp lửa* đến *Bếp lửa* tựa như hành trình của những giọt nước hoà vào suối, suối đổ vào sông, sông ra biển vậy... Càng ngày càng thiêng liêng, cao cả!

"Bếp lửa" là một dòng hồi tưởng song mang nhiều lớp lang, cấu trúc đa tầng nghĩa. Nó còn "chờn vờn", "nồng đượm", rực sáng mãi không thôi trong lòng những người dù chỉ đến với nó một lần.

... Đọc "Bếp lửa" của Bằng Việt, tôi vẫn mường tượng ra cảnh một chàng lưu học sinh trẻ tuổi trong cái giá lạnh của mùa đông Ki-ép đương cầm cụi nhen nhóm ngọn lửa lòng ấm áp, nồng nàn, nóng bỏng. Sống lại tuổi ấu thơ cảm động bên người bà yêu dấu với tình thương bao la, sâu đậm ở một miền quê còn nhiều gian khổ của đất nước chúng ta một thời...

Một ngọn lửa mãnh liệt như vậy liệu có bao giờ lụi tắt được chăng?!

Download Sách Hay | Đọc Sách Online (Lê Minh Phương)

Đề 34: Từ 2 câu thơ:

Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng.

(Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ, Nguyễn Khoa Điềm)

viết một đoạn văn có tiêu đề: **Mặt trời của mẹ**

BÀI LÀM

Mặt trời của mẹ

Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ được Nguyễn Khoa Điềm sáng tác năm 1971, là một tượng đài bằng thơ khắc hoạ hình ảnh người mẹ Việt Nam anh hùng trong chống Mỹ cứu nước. Ánh mặt trời toả sáng rực rỡ từ bức chân dung này chính là những tình cảm đẹp đẽ nhất của con người: Tình yêu nước thiết tha và tình mẹ con ruột thịt sâu nặng.

Bài thơ có nhiều câu hay, và một trong những câu thơ như thế đã dựng nên một hình ảnh vào loại đẹp nhất của thơ ca nước ta:

Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng

Điều lí thú ở đây là cách tư duy rất cụ thể của bà mẹ Tà-ôi. Trong suy nghĩ của mẹ, mặt trời ở vũ trụ này không phải có một mà là hai: *mặt trời của*

bắp và mặt trời của mẹ. Những cây bắp đang lớn lên từng ngày trên lưng đồi rộng lớn kia là nhờ có công sức của mẹ, nhờ có nguồn sáng, hơi ấm vô tận nhận được hàng ngày từ mặt trời tự nhiên. Còn em cu Tai, đứa con bé bỏng, nhưng lại là nguồn năng lượng to lớn không thể thiếu được của đời mẹ. Nhờ có đứa con ngủ yên trên vai này, mà với sức vóc dù nhỏ yếu (*vai mẹ gầy*), mẹ vẫn lao động hăng say (*mồ hôi mẹ rơi*), vẫn *giã gạo*, để *nuôi bộ đội*. Ta hiểu những hạt gạo nuôi quân trắng trong nhờ nhịp chày của mẹ đã góp phần không nhỏ cho những chiến công của các chiến sĩ ngoài mặt trận. Rồi cũng nhờ có *em cu Tai ngủ ngoan không rời lưng mẹ*, mà dù *lưng núi thì to, lưng mẹ thì nhỏ*, mẹ vẫn kiên trì gieo tía để những hạt bắp mọc xanh núi Ka-lư.

Phép tu từ so sánh và và tu từ ẩn dụ khiến cho hình ảnh thơ hiện lên thật giản dị mà cũng thật giàu ý nghĩa. Trên cái nền xanh của cây bắp ở mệnh mông lưng núi ngút ngàn, lồng lộng một người mẹ lưng đeo con đang lao động say sưa. Trên cao là mặt trời tỏa sáng, trên lưng mẹ là gương mặt đứa con cũng đang ngời sáng trong giấc ngủ say sưa.

Hình ảnh *mặt trời của mẹ* sẽ mãi mãi đi vào thơ ca như biểu tượng nghệ thuật về tình mẫu tử, về người mẹ - chiến sĩ trong những tháng năm chống Mĩ cứu nước.

Đề 35: Phân tích hình ảnh người mẹ trong bài thơ *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* của Nguyễn Khoa Điềm.

DÀN Ý

Mở bài

Nổi bật trong *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* của Nguyễn Khoa Điềm là hình ảnh người mẹ Ta-ôi như là biểu tượng về người mẹ Việt Nam anh hùng. Đó là một con người rất mực thương con nhưng cũng vô cùng yêu nước. Dường như đứa con yêu quý và đất nước thân thương; nuôi con nên người và đánh giặc giải phóng quê hương là những gì trọng đại nhất, cao quý nhất của người mẹ này trong những năm đất nước phải gồng mình chống đế quốc Mĩ xâm lược.

Thân bài

Khúc hát... có ba đoạn *lời ru*. Những lời ru mô tả công việc mà người mẹ đang làm, cảnh mẹ *địu em cu Tai* và những lời mẹ ru, cũng là những khát vọng về tương lai của đứa con, của quê hương đất nước.

1. *Người mẹ đang gánh vác những công việc rất khó khăn, vất vả:* (mẹ làm gì? công việc khó khăn như thế nào?)

- + Đoạn 1:*Mẹ giã gạo mẹ nuôi bộ đội*
.....*Mồ hôi mẹ rơi.....vai mẹ gầy....*
- + Đoạn 2:*Mẹ đang tía bắp trên núi Ka-lư*
.....*Lưng núi thì to mà lưng mẹ thì nhỏ*
.....*Mẹ thương a-cay, mẹ thương làng đói*
- + Đoạn 3:*Mẹ đang chuyển lán, mẹ đi đập rừng*
.....*Mẹ địu em đi để giành trận cuối*

Lời bình: Lúc ở nhà giã gạo nuôi quân, lúc lên núi tĩa bắp lấy lương thực chống đói cho dân làng, trong chiến dịch lớn thì trực tiếp tham gia trận cuối, mọi công việc vất vả mẹ làm đều vì việc chung, vì làng xóm, vì sự nghiệp cách mạng. Tình yêu quê hương, đất nước, tinh thần kháng chiến chống Mĩ là động lực là sức mạnh để mẹ có thể vượt lên mọi nhiệm vụ gian nan.

2. *Dù trong hoàn cảnh nào mẹ vẫn chăm bẵm đứa con yêu thương.*

- Mọi hoạt động của mẹ đều phục vụ cho quê hương, đất nước, cho sự nghiệp chống Mĩ cứu nước. Nhưng dù làm việc gì, ở đâu, em cu Tai, đứa con thương yêu vẫn ngon giấc *trên lưng mẹ*:

- Những câu thơ thể hiện vẻ đẹp tuyệt vời bằng hình ảnh độc đáo *mẹ dịu con*, thấm đượm vị ngọt ngào đậm thắm của tình mẫu tử

+ Đoạn 1: *Mồ hôi mẹ rơi má em nóng hổi*

Vai mẹ gầy nhấp nhô làm gối

Lưng đưa nôi mà tim hát thành lời

+ Đoạn 2: *Lưng núi thì to mà lưng mẹ thì nhỏ*

Em ngủ ngoan, em đừng làm mẹ mỏi

Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng

+ Đoạn 3: *Anh trai cầm súng, chị gái cầm chông*

Mẹ dịu con đi để giành trận cuối

- Bình một số câu thơ trong bài:

* *Vai mẹ gầy nhấp nhô làm gối*

Lưng đưa nôi mà tim hát thành lời

+ Lời thơ đã gợi lên một hình ảnh thật đẹp. Mẹ vừa dịu con vừa giã gạo, mặc dù vậy, vẫn tạo ra sự thoải mái cho đứa con nhỏ. Đứa bé vẫn được gối trên chiếc gối vai mẹ, lưng mẹ là chiếc nôi đựng đứa ru con giấc ngủ say. Tuy nhiên, người đọc không khỏi bồi ngùi xúc động trước hình ảnh đôi vai gầy của mẹ. Cũng biết bao trân trọng và yêu thương khi nghe con tim mẹ hát, vỗ về nâng đỡ giấc ngủ con thơ.

+ Chiếc gối vai, chiếc nôi lưng và tiếng hát con tim là những biểu tượng thật độc đáo về tình mẹ thương con.

* *Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi*

Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng

+ Ở đây có sự so sánh: *mặt trời của bắp / mặt trời của mẹ*

+ Từ ý nghĩa, tác dụng to lớn của mặt trời đối với cây bắp đã thể hiện được ý nghĩa to lớn của đứa con (mặt trời của mẹ) đối với mẹ.

3. *Lời ru của mẹ về giấc mơ của con:*

- Lời ru của mẹ nói với con:

...*Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần*

Mai sau con lớn vùng chày lún sân

...*Con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều*

Mai sau con lớn phát mười Ka-lui

...*Con mơ cho mẹ được thấy Bác Hồ*

Mai sau con lớn làm người tự do.

- Những điều mẹ mong ước:
 - + Mong muốn công cuộc lao động và chiến đấu đạt được những kết quả to lớn.
 - + Mong muốn em cu Tai của mẹ có một tương lai, một cuộc sống tốt đẹp, mà cuộc sống tốt đẹp nhất là được sống trên một đất nước độc lập, tự do.
 - + Tình yêu nước và tình thương con, cái chung và cái riêng đã gặp nhau ở lí tưởng của thời đại.
- Những điệp ngữ: *Con mơ cho mẹ...* cho thấy ý nghĩa của cuộc đời, những khát vọng lớn lao của mẹ chỉ duy nhất là tương lai tốt đẹp của con.

Kết bài

- Một đất nước mà văn học dân gian đã đúc kết thành một câu như đinh đóng cột: "Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh", thì những người phụ nữ anh hùng giỏi nuôi con, giỏi đánh giặc luôn luôn có mặt ngoài cuộc đời.
- Trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước, những người mẹ rất đáng kính trọng ấy đã được khắc hoạ rất thành công trong văn chương nghệ thuật. *Khúc hát ru...* của Nguyễn Khoa Điềm là một tác phẩm như vậy.
- Nét độc đáo của bài thơ là lần đầu tiên một người mẹ miền núi Tà-ôi được đưa vào văn chương và trở thành một trong những biểu tượng về Người mẹ Việt Nam nhân hậu và anh hùng.

Đề 36: Bài thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Duy gợi cho em suy nghĩ gì?

BÀI LÀM

Nguyễn Duy là một trong những nhà thơ tiêu biểu xuất hiện vào cuối những năm chống Mĩ với phong cách độc đáo bên cạnh những Phạm Tiến Duật, Nguyễn Khoa Điềm, Thanh Thảo, Hữu Thỉnh... Hoà bình, những nhà thơ - người lính từng để lại một phần tuổi trẻ ở chiến trường - mà Nguyễn Duy là một đại diện - lại tự bạch những nghĩ suy về quá khứ - hiện tại, để nhận ra sự đổi thay của bản thân, của thế thái nhân tình. Đồng thời bộc lộ những suy tư gợi nhắc, gợi nhớ những năm tháng gian lao của đời lính đồng cam cộng khổ; để củng cố cho mình và người đọc thái độ sống "uống nước nhớ nguồn", ân nghĩa thuỷ chung. Để nói rằng, làm người phải biết *giật mình* vì những phút giây bội bạc. Vì vậy đọc *Ánh trăng* bạn sẽ được gặp những nỗi niềm như vậy.

Bài thơ là câu chuyện về mối quan hệ giữa *ta* - người vô tình và trăng - người bạn tình nghĩa.

Hai khổ thơ đầu mở ra ở thời điểm quá khứ, khi con người sống ân tình với nhau, với những mảnh đất bình dị, hiền hậu, nghèo khó đã gắn bó, nuôi sống *ta* dài lâu, gian khó, hiểm nguy. Trong khoảng thời gian hơn nửa đời người, từ thuở ấu thơ đến những năm vất vả lộn kiểng sống, rồi những tháng ngày chiến đấu, hi sinh, "đồng", "sông", "bể", "rừng" từng in đậm trong tâm trí mỗi con người. *Vầng trăng* - biểu tượng của đất và người những nơi *ta* qua, ân nghĩa với *ta* luôn luôn thuỷ chung thấm thiết, cùng *ta* đã trở thành "tri kỉ".

*Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể
hồi chiến tranh ở rừng
vàng trắng thành tri kỉ.*

Hình ảnh không gian “đồng”, “sông”, “bể”, “rừng” ở đây là những miền quê đặc trưng cho thiên nhiên, đất nước Việt Nam bình dị. Từ hàng nghìn năm, con cháu Lạc Hồng đã sống, dựng xây cơ nghiệp, chống giặc ngoại xâm chính trong những không gian thuần chất ấy. Và những vùng đất ấy - với tâm hồn ánh trắng đã trở thành một phần máu thịt của đời ta.

*Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ.*

Từ sự gắn bó mật thiết đó, ta đã tự nhủ lòng mình dù đi đâu, về đâu, dù muôn sự đổi thay cũng không bao giờ quên hình ảnh bình dị, hiền hậu này:

*ngỡ không bao giờ quên
cái vàng trắng tình nghĩa.*

Thế mà, khi hoàn cảnh sống thay đổi, ý nghĩ về sự gắn bó ân tình với đất và người ân nghĩa không còn nguyên vẹn. Giờ đây, trong không gian sống thành phố, với ánh điện, cửa gương, trong cuộc sống hiện đại ta đã dần lãng quên ánh trắng xưa, cuộc sống giản dị đầy gian khổ trong quá khứ:

*Vàng trắng đi qua ngõ
như người dừng qua đường.*

Quan hệ “tri kỉ” xưa đã được thay thế bằng quan hệ người dưng, thiên nhiên bình dị xưa bây giờ tồn tại biệt lập với con người, con người đã lãng quên, vô tình phủ nhận quá khứ. Hôm nay, con người sống trong vinh hoa phú quý bỏ lại sau lưng quá khứ gắn bó ân tình giữa thiên nhiên bình dị - con người. Tưởng như con người ở đây đang tự đánh mất chính mình, đánh mất miền kí ức thăm thẳm có đau thương nhưng vô cùng thân yêu, gắn bó.

Ngày nay, trong cuộc sống nhộn nhịp chốn đô thị, con người dường như lãng quên thiên nhiên cũng là lãng quên những chốn quê nghèo. Thế nhưng sự gặp gỡ đột ngột với vàng trắng, nghĩa là giữa quá khứ và hiện tại đã đánh thức miền kí ức xưa:

*Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn - đinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vàng trắng tròn.*

Vàng trắng - quá khứ dần gợi nhắc gợi nhớ về “đồng”, “sông”, “bể”, “rừng” khiến con người hôm nay “rưng rưng”. Cảm xúc con người lúc này khó tả, buồn vui lẫn lộn. Con người vui sướng, hạnh phúc vì đã tìm lại được miền kí ức đồng thời ý thức được sự vô tình của chính mình và xót xa về sự đổi thay của con người qua năm tháng. Gặp lại ánh trắng nhớ về không gian *đồng, sông, bể, rừng* con người như tìm lại chính mình một thời dù khổ đau, gian khó nhưng sống vô cùng ân tình, thủy chung.

Từ đó, con người có được ý thức về trách nhiệm của mình, thái độ sống “Uống nước nhớ nguồn” thủy chung tình nghĩa:

Trăng cứ tròn vành vạnh
 kể chi người vô tình
 ánh trăng im phăng phắc
 đủ cho ta giết mình.

Cái im lặng của trăng vừa nói lên phẩm chất cao quý của dân tộc - con người Việt Nam "làm ơn há dễ mong người trả ơn" vừa nghiêm khắc như một quan toà giàu nhân nghĩa, đức hi sinh.

Bài thơ "Ánh trăng" muốn tô đậm trong suy nghĩ mỗi người ý thức, tình cảm "nhớ nguồn". Con người không được phủ nhận hay lãng quên quá khứ, sống ân tình thủy chung với những nơi, những người đã có công ơn với mình. Suy rộng ra, nâng cao hơn là với nhân dân, với đất nước đã nuôi dưỡng ta. Không thể quên quá khứ ấy. Bởi quá khứ ấy là lịch sử gian nan, hào hùng mà mình đã góp một phần cuộc đời. Quá khứ là kinh nghiệm để con người hướng tới tương lai. Sống thủy chung, luôn hướng về nguồn cội, về nhân dân còn thể hiện đạo lí làm người, tuân theo lẽ sống mà ông cha đã nhắn nhủ: *Uống nước nhớ nguồn*.

Và nếu đặt *Ánh trăng* của Nguyễn Duy bên *Việt Bắc* của Tố Hữu, ta sẽ thấy tuy mỗi cảm xúc và cách thể hiện khác nhau nhưng văn chương thời nào cũng vậy, đều tuyên ngôn cho tình nghĩa.

Đề 37: Phân tích khổ thơ sau đây trong bài *Ánh trăng* của Nguyễn Duy:

Ngửa mặt lên nhìn mặt
 có cái gì rưng rưng
 như là đồng là bể
 như là sông là rừng

Trăng cứ tròn vành vạnh
 kể chi người vô tình
 ánh trăng im phăng phắc
 đủ cho ta giết mình.

(Ngữ văn 9, tập 1)

BÀI LÀM

Trăng là đề tài muôn thuở của thi ca từ xưa đến nay. Trăng là tri kỷ, là bạn tâm tình, chia sẻ xúc cảm của thi nhân. Trăng là biểu tượng cho không gian thanh bình, hiền hoà. Đến với bài thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Duy, trăng là quê hương, là tuổi thơ, là kí ức chiến trường để thương để nhớ.

Bây giờ, chiến tranh lùi xa, cuộc sống nơi thị thành nhộn nhịp, tràn ngập trong ánh điện sáng trưng đêm ngày đã làm cho con người lãng quên ánh trăng, quên đi vẻ đẹp giản dị, thanh bình của quê nhà rơm rạ. Quên những nơi, những người từng gắn bó với cuộc đời ta - lao động và chiến đấu. Chỉ đến lúc "thình lình đèn điện tắt", "vội bật tung cửa sổ / đột ngột vầng trăng tròn", con người mới bất chợt nhớ lại cuộc sống ngày xưa, trở về kí ức để tìm lại kỉ niệm, để trách mình đã hờ hững với trăng - biểu tượng của *Tình nghĩa*.

Đoạn thơ là cảm xúc của tác giả khi bất chợt gặp lại ánh trăng ở thành phố "vội bật tung cửa sổ, đột ngột vầng trăng tròn", mang theo bao nhiêu là

kỉ niệm về cuộc đời đã qua. Với Nguyễn Duy trăng "là đồng", "là bể", "là sông", "là rừng", là tất cả những gì thân thuộc nhất. Trăng hiện lên trong mắt nhà thơ là sự trở về của "tri kỉ", của "hồn nhiên", "ngỡ không bao giờ quên" khiến cho ông "rưng rưng" cảm động. Đã có một cuộc đối mặt tình cờ giữa *tình nghĩa* với *người vô tình* và cuộc đối diện lương tâm trong người vô tình. Có cái gì nghẹn ngào, sâu lắng làm nhà thơ không thốt nên lời. Có lẽ với bất kì ai, trăng luôn gợi nên kỉ niệm đẹp. Đã có lúc bất chợt ngược lên nhìn trăng tôi lại nhớ ngày xưa mỗi độ trăng tròn, bè bạn hò nhau trốn tìm, mùi rơm nếp thơm lừng cả không gian. Bởi thế, xúc cảm của nhà thơ cũng là điều dễ hiểu, nhất là với ông, trong quá khứ trăng là tri kỉ, trở thành thân thuộc không bao giờ quên suốt một quãng đời dài. Sau cảm xúc nghẹn ngào rưng rưng vì bất chợt tìm được về với trăng của những kỉ niệm xưa, còn người mới "*giật mình*" nhận ra rằng: Dường như cuộc sống mới đầy đủ hơn khiến cho ta lãng quên ánh trăng, quên những gì thân yêu nhất một thời:

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.*

"*Trăng cứ tròn vành vạnh*" - Không phải chỉ là cái "*vành vạnh*" của vầng trăng thiên tạo mà là sự vẹn tròn tình nghĩa. Và *ánh trăng im phăng phắc* là một thái độ - Thái độ nghiêm khắc. Nếu *trăng* giận dữ, kể tội con người đã quên tình nghĩa thì trăng đã thành *nhỏ mọn*. Nhưng bằng phẩm chất cao thượng *Trăng - người bị bội bạc* đã khiến kẻ *vô tình* kia tỉnh ngộ.

Kể chuyện *vầng trăng* với cái *hồn là ánh trăng*, biểu tượng cho sự cao thượng của *Đất* và *Người* đầy ân tình với ta và sự vô tình của ta, nhà thơ không chỉ dùng để trách sự hờ hững với quá khứ với những điều thiêng liêng nhất ta đã có trong cuộc đời. Điều chính yếu là nhà thơ đang nhắc nhở chúng ta hãy sống cho thật có tình, sống thủy chung để không phải hối hận vì có lúc đã vô tình lãng quên, bội bạc với *Án nghĩa*. Có thể, ta mới có thể trọn vẹn cuộc sống hạnh phúc làm người.

Đề 38: Từ bài thơ *Ánh trăng*, em hãy viết về những suy tư của người lính sau chiến tranh.

BÀI LÀM

Cuộc kháng chiến đã qua đi, người lính trong chiến tranh giờ đây trở về với cuộc sống hàng ngày. Tưởng như sự bận rộn hôm nay sẽ khiến người ta lãng quên quá khứ. Nhưng có một lúc nào đó trong đời thường những kỉ niệm chiến trường lại như thước phim quay chậm hiện về. Quá khứ đó giúp ta suy ngẫm và nhìn lại chính mình. Nguyễn Duy gửi tới bạn đọc thi phẩm *Ánh trăng* cũng chính là gửi đến bạn đọc thông điệp: không nên sống vô tình, phải biết thủy chung nghĩa tình cùng quá khứ.

Quá khứ là những sự việc đã diễn ra, đã gắn bó với mỗi chặng đường của từng con người. Từ trong hiện tại, quá khứ trong thơ Nguyễn Duy là những tháng ngày thơ ấu... là cuộc kháng chiến gian khổ mà ở đó vầng trăng và nhà thơ thành "tri kỉ":

*Hồi nhỏ sống với đồng
Với sông rồi với bể
hồi chiến tranh ở rừng
vàng trắng thành tri kỉ.*

Hình ảnh những *đồng, sông, bể, rừng* nguyên sơ, thuần hậu trong khổ thơ đầu này là nơi đã nuôi dưỡng, chở che ta. Tuổi thơ và năm tháng chiến tranh, cả một quãng đời dài sống trong tình thương yêu, gắn bó với thiên nhiên, với những miền quê ấy, “vàng trắng thành tri kỉ”. Trắng như mái nhà, như người bạn thân thiết của con người. Ở đó tâm hồn, tình cảm con người cũng nguyên sơ, thuần phác như chính thiên nhiên. Trắng và người đã tạo nên mối giao tiếp, giao hoà thủy chung tưởng như không bao giờ có thể quên được.

Nhưng sự thay đổi trong lòng người thật đáng sợ. Hoàn cảnh sống đổi thay làm con người ta dễ trở nên vô tình, dễ trở nên bội bạc.

*Từ hồi về thành phố
quen ánh điện, cửa gương
vàng trắng đi qua ngõ
như người dung qua đường.*

Khi chiến tranh kết thúc. Người lính trở về bị hấp dẫn bởi văn minh đô thị, với *ánh điện, cửa gương*, những ánh sáng nhân tạo đã làm họ quên đi ánh sáng tự nhiên hiền dịu của trắng. Cái hôm nay khác nhiều lắm so với cái đã qua. Cuộc sống hiện đại với nhiều tiện nghi đã làm cho con người thờ ơ, vô tình với những ngày gian khổ, cùng đồng đội, đồng chí chung một chiến hào mà *Trắng* là biểu tượng:

*vàng trắng đi qua ngõ
như người dung qua đường.*

Từ hình ảnh vàng trắng “tri kỉ”, vàng trắng “tình nghĩa” trở thành “người dung qua đường”, Nguyễn Duy đã diễn tả được cái đổi thay của lòng người, cái lãng quên, dừng dừng đến phút phàng. Cách so sánh thật thấm thía: “như người dung qua đường”. Trạng thái thờ ơ lạnh nhạt với những gì tốt đẹp đã qua được phát hiện và được cảnh báo sâu sắc.

Cũng như dòng sông có khúc phẳng lặng êm đềm, cũng có khúc ghềnh thác dữ dội. Cuộc đời vốn cũng nhiều biến động. Ghi lại một tình huống cuộc sống nơi thị thành, của những con người từ rừng về thành phố, Nguyễn Duy đã đặt con người vào bối cảnh:

*Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-đinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vàng trắng tròn.*

Khi ánh sáng nhân tạo vụt tắt, bóng tối bao phủ khắp không gian thì vàng trắng xuất hiện khiến con người, ngỡ ngàng trước ánh sáng quen thuộc, thân thương của tuổi thơ, trên những nẻo đường ta sống và trong cuộc chiến gian khổ, ác liệt. Người lính chợt nhận ra sự lãng quên, cái bạc bẽo tồn tại ở con người mình. Cuộc sống hiện đại làm lòng người thay đổi... Bây giờ cuộc đời mặt với *vàng trắng tri kỉ, vàng trắng tình nghĩa* con người

này đang nhận thức một cách rõ ràng sự tẻ bạc của chính bản thân. Trước người bạn vô tình ấy, trăng chẳng nói, chẳng trách khiến người lính cảm thấy “*có cái gì rưng rưng*”. Rưng rưng vì xúc động, vì những tâm tình xưa sống lại, vì lương tâm được đánh thức. Ánh trăng soi chiếu giúp con người nhận ra *độ lệch* của nhân cách mình.

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.*

Ánh trăng trước sau vẫn vậy, dân dã, mộc mạc, bình dị và thủy chung. Trăng lặng lẽ tròn một cách trong sáng vô tư, mặc cho thời gian trôi, mặc cho không gian biến đổi, mặc cho bạn bầu xưa ai đó quay lưng. Nhưng đã là chất thử, chất xúc tác, khơi gợi niềm xúc động, tạo ra sự sám hối, đánh thức lương tâm ở con người. Cái “*giật mình*” được diễn tả trong khổ thơ “vô ngôn” thể hiện sự bừng tỉnh đáng quý, cần có để làm người. Giờ đây con người đã tìm được con đường trở về với chính con người mình trước đây, đã tìm lại được những tháng ngày tình nghĩa đã vô tình quên lãng. Qua bài thơ, Nguyễn Duy cũng đã khám phá ra vẻ đẹp không bao giờ kết thúc của con người. Hành trình đi tìm những hạt ngọc ẩn giấu trong tâm hồn con người không bao giờ ngơi nghỉ và việc hoàn thiện mình của chính mỗi con người cũng không phải là một sớm một chiều.

Với biểu tượng ánh trăng, Nguyễn Duy đã khẳng định lòng thủy chung, bao dung độ lượng của nhân dân với người kháng chiến cũ. Con người trước đây được sống trong sự đùm bọc, yêu thương của nhân dân nhưng giờ đây lại có thể lãng quên. Từ đó, nhà thơ muốn nhắn gửi đến tất cả mọi người thông điệp: *Đừng sống vô tình, vô nghĩa, phải thủy chung, vẹn tròn, “uống nước nhớ nguồn”*.

Cuộc đấu tranh hướng thiện âm thầm mà khốc liệt, nó đòi hỏi lòng dũng cảm của mỗi người. Người lính năm xưa đã nhìn lại quá khứ, soi mình trong hiện tại để đấu tranh loại bỏ sự vô tình vô nghĩa của bản thân, hướng tới sự cao cả, tốt đẹp.

“*Ánh trăng*” là bài ca không quên về quá trình hướng thiện, quá trình hoàn thiện mình của mỗi con người trong cuộc sống hôm nay.

Đề 39: Đọc bài thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Duy, viết một bài văn có tiêu đề: *Ánh trăng và bài học sâu sắc*.

BÀI LÀM

Trong cuộc sống, giữa bao nhiêu sự cám dỗ, đôi khi vô tình hay cố ý, con người quên đi những gì tốt đẹp mà mình từng gắn bó. Để rồi đến một lúc nào đó chợt nhận ra những giá trị ấy đáng quý vô cùng. Trong bài thơ *Ánh trăng*, bằng hình tượng “ánh trăng” thấm đượm ý nghĩa nhân văn, nhà thơ Nguyễn Duy đã gióng lên một *hồi chuông phản tỉnh* ở con người.

“Trăng” từ lâu đã trở thành một đề tài quen thuộc của thơ ca. Nếu như trong thơ từng nói đến một vầng trăng xa xôi: chị Hằng, cung Quế; một vầng trăng phong cảnh, trăng bè bạn hàm chứa bao nhiêu nỗi niềm người thì ở

bài thơ này, trắng được nhân hoá thành *Người tình nghĩa*, chuyên trò đạo lí làm người. Trắng của Nguyễn Duy có gốc từ vàng trắng trong Truyện Kiều mà cụ Nguyễn Du dùng làm chứng nhân cho sự thề nguyện thủy chung, bền chặt:

*Vàng trắng vắng vặc giữa trời
Đình ninh đôi mặt một lời song song*

Đến với “*Ánh trắng*” của Nguyễn Duy, chúng ta được gặp gỡ với một vàng trắng mang vẻ đẹp hoang sơ mà gần gũi. Đó là vàng trắng của miền không gia ruộng đồng rừng bể mang đầy khí vị thanh cao, đẹp đẽ.

Bài thơ mở ra bằng sự hồi tưởng của nhà thơ:

*Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể
hồi chiến tranh ở rừng
vàng trắng thành tri kỉ.*

Tuổi thơ và những năm tháng chiến tranh, tâm hồn của Nguyễn Duy thuộc về *đồng, sông, bể, rừng*. Người và trắng cứ ôm ấp, thấu hiểu, song hành trong mọi hoàn cảnh. Hai chữ “*hồi*” ở đầu câu một và câu ba đã đánh dấu hai quãng thời gian quan trọng trong cuộc đời nhà thơ. “*Có một thời, từ ấu thơ đến tuổi trưởng thành*”, trắng và người đã sống qua những không gian quen thuộc, đó là đồng, sông, bể. Những năm tháng đất nước có chiến tranh, ta là chiến sĩ thuộc về những cánh rừng. Trắng trở thành người bạn chia sẻ ngọt bùi, “*Vàng trắng thành tri kỉ*”. Trắng đã từng cùng ta tạo nên bức tượng đài tuyệt đẹp nơi chiến hào đánh giặc: “*Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới - Đầu súng trăng treo*”.

*Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngỡ không bao giờ quên
cái vàng trắng tình nghĩa.*

Ở đây giữa con người với thiên nhiên đã không còn khoảng cách. Tâm hồn thanh khiết của nhà thơ đã hoà đồng với thiên nhiên và thiên nhiên cũng hết sức gần gũi thân tình. Vàng trắng hiện lên với vẻ đẹp hoang sơ mà hồn nhiên như trẻ thơ, chân thành như bạn hữu. Tình yêu của nhà thơ đối với thiên nhiên cũng nguyên sơ như cây cỏ và sẽ không bao giờ mất đi. Nhà thơ tưởng như không thể nào quên được những năm tháng đời lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước, nhân dân hiền hậu: “*Ngỡ không bao giờ quên / Cái vàng trắng tình nghĩa*”. Ngay ở hai câu thơ này, nhà thơ đã dự báo trước cho người đọc một sự bất ổn, một sự thay đổi.

Đến khổ thơ thứ ba lời thơ trở về hiện tại:

*Từ ngày về thành phố
quen ánh điện, cửa gương
vàng trắng đi qua ngõ
như người dưng qua đường.*

Chuyển từ không gian *đồng, sông, bể, rừng* để đến với thành phố phồn hoa, bị hấp dẫn bởi văn minh đô thị, tâm hồn con người đã thay đổi. Chiến tranh đi qua, cuộc sống yên bình trở lại, những gian khổ ác liệt lùi xa

nhường chỗ cho những nỗi buồn, hạnh phúc, con người liền đánh mất những kỉ niệm đẹp, trở thành kẻ vô tình:

*Vầng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường.*

Nhà thơ đã tự nhận thức được sự thay đổi trong tâm hồn mình, vì vậy, lời thơ trên như một lời thú tội chân thành và dũng cảm.

Tưởng như cuộc sống cứ trôi đi như vậy, con người mãi nguyện với thực tại và sẽ quên đi những kỉ niệm đẹp. Nhưng một biến cố đã xảy ra:

*Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn - đỉnh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn*

Bốn câu thơ với hai từ “thình lình”, “đột ngột” đã làm cho người đọc giật mình. Cái giật mình thảng thốt trước những biến cố không định trước. Hành động “vội bật tung cửa sổ” là một phản xạ bình thường. Nhưng “đột ngột vầng trăng tròn” lại là một biến cố. Chính biến cố này đã cảnh tỉnh tâm hồn nhà thơ. Cuộc gặp gỡ tình cờ, cuộc đối mặt không ngờ với người tri kỉ năm xưa khiến lương tâm con người phải tự sám hối trước vầng trăng thánh thiện kia:

*Ngửa mặt lên nhìn trăng
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng.*

Nhà thơ đối diện với vầng trăng cũng là đối diện với chính lương tâm mình. Đây là sự đối diện giữa chung thủy và bội bạc, giữa lòng vị tha và thói ích kỉ, là sự đối diện giữa quá khứ và hiện tại. Nhưng trên hết sự đối diện bất ngờ nhưng tất yếu này đã trả lại cho tâm hồn nhà thơ những cảm xúc nguyên sơ:

*Có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng.*

Quá khứ hiện về, kỉ niệm cũ sống dậy, khiến con người không khỏi xúc động ngậm ngùi. Sự gặp gỡ bất ngờ giữa người và trăng là sự gặp gỡ giữa những người bạn, những tâm hồn tri âm, tri kỉ. Nhà thơ ghen ngạo, xúc động vì gặp cố nhân, gặp lại một gương mặt thân yêu và cũng là gương mặt của chính tâm hồn mình. Giờ đây tâm hồn nhà thơ như đang được tắm trong những không gian mến yêu xưa. Niềm xúc động ghen ngạo khiến con người cứ đứng nhìn trăng mà ân hận và thú tội. Nhưng vầng trăng vẫn nhìn cố nhân vô tình kia bằng con mắt trong trẻo:

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình.*

Và sự im lặng làm nên thái độ nghiêm khắc:

*ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.*

Dường như khổ thơ cuối dồn nén biết bao niềm tâm sự. Ánh trăng vẫn tròn, vẫn khoan dung, độ lượng. Chỉ có lòng người bội bạc, phôi pha và đang ăn năn, sám hối. Trăng không nói nhưng cái im lặng tuyệt đối của trăng đã thức tỉnh con người, để con người tự “giặt mình” mà kiểm điểm lương tâm.

Bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy với khổ thơ cuối này là một cái *kết thúc lửng* - khép lại khi con người đang trong trạng thái ăn năn, thú tội. Thế nhưng không vì thế mà trở nên nặng nề, trái lại nhẹ nhàng, thấu tình đạt lý với nhiều dư âm, vang vọng. Giọng khoan thai mà cho ta biết bao điều về tình nghĩa ở cuộc đời. Đọc “Ánh trăng” người đọc như một lần được đối diện với chính lòng mình, nhắc ta hãy biết sống thủy chung tình nghĩa.

Đề 40: Từ hai bài thơ *Con cò* của Chế Lan Viên, *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* của Nguyễn Khoa Điềm, em hãy viết một bài văn với nhan đề *Lời ru với cuộc sống con người*.

BÀI LÀM

Mỗi con người sinh ra đều mang tâm hồn ươm ủ bởi hoa thơm trái ngọt của tình yêu trần thế. Tâm hồn trẻ thơ của chúng ta như tấm lụa bạch trinh trắng, đón nhận những giọt sương rơi, những chồi non lộc nẩy, cây cỏ vườn nhà, cảm thấm nguyên lành nghĩa tình với gia đình, đồng bào, quê hương, đất nước... Đời sống của mỗi con người, mỗi gia đình luôn gắn bó thấm thiết với đời sống chung của cả dân tộc. Linh hồn giống nòi được nương giữ trong thơ ca dân gian của dân tộc như một di sản nhiệm màu. Trong kho tàng quý giá này, có một thứ làm nguồn sống cho tâm hồn, giúp di dưỡng tinh thần con người từ thuở ấu thơ, đó là những bài hát ru. Những lời ru đã nuôi nấng tình thương yêu nhân loại của mỗi người trong cõi trần ai mệnh mông, có khả năng âu yếm đến từng kiếp phận nhỏ nhoi tội nghiệp.

Có lẽ ai cũng gắn bó tuổi thơ mình với những lời hát ru nào đó của bà, của mẹ, của làng xóm quê hương hoặc âm vang từ văn hoá cội nguồn. Mỗi dân tộc mỗi vùng miền đều có một điệu hát ru mang sắc thái riêng, lắng sâu vào tâm thức duy cảm mỗi người con xứ sở. Từ những khúc hát ru con của dân tộc Lào: “Ngủ ngon nhé, ngủ trên tay má ru hời...”, đến những bài ru con Nam Dương âm vang sóng biển, dân ca ru con Nga thầm thì lời hát bạch dương... những bài hát cứ lảng đãng bay qua miền trần gian nổi trôi vô định. Lời ru nồng ấm thiết tha, đầm thấm tình mẫu tử, gọi niềm u uẩn của kiếp nhân sinh, những cảnh ngộ thương tâm... Bài hát ru là những làn sương áp ủ cho tâm hồn trẻ thơ xanh mượt như trái quả đầu mùa, và dệt gấm thêu hoa cho những giấc mơ giấc mộng thần tiên. Người Việt Nam được nuôi dưỡng bởi tình yêu thương từ thuở còn thơ như vậy, nên biết trải hồn ra mà đón nhận những vang động của đời. Biết yêu từ “cái bóng cái bang”, “con cò con vạc” nhỏ nhoi mà yêu sang những người quen thuộc gần gũi xung quanh. Biết nhớ từ “bạc cầu ao”, “bát canh rau muống” mà nhớ về những người khách tha hương. Hình ảnh “cái cò bay lả bay la” trong khúc hát ru đồng bằng Bắc bộ, “Gió mùa thu mẹ ru con ngủ” của những miệt vườn xanh mượt phương Nam, “Em ơi em ngủ cho ngoan - Để chị đi thăm

cây lúa trên nương" của dân ca ru em miền núi... mỗi vùng, miền mang một bản sắc khác nhau nhưng đều có chung một phong thái là giai điệu ngân nga, êm dịu. Hát ru không chỉ chú ý đến chất lượng thẩm mỹ mà trước hết chú ý đến mục đích ru cho bé ngủ. Bé ngủ ngon nhé... để bà, để mẹ, để chị còn lên nương làm rẫy, ra đồng cấy gặt, để làm trăm công nghìn việc trong nhà hay được nghỉ ngơi sau một ngày làm việc vất vả. Trẻ em thích được ru ngủ vỗ về. Bởi trong vòng tay âu yếm, chở che của bà của mẹ, các em cảm nhận được tình yêu thương nhân hậu, hiền hoà. Miền không gian yên bình với chiếc võng đu đưa dưới luỹ tre xanh, chiếc nôi đặt bên khung cửa sổ, xa xa là cánh cò dập dìu trên biển lúa vàng... tất cả như được bao bọc trong một nguồn sáng dịu dàng, mang lại chất tươi thắm nguyên khôi cho tâm hồn trẻ thơ.

Đôi thế, nếu coi hát ru là một thể loại thơ thì đây là thứ thi ca thuần khiết và trịnh bạch nhất. Khi lớn lên, nặng nề với cuộc sống trần tục, phải gánh bao nỗi nhọc lụy của kiếp sống, con người sẽ khao khát biết bao được trở về với cõi thanh tịnh của lòng. Đôi khi, trong nhịp đời chảy trôi miên viễn, những lời hát ru thủa xưa của bà của mẹ đưa hồn lịm đi vào cõi trong. Dường như ở đó, phần thiên tính của mỗi đời người bồi hồi thức đập và thiết tha gọi nhớ, nó chẳng thể nguôi ngoai, đâu có khi chỉ là một khoảnh khắc thoáng qua vô cùng bình dị. Từ nỗi luyến nhớ về cái ngày xưa ngày xưa của mình, con người được thanh lọc trong một nỗi buồn phảng phất mà trong sáng lạ lùng. Tinh hoa của những bài hát ru sẽ còn được đầu thai vào những thành quả nghệ thuật khác, trong đó đặc biệt là những thi phẩm của các nhà thơ hiện đại. Người đọc đã nhớ năm lòng những bài thơ có sử dụng chất liệu hoặc mang hơi thở hát ru của Nguyễn Duy: *Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa, Tre Việt Nam*; của Xuân Quỳnh: *Lời ru trên mặt đất, Tuổi thơ của con...*, hay Đồng Đức Bốn: *Trở về với mẹ ta thôi...* Đặc điểm chung của các bài thơ trên là đều sử dụng hình thức thơ lục bát từ thơ ca dân gian cổ truyền. Vì vậy khi đến với hai bài thơ *Con cò* của Chế Lan Viên và *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* của Nguyễn Khoa Điềm, chúng ta như được đón nhận hơi gió mát trong lành và lạ lẫm bởi sự cách tân đổi mới nhiều mặt cả về nội dung và hình thức tác phẩm. Hai bài thơ này là hai khúc hát ru hiện đại, chảy theo một nhánh khác... trong thi mạch dân tộc nhưng vẫn giữ được tinh chất Việt Nam thuần túy, nguyên vẹn.

Trong những bài hát ru dân gian (những bài hát ru vốn sinh ra là để hát ru cho bé ngủ), cấu trúc của nó thường có hai phần. Phần đầu để đáp ứng chức năng thực hành ru bé ngủ "Cái ngủ mày ngủ cho ngoan", "Con ơi đừng khóc mẹ sầu"... vừa để dỗ dành, vừa vẽ ra một thế giới sự vật, hiện tượng đơn giản trong cuộc sống như một bài học vỡ lòng để dạy trẻ. Phần hai là những nỗi niềm thâm sâu, trác ẩn của người mẹ, nên lời ru như còn đầm đìa nước mắt thở than về trăm nỗi đoạn trường. Phần đầu là bề nổi, phần sau mới là chiều sâu, thường mang ý nghĩa xã hội cao. Có thể thấy, ở hai bài thơ *Con cò* và *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* có nhiều điểm tương đồng. Trước hết, hai bài thơ đều có kết cấu ba đoạn chặt chẽ, mặt khác, hai phần vốn có trong ca dao hát ru ở đây không phân định ranh

giới mà hoà nhập, xuyên thấm vào nhau. Hai bài thơ là hai khúc hát ru hiện đại, làm theo lối thơ tự do, có những biến tấu làm thành những điểm nhấn thú vị. Mỗi thi phẩm có những đặc sắc riêng nhưng đều cho thấy khả năng tiếp thu sáng tạo của nhà thơ hiện đại đối với di sản thơ ca dân gian, và rộng hơn là ảnh hưởng sâu sắc của văn học dân gian đối với nền văn học viết.

Bài thơ của Nguyễn Khoa Điềm gây ấn tượng ngay từ tiêu đề: *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*. Như vậy bài thơ chính là một bài hát ru thực sự, được hoài thai từ tình yêu thương của người mẹ miền núi trong hoàn cảnh đất nước đang kháng chiến chống Mĩ. Hình tượng “Những em bé lớn trên lưng mẹ” gợi cảm giác thiêng liêng và kì vĩ, nhưng cũng thật bình yên ấm áp. Điểm mới mẻ đầu tiên, có thể coi là một cách tân của tác giả, đó là có hai người ru em cu Tai: nhà thơ và người mẹ Tà-ôi. Hai người ru, hai lời ru - những lời ru ấy quán quýt vừa ru em nhưng cũng vừa ca ngợi mẹ em, vừa gửi gắm tâm tình, ước mơ của mẹ, vừa kể về những sự vật, thiên nhiên xung quanh - đúng như hai phần nội dung của một khúc hát ru cổ truyền. Lời hát ru có ba khúc, mỗi khúc đều mở đầu bằng hai câu: “Em Cu Tai ... đừng rời lưng mẹ”. Điều thơ nhịp nhàng, đều đặn, điệp khúc mở đầu và giữa bài được nhắc đi nhắc lại như một lời hát thiết tha, âu yếm.

Bài thơ là bài hát ru đầm thấm, dịu dàng, cất lên từ trái tim đôn hậu, đầy thương yêu của người mẹ dân tộc Tà-ôi. Bà mẹ Tà-ôi được nhà thơ khắc hoạ chủ yếu qua những công việc truyền thống: giã gạo, địu con, tĩa bắp... giống như bao người phụ nữ, bao bà mẹ Việt Nam chịu thương chịu khó. Hình ảnh “giọt mồ hôi” của mẹ, “vai mẹ gầy nhóp nhò”, “lưng đưa nôi” gợi sự thương cảm triu mến trong lòng người. Những hình ảnh ấy phảng phất từ trong ca dao xưa viết về người phụ nữ nhưng không phải là người phụ nữ bị đè nén, áp bức, vất kiệt sức lực trong những lời ca dao than thân. Hình tượng người mẹ dân tộc miền núi được nâng lên thành hình tượng người mẹ Tổ quốc, mẹ đi làm nhiệm vụ nuôi bộ đội, tham gia kháng chiến, mẹ đến chiến trường... Tình mẹ thiết tha đầm thấm như tình mẫu tử thiêng liêng hằng có, nhưng mang nét cao cả rộng lớn của thời đại cách mạng. Vì thế người mẹ đã trở thành người mẹ chiến sĩ, người mẹ Tổ quốc. Tình thương sâu nặng của mẹ dành cho bộ đội, cho dân làng, cho đất nước hoà quyện vào tình thương con vô bờ. Đất nước Việt Nam như đẹp hơn, như được tăng thêm sức mạnh khi có những người mẹ địu con để tham gia kháng chiến với lời ru nồng ấm ngọt ngào. Từ trên lưng mẹ con đã lớn lên...

Bài thơ của Nguyễn Khoa Điềm với biểu tượng “những em bé lớn trên lưng mẹ”, người mẹ trở nên vĩ đại như Trái Đất và đưa con thần kì như Phù Đổng. Bài thơ *Con cò* của Chế Lan Viên cũng mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc. Hình ảnh “Con cò” đã trở thành một phần máu thịt trong tâm hồn người Việt, đó là hình ảnh đậm nét văn hoá của một đất nước có nền sản xuất nông nghiệp cổ truyền. Cánh cò trắng muốt gợi cho ta những hoài niệm về một cái đẹp thanh bình, êm ả, ngán lên trong lòng ta những nhịp rung cảm sâu lắng, vời vợi chất thơ. Con cò đã làm bạn với người nông dân bao đời, gợi hứng cho họ hát lên những câu hát mộc mạc dân dã. Cánh cò trắng

cũng bay mê mải trong lòng thơ Việt, và đôi cánh mỏng manh của nó đã phủ bóng xuống lòng trắc ẩn thăm sâu của thi sĩ. Tác giả Chế Lan Viên mượn lời người mẹ để hát ru con bằng những vần thơ lãng đãng khói sương văn hoá dân gian. Những vần thơ trình bạch, trong veo như nước hồ thu mà nhìn suốt đáy bóng ánh lên vẻ đẹp tinh thần. Bài *Con cò* sử dụng những câu hát ru viết về con cò quen thuộc, những câu hát ru này cũng được đặt giữa từng phần của khổ I giống câu hát ru: “Ngủ ngoan a-kay ơi...” đặt giữa những khổ của bài thơ *Khúc hát ru của những em bé lớn trên lưng mẹ*, tạo cho lời thơ âm hưởng nhịp nhàng, luyến láy như đã được dân gian hoá. Trong lời mẹ hát ru con có cánh cò bay lả bay la, con cò bé bỏng thơ dại trên cánh tay của mẹ, con làm sao biết được nỗi đời truân chuyên làm gánh nặng số phận cho mỗi kiếp người. Cuộc đời con như cái nhụy còn nguyên sơ phong kín, con đâu có biết những thân cò nhỏ nhoi như phận người lặn lội chốn trần ai đầy bất trắc, nổi trôi vô định, sắc sắc không không... Con chưa biết, bởi vì “Con có mẹ”. “Ngủ yên! Ngủ yên!...” con nhé... Những câu thơ cuối đẹp một cách vi diệu mà rất mực giản dị, nó như đã thấu nhận tất cả, tất cả nhan sắc trần gian khiến cho người bình cảm thấy bất lực. “Cành có mềm mẹ đã sẵn tay nâng!”, “Lời ru của mẹ thấm hơi xuân”, “Những cành mềm mẹ hát”... từng câu chữ như ấp ủ hơi ấm, như hàm dưỡng một sinh mệnh. Mẹ chất chiu sự sống cho con trong từng lời ru dịu dàng êm ái, giúp con cảm nhận được nhịp sống nơi trái tim bé nhỏ của mình. Chất thơ trầm dịu trong trẻo, đẹp thuần khiết và thanh cao, đưa người đọc trầm mình vào miền sâu khuất, kín nhiệm của tâm hồn.

Điệp khúc “Ngủ yên! Ngủ yên!...” ru con được lặp đi lặp lại ở cả khổ hai, ba, như láy lại nỗi thương yêu khiến ta phải se lòng. Những tưởng tượng thi vị, ngộ nghĩnh về cò và con khiến đoạn thơ tựa như một câu chuyện cổ tích: “cò trắng đến làm quen”, “cò đứng ở quanh nôi”, “cò vào trong tổ”, “cánh của cò hai đứa đắp chung đôi”... Bề sâu của những mơ mộng ấy là ước muốn đầy tính nhân văn về sự hoà hợp giữa con người với thiên nhiên, ngoại vật. Nhưng đặc biệt hơn cả là mơ ước của mẹ về tương lai của con: “Lớn lên, lớn lên, lớn lên... Con làm gì? Con làm thi sĩ!”... Ngoài tính chất riêng tư, thì có thể hiểu, khát khao ấy là khát vọng hướng thiện nhất. Con sẽ làm thi sĩ để mang lòng từ tâm như một thứ hương hoa nhuần khiết dâng cho cõi người, để lưu giữ cội nguồn nhân bản cho cuộc đời. Cánh cò trong trắng của con lại bay hoài trong cõi thơ mệnh mông đánh thức những xao động tế vi và ngọt ngào của tâm hồn... Câu thơ này của bài *Con cò* cũng như câu thơ “Mai sau con lớn làm người tự do” trong *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* thực sự là một bước tiến dài trong tình cảm và nhận thức. Khát vọng lớn nhất của người mẹ Tà-ôi là độc lập, tự do cho đất nước, cho con mẹ, không phải là ước vọng tầm thường về vật chất. Còn mong ước của người mẹ trong bài thơ *Con cò* là con mẹ sẽ làm thi sĩ, thoát khỏi những toan tính trần tục để đắm chìm vào thế giới nội cảm của tâm hồn.

Hai khúc hát ru hiện đại này đều hướng tới tương lai khi con lớn lên, đồng thời cũng mở ra sự phát triển cho những khúc hát ru cổ truyền trong thi mạch dân tộc. Bài *Khúc hát ru...* của Nguyễn Khoa Điềm có hiện tượng

các câu thơ gổi lên nhau, quán quýt vào nhau, đối chiếu, liên hệ nhau như “nhịp chày nghiêng - giấc ngủ em nghiêng” “lưng núi - to” - “lưng mẹ - nhỏ” “Mặt trời của bắp” - “Mặt trời của mẹ”. Biểu tượng xuyên suốt cả bài là “lưng mẹ”, “lưng mẹ” làm nôi nuôi dưỡng em thơ lớn lên thành dũng sĩ, thành “người tự do”. Còn biểu tượng của bài thơ kia là “Con cò”, và “cái nôi” để ấp ủ cho con lại là chiếc “nôi thơ”. Từng kiếp người mở mắt để nhìn cánh cò đang vỗ cánh qua miền không gian riêng của mình - một đường bay vô thủy vô chung tìm về cõi tâm linh. Nơi đó trú ngụ những kí ức về bà, về mẹ, về tuổi thơ trên mảnh đất chôn rau cắt rốn. Dù đi qua dâu bể đa đoan của cuộc đời thì “Con dù lớn vẫn là con của mẹ - Đi suốt đời lòng mẹ vẫn theo con”. Hai câu thơ của Chế Lan Viên dường như được gọi lên từ thế giới nội tâm sâu kín của mỗi người. Những câu thơ của Chế Lan Viên không gổi lên nhau mà miên man dằng dặc. Hơi thơ chảy trôi tha thiết theo nhịp điệu tâm tưởng. Âm hưởng của bài “Khúc hát ru...” đều đặn như tiếng chày giã gạo của người mẹ Tà-ôi, câu thơ bảy, tám chữ đan xen tạo cảm giác vững chãi như hình ảnh về tấm lưng của mẹ. Còn những câu thơ “Con cò” thì nhẹ nhàng thanh thoát như từng nhịp vỗ cánh của con cò quuyền luyến với hồn phách quê hương, da thịt quê hương...

Hát ru đã gắn bó lâu bền với cuộc sống con người ở mọi thời đại, ở mỗi dân tộc. Đó là dòng sữa mẹ ngọt ngào nuôi dưỡng tâm hồn con người bao đời nay. Thể loại nghệ thuật “Hát ru” đã góp phần bảo lưu truyền thống văn hoá dân tộc. Hồn thiêng dân tộc còn nương giữ trong từng lời hát trữ tình sâu thẳm. Vậy mà trong cuộc sống hiện đại ngày nay, “hát ru” cùng với bao vốn liếng văn hoá của ông cha ta dường như đang bị mai một, bị lãng quên. Những người mẹ trẻ không còn biết hát ru con bằng ca dao dân ca mà ru con bằng dàn nhạc hiện đại. Những người già muốn nghe hát dân ca, tuồng, chèo thì không đồng điệu cùng con cháu... Con người xoay vòng trong cuộc sống bận rộn, đầy biến động, đôi khi giạt mình vì sự trống trải của tâm hồn, vì những thiếu vắng nhân bản. Trong những bước đi của thời gian, con người lại muốn ngược nước, ngược dòng trở về nguồn cội. Những bóng cò nổi trôi giữa cõi dương lại chập chờn hiện về trong tiềm thức. Cuộc sống có quy luật phát triển của nó, sẽ bỏ lại những gì lạc hậu và không cần thiết. Nhưng trong hành trang của con người hiện đại, những khúc hát ru mãi mãi là di sản tinh thần quý giá. Con người chúng ta cần biết cách dung hoà giữa truyền thống và hiện đại. Bởi tinh hoa dân tộc bắt nguồn từ đời sống của mỗi con người. “Sữa nuôi phần xác, hát nuôi phần hồn” (Nguyễn Duy), hãy để cho những trẻ thơ còn được ru vỗ trong quàng sáng nhân văn tinh khiết và ngọt ngào ấy. Người Việt Nam yêu thương giống nòi, nên những câu ca dao đầm thắm, tình tứ, những câu tục ngữ, thành ngữ giúp tu tâm dưỡng tính, những chuyện cổ tích, thần thoại nhắc nhở ta về cội nguồn con Lạc cháu Hồng... sẽ còn mãi như đưa đường dẫn ta về miền tâm linh của mình. Hai bài thơ *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* của Nguyễn Khoa Điềm và *Con cò* của Chế Lan Viên là minh chứng cho sức sống bền bỉ của thơ ca dân gian. Từ đó chúng ta tin tưởng rằng, hát ru sẽ được tái sinh mãi mãi, chừng nào con người còn sinh ra và mất đi.

Đề 41: Phân tích bài thơ *Con cò* của Chế Lan Viên.**BÀI LÀM**

Từ ngày xưa chúng ta đã lớn lên trong vành nôi, trong lời ru ấm êm, ngọt ngào của mẹ, trong hơi ấm của những vãn ca dao. Nhà thơ Chế Lan Viên đã lại đem đến cho ta một khúc ru hiện đại. Bài thơ “*Con cò*” là lời nói với con về một lời ru, cánh cò trắng vất vả trong ca dao xưa. Cánh cò chia sẻ nỗi vui buồn với con và toả hồn dân tộc vào cuộc đời dài của con. Bài thơ này tác giả viết nửa thực nửa hư, mang ý vị dân gian man mác.

Nhà thơ đã vận dụng tối đa những chất liệu dân gian, chất liệu của ca dao. Ông đã đồng hiện cánh cò trong ca dao xưa với sự trưởng thành của con người. Đó là những chất liệu thuộc về hồn dân tộc, đã in bóng vào tâm hồn nhà thơ, nay một lần nữa lại xuất hiện trong lời thơ của ông - lời ru ngọt ngào. Hình ảnh cánh cò trắng muốt lại một lần nữa bay vào trang thơ như muốn gọi lên trong sâu thẳm trái tim con người về ngọn nguồn của dân tộc, gọi con người trở về với những dấu yêu của một thời thơ ấu.

Mở trang thơ này ra, ấn tượng đầu tiên xuất hiện trong lòng người đọc là hình ảnh cánh cò miệt mài bay, “bay lả, bay lả”, bay không mệt mỏi. Cánh cò ấy đã mãi miết bay trên cánh đồng mênh mông, xanh mướt một màu xanh của lúa. Bức tranh đồng quê hiện lên sao yên bình và thơ mộng. Cánh cò ấy đã từng ăm trong vãn ca dao và bay vào hồn mỗi chúng ta từ lúc còn nằm trong vành nôi. Nhà thơ Chế Lan Viên đã tiếp tục dùng hình ảnh cánh cò thân thương để làm chất liệu cho lời thơ của mình. Đó không chỉ là cánh cò trắng muốt dập dìu bay mà đó còn là thân phận con cò truân chuyên, vất vả: “Cò một mình cò phải kiếm ăn”. Từ đó nhà thơ liên tưởng tới cuộc sống của con thơ: “Con có mẹ con ăn với lại ngủ”. Một quãng đời rất mực êm ả, bình yên. Thân cò lúi lúi nơi đầu sông cuối bể biết bao nhiêu nguy hiểm đang từng giây, từng phút đe dọa ập xuống. Cuộc sống của cò là những ngày lo lắng, sợ hãi, không lúc nào được yên vui. Trong ca dao xưa con cò là hiện thân của người nông dân quê ta, chất phác, siêng năng cần mẫn, trải qua bao gieo neo vất vả:

*Con cò mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao
Ông ơi ông vớt tôi nao
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng
Có xáo thì xáo nước trong
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.*

Với Chế Lan Viên, một lần nữa nỗi vất vả của đời cò hiện lên “cò ăn đêm”, “cò xa tổ”, “cò đậu cành mềm”, “cò sợ xáo măng”. Cò luôn phải sống cùng với nỗi sợ hãi thường trực. Tiếp đó nhà thơ đan xen liên tưởng đến giấc ngủ ngon lành của con trong vòng tay mẹ. Một mình cò phải lặn lội, chịu đựng bao nỗi hiểm nguy còn con thì đã có mẹ, con có bàn tay của mẹ che chắn, ăm bồng “cành có mềm, mẹ đã sẵn tay nâng”. Chúng ta đã biết rằng vạc mới đi kiếm ăn ban đêm còn cò kiếm ăn ban ngày. Cò phải đi ăn đêm đó là một nghịch lý trong cuộc đời: Cò lặn lội bờ sông kiếm ăn tưởng sẽ

có hạnh phúc, ngờ đâu thân cô vẫn mãi bơ vơ, trơ trọi, một mình đối mặt với hiểm nguy. Cánh cô lúc lúc lại bay trong gió chiều như còn phân vân lo lắng một điều gì. Còn đứa con thơ thì ngây thơ trong trắng lớn lên từng ngày trong màu trắng của cánh cô trong tình yêu thương của mẹ, tất cả đó sẽ là hành trang đưa con vào đời.

Cánh cô đã tự nhiên bay vào tâm hồn thơ trẻ của con qua lời ca dao mượt mà, đi cùng con để chia sẻ những vui buồn của tuổi thơ. Từ trong vành nôi cô đã là người bạn đồng hành thân thiết của con. Ở đoạn thơ này ta bắt gặp một lớp ngôn từ giản dị, mô tả liên tiếp những hành động của cô: “cò đến làm quen, cò vào trong tổ, cò đứng quanh nôi, cò ngủ, cánh của cò hai đứa đắp chung đôi”. Chính lời thơ này đã gợi cho ta sự gần gũi giữa cò và em bé. Đây chính là điểm hấp dẫn của trang thơ, mỗi câu thơ lần lượt là những hình ảnh thân thương, đáng yêu mà mỗi lần đọc lên nghe lòng xao động.

Nhà thơ đã đặt ra cho con một câu hỏi để hướng con vào tương lai mai sau: “con làm gì” và ước nguyện là được “làm thi sĩ”, được tiếp tục chấp cánh cho cò bay hoài không nghỉ, cánh cô ấy lại làm bạn của những đứa trẻ thơ. Đây là một ước mơ tinh khôi nhưng đó là những gì trong trẻo nhất mong đến với đứa con này.

Trong lời ru của mẹ có cánh cò, có điệu hồn dân tộc là những vần ca dao êm ả ngọt ngào. Đó chính là dòng suối mát trong ngọt lành nhất thấm dần vào tâm hồn con và sẽ chảy mãi theo cuộc đời dài của con. Lời thơ vừa rất cụ thể, vừa có sức khái quát lớn, mang sắc thái tinh vi của cảm xúc, của ý nghĩ, và mở ra cho người đọc những chân trời liên tưởng bát ngát. Nhờ hình ảnh, Chế Lan Viên đã làm “lạ hoá” những điều ai cũng thấy nhưng không phải ai cũng nhận ra: “Con dù lớn vẫn là con của mẹ / Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con”. Và trong hành trình cuộc đời của con, mẹ mãi là điểm tựa tinh thần vững chắc. “Chỉ mình mẹ là niềm tin ánh sáng diệu kì / Chỉ mình mẹ giúp đời con vững bước” (E-xê-nin). Chính mẹ đã truyền cho con hơi ấm của tình yêu thương và mạch nguồn dân tộc để trên mỗi hành trình con đều có sức mạnh bước đi.

Đây là một bài hát ru con được viết trong thời hiện đại. Nhà thơ đã sử dụng chất liệu cũ là cánh cò và đồng thời đưa vào đó những hình thức nghệ thuật mới mẻ. Ở đây, lời ru không còn là một lời ca dao mà là khúc hát ru được tự do hoá theo dòng cảm xúc. Nhà thơ đã đan dệt những hình ảnh vừa thực vừa ảo, màu thực, màu tượng trưng chen lẫn bên nhau thành một bức tranh nội tâm tha thiết.

Qua bài thơ này ta đã thấy trái tim Chế Lan Viên đập nhịp yêu thương mênh mông, vỗ về đứa con yêu. Những tình cảm ấy được truyền qua lớp ngôn từ giản dị hồn nhiên nhưng chứa đựng một quan niệm đẹp. Một cách hướng con người vào cội nguồn cái thiện, tựa cơn gió mát thổi vào hồn mỗi chúng ta.

Đề 42: Từ bài thơ *Con cò* của Chế Lan Viên, và hình ảnh con cò trong ca dao, hình ảnh “thân cò” trong bài *Thương vợ* của Tú Xương, em hãy viết một bài văn về *hình ảnh con cò* trong thơ ca Việt Nam.

BÀI LÀM

Khi ta lớn lên đất nước đã có rồi

Đất nước có trong những cái “ngày xưa ngày xưa” mẹ thường hay kể.

(*Đất nước* - trích trường ca *Mặt đường khát vọng* - Nguyễn Khoa Điềm)

Có lẽ khi viết hai câu thơ giản dị mà thấm thía nhường này, linh hồn và bản sắc dân tộc Việt Nam, dòng sữa văn hoá dân gian đã khởi nguồn, thấm sâu trong cảm thức thơ Nguyễn Khoa Điềm, ám ảnh tới mức trở thành máu thịt. Ca dao dân ca có từ thừa “ngày xưa ngày xưa ấy” nhưng vẻ đẹp của nó vẫn tồn tại mãi như con thuyền chở nặng hồn dân tộc đã neo đậu nơi bến bờ tâm linh của mỗi người dân Việt. Đó là những vẻ đẹp từ ngàn xưa của đất nước, của lao động, của hồn người... nguyên sơ và tự nhiên như hơi thở... Những nhà thơ lớn của dân tộc bao giờ cũng là người tiếp thu gìn giữ và sáng tạo từ kho tàng thơ ca dân gian ở nhiều phương diện nội dung và hình thức nghệ thuật, đặc biệt là những biểu tượng nghệ thuật.

Ca dao có nhiều biểu tượng nghệ thuật, như: cái cầu, thuyền và bến, cái áo, dòng sông, cây tre, con bóng, con cò, cây đa, bến nước, mái đình... những biểu tượng này xuất phát từ cuộc sống dân dã của người bình dân Việt Nam. Từ những câu ca dao dân ca viết về những hình ảnh ấy, ta hiểu được đời sống tinh cảm phong phú mãnh liệt những duyên dáng, tế nhị của người dân lao động. Các tác giả văn học viết đã hút nhụy văn hoá dân gian để làm giàu có cho trữ lượng thơ ca của mình. Hình tượng trong thơ ca xưa khi được tái sinh trong các thi phẩm về sau vừa mang dấu ấn truyền thống vừa có những nét mới mẻ, độc đáo, đặc sắc. Hình tượng “Con cò” trong ca dao dân ca đã trở thành thân thuộc gần gũi với người Việt đến khi cánh cò bay đi bay về trong những thế giới nghệ thuật thơ, nó đã mang những hình sắc sinh động cho tứ thơ, lời thơ. Tú Xương ở nửa cuối thế kỉ XIX đã mượn hình ảnh “thân cò” để kí thác tấm lòng thương yêu, ân tình sâu nặng đối với người vợ của mình. Sang thế kỉ XX, thi sĩ Chế Lan Viên đã viết bài thơ *Con cò* như một khúc hát ru cho em nhỏ bằng lời người mẹ thương con.

Ca dao dân ca - “đó là tiếng tơ đàn muôn điệu của tâm hồn quần chúng”. (Vũ Ngọc Phan), vì vậy, điệu hồn dân tộc đã đọng lại, thấm sâu vào những bài ca dao và kết tinh thành ý nghĩa biểu tượng. Diện mạo dân tộc Việt Nam “Lưng đeo gươm tay mềm mại bút hoa - Sống hiên ngang mà nhân ái chan hoà” (Huy Cận), in dấu bản sắc vào những hình ảnh mang tính tượng trưng, ước lệ như con bóng, con cò... biểu hiện cho nhân sinh quan, thế giới quan của người dân lao động. Trong ca dao dân ca Việt Nam có rất nhiều bài nói đến con cò. Theo Vũ Ngọc Phan: “Những câu ca dao hay của ta và có lẽ cũng rất cổ của ta, hầu hết đều mở đầu bằng con cò... “con cò bay lả bay la, con cò bay bổng bay cao, con cò lặn lội, con cò trắng bạch như vôi, con cò vàng, con cò kì, con cò quăm v.v...”. Con cò đã làm bạn với người nông dân bao đời: con cò lội ruộng, con cò đứng trên bờ rửa lông rửa

cánh, con cò bay trên đồng lúa bát ngát... Bận thân nhất gắn bó với cuộc sống con người, trong lao động và sản xuất là con trâu. Nhưng con trâu phải sống cuộc đời vất vả, cực nhọc, làm lụi, nặng nề, nên thường được người nông dân liên hệ với thân phận cơ khổ của mình. Còn cánh cò trắng muốt, tinh khiết đẹp một vẻ thanh cao, trong sạch, vẫy vùng trên trời cao cùng mây gió như là hình ảnh về một cuộc sống thanh thoi êm đềm mà vẫn chăm chỉ cần mẫn như người dân lao động xưa hằng mong ước. Nội dung những bài ca dao viết về con cò rất phong phú, gắn với đời sống và cảm thức nhân sinh trong xã hội phong kiến nước ta. Nhạc điệu bài ca kêu gọi nhiều xúc cảm trữ tình, khắc khoải, da diết hoặc du dương mềm mại ... Trong những bài hát ru em, bài lí giao duyên, cũng như hát trống quân, nam nữ đối đáp, trước khi đưa ra những lời tình tứ mặn nồng thì thường giáo đầu bằng những câu có hình ảnh cánh cò bay bổng như muốn nâng hồn người cất cánh:

*Một đàn cò trắng bay tung
Bên nam bên nữ ta cùng hát lên ...*

Hình ảnh đàn cò trắng tượng trưng cho sự đoàn tụ, sum họp. Những người thương nhau mà phải chịu cảnh xa xôi cách trở khi thấy đàn cò bay lượn có bầu có bạn trên cánh đồng, lại hát lên những lời nhớ nhung thấm thiết:

*Một đàn cò trắng bay quanh
Cho loan nhớ phượng cho mình nhớ ta
Mình nhớ ta như cà nhớ muối
Ta nhớ mình như Cuội nhớ Trăng*

Trí tưởng tượng của người nông dân thật lãng mạn. Nhớ của "mình" với "ta" như "loan nhớ phượng" như "Cuội nhớ Trăng", nhưng cũng hết sức đời thường: được ví "Mình nhớ ta như cà nhớ muối". Đó cũng chính là hai nét tâm hồn người lao động

Hình ảnh con cò cùng với những con chim đồng loại với nó như con vạc con bồ nông... là những loại chim phải kiếm ăn ngày đêm trên cánh đồng khiến người nông dân chạnh nghĩ, chạnh thương cho những cuộc tình duyên trắc trở mà ngay cả những người cùng máu mủ cũng không đồng cảm bằng những người trong cảnh ngộ:

*Cái cò, cái vạc, cái nông
Cùng ăn một đồng, nói chuyện giăng ca
Muối kia đổ ruột con gà
Mẹ mình chẳng xót bằng ta xót mình*

Ngoài giọng điệu trữ tình, những bài ca dao có hình ảnh con cò còn mang giọng điệu châm biếm đã kích cái xấu. Bài ca dao "con cò quăm" phê phán người chồng rượu chè, gia trưởng. Bài ca dao sau lại nhằm vạch trần bộ mặt tham lam độc ác của những kẻ giàu có, thất đức, bóc lột người dân nghèo:

*Cái cò, cái vạc, cái nông
Ba con cùng béo vặt lông cái nào
Vặt lông cái vạc cho tao!
Hành, răm, mắm, muối bỏ vào mà thôn.*

Hình ảnh con cò trong ca dao có thể đi kèm với những nội dung khác nhau, nhưng thông thường người nông dân vẫn cảm thấy thân phận mình, số kiếp mình gần gũi, tương đồng với con cò. Cũng như thân cò lớn lên giữa bao la hệ lụy mà vẫn giữ được cốt cách trong sạch, thanh cao, phải vật lộn mưu sinh trong nắng nôi giông bão của đời mà không tìm được chốn cho mình nương náu chờ che

Trời mưa quả dưa vẹo vọ

Con ốc nằm co

Con tôm đánh đáo

Con cò kiếm ăn ...

Cảnh mưa gió làm cho mọi vật đều bất an, bị động: con ốc co mình vào vỏ, con tôm nhảy bật lên, quả dưa như không giữ được hình trạng bình thường... Nhưng chỉ có con cò vẫn miệt mài lặn lội trong ruộng dâu bãi bể, trong cuộc mưu sinh, trong nỗi quanh quẩn âm thầm... Đó cũng là hình ảnh người nông dân Việt Nam cần cù, chịu thương chịu khó, “ăn gió nằm mưa”, gặp giông tố không sờn để có thể tồn tại, nâng cao đời sống và đấu tranh cho sự sống của mình.

Có thể nói, trong ca dao dân ca, hình ảnh con cò gắn với tư duy hình tượng của người nông dân Việt Nam về cuộc sống của mình, nói lên những đức tính truyền thống lao động tốt đẹp và cả những thói tật xấu, gửi gắm ước mơ và tình cảm, đồng thời cũng dùng hình ảnh con cò để kêu gọi hồn thơ.

Hình ảnh con cò đã mang chở một mảnh hồn quê hương, một mảnh hồn làng. Đó là hình ảnh thi vị nhất, nên thơ và truyền cảm nhất, đã nằm sâu trong tâm thức người Việt về một cái đẹp thanh bình, yên ả. Những bài ca dao nói về con cò cũng ẩn chứa tình đời, tình người, niềm vui và nỗi buồn nhân thế. Hình ảnh con cò trong lớp sương mờ ki ỨC còn trong veo những giọt nước mắt thương về bà, về mẹ, về chị, về quê hương xứ sở, về căn cốt bản địa của mỗi người... Có ai đã từng được nghe hát ru lại có thể quên được bài ca dao bao đời nay vẫn giữ cái nguyên uỷ sâu xa về tình nghĩa cội nguồn. Thứ tiếng nói ruột thịt tủy xương của những đứa con hành hương tìm về quê Cha đất Tổ:

Cái cò đi đón cơn mưa

Tối tăm mù mịt ai đưa cò về

Cò về thăm quán cùng quê

Thăm cha, thăm mẹ, cò về thăm anh...

Và có ai không thương xót ngậm ngùi cho thân phận người nông dân thuở xưa, sống làm lụi, cần mẫn, chăm chỉ mà phải chịu cảnh ngộ oan khiên. Nhưng trong cảnh hiểm nghèo con cò vẫn giữ tiết tháo trong sạch, đó cũng là thái độ trung thực và minh bạch của người nông dân, là lẽ sống cao cả, giàu đức hi sinh của người phụ nữ:

Con cò mà đi ăn đêm

Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao

Ông ơi ông vớt tôi nao

Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng

*Cò xáo thì xáo nước trong
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.*

Bài ca dao đã trở thành bài hát ru con của người phụ nữ Việt Nam bao đời nay. Gọi những âm ảnh lắng đọng và thao thức khôn nguôi về kiếp chúng sinh nhỏ nhoi tội nghiệp, với một nỗi lo âu khắc khoải cho sự sống trong không gian nhân thế đầy bất trắc. Những buổi chiều đời tàn muộn như phủ xuống lòng người một nỗi buồn thê lương. Con người lại lênh đênh chiếc bóng giữa trần ai, biết đâu những cơn giông tố bão bùng, những tương có nơi nương tựa chơ che nào ngờ cũng chứa chất đầy hiểm họa. Con người lưu lạc như con cò xa tổ dự cảm về những cảnh mềm định mệnh làm cho cuộc đời mình lờ dờ, làm sao không hoảng sợ, bất an. Người mẹ bao giờ cũng là người nhiều lo âu, linh cảm về nỗi đời bất trắc có thể xảy ra đến với đứa con thân yêu của mình. Bài thơ *Con cò* của Chế Lan Viên có hình tượng nổi bật là *con cò* và *đứa trẻ* được mẹ hát ru, nhưng hình ảnh người mẹ cứ phảng phất trong từng câu từng chữ. Câu ca dao xưa làm đau lòng người trước những lời than vãn nhỏ máu của cò mẹ, trong khoảnh khắc tuyệt vọng cuối cùng cò mẹ chỉ nghĩ về cò con. Những câu thơ nghẹn ngào của một linh hồn đắm lệ được lọc qua hồn thơ Chế Lan Viên, gạn chắt đi bao nỗi đau đớn và để lại nhiều ý vị đầm thắm. Chi tiết "cảnh mềm" như một thứ bóng chấp chờn trong cảm thức, trở đi trở lại hai lần ở bài thơ nhưng không gây cảm giác ớn lạnh. Hay đúng hơn là mẹ đã giấu kín những linh cảm lo âu, mẹ đã dang rộng vòng tay che chở cho đứa trẻ mỏng mảnh non nớt của mẹ. Mẹ hát cho con nghe về "cảnh mềm" - một giấc mơ đời thoáng chốc, hư ảo, mẹ nâng trên tay bao nỗi phiền muộn cho con trên mỗi bước đường. Con "ngủ chẳng phân vân". Để con không biết những cảnh mềm, những con cò con vạc tội nghiệp trong lời mẹ hát. Con cò ở khổ một là con cò trong câu ca dao xưa mẹ ru, là "con cò ảo", - con cò của trí tưởng tượng trong sáng, kì diệu. Sang khổ hai con cò đã biến thành "con cò thật". Cò đã thoát thai từ những lời ru đến làm quen với con. Con cò được nhân cách hoá - một biện pháp nghệ thuật thường xuyên xuất hiện trong ca dao dân ca. Những câu thơ bỗng trở nên sinh động, ngộ nghĩnh như một câu chuyện ngụ ngôn về loài vật: "cò trắng đến làm quen", "cò đứng ở trong nôi", "cò vào trong tổ", cò ngủ cùng con, "cánh của cò hai đứa đắp chung đôi", cò theo chân con đi học... Trong thơ ca Việt Nam chưa có bài thơ nào viết về con cò sinh động, tỉ mỉ và đầy thân ái như thế. Và cũng chưa bao giờ, trong thơ ca Đông Tây kim cổ lại có một ước mơ kì lạ như của người mẹ trong bài thơ này: "Lớn lên, lớn lên, lớn lên... con làm gì? Con làm thi sĩ". Nếu ta biết rằng người mẹ của một nhà thơ nước ngoài đã chỉ lên trời xanh mà giận trời đã bắt con mình làm thi sĩ, hoặc ngay cả nhà thơ Nguyễn Bính cũng ngậm ngùi vì cái nghiệp thi sĩ đầy khổ lụy đến nỗi phải dặn dò con: "Mai sau đừng lấy chồng thi sĩ" hoặc tự thán "Còn tôi trời bắt làm thi sĩ". Bởi có người mẹ nào lại muốn con mình bị đầy đoạ vì cái nghiệp thơ ca khổ ải cho đến cùng đời mãi kiếp bao giờ? Ta hiểu rằng ngoài yếu tố riêng tư, người mẹ trong bài thơ của Chế Lan Viên đã có một ước mơ nhân văn nhất cho con mình. Những lời ca dao mẹ ru đã thấm sâu vào máu thịt tâm hồn con, nuôi nấng

trong lòng con một tình yêu bền bỉ và thắm thiết với thi ca. Con sẽ làm thi sĩ để cánh cò tuổi thơ thành vĩnh cửu: "cánh cò trắng lại bay hoài không nghỉ...", cánh cò hoá thân trong những trang thơ đầy hương sắc "trước hiên nhà và trong hơi mát câu văn"... Sang đến khổ ba, giữa cò và con đã có mối thâm tình chung thủy: "Cò sẽ tìm con, cò mãi yêu con". Đoạn thơ theo đà để gieo xuống một triết luận: "Con dù lớn vẫn là con của mẹ - Đi suốt đời lòng mẹ vẫn theo con". Bài thơ về con cò đã trở thành câu chuyện của nhân sinh. Đó là bóng dáng của một cái đẹp trinh khiết viên mãn đôi khi bay qua cuộc đời người để lại niềm luyến nhớ mênh mông. "một con cò thôi - con cò mẹ hát - cũng là cuộc đời - vỗ cánh qua nôi".

Từ bài thơ của Chế Lan Viên, ta hiểu được một điểm quán xuyên trong tâm hồn người Việt: tình yêu cuộc sống và khát khao được hoà hợp với vạn vật thiên nhiên. Con cò đã bầu bạn với con người, cò đã mang hơi ấm vào những trang thơ. Ngay từ buổi đầu của nền văn học viết bằng chữ Nôm đã có hình ảnh con cò. Trong phần thơ Nôm của Nguyễn Trãi - tác gia đặt nền móng cho văn học viết, hình ảnh con cò hiện lên thật gần gũi thân thương:

*Cò nằm, hạc lẫn nên bầu bạn
Ủ ấp cùng ta làm cái con*

Người và cò ủ ấp nhau, người coi cò như con cái, như bầu bạn của mình khuya sớm.

Trong văn học trung đại, những tác giả lớn thường là những người có ý thức rất cao về việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, không để nền văn hoá, văn học của mình bị đồng hoá bởi những yếu tố ngoại lai. Hình ảnh con cò trong thơ trung đại Việt Nam không phải là con cò tượng trưng ước lệ trong thơ Đường Tống mà là con cò của quê hương làng cảnh Việt Nam. Trong bản dịch khúc ngâm "Chinh phụ ngâm" thơ chữ Hán của Đặng Trần Côn sang thơ Nôm, Đoàn Thị Điểm đã đặt hình ảnh con cò như một nét điểm xuyết trong bộ tranh tứ bình (đây là bức tranh thứ nhất):

*Trông bến nam bãi che mặt nước
Cỏ biếc um dàu mướt màu xanh
Nhà thôn mấy xóm chông chênh
Một đàn cò đậu trước ghềnh chiều hôm...*

Nền văn học trung đại Việt Nam kéo dài từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XX. Tú Xương là một trong những nhà thơ thuộc giai đoạn cuối cùng trong tiến trình phát triển ấy. Tú Xương được biết đến như là một bậc thầy của thơ trào phúng với những lời thơ linh hoạt, sâu sắc, có tính chất phê phán mạnh mẽ. Bên cạnh đó, ông còn là tác giả của những thi phẩm trữ tình làm xúc động lòng người. Ở mảng thơ này nổi bật bài *Thương vợ*. Bài thơ kí tác tâm sự thương yêu và biết ơn của ông Tú đối với người vợ tảo tần hiền hậu. Nhà thơ đã mượn hình ảnh con cò làm ẩn dụ cho người vợ phải dãi dầu mưa nắng

*Quanh năm buôn bán ở mom sông
Nuôi đủ năm con với một chồng
Lặn lội thân cò khi quãng vắng
Eo sèo mặt nước buổi đò đông ...*

Trong ca dao dân ca, hình ảnh con cò cũng được ví với thân phận người phụ nữ, nhưng đôi khi còn chỉ cả đối tượng là nam giới (*cái cò kìa, cái cò quăm*). Nhìn chung con cò là hình ảnh tượng trưng cho người dân lao động. Ấn tượng cho người phụ nữ, một hình ảnh cũng thường được nhắc đến trong ca dao dân ca, đó là hình ảnh con bống. Con bống xinh xắn, hiền lành, dịu dàng nên thường được mượn để nói về người thiếu nữ hay người thiếu phụ Việt Nam (*Cái bống đi chợ..., cái bống công chồng..., cái bống nấu cơm, nấu nước, cái bống lấy chồng Kẻ Chợ...*). Nhưng xét về mức độ biểu cảm, hình ảnh con cò vẫn in sâu vào cảm thức người Việt một niềm xót thương cho thân phận người phụ nữ hơn là con bống. Con cò lặn lội bờ sông bãi vắng không ngại nắng mưa có khác nào người vợ tảo tần chẳng quản gì vất vả mệt nhọc, lặn lội giữa dòng đời để gánh vác gia đình. Người vợ của Tú Xương một mình phải "nuôi đủ năm con với một chồng", phải dẫn mình vào cái chợ đời chìm nổi bộn bề với những lo toan. Ở bến sông quê hương đã nghẹn ngào tiếng khóc từ thừa ca dao "con cò lặn lội bờ sông - gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non" hình như đến thế kỷ XIX này vẫn chưa dứt nỗi đoạn trường. Trong câu thơ của ông Tú nó âm thầm hơn, là nước mắt lặn vào trong của hành trình giống bão đời người: "lặn lội... quăng văng" "eo sèo mặt nước...". Bài thơ không trực tiếp nói về tính cách bà Tú nhưng ta hiểu đó là một người vợ hiền hậu chịu đựng rất mực, không bao giờ có một lời oán trách, âu cũng là duyên, là nợ, là nghĩa, là tình. Duyên nợ, nghĩa tình. Những từ ghép ấy tồn tại trong Tiếng Việt bởi người Việt ta vốn trọng tình cảm. Và hình ảnh con cò, một vẻ đẹp dịu dàng man mác buồn, gợi thương gợi cảm rất hiếm hoi trong thơ Tú Xương - phải chăng cũng là biểu tượng để giữ gìn cái duyên sâu lắng cho một hồn thơ chừng như có nguy cơ chông chênh giữa tính chân thực sâu sắc với sự gay gắt thái quá.

Bài thơ *Thương vợ* của Tú Xương với hình ảnh con cò làm ấn tượng cho người vợ hiền thảo, kì diệu thay, lại đồng thanh khí với một bài thơ của thi sĩ hiện tại. Ta như cảm thấy cái hơi thơ đậm thắm, phảng phất nỗi ngậm ngùi xót xa của nhà thơ giành cho người vợ truyền từ đầu cho đến cuối thế kỷ XX. Xin đọc những câu thơ sâu lắng của Thu Bồn:

Mong em về trước cơn mưa
 Mây giăng kín núi đờ chưa cập cầu
 Thương em nhiều nỗi nông sâu
 Truân chuyên con nước biết đâu anh dò
 Ba mươi năm một chuyến đò
 Chưa xong chuyến, lại thân cò sang sông
 Trăm năm một chuyến bèo bong
 Chua chanh chát muối vẫn nồng trâu cau ...
 (Mong em về trước cơn mưa)

Thơ hiện đại tiếp thu, đồng thời triển khai ca dao theo chiều ý nghĩa mới mẻ. Hình ảnh "con cò" trong thơ còn mang tính giáo dục sâu sắc nhưng nhuần nhuyễn. Những khúc hát ru có hình ảnh con cò đã lưu giữ cội nguồn nhân bản truyền thống trong tâm linh con người về tình mẫu tử, tình yêu quê hương, gia đình, thiên nhiên, đất nước... Trong các nhà thơ hiện đại,

Nguyễn Duy mang điệu hồn truyền thống đậm đà. Ông có nhiều bài viết về lời ru: "Lời ru con cò biển", "Lời ru trong bão", "Tập ru con", "Ca dao vọng về". Trong bài thơ "Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa", cò cũng khắc chạm theo nỗi nhớ miên man về lời ru của mẹ:

*Cái cò ... sung çat ... đào chua
 Câu ca mẹ hát gió đưa về trời
 Mẹ ru cái lẽ ở đời
 Sữa nuôi phần xác, hát nuôi phần hồn
 Bà ru mẹ, mẹ ru con
 Liệu mai sau lớn con còn nhớ chăng.*

Đó là hình ảnh con cò trong những bài thơ từ xưa đến nay biểu tượng cho người phụ nữ, người vợ, người mẹ Việt Nam. Đất nước ta rồi còn văn hoá gốc nông nghiệp, nên con cò còn là biểu tượng của quê hương xứ sở. Cánh cò bay trên những cánh đồng thơm ngát của làng quê trù phú:

*Đồng chiêm phả nắng lên không
 Cánh cò dẫn gió qua thung lúa vàng
 (Tiếng hát mùa gặt - Nguyễn Duy)*

Cánh cò tươi mát bay bổng như hứa hẹn và ấp ủ niềm mơ ước về ngày mai tươi đẹp hoà bình và phồn vinh:

*Quê hương ta nghe phấp phới trong lòng
 Đôi cánh cò trắng vẫy mệnh mông
 (Trên đường thiên lí - Tố Hữu)*

Hình ảnh con cò tô điểm cho bức tranh quê hương đất nước. Cánh cò bay như đưa hồn người trở về với bản tâm mình. Cội nguồn quê hương chính là cội nguồn sáng tạo, và hình ảnh cánh cò đã khơi dậy cảm hứng và men say thi từ ngọt ngào:

*Việt Nam đất nước ta ơi
 Mệnh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn
 Cánh cò bay lả rập rờn
 Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều
 Quê hương biết mấy thân yêu ...
 (Nguyễn Đình Thi - Bài thơ Hắc Hải)*

Trong tuyệt tác *Tiếng Việt* của Lưu Quang Vũ, cánh cò bay lên từ những câu thơ đầu tiên:

*Tiếng mẹ gọi trong hoàng hôn khói sẫm
 Cánh đồng xa cò trắng rủ nhau về.*

Cánh cò về trong những lời mẹ gọi, cánh cò mang chở những mộng mơ thi vị trong tiếng Việt yêu dấu ân tình. Cánh cò chính là một vẻ đẹp trong đời sống nội tâm của dân ta.

Hình ảnh con cò ghi lại những nét trữ tình đậm thắm bằng thơ trong bản lí lịch tâm hồn dân tộc Việt Nam. Con cò trở thành một biểu tượng tinh thần của người Việt. Cánh cò trắng tựa như tấm lụa bạch thấm những giọt mồ hôi, nước mắt, lắng những tiếng cười niềm vui của bao thế hệ. Có phải vì thế mà những biểu tượng văn hoá Việt Nam thường không thể thiếu hình ảnh cánh cò (trên trống đồng, những bức tranh dân gian...). Cánh cò thấm

đuộm tình dân tộc, đậm đà sắc dân gian lưu truyền trong thơ ca Việt Nam từ nền thơ ca dân gian cho đến nền văn học bác học. Hình ảnh con cò là ẩn dụ cho những nét tính cách, tâm hồn, là một nét diện mạo thể giới quan, nhân sinh quan của người dân lao động... Những câu thơ nói về con cò đã kết tinh lòng yêu quê hương đất nước, tình thân ái thăm thẳm tiếp nối bao đời. Cánh cò sẽ mãi mãi như một lời nhắc nhở cho sự trở về của mỗi hồn thơ, hồn người, như một sự tô điểm cho sắc diện tâm hồn thi sĩ. Những vần thơ của Tú Xương, Chế Lan Viên, Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Duy, Lưu Quang Vũ... có *hình ảnh con cò* sẽ còn vỗ đập trong lòng người những nhịp rung cảm thương yêu.

Đề 43: Con người và sắc xuân xứ Huế trong bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* của Thanh Hải.

BÀI LÀM

Nhà thơ Xuân Diệu đã từng nói: "Mùa xuân là bình minh của tuổi trẻ. Đó là mùa xuân của sự sống, tình yêu và hạnh phúc". Nhà thơ Thanh Hải dẫu đã cận kề cái chết nhưng bằng niềm tin, tình yêu và hi vọng đã để lại cho cuộc đời "Mùa xuân nho nhỏ". Một bài thơ mang đầy khí vị của con người cống hiến, đắm thắm thiên nhiên xứ Huế trong buổi mùa xuân.

Thanh Hải viết bài thơ này khi đang nằm trên giường bệnh, phải đối diện với cái chết. Nhưng nhà thơ không tuyệt vọng mà luôn khao khát sống và cống hiến, vẫn cảm nhận được tất cả những vẻ đẹp về thiên nhiên, về con người xứ Huế khi xuân đến.

Bài thơ mở ra bằng sắc xuân mộng mơ, tinh tú:

*Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời .*

Khổ thơ đầu miêu tả dung nhan của mùa xuân. Mùa xuân đến, báo hiệu bằng những cảnh sắc thiên nhiên quen thuộc: *dòng sông xanh, bông hoa tím biếc* và *chim chiền chiện*. Mùa xuân đã hiện diện trên toàn cảnh, trên tạo vật: đất trời, hoa lá, chim muông... Tô điểm sắc màu cho không gian ấy, có màu xanh cây cỏ, xanh của dòng sông, màu tím của hoa và cả màu của mây trời. Cảnh sắc thiên nhiên ấy không chỉ đẹp mà còn sinh động. Nhà thơ đã dùng các động từ như "mọc", "hót" để diễn tả sự sống động của tạo vật. Tất cả như hồi sinh, sau một giấc ngủ dài và đang được tiếp thêm sức sống. Sắc xuân của Huế đẹp mộng mơ mà giản dị, đắm thắm. Vẻ đẹp ấy đã khiến cho tâm hồn con người thêm tinh tế, mẫn tiệp, khơi dậy một tình yêu cuộc sống tha thiết.

*Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng.*

Câu thơ có vẻ đẹp tinh khôi, sáng trong. Vẻ đẹp của sự nâng niu. "Từng giọt" ở đây là giọt nắng, giọt sương, giọt tiếng chim hót hay giọt niềm vui, tình yêu mà con người đón nhận trân trọng, say mê từ cuộc đời. Nếu ở khổ thơ đầu thiên nhiên được cảm nhận bằng thính giác, thị giác thì đến đây

nhà thơ đã cảm nhận bằng xúc giác. Có thể nói mọi cảm xúc đã lên đến đỉnh điểm. Đó là sự cảm nhận của con người thiết tha yêu cuộc sống, yêu quê hương mình.

Khi xưa, một người con xứ Huế, trong đêm đen của kiếp sống nô lệ, nhà thơ Tố Hữu từng viết:

*Tôi nện gót trên đường phố Huế
Dừng dưng không một cảm tình chi
Không gian sặc sụa mùi ô uế
Mà nước dòng Hương mãi cuốn đi.*

Đó là Huế trong quá khứ nô lệ, của bọn thực dân, tay sai, sống hưởng lạc. Thì trong hiện tại, Huế đang hồi hã nhịp chiến đấu, xây dựng:

*Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy trên lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ.*

Sắc xuân đất trời, cỏ cây đi theo người lính vào chiến trường, cùng với người lao động hăng say ngoài đồng ruộng. "Lộc" được dùng ở khổ thơ trên vừa là hình ảnh tả thực nhưng cũng là ẩn dụ. "Lộc" là chồi non của cỏ cây trong mùa xuân, người lính dùng làm lá nguy trang trong khi chiến đấu. "Lộc" trong lao động là những cánh đồng lúa xanh tốt. Nhưng "lộc" ấy còn là sức sống, là tuổi trẻ trong mỗi tâm hồn, người lính anh dũng chiến đấu, người nông dân hăng say sản xuất. "Lộc" là thành quả hôm nay và niềm tin, hi vọng ngày mai.

Xuân đến với đất trời và đến trong lòng người:

*Tất cả như hồi hã
Tất cả như xôn xao.*

Đó là mùa xuân của thời đại mới, một mùa xuân mà cả con người, cả thiên nhiên đều tràn đầy nhiệt huyết, tràn đầy nhựa sống.

Nằm trong nhịp sống hồi hã, vui tươi ấy của quê hương, cá nhân muốn hoà vào cộng đồng, khát khao được cống hiến:

*Ta làm con chim hót
Ta làm một nhành hoa
Ta nhập vào hoà ca
Một nốt trầm xao xuyến.*

Khổ thơ một là lời nguyện cầu sống hết mình, sẻ mình ra, góp mình vào làm nên vẻ đẹp cuộc sống. Nhà thơ muốn làm "con chim hót, một nhành hoa, một nốt trầm xao xuyến". Nhưng là "con chim hót" trong muôn ngàn giọng hót của loài chim, "một nhành hoa" trong vườn hoa ngàn hương sắc. Và chỉ xin làm "nốt trầm" trong bản hoà tấu muôn điệu nhạc. Tất cả thật giản dị, khiêm nhường mà cũng thật sâu sắc. Bởi là "nốt trầm" nhưng lại phải là "nốt trầm xao xuyến" có sức lay động lòng người, không ồn ào nhưng đầy dư ba, ám ảnh. Đó là khát vọng chân thành đến tuyệt đối của Thanh Hải: không thể kéo dài sự sống cá nhân nhưng muốn cuộc đời mình có ý nghĩa. Nốt nhạc trầm ấy đã làm nên khúc vĩ thanh cao đẹp của cuộc đời một con người.

Tình yêu đời, khát vọng cống hiến và cống hiến hết mình là vẻ đẹp nổi bật nhất của con người trong bài thơ này.

Con người và sắc xuân trong bài thơ vừa mang nét đặc trưng của xứ Huế nhưng cũng là vẻ đẹp của cả xứ sở này.

Đề 44: Em hãy phân tích bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* của Thanh Hải để làm rõ tình yêu cuộc sống thể hiện trong thi phẩm.

BÀI LÀM

Cuộc đời đó... có bao nhiêu... mà hững hờ...

Có lẽ Thanh Hải đã hiểu được điều mà Trịnh Công Sơn muốn nhắn gửi, thế nên ông đã sống một cách nhiệt tình trong cuộc đời. Tâm hồn người thi sĩ này luôn dạt dào tình yêu cuộc sống. Tình yêu ấy không chỉ được thể hiện trong cách sống ở đời mà còn thể hiện trong thơ. Bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* của ông là một minh chứng.

Tình yêu cuộc sống là một trong những tình cảm quý giá của con người. Tình yêu ấy trong tâm hồn Thanh Hải trước hết được thể hiện ở việc nhà thơ miêu tả cảnh sắc thiên nhiên xứ Huế khi đất trời vào xuân:

*Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi! Con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng.*

Không gian mùa xuân được gợi ra từ hai hình ảnh rất riêng, rất đậm chất Huế: “dòng sông xanh” và “bông hoa tím biếc”. Sự hoà hợp giữa màu xanh của dòng sông và sắc tím của bông hoa tạo nên một cảm giác dịu mát, đầy sức sống! Khung cảnh còn được gợi lên bởi âm thanh quen thuộc rộn ràng tươi vui của chim chiền chiện - loài chim thương xuất hiện vào mùa xuân và được xem là tín hiệu báo xuân. Tiếng hát vang trời của chim chiền chiện làm không khí mùa xuân trở nên náo nức lạ thường! Một dòng sông xanh, một bông hoa tím biếc, một cánh chim chiền chiện chao liệng giữa bầu trời với tiếng hót “vang trời” - ba nét chấm phá ấy tạo thành một bức tranh sinh động, tươi tắn. Phải yêu khung trời Huế, sắc xuân Huế lắm, Thanh Hải mới hình tượng hoá, cụ thể hoá được như thế. Nhất nữa tiếng hót thánh thót vang trời kia đã cô đọng thành “từng giọt sương long lanh”. Thanh Hải đã sử dụng biện pháp chuyển đổi cảm giác, từ cái chỉ có thể nghe được đến cái có thể nhìn thấy được và cuối cùng đến cái có thể hứng được, nắm bắt được. Và nhà thơ hứng lấy cho mình những gì là tinh chất nhất của đất trời ban tặng. Mọi cảm xúc đều đã được thăng hoa. Chắt thơ ấy phải chăng lên men từ chính tình yêu quê hương tha thiết? Thanh Hải như đang ngây ngất trước vẻ đẹp của sắc xuân Huế thơ mộng, hữu tình. Qua đoạn thơ mở đầu, ta cảm nhận được tâm trạng say mê, đầy hào hứng của tâm hồn Thanh Hải khi mùa xuân về.

Xuân của đất trời hoà vào với xuân của con người hồi hả, xôn xao. Mùa xuân gắn liền với cuộc sống:

Mùa xuân người cầm súng
 Lộc giắt đầy quanh lưng
 Mùa xuân người ra đồng
 Lộc trải dài nương mạ.

Không phải ngẫu nhiên trong những câu thơ trên lại xuất hiện hình ảnh “người cầm súng” và “người ra đồng”. Họ là những người đại diện cho hai nhiệm vụ cơ bản của đất nước Việt Nam mới trong mấy chục năm từ ngày khai sinh: sản xuất và chiến đấu, xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Người cầm súng dắt “lộc” để nguy trang ra trận, người ra đồng gieo “lộc” trên từng nương mạ. Những con người làm nên lịch sử của dân tộc, của đất nước đã mang “lộc” ra trận của mình để rồi lại đem “lộc” về cho đất nước, cho dân tộc. Từ “lộc” ở đây có thể hiểu theo nhiều nghĩa. “Lộc” là chồi non, “lộc” cũng có nghĩa là mùa xuân, là sức sống, là thành quả. Mùa xuân là mùa của khát vọng, của ước mơ và là sự khởi đầu cho một năm. Hồn thơ hoà cùng mọi người niềm tin vào một ngày mai tốt đẹp. Cuộc sống cống hiến của những người bảo vệ sự bình yên cho đất nước và những người xây đắp xã hội đã làm thành giai điệu chính trong bản hợp xướng mùa xuân rộn ràng, tươi vui. Phải có niềm tin yêu vào cuộc đời lắm mới có thể hướng vào một tương lai tươi sáng! Thanh Hải đã rất lạc quan, tin yêu khi viết những vần thơ này.

Đất nước đang vào xuân, từ thiên nhiên cảnh vật đến con người đều xôn xao, rạo rực sức sống trong chiều dài lịch sử:

Đất nước bốn nghìn năm
 Vất vả và gian lao
 Đất nước như vì sao
 Cứ đi lên phía trước

Chạy dọc bốn nghìn năm, từ thời dựng nước đến hôm nay, đất nước luôn “vất vả và gian lao” nhưng vẫn luôn chói ngời “như vì sao - cứ đi lên phía trước”. Dù khó khăn gian khổ nhưng từ thế hệ này đến thế hệ khác vẫn luôn vượt lên mọi thử thách để xây dựng non sông ngày càng giàu đẹp hơn. Đất nước vất vả đau thương nhưng tươi thắm đến vô ngần! Âm thanh của mùa xuân dân tộc vang lên từ chính cuộc sống vốn “vất vả và gian lao” ấy vẫn mãi ngân nga lắng đọng trong tâm hồn của những con người Việt Nam. Tâm hồn Thanh Hải giờ đây tràn ngập một niềm vui, niềm rạo rực say mê. Xuân đến với ông cũng chính là xuân của mọi người, xuân của đất nước.

Từ mùa xuân đất trời, Thanh Hải hướng tới mùa xuân của lòng người, của cách mạng, và được cô đọng trong một lời nguyện ước:

Ta làm con chim hót
 Ta làm một cành hoa
 Ta nhập vào hoà ca
 Một nốt trầm xao xuyến.
 Một mùa xuân nho nhỏ
 Lặng lẽ dâng cho đời
 Dù là tuổi hai mươi
 Dù là khi tóc bạc.

Một loạt các hình ảnh: *con chim hót, cảnh hoa, nốt trầm* và cuối cùng là *bản hoà ca* được Thanh Hải sử dụng thật hài hoà. Dường như mỗi bông hoa, mỗi tiếng chim, mỗi cảnh vật thiên nhiên đến cuộc đời thắm lẫm của mỗi một con người đều góp phần làm nên vẻ đẹp chung của mùa xuân, của đất nước. Ta cũng như con chim chiến chiến, như bông hoa tím biếc trên dòng sông xanh, như một nốt trầm trong bản hoà ca xao xuyến của toàn dân tộc. Hoàn toàn không phải ngẫu nhiên khi ở đầu bài thơ, nhà thơ xưng "tôi" còn đến đây nhà thơ lại xưng "ta". Với chữ "ta" vừa là số ít, vừa là số nhiều, tác giả có thể nói được cái riêng biệt, cụ thể, đồng thời lại nói được cả cái khái quát, cái chung. Đây là tâm sự, là quan niệm, là phương châm sống của nhà thơ hay cũng là của những con người chân chính? Đây là ước vọng của một con người khi vào đời ở tuổi hai mươi cho đến khi sắp từ biệt cõi đời với mái đầu bạc hay cũng là ước vọng của mọi lớp người từ trẻ tới già? Nhà thơ chỉ là một con chim nhỏ trong muôn ngàn con chim khác đang chao liệng giữa bầu trời xanh trong bao la kia, chỉ là một cánh hoa trong muôn vàn cánh hoa khác đang đua nhau toả hương khoe sắc giữa vườn hoa rực rỡ muôn sắc màu, chỉ là một nốt nhạc trầm lẫm giữa bao nốt nhạc trầm bổng khác trong bản nhạc kia. Thế nên nhà thơ chỉ ước nguyện mình là "Một mùa xuân nho nhỏ, lẫm lẽ dâng cho đời" những gì là đẹp nhất của đời mình. Mỗi con người trong cuộc đời này đều là "Một mùa xuân nho nhỏ" cống hiến sức lực và cuộc đời mình để làm nên mùa xuân chung cho đất nước, của toàn dân tộc. Cao cả đáng quý biết nhường nào những con người đang lẫm lẽ cống hiến tuổi trẻ của mình, và càng đáng quý biết bao khi đã "tóc bạc da mồi" mà "mùa xuân nho nhỏ" ấy vẫn tràn đầy nhiệt huyết "dâng cho đời".

Bản tình ca yêu đời, yêu cuộc sống lại được cất lên từ khúc hát của quê hương.

*Mùa xuân - ta xin hát
 Câu Nam ai, Nam bình
 Nước non ngàn dặm mình
 Nước non ngàn dặm tình
 Nhịp phách tiền đất Huế.*

Nhà thơ vẫn "xin" được hát mãi khúc ca "câu Nam ai Nam bình" bằng tất cả tình yêu, trái tim đầy nhiệt huyết. Tình yêu cuộc sống bắt nguồn từ những gì thân thuộc, gần gũi của quê hương. Nơi chôn nhau cắt rốn, nơi thấp lên những ước mơ, nơi đã cho Thanh Hải hiểu được ý nghĩa của cuộc đời. Có lẽ vì thế mà bài thơ chẳng những mang đậm chất trữ tình dịu dàng của xứ Huế mà như một khúc hát, một bản nhạc được cất lên từ tâm hồn rất "xuân" của nhà thơ.

Thanh Hải viết bài thơ này vào tháng 11-1980 trong thời gian ông bị ốm nặng, phải nằm liệt giường và ít lâu sau thì qua đời. Thế nhưng "Mùa xuân nho nhỏ" vẫn rộn ràng một tấm lòng yêu đời, yêu cuộc sống, thể hiện sự gắn bó sâu nặng thiết tha với cuộc đời. Phải yêu đời lắm nhà thơ mới có thể vẫn lạc quan trong hoàn cảnh ấy. Thanh Hải là người tìm thấy niềm vui ở cuộc đời cống hiến, tự nguyện là *mùa xuân nho nhỏ, nốt trầm xao xuyến* để

rồi có thể hát lên, ngân vang mãi bên trong nhịp phách tiền của khúc ca xứ Huế, khúc hát quê hương.

Bài thơ khép lại nhưng âm hưởng ngọt ngào của “sắc xuân Huế” vẫn ngân nga trong mỗi chúng ta với giai điệu trầm lắng thiết tha. Tình yêu cuộc sống, niềm tin yêu vẫn tuôn trào, ấn dạt dào trong tâm hồn nhà thơ Thanh Hải cho đến phút cuối cùng cuộc đời. Tình yêu ấy, niềm tin ấy ánh lên trong từng câu từng chữ bài thơ để mỗi lần đọc lại, nghe lại, ta lại được sống trong khí vị dịu ngọt của “Mùa xuân nho nhỏ”.

Đề 45: Những điều nguyện ước chân thành và tha thiết của nhà thơ Thanh Hải trong *Mùa xuân nho nhỏ*.

BÀI LÀM

Mùa xuân đã trở thành đề tài phổ biến trong thơ ca Việt Nam từ bao đời nay. Mùa xuân không chỉ hội tụ vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước mà còn hội tụ những tâm tình của con người. *Mùa xuân nho nhỏ* của Thanh Hải là một trong những bài thơ như vậy. Thanh Hải viết bài thơ này không bao lâu trước khi qua đời. Đó là niềm yêu mến quê hương, đất nước thiết tha và nguyện ước làm một “mùa xuân nho nhỏ” dâng cho đời của tác giả.

Đứng trước mùa xuân.

“Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hoà ca
Một nốt trầm xao xuyến”

Ước nguyện thật tha thiết nhưng cũng thật khiêm tốn. Một cá thể nhỏ bé mong muốn được góp sức mình dệt nên tương lai của đất nước. Nhà thơ muốn hoá thân thành con chim hót, một cành hoa, một nốt trầm mang lại niềm vui cho cuộc đời. Tất cả những hình ảnh ấy thật đáng yêu và đáng trân trọng. Bởi chất chứa vẻ đẹp cương quyết nhưng dịu dàng.

Với Thanh Hải, hoá thân là để hiến dâng, để phục vụ cho mục đích cao cả:

“Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc”.

Đến đây mùa xuân được đẩy lên thành đỉnh cao, thành mùa xuân của lí tưởng, của tiếng lòng cao cả. Lời thơ tâm tình, tha thiết biểu hiện lẽ sống cao đẹp. Mỗi con người hãy làm “một mùa xuân nho nhỏ” để làm nên mùa xuân bất diệt của đất nước. “Mùa xuân nho nhỏ” là một ẩn dụ đầy sáng tạo khắc sâu ý tưởng “mỗi cuộc đời đã hoá núi sông ta” (Nguyễn Khoa Điềm). Sống trong hoàn cảnh đất nước có xâm lăng, mỗi người đều có khát vọng được cống hiến, được làm một người có ích. Bởi lẽ “sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình” (Tố Hữu). Nhà thơ đã nói hộ những tâm tình của bao người trong thời đại muốn sống hết mình thuỷ chung cùng đất nước, đem cả cuộc đời phục vụ đất nước “dù là tuổi hai mươi, dù là khi tóc bạc”. Hình ảnh “mùa xuân nho nhỏ” ở cuối bài thơ như ánh lên, toả sức xuân tâm hồn trong toàn bài thơ. Đó là tâm hồn của một con người muốn sống một cuộc

đời đẹp như mùa xuân, muốn giữ tâm hồn căng tràn nhựa sống như mùa xuân nhưng nhà thơ cũng luôn tự ý thức mình chỉ là “mùa xuân nho nhỏ”, “lặng lẽ dâng cho đời”, chỉ là một “nốt trầm” góp vào bản hoà ca chung. Có thể xem khổ thơ này là lời trăng trối của nhà thơ trước khi về bên kia thế giới. Người đọc ngậm ngùi, xúc động trước một tâm hồn đẹp mãi toả rạng ước mơ và tình yêu cuộc sống.

Khổ thơ cuối cùng là tiếng hát yêu thương:

*Mùa xuân - ta xin hát
Câu Nam ai, Nam bình
Nước non ngàn dặm mình
Nước non ngàn dặm tình
Nhịp phách tiền đất Huế.*

“Nam ai” và “Nam bình” là hai điệu dân ca nổi tiếng của xứ Huế, chách tiền là nhạc cụ dân tộc để điểm nhịp cho lời ca, tiếng đàn. Câu thơ “Mùa xuân ta xin hát” diễn tả niềm khao khát bồi hồi của nhà thơ đối với quê hương yêu dấu buổi xuân về. Quê hương đất nước trải dài ngàn dặm chứa chan tình yêu thương. Mỗi cung đàn như đang réo rắt hồn quê hương, đất nước, trong đó có cả tiếng lòng của chính nhà thơ - người con xứ Huế. Thanh Hải đã cất lên những câu hát tâm tình, tự hào, yêu thương dâng tặng cuộc đời, dâng tặng đất nước. Đất nước đã trải qua bốn nghìn năm vất vả và gian lao”, đất nước như một vì sao chỉ biết hướng về phía trước. Khi mùa xuân đến giữa hương sắc và âm thanh đất trời, lòng người cũng “xôi xao”, cả dân tộc bừng bừng khí thế, một sức xuân dào dạt, hối hả. Mùa xuân mang đến cho con người một sức sống mới, một nhiệt tình cách mạng mới, hăng hái, khẩn trương. Những khát vọng của nhà thơ đã trở dậy mãnh liệt hơn bao giờ hết. Cuộc đời vất vả chất ngân ngùi của riêng ông không chỉ phép nhà thơ thực hiện ước mơ của mình nhưng cả khi không còn nữa thì ông đã là một “mùa xuân nho nhỏ” khiêm tốn và lặng lẽ dâng cho cuộc đời.

Bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* khép lại và nhà thơ Thanh Hải cũng đã ra đi ở tuổi 50 nhưng âm vang tiếng thơ, tiếng lòng của người con xứ Huế vẫn ngân lên da diết trong chúng ta. Mỗi người hãy giống như Thanh Hải, hoá thân thành một “mùa xuân nho nhỏ” để làm nên mùa xuân trường tồn của đất nước.

Đề 46: Dựa vào các hình ảnh, bố cục của bài *Sang thu*, hãy viết một bài văn ngắn diễn tả cảm nhận của Hữu Thỉnh trước sự biến chuyển của thiên nhiên lúc giao mùa.

BÀI LÀM

Mùa thu là mùa thơ của thi nhân. Từ xưa, bao thi nhân đã gửi gắm lòng mình vào những bài thơ thu đem đến cho ta những xúc cảm tinh tế. Với từng cách nhìn, cách nghĩ khác nhau, mỗi nhà thơ tạo nên những ấn tượng riêng về mùa thu. Hữu Thỉnh cũng là một trong số những nhà thơ như thế. Với con mắt nghệ sĩ, tâm hồn nhạy cảm và ngòi bút tài hoa, Hữu Thỉnh đã có những cảm nhận mới mẻ trước sự biến chuyển của thiên nhiên lúc giao mùa. Đọc *Sang thu* ta thấy rất rõ điều đó.

“Sang thu” ở đây là *chớm thu*, là lúc thiên nhiên “giao ca”. Mùa hè vẫn chưa hết mà thu mới có những tín hiệu đầu tiên. Trước những thay đổi tinh vi ấy, phải nhạy cảm lắm mới cảm nhận được.

Với Hữu Thỉnh, mùa thu bắt đầu thật giản dị:

*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về.*

Nhà thơ chợt nhận ra một mùi hương quen thuộc phảng phất trong gió se lạnh. Đó là hương ổi - mùi hương quê rất đặc trưng. Rồi cảm nhận làn sương mỏng đang giăng mắc như chùng chình qua ngõ rất chậm rãi. Bất ngờ trước những tín hiệu mùa thu đến lúc nào không hay, nhà thơ ngỡ ngàng tự hỏi lòng mình: *Hình như thu đã về*. Rất dịu dàng, nhẹ nhàng. Dường như nhà thơ cảm được cả bầu khí thu trong veo, một không gian thu lặng lẽ yên bình có chút gì mơ màng. Câu thơ ngỡ ngàng ngay với lòng mình làm nên tiếng ngân trong hồn người.

Sau cái bờ ngõ ban đầu là những cảm nhận rõ nét từng sự biến chuyển của thiên nhiên. Nhà thơ đang giương mọi giác quan để, thu lấy “dáng hình” của độ thu sang:

*Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu
Vẫn còn bao nhiêu nắng
Đã vơi dần cơn mưa
Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi.*

Những sự vật: sông, chim, mây, nắng, mưa, sấm đều có sự biến chuyển. Trong sự đổi thay, vận động ở bên trong, từng sự vật lại hiện lên đầy sinh động với những liên tưởng thú vị.

Sông vào mùa thu nước đầy nhưng trong, dòng sông lững lờ trôi khoan thai chứ không cạn như nước mùa xuân, mùa đông, không đục và chảy xiết như nước mùa hạ. Cảm nhận về một dòng sông thu êm đềm, chậm rãi rất hợp với nhịp điệu mùa thu.

Nổi bật trên cái nền bình lặng của con sông thu là không khí rộn ràng của bầy chim chuẩn bị đi tránh rét. Không gian trở nên xôn xao, không có âm thanh nhưng câu thơ lại gợi được cái động. Ấy thực là một sự nhạy bén trong quan sát!

Song hay và tinh tế nhất là cảm nhận về mây:

*Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu.*

Dường như trong đám mây thu còn vương nắng hạ nên nhà thơ mới có liên tưởng thú vị đến chùng ấy. Từ “vắt” rất gợi hình, tạo dáng. Ngỡ những đám mây kia là những dải khăn mềm làm ranh giới hai mùa - ranh giới của

thời gian. Đám mây trong *Sang thu* thật nên thơ và có hồn! Tâm hồn thi sĩ thật mộng mơ!

Sau những sự vật, hiện tượng khi chớm thu, nhà thơ chú ý đến những yếu tố thời tiết. Trong cảm nhận này, nhà thơ luôn có sự liên tưởng, so sánh với mùa hạ nhằm tạo nên ấn tượng rõ nét. Nắng vẫn còn vàng tươi nhưng nắng thu trong và dịu hơn nắng hạ. Mưa vẫn còn nhưng đã vơi nhiều so với những cơn mưa bong bóng kéo dài của mùa hạ và sấm cũng bớt đến đột ngột và bất ngờ. Những biến chuyển nhỏ tinh vi: *vẫn còn, vơi dần, bớt khó* lọt qua con mắt quan sát, sự cảm nhận tinh vi. *Sang thu* vẽ lên những nét tranh thu ở làng quê trung du thật ấn tượng, đem lại cho chúng ta những điều ta không cảm nhận được vì bị cuốn vào cuộc sống không có lúc lắng lòng để hướng tới thiên nhiên, hướng tới quê nhà.

(Lưu Thị Thanh Thuý)

Đề 47: Phân tích khổ thơ sau:

*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về*

(Hữu Thỉnh - *Sang thu* - *Ngữ văn 9*, tập 1)

BÀI LÀM

Dẫu biết rằng bốn mùa luân chuyển: hết xuân đến hạ, thu sang rồi đông tới, ta vẫn cảm thấy ngỡ ngàng khi quên đi nhịp sống sôi động hàng ngày mà lắng nghe tiếng mùa thu đi, cảm nhận những thời khắc đặc biệt. Đọc *Sang thu* của Hữu Thỉnh, ta được sống lại những giây phút giao mùa tinh tế đầy ý vị mà bấy lâu ta hờ hững. Đó sẽ là lúc, hồn ta rung lên những cảm nhận dung dị:

*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về*

Chỉ với một bốn câu thơ ngắn, Hữu Thỉnh đã đem đến cho chúng ta những cảm nhận sâu sắc về thiên nhiên. Những tín hiệu của mùa thu với những nét phác họa tài hoa: *hương ổi, gió se, sương chùng chình* giản dị mà hiện lên đầy gợi cảm.

Tín hiệu đầu tiên của mùa thu là *hương ổi*, thứ hương thơm quê mùa, dân dã. Hương ổi không nồng nàn. Đó là thứ hương dịu dịu, nhẹ nhẹ. Cảm nhận được hương thơm đặc trưng của mùa thu ấy, nhà thơ còn thể hiện rất khéo cái khí thu trong lành. Nếu như mùa xuân ẩm ướt, mùa hè nóng nực, mùa đông khô hanh thì mùa thu trong mát. Tuy có chút ẩm của hơi sương nhưng khí thu lại có độ trong khiến người ta có thể cảm nhận hương thơm dịu nhẹ lan toả trong không gian.

“Phả” vốn là một động tác mạnh gợi một cái gì đó đột ngột. Thế nhưng câu thơ:

*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se*

rất nhẹ bởi động thái “phả” ấy lại vào không gian “trong gió se” - vô hình chứ không phải hữu hình. Câu thơ ngắn mà có cả gió cả hương. Hương là hương ổi, gió là *gió se*. Đây là những nét riêng của mùa thu vùng đồi trung du miền Bắc. Gọi được như vậy hẳn cái tình quê của Hữu Thỉnh phải đậm đà lắm.

Câu thơ:

*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se*

còn có cái cảm giác ngỡ ngàng, bồi hồi: “bỗng nhận ra”. “Nhận ra hương ổi” giống như một sự phát hiện nhưng ở đây là phát hiện ra một mùi hương vẫn vương vấn mà bấy nay con người hờ hững. Chính vì phát hiện ra cái gần gũi xung quanh mình cho nên con người mới có cảm giác ngỡ ngàng đôi chút bồi hồi ấy.

Tiếp nối những tín hiệu mùa thu là hình ảnh:

Sương chùng chình qua ngõ

Một hình ảnh đầy ấn tượng! Sương được cảm nhận như một thực thể hữu hình có sự vận động - một sự vận động chậm rãi. Từ láy “chùng chình” làm hiện hình tạo vật, làm ta như thấy một sự *dùng dằng*, gợi cảnh thu sống động trong tĩnh lặng, thông thả yên bình. Hình ảnh “sương chùng chình qua ngõ” cùng với hình ảnh “hương ổi phả vào trong gió se” thực là những hình ảnh mùa thu ở thôn quê êm ả, *Thanh và tĩnh*.

Như vậy tín hiệu mùa thu được cảm nhận bằng cả khứu giác (hương ổi), cả thị giác (sương). Những tín hiệu, bởi vậy, tạo nên ấn tượng mới mẻ với những liên tưởng mơ hồ, chập chờn không rõ nét. Phải vậy chăng mà nhà thơ, khi đã cảm nhận những nét riêng của mùa thu, vẫn còn dè dặt:

Hình như thu đã về

Giống như một sự hoài nghi: “hình như”, giống như lời tự vấn lòng. Thế nhưng thực ra là một lời thông báo - một thông báo rất nhẹ nhàng, ý vị. Không phải là một lời khẳng định, một tiếng reo vui:

Đây mùa thu tới, mùa thu tới

(*Đây mùa thu tới* - Xuân Diệu)

Câu thơ của Hữu Thỉnh như có chút gì thâm trầm, kín đáo rất hợp với cách nghĩ, cách nói của người quê.

Khổ thơ nhỏ nhắn chỉ với hai mươi chữ mà để lại cho ta biết bao rung động. Ta như cảm thấy một hồn quê, một tình quê đi về trong câu chữ làm lòng ta ấm áp. Hình ảnh quê hương như càng thêm gần gũi, yêu mến.

Mùa thu lặng lẽ và nhẹ nhàng. Những hình ảnh thơ cứ vương vấn mãi trong hồn. Có một cái gì thật êm, dịu dàng toát lên từ đoạn thơ ngắn ấy. Quả thực ta thấy lòng thanh thản vô cùng mà lại vô cùng nôn nao nhớ đến những miền quê xa vắng trong nắng thu khi đọc mấy câu thơ của Hữu Thỉnh.

Đề 48: *Đi đường của người tù Hồ Chí Minh*

Nguyên văn chữ Hán:

Tẩu lộ*Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan**Trùng san chi ngoại hựu trùng san:**Trùng san đẳng đảo cao phong hậu**Vạn lí dư đồ cố miện gian.*

Dịch thơ:

Đi Đường*Đi đường mới biết gian lao**Núi cao rồi lại núi cao chập trùng**Núi cao lên đến tận cùng**Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non*

(Theo Thơ Hồ Chí Minh - NXB Giáo dục)

BÀI LÀM

Bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam, giải tới giải lui hơn một năm trời qua mấy chục nhà lao tỉnh Quảng Tây, Bác làm nhiều thơ trên đường đi. Đây là trên đường bị giải đi. Ta có thể kể: *Chiều tối, Mới đến nhà lao Thiên Bảo, Cảnh ngoài đồng, Giải đi sớm, Từ Long An đến Đồng Chính, Trên đường đi, Lính gác khiêng lợn cùng đi, Đi Nam Ninh, Trượt ngã, Giữa đường đáp thuyền đi huyện Ung, Hoàng hôn, Giải đi Vũ Minh...* Tất cả hơn hai mươi bài. Có bài nói về nỗi gian khổ, vất vả phải chịu đựng, có bài ghi lại cảnh dọc đường, có bài ghi cảm tưởng... mỗi bài một vẻ nhưng đều toát ra phong thái Hồ Chí Minh.

Đi đường, bài thơ thất ngôn tứ tuyệt được dịch thành 4 câu lục bát. Bản dịch khá hay, nói chung sát nguyên tác, đảm bảo được thần thái của nguyên tác.

Hai câu thơ đầu:

*Đi đường mới biết gian lao**Núi cao rồi lại núi cao chập trùng*

Có người cho rằng câu thơ nêu một thực tế, mở đầu bằng một sự thật. Sự thật “Đi đường mới biết gian lao”. Câu thứ hai và tiếp theo câu 3, 4 là câu thơ “đón nhận”. Từ ý thức về gian nan, Bác đã chuyển tới sự đón nhận. Không hẳn là thế. Đi đường lại là “Núi cao rồi lại núi cao chập trùng”, Bác mới rút ra kết luận: “Đi đường mới biết gian lao”. Vấn đề ở đây là tại sao Bác lại “đảo” như thế? Thì ra, tuy bài thơ làm về đi đường, có thể làm ngay lúc đang đi, song không phải nhằm, hay chính xác hơn không chú ý đến con đường gian lao, gập ghềnh, chập trùng núi với núi mà điều hứng thú là từ sự vất vả gian nan này rút ra bài học lí thú cho bản thân. Cái “mắt” là phải chịu vất vả, khổ nhọc nhưng cái “được” là được nhìn ngắm: “Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non”.

Đi đường mới biết gian lao

.....

Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.

Trong gian lao, trong hoàn cảnh khắc nghiệt, Bác vẫn tìm ra được những điều để “đón nhận”, “hưởng thụ” thú vị. Thanh tao, điềm tĩnh, tràn đầy lạc quan, ung dung “là ở chỗ này”. Vì thế bài thơ còn cho ta cảm tưởng

có thể không phải làm lúc đang đi, ngẫu hứng thành, mà làm lúc đã dừng chân, nghĩ lại, rút ra “bài học” thú vị về chuyện đi đường.

Nếu đặt bài thơ trong cảnh bị tù đầy, giải đi của Bác ta càng thấy cái lớn, đẹp của bài thơ. Bài thơ có vẻ như là sự ngoạn cảnh của thi nhân hay của đạo sĩ. Hình ảnh cuối cùng thật đẹp, lớn lao. Một con người đứng trên đỉnh cao của dãy núi chập trùng trải dài rộng ra, thu tất cả thiên nhiên, núi non ấy vào trong tầm mắt. Hình ảnh con mắt với tầm bao quát rộng lớn nổi lên như một hình tượng hấp dẫn, lấp lánh của bài thơ. Đây chính là cái cảm hứng, cái tứ thơ “lên núi” ta từng thấy ở Bác, ở thơ Bác. Bài *Mới ra tù tập leo núi* cũng hình ảnh một con người như thế.

*Núi áp ôm mây, mây áp núi
Lòng sông gương sáng bụi không mờ
Bồi hồi dạo bước Tây Phong Lĩnh
Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa*

Bài “Trời hứng” cũng vậy:

*Đất trời một thoáng thu màn ướt
Sông núi muôn trùng trải gấm phơi.*

Sau này là các bài *Thượng sơn* (Lên núi), *Đăng sơn* (Lên núi) hay *Vọng Thiên Sơn* (Trông Thiên Sơn).

Con người ấy đứng trên cao, nhìn ngắm “thu vào tầm mắt muôn trùng nước non”, nhưng lại hoà nhập với non nước, thiên nhiên. Con người lớn lao, vĩ đại nhưng không tự cao tự đại, nhìn dưới tầm mắt mình tất cả. Đó chính là Bác.

downloadsachmienphi.com

Đề 49: Hãy phân tích bài *Ngắm trăng*.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BÀI LÀM

Nói về con người và tâm hồn Bác, chúng ta biết Bác là nơi hội tụ những gì tốt đẹp nhất lưu lại từ quá khứ và những mơ ước tương lai, là kết tinh những phẩm chất quý giá của lịch sử và thời đại. Cho nên ở “Nhật kí trong tù” có bài hồn hậu, trong trẻo như thơ dân gian, nhưng cũng có bài trang trọng, bát ngát như thơ Đường, thơ Tống, cốt cách Á Đông mà vẫn hiện đại: Bài “*Ngắm trăng*” tiêu biểu về đặc sắc nghệ thuật này của thơ “Nhật kí trong tù”:

*Trong tù không rượu cũng không hoa
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

Không biết tự bao giờ, ánh trăng đã toả sáng bằng bạc trong hầu hết những bài thơ phương Đông. Vẻ đẹp dịu dàng, đầm thắm, sâu xa của vàng trắng trở thành một “mô típ trữ tình”, bởi sự gần gũi với tâm hồn con người Á đông - một sự hoà quyện, đồng cảm tự bên trong giữa con người và thiên nhiên. Trong cái bát ngát lung linh của vàng trắng - khoảng trời, phải chăng con người lắng nghe và phát hiện ra cái chất người vĩnh cửu trong chính bản thân mình, trong sự im lặng mênh mang và huyền diệu của ánh trăng? ... Bác Hồ của chúng ta rất yêu thiên nhiên, tâm hồn và thơ của Người tràn đầy ánh trăng, ánh trăng rất sáng, rất trong, rất đẹp.

*Trong tù không rượu cũng không hoa
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ*

Trăng, hoa, rượu là những thú vui thanh cao của các thi nhân Đường, Tống ngày xưa. Nhưng trong hoàn cảnh nhà tù “không rượu cũng không hoa” mà Bác vẫn đến với trăng, thật là nghệ sĩ! Câu thơ thứ hai nói lên cái bồn chồn, náo nức của Bác trước ánh trăng, cái tha thiết tình yêu của tâm hồn Người với trăng. Hai câu thơ đầu cũng gợi lên một mâu thuẫn giữa tình yêu thiên nhiên của Bác và hoàn cảnh trong tù, giữa cảm hứng dạt dào, bay bổng, tràn đầy và thực tại xích xiềng, thiếu thốn.

Nếu đầu tiên, bài thơ mở ra một hình ảnh thi nhân ngày xưa, một không khí thơ Đường, thơ Tống: ánh trăng, rượu, hoa, một thi nhân biết bao nồng nàn tha thiết, say sưa với ánh trăng, thì bài thơ khép lại một cách bất ngờ và độc đáo trong tư thế vọng nguyệt của một người chiến sĩ. Chất thép và chất tình hoà quyện làm một. Bài thơ đậm đà chất phương Đông, cốt cách Á Đông, bỗng chốc rất hiện đại. Hình ảnh chiến sĩ lồng trong hình ảnh một thi sĩ đắm say thiên nhiên.

*Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ*

Trăng và người trong mỗi giao cảm tri âm, tri kỉ. Người hướng ra ngoài song sắt để đến với trăng, và trăng theo người toả sáng vào trong tù. Con người và ánh trăng này rõ ràng là hết sức mới mẻ, hiện đại. Trăng và người như hai người bạn cùng yêu nhau, vượt qua các song sắt tàn bạo, cái hoàn cảnh khổ đau, ngăn trở của nhà tù. Nhất là trong hoàn cảnh cụ thể của người làm thơ, ánh trăng và tư thế vọng nguyệt kia biểu hiện chất thép của một người chiến sĩ cách mạng, đứng ở trên mọi gian khổ tù đầy. Có thể nói rằng, Bác đã đưa ánh trăng toả sáng vào trong nhà tù hay chính tâm hồn người đã toả sáng trên vầng trăng của bài thơ này. Cùng một vầng trăng, mà biết bao mặc cảm, buồn xuôi, chán chường trong thơ Nguyễn Khuyến “song thưa để mặc bóng trăng vào”, hay cái ngậm ngùi, thoát li của Tản Đà với “trần thế em nay chán nửa rồi”. Trong cái bát ngát của vầng trăng thơ Bác, chúng ta lắng nghe và phát hiện ra cái chất người vĩnh cửu: một tình yêu phóng khoáng, nồng nàn, say đắm thiên nhiên, cuộc sống; một ý chí, một tinh thần cách mạng kiên cường luôn luôn hướng ra ánh sáng cuộc đời. Ánh trăng của Người không chỉ bàng bạc những nỗi niềm, tác lòng con người như thơ xưa, ánh trăng của Người gắn bó thiết tha với con người và toả ánh sáng ra cuộc đời, trong sự hoà nhập vẻ đẹp của con người và thiên nhiên. Con người yêu thiên nhiên, đón nhận thiên nhiên và mang vẻ đẹp thiên nhiên tô điểm cho cuộc sống của mình, từ tình yêu thiên nhiên thêm nguồn sức sống để chiến đấu cho hạnh phúc, vẻ đẹp của con người. Bài thơ ngân lên một chất thơ mới, rất hiện đại, chỉ có thể có được từ tâm hồn, từ nhân sinh quan cộng sản. Bài thơ là một sự vang hưởng giữa tâm hồn con người với thiên nhiên, sự vang hưởng làm tươi thắm và nảy nở những điều cao đẹp hơn, những hạt giống của hạnh phúc trong cuộc sống con người. Nói một cách khác, tình yêu này, sự rung cảm này, chất thơ này trở thành một nguồn năng lượng vô tận cho hành động, sức sống, đi suốt cuộc đời mỗi người.

Đề 50: Phân tích bài thơ *Khi con tu hú* của Tố Hữu**BÀI LÀM**

Hoạt động cách mạng bị bắt giam, ngồi trong nhà lao, Tố Hữu, người chiến sĩ mười chín tuổi vừa giác ngộ lí tưởng cộng sản cao đẹp, ôm ấp bao dự định xông pha trong trường tranh đấu, xả thân vì nghĩa lớn, nghe tiếng chim tu hú báo hiệu mùa hè đến đã làm bài thơ này.

Mùa hè sống động, náo nức, đầy gợi mở, nhưng người trẻ tuổi say mê hoạt động như ông lại bị cầm tù giữa bốn bức tường kín mít, ngột ngạt, cách biệt với cuộc đời. Tiếng chim tu hú kia đã đánh thức nỗi niềm, bản tính sôi nổi ở người thanh niên cộng sản. Từ tiếng chim tu hú, Tố Hữu tưởng nghĩ đến cuộc sống phóng khoáng, nóng bỏng của mùa hè ở bên ngoài.

*Khi con tu hú gọi bầy
Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần
Vườn râm dậy tiếng ve ngân
Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào
Trời xanh càng rộng càng cao
Đôi con diều sáo lộn nhào từng không.*

Có người cho rằng khổ thơ dẫn trên là một bức tranh phong cảnh, với những câu tả cảnh vào loại đẹp và hay trong tập thơ *Từ ấy* trong cả thơ Tố Hữu.

Quả thật ở đây cảnh mùa hè được tả có hồn, sống động. Tất cả dường như đang nảy nở, phát triển. Lúa chiêm “đương” chín, không phải “đã” chín; trái cây “đang” ngọt dần, không phải “đã” ngọt. Và *đều bộc lộ hết sức mình* trong cái mùa hè rộn rã kia. Tiếng ve “dậy”, nắng vàng “đầy” sân. Chiều rộng, chiều cao của không gian, của sự vật thật phóng khoáng, tự do. Trời xanh cao rộng, diều sáo “lộn nhào tăng không”.

Tiếng chim tu hú như là khúc dạo đầu. Từ khúc mở màn này, cả mùa hè bừng lên, náo nức, say mê... Nhưng cho rằng đây là một bức tranh thì không đúng. Với con mắt họa sĩ, đây không phải là một bức tranh mùa hè với bấy nhiêu thứ dồn vào một cái khung như thế. Hình như hai câu đầu là một bức, câu thứ ba, thứ tư và hai câu năm, sáu đều là những bức tranh độc lập với nhau. Nếu gọi là tranh thì đây là tranh liên hoàn mới đúng. Tại sao lại như thế? Vì đây là “tranh” không được vẽ bằng mắt nhìn, mà vẽ bằng tưởng tượng, hình dung ra theo tâm trạng của con người. Nhân vật trữ tình trong bài thơ này, ở lúc này không định vẽ tranh mà cảnh trí náo nức, sinh động, sinh sôi của cảnh vật từ tiếng ve kêu đã hiện thành hình, đứt nối thành mùa hè trong con người. Cảnh rồi lại cảnh theo đó mà hiện ra, toàn những cảnh phóng khoáng tự do như mong tưởng.

Về mặt kết cấu đoạn một, 6 câu thơ đầu và đoạn hai, 4 câu thơ cuối có thể xem là hai bài thơ riêng biệt. Bài trước được đặt tên là “mùa hè”, bài sau đặt tên là “tiếng chim tu hú”. Thì ra tuy ngay bài đầu câu đầu của bài đã là “Khi con tu hú gọi bầy” nhưng thực ra cái hồn của cả bài thơ này, bài *Khi con tu hú* lại nằm ở 4 câu sau, ở câu sau cùng:

*Ngọt làm sao, chết uất thôi
Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu.*

Thì ra tiếng chim tu hú ấy tạo “nghịch trạng” trong lòng người thanh niên này. Mùa hè sôi động, rực rỡ, khoáng đạt đã đến rồi mà mình lại bị giam hãm tù túng. Ngoại cảnh (do tưởng tượng vì đã được nếm trải) tác động vào con người gây một xung động ở con người, khiến con người bức bối, ngột ngạt muốn vùng vẫy, tung phá.

*Ta nghe hè dậy bên lòng
Mà chân muốn đạp tan phòng hè ôi!*

Nhưng thực tế không thể làm được, nên phải buột ra thành lời than. Ấy chính là biểu hiện của lòng khao khát tự do, khao khát hoạt động bị thôi thúc ngày càng mãnh liệt ở con người trẻ tuổi giàu tâm huyết chưa được thỏa mãn, đáp ứng. Câu thơ cuối cùng: “Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu” như tiếng đòi cứ lẩn náo nức mà con người thì đang đành chịu tù túng. Tiếng chim tu hú ngoài trời kia lại như giục giã đốt nóng tâm can dữ dội.

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu

Tiếng chim tu hú chính là tiếng đòi, là cuộc sống hoạt động cách mạng. Và tâm trạng, tinh thần kia là tâm trạng, tinh thần của một người chiến sĩ trẻ tuổi “say mùi hương chân lí”.

Đề 51: *Nhớ rừng* của Thế Lữ nói với em điều gì?

BÀI LÀM

Thay lời con hổ trong vườn Bách thú, Thế Lữ viết *Nhớ rừng* để biểu hiện lòng uất hận vì mất tự do, nỗi nhớ tiếc cuộc đời tự do. Đây là khúc *bi tráng* ca về tự do. Cách thể hiện này là một nét đặc sắc. Bấy giờ là vào khoảng những năm ba mươi của thế kỉ XX. Nước mất, làm thân nô lệ, những con người có tâm huyết ai chẳng bức bối, nhức nhối đến hờn căm vì kiếp sống “nhục nhằn tù hãm”, nhiều lúc muốn hét lên thành lời, muốn hành động để tỏ rõ sự giận dữ, phẫn nộ. Người có dũng khí lớn đã đi làm cách mạng, một số khác bộc lộ bằng cách của họ. Nhà thơ bộc lộ bằng thơ. Đời nào cũng thế, ở cảnh sống như thế sẽ nảy sinh ra những vần thơ như thế, có điều khác nhau ở cách thể hiện cụ thể, phong thái cụ thể, tư tưởng - nghệ thuật cụ thể mà thôi. Nguyễn Hữu Cầu, với bài *Chim trong lồng*, ước mong “Bay thẳng cánh muôn trùng Tiêu Hán; Phá vòng vây bạn với kim ô”. Nguyễn Công Trứ nguyện “Kiếp sau xin chớ làm người; Làm cây thông đứng giữa trời mà reo” của văn học trung đại trước kia. Hay thơ của các chiến sĩ cách mạng - Hồ Chí Minh, Tố Hữu cùng thời chẳng hạn. Ở hoàn cảnh, bản lĩnh của Thế Lữ, nhà thơ mượn tâm sự, tâm trạng của con hổ bị giam cầm trong vườn Bách thú. Nhưng khát vọng tự do vẫn vô cùng mãnh liệt, dữ dội. Có điều đây là khát vọng tự do cá nhân của *cái tôi* Thơ mới nên mượn lời con hổ trong cũi sắt khéo hơn cả. Một điều cần ghi nhận là, mặc dầu bài thơ có những lời, những ý nếu bằng vào nhãn quan của *chủ nghĩa tập thể thông tục*; bằng vào quan điểm “*phi ngã*” (không đề cao mình, giấu cá nhân đi, không dám nói nhiều đến cá nhân chứ chưa nói là tự đề cao) của giáo lí phong kiến phương Đông có thể cho là ngạo mạn, cực đoan, “*mục hạ vô nhân*” (dưới mắt mình không có người) nhưng thực ra lại không gây cảm tưởng này. Đọc *Nhớ rừng* với những câu như: “*Gặm một khối căm hờn*

trong cũi sắt; Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua; Khinh lữ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ; Giương mắt bé giễu oai linh rừng thẳm" hay "Trong hang tối, mắt thần khi đã quắc; Là khiến cho mọi vật đều im hơi. Ta biết ta chúa tể cả muôn loài, Giữa chốn thảo hoa không tên không tuổi"... Mĩ cảm không hề bị phá vỡ. Chỉ thấy ở đây sự rung động trước vẻ đẹp oai hùng, vẻ đẹp của khí phách kiêu hãnh trên đỉnh cao nhất của tự do. Những câu, những ý như thế trong tổng thể của cả bài thơ chỉ làm tôn vẻ đẹp của hình tượng thơ mà không phá vỡ nó. Tại sao lại như vậy? Bởi nhân vật trữ tình ở đây không phải là *một cá nhân* mà là *khát vọng tự do mãnh liệt*. Hình ảnh con hổ dũng mãnh, chúa sơn lâm bị nhốt trong cũi sắt với những dằn vặt, những hồi tưởng về cảnh sống tự do; thân phận bị giam hãm tù túng hiện tại, nỗi buồn uất hận... là một tương ứng đẹp, lớn lao với khát vọng tự do của cá nhân con người, chứ không phải cá nhân ấy.

Bởi một nghệ thuật cao trong diễn tả cảnh vật, tâm trạng, đọc *Nhờ rừng*, nói như Hoài Thanh, Hoài Chân trong *Thi nhân Việt Nam* "ta tưởng chừng thấy những chữ bị xô đẩy, bị dằn vặt bởi một sức mạnh phi thường". Câu thơ cứ theo nhau mà hiện ra không cưỡng nổi; hơi thơ thấm đượm bị trảng cứ dâng trào. Trong tổng thể toàn bài, những lời nghe như "cá nhân cực đoan" chỉ còn là một lời than thở, một nỗi buồn, niềm uất hận đầy bi thiết, càng bi thiết mà thôi. Và giọng điệu van chương bị trảng, bi thiết này cùng nội dung tự tưởng khao khát tự do tập thành trong hình tượng *chúa tể bị cầm tù* đã làm nên vẻ đẹp của thi phẩm thuộc hàng mở đầu cho thắng lợi của *Thơ mới*.

downloaadsachmienphi.com

Đề 52: Tục ngữ có câu:

Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao

Hãy lấy dẫn chứng trong lịch sử, trong văn học và trong đời sống hàng ngày để chứng minh.

PHÂN TÍCH ĐỀ

- Dạng đề nghị luận về một hiện tượng trong đời sống.
- Yêu cầu: Bàn về sức mạnh của đoàn kết.
- Phương pháp lập luận chủ yếu: chứng minh, các phương pháp cần phối hợp: giải thích, phân tích.

MỘT SỐ Ý CHÍNH

- Giải thích sơ lược ý nghĩa câu tục ngữ.
- + Nghĩa đen: một cây không thành núi, rừng, ba cây (nhiều cây) hợp lại thành núi rừng.
- + Nghĩa bóng: Nhiều người đoàn kết thì làm nên sức mạnh to lớn.
- Chứng minh:
 - + Dẫn chứng trong lịch sử: Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên thời Trần (Hội nghị Diên Hồng...). Khởi nghĩa Lam Sơn ("Nhân dân bốn cõi một nhà"; "Tướng sĩ một lòng phụ tử"...). Trong kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ...

- + Dẫn chứng trong văn học: Câu chuyện **Kiến giết voi**, câu chuyện **Bó đũa**, **Chân, tay, tai, mắt, miệng** (phân tích ở khía cạnh vì chia rẽ, đố kỵ nên từng cá nhân rệu rã, ốm yếu)...
- + Dẫn chứng trong đời sống gần gũi của tổ, lớp, gia đình...

Đề 53: Trong một buổi sinh hoạt lớp, các bạn sôi nổi thảo luận về người bạn tốt. Em hãy trình bày ý kiến của mình về vấn đề đó.

PHÂN TÍCH ĐỀ

- Dạng đề nghị luận về một vấn đề đời sống.
- Trình bày suy nghĩ cá nhân về người bạn tốt.
- Phương pháp lập luận chủ yếu: giải thích và chứng minh.

MỘT SỐ Ý CHÍNH

- Giải thích chứng minh thế nào là bạn tốt:
 - + Người bạn tốt là người bạn giàu tình cảm, dễ gần gũi, hoà nhập.
 - + Người bạn tốt là người yêu thương, đoàn kết gắn bó với bạn bè.
- Luôn quan tâm đến bạn, chia sẻ khó khăn, giúp đỡ về tinh thần, vật chất cho bạn.
- + Là người trung thực, luôn đấu tranh với cái xấu của mình và của mọi người. Không bao che, bao biện, nhưng cũng không moi móc mà luôn khoan dung.
 - + Người bạn tốt là người giúp đỡ bạn vô tư.
 - Những tiêu chuẩn về bạn tốt còn phụ thuộc vào những quan niệm riêng của mỗi cá nhân, nhưng dù sao vẫn có nét chung nhất là cởi mở, đoàn kết, yêu mến bạn bè, thẳng thắn, bao dung, độ lượng.

Đề 54: Em thích môn thể thao nào nhất. Hãy giải thích cho bạn hiểu lí do của sự yêu thích đó.

PHÂN TÍCH ĐỀ

- Dạng đề nghị luận về một vấn đề đời sống.
- Nêu những lí do yêu thích môn thể thao nào đó.
- Phương pháp lập luận: Giải thích và chứng minh.

MỘT SỐ Ý CHÍNH

- Giới thiệu môn thể thao mà mình yêu thích.
- Giải thích, chứng minh:
 - + Xuất phát từ truyền thống gia đình (ông, hoặc bố, mẹ đã từng là vận động viên môn thể thao đó).
 - + Bản thân có năng khiếu, từ nhỏ đã được luyện tập...
 - + Bản thân môn thể thao đó có nhiều sức hấp dẫn ...
 - + Lợi ích của việc rèn luyện môn thể thao đó.
- Kêu gọi, thuyết phục mọi người cùng tham gia môn thể thao mà mình yêu thích.

ĐỀ 55: Bình luận câu tục ngữ “*Uống nước nhớ nguồn*”**PHÂN TÍCH ĐỀ**

- Dạng đề: Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.
- Dùng lí lẽ và dẫn chứng giảng giải, xác nhận lẽ sống đúng đắn: Phải biết ơn và sống sao cho xứng đáng với những người đã tạo nên những thành quả cho mình được hưởng mà dân gian đã trao gửi vào câu tục ngữ; đồng thời phê phán những biểu hiện sống trái với lẽ sống truyền thống tốt đẹp đó, giúp người đọc nhận thức và hành động đúng đắn, tốt đẹp.

BÀI LÀM

Kho tàng văn học Việt Nam ta vô cùng phong phú, đa dạng và có giá trị to lớn. Đi vào kho tàng văn học dân tộc, chúng ta có thể tìm thấy một trang sử hào hùng, một câu chuyện li kì, một câu ca dao, tục ngữ ngắn gọn mà mang nhiều ý nghĩa. Những câu tục ngữ, ca dao đó được đúc rút từ cuộc sống lao động bình thường hàng ngày. Nó ngắn gọn nhưng chứa đựng phẩm chất cao quý, đức tính tốt đẹp lưu truyền trong nhân dân ta từ đời này qua đời khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác. Trong số đức tính tốt đẹp ấy, tiêu biểu là lòng biết ơn đối với những người đã cho ta hưởng thành quả lao động của họ được diễn tả trong câu tục ngữ “*Uống nước nhớ nguồn*”.

Câu tục ngữ được chúng ta nhớ đến không chỉ vì nó ngắn gọn dễ thuộc, dễ nhớ mà còn vì câu tục ngữ chứa đựng một ý nghĩa giáo dục sâu sắc. Vậy ta phải hiểu câu tục ngữ ấy như thế nào cho đúng?

Trong cuộc sống hàng ngày ta thấy nước rất cần cho sự sống, không chỉ của con người mà còn của tất cả sinh vật tồn tại trên trái đất này. Có nước thì mới có những bãi mía nương dâu, những mùa màng bội thu trên khắp các miền quê. Cuộc sống của con người vui vẻ hơn, hạnh phúc hơn cũng là nhờ những dòng nước trong mát từ nguồn nước mát lành tinh khiết. Vậy mỗi lần được uống những dòng nước đó, mỗi chúng ta phải biết nhớ nguồn - nơi đã sinh ra nước và đưa nước đi mọi nơi. Đó là nghĩa đen, còn nghĩa bóng của câu tục ngữ là gì? “Nước” ở đây không chỉ là những dòng nước chảy ra từ nguồn mà còn là những thành quả chúng ta được hưởng. Và khi được hưởng những thành quả ấy, chúng ta phải biết ơn những người đã tạo ra “uống nước” phải “nhớ nguồn”. Đó cũng chính là tâm niệm, khát vọng muôn đời của con người Việt Nam sống ân nghĩa thủy chung. Có thể nói lời nhắc nhở của ông cha ta gửi trong câu tục ngữ là rất đúng đắn và chính đáng. Chúng ta phải nhớ ơn những người đã làm nên thành quả cho chúng ta hưởng. Ta được như ngày hôm nay, trước hết phải kể đến công lao to lớn như trời bể của cha mẹ:

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

“Công cha”, “nghĩa mẹ” được so sánh với tất cả những gì cao cả, mệnh mang nhất. Cha mẹ đã sinh ra ta, nuôi nấng dạy dỗ ta, dành tất cả tình thương yêu cho chúng ta, hi sinh tất cả vì chúng ta. Tất cả những gì cha mẹ dành cho ta, ta lấy gì đền đáp cho được”. Câu tục ngữ “*Uống nước nhớ nguồn*” đã nhắc nhở chúng ta phải biết ơn và kính yêu, hiếu thảo với cha

mẹ, sống sao cho xứng đáng với công lao và tấm lòng của cha mẹ, ông bà. Ta lớn khôn, hiểu biết như ngày hôm nay là nhờ công lao dạy bảo của những người thầy người cô đã không quản khó khăn dạy bảo ta nên người. Ta được sống trong một đất nước hòa bình, tự do này là những người đã không tiếc công sức, xương máu của mình, hi sinh cho dân tộc, cho nhân dân. Chính câu tục ngữ “Uống nước nhớ nguồn” này đã giúp chúng ta hiểu được công lao to lớn của các thế hệ ông cha, tỏ lòng biết ơn, kính trọng ông cha cùng các thế hệ đi trước.

Đất nước ta ngày hôm nay có phong trào đền ơn đáp nghĩa những người có công với Tổ quốc. Chúng ta đã có những việc làm như: tặng và truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, tặng nhà tình nghĩa, nhận chăm sóc những người già cô đơn, quy tập mộ liệt sĩ v.v.. Chúng ta, những người được hưởng những thành quả to lớn đang nhớ về “nguồn” và tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với những người xả thân vì đất nước, hi sinh bản thân mình cho nhân dân. Hiện tại, được sống bình yên, hạnh phúc như thế này, chúng ta phải biết ơn những chiến sĩ công an, những anh bộ đội ngày đêm đang canh giữ biên cương, bảo vệ biển trời Tổ quốc thân yêu.

Tuy nhiên, trong xã hội ta ngày nay, cũng có một số người vô ơn, không biết kính trọng những người đã làm nên những thành quả cho mình được hưởng, có những kẻ chỉ biết thu vén cho lợi ích cá nhân. Những kẻ đó thật đáng lên án và phê phán. Câu tục ngữ “Uống nước nhớ nguồn” là một bài học sâu sắc, bổ ích cho mỗi chúng ta, là một lời khuyên chân thành nhắc chúng ta phải sống có đạo đức, biết hi sinh cống hiến cho đất nước, dân tộc, để xã hội ta ngày càng văn minh, tiến bộ, gia đình ấm no, hạnh phúc. Câu tục ngữ còn giúp chúng ta biết cách xử với cha mẹ, thầy cô và tất cả mọi người.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Với tất cả những giá trị to lớn ấy, câu tục ngữ không chỉ được mọi người biết đến mà còn sống mãi với tất cả mọi người hôm nay và mai sau.

Đề 56 : Ý kiến của em về vấn đề mà Tố Hữu gửi gắm trong đoạn thơ sau:

*Một ngôi sao chẳng sáng đêm
Một thân lúa chín chẳng nên mùa vàng
Một người đâu phải nhân gian?
Sống chẳng một đốm lửa tàn mà thôi!"*

(Tiếng ru)

PHÂN TÍCH ĐỀ

- Dạng đề nghị luận về một vấn đề xã hội.
- Nội dung: dùng lí lẽ, dẫn chứng giảng giải, phân tích, xác nhận bài học sống đúng đắn mà Tố Hữu trao gửi trong đoạn thơ: con người sống phải biết yêu thương; đoàn kết, yêu thương, đoàn kết là sức mạnh của mỗi người, của cả cộng đồng; đồng thời phê phán những biểu hiện sống trái với đạo lí sống tốt đẹp đó, giúp người đọc nhận thức và hành động đúng đắn, tích cực.

BÀI LÀM

Con người luôn có ý thức vươn cao và cũng luôn biết tự đặt cuộc sống của riêng mình trong cuộc sống chung của gia đình, nhà trường và xã hội. Tuy vậy không phải ai trong chúng ta cũng ý thức được điều đó. Nói về vai trò, vị trí của cá nhân trong tập thể, công đầu, đặc biệt là vai trò của cộng đồng, tập thể đối với cá nhân, trong bài *"Tiếng ru"* của Tố Hữu, có đoạn viết:

*"Một ngôi sao chẳng sáng đêm
Một thân lúa chín chẳng nên mùa vàng
Một người đâu phải nhân gian?
Sống chẳng một đốm lửa tàn mà thôi!"*

Đây là một quan niệm nhân sinh được diễn đạt bằng một đoạn thơ giàu hình ảnh, có sức gợi và sức thuyết phục cao, dễ thấm vào lòng người đọc. Đoạn thơ với những hình ảnh thực "một ngôi sao", "một thân lúa chín"... để nói tới con người. Qua việc chỉ ra vị trí của cá nhân trong tập thể, nhất là đề cao vai trò của tập thể với cá nhân, đoạn thơ đã khẳng định được sức mạnh và tầm quan trọng của tình đoàn kết. Mỗi con người, mỗi cá nhân muốn có sự nghiệp, muốn có ích cho đời, muốn tồn tại thì phải biết hoà mình vào cộng đồng, vào tập thể và chỉ có gắn mình vào tập thể, cộng đồng mới tạo được sức mạnh và có những thành đạt, cống hiến cho đời. Đứng ở cả hai phương diện văn học và cuộc sống, ta thấy những vấn đề Tố Hữu đặt ra trong đoạn thơ là đúng, cần thiết, cần phải được áp dụng đối với mỗi con người, đứng trên tầm cao của nhận thức cách mạng, nhà thơ có cái nhìn xuyên suốt, bao quát quá trình phát triển của lịch sử loài người.

Chắc hẳn trong chúng ta ai cũng nhớ hình ảnh Thánh Gióng - một nhân vật lung linh tuyệt đẹp trong văn học nước nhà. Nhưng tài năng, sức mạnh phi thường của cậu bé làng Gióng, nếu không có sự chung lòng, đồng sức của nhân dân chắc sẽ khó có thể phát huy cao độ đến dường ấy và lập được những chiến công oai hùng đến vậy. Và nếu như không có nhân dân góp của, góp công, góp tài trí sáng tạo thì chắc hẳn văn học không bao giờ có hình ảnh ông Gióng cưỡi ngựa sắt bay lên trời. Như vậy ngay từ những buổi đầu dựng nước, người Việt Nam đã ý thức được sức mạnh của đoàn kết thông qua một truyền thuyết.

Ngay từ thuở bình minh của loài người, con người đã biết kết thành từng bộ lạc. Có lẽ không ai không hiểu được tại sao cuộc sống cộng đồng lại có sức mạnh bất diệt như vậy? Điều đó cũng thật dễ giải thích. Nếu loài người sống tách biệt thành những cá nhân đơn lẻ, thì khó có thể tồn tại được đến ngày nay. Điều quan trọng hàng đầu của một sinh thể là tính mạng, thức ăn... cho nên sinh thể ấy buộc phải hoà vào cộng đồng, cùng cộng đồng tìm kiếm sự sống và cùng cộng đồng phát triển. Một sinh thể sẽ bị huỷ diệt nhanh chóng nếu sống đơn lẻ và thiếu sự chở che đùm bọc của cộng đồng. Trong thực tế lịch sử, những người anh hùng dân tộc có tài thao lược như Trần Quốc Tuấn đánh tan được quân Nguyên vì được sự đồng lòng của ba quân tướng sĩ, hùng hực khí thế "Sát Thát" và một hào khí Đông A cuộn cuộn. Và nếu như không có *"Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng"*

cần trúc ngọn cờ phấp phới. Tướng sĩ một lòng phụ tử, hoà nước sông chén rượu ngọt ngào” thì nghĩa quân Lam Sơn khó có thể đánh tan giặc Minh, mang lại chiến thắng lẫy lừng cho dân tộc.

Từ thực tế văn học và lịch sử, soi vào nội dung ý nghĩa của đoạn thơ, ta thấy một cách thấu đáo vấn đề mà tác giả nêu ra. Song mặc dù triết lí của Tố Hữu là đúng, nhưng chưa thật hoàn chỉnh. Ở đây nhà thơ mới đề cập đến vai trò của cộng đồng với cá nhân, chứ chưa đề cập đến vai trò của cá nhân với cộng đồng, tập thể, vai trò này cũng hết sức cần thiết và quan trọng.

Trong thực tế nếu Lê Lợi không có Nguyễn Trãi, một nhà quân sự, một nhà ngoại giao, tham mưu, thì không thể lãnh đạo được nhân dân ta giành chiến thắng oai hùng đuổi giặc Minh ra khỏi bờ cõi. Hay như sau này người thanh niên Nguyễn Tất Thành với lòng yêu nước nồng nàn, thương dân sâu sắc đã một mình ra đi tìm đường cứu nước. Hình ảnh xúc động đó đã đi vào thơ ca: *“Lúc cập thuyền ai ra tiễn Người đi? Hay chỉ một mình Bác khẩn gúi biệt ly”*. Chính vì lòng thương nước, thương dân mà người thanh niên trẻ tuổi ấy đã tìm được chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường giải phóng dân tộc.

Người thanh niên yêu nước ấy sau này là Bác Hồ muôn vàn kính yêu của chúng ta đã sáng lập ra Đảng, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam). Như vậy vai trò, ảnh hưởng cá nhân của Bác là vô cùng lớn và có ý nghĩa rất quan trọng đối với dân tộc ta, nhân dân ta. Nói như đồng chí Lê Duẩn, nguyên Tổng bí thư Đảng Cộng Sản Việt Nam: *“Dân tộc ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, non sông đất nước ta”*.

Đoạn thơ là một lời khuyên chân thành, một bài học nhân sinh về tinh thần đoàn kết, biết sống hoà mình với tập thể và cộng đồng dân tộc, biết hoà cái tôi trong cái ta. Ai biết gắn mình với cộng đồng, tập thể thì người đó sẽ thành đạt và có ích cho đời. Song, trong khi hoà mình vào tập thể cũng cần biết phát huy năng lực cá nhân, tiên phong trong mọi lĩnh vực để thực sự tạo nên vai trò lịch sử của mình đối với cộng đồng, tập thể. Đó chính là sự kết hợp hài hoà giữa cái riêng và cái chung.

Đọc đoạn thơ ca cũng như cả bài thơ “Tiếng ru” của nhà thơ Tố Hữu, em chợt nhớ đến những vần thơ trong bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải:

*“Ta làm con chim hót
Ta làm một nhành hoa
Ta nhập vào hoà ca
Một nốt trầm xao xuyến
Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời”*.

Phải, chúng ta, mỗi người hãy là một nốt trầm trong bản hoà ca, là một mùa xuân nho nhỏ trong cái mùa xuân lớn của xã hội để góp phần tô điểm đẹp cho hơn cho cuộc sống của riêng mình, cuộc sống của đất nước, của dân tộc.

Đề 57: Trong truyện *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu có viết:

*"Nhớ câu kiến ngãi bất vi
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng"*

Bình luận câu thơ ấy. Đối chiếu vấn đề đạo lí mà Nguyễn Đình Chiểu nói tới trong câu thơ với thực tế xã hội ta hiện nay, em có suy nghĩ gì?

PHÂN TÍCH ĐỀ

- Dạng đề nghị luận xã hội.

- Nội dung:

+ Nguyên tắc làm người của Nguyễn Đình Chiểu: Thấy việc nghĩa thì đứng ra làm, không trốn tránh trách nhiệm.

+ Soi nguyên tắc ấy vào thực tế xã hội ta hiện nay: Có nhiều người sống theo nguyên tắc ấy không? Có nhiều người sống chỉ nghĩ sự an toàn, ích lợi của cá nhân mình không - nêu nhận xét, đánh giá của cá nhân với những hiện tượng đó.

DÀN BÀI CHI TIẾT

Mở bài

- Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ lớn của văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX.

- Ông sáng tác văn học là để tuyên truyền đạo đức và chống thực dân Pháp xâm lược.

- Tác phẩm của ông có nhiều nhân vật nghĩa khí.

- *Lục Vân Tiên*, nhân vật trong tác phẩm cùng tên của ông đã phát biểu quan điểm hành xử nổi tiếng (dẫn câu thơ).

- Câu thơ đó thể hiện khí phách và truyền thống anh hùng của nhân dân ta.

Thân bài

- Giải thích, bình luận câu thơ.

+ Giới thiệu tình huống *Lục Vân Tiên* phát biểu ý kiến trên

+ Giải thích câu tục ngữ, nhớ lại câu nói của người xưa: Người anh hùng là người làm việc nghĩa.

+ Việc nghĩa là việc gì?

+ Tại sao gọi những việc ấy là việc nghĩa.

- Đánh giá tư tưởng câu thơ

+ Đó là một đạo lí cao đẹp: Làm việc công ích, không sợ gian nguy, không tính toán thiệt hơn.

+ Làm việc nghĩa như vậy có đại không? Ý nghĩa các hành động vì nghĩa: chăm lo cho cộng đồng, cũng là lo cho từng người.

+ Việc nghĩa có tác dụng cổ vũ lòng dũng cảm, răn đe bọn hung đồ, gây niềm tin vào lẽ phải.

+ Đó là lí tưởng của nhân dân, là truyền thống của dân tộc (bao nhiêu các chiến sĩ ngã xuống xả thân vì nước qua các cuộc kháng chiến).

- Đối chiếu với thực tế xã hội hiện nay.

+ Nêu một số hiện tượng xã hội trái với lí tưởng đạo đức mà Nguyễn Đình Chiểu đề cập đến trong câu thơ: thấy kẻ cắp móc túi không dám la, sợ bị trả thù, thấy đánh nhau không dám can sợ “không phải đầu cũng phải tai”, thấy cái xấu không dám đấu tranh sợ bị liên lụy.

+ Phê phán cách sống đó: Chính cách sống chỉ nghĩ đến sự an toàn của bản thân mình như vậy mà đạo đức xã hội ngày một xuống cấp, cái xấu cái ác hoành hành. Đến một lúc nào đó những người sống theo kiểu “mũ ni che tai” như vậy muốn sống cầu an cũng không sống được; cái ác sẽ đe dọa đến chính những người này. Như vậy họ sẽ trở thành nạn nhân của chính cách sống của họ.

+ Rất may trong xã hội còn không ít những người sống vì đạo nghĩa, dám xả thân cứu người khi gặp hoạn nạn: Gương cứu người trong mùa lũ ở miền Trung, gương một số chiến sĩ cảnh sát hi sinh vì truy quét tội phạm, gương những nhà báo dũng cảm đấu tranh chống tham nhũng... Chính nhờ những người như vậy mà xã hội đang ngày một ổn định, bọn xã hội đen ngày một ra toà nhiều hơn, tệ nạn tham nhũng đang dần bị phanh phui...

+ Ở thời nào thì lí tưởng sống cao đẹp: thấy việc nghĩa thì đứng ra làm, không trốn tránh, không tính toán cũng được đề cao. Những người sống theo lí tưởng đó luôn luôn được mọi người quý trọng, biết ơn.

Kết bài:

- Tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu trong câu thơ thể hiện truyền thống anh hùng của dân tộc.

- Đến nay tư tưởng ấy vẫn có tác dụng động viên mọi người làm việc nghĩa.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Đề 58: Suy nghĩ của em về tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em; về sự quan tâm của cộng đồng quốc tế, chính phủ Việt Nam và chính quyền địa phương các cấp đối với trẻ em hiện nay.

TÌM HIỂU ĐỀ

- Kiểu bài: Nghị luận

- Yêu cầu: Em có thể dựa vào văn bản *Tuyên bố thế giới...* trong Ngữ văn 9 và những hiểu biết của em về vấn đề này để làm bài. Đề bài cho phép và khuyến khích suy nghĩ của riêng em. Tuy nhiên, em nên làm rõ được một số ý cơ bản sau.

DÀN Ý

A. Mở bài

- Bảo vệ, chăm sóc trẻ em là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của mỗi quốc gia, dân tộc, bởi "Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai" (UNESCO).

B. Thân bài

1. Tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

a) Tương lai của mỗi dân tộc và của toàn nhân loại phụ thuộc vào sự chăm sóc, giáo dục thế hệ trẻ; phụ thuộc vào sức khỏe, trí tuệ, năng lực... của thế hệ trẻ. Trong "Thư gửi học sinh nhân ngày khai trường", Bác Hồ viết: "Non

sông Việt Nam có trở nên về vang hay không, dân tộc Việt Nam có được về vang sánh vai các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu". Trẻ em là người sẽ quyết định tương lai, vị thế của mỗi dân tộc trên trường quốc tế.

b) Qua vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em, chúng ta có thể nhận ra được trình độ văn minh và phần nào bản chất của một xã hội.

2. Sự quan tâm của cộng đồng quốc tế, chính phủ Việt Nam, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội đối với trẻ em hiện nay.

a) Vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em đang được cộng đồng quốc tế quan tâm thích đáng:

- Năm 1989, *Công ước Liên Hiệp Quốc về quyền trẻ em* ra đời đã ghi nhận các quyền cơ bản của trẻ em như các nhóm quyền sống còn, nhóm quyền bảo vệ, nhóm quyền phát triển và nhóm quyền tham gia. Công ước này thể hiện sự tôn trọng và quan tâm của cộng đồng quốc tế đối với trẻ em, là điều kiện cần thiết để trẻ em được phát triển đầy đủ trong bầu không khí hạnh phúc, yêu thương và thông cảm.

- Năm 1990, *Tuyên bố thế giới...* đã đề ra những nhiệm vụ cụ thể và toàn diện nhằm bảo vệ và chăm sóc trẻ em cùng với một bản kế hoạch hành động khá chi tiết trên từng mặt cơ bản. Tuyên bố này một lần nữa thể hiện sự quan tâm thích đáng của cộng đồng quốc tế đối với các quyền lợi và tương lai của trẻ em.

b) Vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em được chính phủ Việt Nam đặc biệt quan tâm. Việt Nam là nước thứ hai trên thế giới kí và phê chuẩn *Công ước của Liên Hiệp Quốc về quyền trẻ em*. Sau Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em năm 1990, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã quyết định *Chương trình hành động vì sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em Việt Nam từ năm 1991 đến 2000*, đặt thành một bộ phận của chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

c) Trên cơ sở đường lối, chiến lược phát triển đó, chính quyền địa phương các cấp đã vạch kế hoạch, hành động cụ thể nhằm đảm bảo các quyền lợi của trẻ em như các chính sách hỗ trợ kinh tế đối với trẻ em nghèo để các em có thể đến trường, quan tâm xây dựng cơ sở vật chất, trường học, thiết bị dạy học... để nâng cao chất lượng giáo dục, kêu gọi các tổ chức xã hội và nhân dân đóng góp xây dựng trường lớp, giúp đỡ trẻ em khuyết tật, đóng góp quỹ vì người nghèo, vì trẻ em bị nhiễm chất độc màu da cam, khuyến khích mở các lớp học tình thương, các trung tâm bảo trợ trẻ em mồ côi, tàn tật, lang thang không nơi nương tựa...

3. Suy nghĩ của em về sự quan tâm của cộng đồng quốc tế, các chính quyền địa phương đối với vấn đề quyền lợi của trẻ em:

(Gợi ý: Em có vui và hoan nghênh những nỗ lực cố gắng của cộng đồng quốc tế, chính phủ Việt Nam... về vấn đề này hay không? Vì sao? Ý kiến đề xuất của em, nếu có, để chính phủ, chính quyền địa phương nơi em sinh sống thực thi tốt hơn việc bảo đảm quyền lợi cho trẻ em?)

C. Kết bài

- Vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em đã được cộng đồng quốc tế nói chung, chính phủ Việt Nam, các cấp chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội Việt Nam nói riêng ý thức đầy đủ và có kế hoạch hành động cụ thể, thiết thực.

- Để xứng đáng với sự quan tâm, chăm sóc ấy, mỗi học sinh chúng ta cần phải không ngừng nỗ lực vươn lên trong học tập và rèn luyện để có thể gánh vác trọng trách là người chủ tương lai của nước nhà sau này.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

PHẦN III - GIỚI THIỆU MỘT SỐ ĐỀ THI

Đề 1

Tổ Hữu viết: *Ôi! Tổ quốc giang sơn hùng vĩ.*

Nguyễn Đình Thi viết: *Việt Nam đất nước ta ơi!*

- Trong hai câu thơ trên từ *Tổ quốc*, *đất nước*, *giang sơn* có phải là những từ đồng nghĩa không?
- Bình giá cách dùng hai từ *Tổ quốc*, *đất nước* của hai nhà thơ trong mỗi câu.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

- Tổ quốc*, *đất nước* là từ đồng nghĩa. Từ *giang sơn* không đồng nghĩa với *tổ quốc*.
- Bình giá: - Cách nói của Tổ Hữu trang trọng, hùng hồn nên dùng từ Hán - Việt.

- Cách nói của Nguyễn Đình Thi thể hiện tình cảm yêu thương đắm thắm nên dùng từ thuần Việt.

Cả hai nhà thơ đều chọn lọc từ ngữ chính xác để thể hiện đúng tình cảm, dụng ý diễn đạt của mỗi người.

Đề 2

Phân tích bốn câu thơ đầu của bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* (Huy Cận, Ngữ văn 9, Tập 1)

*Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,
Câu hát căng buồm với gió khơi.*

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

- Đảm bảo là một văn bản - bài văn. Không sai các lỗi về diễn đạt.
- Giới thiệu được tác giả và xuất xứ đoạn trích.
- Nêu và phân tích được các ý sau:
 - Toàn khổ thơ giới thiệu cảnh ra khơi.
 - Thiên nhiên được miêu tả bằng biện pháp nhân hoá. Vũ trụ nghỉ ngơi, thư giãn.
 - Con người lại bắt đầu lao động với khí thế tràn đầy, thể hiện qua hình ảnh ở câu thơ thứ 4. Câu thơ được viết theo lối khoa trương nhưng rất phù hợp nên có sức nâng hình ảnh con người và không khí lao động lên một tầm cao mới vừa hài hoà vừa đầy khí phách trước thiên nhiên.

Đề 3

- a) Chỉ ra hiện tượng đối trật tự cú pháp trong khổ thơ sau:

*Nhà ai mới nhĩ, tường-vôi mới
Thơm phức mùi tôm nặng mấy nồng
Ngồn ngộn sân phơi khoai dất nắng
Giếng vườn ai vậy, nước khơi trong.*

(Tổ Hữu)

b) Phân tích ngắn gọn giá trị biểu đạt của biện pháp đối trật tự cú pháp này.

2. Phân tích mấy câu thơ sau:

*Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.*

(*Đồng chí* - Chính Hữu)

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. a) Chỉ đúng hiện tượng đối trật tự cú pháp trong khổ thơ đã cho: (*Thơm phức mùi tôm; nặng máy nông; ngồn ngộn sân phơi*)

b) Nêu được giá trị biểu đạt của sự đối trật tự cú pháp ở khổ thơ: (do đối trật tự so với trật tự thông thường nên *thơm phức, nặng, ngồn ngộn* - những biểu hiện của sự trù phú, đủ đầy, hạnh phúc ấm no - cuộc sống mới của một vùng quê biển được thể hiện nổi bật hẳn lên).

2. - Đảm bảo là một văn bản - bài văn, trình bày, diễn đạt rõ ràng, trong sáng; không mắc các lỗi cơ bản về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- Giới thiệu, phân tích, đánh giá chung bài thơ: *Đồng chí* là một thành công của văn học trong kháng chiến chống Pháp, dựng lại chân thực hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ. Những người nông dân nghèo từ những miền quê nghèo khác nhau cùng chung mục đích đánh giặc, chiến đấu gian khổ nên gắn kết thân thiết, bền chặt bên nhau bằng tình đồng chí.

- Giới thiệu và tập trung phân tích chỉ ra được ý nghĩa và vẻ đẹp của hình ảnh thơ trong khổ thơ đã cho - khổ cuối cùng của bài thơ: Vẻ đẹp hoành tráng, lãng mạn; các hình ảnh tập trung cô đọng, có sức khái quát mang tính ẩn dụ; tạo được không gian, đường nét, nhịp điệu, nhất là hình ảnh cuối cùng thể hiện trong ba dòng thơ ngắn gọn khiến bài thơ thoát khỏi tính kể - tính thông tấn; từ hiện thực chi tiết cụ thể khắc họa nên bức tượng đài người lính.

Đề 4

1. Trả lời các câu hỏi sau đây:

- Hoàn cảnh sáng tác bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu?

- Bài thơ miêu tả hai nhân vật "anh" và "tôi" nhưng thực chất chỉ có một hình ảnh duy nhất. Đó là hình ảnh nào? Hình ảnh ấy được thể hiện trong những hoàn cảnh cụ thể nào? Nêu dẫn chứng cụ thể?

- Theo chính tác giả phát biểu "Câu thơ hai chữ "*Đồng chí*" này như một lời thốt thiêng liêng tận đáy lòng" (Tác giả nói về tác phẩm - NXB Trẻ - 2000); theo em, sự phát triển của tình đồng chí được tác giả thể hiện như thế nào qua bài thơ?

2. Từ các nội dung trên hãy viết thành bài văn.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. - Bài thơ được viết vào đầu năm 1948, tại chiến khu Việt Bắc, khi quân và dân ta đánh bại cuộc tấn công quy mô của giặc Pháp lên chiến khu Việt Bắc.

- Bài thơ miêu tả hai nhân vật “anh” và “tôi”, nhưng thực chất chỉ có một hình ảnh duy nhất đó là: Người lính “anh bộ đội Cụ Hồ” được thể hiện trong các hoàn cảnh cụ thể: Nông dân nghèo, đời sống chiến đấu hết sức khắc nghiệt, thiếu thốn; chung một chiến hào đánh giặc.

- Dẫn chứng cụ thể: *Quê hương anh..., Làng tôi..., Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh..., Áo anh rách vai; Quần tôi có vài mảnh vá..., Thương nhau tay nắm lấy bàn tay..., Đêm nay rừng hoang sương muối; Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới....*

- Sự phát triển của tình đồng chí được tác giả thể hiện từ đôi người xa lạ thành tri kỷ và cao nhất là *Đồng chí*.

2. Viết thành bài văn theo các nội dung yêu cầu

- Đảm bảo là một văn bản hoàn chỉnh, có bố cục rõ ràng, không mắc những lỗi về câu, chính tả, dùng từ.

- Bài viết cần thể hiện được những ý cơ bản đã trả lời trong phần 1, thể hiện được sự cảm nhận sâu sắc về các chi tiết, hình ảnh thơ.

Đề 5

1. Chỉ ra và phân tích giá trị của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

*“Người về chiếc bóng năm canh
Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi”*

(Nguyễn Du - *Truyện Kiều*)

2. Tên truyện ngắn *Làng* của Kim Lân gợi cho em những suy nghĩ gì?

3. Về tâm trạng “*Một mảnh tình riêng ta với ta*” trong thơ Bà Huyện Thanh Quan.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. - Biện pháp tu từ được sử dụng là biện pháp tương phản:

Tương phản giữa hai câu: Người về - Kẻ đi.

Tương phản trong từng câu: Chiếc bóng - Năm canh

Muôn dặm - Một mình

- Giá trị của biện pháp tương phản: Chia đều thương nhớ, chia đều xa cách, chia đều cô quạnh cho hai con người đáng thương trong cảnh biệt li.

2. - Yêu cầu về kĩ năng: Ngoài phần lưu ý chung, cần hiểu đúng yêu cầu của đề; không đơn thuần là một câu hỏi kiểm tra kiến thức văn học, càng không phải là câu hỏi kiểm tra đơn thuần quan hệ giữa đầu đề và nội dung văn bản. Phải thể hiện những nhận xét, suy nghĩ riêng trên cơ sở những kiến thức đã học về tác giả Kim Lân và tác phẩm *Làng*. Phải trình bày thành một bài viết ngắn.

Yêu cầu về kiến thức: Đảm bảo các ý sau

+ “*Làng*” gợi đến những tác phẩm của Kim Lân. Ông hầu như chỉ viết về đề tài nông thôn và những người nông dân.

+ “*Làng*” gợi lên tình cảm gắn bó của người nông dân với quê hương, xóm làng. Hình ảnh làng Chợ Dầu đã trở thành máu thịt trong con người ông Hai. Với ông, làng là tất cả ý nghĩa cuộc đời mình.

+ “*Làng*” chính là cơ sở, nền tảng tạo nên đất nước. Tình yêu làng của ông Hai là cơ sở của tình yêu đất nước, sự gắn bó với kháng chiến. Qua tình yêu của ông Hai, nhà văn ca ngợi tình yêu làng, yêu nước của người nông dân Việt Nam buổi đầu chống Pháp.

3. - Yêu cầu về kĩ năng: Ngoài phần lưu ý chung, cần quan tâm hơn tới kĩ năng cảm thụ sâu sắc, văn viết có cảm xúc riêng, chân thành.

- Yêu cầu về kiến thức: Trên cơ sở vốn kiến thức về thời đại, tác giả, và các tác phẩm của Bà Huyện Thanh Quan đã học, đọc thêm, bám sát những đặc trưng cơ bản về hình thức nghệ thuật thơ bà, bài viết đảm bảo các ý sau:

+ Thơ Bà Huyện Thanh Quan thể hiện lòng yêu mến cảnh quan thiên nhiên, đất nước.

+ Tâm trạng cô đơn trước thời gian và không gian đa chiều.

+ Thơ Bà Huyện Thanh Quan bộc lộ tâm sự u hoài trước thế sự đổi thay. Đó là tâm sự “*nhớ nước*”, “*thương nhà*” của tấm lòng trung quân, ái quốc bàng bạc, kín đáo ẩn chứa trong một hồn thơ trong sáng, thanh cao.

Đề 6

Viết lời bình cho hai dẫn chứng sau:

a) “*Mai về Miền Nam, thương trào nước mắt
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác,
Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây,
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này*”.
(Trích *Viếng lăng Bác* - Viễn Phương)

b) “*Ta làm con chim hót
Ta làm một cánh hoa
Ta nhập vào hoà ca
Một nốt trầm xao xuyến
Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời*”...

(Trích *Mùa xuân nho nhỏ* của Thanh Hải)

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Trên cơ sở những hiểu biết về hai nhà thơ (Viễn Phương, Thanh Hải) và hoàn cảnh ra đời, chủ đề hai bài thơ, đặt hai đoạn thơ trong hai chỉnh thể, bám sát phân tích những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của hai đoạn thơ (có đối chiếu, so sánh, liên hệ qua lại, đặc biệt là dụng ý khác nhau trong việc sử dụng những biện pháp nghệ thuật tương đồng như lối sử dụng điệp ngữ, hình ảnh ẩn dụ...), bài viết cần bình được những ý cơ bản sau:

+ Những rung động thành kính, thiêng liêng và ước nguyện chân thành, thiết tha được ở bên Bác của Viễn Phương. Nhà thơ muốn làm con chim, đoá hoa, cây tre, những sự vật bình thường nhưng gần gũi, thân thương để được mãi mãi sống trong tình yêu thương của Bác, đồng thời qua đó cũng thể hiện lòng trung kiên của người dân Việt Nam đối với vị cha già kính yêu của dân tộc.

+ Những rung động thiết tha, sâu lắng và ước nguyện giản dị, khiêm nhường nhưng bền bỉ, thành kính và rất đáng trân trọng của Thanh Hải. Nhà thơ muốn được làm con chim hót, làm một cành hoa, một nốt trầm. Đó là “mùa xuân nho nhỏ” đời mình dâng hiến cho cuộc đời, cho đất nước.

+ Mỗi liên hệ giữa hai tâm hồn giản dị mà cao đẹp:

- Đẹp ở khát vọng được dâng hiến tự nguyện và thành kính.

- Đẹp ở sự hoá thân kì diệu vào thiên nhiên vĩnh hằng

- Đẹp trong mối liên hệ sâu sắc đầy ý nghĩa giữa đối tượng mà hai nhà thơ hướng tới: Lành tự - Đất nước - Cuộc đời.

- Cuộc đời sẽ có ý nghĩa hơn khi mỗi người có được những suy nghĩ, tình cảm như các nhà thơ. Những ước nguyện cao đẹp đó góp phần làm cho cuộc đời đẹp hơn, vì thế đó là những dòng thơ mang đến cho con người những rung động tình cảm cao đẹp.

Đề 7

1. Sắp xếp các tác giả sau theo tiến trình phát triển của lịch sử văn học Việt Nam:

- Trần Quốc Tuấn

- Nguyễn Minh Châu

- Nguyễn Khuyến

- Nguyễn Đình Chiểu

- Kim Lân

- Nguyễn Thành Long

- Nguyễn Du

- Nguyễn Trãi

- Thanh Hải

- Nguyễn Bình Khiêm

2. Phân tích bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận để thấy được “Nhà thơ ca ngợi sự hoà hợp giữa tự nhiên và con người làm chủ tự nhiên”.
(Bé Kiên Quốc – Báo văn nghệ số 37-1971)

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Sắp xếp theo trình tự sau:

1. Trần Quốc Tuấn

2. Nguyễn Trãi

3. Nguyễn Bình Khiêm

4. Nguyễn Du

5. Nguyễn Đình Chiểu

6. Nguyễn Khuyến

7. Kim Lân

8. Nguyễn Thành Long

9. Thanh Hải

10. Nguyễn Minh Châu

1. Yêu cầu kĩ năng:

Đảm bảo các yêu cầu về văn bản và kĩ năng phân tích tác phẩm thơ, bố cục bài viết hợp lí, diễn đạt tốt, chữ viết rõ ràng, trình bày sạch sẽ, không mắc các lỗi về chính tả, ngữ pháp.

2. Yêu cầu về kiến thức:

Trên cơ sở những hiểu biết về nhà thơ Huy Cận và hoàn cảnh ra đời bài thơ, bám sát phân tích những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ, bài viết cần làm nổi bật được những ý cơ bản sau:

+ Nhà thơ ca về đẹp của tự nhiên:

Tác giả dựng lên bức tranh thiên nhiên hùng vĩ, hoành tráng với cảnh hoàng hôn, cảnh bình minh và đặc biệt là cảnh đêm trên biển lấp lánh ánh sáng như một bức tranh sơn mài lộng lẫy.

+ *Nhà thơ ca ngợi vẻ đẹp của con người làm chủ thiên nhiên:*

Con người khoẻ khoắn, hùng dũng chạy đua với thời gian, làm chủ biển khơi, yêu thiên nhiên, yêu biển cả, yêu lao động và yêu cuộc sống mới. Cả bài thơ là một khúc ca của những con người lao động mới tràn đầy niềm tin yêu và tinh thần lạc quan phơi phới.

+ *Nhà thơ ca ngợi vẻ đẹp hoà hợp giữa thiên nhiên và con người làm chủ tự nhiên.*

Tự nhiên được kéo gần lại với con người, làm bạn với con người; Con người được nâng lên ngang tầm với tự nhiên, mang vẻ đẹp của tầm vóc vũ trụ. Có được sự hoà hợp ấy là bắt nguồn từ cảm hứng lãng mạn mới do cuộc sống mới đưa lại. Nhà thơ say sưa ca ngợi sự hoà hợp tuyệt vời ấy với tình cảm chân thành của một con người vừa trải qua cuộc hồi sinh.

Đề 8

1. Hãy phân tích giá trị biểu đạt của ngôn từ trong đoạn thơ dưới đây:

“Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã
Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang
Cánh buồm trương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió”

(*Quê hương* - Tế Hanh)

2. Phân tích *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật (*Ngữ văn 9*, tập 1, NXB Giáo dục - 2005) để thấy được tư thế, tình cảm và hành động cách mạng của những người chiến sĩ lái xe trên đường Trường Sơn trong những năm chống Mĩ cứu nước.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. - Viết thành văn bản trình bày rõ ràng, chính xác nội dung.
 - Thấy được giá trị biểu đạt của ngôn từ trong đoạn thơ.
 + Hình ảnh so sánh, nhân hoá (chiếc thuyền / tuấn mã...; cánh buồm / mảnh hồn làng), phù hợp, có sức gợi hình, gợi cảm...
 + Hệ thống từ ngữ tạo thành trường nghĩa làm rõ hình ảnh trung tâm *chiếc thuyền* dũng mãnh, đầy sức sống... (hăng, phăng, vượt, rướn...)
2. - Đảm bảo là một văn bản, không mắc các lỗi chính tả và ngữ pháp.
 - Thuộc bài thơ, tỏ ra có năng lực, kĩ năng phân tích thơ.
 - Chỉ ra được tư thế của người chiến sĩ (hiên ngang, ung dung lạc quan, sẵn sàng bất chấp mọi khó khăn nguy hiểm, dù cho cuộc chiến ngày càng ác liệt...)
 - Thấy được tình cảm của người chiến sĩ (Nhiệt tình, phóng khoáng, sôi nổi của tuổi trẻ, thể hiện quyết tâm tất cả vì miền Nam phía trước...)
 - Thấy được hành động của người chiến sĩ (Vẻ đẹp của tuổi trẻ chống Mĩ cứu nước với lòng yêu nước, quyết tâm, lạc quan cách mạng, đầy niềm tin, hành động dũng cảm, kiên cường, mục đích cao cả, lí tưởng cao đẹp: giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.)

Đề 9

1. Có ý kiến cho rằng: Khi sáng tạo hình tượng ông Hai (*Làng* - 1948), Kim Lân đã tạo nên một chất lượng mới trong việc thể hiện người nông dân Việt Nam.

- Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao?

2. Bình luận ngắn gọn về *Vẻ đẹp của con người mới Việt Nam* được thể hiện qua hai tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long và *Mùa xuân nho nhỏ* của Thanh Hải.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. Trả lời: “đồng ý” với ý kiến nhận xét.

Lí giải đúng và trúng; trình bày rõ ràng mạch lạc: (Từ tâm lí yêu làng quê truyền thống của người nông dân Việt Nam, khi Cách mạng vừa thành công, cả dân tộc bước ngay vào cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập dân tộc, Kim Lân phát hiện ra sự chuyển biến và phát triển mới trong tâm lí của họ. Tình yêu làng quê bây giờ gắn với tình yêu nước, sự nghiệp và thành quả của Cách mạng và Kháng chiến. Đây là điều các nhà văn trước Cách mạng và ngay cả hồi đầu kháng chiến chưa nhìn ra. Do vậy khi xây dựng thành công nhân vật ông Hai trong truyện ngắn *Làng*, Kim Lân trở thành người đem lại cho hình tượng người nông dân trong văn học hiện đại nước ta một chất lượng mới.

2. - Nêu được vẻ đẹp của Con người mới Việt Nam thể hiện qua hai tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa* và *Mùa xuân nho nhỏ*: (Vẻ đẹp của những con người bình thường, thầm lặng đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Những con người “nhập vào hoà ca, một nốt trầm xao xuyến; Một mùa xuân nho nhỏ, lặng lẽ dâng cho đời như anh thanh niên cán bộ quan trắc khí tượng trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m...).

- Bình luận được vẻ đẹp của những con người mới này: (So với những con người có những đóng góp lớn lao, công trạng anh hùng, nổi danh lừng lẫy, những con người được Nguyễn Thành Long, Thanh Hải thể hiện qua hai tác phẩm có vẻ đẹp, vẻ hấp dẫn riêng. Đó là vẻ đẹp khiêm nhường ẩn giấu, là chất thơ - nốt trầm ở cuộc đời mạnh mẽ, đầy biến động này. Những con người như thế đáng yêu, đáng quý, đáng trân trọng biết bao!).

Đề 10

Trình bày những hiểu biết của em về nhà văn Nguyễn Minh Châu.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. Nguyễn Minh Châu (1930- 1989) quê ở Nghệ An. Là nhà văn quân đội. Trong chống Mĩ cứu nước ông có những tiểu thuyết rất được chú ý: *Cửa sông* (1967), *Dấu chân người lính* (1972). Sau 1975, Nguyễn Minh Châu tiếp tục viết về chiến tranh và bước chuyển của đất nước trong một thời kì mới.

2. Các tập truyện ngắn *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* - 1983 (Truyện ngắn *Bức tranh* được rút ra từ tập truyện ngắn này), *Bến quê*

(1985) và *Cỏ lau* (1989) đã thể hiện những tìm tòi đổi mới về tư tưởng và nghệ thuật của nhà văn, được coi là thành tựu quan trọng góp phần mở ra công cuộc đổi mới từ những năm 1980 lại đây.

Đề 11

1. Chỉ ra và phân tích biện pháp tu từ được dùng trong đoạn trích sau:

*Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai!*

(Theo bản dịch *Chinh phụ ngâm khúc*)

2. Viết bài giới thiệu về hai nhà thơ nữ nổi tiếng Hồ Xuân Hương và Bà Huyện Thanh Quan.

3. Hình ảnh người chiến sĩ cộng sản qua hai bài thơ *Khi con tu hú* của Tố Hữu và *Ngắm trăng* của Hồ Chí Minh.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. - Chỉ ra được biện pháp tu từ điệp ngữ: thấy - thấy; ngàn dâu - ngàn dâu
- Phân tích được giá trị biểu đạt của điệp ngữ trong đoạn trích: (Nhấn mạnh, gây ấn tượng - gợi cảm xúc về trùng điệp - kéo dài - mệnh mông)

2. - Giới thiệu chính xác những nét cơ bản về hai nhà thơ nữ Hồ Xuân Hương và Bà Huyện Thanh Quan.

- Nêu được sự khác nhau giữa hai nhà thơ này; vị trí của hai bà trong lịch sử văn học nước ta

3. Tổ ra có năng lực tổng hợp, đưa dẫn chứng và phân tích dẫn chứng.

Nội dung nêu được các ý cơ bản sau:

+ Cả hai bài thơ đều làm trong lao tù để quốc của hai người chiến sĩ cộng sản ở hai thế hệ khác nhau và đều thể hiện được cuộc vượt ngục về tinh thần dù mức độ biểu hiện có khác nhau.

+ Phân tích và chứng minh bài thơ *Khi con tu hú* là tâm trạng, hình ảnh người chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi, mang trong mình bầu máu nóng thanh xuân, say mê lí tưởng, sôi nổi, nhiệt tình... nhưng cũng đầy bông bột; chưa dày dặn kinh nghiệm trong tù đầy, đấu tranh cách mạng.

+ Phân tích và chứng minh bài thơ *Ngắm trăng* là tâm trạng, hình ảnh bậc cách mạng tiền bối, có bản lĩnh vững vàng; tâm hồn, tình cảm phong phú; phong độ của bậc hiền nhân...

Đề 12**Qua Đèo Ngang**

Bước tới đèo Ngang bóng xế tà,
 Cỏ cây chen lá đá chen hoa.
 Lom khom dưới núi tiêu vài chú,
 Lác đác bên sông chợ mấy nhà.
 Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
 Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.
 Dừng chân đứng lại trời non nước,
 Một mảnh tình riêng ta với ta.

Chiều hôm nhớ nhà

Trời chiều bằng lãng bóng hoàng hôn,
 Tiếng ốc xa đưa vắng trống đồn.
 Gác mái ngư ông về viễn phố,
 Gõ sừng mục tử lại cô thôn.
 Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,
 Dặm liễu sương sa khách bước dồn.
 Kẻ chốn Chương Đài người lữ thứ,
 Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn.

Phân tích so sánh hai bài thơ trên để thấy nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong thơ Bà huyện Thanh Quan.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

- Đảm bảo là một văn bản bài văn. Trình bày, diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, có sức truyền cảm; Không mắc lỗi về chính tả, ngữ pháp, dùng từ.
- Tổ ra biết cách phân tích, đối chiếu.
- Chỉ ra được những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của hai bài thơ làm sáng tỏ được những nét này qua phân tích. Gồm những ý cơ bản sau:
 - + Cả hai bài thơ đều miêu tả cảnh thiên nhiên, qua đó bộc lộ tâm trạng cô đơn.
 - + Hai bài thơ đều mở đầu bằng chiều tà bóng xế - thời gian gợi buồn với kẻ xa nhà.
 - + Không gian rộng, xa vắng. Âm thanh gợi sự khắc khoải, nhớ thương.
 - + Có sự hoạt động của con người nhưng đều có khoảng cách khá xa vắng lẽ càng làm tăng sự vắng vẻ, cô đơn.
 - + Nữ sĩ ở trạng thái một mình, lẻ loi nơi xa xôi vắng lặng không có sự chia sẻ. Nỗi cô đơn của một người phụ nữ như được tạc vào không gian, thời gian ôm ấp một nỗi lòng riêng khắc khoải khiến người đọc dễ nao lòng.
 - + Lời thơ nhuần nhị, dễ hiểu, có điển tích, từ Hán – Việt nhưng chỉ làm tăng vẻ trang trọng, đài các.
 - + Đây là nét riêng độc đáo không thể lẫn được của thơ Bà huyện Thanh Quan.

ĐỀ 13

1. Hãy chỉ ra thái độ, tình cảm của Nguyễn Du khi miêu tả Từ Hải trong *Truyện Kiều*.

Râu hùm, hàm én, mày ngài

Vai năm thước rộng, thân mười thước cao.

2. Bản dịch thơ *Vọng nguyệt* (Nhật kí trong tù - Hồ Chí Minh) có hai câu:

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

Nguyên tác (phiên âm) của hai câu thơ này như sau:

Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt

Nguyệt tòng song khích khán thi ca.

Khán nghĩa là xem được dịch là *ngắm* (ở hai câu). Tòng nghĩa là theo (Trăng theo khe cửa – Nguyệt tòng song khích) được dịch là *nhòm*. Có người không bằng lòng với hai chữ này của bản dịch (*ngắm; nhòm*) vì như vậy sẽ làm mất cái thần của hai câu thơ.

Theo em, cái thần của hai câu thơ trên là ở chỗ nào?

3. Cảm nhận của em về vẻ đẹp của thi phẩm *Đoàn thuyền đánh cá*.

(Ngữ văn 9, tập 1 - Nhà xuất bản Giáo dục – 2005)

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. - Có ngữ cảnh phù hợp để trình bày vấn đề. Đảm bảo là một văn bản, không phạm các lỗi cơ bản.

- Nguyễn Du đã khắc hoạ chân dung nhân vật Từ Hải bằng những nét khoẻ mạnh, cao lớn, đường bệ,凛冽 khác người để nói lên vẻ anh hùng, vẻ khác thường, vẻ hơn đời, hơn người của Từ Hải. Cách phác hoạ từ dưới lên trên, đó là cái “*nhìn lên*” đối với các đẳng bậc. Từ đó chỉ ra thái độ và tình cảm của Nguyễn Du khi miêu tả Từ Hải: Yêu mến, trân trọng, ngưỡng vọng và ca ngợi.

2. - Đảm bảo một văn bản, không phạm các lỗi cơ bản, tạo được ngữ cảnh phù hợp để trình bày vấn đề mà đề yêu cầu.

- Phân tích các từ *ngắm; nhòm* (bản dịch) để thấy, vượt qua hoàn cảnh lao tù, Người và Trăng đã đến với nhau như một đôi bạn tri kỉ. Phân tích các từ *khán; tòng* (theo nghĩa của nguyên tác) để thấy, cái thần của câu thơ chính là ở chỗ đã thể hiện không khí lặng lẽ; sự lặng lẽ, suy tư của một bậc hiền triết.

3. - Đảm bảo các yêu cầu của một văn bản, các yêu cầu về diễn đạt.

- Tổ ra có năng lực cảm thụ, phân tích bài thơ để đáp ứng yêu cầu của đề.

- Vẻ đẹp của bức tranh lao động mới.

- Vẻ đẹp của người lao động mới.

- Cảm hứng mới về thiên nhiên, đất nước. Cách nhìn mới về công cuộc lao động và con người lao động của Huy Cận.

- Nhiều hình ảnh thơ kì thú sáng tạo (vẻ đẹp nghệ thuật).

Đề 14

1. Em hãy phân tích giá trị biểu đạt của các từ: già; xưa; cũ trong những câu thơ sau:

- Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
- Năm nay đào lại nở
Không thấy ông già xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?

(Trích Ông đồ – Vũ Đình Liên)

2. - Nêu những đặc điểm riêng và chung căn bản của hai tác phẩm *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn) và *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi).

- Nếu liên hệ giữa hai tác phẩm này với hai tác phẩm chính luận của thời hiện đại về mặt nội dung tư tưởng em sẽ nghĩ đến hai tác phẩm nào? Vì sao?

3. “Bài thơ *Đồng chí* là một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất viết về người lính của văn học thời kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954)”.

(Ngữ văn 9, tập 1, Nhà xuất bản Giáo dục – 2005)

Hãy làm sáng tỏ nhận định trên

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. - Đảm bảo là một văn bản, không phạm các lỗi cơ bản về diễn đạt. Tạo được ngữ cảnh phù hợp để trình bày vấn đề mà đề yêu cầu.

- Hiểu nghĩa các từ “già”, “xưa”, “cũ” trong các câu thơ. Phân tích chỉ ra được các giá trị biểu đạt cơ bản của chúng.

“Già”, “xưa”, “cũ” trong các câu thơ đã cho cùng một trường nghĩa, cùng chỉ một đối tượng - Ông Đồ - Cái di tích tàn tạ của một thời. Già - cao tuổi; vẫn sống - đang tồn tại. Xưa - đã khuất; thời quá khứ, trái nghĩa với nay. Cũ (muôn năm) - gần nghĩa với xưa trong những nét nghĩa đã nêu; thêm nét nghĩa: đối lập với hiện đại - mới. Chính qua những từ này, khiến người đọc cảm nhận được sự vô thường, biến cải, nổi bật khuâng ngậm-ngùi đầy thương cảm đối với kiếp người, một thân thế - Ông Đồ.

Không gian (ở các câu thơ) như ngưng đọng (mùa xuân - hoa đào) bất biến. Thời gian và con người một thời trôi chảy, biến đổi. Cái còn, có hôm qua đã là cái mất, không tồn tại, đã là dĩ vãng là xưa cũ hôm nay. Đây là một con người – nhân vật đã từng trung tâm của một thời đại, bây giờ vừa đầy mà đã mất đi; đã thành dĩ vãng.

(Học sinh không cần diễn đạt như trên nhưng trong nội dung trình bày nêu được ý tưởng này)

2. a) Nêu được đặc điểm chung riêng cơ bản của *Hịch tướng sĩ* và *Bình Ngô đại cáo* qua hai đoạn trích của sách giáo khoa.

+ Chung: Thể hiện chủ nghĩa yêu nước trong thời kì đất nước chống giặc ngoại xâm.

+ Riêng: - Hoàn cảnh ra đời (xuất xứ).

- Thể loại: Hịch và Cáo.

- Mục đích: Một là lời kêu gọi, một là bản tổng kết chống giặc ngoại xâm.

b) Liên hệ chính xác và lí giải đúng.

+ Liên hệ: - *Hịch tướng sĩ – Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.*

(Hồ Chí Minh)

- *Bình Ngô đại cáo – Tuyên ngôn độc lập* (Hồ Chí Minh)

+ Lí giải: Sự tương đồng về nội dung tư tưởng: Thể hiện chủ nghĩa yêu nước, sự gắn gũi về thể loại và mục đích.

3. - Đảm bảo các yêu cầu về văn bản, về diễn đạt.

- Tổ ra có kĩ năng phân tích bài thơ để làm sáng tỏ vấn đề.

- Đặt được bài thơ trong bối cảnh văn học (thơ) để so sánh, khẳng định như nhận xét của sách giáo khoa.

- Nêu được những đặc sắc của tác phẩm khiến nó trở thành “tiêu biểu nhất” (Lời thơ tâm tình, hình ảnh thơ mới, thể hiện được hình ảnh đặc trưng của người lính trong thời kì này).

Đề 15

1. Hãy phân tích giá trị của biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ sau:

*Cơm ngày hai bữa dọn bên hè
Mâm gỗ, môi dừa, đĩa mộc tre
Gạo đỏ, cà thâm, vùng giã mặn
Chè xanh hãm đặc nước vàng hoe.*

(*Bữa cơm quê* - Đoàn Văn Cừ)

2. Em hãy viết bài giới thiệu tác giả Nguyễn Du trên những nét cơ bản sau đây:

- Thân thế gia đình.

- Hoàn cảnh xã hội lịch sử thời kì thi hào sống và sáng tác văn học.

- Các sự kiện chính trong cuộc đời tác giả.

- Các chặng đường sáng tác, những tác phẩm tiêu biểu.

3. Em hãy viết một bài văn với nhan đề: *Con người Việt Nam qua một số tác phẩm Văn học hiện đại được học trong chương trình trung học cơ sở.*

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. - Chỉ ra được phép tu từ liệt kê được sử dụng đặc địa trong đoạn thơ.

- Phân tích được giá trị biểu đạt nghệ thuật của biện pháp này: (Dùng phép liệt kê, tác giả xếp đặt liên tiếp các đồ dùng; món ăn trong các bữa cơm của các gia đình nông thôn Việt Nam. Chính vì thế, tự các câu thơ đã thể hiện được nếp sống bình dị, mộc mạc tự ngàn đời nay của người dân quê; liên tưởng, suy ngẫm về hoàn cảnh sống đạm bạc, ẩm cúng của người lao động vất vả cùng sự chắt chiu, chịu thương, chịu khó của họ để cảm thông, trân trọng...).

- Trình bày rõ ràng, mạch lạc, có sức truyền cảm.

2. - Viết thành bài văn; trình bày rõ ràng, mạch lạc.

- Thực hiện được 4 nội dung mà đề yêu cầu giới thiệu về Nguyễn Du (Giới thiệu chính xác, ngắn gọn theo SGK Văn học 9).

3. - Đảm bảo một văn bản - bài văn; trình bày rõ ràng, mạch lạc; diễn đạt trong sáng, giản dị, không mắc các lỗi cơ bản về ngữ pháp, chính tả, dùng từ.

- Có khả năng đưa dẫn chứng, phân tích dẫn chứng.

- Đảm bảo chính xác về mặt kiến thức; nêu được các nội dung về con người Việt Nam được thể hiện qua các tác phẩm văn học:

+ Khẳng định chung, văn học đã thể hiện, phản ánh được con người Việt Nam trong chiến đấu, trong lao động và trong cả đời sống tình cảm.

+ Làm rõ con người Việt Nam trong chiến đấu qua hai cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc qua phân tích các tác phẩm (yêu nước; chiến đấu có lí tưởng; tinh nghĩa đồng chí, đồng đội thuỷ chung; khí phách hiên ngang...).

+ Làm rõ con người Việt Nam trong lao động.

+ Làm rõ con người Việt Nam trong đời sống tình cảm với vẻ đẹp của riêng chung hài hoà.

+ Làm rõ được sự thành công trong việc khắc hoạ, thể hiện hình ảnh con người Việt Nam của văn học hiện đại từ sau Cách mạng (Hình ảnh chân thực; cao đẹp. Một sự thể hiện đa chiều: tầm lí tưởng, anh hùng; chiều sâu, vẻ lung linh của những tình cảm, khát vọng sống đẹp, sự vượt lên, cuộc vật lộn với chính mình; có bút pháp lãng mạn, mang tố chất của khúc sử thi - anh hùng ca kiểu mới nhưng cũng có cả bút pháp hiện thực nghiêm ngặt...).

+ Dẫn chứng lấy từ một số tác phẩm được học trong chương trình thuộc văn học giai đoạn 1945 đến nay: *Lượm*, *Đêm nay Bác không ngủ*, *Đồng chí*, *Đoàn thuyền đánh cá*, *Bếp lửa*, *Cảnh khuya*, *Rằm tháng giêng*, *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*, *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*, *Ánh trăng*,... (thơ); *Làng*, *Lặng lẽ Sa Pa*, *Chiếc lược ngà*, *Những ngôi sao xa xôi* (truyện). Có dẫn chứng phân tích kĩ, có dẫn chứng phân tích lướt. Dừng lại ở hình ảnh cao đẹp nhất: Bác Hồ.



MỤC LỤC

Phần I: Các đề trắc nghiệm				5
Đề 1	5	Đề 28	74	
Đề 2	8	Đề 29	77	
Đề 3	12	Đề 30	80	
Đề 4	15	Đề 31	83	
Đề 5	20	Đề 32	87	
Đề 6	21	Đề 33	91	
Đề 7	24	Đề 34	96	
Đề 8	27	Đề 35	101	
Đề 9	31	Đề 36	103	
Đề 10	32	Đề 37	105	
Đề 11	36	Đề 38	107	
Đề 12	39	Đề 39	110	
Đề 13	41	Đề 40	116	
Đề 14	43	Đề 41	121	
Đề 15	45	Đề 42	122	
Đề 16	49	Đề 43	124	
Đề 17	51	Đề 44	128	
Đề 18	53	Đề 45	130	
Đề 19	54	Đề 46	132	
Đề 20	55	Đề 47	135	
Đề 21	58	Đề 48	140	
Đề 22	61	Đề 49	142	
Đề 23	63	Đề 50	143	
Đề 24	65	Đề 51	145	
Đề 25	66	Đề 52	147	
Đề 26	68	Đề 53	148	
Đề 27	70	Đề 54	151	
Hướng dẫn tự chấm điểm				153
Phần II: Các đề tự luận				
Đề 1: Phát biểu cảm tưởng sau khi học truyện <i>Tôi đi học</i> của Thanh Tịnh.				192
Đề 2: Tình cảm của bé Hồng với mẹ thể hiện trong đoạn trích <i>Trong lòng mẹ</i> (Ngữ văn 8, tập 1).				192
Đề 3: Phân tích nhân vật chị Dậu trong đoạn trích <i>Tức nước vỡ bờ</i> (trích <i>Tắt đèn</i> của Ngô Tất Tố) trong sách giáo khoa <i>Ngữ văn 8</i> , tập 1.				193
Đề 4: Đọc <i>Tắt đèn</i> , nhà nghiên cứu phê bình văn học Vũ Ngọc Phan nhận xét: <i>Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo</i> . Em hiểu ý kiến đó như thế nào?				194
Đề 5: Phân tích nhân vật lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao (<i>Ngữ văn 8</i> , tập 1).				194
Đề 6: Ý nghĩa cái chết dữ dội của lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao.				196

Đề 7: Có ý kiến cho rằng nguyên nhân cái chết của Vũ Nương là do Trương Sinh cả ghen. Lại có ý kiến khẳng định, đó là do chiến tranh phong kiến. Suy nghĩ của em về nguyên nhân cái chết của Vũ Nương khi đọc <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> .	197
Đề 8: Em hãy phân tích hình ảnh người anh hùng dân tộc Quang Trung - Nguyễn Huệ trong văn bản "Hoàng Lê nhất thống chí, Hồi thứ 14".	199
Đề 9: Về đẹp của Thuý Kiều và Thuý Vân qua đoạn trích <i>Chị em Thuý Kiều</i> .	200
Đề 10: Có ý kiến cho rằng <i>Cảnh ngày xuân</i> là một trong những bức tranh thiên nhiên đẹp vào loại bậc nhất trong <i>Truyện Kiều</i> . Em có đồng ý với ý kiến này không? Cảm nghĩ của em sau khi đọc đoạn trích.	203
Đề 11: Những cảm xúc và suy nghĩ của em về Thuý Kiều qua đoạn trích " <i>Kiều ở lầu Ngưng Bích</i> ".	206
Đề 12: Phân tích nghệ thuật tả người của Nguyễn Du trong đoạn trích <i>Mã Giám Sinh mua Kiều</i> .	208
Đề 13: Chuyển thành văn xuôi tự sự có sử dụng yếu tố đối thoại và độc thoại nội tâm đoạn trích <i>Thuý Kiều báo ân báo oán</i> .	209
Đề 14: Phân tích giá trị nghệ thuật của 14 câu thơ lục bát sau đây của Nguyễn Đình Chiểu dưới tiêu đề: <i>Những câu thơ giàu cảm xúc, khoáng đạt, bình dị, dân dã</i> . Ngự rằng: lòng lão chẳng mờ, Dốc lòng nhân nghĩa há chờ trả ơn? Nước trong rửa ruột sạch trơn, Một câu danh lợi chi còn lòng đây. Rày doi mai vịnh vui vầy, Ngày kia hừng gió đêm này chơi trăng. Một mình thông thả làm ăn, Khoẻ quơ chài kéo; mệt quăng câu dầm, Nghêu ngao nay chích mai dầm, Một bầu trời đất vui thăm ai hay. Kinh luân đã sẵn trong tay, Thung dung dưới thế vui say trong trời. Thuyền nan một chiếc ở đời, Tắm mưa trải gió trông vời Hàn Giang.	210
Đề 15: Phân tích tình yêu làng, yêu nước của nhân vật ông Hai trong truyện ngắn " <i>Làng</i> " của Kim Lân.	213
Đề 16: Sách <i>Ngữ văn 9, tập một</i> , đã nhận xét về nghệ thuật truyện ngắn <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> của Nguyễn Thành Long như sau: <i>Truyện đã xây dựng được tình huống hợp lí, cách kể chuyện tự nhiên, có sự kết hợp tự sự, trữ tình với bình luận</i> . Em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.	213
Đề 17: Phân tích nhân vật bé Thu, từ đó nhận xét về nghệ thuật miêu tả tâm lí và xây dựng tính cách nhân vật trong truyện ngắn <i>Chiếc lược ngà</i> của Nguyễn Quang Sáng.	216

Đề 18: Suy nghĩ về hình tượng nhân vật Nhĩ trong truyện <i>Bến quê</i> của Nguyễn Minh Châu (<i>Ngữ văn 9, tập 1</i>).	219
Đề 19: Em hãy phân tích tính biểu tượng của nhan đề truyện <i>Bến quê</i>	220
Đề 20: Hãy phân tích nhân vật Phương Định trong truyện <i>Những ngôi sao xa xôi</i> của Lê Minh Khuê (<i>Ngữ văn 9, tập 2</i>).	222
Đề 21: Chứng minh: Nghệ thuật kể chuyện đan xen giữa hiện thực và mộng tưởng đã góp phần làm nên sức hấp dẫn của truyện <i>Cô bé bán diêm</i> của An-đéc-xen (<i>Ngữ văn 8, tập 1</i>).	224
Đề 22: Giôn-xi trước mộ cụ Bơ-men (nhân vật trong truyện ngắn <i>Chiếc lá cuối cùng</i> của O' Hen-ri (<i>Ngữ văn 8, tập 1</i>).	224
Đề 23: Giới thiệu truyện ngắn <i>Cố Hương</i> của Lỗ Tấn.	225
Đề 24: Niềm vui và nỗi buồn của bé Xi-mông (nhân vật trong truyện <i>Bố của Xi-mông</i> của Guy đơ Mô-pa-xăng - <i>Ngữ văn 9 tập 2</i>).	227
Đề 25: Hãy giới thiệu về nhà thơ Chính Hữu và bài thơ <i>Đồng chí</i>	229
Đề 26: Tình đồng chí - tình người cao đẹp Với tiêu đề trên, hãy viết một bài văn phân tích đoạn thơ sau: <i>Ruộng nương anh gửi bạn thân cày</i> <i>Căn nhà không mặc kệ gió lung lay</i> <i>Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính</i> <i>Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh</i> <i>Sốt run người vùng trán ướt mồ hôi</i> <i>Áo anh rách vai</i> <i>Quần tôi có vài mảnh vá</i> <i>Miệng cười buốt giá</i> <i>Chân không giày</i> <i>Thương nhau tay nắm lấy bàn tay</i> (<i>Đồng chí</i> - Chính Hữu)	230
Đề 27: Viết về hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ trong hai bài thơ <i>Đồng chí</i> của Chính Hữu và <i>Bài thơ tiểu đội xe không kính</i> của Phạm Tiến Duật.	232
Đề 28: Nhận xét về <i>Bài thơ tiểu đội xe không kính</i> (Phạm Tiến Duật), SGK <i>Ngữ văn, tập 1</i> có viết: <i>"Tác giả đã đưa vào bài thơ chất liệu hiện thực sinh động của cuộc sống ở chiến trường, ngôn ngữ và giọng điệu giàu tính khẩu ngữ, tự nhiên"</i> . Em hãy viết một bài văn chứng minh cho nhận xét trên.	234
Đề 29: Từ <i>Đồng chí</i> của Chính Hữu đến <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> của Phạm Tiến Duật.	234
Đề 30: Hãy viết một đoạn văn giới thiệu nhà thơ Huy Cận và đôi nét về bài thơ <i>Đoàn thuyền đánh cá</i>	238
Đề 31: Trời đêm mà tràn đầy ánh sáng - Cảm tưởng khi đọc <i>Đoàn thuyền đánh cá</i> của Huy Cận.	238
Đề 32: Hãy chọn và phân tích một số câu thơ có giá trị nghệ thuật độc đáo trong bài <i>Đoàn thuyền đánh cá</i> của Huy Cận để viết một bài văn có tiêu đề: Những hình ảnh thơ tráng lệ và lãng mạn	240

Đề 33: Từ bếp lửa đến <i>Bếp lửa</i> - Đọc " <i>Bếp lửa</i> " của Bằng Việt.	241
Đề 34: Từ 2 câu thơ: <i>Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi</i> <i>Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng.</i> (Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ, Nguyễn Khoa Điềm) viết một đoạn văn có tiêu đề: Mặt trời của mẹ	245
Đề 35: Phân tích hình ảnh người mẹ trong bài thơ <i>Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ</i> của Nguyễn Khoa Điềm.	246
Đề 36: Bài thơ <i>Ánh trăng</i> của Nguyễn Duy gợi cho em suy nghĩ gì?	248
Đề 37: Phân tích khổ thơ sau đây trong bài <i>Ánh trăng</i> của Nguyễn Duy: <i>Ngửa mặt lên nhìn mặt</i> <i>có cái gì rưng rưng</i> <i>như là đồng là bể</i> <i>như là sông là rừng</i> <i>Trăng cứ tròn vành vạnh</i> <i>kể chi người vô tình</i> <i>ánh trăng im phăng phắc</i> <i>đủ cho ta giật mình.</i> (Ngữ văn 9, tập 1)	250
Đề 38: Từ bài thơ <i>Ánh trăng</i> , em hãy viết về những suy tư của người lính sau chiến tranh.	251
Đề 39: Đọc bài thơ <i>Ánh trăng</i> của Nguyễn Duy, viết một bài văn có tiêu đề: <i>Ánh trăng và bài học sâu sắc</i>	253
Đề 40: Từ hai bài thơ <i>Con cò</i> của Chế Lan Viên, <i>Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ</i> của Nguyễn Khoa Điềm, em hãy viết một bài văn với nhan đề <i>Lời ru với cuộc sống con người</i>	256
Đề 41: Phân tích bài thơ <i>Con cò</i> của Chế Lan Viên.	261
Đề 42: Từ bài thơ <i>Con cò</i> của Chế Lan Viên, và hình ảnh con cò trong ca dao, hình ảnh "thân cò" trong bài <i>Thương vợ</i> của Tú Xương, em hãy viết một bài văn về <i>hình ảnh con cò</i> trong thơ ca Việt Nam.	263
Đề 43: Con người và sắc xuân xứ Huế trong bài thơ <i>Mùa xuân nho nhỏ</i> của Thanh Hải.	270
Đề 44: Em hãy phân tích bài thơ <i>Mùa xuân nho nhỏ</i> của Thanh Hải để làm rõ tình yêu cuộc sống thể hiện trong thi phẩm.	272
Đề 45: Những điều nguyện ước chân thành và tha thiết của nhà thơ Thanh Hải trong <i>Mùa xuân nho nhỏ</i>	275
Đề 46: Dựa vào các hình ảnh, bố cục của bài <i>Sang thu</i> , hãy viết một bài văn ngắn diễn tả cảm nhận của Hữu Thỉnh trước sự biến chuyển của thiên nhiên lúc giao mùa.	276
Đề 47: Phân tích khổ thơ sau: <i>Bỗng nhận ra hương ổi</i> <i>Phả vào trong gió se</i>	

<i>Sương chùng chinh qua ngõ</i> <i>Hình như thu đã về</i> (Hữu Thỉnh - <i>Sang thu</i> - Ngữ văn 9, tập 1)		278
Đề 48:	Đi đường của người tù Hồ Chí Minh	280
Đề 49:	Hãy phân tích bài <i>Ngắm trăng</i>	281
Đề 50:	Phân tích bài thơ <i>Khi con tu hú</i> của Tố Hữu	283
Đề 51:	Nhớ rừng của Thế Lữ nói với em điều gì?	284
Đề 52:	Tục ngữ có câu: <i>Một cây làm chẳng nên non</i> <i>Ba cây chụm lại nên hòn núi cao</i> Hãy lấy dẫn chứng trong lịch sử, trong văn học và trong đời sống hàng ngày để chứng minh.	285
Đề 53:	Trong một buổi sinh hoạt lớp, các bạn sôi nổi thảo luận về người bạn tốt. Em hãy trình bày ý kiến của mình về vấn đề đó.	286
Đề 54:	Em thích môn thể thao nào nhất. Hãy giải thích cho bạn hiểu lí do của sự yêu thích đó.	286
Đề 55:	Bình luận câu tục ngữ “ <i>Uống nước nhớ nguồn</i> ”.	287
Đề 56:	Ý kiến của em về vấn đề mà Tố Hữu gửi gắm trong đoạn thơ sau: <i>“Một ngôi sao chẳng sáng đêm</i> <i>Một thân lúa chín chẳng nên mùa vàng</i> <i>Một người đâu phải nhân gian?</i> <i>Sống chẳng một đốm lửa tàn mà thôi!”</i> (Tiếng ru)	288
Đề 57:	Trong truyện <i>Lục Vân Tiên</i> , Nguyễn Đình Chiểu có viết: <i>“Nhớ câu kiến ngãi bất vi</i> <i>Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”</i> Bình luận câu thơ ấy. Đối chiếu vấn đề đạo lí mà Nguyễn Đình Chiểu nói tới trong câu thơ với thực tế xã hội ta hiện nay, em có suy nghĩ gì?	291
Đề 58:	Suy nghĩ của em về tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em, về sự quan tâm của cộng đồng quốc tế, chính phủ Việt Nam và chính quyền địa phương các cấp đối với trẻ em hiện nay.	292
Phần III: Giới thiệu một số đề thi		295